

MÙA THU RỒI



NGÀY HĂM BA

TẬP 2

ĐỘC LẬP HAY LÀ CHẾT

<https://tieulun.hopto.org>



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**MÙA THU RỒI,
NGÀY HẸM BA**

<https://tieulun.hopto.org>

MÙA THU RỒI, NGÀY HĂM BA

TẬP HAI

PHẦN THỨ BA

ĐỘC LẬP HAY LÀ CHẾT

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LIÊN LỘI - 1996

<https://tieuun.hopto.org>

Hội đồng chỉ đạo biên tập :

Trần Văn Giàu

Nguyễn Hữu Thọ

Nguyễn Văn Hương

Trần Văn Trà

Mai Chí Thọ

Trần Bạch Đằng

Ban Biên tập :

Trần Bạch Đằng (*Chủ biên*)

Trần Văn Trà

Mai Văn Bộ

Trần Hữu Nghiệp

Tô Lâm

Nguyễn Khắc Cần

Châu Quốc Tuấn

Tô Bửu Giám

Nguyễn Văn Tông

Bùi Công Đặng

Nguyễn Trọng Xuất

Nguyễn Thiện Chiến

Đoàn Thanh Hương

VÔ VĂN KIẾT

giới thiệu

LỜI CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Ngày 23-9-1945 - Ngày Nam Bộ kháng chiến - đã đi vào lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam, tố đậm truyền thống kiên cường, bất khuất của một dân tộc thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

Nhằm ôn lại lịch sử hào hùng mở đầu cho cuộc kháng chiến 9 năm của dân tộc, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia xuất bản bộ sách MÙA THU RỐI, NGÀY HẦM BA do Hội đồng Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn. Đây là tập hồi ký - ký sự - chính luận về một giai đoạn lịch sử của Cách mạng Việt Nam từ sau Khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940) đến ngày ký Hiệp định Genève (7-1954) diễn ra ở Nam Bộ. Các tác giả - những nhân chứng lịch sử, những cán bộ lão thành đã trực tiếp tham gia hoặc tận mắt chứng kiến - đã cố gắng tái hiện một bức tranh toàn cảnh chính xác, trung thực về các diễn biến, các sự kiện trong thời kỳ đó.

Bộ sách được chia làm 4 phần chính và phần các nhân vật tiêu biểu, in thành 4 tập.

Tập I gồm Phần I : Trước lúc bình minh và Phần II : Tất cả chính quyền về tay Việt Minh, đã ra mắt bạn đọc vào dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày Nam Bộ kháng chiến. Tập sách đã được đông đảo bạn đọc hoan nghênh và đánh giá cao.

Lần này in tập II gồm phần III : Độc lập hay là chết nói về giai đoạn mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp (23-9-1945) đến Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946).

Phần còn lại : Hào khí Đồng Nai - Bến Nghé - Cửu Long sẽ in ở tập III và tập IV.

Đề tài rất rộng lớn, song khả năng có hạn, mặc dù tập thể Hội đồng chỉ đạo và Ban biên tập hết sức cố gắng song không tránh khỏi thiếu sót, rất mong bạn đọc gần xa, đặc biệt là các vị lão thành cách mạng - những người trong cuộc - đóng góp nhiều ý kiến để chúng tôi bổ sung sửa chữa có dịp tái bản phục vụ bạn đọc được tốt hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

Tháng 2 năm 1996

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHẠM LỆ

1. "Mùa thu rồi, ngày hăm ba" là một tập hồi ký - chính luận mà phần hồi ký đặc tả chiếm tỷ lệ lớn nhất. Các nhân chứng còn sống kể lại điều mà mình mắt thấy tai nghe hoặc đích thân thực hiện, tham dự theo trực thời gian, theo địa bàn và theo từng vấn đề nổi bật ở Nam Bộ từ sau Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 đến Hiệp định Genève 1954 được ký kết. Không thể nào ghi tất cả mọi người mọi việc mọi lúc mọi nơi, nên chúng tôi cố gắng tập trung vào các điển hình mang ý nghĩa hoặc cá nước hoặc khu vực để phục vụ cho chủ đề: Nam Bộ vượt khó khăn, từ trạng thái rời rạc ban đầu cuối cùng rồi cùng xếp hàng chung với cả nước trong cuộc kháng chiến anh hùng. Ngoài tinh thần tự lực sáng tạo, đoàn kết, thống nhất của đồng bào và đảng viên Cộng sản, ngoài thừa hưởng khí thế chung của dân tộc, tập sách giới thiệu trung thực sự lãnh đạo, chỉ đạo và chỉ viện của Trung ương, đặc biệt sự quan tâm chăm sóc của Hồ Chủ tịch - những nhân tố quyết định thắng lợi.

2. Phần chính luận chủ yếu là tổng quan từng giai đoạn và tổng luận của tập sách. Chúng tôi sử dụng các thành tựu nghiên cứu đã xuất bản, các tư liệu của ta và địch, hạn chế tối đa ý kiến phân tích của các người viết. Tất nhiên, chúng tôi chọn lựa những vấn đề có mức khái quát nhất định, một cách điểm tình hình khách quan và giới thiệu bối cảnh giúp người đọc dễ nhận khi đọc các bài ghi nhớ đặc tả.

3. Vì tập sách không phải là quyển luận về Nam Bộ kháng chiến, hệ thống các hồi ký, hoặc một quyển chính sử, cũng không phải một sáng tác văn học - sự hư cấu hoặc toàn bị loại trừ - nên chúng tôi không theo một hệ thống bố cục thông thường thấy ở các sách tương tự. Nếu có

nhưng khoảng trống nào đó là vì chúng tôi chưa tìm đủ tư liệu để cho bức tranh thật hoàn chỉnh, chúng tôi sẽ khắc phục khi tái bản và mong được bạn đọc giúp đỡ.

4. Tập sách chia làm bốn phần chính, không kể các phụ lục: **Phần I: Trước lúc bình minh** - tập trung nói về thời kỳ từ 1940 đến 3-1945. **Phần II: Tất cả chính quyền về tay Việt Minh** - nói về thời kỳ tiền khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa diễn ra từ 3-1945 đến 23-9-1945. **Phần III: Độc lập hay là chết** - nói về thời kỳ đầu Nam Bộ kháng chiến, cho đến Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946). **Phần IV: Hào khí Đồng Nai - Bến Nghé - Cửu Long** - nói về toàn bộ diễn tiến Nam Bộ Kháng chiến sau ngày 19-12-1946 chia theo vùng (khu, đặc khu) và chia theo tuyến (quân sự, chính quyền, vùng tự do, đô thị, văn hóa giáo dục, các giới đồng bào...)

Sự phân chia trên cũng trong nghĩa tương đối bởi có nhiều việc đan xen, chúng tôi cố đạt mức hợp lý có thể đạt được.

5. Sách sẽ in thành 4 tập khoảng trên dưới 500 trang mỗi tập để thuận tiện cho bạn đọc.

6. Với một công trình khoảng 2.000 trang, lực lượng biên tập mỏng, thời gian gấp, thiếu sót là khó tránh. Mong được nghe lời chỉ bảo của đồng đội, bạn đọc.

7. Bộ sách ra đời được là nhờ sự giúp đỡ của Thành ủy và Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Tỉnh ủy và Ủy ban Nhân dân các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Minh Hải, Kiên Giang, báo Công an thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Kiến thức ngày nay, Công ty Du lịch thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Vàng bạc Đá quý thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Sài Gòn - Viễn Đông và của Thủ tướng Võ Văn Kiệt. Xin tỏ lời biết ơn chân thành.

Tháng 9, kỷ niệm 50 năm "Mùa thu rồi, ngày hăm ba"

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC XÃ HỘI TP. HCM

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP

BẢN TIÊN TIỆP

<https://tieu lun.hopto.org>

Vài ghi chú

Về TẬP II trong bộ sách "MÙA THU RỜI, NGÀY HẸM BA".

1. Tập II này giới thiệu Phần thứ ba của bộ sách "Mùa Thu rời, ngày hăm ba", vốn chia làm 4 phần. Phần thứ 4 của bộ sách sẽ được in trong hai tập III và IV.
2. Tựa của Phần thứ ba: "Độc lập hay là chết". Phần này phản ánh giai đoạn căng thẳng nhất của cuộc kháng chiến Nam Bộ từ 23-9-1945 cho đến ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946. Tuy nhiên, vì nhiều tác giả nhắc những kỷ niệm, những sự kiện đôi khi không thể rạch ròi về thời gian, nên có một số bài không nhất thiết diễn ra trong khuôn khổ 15 tháng khởi đầu cuộc chiến tranh chống xâm lược, mặc dù Ban Biên tập cố gắng để cho tập II theo đúng chủ đề chính của nó.
3. Với hơn 60 bài viết, tập II tuy đã phản ánh tình đa dạng của những ngày đầu kháng chiến nhưng so với thực tế vẫn chỉ nói được trong muôn một. Chúng tôi hy vọng những ngày đầu đầy ấn tượng này sẽ được các đồng đội bổ sung để lần tái bản được phong phú hơn.

BAN BIÊN TẬP

LỜI GIỚI THIỆU

VÕ VĂN KIỆT

Cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam nói chung, diễn tiến của cuộc cách mạng đó tại Sài Gòn và Nam Bộ cùng với ngày Nam Bộ kháng chiến 23-9-1945 là một chuỗi sự kiện trọng đại của đất nước ta vào giữa thế kỷ 20. Trong một thời gian ngắn, dân tộc ta với khí thế cách mạng sôi sục chưa từng có nhưng lại trong trạng thái gần như ít đổ máu nhất, đã xử lý cùng một lúc bốn mục tiêu : chấm dứt gần 100 năm phương Tây đô hộ, gần 5 năm Nhật khổng chế ; kết thúc chế độ vua quan ; thống nhất đất nước từ Lạng Sơn đến Cà Mau ; giành quyền làm chủ chế độ cho quần chúng lao động, những người yêu nước, dựng lên Nhà nước Cộng hòa đầu tiên của lịch sử Việt Nam.

Chuyện đã xảy ra cách chúng ta nửa thế kỷ, thế nhưng những ai từng sống qua ngày tháng đầy ấn tượng ấy vẫn chưa hết cơn say trong cái phút đối đời - từ kẻ nô lệ sang người tự do.

Đã có nhiều công trình thuộc nhiều thể loại phản ánh giai đoạn lịch sử này, nhưng tôi vẫn còn thòm thèm bởi lẽ sự thật quá nhiều, quá tầm vóc, đầy kịch tính mà văn học dường như không đủ khả năng tái hiện dù chỉ ghi chép mà thôi.

Đối với cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Sài Gòn và Nam Bộ cũng như cuộc Nam Bộ kháng chiến, cho tới nay chúng ta còn mắc lịch sử một món nợ thật lớn. Tuy cùng đứng trước thời cơ như cả nước, Nam Bộ tiến tới Tổng khởi nghĩa và thực hiện Tổng khởi nghĩa trong điều kiện rất đặc thù. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ cuối năm 1940 đã làm hao hụt nghiêm trọng lực lượng trung kiên cách mạng ở Nam Bộ. Nam Bộ lại không có điều kiện để tổ chức chiến khu, không có điều kiện vũ trang chuẩn bị trước, không có trường huấn luyện chính trị và quân sự, lại đứt liên lạc với Trung ương.

<https://tieulun.hopto.org>

Số cán bộ may mắn thoát khỏi khủng bố trắng sau Khởi nghĩa Nam Kỳ phân tán về nhiều hướng, bí mật bám dân nhưng thiếu một cơ quan điều khiển chung toàn Nam Bộ, tuy nơi này nơi khác vẫn duy trì hoặc tổ chức lại tổ chức Tỉnh ủy, Liên Tỉnh ủy. Thế mà thời cơ lại dồn dập. Từ 1943 khi Hồng quân Liên Xô tiêu diệt tập đoàn quân Đức ở Stalingrad và cục diện chiến tranh Thái Bình Dương chuyển sang thế bất lợi đối với quân phiệt Nhật, dư luận xã hội đều linh cảm một đảo lộn ở Đông Dương là khó tránh khỏi. Tuy nhiên, thực lực lãnh đạo vẫn còn quá mỏng trong dự lĩnh cử đồ đại sự. Nỗi bứt rứt của chúng tôi đôi khi trở thành nỗi bức dọc. Chúng tôi biết rằng có thể bỏ vuột thời cơ nếu Đảng Cộng sản không đủ sức làm nòng cốt và lãnh đạo phong trào quần chúng. Và nhất thiết phải có một phong trào quần chúng yêu nước, một phong trào quần chúng khác với Khởi nghĩa Nam Kỳ.

Năm 1945, không khí căng sôi bùng. Nhiều thế lực được Nhật và Pháp yểm trợ, có tổ chức thậm chí có vũ trang đang sẵn sàng hành động. Thật là may, trong tình thế ấy, những đồng chí mà tên tuổi rất quen thuộc với đồng đảo nhân dân Nam Bộ, hoặc từng lần lộn trong phong trào quần chúng, đã biết khai thác tình hình thuận lợi, tập hợp đảng viên và cốt cán, thông qua nhiều tổ chức công khai nửa công khai đẩy lên tinh thần quốc gia dân tộc, xây dựng các nhóm tương tế, các hội cứu quốc... Trong phong trào nói trên, Thanh niên Tiền phong nổi bật như Mặt trận liên hiệp của lực lượng thiết tha với độc lập dân tộc, sát cánh với Việt Minh trở thành một phong trào quần chúng rộng mạnh nhất ở Sài Gòn và Nam Bộ giữa lúc chiến tranh thế giới bước vào hồi tàn cục. Gọi là Thanh niên Tiền phong song kỳ thực phong trào gồm đủ nam phụ lão ấu, khi Tổng khởi nghĩa kết hợp với phong trào nông thôn. Cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành chính quyền về tay Việt Minh.

Giành được chính quyền trong một thời gian rất ngắn, nhân dân Sài Gòn và Nam Bộ phải lập tức cầm vũ khí chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp đã được tính toán và chuẩn bị từ lâu. Ở đây, nếu không có phong trào quần chúng, không có lòng yêu nước cao độ thì tình thế chắc chắn sẽ hết sức phức tạp.

Hiệp định Sơ bộ 5/3/1946 chi viện lớn cho Nam Bộ. Nói cách khác, tư tưởng Hồ Chí Minh đã hồi sức cho cuộc kháng chiến

đang vấp vô vàn khó khăn. Sự chi viện của Trung ương từ đó trở nên thông suốt. Nam Bộ kháng chiến tiếp tục cho đến ngày cuối cùng.

Là người trong cuộc từ Khởi nghĩa Nam Kỳ qua Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, suốt 9 năm kháng chiến, tôi hiểu cái giá của hy sinh mà đồng bào ta không hề tiếc, hiểu tấm gương kiên cường của những người cộng sản và yêu nước, và hiểu sự lãnh đạo đầy nghệ thuật và bản lĩnh của Đảng ta.

Bởi vậy tôi thích thú xem tập "**Mùa thu rồi, ngày hăm ba**", một công trình khá đồ sộ do hàng trăm đồng chí, với tư cách là người làm lịch sử và chứng kiến lịch sử, đã ghi chép lại. Dĩ nhiên đặc tả vẫn có cái nhược của nó là khó bao quát toàn bộ lịch sử. Nhưng ở đây, Hội đồng chỉ đạo biên tập và Ban biên tập đã cố gắng bố trí một bức tranh tương đối toàn diện, nói lên từng mặt, từng thời kỳ, từng vấn đề của 9 năm Nam Bộ đi trước về sau. Tôi tôn trọng những ký ức của anh chị em - phần lớn là bạn chiến đấu của tôi - trong tuổi già sức yếu, cố gắng lưu giữ cho hậu thế những gì tinh chất của dân tộc nơi miền đất xa xôi này. Thật ra, công trình thực hiện hơi trễ, nhiều nhân chứng đã vĩnh biệt chúng ta, nhưng dù sao công trình vẫn là nỗ lực thật cao của những người có trách nhiệm và tôi viết lời giới thiệu này trong nghĩa là lời cảm ơn đối với tất cả những đồng chí sống trong sáng và giữ sự trong sáng ấy tận cuối đời.

Công trình cùng tổng quan và bài tổng luận đã khái quát trong chừng mực có thể khái quát. Chi tiết này khác có thể cần bổ sung song tính chân thật của công trình đã thuyết phục người đọc.

Lần nữa xin cảm ơn những người hoàn thành công trình.

8-1995

PHẦN THỨ BA

ĐỘC LẬP HAY LÀ CHẾT

*Năm quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thu,
Như hà nghịch lộ lai xâm phạm !
Nhĩ đẳng hành khan thủ bại hư.*

LÝ THƯỜNG KIỆT

*Đóng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam,
Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song
chân lý đó không bao giờ thay đổi !*

HỒ CHÍ MINH

<https://tieulun.hopto.org>

THE BARR

DE LAI YAN PAI 30

THE BARR

TỔNG QUAN

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai cuối cùng cũng kết thúc với sự đầu hàng vô điều kiện của nước Nhật quân phiệt ngày 15-8-1945.

Cách mạng Đông Dương ở trong một tình thế rất tế nhị.

Bên ngoài Hội nghị Potsdam tháng 7 năm 1945, ba nước Anh, Mỹ và Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) đã thỏa thuận riêng với nhau về Đông Dương : Anh chịu trách nhiệm giải giáp quân Nhật ở phía nam vĩ tuyến 16, Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) ở phía bắc với danh nghĩa Đồng minh chống phát xít.

Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương ngày 14, 15-8-1945 đã nhận định rằng cần phải lợi dụng mâu thuẫn của các nước này có lợi cho cách mạng, nhưng đồng thời phải chuẩn bị đối phó trong trường hợp vì yêu cầu chống Liên Xô mà Anh, Mỹ nhân nhượng và để cho Pháp trở lại Đông Dương. Nếu trường hợp đó xảy ra, để chống mưu mô của Pháp định khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương và của một số quân phiệt Trung Quốc định chiếm nước ta, "chính sách chúng ta là phải tránh cái trường hợp : một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Trung Quốc, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta và đặt Chính phủ của Pháp De Gaulle hay một chính phủ bù nhìn trái với ý nguyện dân tộc...". Và nhấn mạnh : "Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh" (1). Việc đầu tiên là phải giành lấy chính quyền từ tay Nhật để "nhân dân Việt Nam có thể đứng ở địa vị làm chủ nước mình và tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông Dương" (2).

(1) Nghị quyết của toàn quốc Hội nghị của Đảng, ngày 14, 15-8-1945. Văn kiện Đảng - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương - 1977, tr.416.

(2) Đại hội Quốc dân Tân Trào ngày 16-8-1945. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà xuất bản Sự Thật - Hà Nội, 1999.

Những diễn biến cụ thể những năm tháng sau này đã chứng minh nhận định đó là hoàn toàn chính xác và trở thành tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cho cả quá trình đấu tranh giành độc lập và thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương thắng lợi. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Chính phủ Hồ Chí Minh tiêu biểu ý chí sắt đá đấu tranh vì độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc được toàn dân ủng hộ. Các nhân tố đó xuất hiện ngoài dự đoán của các nước đế quốc, nhưng đối với dân tộc Việt Nam, các nhân tố đó xuất hiện là tất yếu và cùng với thời gian trở thành nhân tố chủ đạo, quyết định tương lai của Việt Nam nói riêng và cả Đông Dương nói chung.

Tuy nhiên, thế đã có, nhưng lực chưa có bao nhiêu. Nước Cộng hòa trẻ tuổi vừa mới ra đời, đã phải đối phó với những khó khăn chồng chất. Đất nước tan hoang, đói kém, lũ lụt liên miên - hậu quả của gần trăm năm thống trị của thực dân Pháp, của nhiều năm dưới ách của cả Pháp và quân phiệt Nhật. Và, trong toàn bộ lịch sử Việt Nam, chưa bao giờ trên đất nước lại có nhiều kẻ thù dân tộc - cả giặc ngoài lẫn giặc trong - như trong những tháng năm đó. Nước Cộng hòa ở trong tình thế hết sức mong manh, ngay chính đối với sự tồn tại của mình.

Như Trung ương Đảng dự đoán, khả năng Anh, Mỹ nhân nhượng và tích cực giúp đỡ Pháp trở lại Đông Dương đã trở thành hiện thực. Trên bàn cờ chính trị - quân sự ở Đông Dương lúc bấy giờ còn lại ba đấu thủ trực tiếp đối mặt : Pháp, Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc đấu trí, đấu lực tay ba đã diễn ra hết sức phức tạp, gay go và quyết liệt.

Nhưng cuối cùng, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - đấu thủ nhỏ yếu nhất, nhưng đầy sinh lực tiềm tàng - đã là người chiến thắng, biến nguy thành an, yếu thành mạnh và đi đến chiến thắng Điện Biên Phủ. Thành quả vô song đó của dân tộc Việt Nam không tách rời sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đánh giá sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ này, đồng chí Lê

Đuẩn viết: "Lúc thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi cổ quân Tưởng và quét sạch bọn phản động tay sai của Tưởng, giành thời gian củng cố lực lượng, chuẩn bị toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, điều mà Đảng ta biết chắc là không thể nào tránh khỏi. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã ghi vào lịch sử nước ta như một mẫu mực luyệt vời về sách lược Lê-nin-nít về lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc" (1)

O' giờ ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được sự giúp đỡ tích cực của quân Anh - Ấn gây hấn ở Sài Gòn, bắt đầu cuộc chiến tranh chinh phục lại Đông Dương. Chúng hy vọng nhanh chóng bình định Nam Bộ để làm bàn đạp tiến chiếm miền Trung và Bắc Việt Nam như đã từng làm trong cuộc chiến tranh xâm lược lần trước, gần một thế kỷ trước đó.

Nhưng chúng đã nhầm. Cuộc khởi nghĩa tháng Tám đã biến thành cuộc chiến tranh cách mạng của hàng triệu con người Nam Bộ sẵn sàng hy sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc. Hội nghị Liên tịch giữa Xứ ủy lâm thời và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ ở Cây Mai hạ quyết tâm chiến đấu. Ủy ban Kháng chiến được thành lập do đồng chí Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Sáng ngày 23 tháng 9, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ ra Tuyên cáo quốc dân kêu gọi đồng bào kháng chiến, đáp ứng nguyện vọng của toàn dân. Buổi chiều, tiếng súng diệt địch nổ vang khắp nội thành. Ở nội thành, 16 khu tác chiến được thành lập. Ở ngoại thành, hình thành ba mặt trận đông, tây và nam, thành thế bao vây quân thù. Đầu tháng 10, lực lượng vũ trang các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá tiến theo đường số 4 đánh vào Phú Lâm chia lửa với quần dân Sài Gòn. Nam Bộ trở thành tiền tuyến của cả nước. Đáp lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh "Phải trút

(1) Lê Duẩn: Dấu tích cơ về vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới. Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội - 1979, tr.31.

toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy cho kháng chiến, hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam" (1), cả nước ra trận. Các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ trong một thời gian ngắn đã tổ chức các bộ đội Nam tiến, nhiều đơn vị đã kịp vào Nam tham gia chiến đấu trên mặt trận Thị Nghè và suốt dải đất từ Sài Gòn ra đến cực Nam Trung Bộ. Bất chấp muôn vàn khó khăn nhân dân Bắc, Trung Bộ đang phải đương đầu, vũ khí, đạn dược, vật tư, tiền bạc cũng được đưa vào Nam.

Một tháng vây hãm quân xâm lược trong nội thành Sài Gòn đã thể hiện khí phách anh hùng của nhân dân Nam Bộ và của cả nước, phá vỡ ý đồ nhanh chóng chiếm lại Nam Bộ của thực dân Pháp và tạo điều kiện cho các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ chuẩn bị kháng chiến.

Tuy nhiên, vì lực lượng quân sự cố hạn, hệ thống tổ chức và chỉ huy chưa hình thành thống nhất và chặt chẽ, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều, ta không ngăn chặn được sức tiến công của địch được tăng cường từ chính quốc sang. Thực dân Pháp lần lượt chiếm đóng hầu hết các thành phố, thị xã, các đường giao thông quan trọng ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ và bắt đầu càn quét "binh định" các vùng nông thôn rộng lớn. Hệ thống chính quyền, các đoàn thể cách mạng vừa mới xây dựng sau Tổng khởi nghĩa thành công bị rối loạn, có nhiều nơi bị tan rã hoàn toàn. Cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam bước vào thời kỳ hết sức gay go quyết liệt. Ngày 27 tháng 2 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiệu triệu quân dân miền Nam giữ vững và đẩy mạnh kháng chiến "Còn một tấc đất, còn một người dân thì còn tranh đấu" (2) và cũng trong tháng này, Người tặng cho quân dân Nam Bộ danh hiệu vẻ vang "Thành đồng Tổ quốc".

Cuộc chiến đấu kiên cường của quân dân miền Nam, sức mạnh của chính quyền ở miền Bắc không ngừng tăng cường đã không cho phép thực dân Pháp có thể vừa "binh định" miền Nam,

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội - 1979, tập II (1945-1954), tr. 29.

(2) Toàn tập Hồ Chí Minh, xuất bản lần thứ hai, 1995, t. 1, tr. 167.

vừa đánh chiếm miền Bắc, mặc dù đã có sự thỏa thuận với Trung Quốc (Tướng Giới Thạch). Chúng buộc phải đàm phán với Chính phủ ta để có thể đưa quân ra Bắc. Ta đã lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ thực dân Pháp, tiếp tục lợi dụng mâu thuẫn Pháp - Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) để đạt đến Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 với Pháp. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, ký Hiệp định này là chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối với cục diện toàn quốc, khả năng phải tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp là không tránh khỏi. Với Hiệp định Sơ bộ, ta đuổi nhanh quân Tưởng về nước và quét sạch bọn phản động tay sai để có thể tập trung vào thực dân Pháp, kẻ thù duy nhất và nguy hiểm nhất. Đối với miền Nam, Hiệp định Sơ bộ đã tạo điều kiện vô cùng quý báu để khôi phục và phát triển cơ sở kháng chiến.

Khí thế hào hùng của những ngày khởi nghĩa tháng Tám một lần nữa lại diễn ra ở Nam Bộ nhưng sâu sắc hơn trong niềm tin, trí tuệ hơn trong biện pháp, thống nhất hơn trong hành động, sau 5 tháng cọ xát nảy lửa với quân thù.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương "Phải thống nhất chỉ huy", "giữ quyền chủ động tác chiến", "phát triển vũ trang tuyên truyền", "quấy rối ở các thành phố", từ cuối tháng 3 đến tháng 6 tình hình Chiến khu 7 chuyển biến tốt. Cuối năm 1946 toàn khu có 16 chi đội, nhiều thôn ấp tổ chức được dân quân. Ở nội thành Sài Gòn xây dựng được 10 ban công tác và nhiều đội cảm tử. Ở Chiến khu 8, Bộ chỉ huy Khu được củng cố và từ tháng 5-1946 nắm được lực lượng vũ trang của các tỉnh thuộc Chiến khu và phiên chế thành 5 chi đội. Ở Chiến khu 9, tháng 5, Xứ ủy mới liên lạc được với các đơn vị vũ trang đang bám trụ ở vùng U Minh và đến cuối năm mỗi tỉnh đều có các đơn vị Vệ Quốc đoàn. Về phía công an, các đơn vị vũ trang của Quốc gia tự vệ cuộc cũng được củng cố và phát triển đều khắp các tỉnh.

Các hoạt động quân sự, diệt ác trừ gian được đẩy mạnh trên toàn miền và hiệu quả tác chiến ngày càng được nâng cao. Tháng 4 năm 1946, biệt động Sài Gòn phá nổ kho đạn gần Đài phát thanh. Tháng 6, đánh chìm chiếc tàu Miu-ri (địch 7 Ca Mau, trên

sông Sài Gòn, đánh thiệt hại nặng hàng ngàn quân Pháp đi càn ở xã Vinh Lộc, ở Đức Hòa. Có trận diệt hàng chục xe, hàng trăm địch, thu nhiều súng như ở Củ Chi ngày 17 tháng 12. Cũng có những trận tập kích vào căn cứ địch có hiệu suất cao như trận tiến công thị trấn Tam Bình Vĩnh Long v.v...

Đi đôi với các hoạt động vũ trang, đến cuối năm 1946 hệ thống chính quyền từ cấp xứ Nam Bộ đến xã đã được phục hồi hầu như khắp vùng nông thôn rộng lớn. Các đoàn thể cách mạng cũng được xây dựng lại và phát triển nhanh. Nhân dân hết lòng ủng hộ kháng chiến nên chính quyền cách mạng thực sự phát huy được hiệu lực trong quản lý xã hội, huy động sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Sau Hiệp định Sơ bộ, ở các thành phố bị tạm chiếm, nhất là ở Sài Gòn - Chợ Lớn đẩy lên phong trào công khai của các tầng lớp nhân dân, của báo giới chống lại âm mưu chia cắt Nam Bộ ra khỏi Tổ quốc Việt Nam thống nhất.

Tuy nhiên, sự ấu trĩ của chính quyền non trẻ, hoàn cảnh hết sức gay go của những ngày đầu kháng chiến không tránh khỏi phạm phải ở nơi này nơi khác những sai lầm không đáng có, nhất là trong việc phân rõ địch ta, kẻ xấu người tốt trong xử lý, tạo kẽ hở cho địch có thể lợi dụng. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy, các sai lầm đã dần được khắc phục. Khối đoàn kết toàn dân chống xâm lược càng được mở rộng.

Cuộc kháng chiến gay go quyết liệt đòi hỏi có một Đảng bộ mạnh đủ sức lãnh đạo tập trung thống nhất trong hoàn cảnh mới. Đảng bộ Nam Bộ đã bị tổn thất nặng nề sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940) chưa kịp phục hồi thì đã phải lãnh đạo nhân dân làm cuộc khởi nghĩa tháng Tám và sau đó cuộc kháng chiến Cao trào cách mạng của quần chúng, ý thức trách nhiệm cao của các đảng viên đối với sự sống còn của dân tộc và sự chỉ đạo của Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần quyết định đưa đến Hội nghị tháng 12 năm 1946 bầu ra Xứ ủy chính thức của Đảng bộ Nam Bộ. Sự lãnh đạo của Đảng ở Nam Bộ được củng cố đã đưa cuộc kháng chiến ở Nam Bộ ngày càng phát triển vững chắc.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, học kỳ I bắt đầu giảng dạy ở Hà Nội. Cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Nam Bộ tiến tuyến của

cả nước trở thành một bộ phận của chiến trường cả nước, Bắc Bộ trở thành chiến trường chính.

"16 tháng chiến đấu của quân dân miền Nam tạo ra những tiền đề cho việc xác định đường lối kháng chiến, khẳng định những quy luật của chiến tranh cách mạng trong điều kiện và bối cảnh mới của lịch sử. Đó là những quy luật của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược, hình thành cách mạng giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội trong thể liên công chung của các dân tộc đấu tranh xóa bỏ những địa bàn cuối cùng của chủ nghĩa đế quốc" (1)

Ý ĐỒ CỦA MỸ, ANH VÀ THÁI ĐỘ CỦA QUÂN NHẬT

1. Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương sắp đến hồi kết thúc. Vấn đề tương lai của Đông Dương sau chiến tranh đột ngột trở thành chủ đề gây lăm chuyên rối rắm trong các mối quan hệ giữa các nước đế quốc tham gia Đồng minh chống phát xít.

Đế quốc Pháp đương nhiên là nước quan tâm trước tiên. Bằng các tuyên bố Brazaville ngày 8 tháng 12 năm 1943 và Alger ngày 24 tháng 3 năm 1945, Pháp đã khẳng định rõ ý đồ thiết lập lại nền thống trị cũ ở Đông Dương. Tuy nhiên, tư thế và thực lực của Pháp - một nước bại trận, bị chiếm đóng và được giải phóng chủ yếu nhờ sức mạnh của nước ngoài, một nước không có vai trò gì trong cuộc chiến Thái Bình Dương và sớm để mất Đông Dương vào tay Nhật - không cho phép Pháp có được tiếng nói có sức nặng.

Rốt lại, tiếng nói quyết định về số phận của Đông Dương sau chiến tranh - ít nhất cũng được nghĩ như vậy -, thuộc về Mỹ, Anh, Trung Quốc (Tướng Giới Thạch). Các nước này đều thống nhất với nhau là không cho Pháp trở lại Đông Dương. Nhưng lấp vào chỗ trống này, mỗi nước đều có ý đồ riêng.

(1) Lịch sử Việt Nam, một số chủ đề, thời kỳ 1945-1954. Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, tập 1, tr.100.

2. Ý đồ của Mỹ đối với Đông Dương hình thành từ rất sớm. Mỹ từ chối giúp Pháp khi Nhật xâm lược Đông Dương năm 1940. Ngược lại từ năm 1941 đến giữa năm 1945 Mỹ luôn luôn bài xích chế độ thực dân kiểu cũ của Pháp, tìm cách gạt hẳn Pháp ra khỏi Đông Dương. Cuối cuộc chiến, với vị thế áp đảo về quân sự, kinh tế và chính trị, đế quốc Mỹ đã giải trình không giấu giếm quan điểm của mình qua tuyên bố của Roosevelt với Churchill : "Nền hòa bình trong tương lai không thể thích hợp với việc duy trì dưới bất cứ một chủ nghĩa chuyên chế nào. Cấu trúc của nền hòa bình đòi hỏi sự bình đẳng của các dân tộc và điều kiện đó sẽ phải được thực hiện" (1). Quan điểm của Roosevelt và phương thức hành động của ông ta, nếu ông còn sống đến sau ngày kết thúc chiến tranh, có thể ít nhiều khác với những người kế tục ông, nhưng chắc chắn quy lại cũng chỉ là muốn hất cẳng Pháp ra khỏi Đông Dương (và không chỉ ở Đông Dương, cũng không phải chỉ đối với Pháp), mở rộng ảnh hưởng của Mỹ theo kiểu thực dân mới (Mỹ đủ khả năng và kinh nghiệm để làm).

Khi nhân dân Việt Nam khởi nghĩa từng phần, lập căn cứ cách mạng, phát động chiến tranh du kích chống Nhật, Mỹ cho một nhóm sĩ quan tình báo nhảy dù xuống Việt Bắc liên lạc với ta. Ngày 22 tháng 8 năm 1945, Mỹ cử thiếu tá Patti dẫn đầu phái bộ OSS (2) đáp máy bay đến Hà Nội, hy vọng có thể lợi dụng Việt Minh thực hiện âm mưu biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới. Để thăm dò, họ đề nghị Chính phủ ta cho Mỹ đầu tư, thăm dò và khai thác hầm mỏ, xây dựng căn cứ quân sự, sân bay, hải cảng v.v... Bị từ chối, đế quốc Mỹ xoay qua ráo riết ủng hộ Tướng Giới Thạch tìm cách lật đổ Chính phủ của nước Cộng hòa trẻ tuổi, dựng lên một chính phủ tay sai, xét cho cùng cũng là của Mỹ vì Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) hầu như là một thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Tuy nhiên cục diện thế giới sau chiến tranh có nhiều thay đổi. Tướng Giới Thạch phải tập trung đối phó với phong trào cách

(1) "Dossier secret de l'Indochine", Claude Paillat, Presses de la cité Paris. Page 37.

(2) Office of strategic service : cơ quan tình báo Mỹ.

mạng mạnh mẽ do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở Trung Quốc. Ý định sử dụng quân Tưởng ở Đông Dương ngày càng mất đi tính chất thực tế. Đế quốc Mỹ lại đang cần gấp rút tập hợp lực lượng để đối phó với phong trào cách mạng thế giới và ảnh hưởng ngày càng lan rộng của Liên Xô. Trong khi đó nước Pháp kiệt quệ về kinh tế, rối ren về chính trị, ngày càng lệ thuộc vào viện trợ Mỹ. Trước tình hình đó, Mỹ chọn con đường thay đổi chính sách đối với Pháp. Từ chủ trương ngăn chặn, Mỹ chuyển sang khuyến khích, ủng hộ Pháp trở lại Đông Dương, thực chất là dùng Pháp thay Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) thực hiện ý đồ lâu dài của Mỹ.

3. Đối với ba nước Đông Dương (không chỉ ở Đông Dương) đế quốc Anh cũng có nhiều tham vọng. Trong chiến tranh Thái Bình Dương quân Anh phụ trách chiến trường Đông Nam Á và Nam Á. Thống nhất với Mỹ trong việc loại trừ Pháp ra khỏi Đông Dương, và nuôi ý đồ mở rộng ảnh hưởng của Anh, đế quốc Anh đòi giao việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương cho quân đội Anh. Cuối cùng với áp lực của Mỹ, Anh phải chấp nhận cùng với Trung Quốc (Tướng Giới Thạch) đưa quân vào giải giáp quân Nhật ở Đông Dương lấy vĩ tuyến 16 làm ranh giới.

Tuy nhiên lực bất tòng tâm, thực dân Anh cũng phải đối phó với phong trào giải phóng dân tộc đang lên cao ở ngay trong lòng thế giới thuộc địa rộng lớn của Anh và như Pháp, Anh cũng đang bị Mỹ chèn ép, tìm cách gạt bỏ ảnh hưởng của Anh ra khỏi các nước thuộc địa. Vì vậy sau khi giải quyết cuộc xung đột giữa Anh và Pháp có lợi cho Anh ở Liban, hai nước đế quốc này quay qua câu kết với nhau để cùng nhau vừa đối phó với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa cũ, vừa để đối phó với âm mưu của Mỹ.

Đó là nguyên nhân chủ yếu buộc Anh phải sớm từ bỏ tham vọng và tích cực giúp Pháp trở lại Đông Dương.

4. Quân đội Nhật vào Đông Dương từ tháng 9 năm 1940 bắt đầu ở phía Bắc và sau đó vào phía Nam tháng 7 năm 1941. Trong chiến tranh Thái Bình Dương (nổ ra tháng 12 năm 1941), Đông Dương trở thành căn cứ trung chuyển cho vận tải đường biển giữa Đông - Nam Á và Nhật Bản, là sơ hầu căn cứ tiếp tế đường thực và

các nguồn lợi khác cho Nhật Bản, và cho các khu vực khác do Nhật Bản chiếm đóng. Để ngăn chặn nguy cơ chính quyền thực dân Pháp làm nội ứng trong trường hợp Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương, đêm 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật làm cuộc đảo chính và dựng lên chính quyền bù nhìn thân Nhật của Trần Trọng Kim. Quân Nhật đã tiến hành nhiều chiến dịch chống cách mạng ở Bắc Bộ vào tháng 6 năm 1945 và hiến binh Nhật cũng đã bắt hàng trăm người mà chúng tình nghi là thành viên hoặc ủng hộ cách mạng.

Khi nước Nhật đầu hàng, quân Nhật ở Đông Dương còn khoảng 100.000 tên, sau đó có thêm một số tên được đưa từ Miền Điện, Thái Lan sang. Ngoài ra còn có hàng vạn người Nhật dân sự. Chúng chống Cộng sản, nhưng là kẻ bại trận đang chờ giải giáp và hồi hương nên chỉ có thể hành động theo bản năng phản cách mạng hơn là theo một ý đồ được xác định. Chủ trương tránh va chạm của ta đã hạn chế những hành động tội ác của chúng, trừ một vài nơi ở miền Nam, theo lệnh Anh, quân Nhật miễn cưỡng tiếp tay cho thực dân Pháp, nhưng nói chung chấp hành chiếu lệ. Có nơi trước sự phản ứng quyết liệt của ta, chúng đã đầu hàng, nộp vũ khí hoặc co lại, án binh bất động. Cũng có không ít sĩ quan cấp dưới và binh lính đã đào ngũ đi theo cách mạng, một số đã hy sinh trong chiến đấu, phần lớn số còn lại trở về Nhật sau Hiệp định Genève 1954.

II Ý ĐỒ CỦA PHÁP

1. Cũng như các nước đế quốc khác thuộc phe Đồng minh, ngay từ khi chiến tranh thế giới lần thứ hai chưa kết thúc, Pháp đã có ý đồ khôi phục quyền thống trị ở các nước thuộc địa trong đó có Đông Dương.

Ngày 8 tháng 12 năm 1943, chính phủ lưu vong (Ủy ban Giải phóng dân tộc Pháp) do De Gaulle làm chủ tịch đã ra tuyên

bổ quyết tâm "sẽ giải phóng toàn bộ Đông Dương", đặt hy vọng vào chính quyền thuộc địa của Pháp ở Đông Dương lúc đó vẫn còn tồn tại tuy phải phục tùng các điều kiện do Nhật áp đặt và "tấm lòng gần bó thủy chung của các dân tộc Đông Dương (?) đối với cộng đồng Pháp". Và ngày 24 tháng 3 năm 1945, bất chấp chính quyền thuộc địa bị thủ tiêu trong đảo chính ngày 9 tháng 3 năm 1945 của Nhật và những biến đổi về chính trị - xã hội ở các nước Đông Dương do cuộc đảo chính đó mang lại, De Gaulle lại một lần nữa ra tuyên bố khẳng định ý đồ cũ với những nội dung cụ thể hơn. Chủ yếu như sau :

"Đông Dương sẽ được thành lập theo kiểu liên bang gồm 5 xứ khác nhau (Nam kỳ, Trung kỳ, Bắc kỳ, Cao Miên và Ai Lao). Liên bang Đông Dương sẽ cùng với nước Pháp và những nước khác của cộng đồng xây dựng thành khối Liên hiệp Pháp mà quyền đối ngoại do Pháp đại diện...

Đông Dương sẽ có một chính phủ liên bang đứng đầu là một viên toàn quyền gồm những bộ trưởng chịu trách nhiệm trước viên toàn quyền đó. Chính phủ liên bang sẽ là người trọng tài giữa 5 xứ. Bên cạnh viên toàn quyền có một hội đồng nhà nước trong đó người Đông Dương chiếm nhiều nhất là 50% số ghế...

Một quốc hội được bầu ra theo kiểu bầu cử nào thích hợp nhất với mỗi nước của Liên bang và phải phản ánh quyền lợi của nước Pháp... (1)

Tư tưởng của De Gaulle và các tập đoàn tư bản Pháp không có gì khác so với các nước đế quốc khác sau chiến tranh thế giới lần thứ hai - đó là giành lại các thuộc địa đã mất và duy trì ách thống trị theo chính sách cổ truyền nhằm tiếp tục bóc lột các nước thuộc địa, bất chấp mọi đổi thay trên thế giới, với những từ ngữ mỹ dãn hơn. Và để thực hiện, các biện pháp cổ truyền lại được áp dụng : tái chinh phục bằng vũ lực đi đôi với chính sách chia để trị, và nếu cần, dựng lên các chính phủ bù nhìn. Tuy nhiên khác với

(1) Deviller P. *Đông Dương*, Nhà Nét Gallimard Julliard, Paris 1988; Bản dịch của Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh (1991).

các nước đế quốc khác, theo đuổi đến cùng chủ nghĩa thực dân kiểu cũ lại là đặc trưng, là bản chất của chủ nghĩa đế quốc Pháp.

2. Để chinh phục lại Đông Dương sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Pháp không ở vào thế thuận lợi:

Một là trên lĩnh vực đối ngoại, Pháp phải đối phó với hai phía : Đồng minh và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Anh, Mỹ và Trung Quốc của Tưởng giới Thạch đều có tham vọng ở Đông Dương. Tuy nhiên, do phải liên kết với nhau đối phó với Liên Xô mà uy tín và ảnh hưởng đang lên cao, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đang sôi sục sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Anh, Mỹ đã nhanh chóng nhân nhượng và giúp đỡ tích cực cho Pháp trở lại Đông Dương. Ngày 22 tháng 8 ở Washington và ngày 24 tháng 8 ở Luân Đôn tức là sau Hội nghị Potsdam hơn một tháng, Mỹ và Anh đã chính thức hóa việc đó bằng văn bản. Thật ra Mỹ có những ý đồ sâu xa hơn mà chúng ta sẽ chứng kiến sau này trong vai trò của Mỹ suốt quá trình chiến tranh Đông Dương, trong việc sử dụng con bài Bảo Đại, trong việc ký Hiệp định Genève về Đông Dương năm 1954, trong việc hắt cẳng Pháp ở miền Nam Việt Nam. Nhưng đó là việc sau này. Trước mắt, vào những tháng cuối năm 1945, Anh - Mỹ không còn là trở ngại của Pháp.

Cái quan trọng nhất mà Pháp phải vượt qua là tham vọng của Trung Quốc (Tưởng Giới Thạch) muốn khôi phục lại phạm vi ảnh hưởng của "Thiên triều" xa xưa - nếu không phải là thuộc địa thì ít ra cũng là lệ thuộc, không phải chỉ là ở miền Bắc Đông Dương mà cả Đông Dương. Pháp phải chạy vạy vất vả với Mỹ, phải đến bù cho Trung Quốc hầu như toàn bộ quyền lợi của Pháp ở Trung Quốc để được đưa quân ra Bắc. Thật ra, nếu Tưởng Giới Thạch không ở trong hoàn cảnh cùng một lúc phải đương đầu với Đảng Cộng sản Trung Quốc ở phía Bắc và Pháp ở phía Nam thì chưa hẳn Pháp gặp được thuận lợi. Ngày 28 tháng 2 năm 1946, hiệp định Hoa - Pháp được ký kết mở đường cho Pháp đưa quân ra Bắc thay thế quân Tưởng. Nhưng dùng dằng mãi bốn tháng sau hạn định, quân Tưởng mới chịu rút hết.

Hại là tham vọng thì lớn nhưng lực bất lòng tâm, nước Pháp tuy được tiếng là nước thắng trận, nhưng bị kiệt quệ sau những

năm tháng bại trận và bị phát xít Đức chiếm đóng. Từ năm 1944 De Gaulle trù tính sẽ đưa sang Đông Dương 75.000 quân với đầy đủ vũ khí và đảm bảo mọi phương tiện vật chất khác để "sự có mặt của quân đội Pháp sẽ gây cho mọi người ấn tượng về sức mạnh và quyết tâm của nước Pháp".

Nhưng đến 16 tháng 8 năm 1945 khi De Gaulle bổ nhiệm D'Argenlieu làm cao ủy tại Đông Dương và tướng Leclerc làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông thì Pháp chưa có một đơn vị bộ binh nào, không có một tàu thủy vận tải nào, không có một đơn vị không quân nào sẵn sàng sang Đông Dương.

Ngày 6 tháng 9 năm 1945, quân đội Anh đến Sài Gòn. Bám gót quân đội Anh là những đơn vị nhỏ bộ binh và xe bọc thép của Pháp được tăng cường thêm bằng 1.500 lính Pháp bị Nhật giam giữ được Anh thả ra và trang bị lại. Cuộc gây hấn ngày 23 tháng 9 năm 1945 ở Sài Gòn của thực dân Pháp không thể xảy ra nếu không có sự tiếp tay tích cực của quân Anh, và quân Pháp chỉ có thể phá vỡ vòng vây của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, đánh rộng ra các tỉnh ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ nhiều tháng sau, khi có sự tăng viện quân từ chính quốc. Và khi đưa quân ra miền Bắc sau Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946, quân Pháp cũng ở trong tình trạng đó và đã trả giá đắt bằng sự mất hầu như toàn bộ nông thôn Nam Bộ vào tay cách mạng đến mức có lúc D'Argenlieu đã kêu lên "Nam Kỳ lâm nguy" vì phải dấn trải quá mỏng lực lượng. Khi đã đứng chân được ở miền Bắc, trong một thời gian dài, chúng cũng không làm được gì nhiều. Chỉ lúc nhận được sự tăng cường thêm, ngày 19 tháng 12 năm 1946 Pháp mới chuyển sang tấn công.

Đương đầu với cả một dân tộc quật cường vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự thất bại của Pháp trong chiến tranh Đông Dương là tất yếu. Ngay từ năm 1946, tướng Leclerc đã cảnh cáo rằng muốn tái chiếm Đông Dương bằng vũ lực thì phải cần đến nửa triệu quân. Nhưng với đầu óc mù quáng, bọn thực dân hiếu chiến Pháp cứ lao vào cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương diễn ra bằng tiền và vũ khí của Mỹ cộng với xương máu của người

Pháp đổ xuống một cách vô ích. Rốt lại, vì lợi ích của Mỹ. Ngày nay, hối tiếc cũng là đã quá muộn màng.

Ba là, trên bàn cờ chính trị xã hội ở Đông Dương, Pháp đặt nhiều hy vọng vào bộ máy thống trị cũ - dù phải chấp nhận tất cả các điều kiện của Nhật - nhưng vẫn còn được duy trì, và sự "trung thành" của các tầng lớp trên có nhiều quyền lợi gắn bó với Pháp. Nhưng cuộc đảo chính của Nhật ngày 9 tháng 3 năm 1945 đã quét ngã hoàn toàn nền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời; Chính phủ Hồ Chí Minh được toàn dân ủng hộ; sự lãnh đạo đầy trí tuệ và bản lĩnh của Đảng Cộng sản Đông Dương, tất cả hợp thành nhân tố cuối cùng quyết định đánh bại mọi âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và bành trướng nói chung, đế quốc Pháp nói riêng trên bình diện chính trị, quân sự trên chiến trường Đông Dương, mở ra xu thế phát triển mới của Đông Dương và mở đầu cho sự tan rã từng mảng của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới những thập niên tiếp theo.

III

Ý ĐỒ CỦA TRUNG QUỐC (TƯỚNG GIỚI THẠCH)

1. Ngày 27 tháng 8 năm 1945, Tập đoàn quân thứ nhất gồm bốn quân đoàn với 20 vạn quân Tưởng do Lư Hán chỉ huy chia làm ba đường kéo vào Việt Nam, mang theo những người Việt phản động lưu vong tập hợp trong hai tổ chức: Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt quốc) của Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam và Việt Nam Cách mạng Đồng Minh hội (Việt cách) của Nguyễn Hải Thần. Trên đường hành tiến, quân Tưởng đã giúp cho bọn phản động chiếm một số thị xã, lập ra chính quyền phản động ở một số nơi như Móng Cái, Yên Bái, Vĩnh Yên v.v...

2. Trong lịch sử, Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng luôn luôn nằm trong tham vọng bành trướng của phong kiến phương Bắc. Mặc dầu vào cuối thế kỷ XIX, Triều đình Mãn Thanh đã thừa nhận sự thống trị thực địa của Pháp ở Đông Dương, nhưng với đầu óc Đại Hán, không ít người vẫn luôn coi các nước Đông Dương

là thuộc quốc của "Thiên triều", là phần "đất đai của Trung Quốc" bị Pháp chiếm và hy vọng sẽ "lấy lại" khi có thời cơ.

Từ năm 1942, khi quân Đồng minh chuẩn bị chuyển sang phản công ở Thái Bình Dương, Tưởng Giới Thạch xúc tiến kế hoạch "Hoa quân nhập Việt" và tập hợp bọn tay sai thân Tưởng trong số những người Việt lưu vong vào tổ chức Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, chúng tung nhóm Phục quốc trở về Việt Nam hoạt động tình báo chuẩn bị cơ sở cho quân Trung Quốc kéo vào (ở miền Bắc, bọn này bị ta diệt ngay từ đầu).

Thỏa thuận ở Potsdam là thời cơ ngàn vàng để Tưởng hợp pháp hóa việc đưa quân vào Việt Nam. Mặc dầu chỉ được chiếm đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, chúng cũng không che giấu ý đồ đối với toàn cõi Đông Dương. Nhưng trước tiên là cố thiết lập cho được chính quyền thân Tưởng ở miền Bắc Việt Nam với bọn tay sai mà chúng đã mang theo. Tuy nhiên khi chúng đến nơi thì Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra đời. Chính quyền cách mạng đã được tổ chức trên hầu khắp đất nước. Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu được toàn dân ủng hộ, uy tín ngày càng được củng cố. Không thể thực hiện được âm mưu đã dự định và do đòi sách khéo léo của Chính phủ Hồ Chí Minh, Lư Hán buộc phải quan hệ với Chính quyền cách mạng. Dù vậy, chúng vẫn không từ bỏ ý đồ, điên cuồng dùng mọi cách, kể cả dùng bọn tay sai khiêu khích, bắt cóc, tống tiền, giết người... để làm rối loạn xã hội, tạo cơ để lật đổ Chính quyền cách mạng, phá tan Việt Minh, tiêu diệt Đảng Cộng sản, để ít ra nếu không chiếm được miền Bắc Việt nam làm thuộc địa thì cũng dựng lên một chính quyền thân Tưởng, tránh cho Tưởng không ở cái thế bị o ép của một chế độ cộng sản ở Việt Nam và lực lượng mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở phía Bắc Trung Hoa.

Tuy nhiên trước sự đoàn kết ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh của nhân dân Việt Nam, sách lược hòa hoãn có nguyên tắc của Đảng ta, sự yếu kém của bọn tay sai, cuối cùng Tưởng phải chấp nhận phụ thuộc. Chính phủ lâm hiệp do ta đưa ra, dù biết rằng Việt Minh vẫn đóng vai trò chủ đạo.

Thật ra trong bối cảnh lúc đó - mâu thuẫn và lợi ích đan xen nhau giữa các bên đối địch - tình hình phức tạp hơn nhiều. Anh, Mỹ đã đồng ý cho Pháp trở lại miền Bắc. Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch đang lao vào cuộc đối đầu sống mái với lực lượng hàng triệu người của Đảng Cộng sản Trung Quốc được Liên Xô trang bị. Việc Tưởng rút quân về nước là một việc chẳng đáng dừng. Nhưng Tưởng muốn Pháp phải trả giá thích đáng. Quan hệ Pháp - Tưởng đột ngột căng thẳng với cái cớ là quyền lợi của Hoa kiều ở Việt Nam bị Pháp xâm phạm và việc chấp nhận phương án Chính phủ liên hiệp đều nhằm làm tăng thêm thế mặc cả của Tưởng.

Ngày 28 tháng 2 năm 1946, hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết, quy định quân Pháp sẽ thay quân Tưởng ở miền Bắc Việt Nam từ ngày 1 đến 15 tháng 3 và hoàn tất chậm nhất là ngày 31 tháng 3. Để bù lại, Pháp trả lại cho Tưởng các tô giới Pháp ở Trung Quốc và đường xe lửa Vân Nam. Hàng hóa của Tưởng qua cảng Hải Phòng được miễn thuế.

Tuy nhiên, hiệp ước Hoa - Pháp đã không được thực hiện như hạn định vì thiếu một nhân tố là Chính phủ Hồ Chí Minh. Thật ra dù nhân dân Việt Nam có muốn hay không, chúng vẫn có thể thi hành hiệp ước này. Nếu ta chống lại thì sẽ rơi vào thế một chọi với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Tưởng cũng sợ xảy ra cuộc xung đột giữa ta và Pháp sẽ lôi cuốn Tưởng vào cuộc chiến với Pháp và quyền lợi của người Hoa ở Việt Nam bị tổn thương vì vậy quyết đòi Pháp phải được sự thỏa thuận của Chính phủ Việt Nam. Pháp dù nóng lòng muốn trở lại miền Bắc, nhưng không đủ sức để mở rộng chiến tranh có nguy cơ đối đầu với cả quân Tưởng và Tưởng có cơ ở lại miền Bắc. Điều đó đã được báo hiệu qua cuộc đọ súng ngày 6 tháng 3 ở Hải Phòng.

Cuối cùng Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3 ra đời.

Giữa tháng 6 năm 1946, quân Tưởng rời Hà Nội và đến cuối tháng 9 năm 1946, việc rút quân hoàn tất.

Bọn phản động tay chân của Tưởng : Nguyễn Hải Thần, Vũ Hóng Khanh và một số tên đầu sỏ khác đã bỏ chạy. Sau thất bại của âm mưu cầu kết với Tưởng, bọn phản động Trần Văn Đĩnh, và Trần Ôn

Như Hấu, bọn phản động Việt quốc, Việt cách còn lại bị quét sạch ở thủ đô cũng như ở những thị xã, thị trấn một số tỉnh biên giới phía bắc mà chúng đã chiếm cứ.

IV

QUỐC HỘI KHÓA I

(1946 - 1960)

Ngày 6 tháng 1 năm 1946 từ tiền tuyến đến hậu phương, toàn thể công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội. Cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành sau Cách mạng Tháng Tám bốn tháng, trong khi giặc ngoài, thù trong đang tìm mọi cách lật đổ chính quyền nhân dân, thực sự là một cuộc đấu tranh hết sức gay go quyết liệt.

Tổng tuyển cử thắng lợi là một đòn nặng đánh vào âm mưu chia rẽ, lật đổ và xâm lược của đế quốc và tay sai. Nó xác lập lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam quyền làm chủ thực sự của công dân một nước Việt Nam độc lập. Nó là cuộc động viên chính trị rộng lớn và sâu sắc nhằm biểu dương sức mạnh và ý chí sắt đá của khối toàn dân đoàn kết quyết tâm giữ vững quyền làm chủ, đánh bại mọi âm mưu của các thế lực phản động. Nó góp phần nâng cao uy tín và tạo cơ sở pháp lý cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, cho cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao với kẻ thù và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Quốc hội lập hiến. Ngày 9 tháng 11 năm 1946 Quốc hội đã thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Như vậy, Bản Hiến pháp đã trở thành chính thức từ ngày 9-11-1946. Nhưng lúc đó cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đang lan rộng, cho nên Quốc hội đã biểu quyết chưa ban hành Hiến pháp bằng một sắc lệnh và chưa thi hành Hiến pháp ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân theo qui định của Hiến pháp chưa thể tổ chức được. Vì vậy Quốc hội chưa hết nhiệm vụ mà cần phải tiếp tục hoạt động cho đến khi bầu Quốc hội mới nhân dân.

Quốc hội giao cho Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ giải quyết mọi vấn đề của toàn quốc : lập hiến và lập pháp, đối nội và đối ngoại. Quốc hội khóa I hoạt động trong 14 năm (1946-1960).

Do tình hình chính trị hết sức phức tạp lúc bấy giờ, Quốc hội khóa I gồm có 333 đại biểu được bầu (có 10 đại biểu nữ, Nam Bộ có 73 đại biểu) và 70 đại biểu không qua bầu cử được Quốc hội công nhận trên cơ sở thỏa hiệp giữa các đảng phái, những người không đảng phái và đề nghị của Chính phủ lâm thời. Trong số này có 50 đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và 20 đại biểu của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội⁽¹⁾.

V

CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP

Trong khi ở miền Bắc, Tướng Giơơ Thạch tích cực trong âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng thì ở Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945, được sự giúp đỡ tích cực của quân Anh, thực dân Pháp gây hấn đánh chiếm Sài Gòn và sau đó lần lượt đánh chiếm tất cả các tỉnh lỵ, thị trấn ở Nam Bộ, tiến ra cực Nam-Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong hoàn cảnh ngàn cân treo sợi tóc đó, việc giữ vững và củng cố Chính quyền cách mạng, chỉ viện miền Nam chống thực dân Pháp xâm lược trở thành nhiệm vụ chủ yếu.

Vì vậy đối với quân Tưởng, ta thực hiện sách lược "tránh xung đột, giao thiệp thân thiện". Với bọn tay sai, ta tìm cách cô lập và giải thích cho nhân dân bộ mặt phản động của chúng, đồng thời nhân nhượng tới mức nhất định trên nguyên tắc giữ vững chính quyền và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng.

Để hạn chế sự chống phá của kẻ thù, một loạt biện pháp đã được thực hiện :

- Sau ngày 2 tháng 9 năm 1945, Giải phóng quân Việt Nam đổi thành Vệ quốc đoàn.

(1) Đa số những người này và những người khác trong Việt Nam quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội đã bỏ chạy sang Trung Quốc theo quân Tưởng cũng như họ đã ủng hộ quân Tưởng tạo Việt Nam tự lực đó.

- Ngày 11 tháng 11, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố "lự giải tán" để làm mất mục tiêu đánh phá của địch (thực chất là rút vào bí mật).

- Cải tổ Chính phủ. Đây là một vấn đề hết sức nhạy cảm đối với ta cũng như đối với địch. Ta nhân nhượng trên cơ sở giữ vững nguyên tắc. Địch hy vọng sẽ nắm được Chính phủ bằng con đường này, sau khi không thể lật đổ được. Sự mặc cả hết sức gay go.

Ngày 1 tháng 1 năm 1946 Chính phủ liên hiệp làm thời ra mắt với thành phần cơ bản như trước, có thêm Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Trương Đình Tri. Chưa thỏa mãn, Tưởng và tay sai đòi loại bỏ tất cả các Bộ trưởng Cộng sản ra khỏi Chính phủ và giao cho chúng các bộ quan trọng. Ta nhân nhượng thêm đưa ra phương án thành lập một Chính phủ liên hiệp 10 bộ : Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ do người không đảng phái làm Bộ trưởng ; bốn bộ do Việt Minh và Đảng Dân chủ nắm ; bốn bộ do "Việt quốc" và "Việt cách" nắm. Nha Công an toàn quốc và Sở Công an Bắc bộ do những người trung lập đứng đầu.

Tưởng đồng ý và bắt bọn tay sai chấp nhận vì lúc đó Tưởng đang cần có những đơn bẫy (kể cả gây căng thẳng với Pháp trong việc Pháp hủy bỏ giấy bạc 500 đồng có hại cho Hoa kiều) để buộc Pháp nhà thêm quyền lợi cho Tưởng trong cuộc đàm phán Hoa - Pháp giải quyết vấn đề quân Pháp thay thế quân Tưởng ở miền Bắc.

Tại Quốc hội khóa I kỳ họp thứ nhất ngày 2 tháng 3 năm 1946, theo đề nghị của Chính phủ Liên hiệp lâm thời, Quốc hội đã chấp nhận dành 70 ghế không qua bầu cử (họ đòi 80 ghế) cho "Việt quốc" và "Việt cách", đồng thời thông qua danh sách Chính phủ liên hiệp chính thức theo sự thỏa thuận giữa đại biểu của các đảng phái và không đảng phái theo như phương án đưa ra trước đây gồm :

- Chủ tịch : Hồ Chí Minh
- Phó Chủ tịch : Nguyễn Hải Thần
- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao : Nguyễn Tường Tam
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ : Nguyễn Thủ Khoa Hân

<https://tieuulunhopto.org>

- Bộ trưởng Bộ Kinh tế : Chu Bá Phượng
- Bộ trưởng Bộ Tài chính : Lê Văn Hiến
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng : Phan Anh
- Bộ trưởng Bộ Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động :

Trương Đình Tri

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục : Đặng Thai Mai
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp : Vũ Đình Hòa

Trong 10 bộ, dành cho đại biểu Nam Bộ 2 bộ. Trong lúc đại biểu Nam Bộ chưa ra kịp, 2 bộ đó tạm thời sẽ giao cho :

- Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính : Trần Đăng Khoa
- Bộ trưởng Bộ Canh nông : Bồ Xuân Luật.

Cố vấn đoàn do Cố vấn tối cao Vĩnh Thụy đảm nhiệm.

Về kháng chiến ủy viên hội :

- Chủ tịch : Võ Nguyên Giáp
- Phó Chủ tịch : Vũ Hồng Khanh.

VI

HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ

6 THÁNG 3

1) Cuối tháng 2 năm 1946, quân Anh rút khỏi miền Nam ; quân Nhật đang lẩn lượt hồi hương, nhưng quân Tưởng vẫn còn đóng ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Lúc đó Pháp đã chiếm đóng hầu hết Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Ở miền Bắc, tàn quân Pháp chạy trốn Nhật từ Trung Quốc kéo về đã có mặt ở Lai Châu và một phần Sơn La. Pháp muốn đưa quân ra Bắc, nhưng mặc dầu được Mỹ đồng ý, vẫn chưa thể làm được nếu chưa thảo thuận được với Tưởng.

Về phía Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch đang lao vào cuộc nội chiến lần thứ ba chống Đảng Cộng sản. Ông ta buộc phải từ bỏ tham vọng ở Đông Dương, điều kiện hòa quân đoàn số 62

đang chiếm đóng miền Bắc Việt Nam về nước và nhân nhượng với Pháp, cho Pháp đưa quân ra miền Bắc để đổi lấy một số quyền lợi.

Ngày 28 tháng 2 năm 1946, Hiệp ước Trưng Khánh ra đời.

Tuy nhiên việc Pháp đưa quân ra miền Bắc lại còn tùy thuộc vào thái độ của ta. Tương quan lực lượng giữa ta và Pháp không cho phép Pháp làm càn. Lúc đó lực lượng của Pháp xét về tổng thể hơn ta gấp bội, nhưng thu hút mất nhiều vào công cuộc binh định ở miền Nam. Với số quân hạn hẹp có thể rút ra từ chiến trường miền Nam đưa ra Bắc sẽ khó có thể đối phó với sự phản ứng mạnh mẽ của quần và dân ta. Mặt khác, Pháp và Trung Quốc trên bình diện quan hệ đầy mâu thuẫn giữa hai nước còn có mỗi lo khác. Trung Quốc lo ngại không thể tránh khỏi phải dính líu vào cuộc chiến có thể xảy ra, nếu Pháp xâm lược miền Bắc (Lư Hán - tướng quân phiệt địa phương trước sau đều không tán thành những thỏa hiệp đổi chác giữa Chính phủ Trưng Khánh và Pháp). Vì vậy Trung Quốc đặt điều kiện là Pháp phải tranh thủ cho được sự đồng ý của Việt Nam. Pháp cũng lo phải đứng trước hai kẻ thù và nhất là sợ Trung Quốc có cơ để không chịu rút quân. Vì vậy Pháp phải tính đến một giải pháp chính trị.

Trong quá trình Pháp - Trung Quốc đàm phán ở Trưng Khánh, ta theo dõi chặt chẽ và đã có dự kiến về khả năng chúng sẽ nhân nhượng nhau.

Ngày 25 tháng 2 năm 1946, Sainteny xin gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và thông báo phía Pháp sẵn sàng công nhận nước Việt Nam có chính phủ, nghị viện, tài chính riêng, nhưng là một nước tự trị trong Liên hiệp Pháp. Đổi lại ta phải chấp nhận hiệp ước Pháp - Hoa. Vì Pháp vẫn không công nhận nền độc lập của Việt Nam, thậm chí thời gian sau, ta nêu vấn đề tự chủ, Pháp cũng từ chối, nên ta bác bỏ đề nghị của họ.

Ngày 5 tháng 3 năm 1946, hạm đội Pháp tiến vào vùng biển Hải Phòng, uy hiếp hàng buộc ta phải chấp nhận lập trường của chúng. Ta kiên quyết bác bỏ và tích cực chuẩn bị chiến đấu.

Ngày 6 tháng 3 năm 1946, hạm đội Pháp tiến vào sông Cấm

(Hải Phòng), cuộc đọ súng giữa quân Tưởng và quân Pháp kéo dài suốt hai giờ. Một số tàu Pháp trúng đạn, hai chiếc bị chìm, trên 70 tên thương vong, một kho đạn của quân Tưởng bị bốc cháy.

Tình hình trở nên căng thẳng. Lập trường kiên quyết của ta làm cho cả Pháp và Trung Quốc lúng túng. Tuy nhiên, ta cũng ở vào một tình thế rất tế nhị.

Ngày 3 tháng 3 năm 1946, sau khi Hiệp ước Pháp - Hoa ra đời. Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Tình hình và chủ trương", nội dung chủ yếu như sau :

Sau khi vạch rõ rằng do những khó khăn nội bộ và trước sự lớn mạnh của cách mạng Việt Nam, cả Pháp và Tưởng đều muốn dần xếp với ta về việc quân Pháp kéo vào miền Bắc nước ta, Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương : "Nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn ngày 24 tháng 3 năm 1945 thì nhất định đánh và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích. Nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương (tự chủ) thì có thể hòa, hòa để phá âm mưu của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô lập, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù cùng một lúc để thực lực của ta tiêu hao" (1)

Ngày 5 tháng 3 năm 1946, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp mở rộng ở làng Canh (Hà Đông) nhất trí với chủ trương trên. (Ba ngày sau khi ký Hiệp định Sơ bộ, chủ trương này mang hình thức một chỉ thị của Thường vụ Trung ương Đảng ngày 9 tháng 3 năm 1946 mang tên "Hòa để tiến" (2). Để cuộc đàm phán có kết quả, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay khái niệm "độc lập", "tự chủ" (Pháp không chấp nhận), "tự trị" (ta không chấp nhận) bằng khái niệm "tự do" : "nước Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do". Sáng kiến đó đã khơi thông cuộc đàm phán và trước tình thế gay go, Pháp buộc phải chấp nhận.

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội, 1979, T.II, tr. 54 (người viết nhấn mạnh)

(2) Xem phần phụ lục

Bản Hiệp định Sơ bộ ⁽¹⁾ được ký vào 16 giờ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất đất nước sẽ được quyết định bằng trung cầu dân ý. Ta đồng ý để 15.000 quân Pháp vào thay quân Tưởng và sẽ rút dần trong 5 năm, mỗi năm rút 1/5. Hai bên ngừng bắn và sẽ mở đàm phán tại một trong ba nơi : Hà Nội, Sài Gòn, Paris.

Việc ký Hiệp định Sơ bộ là một sự lựa chọn đúng đắn và sáng suốt trong hoàn cảnh lúc đó. Tuy phải chấp nhận cho quân Pháp có mặt ở miền Bắc, nhưng ta đạt được ba yêu cầu cơ bản : tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù ; đuổi Tưởng ra khỏi đất nước và cùng với việc đó cũng loại trừ luôn cả bọn tay sai của chúng ; tranh thủ thời gian củng cố lực lượng chuẩn bị cuộc chiến không thể tránh khỏi với chỉ một kẻ thù - đó là Pháp.

Ở Nam Bộ, Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946 và Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm 1946 ⁽²⁾ đã góp phần hết sức to lớn cho quần dân Nam Bộ tranh thủ thời kỳ hòa hoãn để phục hồi cơ sở, xây dựng lại chính quyền cách mạng bị tan rã trong những ngày đầu kháng chiến.

VII

HỘI NGHỊ ĐÀ LẠT

HỘI NGHỊ FONTAINEBLEAU

TẠM ƯỚC 14 THÁNG 9 NĂM 1946

1) Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3 năm 1946 còn để lại ba vấn đề :

- Quan hệ ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài.

(1) Còn gọi là Sơ ước, dịch từ tiếng Pháp : Convention préliminaire hoặc Accords du 6 Mars.

(2) Còn gọi là Tạm ước, bản tiếng Pháp từ Modet, Vy-met.

Nam phía Bắc vĩ tuyến 16 trong vòng 5 năm" (1). Marius Moutet, Bộ trưởng thuộc địa, tiếp theo đó, đã có chỉ thị rất cụ thể các biện pháp cần thiết để củng cố quyền lực quân sự Pháp ở cả hai miền, đồng thời ở một chỉ thị khác còn nói phải tìm cách "cản trở không cho nó (Nam Kỳ) sát nhập với Bắc Kỳ, dưới khẩu hiệu "Nam Kỳ của người Nam Kỳ" (2)

Sau đó các hành động vi phạm hiệp định về quân sự từ phía Pháp đã không ngừng xảy ra. Nhưng do không đủ sức nên thực dân Pháp không làm gì được nhiều. Trong khi đó, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã tranh thủ thời cơ để phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Chính phủ Hồ Chí Minh ngày càng củng cố, phong trào quần chúng ở miền Bắc nhất là Hà Nội lên cao, sức sổi chống lại sự vi phạm hiệp định của Pháp.

2) Tình hình hết sức căng thẳng, vị thế của Pháp ở miền Bắc hết sức bấp bênh. Pháp buộc phải chấp nhận đàm phán ở Paris, hy vọng rằng "nhân vật chính sẽ được tách rời khỏi ảnh hưởng môi trường của mình" (3).

Tuy nhiên, để tranh thủ thời gian tìm cách phá hoại đàm phán, Pháp đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ đi Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, vào tháng 5 năm 1946. Trước đó để chuẩn bị cho cuộc đàm phán, sẽ tổ chức cuộc hội nghị trù bị ở Đà Lạt và một phái đoàn Quốc hội Việt-Nam sẽ đi Pháp. Ta chấp nhận.

3) Hội nghị trù bị tại Đà Lạt khai mạc ngày 19 tháng 4 năm 1946 và kéo dài đến ngày 13 tháng 5 năm 1946. Hai vấn đề có tính nguyên tắc : độc lập và thống nhất của nước Việt Nam đã không tìm được sự dung hợp giữa lập trường của hai bên. D'Argenlieu, trưởng đoàn Pháp cố áp đặt Việt Nam vào khuôn khổ của liên bang Đông Dương mà thực chất là "một hệ thống chính trị trong đó một số nước tự trị... vui lòng hy sinh một cách tự nguyện, vì quyền lợi chung, một mảnh nhỏ chủ quyền của mình" (4). Trước

(1), (2) - Sách đã dẫn, tr. 236 - 237

(3) Điện trả lời Ủy ban Trù bị tại D'Argenlieu ngày 17-3, Sách đã dẫn, tr. 242.

(4) Sách đã dẫn, tr. 256-257

Đó ngày 29 tháng 3 Bộ trưởng ngoại giao Pháp đã có chỉ thị có tính hướng dẫn : "Mục đích là làm sao thuyết phục được Chính phủ Việt nam chấp nhận sát nhập Việt Nam (bất kể dưới hình thức định nghĩa địa lý nào về nó) vào một liên bang Đông Dương và vào Liên hiệp Pháp.

Quyền tự do thiết lập quan hệ ngoại giao riêng biệt với các nước ngoài, dù là nước láng giềng, của một nước bất kỳ nào của liên bang sẽ là trái với bản thân nguyên lý liên bang. Vậy sẽ không có vấn đề dành cho Việt Nam cái quyền tự do đó" (1).

Về vấn đề thống nhất của Việt Nam, phía Pháp khẳng khái khước từ mọi thảo luận về Nam Kỳ dưới bất cứ hình thức nào.

Như vậy, hội nghị trù bị Đà Lạt, trừ một vài thỏa thuận nhỏ về kinh tế và văn hóa, các vấn đề cơ bản đều không đi đến kết quả nào.

4) Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội ngày 31 tháng 5 năm 1946. Cùng đi với Người có phái đoàn đàm phán của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn (lúc đó đồng chí Phạm Văn Đồng đang ở Paris, không về nước với đoàn Quốc hội mà đồng chí là Trưởng đoàn).

Mãi đến ngày 6 tháng 7 năm 1946 cuộc đàm phán mới bắt đầu được, không phải ở Paris, mà ở Fontainebleau, cách Paris khá xa, chủ ý của Pháp là để lẩn tránh áp lực của dư luận báo chí và các giới tiến bộ ở Pháp. Cuộc đàm phán ngay khi bắt đầu đã bị che phủ bởi những đám mây đen của những "việc đã rồi" của D'Argenlieu ở Đông Dương : ngày 21 tháng 6 quân Pháp đánh chiếm Tây Nguyên, ngày 23 chiếm đóng phủ Toàn quyền cũ ở Hà Nội và trước đó ngày 1 tháng 6, tuyên bố thành lập nước "Cộng hòa tự trị" do bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh làm thủ tướng và đại tá Nguyễn Văn Xuân làm Phó thủ tướng, được sự chuẩn y chính thức của Chính phủ Pháp ngày 5 tháng 6.

Ba vấn đề chưa được giải quyết dứt khoát trong Hiệp định Sơ bộ và trong Hội nghị trù bị ở Đà Lạt, được đặt trên bàn đàm

(1) Sách đã dẫn, tr. 256, 257.

phán. Một lần nữa lập trường hai bên vẫn không thay đổi trên các vấn đề cơ bản.

Một là về chế độ tương lai ở Đông Dương. Lập trường của ta là : mối quan hệ giữa Pháp và Việt Nam trong khuôn khổ Liên hiệp Pháp phải dựa trên nguyên tắc cơ bản về quyền tự quyết của mỗi dân tộc, dựa trên nền tảng tự do gia nhập, quy chế bình đẳng và đoàn kết bảo vệ quyền lợi chung. Sự tồn tại của liên bang Đông Dương chỉ mang nội dung kinh tế. Việt Nam kiên quyết ngăn chặn không để cho liên bang trở thành một thứ chính phủ toàn quyền giả hiệu. Lập trường của Pháp vẫn bám theo ý đồ cũ, thực chất là khôi phục lại nền thống trị thuộc địa của Pháp ở Đông Dương.

Hai là về vấn đề quân đội và ngoại giao. Ta đòi Việt Nam có quân đội riêng, đặt dưới sự chỉ huy của Việt Nam và có một bộ tham mưu hỗn hợp trong thời bình ; cho phép Pháp sử dụng một số căn cứ và sẽ rút dần, kết thúc vào ngày 6 tháng 3 năm 1951 như Hiệp định Sơ bộ đã quy định. Pháp không chấp nhận, đòi phải đặt quân đội dưới sự chỉ huy thống nhất và việc sử dụng các căn cứ là vô hạn định.

Về ngoại giao, ta yêu cầu có một nền ngoại giao riêng, Pháp chủ trương có một nền ngoại giao chung, chỉ chấp nhận sự tham gia của người Việt Nam vào các chức vụ ngoại giao của Pháp.

Ba là vấn đề Nam Kỳ. Cả hai bên vẫn giữ lập trường đối nghịch nhau.

Cuộc đàm phán ở bên bờ đố võ và đố võ hoàn toàn sau khi được tin D'Argenlieu tổ chức "Hội nghị trừ bị và nghiên cứu quy chế của liên bang" ngày 1 tháng 8 năm 1946 tại Đà Lạt. Ngày 13 tháng 9, phái đoàn Chính phủ ta lên đường về nước.

5) Cuộc đàm phán Fontainebleau thất bại, bang giao Việt - Pháp đứng trước một tình thế cực kỳ nghiêm trọng.

Để tạm giữ mối quan hệ dẫu rất mỏng manh với Chính phủ Pháp và tranh thủ sự đồng tình và thiện cảm của dư luận Pháp và thế giới, ta quyết định năm mươi của bọn thực dân hiếu chiến đang vui mừng về sự thất bại của họ nghị Fontainebleau và tổ thêm

thời gian chuẩn bị kháng chiến, ngày 14 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp bản Tạm ước, nội dung chủ yếu như sau :

- Hai bên đình chỉ xung đột ;
- Phía Pháp cam kết thi hành các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ và thả những người yêu nước bị bắt giam ;
- Chính phủ Việt Nam bảo đảm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa ở Việt Nam ;
- Đàm phán giữa hai bên sẽ tiếp tục vào tháng 1 năm 1947.

Cũng như đối với các thỏa thuận giữa hai bên trước đây, Pháp không hề có ý định nghiêm túc thực hiện bản Tạm ước này. Nhưng kể từ ngày ký Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3, ta đã tranh thủ thời gian hòa hoãn được 6 tháng quý báu và bản Tạm ước 14 tháng 9 cũng đã góp phần kéo dài thêm thời gian đó.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, cuộc Kháng chiến toàn quốc của nhân dân Việt Nam chống Pháp bắt đầu.

VII

CHÍNH PHỦ NGUYỄN VĂN THỊNH, SỰ THẤT BẠI CỦA THUYẾT PHÂN LY

Mưu đồ khôi phục lại nền thống trị thuộc địa của đế quốc Pháp ở Đông Dương ngay từ đầu đã gặp bước không may. Trước khi quân Pháp bắm theo quân Anh vào Sài Gòn, nhân dân Việt nam đã giành quyền làm chủ đất nước, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Chính phủ Hồ Chí Minh. Với bản chất bảo thủ và ngoan cố nhắm mắt trước những đổi thay, thực dân Pháp lại lao vào những phương sách cũ đã lỗi thời : tái chinh phục bằng vũ lực, chia để trị và sử dụng chính phủ bù nhìn để tìm lối thoát. Đó là bối cảnh đẻ ra cái quái thai "chính phủ Nguyễn Văn Thịnh" và con bài Bảo Đại.

1) Ngay từ cuối tháng 1 năm 1946, sau khi đánh chiếm Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ, thực dân Pháp đã bàn đến chuyện xây dựng một quy chế chính trị cho Nam Bộ - thuộc địa của Pháp theo

lĩnh thần bản tuyên bố ngày 24 tháng 3 năm 1945 của De Gaulle.

Sau khi chuyển đi Paris của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thỏa thuận, D'Argenlieu thấy cần phải đi trước một bước để ngăn chặn các thỏa thuận có thể xảy ra theo chiều hướng khác với ý đồ ông ta về vấn đề Nam Kỳ. Ngày 1 tháng 6 năm 1946 - sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Việt nam đi Pháp một ngày, mà theo D'Argenlieu cho là thích hợp nhất, cái gọi là "nước cộng hòa tự trị Nam Kỳ" ra đời với một "chính phủ lâm thời" do bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh làm Thủ tướng và đại tá Nguyễn Văn Xuân làm Phó thủ tướng.

2) Cả Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch và thực dân Pháp đều muốn dựng lên một chính phủ bù nhìn ở Hà Nội; nếu không thì cũng là một chính phủ thân Trung Quốc hoặc thân Pháp do hai nước này chi phối trong âm mưu thực hiện quyền thống trị ở Việt Nam và từ đó thống trị cả Đông Dương. Nhưng Chính phủ Hồ Chí Minh được sự ủng hộ của toàn dân, đại diện cho ý chí "thà hy sinh tất cả" vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc, thu hút tất cả những cá nhân và các tầng lớp ưu tú nhất của dân tộc đã khiến cho âm mưu đó bị thất bại hoàn toàn. Trung Quốc của Tưởng Giới Thạch và thực dân Pháp không có cách nào khác phải quan hệ với Chính phủ cách mạng vừa ra đời.

Nhận định về tình hình này, D'Argenlieu - Cao ủy Pháp ở Đông Dương, người đứng đầu giới hiếu chiến phản động nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương viết: "... Bây giờ làm sao có thể dựa vào những kẻ cầm đầu (Việt quốc, Việt cách) bất lực như vậy để chống lại ông Hồ Chí Minh cho nổi?" (1). Trong một bức điện dài gửi Paris ngày 29 tháng 3 năm 1946, cũng chính ông ta rút ra một nhận định tổng quát: "... Chủ tịch Hồ Chí Minh có một bản lĩnh rất vững vàng và có một đội ngũ những người cộng tác trong đó nhiều người khá thông minh. Ông biết mình muốn điều gì và chỉ đạo hoạt động của mình một cách kiên nhẫn... Chủ tịch có được cái kỹ

(1) Paris - Sài Gòn và Nội - D'Argenlieu, bản dịch Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 186.

thuật của một lãnh tụ cách mạng, cũng là cái kỹ thuật của Đảng đã đào tạo nên ông". (1)

Tuy nhiên với bản chất bảo thủ và ngoan cố của chủ nghĩa thực dân Pháp, giới cầm quyền và bọn thực dân Pháp ở Việt Nam vẫn bám lấy ý đồ dựng lên một chính quyền bù nhìn tay sai để đối đầu với Chính phủ Hồ Chí Minh, phủ định chính phủ này bằng cách chỉ "nói chuyện" với chính quyền bù nhìn nhằm đánh lừa dư luận để hợp thức hóa việc khôi phục nền thống trị của Pháp ở Đông Dương.

Việc cho đề ra "nước cộng hòa tự trị Nam Kỳ" với "chính phủ Nguyễn Văn Thinh" chỉ là một bước đi nhỏ vừa thực hiện âm mưu "việc đã rồi" chia cắt vĩnh viễn nước Việt Nam, vừa để làm đối trọng với Chính phủ Hồ Chí Minh, nếu ép buộc được chính phủ này chịu tuân phục quy chế liên bang Đông Dương và liên hiệp Pháp theo kịch bản của Pháp. Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh - một trí thức ít hiểu biết về chính trị - không chịu nổi sự nhục nhã của vai trò bù nhìn và búa rìu của cả dân tộc, đã tự tử, trả giá sự sai lầm bằng tính mạng của mình (Về cái chết của bác sĩ Thinh, còn một giả định khác : vì thấy mình bị lừa, ông toan tính cách chống lại Pháp, nên bị bọn thực dân cực đoan thủ tiêu, tạo ra hiện trường treo cổ tự vẫn giả).

IX

"GIẢI PHÁP BẢO ĐẠI"

Cái chết của thủ tướng bù nhìn của "cộng hòa tự trị Nam Kỳ" gây ra một cuộc khủng hoảng trong chính sách của Pháp. Chính sách chia để trị, tách Nam Bộ ra khỏi nước Việt Nam thực tế đã thất bại. Dự liếp tục ý đồ khôi phục sự thống trị ở Đông Dương, thực dân Pháp không thể không nghĩ đến thay đổi sách lược - phải bỏ cái quái thai "nước cộng hòa tự trị Nam Kỳ", phải đưa ra cái bánh vẽ về một nước Việt Nam độc lập và thống nhất. Từ ý đồ đó, con bài "đen" Bảo Đại xuất hiện với sự ủng hộ của Mỹ được cụ thể hóa bằng việc cho Bảo Đại thành lập một cái gọi là "chính phủ

(2) Sách đã dẫn, tr. 246

trung ương lâm thời của Việt Nam" với Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng và dàn cảnh việc "ký hiệp định" ngày 8 tháng 3 năm 1949 tại điện Élysée giữa Vincent Auriol, Tổng thống nước Cộng hòa Pháp và Liên hiệp Pháp với Bảo Đại.

Ngày 8 tháng 4 năm 1949 Bảo Đại chính thức trở thành "Quốc trưởng" của một "quốc gia Việt Nam", "một quốc gia không có cơ sở nhân dân, không có quốc hội, ngay cả một quốc hội tư vấn cũng không có, không có hiến pháp và trong nhiều năm, không có cả ngân sách... nó hoàn toàn phụ thuộc vào quân đội, cảnh sát và ngân khố của nước Pháp... nhà vua... chỉ còn là một biểu tượng... ở đằng sau là những cuộc đĩ sã, những sòng bạc, những đàn bà, những địa vị, đồng bạc..." (1)

Đó là một chính phủ bù nhìn không hơn, không kém. Sử dụng con bài Bảo Đại, thực dân Pháp đã cần nhắc rất kỹ, nhưng tinh thế không có cách nào đành phải chộp lấy con bài "đen" và xét về bản chất, thực dân Pháp cũng muốn nó "đen".

Về phía Mỹ thì không phải hoàn toàn như vậy. Đã từ lâu Mỹ đã góp ý Pháp sử dụng con bài Bảo Đại. Không phải chờ đợi lâu, lấy cớ là Pháp đã công nhận "Việt Nam độc lập", Mỹ đòi trực tiếp viện trợ cho Bảo Đại đến nỗi ngày từ tháng 3 năm 1950, Pignon lúc đó là Cao ủy Pháp ở Đông Dương trong tâm trạng hốt hoảng đã tự hỏi: "tiếp tục cuộc chiến tranh để làm gì? Hy sinh bao nhiêu sinh mạng, bao nhiêu nghị lực, tài sản của người Pháp để làm gì?".

Kết cục Pháp bị thất trận ở Điện Biên Phủ, bị quân dân Việt Nam tống cổ ra khỏi miền Bắc, còn lại phần phía Nam cũng bị đóng mình Mỹ xấu chơi hất cẳng và chiếm lấy nốt. Quốc trưởng bù nhìn Bảo Đại bị Ngô Đình Diệm - tay sai đắc lực và tin cậy của Mỹ thay thế. Nhưng rồi Mỹ và bọn tay sai, tới phiên mình, cũng lại cùng chung số phận của Pháp, nhưng nhục nhã hơn, đau đớn hơn.

Đất nước Việt Nam không có chỗ cho bọn xâm lược và bọn tay sai phản quốc.

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Sách dẫn, tr. 494

NHỮNG NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN Ở NAM BỘ

TRẦN VĂN GIÀU

Pháp quyết tâm xâm chiếm Đông Dương, điều đó ngay từ đầu 1945, ai ai đều biết. Ngay De Gaulle cũng chẳng giấu giếm gì. Mới chân ướt chân ráo trở về Paris, ông liền tuyên bố lập đạo quân viễn chinh để qua Viễn Đông đánh Nhật, "giải phóng" Đông Dương, tính rằng Pháp phải nổ vài phát súng, dù trể, mới mong có chút "pháp lý" hòng giành lại cái thuộc địa béo bở quá cần thiết để làm lại sự thịnh vượng của "mẫu quốc" bốn năm qua ở dưới gót giày Hitler. Song, "chạy đua" không kịp. Quân Pháp mới tới Ấn Độ Dương thì Cách mạng Việt Nam đã thành công rồi ! Đành theo đuôi quân Anh vậy, để tháp tùng mà vào Đông Dương khi bọn này lãnh trách nhiệm của Đồng minh vào Nam Đông Dương giải giáp quân Nhật. Anh giúp đỡ Pháp, là điều dễ hiểu. Hai thằng đều là trùm thực dân cả. Cho nên, những người Cộng sản Nam Bộ, cũng như cả nước, ngay cả trước khi làm khởi nghĩa, đã có ý thức rằng cách mạng thành công sẽ đụng phải sức chống phá của quân "Đồng minh" vào đây, nói là để giải giáp quân Nhật mà kỳ thật là để ngăn cản cách mạng, nếu ngăn cản không kịp thì quyết tâm tiêu diệt hòng bảo vệ hệ thống chủ nghĩa thực dân thế giới bất đầu lâm nguy bởi sự thành công của Cách mạng Tháng Tám Việt Nam. "Phái viên Cộng hòa Pháp", đại tá Cédille, nhảy dù xuống Tây Ninh ngày 24 tháng 8, được Nhật giành lấy trong tay tự vệ của ta và đưa về Sài Gòn - chắc chắn đã chứng kiến cuộc biểu tình vũ trang khởi nghĩa của một triệu người ngày 25 - hầu bắt mối với một số tiền trạm quân Anh và mấy ngàn kiều dân Pháp ở Sài Gòn, bày mưu khiêu khích bằng cách bắn vào cuộc biểu tình không vũ trang và tàn nhẫn nhất là ngày 2 tháng 9, gây xung đột đổ máu, cố ý làm cho người Việt Nam giết lẫn người

Anh, để rồi, nhân đó mà nhờ quân Anh, quân Nhật đánh phá chính quyền cách mạng nhân danh "lập lại trật tự". Hôm đó, bên phía Pháp có 7 người chết và non già 1000 người bị bắt, bên ta có 47 người chết và bị thương. Không có người Anh nào bị thiệt mạng. Trật tự được giữ vững. Cuộc biểu tình tiếp tục trong tiếng hoan hô Cách mạng thành công. Đến tối, để giữ "hòa khí" ta thả hết 1000 Pháp kiều bị bắt. Nhưng làm gì có hòa khí nếu bên muốn bên không? Từ nay bọn Pháp càng ráo riết chuẩn bị cuộc đánh chiếm Sài Gòn và Nam Bộ làm căn cứ để đánh chiếm cả Việt Nam y như gần một trăm năm trước.

Địch chuẩn bị đánh chiếm. Thì ta chuẩn bị đánh trả. Trong lúc chờ đợi ngày quyết liệt thì hai bên không ngớt thương thuyết, đàm phán. Ta đàm phán với ý muốn đạt kết quả. Pháp đàm phán là để đạt hoãn cầu mưu và đồng thời nó khiêu khích càng mạnh :

1. Pháp nhờ Anh tuân tụy thả quân lính Pháp bị bắt hôm 9 tháng 3. Tụi này đông đến 17.000 người trong đó có binh sĩ và tướng Mordant, có thường dân đã nhập ngũ và Toàn quyền, Thống đốc. Tụi này mấy tháng nay như một bầy sói bị nhốt, nay được mở cửa chuồng, ra phố giỡn mọi trò lưu manh, cướp giết tiệm vàng, đánh đập người Việt Nam. Ta đối phó bằng cách lựa trong các đội Thanh niên Tiền phong, những bạn cao to, võ giỏi, đi từng nhóm nhỏ trên các đường phố trung tâm Sài Gòn, hề thấy lính Tây đánh người Việt Nam thì xông vào bênh vực, đánh lại ; tụi nó phải sợ, bớt tính côn đồ.

2. Ngày 5 tháng 9, Anh đòi ta phải giải tán dân quân tự vệ, phải nộp vũ khí, đòi cấm dân thường ra đường mang dao găm, gậy gộc, dây thừng (vũ khí cá nhân tự tạo của Thanh niên Tiền phong). Phúc đáp, đồng chí Giám đốc Quốc gia tự vệ Cuộc gọi cho chỉ huy Anh mấy xe tầm vông non ; nói "chí tình", cũng có mấy cây súng hai nòng cũ, sét.

Đáng ghê nhất là ngày 5 tháng 9 đó, đồng bào Sài Gòn và Nam Bộ được nghe lời hiệu triệu và tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh :

"Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân Đồng minh kéo vào Việt Nam để tước khí giới quân Nhật, nhưng cương quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa.

Hỡi đồng bào !

Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu !" (1)

3. Quân Anh giành trụ sở của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ là một bước tiến mới trong kế hoạch xâm lược của Pháp. Ngày 10 tháng 9 Anh gửi thông điệp cho ta, nói rằng "việc trưng dụng này không có ý nghĩa chính trị mà chỉ nhằm tạo cho quân Đồng minh một phương tiện làm việc". Thật ra, đó là cách làm mất uy tín của chính quyền cách mạng ; đó là cách lấn dần, tiến thêm một bước để giành lấy chính quyền về tay thực dân. Chúng đặt ta trước một khó khăn lớn : không giao trụ sở thì chúng có cơ để gây xung đột vũ trang ; còn giao thì tức là ta lùi bước trước địch, đồng bào mình chưa chắc hiểu cho. Biết vậy nhưng cái thế bắt ta phải lùi một bước. Ủy ban Nhân dân bấy giờ có lời báo cáo với đồng bào mình rằng :

"Ủy ban chúng tôi đã nhã nhặn đề nghị cho phái bộ Anh những dinh thự khác ; nhưng rốt cuộc không cưỡng được. Chúng tôi phải dời đi, có bộ phận về dinh Đốc lý như bữa đầu. Đứng trước cảnh ngộ khó khăn hơn nữa, chúng tôi kêu gọi quân dân nhất trí, chớ nóng nảy mà hành động vô phương pháp. Đồng bào hãy siết chặt hàng ngũ trong Việt Minh, xung quanh Chính phủ, đừng làm trái với mệnh lệnh của Chính phủ mình, hãy tin chắc rằng bao giờ chúng tôi cũng không quên quyền lợi tối cao của Tổ quốc là Độc lập, Tự do.

Một lần nữa đồng bào hãy lặp lại lời thề của mình hôm 2 tháng 9 : "Chúng tôi, toàn thể nhân dân Việt Nam cương quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu người Pháp đến xâm

(1) Hồ Chí Minh (chánh), Nhà xuất bản Văn minh, Quốc gia Hà Nội, 1995, t.4, tr.11.

lược một lần nữa thì chúng tôi quyết không đi lính cho Pháp, không làm việc cho Pháp, không đưa đường cho Pháp”.

Một lần nữa, chúng tôi, Ủy ban Nhân dân, lặp lại lời thề :
 “Cương quyết lãnh đạo quốc dân, gìn giữ đất nước, thực hiện chương trình Việt Minh, hy sinh vượt tất cả nguy hiểm, cương quyết chống mọi mưu mô xâm lược, dù chết cũng cam lòng”.

Nay quân Đồng minh đến, phái đoàn Đồng minh đến. Ta hãy tỏ ra cho Đồng minh thấy rằng chúng ta là một dân tộc có kỷ luật, ham hòa bình, yêu tự do, chuộng cán lao, nhưng luôn luôn có thể chết để bênh vực Tự do của Tổ quốc...”

4. Bọn Pháp tinh “ăn cỏ” với bọn Anh, liền sau vụ Anh giành trụ sở Ủy ban Nhân dân tức là dinh Thống đốc Nam Kỳ cũ ; bọn chúng treo cờ tam sắc ở dinh Toàn quyền cũ. Dinh này vốn bị Nhật đóng từ 9 tháng 3 ; đầu tháng 9 vừa qua Nhật trao lại cho Anh, Pháp, phái đoàn Pháp đặt trụ sở ở đó. Nay, Pháp muốn đánh một đòn tấn công chính trị tâm lý có thể có tiếng dội rất lớn, nó kéo cờ lên trước sân dinh Toàn quyền ; nhưng, nó thất bại ngay, thất bại đau. Ngày 13 tháng 9, hàng trăm tên thực dân Pháp tập trung ở sân trước, làm lễ kéo cờ lên và đồng thanh hát bài *Marseillaise*. Nhân dân Việt Nam trên đường đi làm việc, thấy lạ, dừng lại xem, 100, 1.000, rồi hàng vạn người bám vào hàng rào sắt, hò đá đảo ! phản đối ! Anh em thanh niên đã cởi áo, leo rào, quyết tâm vào hạ cờ Pháp xuống. Trong lúc đó, được tin, Phạm Ngọc Thạch liền đi can thiệp với phái đoàn Anh, yêu cầu Anh can thiệp với Pháp, đòi Pháp phải hạ cờ, nếu không thì không thể nào tránh khỏi đổ máu, mấy lần hơn ngày 2 tháng 9. Anh can thiệp ngay. Và Pháp phải hạ cờ tam sắc. Nhân dân Việt Nam giải tán, mừng thắng lợi lần này mà e Pháp còn tìm cách kéo cờ lần nữa ở dinh Toàn quyền cũ để khẳng định chủ quyền của nó. Báo Điện tin hôm sau có bài tường thuật vụ này :

“... Thiên hạ bao quanh dinh Toàn quyền với tất cả hèm hực sôi nổi trong khi thấy lá cờ tam sắc thập thò nửa muốn kéo lên, nửa như ngại ngừng không dám. Rốt cuộc, lá cờ đành phải lừng lờ nửa chừng rồi xuống như một lá cờ tang...”

Quán chúng tuy tức giận nhưng vẫn giữ kỷ luật, giữ trật

tự để tránh cam bẫy của bọn khiêu khích. Họ mím môi, nén giận, chờ đợi cuộc thương thuyết ngoại giao của Chính phủ. Và kết quả được như mọi người mong mỏi. Cờ tam sắc bị triệt hạ chiều ngày 13 tháng 9".

5. Để chuẩn bị cho cuộc đổ quân hàng loạt với nhiều bom đạn, Anh bắt buộc ta phải giao cho Đồng minh quản lý toàn bộ bến cảng thương mại và bến cảng quân sự, xưởng Bason sửa chữa tàu biển và kho bom đạn lớn nhất Đông Dương tại Sài Gòn là sở Bureau technique.

6. Quan trọng nhất là việc Pháp âm thầm chuẩn bị thành lập một chính quyền bù nhìn ở Nam Kỳ. Chúng đưa bác sĩ Nguyễn Văn Thịnh và bác sĩ Nguyễn Văn Tung vào trong trại lính Trung đoàn bộ binh thuộc địa thứ 11 (11^e RIC), Anh vào Khám Lớn Sài Gòn rước con "hùm xám" khát máu Nguyễn Văn Tâm ra nhập bọn với Thịnh, Tung.

7. Ngày 19 tháng 9, khi đã tập hợp được một lực lượng quân sự đáng kể, thì đại tá Cédille với danh nghĩa là đại diện của Cộng hòa Pháp, họp báo để tuyên bố rằng :

"Việt Minh không đại diện cho nhân dân Việt Nam và do đó, Pháp sẽ thành lập một chính phủ, phù hợp với tinh thần bản Tuyên bố ngày 24 tháng 3 năm 1945 của tướng De Gaulle".

Liên hôm sau, tướng Gracey buộc ta phải trao lại cho Đồng minh các chốt cảnh sát ở vùng trung tâm này. Gracey đòi ta phải rút hết các lực lượng vũ trang ra khỏi địa phương Sài Gòn và Gracey tuyên bố thiết quân luật. Tất cả các tù binh Pháp đều được thả.

Lúc này, vào 21 tháng 9, lực lượng quân sự của Anh ở Sài Gòn đã có 2500 lính Anh Ấn cộng với 7 liên đoàn quân Nhật mà Anh điều động vào hỗ trợ cho quân Anh Ấn. Còn riêng Pháp đã có hai trung đoàn bộ binh. Trung đoàn số 5 và Trung đoàn số 11 cộng với non già 1.000 Pháp kiểu được vũ trang, tổ chức thành đội ngũ. Đại quân của tướng Leclerc thì trên đường gần tới Sài Gòn.

Giờ "hạ thủ" của Pháp sắp đến.

Xế chiều ngày 22, phái đoàn Pháp lịch sự mời Phạm Ngọc Thạch

và Trần Văn Giàu tối nay 19 giờ đến trụ sở dự một bữa "tiệc công tác" - un dîner de travail - nói rằng có đại biểu mới của Chính phủ Pháp vừa đến, có đem những đề nghị mới cho cuộc thương thuyết. Bên ta hứa đến dự. Nhưng, đoán trước điểm không lành, ta không đến cuộc "hội yến", "thương thuyết" có thể chỉ là một cái bẫy. Với một cái bẫy tương tự, Pháp đã bắt Sơn Ngọc Thành ở Phnom Penh. Truyện Tàu xưa đầy dẫy những cái mưu cổ điển ấy. Trước 24 giờ đêm ấy quân Pháp nổ súng đánh chiếm trụ sở của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và một số cơ quan khác.

*
*
*

Trong suốt thời gian non già 3 tuần Pháp và Anh ráo riết chuẩn bị xâm lược, thì ở Sài Gòn và Nam Bộ, Đoàn thể và Chính quyền của ta đã có những đối sách gì, đã chuẩn bị như thế nào để bảo vệ độc lập dân tộc?

1. Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, ngay từ đầu, đã mở cuộc thương thuyết với phái đoàn đại diện của Cộng hòa Pháp, trình bày rất kỹ đường lối hòa bình, độc lập của ta, ta nói lên cái ý chính là phải thương thuyết trên cơ sở Pháp thừa nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Còn Pháp thì chỉ hứa hẹn tự trị, đem "ba nước Việt Nam" (Nam Kỳ, Bắc Kỳ và Trung Kỳ) vào nằm trong một "liên bang Đông Dương năm nước" do Pháp nắm then chốt và liên bang đó lại ở trong Liên hiệp Pháp. Cuộc nói chuyện giữa hai bên đối kháng. Rất cứng đại biểu Pháp, như kết luận, nói với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch: "Có lẽ các ông quan niệm rằng phải giành bằng vũ lực, bằng máu, để chứng tỏ là xứng đáng với độc lập và để chứng tỏ rằng dân nước các ông biết giành độc lập ấy. Bởi vậy, có lẽ các ông quan niệm rằng đầu chưa biết thành bại ra sao, cũng cứ phải chiến đấu đã và những hành động anh hùng sẽ bảo đảm cho tương lai, sẽ làm cho dân chúng có ý thức về sức mạnh của mình, tự biết rằng mình đã trưởng thành. Nếu quả như vậy thì không cần phải thương lượng nữa giữa các ông và chúng tôi".

Bác sĩ Thạch đáp: "Chỉ là như vậy. Các ông nói đúng, chỉ sai có một điều là không phải chúng tôi không biết trước thành bại,

chúng tôi biết trước là chúng tôi sẽ thắng, nước Việt Nam sẽ giữ được độc lập, thống nhất".

3. Không đợi đến khi Gracey đòi chính quyền ta nộp vũ khí cho quân Đồng minh và giao quyền cảnh sát cho họ ở trung tâm Sài Gòn, ta đã đưa phần lớn lực lượng vũ trang ra ngoại ô, và về hướng sông Chợ Đệm, sông Vàm Cỏ để tránh cái nguy cơ bị tập kích, bị bao vây tước khí giới. Đồng thời ta ra sức tăng cường Cộng hòa vệ binh bằng hàng trăm, hàng ngàn người mới tòng quân lấy trong các đội Xung phong Công đoàn, trong Thanh niên Tiến phong. Ta phát triển các lực lượng dân quân tự vệ ở nội thành.

4. Ta thành lập (mà không tuyên bố) Ủy ban kháng chiến Nam Bộ lo việc chuẩn bị kháng chiến ở Sài Gòn và ở các tỉnh.

5. Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn và ngoại ô kế cận được chia ra làm 5 mặt trận, mặt trận nội thành và 4 mặt trận ở xung quanh. Trong nội thành, lập 14 tiểu khu và ngoài 300 tổ đội Xung kích. Những tổ đội Xung kích của Công đoàn đều đến trụ sở số 72 đường Lagrandière để tuyên thệ quyết tâm hy sinh vì độc lập tự do. Tất cả các tổ đội, các tiểu khu đều tự lực kiểm đủ các thứ vũ khí: súng đạn, mìn, lựu đạn và các dụng cụ để làm chiến tranh phá hoại như dầu, xăng, cưa, búa... Cũng đã bắt đầu di chuyển ra khỏi thành phố một số máy móc như máy in, máy tiện.

Mục đích dễ đoán thấy của sự thành lập 5 mặt trận này là bao vây địch trong Sài Gòn và đánh địch vừa từ bên trong, vừa từ bên ngoài một khi địch khởi hấn. Nhìn về mặt tác chiến mà nói thì giữa Bộ chỉ huy chung và các mặt trận không có sự giao thông liên lạc nào khác hơn là đi bộ và đi xe đạp, chiến sĩ thì có thừa, nhưng súng đạn rất ít, mỗi mặt trận có sự chỉ huy chung về hình thức mà thực tế là, trên mỗi mặt trận ở ngoại ô có nhiều bộ đội độc lập, không có hay chưa có hệ thống tổ chức, rời rạc, phối hợp rất khó. Chưa có hậu cần, mạnh ai nấy lo.

6. Ủy ban Nhân dân Nam Bộ cải tổ, mở rộng đoàn kết dân tộc.

<https://tieulun.hopto.org>

Trong lúc tiếng súng tiến công và tiếng súng đê kháng còn nổ ở trụ sở của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và một số cơ quan chính quyền ta tại trung tâm Sài Gòn, thì Ủy ban Kháng chiến cấp báo cho cả 5 mặt trận sẵn sàng chờ lệnh. Đồng thời Ủy ban Kháng chiến mời một cuộc họp liên tịch của Xứ ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Kháng chiến và đại diện của Tổng bộ Việt Minh họp từ hừng sáng ngày 23, tại số nhà 107 đường Cây Mai - Chợ Lớn. Vấn đề đặt ra là : Pháp đã bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa thì ta phải làm gì ? Cần quyết định ngay, không trễ được. Đại biểu Ủy ban Kháng chiến nhận định rằng đây không còn là một sự khiêu khích nữa mà đã là bắt đầu cuộc chiến tranh, mục đích trước mắt của địch là chiếm Sài Gòn để lan ra chiếm Nam Bộ và căn cứ vào đây mà tùy mức độ chiếm lại toàn bộ Việt Nam như cách đây gần 100 năm. Đại biểu của Ủy ban Kháng chiến đề nghị, phải cấp thời hiệu triệu quân dân Sài Gòn và Nam Bộ nhất tề đứng lên đánh trả, bảo vệ độc lập. Tất nhiên là phải báo cáo và thỉnh thị với Trung ương, nhưng phải đánh trả lại ngay không chờ đợi, tin chắc rằng Trung ương cũng đồng tình với ta. Tương đầu như thế là chí lý. Không hề có ý kiến khác : ta không nên hiệu triệu quân dân đánh trả ngay mà chỉ nên hô hào bãi công bãi thị phản đối, phải để cửa cho sự đàm phán, phải báo cáo ngay cho Chính phủ Trung ương và chờ lệnh trên chắc sẽ vào sớm. Ý kiến hòa hoãn chờ lệnh này không được đa số hội nghị tán thành. Đa số hội nghị tán thành : địch đánh chiếm thì ta phải đánh trả ngay, địch xâm chiếm thì ta phải kháng chiến ngay. Không đánh trả ngay, không kháng chiến ngay thì địch có thời giờ và điều kiện đánh chiếm rộng mãi cho nó không ngưng lại đâu. Đánh trả, kháng chiến không phải là không thương lượng, không đàm phán nữa, trái lại, ta đánh mạnh thì mới buộc địch phải đàm phán, đánh và đàm không bãi trừ nhau, Nguyễn Trãi vừa đánh vừa đàm với quân Minh, ta cũng vậy. Nếu chờ có lệnh của Trung ương mới đánh trả địch thì té ra ta để thời giờ cho địch mở rộng vùng chiếm đóng, vừa mất đất, vừa mất uy tín với nhân dân. Ta không kêu gọi đánh thì quân dân cũng tự động đánh, ta còn lãnh đạo ai được ? Ta sẽ tuân theo quyết định của Trung ương, song, trong khi chờ đợi phải kêu gọi quân dân lập tức đánh trả địch tấn công xâm chiếm thì không được có thái độ lúng túng, chỉ hô hào bãi công, bãi thị, tương ở miền cường không thể chờ lệnh vua mới

đánh giặc thỉnh linh vào ái. Phải vừa đánh vừa thỉnh mạng. Ủy ban Kháng chiến trình cho Hội nghị chấp thuận bản hiệu triệu đã soạn sẵn từ khi đêm trong tiếng súng nổ :

"Đồng bào Nam Bộ,

Nhân dân thành phố Sài Gòn,

Anh chị em công nhân, nông dân, thanh niên, tự vệ, dân quân, binh sĩ.

Đêm qua, thực dân Pháp đánh chiếm trụ sở chính quyền ta ở trung tâm Sài Gòn.

Như vậy là Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Ngày 2 tháng 9, đồng bào đã thể quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của Tổ quốc :

"Độc lập hay là chết !"

Hôm nay,

Ủy ban Kháng chiến kêu gọi :

Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai gái, hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược.

Ai không có phân sự do Ủy ban Kháng chiến giao phó thì hãy lập tức rời khỏi thành phố. Những người còn ở lại thì :

- Không làm việc, không đi lính cho Pháp ;

- Không đưa đường, không báo tin cho Pháp ;

- Không bán lương thực cho Pháp ;

- Hãy tìm thực dân Pháp mà diệt !

- Hãy đốt sạch tất cả các sở, xe cộ, tàu bè, kho tàng, nhà máy của Pháp.

Sài Gòn bị Pháp chiếm phải trở thành một Sài Gòn không điện, không nước, không chợ búa, không cửa hàng.

Hỡi đồng bào !

Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tay sai của chúng.

Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước.

Cuộc kháng chiến bắt đầu !

Sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945

Chủ tịch

Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ"

Đa số Hội nghị tán thành. Nội buổi sáng 23 bản hiệu triệu này được phát ra khắp nơi trong thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, được đưa về các tỉnh, được dán lên tường, lên thành ô tô, lên thân cây. Bản hiệu triệu được đồng bào, quân và dân nhưետ luật nghe theo, làm theo.

Như đã tin chắc, ba ngày sau nhân dân Nam Bộ nhận được sự đồng tình của Chính phủ, được lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đài Tiếng nói Việt Nam :

"Hỡi đồng bào Nam Bộ !

Nước ta vừa tranh quyền độc lập, thì đã gặp nạn ngoại xâm. Khi còn chiến tranh với Nhật, thì bọn thực dân Pháp hoặc đầu hàng, hoặc chạy trốn. Nay vừa hết chiến tranh thì bọn thực dân Pháp hoặc bí mật, hoặc công khai mò lại. Trong bốn năm, họ đã bán nước ta hai lần. Nay họ lại muốn thống trị dân ta lần nữa.

Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của nhà đại cách mạng Pháp : "Thà chết tự do hơn sống nô lệ".

Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh tranh đấu để giữ vững nền độc lập của nước nhà.

Tôi chắc và tất cả đồng bào đều chắc rằng những người

và những dân tộc yêu chuộng bình đẳng tự do trên thế giới đều đồng tình với chúng ta.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân.

Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng".

Tôi chỉ muốn dặn đồng bào Nam Bộ một lời : "Đối với những người Pháp bị bắt trong lúc chiến tranh, ta phải canh phòng cẩn thận, nhưng phải đối đãi với họ cho khoan hồng. Phải làm cho thế giới, trước hết là làm cho dân Pháp biết rằng : chúng ta là quang minh chính đại. Chúng ta chỉ đòi quyền độc lập tự do, chứ chúng ta không vì tư thù tư oán, làm cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người cướp nước".

Nước Việt Nam độc lập muôn năm.

Đồng bào Nam Bộ muôn năm.⁽¹⁾

Tiếp theo, Nam Bộ lại được Huấn lệnh của Chính phủ Trung ương :

"Hỡi đồng bào Nam Bộ !

Lòng cương quyết dũng cảm của nhân dân Nam Bộ chống lại quân đội xâm lăng của Pháp chẳng những đã làm cho đồng bào toàn quốc cảm phục, mà lại đã chứng tỏ cho thế giới đều biết cái quyết tâm độc lập của nhân dân Việt Nam.

Hiện nay, đồng bào Nam Bộ đang đi qua những bước khó khăn, gay go. Điều đó là một sự dĩ nhiên trên con đường tranh đấu cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc. Đồng bào phải kiên quyết, phải giữ vững sự tin tưởng ở tương lai và lập tức thi hành triệt để những lời thề quá quyết trong ngày độc lập.

Hỡi các đồng chí phụ trách !

Các đồng chí phải căn cứ theo chính sách tranh thủ hoàn toàn độc lập của Chính phủ và điều kiện thực tế của Nam Bộ

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Hồ Chí Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1955, t.4, tr.27-28.

mà định phương châm hành động cho đúng, làm sao cho giữ gìn được thực lực chính trị và quân sự, đúng thời làm cho thế giới biết rằng nhân dân Việt Nam không chịu ách nô lệ của Pháp một lần nữa.

Trong giờ phút nghiêm trọng này, Chính phủ kêu gọi đồng bào yêu quý Nam Bộ phải đoàn kết chặt chẽ muôn người như một, dũng cảm và thận trọng cho thật kiên quyết và trầm tĩnh, nghe theo lời Chính phủ để đưa cuộc gidi phóng đến thắng lợi cuối cùng".⁽¹⁾

Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Huân thị của Chính phủ Trung ương, đồng ý với nghị quyết của Hội nghị Cây Mai, đã đem lại cho quân dân Sài Gòn và Nam Bộ thêm nghị lực, quyết tâm, tin tưởng trong cuộc kháng chiến bất đầu.

*
* * *

Kế hoạch của Pháp là đánh chiếm Sài Gòn, rồi đánh chiếm các tỉnh, phủ ở Nam Kỳ. Ưng phó của ta là, trước mắt, ra sức bao vây Pháp trong thành phố càng lâu càng hay, ra sức tiêu hao địch càng nhiều càng tốt, để ta có thì giờ chuẩn bị tác chiến ở tất cả các tỉnh.

Đêm 22 rạng 23 đó, các đơn vị bảo vệ trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, trụ sở Quốc gia tự vệ cuộc, nhà dây thép và mấy bót cảnh sát ở trung tâm Sài Gòn, đã anh dũng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tiếng súng đánh thức mọi người. Dân quân tự vệ trong nội thành tập hợp hàng ngũ. Địch không bắt được một người lãnh đạo nào (trừ đồng chí đại biểu Tổng công đoàn trong Ủy ban), các đồng chí đã dè phòng từ mấy hôm rồi. Địch không tập kích được một đơn vị quân đội nào, ta đã chuyển ra hết ở ngoại ô. Sáng ra, tiếng súng chỉ rải rác. Đến trưa, lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến được truyền ra và các đội dân quân tự vệ bắt đầu hoạt động.

Trong sách *Saigon Septembre 1945* Trần Tấn Quốc (của báo *Điện Tin*) thuật lại bài *Sài Gòn trong vòng vây* của một ký giả nước ngoài :

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Báo *Cửu quốc*, Hà Nội, ngày 27-9-1945.

"... Từ sáng 23 đến trưa ngày ấy, Sài Gòn được yên tĩnh. Nhưng đến xế chiều thì tình thế biến đổi hẳn. Một đội dân quân Việt Nam tiến theo đường Verdun ⁽¹⁾ tràn xuống trung tâm Sài Gòn, chiếm chợ Bến Thành, kéo thẳng đến đại lộ Bonard ⁽²⁾ xả súng bắn. Mặt khác có nhiều đội dân quân vượt kinh Tàu Hủ (sông Cầu Ông Lãnh) đổ bộ lên Sài Gòn, tiến thẳng đến đại lộ La Somme ⁽³⁾. Trong vài vùng khác, người ta cho hay có những trận đánh. Tiếng súng nổ khắp nơi. Đại tướng Gracey triệu tập một cuộc họp báo giới. Chúng tôi sống trong âm thầm ; không một ngọn đèn. Trong cánh tối om ấy, mỗi người đều tự hỏi những gì đã xảy ra và mỗi người đều đặt ra nhiều câu hỏi hốt thức. Đại tướng Gracey bình tĩnh giải-bày rằng ông còn hy vọng một cuộc giải quyết hòa bình:

Ở xa xa, nhiều đám cháy ngùn ngụt, đỏ trời. Một cánh tượng kinh hoàng bao trùm nhà hàng Continental. Rất đông đàn bà và trẻ con Pháp lánh nạn tại nhà hàng, mà nơi đây không còn một tia sáng của đèn điện. Ở đây thịnh thoạng lại được tin những người Pháp lẻ loi vừa bị thiệt mạng. Những tin điên đầu cứ truyền ra, phần thì tiếng súng nổ không ngớt làm rối loạn tinh thần. Còn Việt Minh hiện giờ họ chiếm đóng tất cả các khu vực ngoại ô..."

Vậy là, dân quân Sài Gòn ngày từ rất sớm ngày 23, đã phá nhà đèn, máy nước, đã phản công đánh địch trong trung tâm thành phố, xuất phát từ Bán Cờ, Xóm Chiếu, các tổ đội ở nội thành thì bắt đầu cuộc chiến tranh du kích, dân chúng thì rời Sài Gòn, chợ búa không họp, tiệm đóng cửa, dân quân tổ chức phá hoại cơ quan, tài sản của Pháp, diệt bọn thực dân đi lẻ, đánh quân thực dân đi ruộng. Kế một số trận nổi nhất đã diễn ra trong vài ba ngày đầu :

Sáng ngày 24, nhân dân và dân quân ở vùng Xóm Chiếu, Khánh Hội, Tân Thuận tức là vùng bến cảng, kéo nhau về khu Cầu Quay và Bót số 6 gần đó. Quân Pháp và Anh Ấn - dân gọi là "tui chạ-và-chớp"-

(1) Nay là Cách mạng Tháng Tám

(2) Nay là Lê Lợi

(3) Nay là Hàm Nghi

đóng ở đó, ở bến Nhà Rồng và hãng Đâu Ngựa xả súng bắn chặn. Nhiều người chết và bị thương, nhưng dân quân và quân chúng cứ tiến, bao vây đồn Thương Khẩu và Bót số 6, phá rào, ném lựu đạn, lầy súng địch bắn địch, tiếng hô xung phong vang lên một góc trời. Toán quân Pháp, Anh Ấn đầu hàng. Ta giải phóng 70 thanh niên bị bắt. Trong lúc đó thì ở cầu Mac Mahon, cầu Kiệu, cầu Bông, cầu Thị Nghè, cầu Muối, dân quân đẩy lùi địch toan mở vòng vây. Trận quyết liệt nhất, đẹp mắt nhất là 2 trận đánh của chiến sĩ Cứu hòa. Đội trưởng Cứu hòa là đồng chí Giỏi đã sớm đưa xe cộ và xăng dầu vào Chợ Lớn - Phú Lâm, để phòng địch tập kích. Nay địch đã gây chiến rồi thì, đi đầu tập kích địch chính là quân Cứu hòa của Giỏi. Máy xe cứu hòa chạy suốt đường Catinat từ bờ sông lên Nhà thờ lớn bốp còi cứu hòa inh ỏi, vừa chạy vừa xả súng bắn. Bọn địch bất ngờ trở tay không kịp. Trận đánh của quân Cứu hòa nhằm "thị uy", không nhằm giành lại một cơ quan nào. Trận đánh gieo kinh hoàng cho địch. Pháp đã chiếm sở Cứu hòa ngày hôm qua. Hôm nay, trong lúc đoàn xe cứu hòa đại náo Catinat thì chiến sĩ tự vệ ở sở Cứu hòa Galliéri leo lên tháp cao, hạ cờ Pháp, treo cờ Việt Nam, người trước bị bắn ngã, người sau leo lên tiếp, 4 chiến sĩ hy sinh ở tháp cờ, còn đoàn xe cứu hòa thì an toàn trở về căn cứ. Trong lúc dân Sài Gòn tản cư về các tỉnh thì quân các tỉnh lần lượt lên các mặt trận xung quanh thành phố để tiếp viện và để rút kinh nghiệm. Được chú ý, được hoan nghênh nhất là các đoàn đồng bào Thượng người dân tộc Mạ ở Biên Hòa, người dân tộc Stiêng ở Thủ Dầu Một kéo xuống Sài Gòn với y phục và vũ khí : nã, tên tẩm thuốc của mình, tham gia tác chiến ở cầu Thị Nghè, cầu Bông. Nội ngoại thành, tinh hình cực kỳ sôi nổi. Nhà báo Trần Văn Quốc ghi trong sách *Saigon Septembre 1945* :

"Mãi đến ngày 25, Sài Gòn vẫn chưa có điện nước, lại thêm không có lương thực. Túng cùng quá, người Pháp phải đến các quán cóc dờ dáy của Hoa kiều, ở đây còn có thể tìm được một bát cơm lạp xương, và ở đây người ta thấy các quan Pháp không khó tánh như trước, họ ngồi ghế đẩu, ăn cơm bằng bát đũa. Ban đêm, người Pháp luôn luôn xao xuyến, không ngủ được và rất mệt mỏi. Tuy vậy Đại Tá Cédille vẫn hoạt động, ông viết nhiều tuyên bố kêu gọi người Việt Nam trở lại làm việc. Nhưng, đáp lời Cédille, người Việt Nam kéo nhau ra khỏi

thành phố. Trong một thành phố tối om, bao trùm lên bởi không khí chiến tranh và cách mạng, các gia đình cứ phất khóc vì một người thân vừa từ nạn. Ai nấy đều phấp phồng lo sợ cho ngày mai. Súng vẫn nổ. Dân quân Việt Nam dùng chiến thuật du kích mà đánh, khi ẩn, khi hiện, đột nhập thành linh, phá hoại rồi rút đi. Chẳng những dân Pháp kinh hoàng vì không biết du kích sẽ xuất hiện lúc nào, ở đâu đến, mà đến cả quân lính Pháp, Anh Ấn cũng không làm sao biết trước để mà ngăn ngừa".

Kinh hoàng nhất cho người Pháp là trận tấn công của dân quân các tiểu khu Đất Hộ, Tân Định, Phú Nhuận hợp nhau đánh vào khu dân cư René Héralut ở một góc Tân Định. Quân lính Pháp thường đi rông trong các khu dân cư người Việt Nam để bắt du kích, bắt thanh niên, quân du kích trả đũa đánh vào khu dân cư Pháp ở Tân Định. Khu này được Pháp bảo vệ kỹ, là khu nhà ở của công chức và sĩ quan cấp dưới hay trung binh, một đêm bị dân quân địa phương đột nhập, giết nhiều người Pháp, trong đó, tiếc thay, có một số người vô tội, cả một vài người có cảm tình với Cách mạng. Bọn thực dân từ đây thấy rằng không phải ban ngày đi ra đường mới bị giết mà ngay cả ban đêm, ở trong nhà, cũng có thể thiệt mạng.

Chẳng những đi đường, ở nhà lẻ tẻ thì dễ bị dân quân bắn tỉa, mà đi hàng đoàn quân sau lá cờ Anh, cũng không khỏi bị tập kích, nếu đánh bạo ra khỏi Sài Gòn. Ngày 26 tháng 9, chừng 10 xe quân Anh Ấn lên Bình Đức để chở súng về cho Pháp, bị dân quân phục kích tiêu diệt bộ phận lớn ở Thạnh Mỹ Tây. Ngày 27 tháng 9, quân Pháp, lần này có quân Nhật mở đường, qua cầu Thị Nghè, cần quét từ Ngã ba Nhà Làng đến Hàng Xanh, chúng lọt vào trận địa phục kích của ta, trong số quân phục kích có đồng bào Thượng vũ trang bằng ná và tên tầm thuốc. Ta giết mìn, ném lựu đạn, xông ra đánh xáp lá cà với Pháp. Dịch kinh hồn bỏ lại nhiều xác chết quay về Sài Gòn, giữ cầu Thị Nghè.

Cùng ngày địch nổ súng ở Xóm Chiếu, Khánh Hội, Cầu Quay, nhưng rồi phải rút lui, bỏ lại 10 xác chết. Pháp cũng ra sức qua cầu Chữ Y, vào khu vực quân Bình Xuyên, cũng bị đánh lui. Lực lượng chỉ có Chợ Lớn là quân Pháp chủ tâm vào, nhưng ngay cả ở Sài Gòn chúng chưa qua khỏi phòng tuyến các căn cứ trên sông Thị Nghè,

sông Cầu Ông Lãnh, trừ ra đường lên sân bay Tân Sơn Nhất. Sách *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn kháng chiến 1945-1975* viết sơ kết :

"Chỉ trong vòng một tuần lễ sau khi lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ phát ra, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã nhanh chóng bước vào cuộc chiến đấu đầy tự tin và quyết liệt. 138 xí nghiệp và công sở lớn, 22 kho tàng, 4 chợ, 30 tàu lớn, 51 tàu nhỏ, 200 xe hơi và một số cầu bị đốt phá. Gần 300 tên giặc bị đèn mạng. Tuy cách đánh, kỹ thuật chiến đấu còn non kém, vũ khí ít và thô sơ, nhưng quân và dân ta thật hăng, bóng bột và cực kỳ gan dạ. Tuần lễ đầu tiên tại Sài Gòn là khúc dạo đầu sôi nổi trong bản hợp xướng chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

Gặp phải sức đề kháng quyết liệt của nhân dân ta, sau 8 ngày gây hấn, thực dân Pháp chỉ chiếm đóng được các vị trí, công sở then chốt ở khu vực trung tâm thành phố. Phạm vi kiểm soát chỉ thu hẹp trong một rẻo. Thành phố không hợp chợ, không buôn bán, không điện nước. Lương thực thực phẩm bị hao cạn. Viện binh chưa tới kịp. Bọn Việt gian tay sai ra mặt hoạt động đã bị thanh niên ta truy bắt, nghiêm trị. Nhiều lần, dựa vào quân Anh, quân Nhật, đánh lấn ra ngoài, cố phá vỡ vòng vây đang hình thành càng chặt xung quanh Sài Gòn, nhưng đều thất bại, quân Pháp lâm vào tình trạng khốn đốn.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp nhờ Gracey làm trung gian, xin thương lượng với Ủy ban Nhân dân Nam Bộ".

Thực ra Pháp và Anh không muốn thương lượng mà chỉ dục hoán cầu mưu, chờ đại quân của tướng Leclerc đến Sài Gòn rồi sẽ mở một đợt tấn công mới nhằm phá vỡ vòng vây và chiếm các tỉnh Nam Bộ. Ta biết rõ như vậy. Nhưng bên ta cũng cần một thời gian hòa hoãn để chuẩn bị đối phó với đợt tấn công mới của Pháp lần này chắc lớn mạnh hơn lần trước nhiều.

Cuộc đàm phán giữa ta và Pháp bắt đầu ngày 2 tháng 10. Lập trường của hai bên vẫn như cũ. Sự có mặt của tướng Gracey trong hội nghị tất nhiên không đem lại kết quả như mong muốn. Anh trước sau vẫn ủng hộ Pháp, Đoàn Pháp cứ chia ra mãi Tuyên bố của De Gaulle

về tương lai của Đông Dương. Đoàn Việt Nam thì đòi Pháp phải rút hết quân về các vị trí trước ngày 23 tháng 9. Như trước, vẫn là đối thoại giữa hai người điếc. Cuộc đàm phán lần này tạm chấm dứt (Cédille hẹn trả lời sau).

Nhưng không đợi lâu, chỉ một ngày sau, ngày 3 tháng 10 hai tàu chiến Pháp cập bến Sài Gòn. Rồi ngày 5 tháng 10, tướng Leclerc, chỉ huy quân viễn chinh, đến Sài Gòn trong một cơn mưa tầm tã ; mưa mặc mưa, bọn thực dân Pháp đón Leclerc như một cứu tinh. Đàm phán trở lại. Cédille càng ngoan cố. Lần đàm phán thứ ba cũng là lần chót. Viện binh đã tới, Cédille để cho súng nói thay.

Trong thời gian hưu chiến, có mấy việc lớn về phía Việt Nam : một là : bọn cơ hội chính trị hoạt động mạnh. Đám "Minh Thệ" trước đây không bị chính quyền ta đàn áp, nay tiến tới mức tụ họp nhau lại một lần nữa, lần này chúng lập "chính phủ dân quốc lâm thời" do Dương Văn Giáo đứng đầu. Chúng rải truyền đơn, dán áp phích, nói rằng Chính phủ Việt Minh đã chạy trốn rồi, nay "chính phủ dân quốc lâm thời" được thành lập để thương thuyết với Đồng minh. Lúc này, Huỳnh Văn Nghệ đi mua súng ở nước ngoài, không thành công, về gặp Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ. Ủy ban phái anh đi Tân Uyên xây dựng lại chiến khu mà anh đã bắt đầu xây dựng hồi đầu năm 1945. Trên đường về nhà, Nghệ thấy áp phích ký tên Dương Văn Giáo, địch thủ của mình hồi ở Kiêm. Gỡ áp phích, trở lại Bình Điền để báo cáo, Nghệ được lệnh cấp tốc đi bắt Giáo và trong ngày Giáo bị Nghệ bắt ở Cây Quáo, ngay ở trong đơn vị Cao Đai mà y là cố vấn, binh sĩ Cao Đai ở đơn vị đó nghe theo lệnh truy nã của Ủy ban Kháng chiến. Một mối phản loạn bị loại trừ.

Hai là : ta vừa củng cố các mặt trận ở Sài Gòn, vừa lập Ủy ban Kháng chiến miền Đông, Ủy ban Kháng chiến miền Trung và Ủy ban Kháng chiến miền Tây Nam Bộ.

Ba là : Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến đi Xuân Lộc (Biển Hòa) đón các Chi đội Vũ Đức, Nam Long, Quang Trung vừa từ miền Bắc và miền Trung vào tới. Sách *Lịch sử Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định kháng chiến 1945-1975* viết về sự kiện đầu tiên về kháng chiến ở Nam Bộ đã nổi lên ở Bắc, ở Trung, một phong trào chỉ viện cho

miền Nam. Tại Hà Nội đêm 29 tháng 9 báo Cứu Quốc, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, ra số đặc biệt in toàn chữ đỏ, đưa tin thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, đồng bào Nam Bộ đã cầm súng đứng lên chiến đấu :

"Ở các tỉnh miền Bắc, miền Trung, hàng vạn người xung phong đầu quân vào Nam giết giặc. Hầu hết các tỉnh đều lập "Phòng Nam Bộ" ghi tên các chiến sĩ tình nguyện... Ngay từ tuần lễ đầu, nhiều Chi đội lên tàu vào Nam, gồm các đơn vị Giải phóng quân từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Chiến khu Đông Triều, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Nghệ Tĩnh. Hầu như ngày nào, trên các chuyến tàu vào Nam cũng đều có quân Nam tiến..."

Bốn là : mấy trăm cán bộ cách mạng bị giam cầm ở Côn Lôn, nay được rước về tới miền Tây Nam Bộ và các đồng chí gia nhập ngay hàng ngũ chiến đấu. Đảng, Mặt trận, Chính quyền được thêm người cầm tay lái trong lúc cần thiết nhất. Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng thuộc vào số cán bộ được giải thoát kịp thời này. Vì không có các đồng chí ở Côn Lôn về kịp thời thì khó quan niệm làm cách nào để củng cố bộ máy kháng chiến, cũng như khó quan niệm làm cách nào để hoàn thành chuẩn bị tổng khởi nghĩa nếu như không có các đồng chí trở về từ trại giam Tà Lái, Bà Rá.

Ngày 10 tháng 10, chấm dứt thời gian hưu chiến. Pháp được thêm cả một sư đoàn, Anh được thêm cả một lữ đoàn. Dịch bắt đầu tiến công lớn để mở vòng vây Sài Gòn, đánh ra nhiều hướng một lượt, chủ yếu là hướng đông và bắc, nói rằng để đi giải giáp quân Nhật ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Ta chặn đánh địch ở Cầu Hang (Gò Vấp), ở An Nhơn, phá được nhiều xe thiết giáp : 2 ở Cầu Hang, 7 ở An Nhơn. Địch lọt ra ngoài vòng vây, nhưng quân ta, ngay hôm đó lại vào nội thành Sài Gòn đánh địch ở Đa Kao, Tân Định, đại lộ Bonard, cầu lạc bộ sĩ quan trên đường Norodom, bót cảnh sát trên đường Galliéri ; dân quân Khánh Hội tập kích khu trại giam, giải thoát những thanh niên bị bắt và đánh tàu Albert trên sông Sài Gòn. Lại một đợt mới để phá bị quan, kho tàng, xe cộ của địch. Sách *Saigòn Septembre 1945* của Trần Văn Quốc kể rằng :

"... Hôm nay, 10 tháng 10, truyền đơn và bố cáo đã rải khắp nội ngoại thành với hai khẩu hiệu : "Chừng nào Sài Gòn hóa ra tro tàn, quân Pháp mới chiếm được Sài Gòn. Chừng nào Nam Bộ biến thành sa mạc, quân Pháp mới chiếm được Nam Bộ". Xế ngày 10 tháng 10, một trận kịch chiến xảy ra cách trung tâm Sài Gòn 3 kilômét về phía tây bắc. Một đoàn lính Gourxas bị dân quân tập kích, nhiều sĩ quan binh sĩ Anh Ấn bị thiệt mạng. Chiều lại, nhiều bộ đội dân quân ở Xóm Chiếu tràn qua Sài Gòn, hiệp với du kích cầm tù quân trong thành phố đột kích bót cảnh sát Quận nhì ở đường Boresses. Tối đến, súng nổ đều, dư dội nhất là ở phía Bắc Sài Gòn, dân quân thừa đêm tràn qua cầu Bông, cầu Kiệu, đột nhập Sài Gòn, công kích các nơi đồn trú của quân Pháp ở vùng ĐaKao. Sáng ngày sau, súng vẫn nổ..."

Vào trung và hạ tuần tháng 10, Pháp Anh liên tiếp phá vòng vây Sài Gòn mỗi lúc thêm mạnh hơn. Vào lúc đó, về phía ta có sự chuyển biến căn bản nhằm củng cố lãnh đạo kháng chiến. Ở bộ chỉ huy, đồng chí Tôn Đức Thắng - cựu chiến sĩ khởi nghĩa Hắc Hải - ở Côn Lôn về thay Trần Văn Giàu ; Đào Văn Trường cũng ở Côn Lôn về, nguyên là một chiến sĩ trong số lãnh đạo khởi nghĩa Bắc Sơn - làm Tham mưu trưởng. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đang bước sang một giai đoạn mới.

7-7-1995

NHỮNG CHIẾN CÔNG TẠI MẶT TRẬN THỊ NGHÈ

LQ

Thực hiện nhiệm vụ cầm chân quân Pháp trong thành phố Sài Gòn, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh trong kế hoạch tái chiếm Nam Bộ của chúng, tạo một khoảng thời gian quý báu để quân ta có điều kiện chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến sắp tới, cùng với sự hình thành các mặt trận bao quanh thành phố, khoảng giữa tháng 9 năm 1945, mặt trận Thị Nghè được hình thành. Lực lượng nòng cốt là số anh em cựu binh sĩ và Thanh niên Tiên Phong, về sau được tăng cường thêm đoàn Cộng hòa Vệ binh khoảng 50 người (gồm phần lớn là thanh niên ở vùng Cây Quáo và Cây Thị) và một đại đội dân quân người dân tộc do đồng chí Y Blếch chỉ huy được điều vào tăng cường (các chiến sĩ dân tộc ít người trang bị bằng cung nỏ, ám ngữ ở cầu Sở Thú).

Tại mặt trận Thị Nghè, Ban chỉ huy kháng chiến được thành lập do đồng chí Nguyễn Bản làm chỉ huy trưởng. Trụ sở của Ban chỉ huy đặt tại đình Cầu Sơn. 4 giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945 quân Pháp huy động lực lượng khoảng một tiểu đoàn tấn công qua cầu Thị Nghè, nhưng chúng lọt vào ổ phục kích của quân dân Thị Nghè (trong đó lực lượng nòng cốt là anh em công nhân Ba Sơn) ở một địa điểm gần Sở Thú. Sau tiếng súng lệnh, quân ta từ bụi rậm xông ra, từ trên cây nhảy xuống, bốn mặt xông vào đánh xáp lá cà với địch. Địch bất ngờ trở tay không kịp, đập lên nhau mà chạy. Kết quả trận đấu này ta diệt được hàng chục tên địch, thu nhiều vũ khí đạn dược.

Tại cầu Cũ cũng trong ngày 23 tháng 9, quân Pháp được sự hỗ trợ của một số lính Nhật tấn công sang. Chúng vừa bò qua cầu đã bị du kích ta bắn tỉa, chết 4 tên. Cầm cự đến trưa, chúng mới lẩn qua được Thị Nghè và đến 2 giờ chiều chúng mới tiến qua khỏi ngã ba Nhà Láng (ngã ba Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Văn Lạc hiện nay).

Nhưng tại đây, chúng bị quân ta chặn đánh quyết liệt, buộc phải tháo chạy về Sài Gòn vào lúc 16 giờ, bỏ lại trận địa 20 xác chết.

Ngày 27 tháng 9 năm 1945, quân Pháp lại tập trung lực lượng, có một số quân Nhật đi tiền trạm, tấn công qua cầu Thị Nghè. Mặc dù hỏa lực địch rất mạnh, nhưng quân ta vẫn kiên quyết đánh trả. Chúng vượt qua cầu, tiến đến ngã ba Nhà Làng rồi lại kéo thẳng xuống Hàng Xanh. Tại đây, chúng rơi vào ổ phục kích của quân ta. Du kích giết mìn, quảng lưu đạn tới tấp, sau đó xung phong đánh xáp lá cà với địch. Chúng hoảng hốt tháo chạy, lại gặp một ổ phục kích khác của ta, phải liều mở đường máu chạy tháo thân về Sài Gòn. Trận này, ta diệt gần 100 tên địch.

Ngày 2 tháng 10, địch huy động lực lượng gồm 10 xe thiết giáp, hai xe đi đầu là quân Anh, treo cờ Đông minh, phía sau là quân Pháp. Chúng lợi dụng danh nghĩa quân Đông minh đòi qua cầu Thị Nghè để tước khí giới quân Nhật. Ta cương quyết án ngữ không cho qua. Chúng nổ súng tấn công, ta bắn trả, tiêu diệt một số tên ngay từ loạt đạn đầu. Lợi dụng ưu thế về vũ khí, địch tập trung hỏa lực bắn xối xả, sau đó tiến qua cầu. Đến gần ngã ba Nhà Làng, chiếc xe đi đầu của địch trúng mìn nổ tung. Bọn đi sau hoảng hốt, bắn loạn xạ vào hai bên đường, rồi xông vào nhà thương Thị Nghè và các nhà dân gần đó để lùm sục. Quân ta từ phía Hàng Xanh đánh trả quyết liệt, khiến địch nao núng phải rút về Sài Gòn.

Tại mặt trận Cầu Bông, ngày 30 tháng 9, một trung đội quân Pháp núp sau lưng quân Anh đi bằng xe cơ giới định qua cầu để vào tỉnh lỵ Bà Chiểu. Nhưng trước sự đánh trả quyết liệt của quân ta suốt ngày hôm ấy, địch bị chặn lại ở bên kia cầu, buộc phải rút lui. Ngày hôm sau, chúng lại kéo đến đông hơn trước. Quân ta tiếp tục chiến đấu ngoan cường, được nhân dân tích cực ủng hộ bằng cách đánh trống mõ, khua mâm, nói, phèng la vang dậy... nên địch vội vã rút lui, bỏ lại 2 xác chết.

Sáng sớm ngày 7 tháng 10, với sự yểm trợ của pháo lớn, khoảng một đại đội Pháp lại đánh lấn ra Thị Nghè. Trước hỏa lực mạnh mẽ của địch, quân ta vừa bắn trả vừa rút lui về phía Hàng Xanh. Giặc tràn vào thôn xóm bắt giết nhân dân dã man. Chúng đến Nhà Làng,

cho tập trung quân để nghỉ ngơi. Lợi dụng lúc này quân ta từ bốn phía ập vào tấn công bất ngờ, diệt hàng chục tên địch.

Đêm ngày 17 tháng 10, đội viên cầm tù Lê Văn Tám dùng cảm dốt kho đạn Thị Nghè (người tổ chức cho Lê Văn Tám thực hiện chiến công này là anh Lê Văn Châu đã hy sinh năm 1946 tại ngã ba Cây Thị), kho đạn bị phá hủy hoàn toàn. Đai phát thanh bên kia đường bị sập một phần lớn, đại đội Âu Phi bảo vệ bị tiêu diệt.

Ngày 18 tháng 10, địch lại mở cuộc tấn công mới qua Thị Nghè, có tàu chiến, xe tăng, pháo binh yểm trợ. Khoảng 8 giờ sáng chúng tiến đến Nhà dương lão, cho tập trung quân ở đây định tấn công hậu cứ của ta tại Hàng Xanh, nhưng cũng như lần trước, quân ta từ bốn phía tấn công bất ngờ, tung lựu đạn, bắn tên nã, sau đó xung phong dùng dao găm, má tấu tiêu diệt địch. Quân Anh đóng ở gần đó hay tin, đến tiếp ứng thì quân ta đã rút lui an toàn.

Sáng sớm 30 tháng 10 năm 1945, một lực lượng đông đảo quân Pháp, Anh, có cả quân Nhật hỗ trợ, chia làm nhiều hướng tấn công quân ta. Trên đường bộ, các loại xe cơ giới và thiết giáp của địch với hỏa lực mạnh tấn công qua cầu Thị Nghè, cầu Sở Thứ và cầu Dấu. Dưới sông, hải quân của chúng đổ bộ lên cầu Sơn, Thanh Đa, đánh bọc hậu quân ta. 9 giờ sáng, địch tập trung lực lượng bao vây hậu cứ ta từ ba mặt, dùng hỏa lực áp đảo tấn công ở ạt hồng tiêu diệt lực lượng ta. Quân và dân Thị Nghè - Bà Chiểu đồng tâm hiệp lực, đánh trả quyết liệt, giữ vững trận địa đến chiều. Tuy nhiên, do so sánh lực lượng không tương xứng, Ban chỉ huy mặt trận quyết định rút lui để bảo toàn lực lượng.

Từ ngày 23 tháng 9 đến 30 tháng 10 năm 1945 quân và dân Bình Hòa, Thạnh Mỹ Tây đánh địch khoảng 10 trận lớn nhỏ, diệt khoảng 600 tên địch, làm bị thương khoảng 200 tên, làm tiêu hao một phần lớn sinh lực của chúng. Nhiều tấm gương yêu nước, chiến đấu dũng cảm như các cụ Nguyễn Văn Thân, Nguyễn Văn Tha, các chị Nguyễn Thị Việt, Nguyễn Thị Ba, các anh Hồ Văn Bình, Lê Văn Chánh, Lê Quý Đông, các em Tám, Dũng, Tiến... Đặc biệt phải kể đến đội dân quân người dân tộc do anh Y Blếch chỉ huy.

BỘ ĐỘI BÌNH XUYỀN VÀ MẶT TRẬN SỐ 4 (1)

Thiếu tướng Lê Thành Công (Sáu Thỉnh) Phó Tư lệnh Quân khu 7 nguyên là chiến sĩ của "Bộ đội Bình Xuyên" (2) từ ngày mới thành lập, cầm dao kiếm, súng gỗ, súng lửa, lưỡi lê đi đánh giặc, viết: "Thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, trong số các đơn vị vũ trang có Bộ đội Bình Xuyên... Bộ đội Bình Xuyên thoát đấu hình thành từ hạt nhân Chi đội 2 và Chi đội 3 Vệ Quốc đoàn Khu 7 dưới sự chỉ huy của anh Cả Dương Văn Dương. Thành phần chủ yếu là các tay anh chị cùng đồng đảng em giang hồ vì mưu sinh và tự vệ mà kết lại với nhau thành từng nhóm, lấy nghĩa huynh đệ, luật giang hồ làm căn bản ứng xử.

Trong kháng chiến chống Pháp lần thứ hai, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các nhóm vũ trang tự hợp lại, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống xâm lược, từng bước phát triển từ các nhóm bộ đội riêng lẻ thành chi đội, trung đoàn. Đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ Bình Xuyên từ cuộc chiến đấu đầy cam go, thử thách đã trưởng thành, trở thành những đảng viên Cộng sản, những cán bộ chiến sĩ cách mạng kiên cường. Máu và mồ hôi của họ đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi của cuộc chiến tranh giải phóng".

(1) Theo tài liệu trong quyển *Bộ đội Bình Xuyên* của Hồ Sơn Đại, Đỗ Tâm Chương, Hồ Khang. NXB Thành phố Hồ Chí Minh (Đầu đề là của chúng tôi) - BBT.

(2) Bình Xuyên là một ấp xã Chánh Hưng huyện Nhà Bè, giang sơn riêng của những người bất phục tùng chế độ thực dân, xứ sở của bộ đội Tám Mươi, Hai Vinh. Cuộc họp giữa các Ban chỉ huy của các "bộ đội" (lực lượng vũ trang của các băng nhóm giang hồ Nhà Bè và của các băng nhóm giang hồ nơi khác đến gia nhập, của Chi bộ Đảng Nhà Bè, Chi bộ Đảng Tân Định) ở một khách sạn quyết định chọn "Bình Xuyên" làm danh xưng chung - *Bộ đội Bình Xuyên*.

0 giờ ngày 23 tháng 9 năm 1945, được quân Anh trợ giúp, thực dân Pháp bắt đầu nổ súng, đánh chiếm hàng loạt mục tiêu quan trọng trong thành phố. Cuộc tái chiếm Đông Dương của chúng bắt đầu.

Một ngày cuối tháng 9-1945, tại một địa điểm cạnh đường xe lửa Sài Gòn đi Mỹ Tho, ở bờ nam rạch Chợ Đệm, cuộc hội nghị cán bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang phía nam thành phố được tổ chức. Trần Văn Giàu - chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ - chủ trì cuộc họp. Thay mặt Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến, Trần Văn Giàu phổ biến quyết định thành lập Mặt trận số 4. Đứng đầu Mặt trận là Ủy trưởng quân sự Nguyễn Văn Trân (Bảy Trân) - một cán bộ đảng kỳ cựu và từng nhiều năm hoạt động ở địa bàn này. Dương Văn Dương làm Trưởng Ban do thám, Sáu Đối phụ trách Ban sưu tầm vũ khí, Trương Văn Bang (Ba Bang) đương nhiệm Bí thư Quận ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến quận Cần Giuộc và là Chỉ huy trưởng Bộ đội Cần Giuộc làm Trưởng Ban tiếp tế, Sáu Tùng - một anh chị giàu có ở ngã ba Xóm Chiếu, là Trưởng Ban vận động nhân dân quyên góp ủng hộ bộ đội...

Nằm cách trung tâm thành phố Sài Gòn khoảng 2 km về phía nam, Mặt trận số 4 gồm địa bàn hai huyện Nhà Bè và Cần Giuộc, từ cảng Sài Gòn, trên xã Tân Thuận - Nhà Bè ở phía đông bắc, theo dọc bờ nam kinh Tê và kinh Đồi theo hướng tây nam, đến tận rạch Bà Tăng, xã Phong Đức, Cần Giuộc (nay thuộc Quận 8). Có chiều rộng khoảng 12 km. Không giống các Mặt trận 1, 2, 3 và 5 lúc bấy giờ. Mặt trận số 4 tương đối cách xa địch, phân rãnh chiến tuyến rạch ròi, dứt khoát hơn.

Chiến đấu chủ yếu trên mặt trận này có lực lượng vũ trang Nhà Bè và lực lượng vũ trang Cần Giuộc. Nhà Bè gồm Bộ đội Dương Văn Dương (xóm Bến Đò cầu Rạch Địa), Bộ đội Trần Văn Đối (Tân Thuận, gồm cả Bộ đội Sáu Đối và Sáu Thơ), Bộ đội Quách Văn Phái (Tân Quy, gồm cả lực lượng Chín Phái, Tám Mao, Năm Mười Ba), Bộ đội Nguyễn Văn Soái (Phù Xuân), Bộ đội Đoàn Văn Ngọc (Tân Thuận, gồm cả lực lượng Chín Mập, Dương Văn Đức), Bộ đội Chín Hiệp (bến đò Tân Thanh, ngã ba Rạch Ba Lao, Rạch Dơi), Bộ đội Mười Đen (khu vực khố, cảng), Bộ đội Ngô Văn Lục - Võ Văn Môn - Nguyễn Văn Hòe (Thủ Đức), Bộ đội Nguyễn Văn Huỳnh. Cần Giuộc gồm Bộ đội Tám Mạnh (Chánh Hưng), Bộ đội Tư Hoàn (cầu Ông Thìn),

Bộ đội Ba Bang (Cần Giuộc) và một bộ phận bán vũ trang quân số khoảng một trung đội trực thuộc cơ quan chỉ huy Mặt trận số 4. Tổng hành dinh Mặt trận đặt tại khu vực cầu Bình Đăng, sát cạnh liên tỉnh lộ 5A Sài Gòn đi Cần Giuộc.

Sau hội nghị, các bộ đội tiến hành xây dựng công sự trận địa và bố trí lực lượng, triển khai công tác tuần tra, canh gác, đồng thời sử dụng một bộ phận lực lượng đột nhập vào nội đô nhằm quấy rối, tiêu hao quân địch. Ở hướng đông - đông nam, nơi có quân cảng và các kho dầu Nhà Bè, Bộ đội Phú Xuân và Bộ đội Mười Đen phụ trách. Hướng đông bắc, Bộ đội Tân Thuận chốt chặn đầu cầu Tân Thuận, đồng thời sẵn sàng cơ động lực lượng về hướng tây và nam. Ở tây-bắc, Bộ đội Tân Quy trấn giữ vùng giáp giới giữa quận Nhà Bè và Cần Giuộc, chặn đánh địch ở cầu Rạch Ông; cản phá ca-nô, tàu chiến trên dòng Rạch Ông - Cây Khô, bảo vệ căn cứ cầu Rạch Đĩa và khi cần, dùng một bộ phận chi viện cho đơn vị bạn chốt chặn phía nam cầu Chữ Y. Bộ đội Chín Hiệp triển khai việc tổ chức kiểm soát chặt bến đò Tân Thanh, khóa chặt ngã ba Rạch Ba Lao và Rạch Dơi (xã Nhơn Đức) không để tàu thuyền địch từ sông Cần Giuộc ngược kinh Cây Khô lên Rạch Ông, thông qua kinh Tê để về cảng Sài Gòn. Nhiệm vụ chính của Bộ đội Chín Hiệp là chặn đánh bộ binh địch, nếu chúng từ bến đò Tân Thanh, theo hướng lộ 34, đánh lên hướng bắc. Túc trực bên cạnh căn cứ Dương Văn Dương tại cầu Rạch Đĩa có các bộ đội và đơn vị trợ chiến với các hỏa lực như tromblon VB, trọng liên 13,2 ly, đại bác 24 ly và tàu, thuyền có vũ trang. Tất cả sẵn sàng cơ động ứng cứu các nơi trong quận.

Trong khi các bộ đội đang triển khai chuẩn bị công sự, trận địa, một lực lượng gồm bốn tiểu đội với trang bị gọn nhẹ (chủ yếu súng ngắn và lục đạn), cải trang thành thường dân, đột nhập sâu vào vùng địch theo từng tổp nhỏ. Phối hợp với lực lượng nội thành, các tổp này đã thực hiện các trận tập kích chớp nhoáng. Tại Cầu lặc bộ sĩ quan và Cầu lặc bộ hạ sĩ quan Pháp, các chiến sĩ bất ngờ tiến công, tiêu diệt và làm bị thương hàng chục tên. Phối hợp với lực lượng nội thành đột nhập vào cảng Sài Gòn nơi tàu thuyền đậu, thu hàng chục ghe hàng của địch, đốt cháy 4 dây kho tại ngã ba Xóm Chiếu. Tiếp đó, từ 21 giờ đêm 16 đến ngày 17 tháng 10, các chiến sĩ Bình Xuyên đã cùng lực lượng bạn tập kích địch ở xóm bến đò Cây Keo đánh thẳng xuống bờ kênh sát đường Gallieni (tức trung tâm cảnh sát thành phố Sài Gòn, bờ Central).

Quân địch ngày càng mở rộng phạm vi tiến công ra xung quanh thành phố. Ở hướng nam, dựa vào cơ giới quân Anh mở đường và chặn hậu, một bộ phận lính Pháp vượt cầu Tân Thuận xuống liên tỉnh lộ 15. Do thấy trên các xe thiết giáp lẫn xe chở quân đều có cắm cờ Anh, trong đội hình quân lính địch, có binh sĩ, sĩ quan Anh, bộ đội Tân Thuận chốt chặn cầu Tân Thuận đã không nổ súng. Thế là quân địch vượt qua được cầu. Khi thấy liên tỉnh lộ 15 đã bị ta cắt đứt, không thể tiến thẳng xuống phía nam để kiểm soát quân cảng và các kho dầu Nhà Bè, chúng liền theo vòng xoáy của ngã ba phía nam dốc cầu Tân Thuận, tiến lên con đường dọc bờ kinh Tè rồi chui dưới gầm cầu Tân Thuận, đến bến đò Tân Quy. Từ đó, bám theo hương lộ 34, chúng tiến xuống phía nam, đến kiểm soát các xã Long Kiểng, Nhơn Đức...

Tới cầu Đón, cầu Gạch, đội hình địch chững lại vì đường đã bị cắt, cầu đá bị phá. Tại đây, chúng dùng súng trường Anh có gắn ống phóng lựu đạn ở đầu, nã lựu đạn OF xuống khu vực cầu Rạch Địa, nơi đặt tổ chi huy của Bộ đội Ba Dương.

Một bộ phận Bộ đội Tân Thuận, do Hai Giàu chỉ huy, từ Ấp 1 xã Tân Thuận cơ động lực lượng, bí mật tiếp cận trận địa hỏa lực, nổ súng tiến công. Bị tập kích bất ngờ, đội hình địch rối loạn. Nhiều tên bị loại khỏi vòng chiến đấu. Chúng rút chạy, bỏ dở ý định tiến công. Trong cuộc chiến đấu này, chiến sĩ Trang Văn Thi, đã anh dũng hy sinh. Anh là liệt sĩ Bình Xuyên đầu tiên ngã xuống trên mảnh đất Nhà Bè.

Bị vây chặt trong thành phố, viện binh chưa sang kịp, quân địch gặp khó khăn về lương thực, thực phẩm. Chúng móc nối với bọn tay sai đóng băng sông Cửu Long thu gom thóc gạo, thực phẩm, rồi tổ chức những đoàn công voa chuyển vận về Sài Gòn.

Nắm được tình hình địch do bộ phận trinh sát cung cấp, Dương Văn Dương, Đinh Văn Nhị và Từ Văn Ri thống nhất quyết tâm tổ chức trận phục kích tàu địch trên sông. Trận địa chính được xác định dọc tuyến kinh Cây Khô, dài hơn 3km, trên xã Phước Lộc - Nhà Bè. Làm nhiệm vụ chặn đầu đoàn công voa có hai chốt chặn. Chốt chính diện đặt ở cuối kinh Cây Khô, thuộc xã Long Kiểng. Chốt dự bị đặt

tại ngã tư Rạch Ông Nhỏ, Rạch Địa, sông Cây Khô và Rạch Ông Lớn. Chốt chặn từ xa, kiêm nhiệm chặn tàu thuyền chiến của địch từ Sài Gòn đều cứu nguy cho đoàn công voa bị phục kích, được đặt trên cầu Rạch Ông xã Tân Quy. Lâm nhiệm vụ khóa đuôi đoàn công voa có hai chốt : chốt chính diện tại ngã ba của hai Rạch Ba Lao và kinh Cây Khô ; chốt dự bị đặt tại ngã ba Rạch Dơi và Rạch Ba Lao cạnh bến dò Tân Thanh trên xã Nhơn Đức. Lực lượng chính diện công kích trên tuyến trận địa chính, được giao cho Bộ đội Chín Hiệp, có tăng cường thêm hai trung đội võ trang và hai trọng liên 13,2 ly, do Chín Hiệp phụ trách chung. Lực lượng chốt chặn chủ yếu và dự bị gần, được giao cho Đại đội vệ binh có tăng cường hỏa lực trọng liên 13,2 ly và một khẩu tromblon VB, do Đoàn Văn Ngọc chỉ huy. Lực lượng chốt chặn từ xa kiêm nhiệm chống quân tiếp viện được giao cho Bộ đội Tân Quy do Quách Văn Phải chỉ huy. Lực lượng ở hai chốt khóa đuôi được giao cho bộ phận an ngữ bến dò Tân Thanh có tăng cường thêm một trung đội của Bộ đội Tư Huỳnh và một trọng liên 13,2 ly. Bộ đội Tám Mạnh do Hai Vĩnh chỉ huy, hợp đồng án ngữ, đón lõng ở một số nơi xung yếu dọc theo bờ tây ngạn của sông Cây Khô và Rạch Ông Lớn bên lãnh thổ quận Cần Giuộc nhằm hỗ trợ cho trận địa phục kích, chặn bắt tân binh địch từ đoàn công voa chạy tạt qua.

Công sự trận địa vừa xây dựng xong và các bộ phận lực lượng đã triển khai theo phương án tác chiến thì đoàn công voa của địch cũng vừa tiến đến. Lúc toàn bộ quân địch đã lọt vào trận địa phục kích, các tay súng Bộ đội Bình Xuyên bất ngờ nổ súng vào tàu kéo, xà-lan và ca-nô địch. Ngay từ đầu, đội hình của chúng đã bị rối loạn. Quân địch trên tàu kéo vội chặt dây, bỏ lại đoàn ghe chở nặng, chạy thoát thân về hướng bắc.

Nhưng không may cho chúng, tàu bị trục trặc. Năm lấy thời cơ Chín Hiệp quyết định sử dụng một bộ phận lực lượng dùng ghe thuyền truy kích, một bộ phận khác nhanh chóng cơ động dọc theo triển bờ đuôi đánh. Trên dòng sông ghe thuyền của ta rẽ sóng lao đi. Khi đã áp sát tàu địch, sau đợt đánh phủ đầu bằng lựu đạn, Chín Hiệp và một số chiến sĩ, hăm nhảy lên boong, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng trên chiếc tàu này.

Trong khi đó, ở trận địa chặn đầu, chiếc ca-nô vũ trang lúc này dương kéo xà-lan tự hành hỏng máy, đã bị các chiến sĩ Đại đội vệ binh bắn chìm tại ngã tư Rạch Ông - Rạch Địa. Chiếc xà lan dạt dờ trôi trên dòng Rạch Địa, triều dâng, nó tấp sang bờ bắc, nước rút, nó lại dạt về bờ nam. Một ngày qua. Dịch vẫn ngoan cố không chịu đầu hàng. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy quyết định tăng cường thêm lực lượng nhằm dứt điểm trận đánh. Một phân đội thuộc Bộ đội Tân Thuận do Hai Giàu, Hai Hữu chỉ huy cùng 16 lính Nhật bỏ ngũ về với Bộ đội Bình Xuyên, được điều đến tăng cường cho lực lượng tại chỗ. Trận đánh diễn ra mau lẹ. Một lính Nhật được Ba Dương đặt tên là Đặng, bắn hạ hai tên địch bằng một phát đạn, khi hai tên này từ dưới hầm cố thủ ngóc đầu quan sát. Số địch còn lại gồm bảy tên kéo cờ trắng xin hàng.

Kết thúc trận chiến, Bộ đội Ba Dương có sự hỗ trợ của Bộ đội Tám Mạnh đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, thu 1 tàu kéo, 1 xà-lan và 4 ghe thuyền chất đầy lương thực, thực phẩm cùng một số súng đạn. Chiến thắng này gây thêm thanh thế cho Bộ đội Bình Xuyên, củng cố tinh thần chiến đấu của các bộ đội và góp phần giải quyết phần nào khó khăn về hậu cần. Nhận được báo cáo về kết quả trận đánh, Khu bộ trưởng Khu 7 gửi thư khen ngợi :

"Toàn quốc đã nghe danh anh em, thế giới đã nhắc đến anh em, trong việc giết giặc xâm lăng, tranh thủ độc lập cho Tổ quốc. Các anh em xứng đáng với tên Giải phóng quân Nam Bộ... Tôi gửi lời khen và gửi số tiền 3.000 đồng để ủy lạo anh em trong những cuộc chiến đấu gian lao và anh dũng".

Cùng dịp đó, để tăng cường sự chỉ đạo của Khu bộ Khu 7 đối với Bộ đội Bình Xuyên, Khu bộ trưởng Nguyễn Bình cử Nguyễn Văn Hội và Lương Văn Trọng làm phái viên của Khu bên cạnh Ban chỉ huy Bộ đội Dương Văn Dương. Cả hai ông nhanh chóng gây được uy tín và sớm trở thành đồng đội tin cậy của Ba Dương, và từ đó Ba Dương bắt đầu chịu sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của Khu 7.

Đầu tháng 10 năm 1945, chiến sự ngày càng gia tăng. Các mặt trận trở nên nóng bỏng. Leclerc Tổng chỉ huy lực quân Pháp ở Đông Dương vừa được bổ nhiệm, liền áp dụng một loạt các biện pháp quân

sự nhằm đưa quân đội Pháp thoát khỏi tình trạng bị sa lầy, bị hãm chặt trong nội đô thành phố. Tình hình đó đặt ra cho quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định những nhiệm vụ nặng nề hơn.

Đối với các lực lượng chiến đấu trên Mặt trận số 4 qua thử thách ban đầu, bên cạnh thành tích vừa đạt được, đã bộc lộ những vấn đề yếu kém cần phải khẩn trương khắc phục: Hăng hái, dũng cảm, nhưng còn mang nặng tính bộc phát, cục bộ; giữa các lực lượng thiếu sự phối hợp chặt chẽ. Kỷ luật còn lỏng lẻo. Hành động còn tùy tiện, rời rạc. Trong nội bộ từng đơn vị, dây dợ, còn mất đoàn kết, dàn vãn chưa được chấp hành nghiêm...

Một ngày cuối tháng 10, đầu tháng 11 năm 1945, tại nhà Hội đồng Đống ở ấp Phước Cơ, xã Đa Phước, quận Cần Giuộc, cuộc họp các cán bộ quân sự của Mặt trận số 4 và có liên quan được triệu tập. Về dự có hơn 40 đại biểu đại diện cho các đơn vị bộ đội thuộc Mặt trận số 4. Lê Văn Viễn⁽¹⁾ - một anh chị đứng đầu một tổ chức vũ trang hoạt động vùng Phú Thọ, Chợ Thiếc... trong nội thành - cũng tham gia cuộc họp này. Suốt trong thời gian họp, tranh luận gay gắt, nhiều lúc trở nên căng thẳng và nặng nề. Dù vậy, cuối cùng, hội nghị đã nhất trí bầu ra bộ chỉ huy chung cho Mặt trận số 4. Nguyễn Văn Trần vẫn là Chỉ huy trưởng mặt trận. Dương Văn Dương được cử làm Chỉ huy trưởng Liên chi Bình Xuyên, Lê Văn Viễn làm phó, Nguyễn Văn Mạnh làm Tham mưu trưởng, Nguyễn Hữu Phú - Ủy viên chính trị⁽²⁾. Toàn bộ lực lượng gồm các đơn vị trong Bộ đội Nhà Bè, Bộ đội Cần Giuộc v.v... đều chịu sự lãnh đạo, chỉ huy của Bộ chỉ huy Mặt trận. Hội nghị cũng chấp nhận đề nghị của Dương Văn Dương dời chuyển Tổng hành dinh lực lượng vũ trang thống nhất Mặt trận số 4 từ Bình Đăng về cầu Rạch Địa.

(1) Bảy Viễn về sau theo Pháp chống lại cách mạng.

(2) Thành viên tham dự Hội nghị tại nhà Hội đồng Đống còn có: Nguyễn Văn Hoành - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - hành chính tỉnh Chợ Lớn, Nguyễn Hữu Phú (Trình Đình Trọng) - Bí thư Thành ủy làm thứ Sài Gòn - Chợ Lớn, Nguyễn Mạnh Hoan (Hồng Châu) - Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh Chợ Lớn, Lương Văn Trọng - phó viên của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình, các cán bộ chính trị trong quân đội như Nguyễn Văn Thọ, Tô Văn Bình, Đặng Văn Mai Bá Nghiệp...

Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ và tăng cường sức chiến đấu của các bộ phận lực lượng, tiếp theo cuộc họp tại nhà Hội đồng Đống, Bộ chỉ huy Mặt trận quyết định triệu tập cuộc họp các cán bộ chỉ huy quân sự tại Tổng hành dinh cầu Rạch Đĩa. Dương Văn Dương và Nguyễn Văn Mạnh chủ trì cuộc họp. Về cầu Rạch Đĩa dự họp gồm đủ chỉ huy các lực lượng của Bộ đội Nhà Bè như Từ Văn Ri, Dương Văn Hà, Đặng Bá Lầu, Đoàn Văn Ngọc, Chín Mập, Dương Văn Thiệu, Dương Văn Đức, Nguyễn Văn Soái (chỉ huy bộ đội Phú Xuân), Trần Văn Đồi (chỉ huy Bộ đội Tân Thuận), Ngô Văn Lực (chỉ huy Bộ đội Thủ Thiêm), Chín Hiệp (chỉ huy Bộ đội Chín Hiệp), Nguyễn Văn Huỳnh (chỉ huy Bộ đội Phú Nhuận - Thị Nghè), Mười Đen (chỉ huy Bộ đội Mười Đen)... và đại biểu các Bộ đội Cần Giuộc, Nguyễn Văn Hoành (chỉ huy Bộ đội Cầu Ông Thìn) và Hai Vĩnh (chỉ huy Bộ đội Tám Mạnh...). Hội nghị quyết định dựa vào các ban, ngành trực thuộc của Bộ đội Ba Dương để thành lập các bộ phận giúp việc cho Bộ chỉ huy Mặt trận. Thay mặt Tổng hành dinh, Dương Văn Dương yêu cầu chỉ huy các bộ phận lực lượng báo cáo thực lực bộ đội của mình nhằm nắm chắc số lượng và chất lượng làm cơ sở cho việc tổ chức, chỉ huy chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Kết quả cuộc "điểm binh" cho thấy, chiến đấu trên Mặt trận số 4 có 11 bộ đội tất thảy. 8 bộ đội thuộc huyện Nhà Bè và 3 bộ đội thuộc huyện Cần Giuộc. Tổng số toàn lực lượng gồm hơn 3.000 cán bộ chiến sĩ. Riêng bộ đội Nhà Bè có hơn 2.000 cán bộ chiến sĩ với hơn 1.300 khẩu súng các loại. Bộ đội Cần Giuộc có gần 250 người. Bộ đội Tám Mạnh có trên 200 người trong đó có 1 trung đội vũ trang mạnh. Bộ đội Tư Hoành có trên 200 người trong đó có 1 trung đội có vũ trang các loại súng. Lực lượng bảo vệ (Văn phòng Ủy trưởng quân sự giao lại) có hai tiểu đội.

Vấn đề trung tâm thu hút sự chú ý của các đại biểu là việc xây dựng thế trận, bố trí lực lượng và cách đánh. Căn cứ vào thực lực và khả năng của các đơn vị, hội nghị đã chia giao khu vực đảm trách và nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận lực lượng.

Với khí thế mới, ngay từ những ngày đầu tháng 11 năm 1945, quân dân Mặt trận số 4 khẩn trương xây dựng công sự, trận địa, tổ chức các trạm gác, các đội tuần tra, thành lập các nhóm luôn sẵn sàng vào lòng địch. Mỗi đêm, khi bóng tối buông xuống, từ đây vọng thành

phổ vang lên tiếng súng tiến công của ta đánh vào các vị trí quân sự của địch. Các chiến sĩ cảm tử đã tập kích đồn Cây Mai, trại lính Pháp sát ga xe điện, ga Pétrus Ký trên đường Gallieni, bót Giếng Nước Quận 1. Ở Quận 6, Bộ đội Tân Thuận tập kích địch ở nhà máy xay, kho chứa gạo Nguyễn Thành Liêm (ở bờ bắc dòng kinh Tê, khu vực đối diện xã Tân Quy). Rồi phối hợp với các chiến sĩ nội thành, Bộ đội Tân Thuận tiến công địch ở nhà máy điện Chợ Quán... Hoạt động đó đã gây cho địch thiệt hại đáng kể cả về sinh lực và hậu cần.

Một ngày giữa tháng 11 quân Pháp gồm bộ binh và thủy binh có xe tăng và tàu chiến yểm trợ tiến công theo hai cánh vào thị trấn Cán Giuộc. Ở hướng thứ nhất, địch sử dụng xe tăng và hỏa lực pháo binh phá vỡ trận địa chốt chặn của ta ở khu vực cầu Xóm Cũi. Sức kháng cự của ta ở đây yếu. Trong khi đó, liên tinh lộ 5A vẫn chưa được cắt đứt. Bởi vậy, trên hướng này, địch đánh chiếm dễ dàng và nhanh chóng kiểm soát khu vực phía bắc Cán Giuộc. Đồng thời với cánh quân ở hướng thứ nhất, hàng chục ca-nô, tàu xuồng chiến đấu của địch từ sông Soài Rạp rẽ nước, ngược dòng Rạch Cát, đánh thốc lên tây nam Cán Giuộc. Cả ở hướng này, địch không vấp phải sự chống trả nào đáng kể. Mũi tiến công thứ hai của quân Pháp nhanh chóng hợp vây với mũi thứ nhất theo kế hoạch dự định. Thị trấn Cán Giuộc rơi vào tay địch.

Tình hình diễn biến mau lẹ và bất lợi cho ta. Sau khi nghe báo cáo về lực lượng và sự bố trí của địch, Bộ chỉ huy Mặt trận số 4 đã có cuộc họp chớp nhoáng với các chỉ huy trưởng của các đơn vị và hạ quyết tâm : tập trung lực lượng, kiên quyết thực hành phản kích nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch ngay khi chúng chưa kịp tổ chức công sự, trận địa phòng ngự vững chắc. Bộ đội Chin Hiệp được tăng cường hai trung đội với ba khẩu trọng liên 13,2 ly có nhiệm vụ đánh tiêu diệt 2 đại đội địch ở đông bắc thị trấn. Nhằm ghìm giữ và phân tán lực lượng địch, hỗ trợ cho mũi tiến công chính, Bộ đội Cán Giuộc sẽ tập kích hai trung đội địch ở đông nam, Bộ đội Tư Hoành tập kích hai trung đội địch ở tây bắc thị trấn. Để phòng quân tăng viện của địch, Bộ đội Tám Mạnh có nhiệm vụ tổ chức phục kích ở một quãng vắng yếu trên liên tinh lộ 5A. Một lực lượng bót Bình Đăng độ 1 km về phía nam, sẵn sàng chặn đánh địch từ Sài

Gòn kéo xuống. Để chế áp hỏa lực pháo binh của địch, bộ phận trinh sát của Tổng hành dinh được trang bị ba khẩu tromblon VB đánh phá trận địa súng cối ở trong thị trấn. Chỉ huy thống nhất trận đánh là Dương Văn Dương.

Theo đúng kế hoạch, khi trăng sáng trọng liên 13,2 ly ở hướng đông bắc giөн giả phát lệnh, các mũi của Bộ đội Chín Hiệp và lực lượng Vệ binh nhất loạt nổ súng tiến công dồn dập các mục tiêu đã được phân công. Trong khi đó, ở hướng tây bắc và đông nam thị trấn, khu vực các mục tiêu của địch tiếng súng vẫn im lìm.

Mặc dù gây cho địch một số thương vong và làm cho chúng hết hoảng, nhưng thiếu sự hiệp đồng của các cánh, lực lượng tiến công bị lâm vào tình thế bất lợi. Dương Văn Dương buộc phải ra lệnh rút nhanh khỏi khu vực thị trấn và rút về Nhà Bè đảm bảo toàn lực lượng.

Tình hình biến chuyển hết sức mau lẹ. Mặt trận số 4 với hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ đang lâm vào tình thế bất lợi. Cầu Giuộc đã rơi vào tay giặc. Nhà Bè đang bị uy hiếp nặng nề. Sông Nhà Bè và sông Soài Rạp có thể bị địch phong tỏa nay mai. Nếu vậy, quân ta sẽ bị chặn mất đường rút, hoặc sẽ bị chặn mất đường về. Trong khi đó, việc nội bộ lũng củng càng làm cho sức mạnh của đội quân bị suy giảm thêm. Bộ chỉ huy quyết định : rút ngay toàn bộ lực lượng về rừng Sác trước khi địch tiến hành phong tỏa hai con sông Nhà Bè và Soài Rạp.

Mệnh lệnh được khẩn cấp chấp hành trong ngày chủ nhật, 18 tháng 11 (tức 14 tháng 10 âm lịch).

Đối với Tổng hành dinh và các cơ quan, ban ngành trực thuộc và các xưởng binh khí, việc cơ động gặp khó khăn hơn. Bộ chỉ huy quyết định tổ chức thành ba đoàn gồm hàng chục ghe xuồng lớn nhỏ có lực lượng hộ tống.

Khi tất thấy lực lượng ta vừa ra khỏi khu vực Mặt trận số 4 độ nửa ngày thì tàu chiến, ca-nô địch tiến hành phong tỏa kín trên mặt sông Nhà Bè, Soài Rạp ; kiểm soát chặt sông Rạch Ông - Cây Khô. Cùng lúc đó, bộ binh địch tiến ra tăng pháo binh yểm trợ mở đường từ nội ô Sài Gòn đã âm âm vượt qua cầu Chữ Y, cầu Tân

Thuận, bám hương lộ 34 và liên tỉnh lộ 15. Lập tức, bộ binh địch triển khai đội hình chiến đấu, chiếm lĩnh các vị trí then chốt, tung lực lượng kiểm tra, lùng sục khắp nơi, cả từng lùm cây bụi cỏ dọc triển mép các dòng kinh rạch...

*
* *

Tạm thời mất đất, nhưng ta không mất người và vũ khí, lại càng không mất đi quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù chung. Mọi thành bại, vui buồn má đoàn quân vừa trải trong những ngày đầu khói lửa sớm trở thành những kinh nghiệm quý báu, giúp cho cán bộ chiến sĩ ta nói chung, Bộ đội Bình Xuyên nói riêng, tiếp tục lớn lên trong gian lao thử thách.

NHỚ NHỮNG NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN TẠI CƠ QUAN THÀNH ỦY

TRẦN BACH ĐĂNG

Những ngày vui - có thể nói "vui như điên" qua nhanh. Sau ngày 25-8-1945, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn như trong cơn say lão đảo. Những bác đánh xe thố mộ kê cán rơi vào bánh xe bật lên tiếng dòn tan với lời mời : Độc lập rồi, đi xe thố mộ khỏi trả tiền. Xe nào cũng chớ sát nhíp. Ngay xe điện mà còn là i a i ach mới có thể bỏ từ Sài Gòn vào Chợ Lớn và ngược lại bởi tình trạng quá tải. Ngay ngày 25, các hiệu ăn - tất nhiên trừ hiệu ăn sang của người Hoa, người Ấn và người Âu - cũng "chiêu đãi" bất kỳ ai vào tiệm.

Các hiệu đổi tên, ví dụ hiệu bán món Coq d'Annam đổi lại là Gà Nam, hiệu bán kem Côte d'Azur đổi lại là Sớm Sơn và v.v...

Triệu chứng súng sẽ nổ lại đã xuất hiện trong ngày 2-9. Hôm đó, tôi đang điều động một lực lượng thanh niên của khu vực Ngã Sáu Chợ Lớn xếp hàng trước Xã Tây ⁽¹⁾ để chờ nghe Tuyên ngôn độc lập của Cụ Hồ. Đài phát thanh Bạch Mai quá yếu, đồng bào không nghe được. Chủ tịch Lâm ủy Hành chính Nam Bộ Trần Văn Giàu đã đọc một phát biểu ngắn. Giữa lúc đó thì súng nổ. Máy phát đàn từ nóc hăng Charner ⁽²⁾ bắn sang. Tôi không phân biệt được đó là súng trường hay súng lục vì tôi chưa có một chút kinh nghiệm nào. Tôi phản ứng lại bằng cách nằm dài trên lề đường kẻ khẩu... 6,35 "nà" sang nóc hăng Charner. Sau này các anh hay trêu tôi : súng bắn "ghen" của chú chắc đạn rơi xuống hồ nước. Tuy nhiên, lúc bấy giờ có một khẩu súng ngắn đã rất oai rồi !

Cho đến đêm 23-9-1945, trong chúng tôi nhiều người còn khàn

(1) Nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

(2) Nay là cửa hàng Bạch Họa Tổng Cục Hải Phòng Hồ Chí Minh.

tiếng vì hô khẩu hiệu gắn một tháng trời.

Tôi được thông tri của Thành ủy về tình hình chung có thể dẫn đến đánh nhau. Trước đó mấy hôm, quan Anh - Ấn hăm hờ mỗi khi gặp các toán dân quân. Chúng tôi chưa hình dung thế nào là chiến tranh, được thông tri của trên hướng dẫn những động tác sơ khởi khi xảy ra đánh nhau : hạ cây làm chướng ngại vật, đắp ụ đất, đào đường, vút ra đường tắt cả những gì có thể làm chậm bước tiến của giặc...

Khi nghe súng nổ rộ ở phía Sài Gòn tôi lập tức cùng một số anh em mang dụng cụ cưa cây ra đường. Nhưng cây sao khá lớn trên đường Frédéric Drouhet ⁽¹⁾ và Armand Rousseau ⁽²⁾ lần lượt bị cưa đổ ngang. Một số ụ được đắp lên. Nhưng phá lộ thì gầy vì lộ rất cứng, chúng tôi chỉ có cuộc móng chim, "cào" mặt đường trải trạ một chút mà thôi.

Bấy giờ, tôi phụ trách khu vực Ngã Sáu (Ngã Sáu Chợ Lớn), dưới quyền của anh Nguyễn Văn Chí (Tư Chí) là Bí thư Thành ủy Chợ Lớn (trước ngày kháng chiến, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn tạm chia làm hai, về mặt lãnh đạo của Đảng). Tôi chỉ có trong tay một nhóm võ trang nhỏ với vài khẩu súng mọt, một khẩu trung liên, hai khẩu tiểu liên còn lại là súng săn, súng lục, lựu đạn và dao găm.

Nhưng vì lực lượng của Pháp còn mỏng, vả lại sức ép ở phía Thị Nghè, Cầu Bông, Cầu Kiệu mạnh hơn là phía Chợ Lớn nên vài ngày sau mới bắt đầu thấy lính Anh lấp ló, có xe nổi đồng yểm trợ. Chúng cũng chỉ đi trên lộ lớn và khi đụng các chướng ngại vật thì rút lui. Mãi gần cuối tháng 9, chúng mới tiến hành dọn dẹp chướng ngại vật, nhưng vẫn chưa đi sâu vào các xóm.

Anh Tư Chí triệu tập hội nghị bất thường của Thành ủy Chợ Lớn, tại trụ sở tạm của Thành ủy bên hông nhà thương Chợ Rẫy. Anh phổ biến tình hình chung và nhận định của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ. Tôi nhớ dự cuộc họp đó ngoài anh Tư Chí là người chủ trì có chị Ba Tấn, chị Tư Mỹ Lệ, anh Phục, chị Sáu Văn, anh Hai (gọi

(1) Nay là Hùng Vương.

(2) Nay là Nguyễn Chí Tú.

là Hai "B. vingt neuf" (B.29 vì anh to con), anh Nguyễn Xuân Thanh và tôi. Chúng tôi họp ban đêm, điện đã bị cắt, phải dùng đèn cây và đèn dầu. Cuộc họp quyết định dời cơ quan Thành ủy vào Cây Đa Xà và vẫn phân công tôi chịu trách nhiệm chỉ huy đội vũ trang trong nội thành.

Một thời gian sau, Thành ủy dời từ Cây Đa Xà sang Hộ 17. Lúc ấy, một số các đồng chí ở Côn Đảo về và được Xứ ủy bố trí phụ trách Thành ủy Lâm thời Sài Gòn - Chợ Lớn. Đồng chí Trịnh Đình Trọng (Nguyễn Hữu Phú) làm Bí thư.

Rồi một thời gian sau nữa, khi đồng chí Nguyễn Văn Linh về thay đồng chí Trịnh Đình Trọng thì Thành ủy thêm một vùng căn cứ mới là Tân Kiên, Tân Nhựt và vùng Láng Lẻ, Bầu Cò trong khi vẫn duy trì vùng Hộ 17.

Những ngày tháng đầu tiên vẫn sống rõ nét trong tôi dù đã nửa thế kỷ qua rồi. Bấy giờ, cán bộ, nhân viên, bộ đội phần lớn đều ăn cơm đình - các chị Phụ nữ Tiên phong và Cứu quốc nấu cơm bằng cháo đun, kho thịt bằng nồi bung tại đình và cứ đến giờ ăn thì mọi người tìm dưa chén... Vừa bắt đầu kháng chiến, gạo không thiếu còn thịt thì những đàn bò của người Ấn bị "sung công" và chúng tôi "độc thoại" một món : thịt bò kho, đến nỗi số đồng bị ghè ngựa.

Quanh Sài Gòn một không khí khá lãng mạn như thế tồn tại tận Hiệp định Sơ bộ 6-3. Từ Hiệp định Sơ bộ 6-3, chúng tôi bắt đầu tính toán cung cách chiến đấu khác phù hợp với sự phát triển của tình hình.

Tôi quen một đồng chí cán bộ - nay còn sống. Đồng chí yêu một cô chủ hiệu kem. Ngày 22-9, đồng chí mặc quân phục, đi bột da, đeo gươm đến từ biệt người yêu, giống... Kinh Kha sắp qua sông Dịch. Chuyện đó được Xuân Miên viết thành bốn câu thơ :

Ta lại trở về nơi chiến trận

Trong lòng còn loay lừa binh đao

Ở đây mai một đời trai trẻ

Xin ngoảnh thêm hoa, biệt má đào !

Có thể đó là một số nét chấm phá đáng yêu của một ngày sau này thành ngày 23/9/1945.

<https://hieulun.hopto.org>

GIẢI PHÓNG QUÂN

Nhập đi.

Nhạc và lời : Phan Huỳnh Điểu

Đoàn giải phóng quân một lần ra đi. Toàn thắng vinh
 quang ghi ngày trời vì. Ra đi ra đi báo
 thù sông núi. Ra đi ra đi thả chết chóc
 lui. Cờ bay phấp phới ngọn mai Lạc Hồng. Kèn reo vang
 tiếng gọi dòng Lạc Hồng cùng giải phóng quân. Ra đi ra
 đi theo bản sông núi, thủ bao năm xưa có
 bao giờ người. Dưới cờ oai nghiêm sao vàng
 bay. Đoàn quân Việt Nam có hay.
 Ngày xưa biết bao vì hùng anh.
 Quyết vì non sông ra tay bao lần. Ngày nay đoàn
 quân ta gắng làm sao giành quyền tự do hạnh
 phúc cho dân. Đoàn giải phóng quân một lần ra
 đi. Dù có gian nguy chẳng lòng không nản
 Ra đi ra đi báo thù sông núi. Ra đi ra
 đi thả

DUYÊN TÌNH CÔN ĐÀO - SÓC TRĂNG, CÔN ĐÀO - CẦN THƠ

"Ba sinh âu hân duyên trời chi đây..."

VŨ LÂN và PHƯƠNG HẠNH

Mở đầu bài viết này, chúng tôi thấy cần thiết nêu lại hai sự kiện lịch sử :

Thực ra thì Sóc Trăng và Cần Thơ không phải là những địa điểm cấp trên chọn làm nơi đón tiếp Đoàn những người tù chính trị từ Côn Đảo trở về đất liền hồi tháng 9-1945, mà nơi chọn là Sài Gòn - tức thành phố Hồ Chí Minh ngày nay. Thuở đó, ở Sài Gòn, đã có trụ sở Ủy ban đón tiếp do anh Đào Duy Kỳ - một cán bộ Cộng sản từng bị đày ra Côn Đảo, mới được thả về sau ngày Nhật đảo chính 9 tháng 3 năm 1945 - phụ trách, đặt tại cơ quan báo *Dân Chúng*. Song vì đợt đầu Đoàn từ Côn Đảo trở về vào ngày 23 tháng 9 năm 1945, thì cũng ngày này, núp sau quân đội Anh - Ấn, thực dân Pháp gây hấn tại Sài Gòn, nên Xứ ủy Nam Kỳ quyết định giao cho Sóc Trăng "cáng đáng" việc đón Đoàn (đợt đầu), Cần Thơ (đợt hai). Như vậy đối với Sóc Trăng và Cần Thơ, thật là "Ba sinh âu hân duyên trời chi đây".

Về những chi tiết liên quan tới quyết định đón Đoàn về đất liền, trong một thời gian dài sau này, thông tin luôn bị "nhiều". Về việc này, đồng chí Trần Văn Giàu viết : "Trong cuộc Hội nghị chiều tối ngày 25⁽¹⁾ tôi có nói với các vị trong Ủy ban và các đồng chí trong Xứ ủy... bây giờ khởi nghĩa thắng lợi, chính quyền về tay ta, công việc nhiều và khó mười lần, trăm lần hơn trước, không có anh em ở Côn Lôn về thì không xong... Phải đưa anh em về ngay, Cộng sản lẫn Quốc dân Đảng, bằng tất cả các phương tiện ta có, với bất cứ giá

(1) Hội nghị liên tịch Ủy ban Hành chính lâm thời và Xứ ủy để kiểm điểm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền và đề ra những nhiệm vụ trước mắt.

nào... Tất cả anh em đều đồng ý và chúng tôi cử Đào Duy Kỳ hợp sức với Nguyễn Công Trung thay mặt Xứ ủy làm việc gấp rút này" (1) Và tại cuộc họp "Những người tù chính trị Côn Đảo trở về đất liền năm 1945" được Ban Tổ chức Trung ương tổ chức ở Hà Nội ngày 29 tháng 6 năm 1990, nhằm xác minh những tư liệu về Đoàn tù chính trị Côn Đảo trở về Sóc Trăng và Cần Thơ tháng 9-1945, anh Cao Hồng Lãnh đã phát biểu : "Với tư cách là một trong hai đại biểu của Cao Bằng dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, sau Đại hội này, tôi được Trung ương Đảng và Bác Hồ chỉ thị cùng anh Hoàng Quốc Việt và Nam ngay... Tôi biết một trong những nhiệm vụ của anh Việt khi về Nam là phải nhanh chóng cùng với địa phương lo đón ngay anh em tù chính trị từ Côn Đảo về đất liền. Vào tới Sài Gòn... tôi ở cùng nhà với anh Tường Dân Báo nên biết anh có nhiệm vụ tổ chức một đoàn tàu, ghe... ra Côn Đảo đón anh em ngoài đó về" (2). Như vậy là đã rõ, Tân Trào và Nam Bộ phủ cùng nhịp đập của trái tim đối với những người con ưu tú của dân tộc, của giai cấp đang bị đày đọa ngoài Côn Đảo.

*
* *

Ngày 23-9-1945, khoảng 7 giờ sáng, 1.866 người gồm các chiến sĩ Cộng sản, cán bộ Việt Minh, những anh em từng tham gia các cuộc khởi nghĩa Đồ Lương, Bắc Sơn, Nam Kỳ v.v., những người thuộc các đảng phái, tổ chức khác có tư tưởng chống thực dân Pháp, nhiều viên chức của các chế độ cũ và một số tù thường phạm đã có biểu hiện tiến bộ, được các anh Tường Dân Báo, Lý Văn Chương từ Sài Gòn ra đón đã rời Côn Đảo về đất liền đợt một trên chiếc ca-nô Giải phóng (3), tàu Phú Quốc và 25 chiếc ghe.

Người về, người chưa về bịn rịn, ôm hôn, tạm biệt nhau. Không chỉ những anh em "tù" ra tiễn đưa ; mà còn rất đông viên chức, mã tà, gác đàn, gia đình con cái họ ra Cầu Tàu chào các anh, tiễn các

(1) Ban thảo Hồi ký của đồng chí Trần Văn Giàu (chưa xuất bản).

(2) Theo tài liệu của Vũ Lân và Phương Hạnh trong : "Đại bàng tung cánh - Kỳ sự lịch sử". NXB Chính trị quốc gia, 1995.

(3) Nguyên là một ca-nô của Nhật, bị Đồng minh oanh kích, được anh Hải Thăng và hai anh em Nguyễn Hùng Bình, Nguyễn Hùng Phước sửa chữa lại và ghi thêm tên "GIẢI PHÓNG" bên sườn.

anh, chúc các anh thuận buồm, xuôi gió, vượt biển an toàn, chúc những anh đau, bệnh mau hồi phục sức khỏe. Nhiều người gửi lời qua các anh chào Việt Minh, chào Chính phủ, chào bà con, cô bác; cảm ơn Việt Minh, cảm ơn Chính phủ đã "đổi đời" cho đất nước, cho dân tộc, cho gia đình mình.

Trên ca-nô *Giải phóng* - được mệnh danh "ca-nô chỉ huy" - ngoài ba người lái: anh Hai Thắng (tức Bác Tôn Đức Thắng) và hai anh em Minh, Phước⁽¹⁾ còn có các anh Phạm Hùng (Bi thư Đảo ủy), Bảy Tuệ (Phan Trọng Tuệ), Đào Văn Trường (trong Ban chỉ huy Đoàn phòng thủ đảo), Nguyễn Văn Vịnh, Lê Vinh Lợi, Trần Văn Sớm, Nguyễn Văn Trọng (Trọng bé), Nguyễn Hữu Phước (Năm Thành), Sâm Cai Lậy, Trần Diệp (Khue). Tất cả 13 người.

Tàu Phú Quốc chở đông người nhất: Có đến ngót 200 anh em, ưu tiên dành cho các anh cao tuổi như Bùi Sinh, Trần Xuân Độ, Trần Ánh Sáng, Trần Xuân Lê, Trần Học Hải, Ngô Tám, Bùi Lương, Võ Thúc Đông v.v.. Ngoài ra còn có các anh Lê Duẩn, Lê Văn Lương, Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh), Võ Sỹ (Lê Văn Sỹ), Mai Chí Thọ, Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Văn Tiếp, Trần Trung Tam, Ngô Ngọc Du (Quỳnh Tây), Vũ Xuân Chiêm (Chi Cò), Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Đen Đen), Hoàng Văn Lợi, Nguyễn Kiều, Đặng Quang Minh, Nguyễn Hữu Mai, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Như Hạnh, Vũ Thiện Tấn, Phan Công Chính (Chín Lân), Hồ Đắc Kiện, Lê Toàn Thư, Đinh Ngọc Thủy (Thành Thỏ Con), Lê Hồng Nam (Thọ Cao) v.v..

Số còn lại - có tới 1700 - thì "cưỡi ghe". Có ghe "bự" chở được 80 - 90 người. Ghe nhỏ cũng 30 - 40 người.

Ngoài những anh em Việt Nam mình, trong đợt về này, còn có 16 chiến sĩ quốc tế. Đông nhất là các anh em quốc tịch Trung Quốc, rồi đến Campuchia, Philippin, Thái Lan...

Ca-nô *Giải phóng*, tàu Phú Quốc và tất cả các ghe đều treo cờ, cắm cờ - cờ đỏ sao vàng, cờ đá cứng nhiều anh em trong Đoàn xung trận ngày khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940⁽²⁾.

(1) Đảng viên ĐCSDD từ năm 1937, Khu b) phố chiến khu 9, hý sinh tháng 11-45, lúc mới 26 tuổi.

(2) Vải may cơ cũng như làm băng-đu-rôn, may brát-xa cho anh em ngày Lễ Độc lập, ngày đón quân đội Việt Chính phủ từ đất liền ra đảo v.v., đều lấy từ kho của địch ngoài Côn Đảo.

Trời Côn Đảo, biển Côn Đảo sáng ngày hôm ấy rực rỡ màu cờ đỏ sao vàng.

Lúc Đoàn rời Cầu Tàu, đội ngũ chỉnh tề, khí thế ngút trời.

Ca-nô Giải phóng dẫn đầu, rời đến tàu Phú Quốc. Theo sau là các ghe.

Đầu đó... vút lên những lời ca, tiếng nhạc, ca mới, ca cổ, nhạc ống sứa bô, sáo, nhị... "xôm" trò.

Từ một ghe nào đó vang lên bản đồng ca :

"...Lòng yêu nước quyết chiến đấu cho giống nòi ta

Dấy lên mau ! Hỡi ai dân tộc Việt Nam.

Thù mất nước, ta quyết trả xong bằng xương máu.

Thề cùng nhau, quốc dân đồng tâm thống nhất...

Đánh cho chết, giết cho hết, đuổi cho mau quân phát xít Nhật,
Pháp đi.

Cầm tay nhau cùng xông lên, cùng giương cờ đỏ phát phối sao
vàng,

Cờ Việt Nam phát phối bay cao..."

Các ghe bên này, vỗ tay làm nhịp hòa theo.

Bỗng vang lên tiếng ai đó :

- "A ! Bọn bay "cải biên" lời của "thằng" Vương Gia Khương rồi ! "Nó" viết trong Hòa Lò là "Cờ Việt Minh" mà bọn bay hát thành "Cờ Việt Nam".

Nhiều tiếng cười vang. Hồn nhiên. Thỏa thuê...

Lại có ai đó - giọng miền Trung - hứng chí cố ngân thật to mấy câu thơ của Đặng Châu Tuệ sáng tác năm xưa ở Côn Đảo :

"Đời không cách mạng, đời vô nghĩa,

Sống mấy mươi năm, sống cũng thừa..."

- "Đừng quá rồi ! "Đời không cách mạng, đời vô nghĩa" một tiếng hét to..."

Với chiếc la bàn "cứu tinh" này, anh Hai hướng ca-nô chạy về phía đất liền...

Chạng vạng chiều.

Trời quang, mây tạnh. Gióng tố qua rồi.

Minh, Phước thay nhau lái, để anh Hai nghỉ. Anh dặn anh em :

- "Bọn bây nhìn nước biển, nhìn chim bay trên trời, nghe ! Thấy nước biển trong, thấy chim nhạn cấp lá, là còn xa bờ. Thấy nước biển đục, thấy mỏ chim không cấp lá là sắp tới đất liền đây !"

Vì "lão tướng Hắc Hải" quá là dày dặn kinh nghiệm vượt biển.

Ca-nô càng vào gần, bờ biển càng nhìn rõ hơn. Mờ mờ bóng những hàng cây. Rồi nhìn thấy những khối hình người. Đứng rồi ! Người và người, chuyển động ! Ca-nô tiến vào bờ gần hơn. Đã nhìn thấy cả những lá cờ... và màu cờ nữa... Nhưng sao lạ "hoác" thế kia ? Bên cạnh những lá cờ nền đỏ, sao vàng "máu, thịt" của các anh lại thấy cả những lá cờ nền vàng, sao đỏ ? Lại thấy cả những cờ máu da nữa ?

"Cảnh giác ! sừng lên đạn ! Tất cả sẵn sàng ! Đề phòng bất trắc !". Tiếng anh Hai Hùng ra lệnh.

Ca-nô chỉ còn cách bờ khoảng chừng chưa đến 100 mét thì bỗng nhiên máy tất "ngấm" ! Phước kiểm tra lại thấy không còn một giọt xăng !

Từ trên bờ, vang lên những tiếng hoan hô :

- "Hoan hô Việt Minh !"

- "Hoan hô chánh trị phạm !"

- "Hoan hô ! Hoan hô !!"

Cùng lúc, có những thanh niên, trung niên ào xuống bãi biển, lội ra sát ca-nô. Vừa lội, miệng vừa la to :

- "Hoan hô Việt Minh ! Hoan hô chánh trị phạm !"

Đúng là tại sao ? Đúng thì là đâu ?

Đặt chân lên đất liền, gặp mặt bà con, cô bác, các em, các cháu mới biết đây là cửa biển Mỹ Thạnh thuộc huyện Long Phú tỉnh Sóc Trăng. Và, cờ vàng sao đỏ là cờ Thanh niên Tiên phong, cờ màu đà là cờ Hòa Hảo... Suốt những năm dài xa đất liền, các anh chưa một lần nhìn thấy những lá cờ như thế này.

Đến Mỹ Thạnh, các anh được báo cho biết : Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng vừa nhận được điện của Xứ ủy báo tin sáng hôm nay (23-9-1945), núp sau quân đội Anh - Ấn (đại diện cho phe Đồng minh vào Việt Nam giải giáp phát xít Nhật), thực dân Pháp trở mặt đã nổ súng gây hấn ở Sài Gòn - Chợ Lớn. Sóc Trăng được lệnh đón tất cả các anh và đợi chỉ thị tiếp theo của cấp trên.

Anh Hai Hùng hội ý chớp nhoáng với anh Hai Thắng, anh Bảy Tuệ và quyết định : ca nô theo ngay hướng dẫn của cán bộ địa phương về luôn thị xã Sóc Trăng, qua Cổ Cò (thuộc xã Hòa Tú, huyện Châu Thành)⁽¹⁾. Riêng anh Hai Hùng sẽ về cửa biển Đại Ngãi (cùng huyện Long Phú) đón tàu Phú Quốc và các ghe còn lại (vì khi từ đất liền ra Côn Đảo, tàu, ghe đều xuất phát từ đây, chắc chắn khi về sẽ cập cửa biển này, không bị lạc như ca nô *Gidi phóng*).

Nhận định của anh Hai Hùng hoàn toàn chính xác.

Khi anh về đến Đại Ngãi, đã có một số ghe về tới đây.

Trong đêm ấy (23-9-1945), tàu Phú Quốc và nhiều ghe khác đều tập trung về Đại Ngãi, trừ 2 chiếc bị sóng to, bão dữ lạc sang Thái Lan. Mãi mấy năm sau mới có một số anh em về nước được, cùng với Chi đội hải ngoại Trần Phú tức Chi đội hải ngoại IV do các anh Nguyễn Chánh, Dương Cự Tầm, Lê Quốc Sản chỉ huy⁽²⁾.

Số người về Đại Ngãi rất đông. Có tới ngót 1800 anh em.

Giống như ở Mỹ Thạnh, nhiệt tình của bà con địa phương đón tiếp các anh rất hào hứng, tung bưng. Rất nhiều cờ. Vang động lời

(1) Nay thuộc huyện Mỹ Xuyên (tỉnh Sóc Trăng).

(2) Chúng tôi đã gặp được anh Nguyễn Văn Sáu - hiện ở Cà Mau (Mình Hái) - là một trong những thuyền viên trên 2 chiếc ghe bị lạc sang Thái Lan năm xưa. Anh Sáu cũng đã về Sóc Trăng - Côn Đảo một lần gặp mặt với những người tù chính trị Côn Đảo nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày các anh về và đi liền.

hoan hô tưởng như không dứt. Các anh cũng ngỡ ngàng khi nhìn thấy những lá cờ "lạ"...

Cảng Đại Ngãi nông. Trừ 21 chiếc ghe "xáp vô" bờ dễ dàng, còn tàu Phú Quốc bị mắc cạn. Mạn tàu cao lại không có thang, khi anh em địa phương ra đón, phải đứng "trụ" dưới ghe, gồng đôi vai, đỡ từng anh xuống. May mà không ai bị té ! (Bữa chúng tôi tới thăm nhà anh Trương An thấy treo giữa phòng khách một bức tranh vẽ lại cảnh này).

Trong số các anh, nhiều người bị kiệt sức, vì bị địch tra tấn, đánh đập nhiều lần, chưa hồi phục, bị bệnh tật hoặc già yếu ; đồng bào phải công tử bần cảng về nơi tạm nghỉ. Các má, các chị "bu" bên các anh, vừa đi, vừa khóc...

Đêm hôm ấy, hàng trăm anh nghỉ lại ở Đông Lan trong khuôn viên chùa Quan Âm (xã Đại Ngãi - Long Phú). Không đủ giường, nhà chùa trải chiếu cho các anh nằm. Do quá mệt, có những anh vừa đặt mình đã ngủ thiếp. Có những anh thì trần trọc, mắt nhắm mà không sao ngủ được. Ngón ngang biết bao cảm xúc...

Ngoài chùa, anh em dân quân thay nhau canh gác cẩn mật. Nhiều má, nhiều chị ở lại chùa, thức "trăng đêm", chăm sóc, nước nôi, đấm bóp cho các anh bị yếu, bệnh.

Trong những người thao thức đêm ấy, có anh Đặng Văn Quang tức Đặng Quang Minh, người đã gieo "hạt giống đỏ" ở Long Phú và có công thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên ở Cù Lao Dung nằm bên tả ngạn sông Hậu, nhìn sang Đại Ngãi năm 1931. Anh và các anh (những chiến sĩ Cộng sản thế hệ trước và sau 1930) chắc hẳn đã biết những "hạt giống" do các anh gieo trồng nay đã "xanh cây, tốt lá, nở bông". Nhiều người bình thường mà vĩ đại, sống chết vì hạnh phúc, ấm no của dân, vì chủ nghĩa xã hội, vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại...

Trừ một số anh em nghỉ lại ở chùa Quan Âm, còn hầu hết đều về thị xã Sóc Trăng hoặc bằng ôtô, hoặc bằng tàu thủy ⁽¹⁾ Trời đã

(1) Chúng tôi rất mừng gặp lại anh Phan Thành Sâm (hiện ở Sóc Trăng), tài công tàu chở khách Sun-ta-na (là tàu đã rước nhiều anh từ Đại Ngãi về thị xã Sóc Trăng tối ngày 23-9-1945). Anh Sâm cũng có mặt trong cuộc họp với những người tù chính trị Côn Đảo dịp kỷ niệm năm thứ 45 ngày Sóc Trăng - Côn Thơ đón các anh về. <https://hieulun.hopto.org>

khuya rồi mà đường phố suốt từ Cầu tàu Lục tỉnh tới Trường Saint François Xavier (còn gọi là Trường dòng Taberd) vẫn đầy áp người, rực rỡ cờ hoa, sáng ngời ánh đuốc chờ đón các anh.

Đang "lặn, ngợp" trong những tiếng "hoan hô", bỗng các anh nghe thấy có ai đó hô to :

- "Chánh trị phạm muôn năm !"

Và liền tiếp theo là những "muôn năm!", "muôn năm !" kéo dài...

Trong "Hồi ức" về buổi đón tiếp này anh Tô Bửu Giám viết :
 "... Có tiếng hô : "Chánh trị phạm muôn năm". Tôi cũng trong số người hưởng ứng nhiệt liệt, hét to : "muôn năm". Bác già đứng bên cạnh tôi nhắc : "Sao lại hô "chánh trị phạm muôn năm ?" Bộ chú em muốn các anh chánh trị phạm ở tù mãi sao ?" Ở nhì, có lý thật, tôi tự nhủ ; thẹn thùng về nhiệt tình của mình muốn hoan hô các anh mà lại dùng chữ không đúng...".

Phát biểu trong cuộc "tái ngộ" với Sóc Trăng, Cần Thơ dịp kỷ niệm năm thứ 45 ngày về đất liền do Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hậu Giang tổ chức, nhiều anh trong Đoàn người tù chính trị năm xưa : Lê Văn Lương, Trần Xuân Lê, Nguyễn Hùng Minh, Trương An, Nguyễn Hữu Đăng, Nguyễn Mạnh Hoan, Lê Hồng Nam v.v. biểu thị lòng biết ơn sâu sắc về nhiệt tình đón tiếp của bà con, có bác những nơi đây đối với các anh, gửi lời cảm ơn tới các anh em lái tàu Phú Quốc, thủy thủ, thuyền viên các ghe đã vượt sóng ra khơi đưa các anh từ Côn Đảo về Sóc Trăng, Cần Thơ. Có những anh - tóc bạc phơ, sức khỏe xuống rồi - vừa phát biểu, vừa khóc nức nở vì cảm động, vì được gặp lại nhiều anh, chị em từng chăm sóc anh em ngót nửa thế kỷ trước.

Cả hội trường như "động" lại khi anh Lê Văn Lương tâm tình :
 "suốt đời, chúng tôi luôn nhớ và cảm ơn bà con, có bác, anh chị em".

Nhiều người có mặt rút khăn tay, lau nước mắt. Đau đáu, có những tiếng nức nở...

*

* *

<https://tieulun.hopto.org>

Đợt 2, các anh về thẳng bến Hàng Dương (nay là bến Ninh

Kiều - thành phố Cần Thơ), ngày 30 tháng 9 năm 1945, phụ trách là anh Văn Viên - một chiến sĩ Cộng sản, thành viên Hội đồng Liên hiệp quốc dân ngoài đảo.

Tàu *Phụ Quốc*, sau đợt 1, lại trở ra Côn Đảo rước các anh. Lần này, có trên 200 người.

Vì Côn Đảo - Cần Thơ xa hơn Côn Đảo - Sóc Trăng, đợt này các anh rời đảo từ tối 29-9-1945.

Cảnh biệt ly ngoài đảo vẫn đầy tình người. Anh em viên chức, má tã, gác đan và cả gia đình, vợ con họ cùng với tù thường phạm đứng chật Cầu Tàu tiễn đưa... Có những người còn ở lại ôm lấy người về, bịn rịn, nước mắt lưng tròng.

Có hai chuyện hết sức bất ngờ diễn ra ở Cầu Tàu Côn Đảo đêm ấy, là trước khi các anh xuống tàu, một số viên chức cũ đem đến tặng một số súng và nói :

- "Xin dăng các ông những khẩu súng chúng tôi mới gom lại này để các ông đánh Tây. Nhờ các ông về đất liền báo cáo với Việt Minh và Chính phủ rằng những người còn lại ở Côn Đảo lúc nào cũng tuân theo mọi mệnh lệnh của Việt Minh, hướng về Chính phủ. Chúng tôi sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được trao cho..."

Chuyện thứ hai : không rõ đã chuẩn bị từ bao giờ, những người tù thường phạm cũng tặng các anh một con vịch rất "bự" - đặc sản của Côn Đảo.

Hỏi kỹ của anh Huỳnh Thủ viết : "Sáng 30-9-1945, tàu *Phụ Quốc* tới Đại Ngãi. Nhưng không dừng lại ở đây.

Nhìn lên bờ, thấy đông nghịt bà con, cờ bác vẫy vẫy cờ. Tiếng trống, tiếng phèng la rất vui. Dưới sông, rất nhiều ghe, xuống treo cờ. Cờ bay phấp phật trước gió.

Tàu *Phụ Quốc* chạy chậm chậm.

Ghe, xuống của đồng bào chạy theo tàu. Có những ghe áp sát mạn tàu, trao cho anh em mình những "cây" bánh tét, những giỏ trái cây...

<https://tieulun.hopto.org>

Anh em mình - cô những "cậu" bị bệnh cũng bắt đồng đội dìu

ra boong tàu chấp tay "xá" đồng bào. Mồm không nói lên lời mà hai má đẫm nước mắt...

Bến Hàng Dương chật ních bà con, cô bác, các cháu thanh thiếu niên Cần Thơ ra đón, ai cũng hôn hờ, mừng vui, có những má, những chị không có áo lạnh để mặc, chỉ có cái quần ngắn tới đầu gối mà cũng vá chằng vá đụp, nhiều cháu trần như nhộng, vóc người khẳng khiu, nét mặt đăm chiêu. Nhưng nói với mình :

- "Ngoài đảo, chúng mình đã nghe nói nhiều đến cảnh đói, chết, bệnh, tật do phát-xít Nhật gây nên. Hôm nay, nhìn tận mắt cảnh này đây ! Đùng là mất nước thì mất hết..."

Tàu đã gần cập bến.

Nhưng Nhật không cho anh em ta lên bờ. Với lý do : tại sao lại nổ máy phát súng ?

Rắc rối.

Song, rồi cũng yên chuyện. Ta giải thích cho họ biết đây là bán chỉ thiên. Chào Cán Thơ, chào đồng bào ra đón. Chúng gật gật đầu rồi nói :

_"A-lí-ga-tô ! Tốt ! Vậy mời các ông lên".

Biểu ngữ rợp bến Hàng Dương.

Tiếng hoan hô, chào mừng dậy đất.

Một đoàn bác sĩ, y tá - bận đồ trắng toát, trước ngực áo thêu dấu chữ thập đỏ - mang theo những túi thuốc cấp cứu, khiêng theo những cáng cứu thương nhanh nhẹn bước theo cầu thang lên tàu. Các bác sĩ, y tá chích ngay thuốc trợ lực cho nhiều anh em, nhẹ nhàng đặt lên cáng, khiêng lên bờ những anh em yếu, mệt, đưa luôn về bệnh viện Cần Thơ.

Không có nghi thức rườm rà. Chỉ có hành động thiết thực. Chỉ có tình đồng chí, tình người nông hậu, chân thành.

Hai anh Văn Viện và Nhung lễ mễ khiêng con vịch lên bờ, trao tặng đại diện Việt Minh và Chính quyền tỉnh. Các anh ôm lấy nhau rất lâu giữa tiếng hoan hô như sấm dậy của anh em ở Côn Đảo và

bà con, cô bác, đồng bào, đồng chí có mặt...".

*

* *

Chiều hôm ấy (30-9-1945), trừ những anh em quê ở miền Nam đã về quê mình tham gia công tác được giao và một số anh được lệnh lên Mỹ Tho gặp Xứ ủy, tất cả các anh còn lại ở Sóc Trăng đều tập trung về Cần Thơ để chuẩn bị dự lớp học về tình hình, nhiệm vụ mới và chương trình hành động của Việt Minh.

Lớp học do anh Hoàng Quốc Việt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo. Người giảng chính là "giáo sư đồ" Bùi Công Trừng (cũng đã bị giam giữ nhiều năm ngoài Côn Đảo trước kia).

Sau lớp học, chỉ có năm, ba anh - quê ở miền Trung như Trương An, Vũ Xuân Chiêm... theo yêu cầu của Xứ ủy Trung Kỳ, trở ra miền Trung công tác ; còn lại tất cả các anh khác (quê miền Bắc, miền Trung) đều tình nguyện ở lại "chia lửa" với bà con, cô bác các tỉnh Nam Bộ.

Như những "đại bàng", các anh từ Cần Thơ lại "tung cánh" bay đi...

MÙA THU ĐỊNH ĐOẠT CUỘC ĐỜI

LÊ QUANG THÀNH

Năm mươi năm đã trôi qua, nhưng những ngày lịch sử trọng đại ấy của dân tộc vẫn hiện rõ trong tâm trí tôi như mới hôm qua. Cuộc Cách mạng mùa Thu 1945 đánh dấu bước ngoặt định đoạt cuộc đời của lớp trẻ chúng tôi lúc bấy giờ. Chính từ thuở ấy, bao ước mơ, khát vọng nóng bỏng của chúng tôi được nuôi nấng từ thuở còn thơ, bắt đầu được thực hiện, thế hệ trẻ chúng tôi bắt đầu một cuộc sống thật sự có ý nghĩa với mục tiêu lý tưởng ngày càng khẳng định.

Từ một làng quê nghèo khổ, tôi sinh ra trong một gia đình lao động, cha tôi là thợ sắt hàng xóm Mỹ Tho, mẹ tôi ở đất vườn. Lên chín, mười tuổi tôi đã lao động giúp gia đình và đã có tình thương sâu sắc đối với ông bà cha mẹ và những người thân, người hàng xóm quanh năm suốt tháng lao động cực nhọc mà cuộc đời vẫn khổ, nhả nát, cột xiêu, áo quần rách rưới, gạo chạy đong từng bữa, ốm đau không thuốc men! Ông ngoại, cha mẹ và các cậu tôi thường kể chuyện Tây cướp nước ta. Tây có tàu chiến và đại bác súng đồng đến chiếm nước ta, cai trị dân ta rất khắc nghiệt, có một bọn quan lại theo Tây đàn áp dân ta, gian ác nhất là tên tổng đốc Lộc nổi tiếng giết người không gớm tay, bắt trẻ con bỏ vào cối giết. Các bậc người lớn thường thì thầm kể chuyện "Đàng cụt" chống Tây, đánh nhau với Tây thật là dũng cảm, thả chết chớ không hàng. Từ thuở ấy, tôi đã bắt đầu ghét Tây, ghét bọn tay sai của chúng và tôi vô cùng mến phục các bậc "Đàng cụt".

Quê tôi thuở ấy, trẻ con rất ít được đến trường học, người lớn đa số mù chữ. Tôi là một trong số rất ít trẻ con được may mắn đi học. Bắt đầu biết viết, biết đọc, tôi thường đọc truyện, đọc thơ cho ông ngoại và cha tôi nghe. Tôi mê nhất thơ Lục Vân Tiên, đọc nhiều lần, tôi thuộc lòng rất nhiều đoạn. Tôi biết thương, biết ghét như ông Quán "hay ghét cũng là hay thương". Tôi đã không cầm được nước

mất khi đọc cả đoạn từ lúc Văn Tiên bỏ cuộc đi thi để về thọ tang mẹ, rồi lại liên tiếp gặp nạn. Tôi cảm phục tính khảng khái và tình bạn cao thượng của Tử Trực, tình yêu chung thủy của Nguyệt Nga, tôi cảm ghét Trịnh Hàm phản bạn, khinh bỉ Võ Công bội ước, Võ Thế Lan phụ tình, nực cười Bùi Kiệm máu dè. Tôi thương Tiểu đồng vô kể. Tôi mê Lục Văn Tiên.

Ham học, học giỏi, tôi không thua kém bạn bè, mang lại tự hào và niềm tin cho xóm nghèo chúng tôi. Sau khi đậu bằng sơ học, tôi đậu cao trong cuộc thi tuyển vào trường Trung học Mỹ Tho (Collège de Mỹ Tho). Được học bổng, tôi học 4 năm tại trường Trung học Mỹ Tho. Nhà trường dạy chúng tôi với những nội dung giáo dục sắc mùi thuộc địa, nhưng phần lớn chúng tôi lại nuôi trong lòng những ý thức phản ứng, chống đối chế độ thuộc địa. Tên tuổi của những nhà yêu nước Phan Đình Phùng, Trương Công Định, Nguyễn Hữu Huân, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học, Phan Chu Trinh, nhất là những nhà yêu nước đang hoạt động lúc bấy giờ như Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai... bắt đầu có ảnh hưởng lớn đối với chúng tôi. Trường dạy sử nước Pháp kỹ hơn sử Việt Nam, nhưng khi sứ ca ngợi Gian Đắc thì chúng tôi lại nhớ đến Trưng Trắc, Trưng Nhị, Bà Triệu, khi sứ ca ngợi Na-pô-lê-ông Bô-na-pác thì chúng tôi lại nhớ đến biết bao anh hùng dân tộc Việt Nam : Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Trường không ngừng kể công ơn "mẫu quốc Pháp khai hóa Việt Nam", nhưng chúng tôi nghĩ ngược lại : thực dân Pháp chỉ bóc lột dân ta.

Ấn tượng sâu đậm nhất trong đời học sinh của tôi là những ngày cuối năm 1940 sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại. Nhiều vùng quê, nhiều chợ đang nhóm bị giới bom, đồng bào vô tội chết hàng loạt. Nhiều nông dân bị kết tội "cộng sản làm loạn" bị bắt đem về giam chặt Nhà việc Điều Hòa (tức trụ sở hội tế xã sở tại thị xã Mỹ Tho) đối diện trường chúng tôi, mùi hôi thối loang ra khắp các vùng xung quanh. Tiếng la, tiếng thét, tiếng kêu thảm thiết vọng lên hằng ngày như xói vào tim óc non trẻ chúng tôi. Rồi nhiều xác chết được mang đi, nhiều đoàn người bị xô xâu bằng dây thép đưa xuống xà lan, đày đi Côn Đảo.

<https://tieulun.hopto.org>
Lòng yêu nước, yêu đồng bào, căm ghét Tây đang lên đến

đỉnh cao từ những ngày ấy. Nhục mất nước, nhục bị Tây cai trị, dân ta bị Tây tàn sát, đàn áp, dọa dẫm, những nỗi nhục không thể nào chịu nổi ! Tôi khao khát một cuộc đời, một cuộc rửa nhục, không thể để cho Tây kéo dài cuộc đời nô lệ của dân ta.

Tại xóm nghèo quê tôi, có những bậc người lớn không thành kiến với tôi vì tôi học chữ Tây, trái lại họ không ngớt động viên tôi : "Phải học đến nơi đến chốn để đem hiểu biết phụng sự đồng bào, xã hội như các ông Ninh, ông Tạo, ông Mai... đừng học lem nhem rồi lại làm tay sai cho Tây, hại dân". Tôi ghi lòng tạc dạ những lời dạy bảo quý báu đó. Được học chữ Tây tôi thấy phần nào cũng có ích vì nó cho tôi nhiều kiến thức khoa học, mang đến một số tia sáng văn hóa tiến bộ. Tôi mê Niu-ton, Ac-si-mét, tôi phục Vich-tô Huy-gô, tôi mê, tôi thuộc lòng nhiều ngụ ngôn của La Phong-ten như tôi đã thuộc thơ Lục Vân Tiên. Tôi thấm thía nhất ngụ ngôn *Con sói và con cừ non* mà nội dung rất phù hợp với nỗi bất bình ở lòng tôi : lý của kẻ mạnh !

Được học, càng thêm hiểu biết, khát vọng phải đem hiểu biết phục vụ đồng bào, giúp ích cho đời, cho xã hội càng được nâng lên.

Đầu những năm 40, hầu hết học sinh chúng tôi hằng hái tham gia phong trào "khỏe vì nước". Nhưng trở trêu thay, nói "vì nước" nhưng nào phải vì nước Việt Nam, mà là vì nước Pháp ! Hằng ngày huấn luyện viên hô "Jeunesse" (Thanh niên) chúng tôi phải đáp "France" (nước Pháp) và khi nghe hô "Servir" (phục vụ) chúng tôi phải đáp "Toujours" (luôn luôn) thật là ngỡ ngàng, những lời đáp trái với nỗi lòng.

Đỗ bằng thành chung, do hoàn cảnh gia đình, tôi cưới vợ sớm và phải tìm việc làm. Tôi chọn nghề địa chính với ý nghĩ và sở thích được tung bay đi đó đi đây, không cam tâm ngồi ở bàn cạo giấy. Vừa bước vào đời khi người thân và đồng bào còn quá khổ, chưa làm được việc gì có ích cho xã hội như đã ước mơ, tôi bị khủng hoảng tinh thần trầm trọng, một thời gian khá dài tôi ăn chay, hướng về Phật, Trời. Đầu năm 1945, tôi về làm tập sự tại tỉnh Rạch Giá. Chiến tranh thế giới sắp kết thúc, nhiều phong trào gọi là "yêu nước" được tuyên truyền công khai dưới sự bảo trợ của chính quyền Pháp. Vấn đề

chán ghét bọn tay sai thân Pháp, tôi càng chán ghét bọn thân Nhật, nên không tham gia các tổ chức do chúng lập ra. Lúc bấy giờ lại có một phong trào quần chúng hướng về những hoạt động văn hóa xã hội rất có ích do một số sinh viên từng xếp bút nghiên từ Hà Nội về, làm nòng cốt : Truyền bá Quốc ngữ, kể chuyện nạn đói ở miền Bắc, vận động cứu đói, dạy những bài hát yêu nước... Cùng một số viên chức trẻ đồng nghiệp, tôi đang háng hái tham gia các hoạt động nói trên thì tổ chức Thanh niên Tiên phong ra đời thu hút rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân. Các hoạt động văn hóa xã hội được Thanh niên Tiên phong đẩy mạnh theo hướng phục vụ Tổ quốc, đồng bào ngày càng rõ. Các bài hát yêu nước được hát vang hàng ngày : *Tiếng gọi thanh niên, Bạch Đằng Giang, Người xưa đầu tá, Lên đường...* Những buổi lễ tuyên thệ của hàng vạn Thanh niên Tiên phong quý trước bàn thờ Tổ quốc thể trưng thành với Tổ quốc đã để lại trong tôi những ấn tượng sâu sắc. Rồi những tin đồn dập của những ngày tháng tám : Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã khởi nghĩa cướp chính quyền thắng lợi, càng làm cho chúng tôi nôn nao. Những hành động sẵn sàng lên đường phục vụ Tổ quốc, tâm vông vạt nhọn, dao mác, gậy gộc, một cuộn dây bện mình, ngày này qua ngày nọ chính tề đội ngũ, đi đều bước theo tiếng nhạc hùng tráng, kèm theo tiếng còi và tiếng đếm : một, hai, một, hai... được chuẩn bị ráo riết.

Và những ngày định đoạt cuộc đời đã đến. Đáp lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh, đứng trong đội ngũ Thanh niên Tiên phong, tôi đã tích cực tham gia cướp chính quyền tại tỉnh Rạch Giá vào ngày 27-8-1945. Đã bao năm mong đợi, thời cơ chính là đây để thực hiện bao ước mơ khát vọng. Dòng người như thác lũ xuống đường. Cờ đỏ sao vàng rợp trời, sương biết bao ngày toàn dân khởi nghĩa ! Chính quyền đã về tay Việt Minh, về tay nhân dân. Cuộc đời nô lệ tối tăm ngót tám mươi năm chấm dứt từ đây ! Tôi bỗng nhớ tới anh lính các bậc tiên nhân, anh hùng liệt sĩ, ước sao hồn thiêng các tiên liệt được về để chứng kiến ngày hội lớn, ngày vui lịch sử của cháu con ! Truyền thống chống ngoại xâm, khí phách hùng anh nối giống Tiên Rồng thể hiện rõ hôm này ! Mọi tầng lớp nhân dân, mọi tôn giáo đảng phái, công nhân, nông dân, trí thức, lao động đều xuống đường, cùng hô vang :

<https://tieulun.hopto.org>

Việt Nam độc lập muôn năm !

Mặt trận Việt Minh muôn năm !

Ngày 2-9-1945, lại thêm một ngày vui lớn. Máy vận động báo thị xã quây quần trước loa phóng thanh, lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập. Tên đất nước đã được ghi trở lại trên bản đồ thế giới : nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa. Nước Việt Nam độc lập. Ôi ! sung sướng biết bao, Tổ quốc Việt Nam yêu quý đã độc lập !

Thời gian tiếp theo là những ngày làm việc hết mình cho Tổ quốc. Mọi người được tự do nói chuyện yêu nước công khai, được bàn và tham gia việc nước, được phụng sự Tổ quốc. Tổ quốc mới độc lập, còn muôn vàn khó khăn, đối phó với thù trong giặc ngoài đang lăm le nhảy vào là nhiệm vụ cấp bách nhất. Tôi được phân công làm nhiệm vụ Trưởng ban canh phòng của một trong sáu hộ thuộc thị xã Rạch Giá, Hộ 1, nơi tập trung các cơ quan đầu não của tỉnh. Các đội tự vệ, các tổ an ninh được thành lập, ngày đêm luân phiên nhau, vừa canh gác giữ gìn trật tự trị an, vừa luyện tập. Chúng tôi say sưa lao vào công việc bất kể ngày đêm. Tin từ Sài Gòn và các nơi được đưa về cho biết : Thực dân Pháp đã liên tục khiêu khích và cuối cùng ngày 23-9, chúng đã thực sự gây hấn ở Sài Gòn. Máu đồng bào lại đổ, cả nước căm thù, nhân dân Sài Gòn đã đứng lên chống Pháp, rồi lần lượt đến các tỉnh.

Nhân dân thị xã Rạch Giá còn hưởng không khí độc lập tự do cho đến đầu năm 1946. Đó là những ngày khẩn trương chuẩn bị kháng chiến : người già yếu, trẻ con và phần lớn phụ nữ được sơ tán về nông thôn, lực lượng trẻ ở lại thị xã sẵn sàng chiến đấu khi giặc đến. Tôi đưa vợ và đứa con trai mới 5 tháng tuổi sơ tán về rừng U Minh, còn tôi ở lại tiếp tục nhiệm vụ ở Hộ 1 : tham gia giữ gìn trật tự trị an, chống nạn dịch tả vô cùng khủng khiếp, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội...

Từ cuộc Tổng Khởi nghĩa Tháng Tám, tôi thừa biết cuộc cách mạng này là do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tôi có cảm tình với Đảng từ lâu, nhưng làm sao để được gần Đảng ? Trong những ngày cách mạng sôi nổi, phục vụ Tổ quốc, phục vụ đồng bào, tôi không quên

đa số các đảng viên Cộng sản, từ chính trị từ Côn Đảo và từ các nhà tù khác trở về, tỏ ra rất mục dưng cảm, kiên cường trong hành động, đức độ trong cuộc sống. Qua họ, tôi càng tin yêu Đảng Cộng sản. Tôi được giải thích : Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản chủ trương thành lập, quy tụ, đoàn kết toàn dân Bắc, Trung, Nam, trẻ già, trai gái không phân biệt đảng phái, tôn giáo, một lòng yêu nước đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc. Tôi được nghe kể về Chủ tịch Hồ Chí Minh : Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà yêu nước mà chúng tôi từng nghe tên lúc còn là học sinh.

Những hiểu biết sơ đẳng trên đây, thật là quý đối với tôi, là cơ sở niềm tin đối với cuộc cách mạng này. Tôi vô cùng sung sướng vì vừa mới bước vào đời đã được tham gia một cuộc cách mạng toàn dân, có một đảng trung kiên với một lãnh tụ chân chính lãnh đạo. Tôi thường tâm sự với bạn bè và người thân và lòng luôn dặn lòng : "Hạnh phúc thực sự của cuộc đời từ nay chỉ được bảo đảm bằng tiếp tục con đường cách mạng bắt đầu từ những ngày lịch sử này".

Trước Tết Bính Tuất, giặc Pháp ồ ạt tấn công chiếm thị xã Rạch Giá. Cùng các bạn đồng nghiệp tôi sơ tán về vùng nông thôn, sau đó tôi lại về rừng U Minh thu xếp cho vợ con về quê để tôi tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Lần cuối cùng từ thị xã Rạch Giá, tôi đến viếng đền thờ nhà yêu nước Nguyễn Trung Trực, thắp nén hương nguyện hứa : "Quyết noi gương người xưa, làm cách mạng đến cùng".

Và từ ấy, tôi đã đi theo cách mạng đến cùng.

Tôi mãi mãi biết ơn cuộc Cách mạng mùa Thu 1945, cứu tinh cuộc đời tôi, cho tôi một kiếp sống có ý nghĩa.

MẠCH NGUỒN, SẮC HUƠNG

DƯƠNG ĐÌNH THẢO

Trong suốt nửa thế kỷ vừa trôi như "bóng câu qua cửa sổ", cứ mỗi độ thu về thì trong lòng tôi trôi dậy những ký ức của thời Cách mạng Tháng Tám, của "Mùa thu, ngày hăm ba", và trong những tháng năm xa thành phố thì nó càng thêm da diết. Đó là những ký ức dấn thân, những ký ức cảm nhận ra cuộc đời có hương sắc và lẽ sống.

KHÔNG DÈ ĐÃ LÀ "CÁN BỘ"

Những ngày trước Cách mạng Tháng 8-1945, mỗi lần gặp chúng tôi, một số cốt cán của phong trào Truyền bá Quốc ngữ vừa được tổ chức vào Việt Minh, anh Huỳnh Tấn Phát và anh Ung Ngọc Kỳ đều dành thì giờ giải đáp những điều băn khoăn của từng anh em. Về vấn đề "cán bộ cầm quyền" sau này, hai anh nói không chút nào do dự, khiến cho ai cũng chớ: "Sau khi cách mạng thành công, sẽ có cán bộ từ Trung ương cử vào, từ Côn Đảo và các nhà tù đế quốc ra, cán bộ du học ở nước ngoài về".

Vậy mà sau ngày 25 tháng 8, khi chúng tôi "đòi" cấp trên đưa cán bộ về thì được trả lời như truyền lệnh:

- Cán bộ là các anh chớ còn ai nữa? Cố gắng mà học để "làm việc nước!".

Chúng tôi có dè dặt mình là "cán bộ" và trước hết được giao trách nhiệm lập ra Ủy ban Hành chánh, sau đổi ra Ủy ban Nhân dân tỉnh Tân Bình⁽¹⁾.

Để "làm việc nước" hằng ngày chúng tôi nhận được chỉ thị từ Ủy ban Nam Bộ, và cùng nhau tự động bày ra việc để làm một cách

(1) Tỉnh Tân Bình lúc đó địa giới bao gồm ba quận Bình Định, Phú Nhuận, Tân Bình và hai huyện Nhà Bè, Cần Giờ hiện nay.

say sưa, không kể ngày đêm. Chúng tôi gấp rút tổ chức mấy đoàn tuyên truyền lưu động đến từng xã trình bày ý nghĩa thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nghĩa vụ công dân, và tổ chức bầu cử dân chủ các Ủy ban xã bằng cách : lập danh sách người ứng cử tại chỗ - do được giới thiệu hoặc tự ra ứng cử, cử tri là người có mặt, chỉ trừ trẻ con, được biểu quyết bằng giơ tay và đếm phiếu bằng miệng ! Quyền công dân được thực hiện đơn giản như vậy đó, nhưng ai cũng thích vì từ trước tới nay có bao giờ được làm cái việc cử ra người đại diện cho mình đâu.

Nói chuyện trước đông người, kể cả với trẻ em trong ngày tựu trường năm học mới, trong Tết Trung thu, chúng tôi đều mở đầu bằng : "Thưa đồng bào... hôm nay đây là lần đầu tiên trong độc lập, tự do, nước ta do dân ta làm chủ, chúng ta long trọng tổ chức ...".

Còn gì thích thú bằng việc công bố quyết định bãi bỏ "thuế thân", nỗi ô nhục của người dân mất nước ; bãi bỏ luôn việc thu "tiền chỗ" (thuế buôn bán ở chợ) để cho đồng bào buôn gánh bán bưng không còn bị chủ chợ "cắt cổ" ; đem vải bông nguyên xấp vừa lấy trong kho của nhà binh Pháp, Nhật phân phát cho học sinh nghèo trong lễ khai giảng năm học mới ; lấy chức danh Tổng thư ký Ủy ban tỉnh ký tên vào quyết định "chuyên điện" vào các lớp học để dạy Truyền bá Quốc ngữ ban đêm.

Bài ca chính thức của Truyền bá Quốc ngữ có câu : "Đánh thức đoàn dân chìm đắm trong con mê...", hóa ra chính chúng tôi đã được "đánh thức" và bây giờ chúng tôi mới được học "làm việc nước".

Sắc hương của đời trong những ngày này đối với tôi còn là điip được nhìn các em nghèo "ăn Tết Trung Thu" và được thưởng thức giọng ca bay bổng yêu đời của cô gái mười chín, đôi mươi sẽ là ca sĩ Xuân Mai sau này.

Chương trình hoạt động "Chính trị - xã hội" của chúng tôi còn dài, nhưng nó diễn ra gần như không ăn nhằm gì với không khí chính trị từng giờ trở nên căng thẳng, nặng nề tại trung tâm thành phố và lan về địa phương chúng tôi.

Quân đội Hoàng gia Anh với danh nghĩa Đồng minh vừa đổ vào thành phố hôm trước, hôm sau đã tự lột mặt là kẻ đồng lõa với cuồng vọng của thực dân Pháp trở lại tại thị trấn này và cả Đông Dương như trước. Thực dân và binh lính Pháp tại chỗ hôm qua còn

là tù binh, hôm nay vừa được giải thoát, liên cầu kết với bọn Pháp trả trộn trong quân Anh lọt vào đây giờ đủ trò khiêu khích bi ối. Việt gian, phản động tương thời cơ của chúng đã đến, đua nhau ngóc đầu dậy.

Ủy ban Nhân dân được sự hợp sức của anh em sĩ quan, binh lính cũ đã về với cách mạng gấp rút tổ chức, phát triển các đội tự vệ trong xí nghiệp, cơ quan, tại khu phố gồm nam nữ đoàn viên Công đoàn, Thanh niên Tiên phong. Không khí học quân sự, tập tành lần lữa, nghiêm nghị, sử dụng vũ khí, kể cả tầm vông vạt nhọn diễn ra rất ngày đêm. Tối thán phục lắng nghe một người cai đội cũ cả quyết : với một trung liên Brenn chiếm địa thế tốt, anh có thể kèm chân cả một đại đội địch ! Còn công sức đổ ra để lưng bắt Việt gian, phát hiện, phá vỡ các vụ nhen nhóm phản động có thật và tinh nghĩ thật không sao kể xiết.

Để phản ánh khí thế của dân và dầu mặt kẻ thù, chúng tôi cho treo ngang qua một số đường chính nhiều bân-đơ-rôn với dòng chữ sắc nét : "Độc lập hay là chết !". Giữa lúc chúng tôi còn đang "đắc chí" với việc làm này, một cán bộ cấp trên về vấn hỏi : "Các anh có yêu nước bằng chúng tôi không ? Các anh làm việc chăm dẫu vào lửa, có biết không ? Dẹp các khẩu hiệu đó đi !". Tôi tự nhủ phải bình tĩnh và lần dẫu tôi hiểu được nghĩa của hai chữ "nhấn nhúc", vì thật lòng tôi kính nể người cán bộ đàn anh đã từng vào tù ra khám, đã từng tỏ rõ khí phách yêu nước trước tòa án đế quốc. Tôi ôn tồn :

- Thưa anh, khẩu hiệu đó đã có hồ trong sáng 25 tháng 8. Nó rất cần trong lúc này.

Chúng tôi không biết tổ chức mít tinh, chỉ biết đêm đêm vào rạp hát Bà Chiêu, Phú Nhuận giữa buổi diễn, rạp vẫn chật khán giả, đợi khi phóng màn kéo lên để diễn tiếp, chúng tôi giữ anh chị em đào kép lại (lúc ấy chưa biết gọi "diễn viên") rồi bước ra sân khấu, lấy giọng, nói thuộc lòng :

- Thưa đồng bào, giặc Pháp muốn trở lại xâm lược nước ta, đặt ách nô lệ trên đầu trên cổ nhân dân ta lần nữa. Chúng ta thề : "Độc lập hay là chết !".

Trời ơi ! nói được suôn sẻ từng ấy chữ, thật là mừng quá, liền lui ngay vào hậu đài và ra đi, không nghĩ đến việc tìm hiểu phản ứng của người nghe.

Trong thời điểm này, chúng tôi được thông báo một tin rất mật: *Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc*. Đã được nghe nói về hoạt động và uy danh của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài, bây giờ đứng đầu Việt Minh là Nguyễn Ái Quốc, chúng tôi càng tin Chính phủ Trung ương, miền Bắc, cả nước không đời nào để cho thực dân Pháp muốn làm gì thì làm trên mảnh đất Sài Gòn - Nam Bộ này.

Từ các phía chân trời, mây đen vần vũ kéo đến. Bằng hành động và lời nói, chúng tôi tỏ ra sẵn sàng, nhưng trong thâm tâm tôi không hề nghĩ giặc Pháp lại dám bạo hành và tin chắc nếu chúng cá gan làm liều, thì chúng sẽ chết! Và trên thực tế, phải đợi chín năm, sau Điện Biên Phủ, chúng mới đành chịu "chết".

Với tấm lòng bỏng bột yêu nước, được cuốn nhập vào dòng thác Cách mạng Tháng Tám, chúng tôi đã hoạt động gần như tự phát, không biết thật có hiệu quả gì đối với tình hình chung hay không, nhưng đối với chúng tôi được làm "người trong cuộc", điều đó có một ý nghĩa rất lớn: chúng tôi đã *dấn thân, niềm tin* của chúng tôi có định hướng. Với hành trang khiêm nhường như vậy, cùng với đồng bào chúng tôi lao vào cuộc chiến đấu, lòng rất thanh thản.

NGÀY 23 THÁNG 9 VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỖ LÔNG

GIÁP MẶT VỚI "ĐỐI PHƯƠNG"

23 tháng 9, khi tiếng còi báo động rú lên xé tan cái tĩnh mịch của một buổi sáng, buổi sáng cuối cùng của thời gian hai mươi chín ngày đêm độc lập, tự do, đồng bào trẻ già, trai gái ào ào đổ ra đường dựng vật chướng ngại bằng cách đổ hạ cây hai bên lề trên các đường từ ngã tư Hàng Xanh đến cầu Thị Nghè, đến cầu Mới Bà Chiểu, từ Bà Chiểu lên ngã tư Phú Nhuận, tuôn cả bàn, tú, di-văn ngổn ngang trên đường Paul Blanchy kéo dài ⁽¹⁾ đến cầu Kiệu.

Trên đường Paul Blanchy kéo dài không khí nặng trĩu. Đến khoảng 9 giờ, trên cầu Kiệu hiện ra một tốp lính Nhật giương cờ trắng dờ dẫm từng bước, leo qua các vật chướng ngại đi về hướng trụ sở Ủy ban Nhân dân tỉnh ở ngã tư Phú Nhuận. Vừa để chân vào phòng khách, tên sĩ quan Nhật cố giấu bộ mặt của kẻ bại trận, ra về

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Nay là đường Phan Đình Phùng.

hăm hăm, quát tháo đòi chúng tôi "đẹp các vật chúng ngại, nộp vũ khí kể cả vũ khí thô sơ, tầm vông vạt nhọn". Lòng căm tức sôi trào trong mỗi chúng tôi, nhưng người đại diện nói một cách trầm tĩnh :

- Từ đêm qua, giặc Pháp bạo hành, sát hại cả dân thường đồng bào của chúng tôi. Chúng định xâm lược nước chúng tôi lần nữa. Chúng tôi phải chống lại (lúc đó chưa biết danh từ "kháng chiến"). Quân đội Nhật đang chờ Đồng minh giải giáp. Các ông đừng theo lệnh Đồng minh, đừng đứng về phía thực dân Pháp mà ngăn cản công việc của chúng tôi.

Tên sĩ quan Nhật không đủ sức hiểu đó là tiếng nói của cả một dân tộc, nên đập bàn dọa nạt :

- Không làm theo lệnh tôi, thì phải gánh chịu mọi hậu quả !

Đến phút này, người đại diện nói dứt khoát :

- Chống giặc Pháp là quyền của dân tộc chúng tôi. Các ông ra về được rồi !

Thế là chúng nó "cụp đuôi" rút lui mà ra về như đã "truyền xong lệnh" của Đồng minh.

Hôm sau, 24 tháng 9, chúng tôi nhận được "Tuyên cáo" của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ với lời lẽ đi vào lòng người, khẳng định một lần nữa : "Độc lập hay là chết !".

Chúng tôi từ hồi đó đã hiểu tên sĩ quan kia không phải là hình ảnh của quân đội Nhật bại trận, vì được biết nhiều sĩ quan Nhật đã kết liễu cuộc đời bằng "ha-ra-ki-ri", nhiều người tuồn súng ống đồ đạc tiền, gạo, có người gia nhập cách mạng (và sau này lập chiến công).

Dù sao "cuộc giáp mặt" sáng 23 với tên sĩ quan Nhật cũng là một bài học vô cùng về so sánh lực lượng. Có ngờ đâu hơn hai mươi năm sau, được tham gia Hội nghị Paris về Việt Nam, mỗi khi "đối phương" giờ thói láo xược, bài học vô cùng đó trở lại trong tâm trí của tôi. Nhưng so sánh lực lượng đã thay đổi rồi, dân tộc ta đứng lên, không hề lui, làm sao rung ép được ta nữa.

BẠN, THÙ ĐƯỢC PHÂN BIỆT

Có một hôm đi công tác về rất khuya mà thấy trong phòng bên cạnh còn đèn sáng, tôi ghé vào và trước mắt tôi một người nước ngoài, chắc là người Pháp, mặt xanh xao, vóc gầy ốm đang ngồi chăm chỉ nhồi thuốc nổ vào vỏ đạn. Chúng tôi chào hỏi thân mật bằng tiếng Pháp. Ngày hôm sau người đó ra đi lúc nào tôi không biết, chỉ được nghe kể lại đó là một "chiến sĩ quốc tế", đảng viên Cộng sản Pháp tên Perrier, sau những trận ném bom của Đồng minh, trốn về với ta và được giao cho anh Huỳnh Tấn Phát chăm sóc⁽¹⁾. Thêm một bài học vỡ lòng: có thực dân Pháp là kẻ thù muốn trở lại cai trị đất nước ta, có những "chiến sĩ quốc tế", đảng viên Cộng sản Pháp là bạn của Việt Nam. Về phía dân tộc ta, chúng ta cũng có niềm hãnh diện mà chúng tôi sau này thường kể cho bạn bè, du luận nước ngoài biết: nhân dân ta, trong thời gian Nhật bắt người Pháp làm tù binh, đã lên lút cứu giúp họ, quên chuyện cũ và bất chấp có thể bị quân đội Nhật trừng phạt dã man nếu bị chúng bắt "quả tang".

Bài học vỡ lòng này được khẳng định khi tôi trở lại công tác ở nội thành trong những năm 1946-1947, tôi thấy các đảng viên Cộng sản Pháp trong nhóm *Lendemains* bất liên lạc với Thành ủy đã thanh thân làm công tác chuyển tải liệu, sách báo bí mật, đưa rước cán bộ từ chiến khu An Phú Đông, Láng Le, Bàu Cờ... ra vào thành phố. Bài học đó càng sâu sắc khi tôi được xem và tìm học được nhiều điều bổ ích trong báo *Lendemains* do nhóm đảng viên Cộng sản này xuất bản công khai tại thành phố.

Nhiều năm sau, khi tôi càng hiểu thêm được bản lĩnh truyền thống của dân tộc, và tư tưởng Hồ Chí Minh, bài học vỡ lòng về bạn, thù càng thấm thía. Tôi dần dần hiểu được thế nào là thêm bạn bớt thù, cả trong quan hệ nội bộ dân tộc, quan hệ quốc tế. Bài học này đối với tôi thật là vô giá, bài học đó vô giá khi đất nước gặp hồi đen tối, và như người ta thường nói "ngàn cân treo sợi tóc"; càng vô giá khi đất nước giành thắng lợi, có được vận hội mới. Và dần dần tôi

(1) Đồng chí Mai Ngọc Khuê có nói về Perrier trong *Làm đẹp cuộc đời - Huỳnh Tấn Phát, con người và sự nghiệp*. Nhà xuất bản Văn, 110 Quán, Hà Nội, 1994, trang 105.

cũng hiểu ra : khái niệm "thù, bạn" không phải chỉ được đặt ra từ một phía mà còn cả từ phía kẻ khác ; vì sự khôn ngoan của dân tộc đã từng dạy : "cây muốn lặng, gió chẳng dừng".

ĐI "CẦU VIỆN"

Sau mấy ngày nổ ra kháng chiến, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tân Bình đi công cán, nhiều người không trở lại do những nguyên cớ khác nhau. Tôi vụt nảy ra sáng kiến đi "cầu viện" ở các địa phương cùng với Tân Bình hình thành vòng cung bao vây thành phố ở phía Bắc.

Đọc đường đi có ai hỏi "phải làm gì để đối phó với giặc Pháp?", tôi không ngần ngại trả lời : "Phải đánh du kích". Tôi nói như vậy, vì có nghe Việt Bắc "đánh du kích" với giặc Nhật và mới đây một người tự giới thiệu tên Văn Hà ⁽¹⁾ có đến đề nghị Ủy ban tỉnh cho phép và giúp in quyển "Chiến thuật du kích" ⁽²⁾. Còn nội dung "đánh du kích" là thế nào thì tôi chẳng biết.

Nơi "cầu viện" tôi nhắm trước hết là Ủy ban tỉnh Gia Định. Tại trụ sở Ủy ban ở Gò Vấp, Chủ tịch Phạm Văn Chiêu, người nhỏ thó, cử chỉ rất nhanh nhẹn, cởi mở, vui vẻ nói với tôi :

- Tôi quen biết anh Ba Thành, ông thân của cậu. Bà con thương anh Ba lắm. Cậu cứ yên tâm. Chúng tôi đã lo mọi bề.

Tôi đâu có biết nói gì thêm và đi thẳng lên Biên Hòa.

Tại Biên Hòa, tôi gặp một anh, nghe nói anh có tham gia Heiho, dáng vẻ trẻ trung, gọn gàng trong bộ quần áo nhà binh. Đáp lại ý kiến "cầu viện", anh cho biết có sẵn 200 thùng lựu đạn vỏ sành, sẽ gởi người và lựu đạn đến "tiếp viện" mặt trận Sài Gòn.

Tôi không nhớ vì sao tôi đã đến ga xe lửa Trảng Bom. Nét mặt

(1) Nguyễn Tinh ủy viên, Tổng Biên tập báo *Thống Nhất*, cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Gia Định, sau có làm Phó đại sứ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, đang nghỉ hưu.

(2) Của Hồ Chí Minh do Việt Minh xuất bản tháng 5-1944. Xem *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Hà Nội xuất bản lần thứ hai, 1995, tr. 467.

tươi tỉnh, hăm hở của những bạn trẻ cùng lứa tuổi với tôi, những chiến sĩ Nam tiến từ trên toa xe lửa nhảy phóc xuống đã làm cho tôi rất xúc động. Nhìn bộ quần áo nâu mũ cứng, dây nịt da với trái lựu đạn... bất chợt tôi nhớ hồi tháng 4, tháng 5 cả thành phố, Nam Bộ vận động lúa gạo, dầu tranh với Nhật để được cứu trợ nạn đói khủng khiếp ở miền Bắc, giờ đây miền Bắc gọi con em nặng tình yêu nước sẵn sàng cùng đồng bào, đồng đội Nam Bộ liều chết để bảo vệ mảnh đất phía Nam thân thương này của Tổ quốc !

Và về sau khi được nghe nói về bức thư của Bác Hồ - Nguyễn Ái Quốc *Gửi đồng bào Nam Bộ* ngày 26 tháng 9 năm 1945, trong đó có câu : "Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ"⁽¹⁾ thì chúng tôi càng vững dạ tin Chính phủ Trung ương, cả nước với Nam Bộ là một.

Rời Biên Hòa, tôi đến Thủ Dầu Một và xin gặp một người mà từ ngày còn học tiểu học tôi đã mến mộ tên anh, khi nghe nói anh là tác giả của quyển *Chén cơm lạt của người thất nghiệp*. Quyển này cùng với những quyển tiểu thuyết xã hội của Nguyễn Công Hoan đã khơi dậy trong trí thơ của tôi sự thông cảm, quý mến thân phận những con người sống bên lề xã hội, nạn nhân của xã hội thối nát. Nhưng bây giờ tôi được nghe nhiều chuyện về cái "trại giam người" của anh : cứ đêm đêm nghe có tiếng xích cùm lê khỏi một phòng nào, thì y như rằng, "tội nhân" đó sẽ "ra đi".

Sáng sớm đó tôi được gọi vào gặp anh. Thoáng nhìn, tôi chú ý đến tướng anh thấp, chắc nịch, tóc hớt ngắn gần như trọc đầu, đôi mắt nhỏ, sáng, anh ăn mặc như sĩ quan Nhật, bên hông lướt thướt thanh kiếm quá dài đối với tầm vóc người đeo. Sau vài câu qua lại, anh cúi xuống viết trên một tờ giấy, cẩn thận đóng một con dấu to và mấy con dấu nhỏ rồi trao cho tôi. Tôi liếc thấy dưới tên tôi có lời ghi : "... đã đào tẩu, nay được cho phép trở về nguyên quán Tân Bình". Sau khi trao cho tôi tờ giấy "hộ mạng", anh nói và dần từng tiếng : "Tôi đã sung công tất cả vỏ ve chai, đã cho đổ đầy xăng và nhét nút vải làm "chai xăng Mồ-lô-tốp". Giác Pháp đứng hông kéo đến Thủ

<https://tieulun.hopto.org>

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 27.

Dấu Một này. "Chai xăng Mô-lô-tốp" sẽ thiếu chúng chết không còn một con đò, không thắng nào lọt qua cầu được đâu".

Tôi rút lui mà trong lòng không hiểu vì sao không bị anh giữ lại.

Tôi không tìm ra "bài học vỡ lòng" nào từ chuyến đi "câu viện".
Mãi sau này, tôi mới biết được diễn biến của tình hình : ngay trong buổi sáng 23 tháng 9, Ủy ủy Đảng và Ủy ban Nhân dân Nam Bộ họp thành lập Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến Sài Gòn - Chợ Lớn có nhiệm vụ *chi đạo mọi mặt cuộc kháng chiến*, ngăn chặn, bao vây giặc Pháp trong nội thành. Sau đó cấp ủy Đảng các tỉnh đã triển khai chỉ thị của Nam Bộ... và "ngay trong đêm 24, nhiều cánh quân từ các tỉnh Nam Bộ vừa khẩn cấp thành lập đã kịp về Sài Gòn tham gia chiến đấu. Một số đơn vị vũ trang đầu tiên từ Hậu Giang, Tân An lên, Biên Hòa, Thủ Dầu Một xuống và từ Cần Giuộc, Nhà Bè qua, đã cùng tiến công vào nội thành" (1)

Trên chặng đường tiếp theo, hành trang của tôi còn được tiếp nhận thêm những bài học vỡ lòng mà tôi nhớ đời, không phải để khôn hơn mà để bớt dại.

TỪNG BƯỚC DẪN THÂN

Sau khi đi "câu viện" về tay không, may mà còn được mạng sống, tự nhiên tôi trở thành người "quan trọng" của tỉnh Tân Bình, và tôi tự giao cho mình những công việc quá tầm tay !

Trước hết tôi đến các mặt trận ở Cầu Kiệu, Cầu Bông, Cầu Thị Nghè. Ở đó chẳng ai biết mình là ai.

Tại Cầu Bông, ngay trong sáng sớm ngày 23 tháng 9 đã có những tên cam tâm cầm súng cho giặc. Một tên, để tự trấn tĩnh, đã hét lên với mọi người qua lại : "Tao là Việt gian. Hãy nhìn vào mặt tao đây !". Miệng nó la, hai tay giữ súng mà mặt nó lại cúi gằm xuống đất, không dám ngó ai vì nó sợ chạm phải những cặp mắt căm hờn, khinh bỉ của người dân già yếu, trẻ con đang tất tả rời thành phố.

(1) *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn và Tân Bình kháng chiến (1945-1975)* Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 43.

Từ mấy ngày nay trên khắp các mặt trận bao trùm khi thế hùng hực chiến đấu của dân quân, nam nữ thanh niên thay phiên nhau trực chiến, sẵn sàng nã súng vào những tên giặc dám chường mặt ở phía bên kia cầu. Tôi thấy ngồi trên những cháng cây to có những đồng bào người Thượng, ở trên đóng chốt, làm làm cung nỏ hướng về phía địch.

Trên đám ruộng cạp theo rạch Cầu Bông, có nhiều lùm ô rô rậm rạp, dưới nắng gay gắt, một tổ phụ nữ cứu thương giương cờ trắng có dấu thập đỏ, bất chấp hiểm nguy, lom khom đi từ bụi ô rô này qua bụi ô rô khác tìm thương binh để điều hoặc công về phía sau. Tinh thần quả cảm của chị em đã làm tôi xúc động mạnh trên bước đường dẫn thân của mình.

Ở phía Cầu Kiệu, một buổi sáng có tiếng báo động địch đang tràn qua trên cầu và dưới sông. Tôi cùng đơn vị võ trang của Ủy ban tiến về hướng có giặc. Trên tay tôi có một khẩu ru-lô chỉ còn một viên đạn, sáng nay đã chia bớt một viên đạn cho một anh bạn rồi. Khi "giãn trận", tôi nhìn bên cạnh gặp một thanh niên tuổi còn trẻ hơn tôi, rần rỏi cầm chắc cây tầm vông vạt nhọn, mắt sáng quắc trong tư thế sẵn sàng xung phong. Tôi thoáng nghĩ : nếu xáp trận, cây tầm vông kia ưu thế hơn súng ru-lô với một viên đạn của mình.

Súng nổ, một tốp địch bị chặn lại, chúng bắn vung vãi về phía trước như xé không khí, rền tiếng cật... bùm... bùm. Bỗng có tiếng hét : "Bất tặc Việt gian, nó nổ súng vào chúng ta!". Một "tên" bị tóm cổ. Vừa lúc đó lại có tiếng nổ bùm sát đó. Có người chạy đến quát lên : "Nằm xuống ! nằm xuống ! đạn đum - đum đó, không phải Việt gian đâu!". Thế là "tên Việt gian" được giải oan. Ngay lúc đó vang dậy tiếng xung phong, mọi người tràn tới kể cả người trong tay chỉ có cây rựa. Địch tháo chạy qua cầu, có mấy thằng nhảy ùm xuống sông.

Địch bị đánh tan không phải do thiếu vũ khí mà bị áp đảo bởi tấm lòng gan dạ, đồng lòng không phải của một nhóm người liêu chết mà của cả một dân tộc. Đối với tôi, từ hôm đó tôi vỡ lẽ "tòng yêu nước" phải gắn liền với sẵn sàng "lâm trận". Chiều dài của thời gian sau này càng giúp tôi mở rộng cảm xúc và nhận thức về "yêu nước" và "lâm trận".

Trước cái sống, cái chết, nghĩ đến người chiến sĩ ở trận tuyến càng quý thương người chiến sĩ phải về phía sau (chưa biết hai tiếng "hậu phương"). Tôi đã thấy những chiến sĩ hết sức gan dạ mà phải khóc khi bị thương, không phải do vết thương mà vì phải chia tay với đồng đội đã cùng sống chết trên trận tuyến. Hôm đó tôi đến nhà thương của tỉnh. Ở đây hoạt động vẫn bình thường. Vị bác sĩ, vừa là Trưởng Ty y tế vừa cai quản nhà thương cho biết thuốc men, bông băng,... sắp cạn kiệt, nhất là không có thuốc chữa bệnh uốn ván. Mặc dù thấy thuốc, y tá, điều dưỡng không bỏ việc, hết lòng vì người bệnh, người bị thương, nhưng phải đành bó tay trước bệnh tình nguy kịch. Tôi đến phòng các chiến sĩ bị thương; một cảnh tượng rất đau lòng chỉ được thấy trong phim ảnh chiến tranh: anh em nằm san sát với nhau, người mất chân, tay, mắt, có người băng bó từ đầu đến bụng vì không còn chân... Có một chiến sĩ, đầu cao trọc để lộ một vết thương dài sâu hoắm; anh hôn mê đã hai ngày rồi, mà cứ quằn quại, vật vã, chờ kiệt sức để ra đi! Sau này tôi còn nhiều phen khóc đồng đội bị thương hy sinh, nhưng năm mươi năm qua rồi, hình ảnh của chiến sĩ bị thương trong những ngày đầu kháng chiến, trong đó có hình ảnh của người chiến sĩ bị uốn ván chờ chết vẫn đậm nét trong tâm khảm của tôi. Từ thuở đó, tôi đã nhận thức được và hết sức cảm ơn các chiến sĩ, tuyệt đại đa số là thợ thuyền, làm phu khuân vác, lớp nghèo thành thị, nghèo xơ nghèo xác, khi lên đường chiến đấu để lại cha mẹ già yếu, vợ trẻ con thơ, trong nhà hư gạo đã voi, nợ nần chồng chất! Họ đi "quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" và khẩu hiệu đó là từ tâm can, từ bầu nhiệt huyết của thế hệ "Mùa thu, ngày hăm ba..." lại được các thế hệ nối tiếp điểm tô rạng rỡ.

Trong những ngày này, ban ngày rền tiếng súng địch đi bố ráp, xóm lao động bị đốt, khói đen bốc cao từng cụm...; ban đêm bầu trời trên thành phố ừng hồng vì lửa rực cháy tại các cơ xưởng, kho tàng, doanh trại... của địch bị dân quân đột nhập đốt phá. Tuy vậy có đêm cũng có những giờ phút im lặng lạ thường! Chính trong những giờ phút đó, tự nhiên tôi nhớ Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Đồ Chiểu... Trong thanh vắng tôi tưởng tượng như nghe vang lên câu văn của người xưa ngợi ca nghĩa quân chống Pháp:

"Nguyệt cật nguyệt minh lào mã, lập thời như thủy đầu hậu ngòl,

<https://tieulun.hopto.org>

Trong tay một ngọn tâm vòng chỉ nài sấm dao tu, nón gờ".⁽¹⁾

Lịch sử lặp lại, nhưng phen này, cả nước đứng lên dẹp loạn, chớ không để cho Nguyễn Đình Chiểu phải thốt ra lời thống thiết :

"Hỡi trung dẹp loạn rày đâu vắng ?

Nơ để dân đen mắc nạn này !"

Mỗi ngày, đụng độ giữa ta và địch gay gắt, dòn dập hơn. Tôi bán với bác sĩ tìm mọi cách chuyển nhà thương về sâu ở Gò Vấp hoặc Thủ Đức, người bệnh nhẹ hơn đành phải gởi về nhà, còn bằng bất cứ giá nào cũng phải hết lòng chăm sóc chiến sĩ bị thương.

Tôi cũng "ra lệnh" thả tất cả số chị em bị nghi là "Việt gian", có người mang theo cả con nhỏ. Tôi có đến trại giam, tình cờ gặp một người tôi biết là có giáo, thân phận đẩy đưa như thế nào lấy chồng là một người đội Pháp gốc châu Phi. Khi anh này về nước thì giới thiệu cô giáo lại cho người bạn mới qua ! Tôi có xem hình một người phụ nữ chủ nhà bị bắt vì trong hình người chồng là Tây (Pháp) có cầm một khẩu súng săn hai nòng. Tôi nhìn cảnh chị em và các cháu là đồng bào của mình được "số lông" mà liên nghĩ đến những cảnh tình trái ngược của các mẹ, các chị, em, cháu sa vào tay giặc, bị chúng giết chóc, làm nhục...

"NGHÈNH ĐÓN" VÀ "DỜI ĐÓ"

Giữa lúc ta ra sức giữ chặt vòng vây bao quanh Sài Gòn, xe cam - nhông chở lính "chà chớp" của quân đội Anh cứ chạy rảo khắp thành phố, qua cả đất Tân Bình, chúng muốn đổ quân chỗ nào tùy ý. Mấy buổi sáng rồi chúng rải quân ở hai bên lề đường cách trụ sở Ủy ban tình vài trăm mét. Tôi đang "lia" cơm trưa, có báo động : "Chà chớp đến !" Tự xác định tư thế đại diện hợp pháp của chính quyền địa phương, tôi chứng chạc ra "nghênh đón" quân Đồng minh. Còn cách xa hơn họ trên năm trăm mét, tôi nghe một loạt súng nổ, đạn bay vèo vèo trên đầu tôi. Họ "nghênh chào" đại diện của chính quyền như vậy đó. Tôi chỉ còn có nước tháo lui cơ giới chạy, vì đâu có thể nói "miệng" với súng đạn. Nghỉ lại, không biết có nên cảm ơn sự lão luyện

(1) Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu.

của "chả chớp" không, bởi vì nhờ có loạt đạn bán chì thiên, tôi mới khỏi rơi vào tay họ. Suốt mấy giờ liền họ lục soát đốt hồ sơ, quăng vãi giấy tờ; đập phá bàn ghế, cửa chính, cửa sổ... và sau đó rút êm.

Chúng tôi thấy đã đến lúc phải "đời đời" về Gò Vấp, ở sát nách với Ủy ban Kháng chiến tỉnh Gia Định. Và ngay trong buổi sáng hôm sau, chúng tôi được thông báo : tỉnh Tân Bình được sát nhập thành một quận của tỉnh Gia Định. Người cán bộ đã từng cự chúng tôi về khẩu hiệu "Độc lập hay là chết", nay vui vẻ nói với tôi : "Anh vẫn là Tổng thư ký Ủy ban Kháng chiến, nhưng là cấp "quận". Anh thấy sao ?"

Thật lòng tôi không có phản ứng. Lúc đó hầu như lớp thanh niên chúng tôi trước sự nghiệp kháng chiến, sự còn mất của đất nước đều cảm nhận được nhiệm vụ mình và hết lòng tin vào các anh là những người Cộng sản đang gieo lãi con thuyền cách mạng vượt qua bão táp.

Từ đây một bước ngoặt mở ra trong đời tôi, bước ngoặt trên chặng đường năm mươi năm đi theo Đảng, được giác ngộ về *mạch nguồn dân tộc, bản lĩnh dân tộc*, được nhận ra ánh sáng của trí tuệ, danh dự, lương tâm - tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau anh Huỳnh Tấn Phát, anh Ung Ngọc Ky, đặc biệt anh Võ Văn Thôi⁽¹⁾, tôi còn nhận được sự dìu dắt, nâng đỡ của cấp lãnh đạo, đồng chí, đồng bào trong cả nước, có cả kiều bào ở nước ngoài, bạn bè, đồng chí quốc tế... Ân tình ngàn ấy, nợ tình ngàn ấy càng un đúc ở tôi niềm tin trên chặng đường đổi mới, dân chủ đang mở ra thênh thang, không tránh khỏi có gai góc, cạm bẫy, *mạch nguồn ấy là vô tận và ánh sáng ấy mãi mãi diệu kỳ và phải là như vậy.*

Tháng 7 năm 1995

(1) Võ Văn Thôi, thành viên Tỉnh ủy viên kiêm Tổng thư ký Mặt trận Việt Minh tỉnh Gia Định, Thiếu tướng đang nghỉ hưu.

QUÊ HƯƠNG CỦA THỜI TUỔI TRẺ⁽¹⁾

CA VĂN THÌNH

Giữa tháng 6-1945 tôi lên Sài Gòn gặp mặt thủ lĩnh Thanh niên Tiên phong các tỉnh, cùng nhau dự lễ tuyên thệ ở vườn Ông Thượng. Người chủ trì buổi tuyên thệ là bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Chúng tôi đã cùng nhau nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với Thanh niên và Tổ quốc.

Tháng 6 năm ấy, cái tháng không thể nào quên ! Phong trào trong Nam Bộ lúc này rất sôi nổi, hăng hái. Một số sinh viên Nam Bộ học ở Hà Nội đã từng gây men phong trào ngoài đó, khi trở về Nam họ đã mang theo không khí sôi động ấy. Họ họp lại thành đoàn, hăng hái hoạt động các nơi, tuyên truyền, vận động tinh thần yêu nước, phát huy truyền thống dân tộc anh hùng chống ngoại xâm. Đặc biệt là những bài hát, những vở kịch yêu nước của họ đã được diễn ở Hà Nội nay mang về tiếp tục gây sôi động ở trong Nam. Biết bao nhiêu cảm xúc mạnh mẽ, phấn chấn, giục gọi mà bài hát *Lên Đàng, Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, Thanh niên hành khúc...* của các anh Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ... đã gọi cho tôi ! Trong bầu không khí nóng bỏng ấy, máu trong người tôi như sôi lên. Tôi như thể được chấp vào đôi cánh mà thênh thang bay lên, bay lên hòa nhập vào phong trào, vào tiếng hát, vào bước chân, vào từng tiếng hô "một hai, một hai". Những buổi biểu diễn các vở kịch yêu nước mà tiêu biểu là vở *Đêm Lam Sơn* đã làm bùng lên sinh khí mới trong khán giả. *Đêm Lam Sơn* là một vở kịch nói lên tinh thần yêu nước của Nguyễn Trãi, Lê Lợi chống nhà Minh.

Ở rạp hát Nam Xuân, thị xã Bến Tre, người xem nô nức nhiệt liệt hoan nghênh vở kịch *Đêm Lam Sơn*. Đi đến đâu cũng nghe sang

(1) Hồi ký do Hồ Thị Cẩm Nhung

sáng bên tai mình những bài hát yêu nước vang lên từ đôi môi của những người mới tập hát, non nớt vậy mà sao hào hùng thế. Như là những lời nhạc ấy đang thúc giục, kêu gọi, cầm tay mọi người mà dấn đến một cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của đất nước, vào một buổi không xa.

Sau khi dự lễ tuyên thệ ở vườn Ông Thượng trở về, tôi cùng các cán bộ thanh niên tăng cường huấn luyện thanh niên, khuyến khích cán bộ tập luyện thanh niên tận xã, khu phố, cơ sở. Trong lúc chúng tôi đang tìm nơi mở lớp huấn luyện thanh niên thì anh sinh viên tên Đặng Ngọc Tốt đến gặp tôi. Tốt thuộc nhóm sinh viên Lưu Hữu Phước, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiếng... vừa trở về Nam. Đặng Ngọc Tốt quê ở Bến Tre, xã Hưng Khánh Trung. Trong lúc ra Hà Nội học tập anh đã cùng đấu tranh với anh em sinh viên nên có bị thực dân Pháp bắt giam một thời gian. Bây giờ anh tìm tôi và tỏ nhiệt tình đối với tổ chức thanh niên. Anh giới thiệu với tôi tinh thần thanh niên xã Hưng Khánh Trung. Trong lúc chúng tôi chưa tìm ra nơi để mở lớp huấn luyện cán bộ thì Đặng Ngọc Tốt đã tận tình giúp đỡ nhà cửa bàn ghế, công sức, cả một số bài hát và vở kịch, cộng tác với các bạn sinh viên để mở lớp huấn luyện cán bộ phụ trách thanh niên. Anh đã giúp tôi rất nhiều cả công sức lẫn tinh thần yêu nước. Nhờ có các anh như Đặng Ngọc Tốt mà lớp huấn luyện của chúng tôi vừa tập luyện lại còn tập hát cho anh em thanh niên nữa !

Chúng tôi làm việc hằng say, nhiều khi quên ngủ quên ăn, không kể ngày đêm. Tổng khởi nghĩa ! Ba tiếng ấy đủ để chúng tôi thấy người sung sức lại mỗi khi mệt mỏi.

Vài khóa huấn luyện đã có được cán bộ đưa về các huyện, vận động phong trào đến tận xã ấp. Bên cạnh nam thanh niên, nữ giáo viên Lê Thị Kiêm bám vào một số học trò tiến bộ, tích cực vận động nữ thanh niên tham gia phong trào.

Là thủ lĩnh thanh niên, vì trách nhiệm, tôi đi sâu vào nông thôn, được hít thở không khí phi thường chưa từng thấy : xã xã, ấp ấp, nhà nhà đều mở hội tung bưng. Quần chúng từng nhóm đồng thanh hát các bài ca yêu nước và luyện tập quân sự. Đầu đầu cùng đội ngũ chính tề tay cầm tấm vòng vạc nhọn, hoặc dao, hoặc mác rậm rạp bước chân theo tiếng hô "một hai". Sớm xong ruộng nương, chiều đến tối tập luyện canh gác. Nhà nhà, người người thấm ụy thế của cả phong trào Thanh niên tiến phong. Có lúc nó cứ nằm hờ.

Phong trào tươi sáng gây nên một phong cảnh thanh bạch, lành mạnh, nhân nghĩa truyền thống đáng tự hào. Ban đêm nhà không đóng cửa, không trộm cướp, không cờ bạc, không nhậu nhẹt say sưa, không chơi bời đàng điếm.

Phong trào sôi nổi ngày càng sôi nổi lên. Nhiều người tố ra thiết tha đến việc chung, tỏ ra đau xót khi biết rằng tên nước Việt Nam đã từ lâu không có trên bản đồ thế giới.

Tỉnh Bến Tre của tôi có cái thuận lợi để gây phong trào. Lúc này đúng khi Võ Trường Toản, hào khí Đông A, tinh thần bất khuất Nguyễn Đình Chiểu... là những nhân tố tinh thần, tổng hợp thành sức mạnh phong trào. Chính là do vận động giải thích của cán bộ mà nhiều người nhắc đến quyển tiểu thuyết *Tam Yên Di Hậu* của thầy Nguyễn Văn Vinh. Mỗi thù mất nước mà thầy Vinh nêu ra trong sách nay đã bùng bùng cảm phấn trong nhân dân Bến Tre. Ngay cả việc thầy Vinh bị thực dân kết án sáu năm tù treo cũng đã làm nhân dân trong tỉnh rất bất bình.

Giữa tháng 8 tôi đi Cần Thơ dự Đại hội cán bộ Thanh niên Tiền Phong. Đại hội đang họp thì có tin điện quân Nhật thua. Đại hội phải vội bế mạc sớm để cán bộ gấp rút trở về tỉnh chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cử luật sư Thái Văn Lung thay mặt đọc diễn văn trước đại hội. Luật sư Thái Văn Lung là một người xuất thân trí thức Tây học, người trong gia đình ông nói chuyện với nhau dùng toàn tiếng Tây, bởi vậy khi đứng lên đọc diễn văn ông đã đọc sai nhiều chữ quốc ngữ, nhiều khi vấp vấp một cách ngô nghĩnh. Tôi cũng là một người trí thức tham gia phong trào Tổng khởi nghĩa nên tôi rất thông cảm với các anh em trí thức khác trong phong trào. Số động trí thức có tinh thần yêu nước trong bối cảnh lịch sử này đã không ngần ngại hy sinh để đến với dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Có được sự quên mình ấy là do chúng tôi đã chịu sự tác động của giai cấp công nông đang đứng trên mũi nhọn tiến công bọn thực dân, phát xít.

Không khí cách mạng trong thanh niên và nhân dân Bến Tre ngày càng sôi động. Bây giờ, bầu không khí ấy đã đầy áp như đang chực nổ ra.

Tiếng hát yêu nước, lên đường ngày càng to như từng đợt sấm động trên đầu bọn thực dân và tay sai.

Giáo, bác, thầy, ông, bà, anh, chị, em, tất cả đều đã cùng nhau nắm tay.

Chỉ một tiếng hô "khởi nghĩa" tất cả sẽ nổ bùng lên trong khí thế báo tấp cách mạng.

Khởi nghĩa !

Ngày 28 tháng 8 năm 1945, cuộc khởi nghĩa thành công vẻ vang ⁽¹⁾. Các ngành chính quyền gồm cả một số binh lính cảnh sát với vũ khí của địch đều giao cho Tỉnh ủy. Ủy ban Nhân dân được thành lập, Chủ tịch là Phạm Văn Bạch, tôi là một ủy viên. Phạm Văn Bạch sau trở thành Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ.

Chưa bao giờ tôi thấy mình sung sướng đến như vậy. Tôi hít thở đến muốn vỡ ngực từng luồng không khí độc lập, tự do. Khi hay tin cả nước đã giành được chính quyền, thủ đô Hà Nội đã về tay nhân dân, chúng tôi được bay nhảy với đôi cánh của một cộng dân tự do, bay khắp bầu trời đất nước bao la nay đã về tay nhân dân Việt Nam.

Nước Việt Nam của người Việt Nam, chân lý ấy đơn giản thế, mà từ lâu không có thực !

Ngày 23-9-1945, chưa đầy một tháng ta giành độc lập tự do từ tay của phát xít Nhật, thực dân Pháp quay trở lại cướp nước ta lần thứ hai. Lời danh thếp của Hồ Chủ tịch nêu trong *Tuyên ngôn Độc lập* đã thấm vào tâm lòng của nhân dân ta, đồng bào thành Sài Gòn và Nam Bộ đứng mũi, chịu sào trước nạn ngoại xâm, không dè dặt gì nữa, giữ trọn lời thề giành độc lập tự do, quyết tâm đứng lên kháng chiến đến thắng lợi dù gian khổ hy sinh đến thế nào đi nữa.

Tuy tỉnh Bến Tre bị địch chiếm lại sau cùng (4-2-1946); sau các tỉnh Nam Bộ, nhưng từ 23-9, lãnh đạo tỉnh đã rời khỏi thị xã, tạm đóng ở Mỹ Lăng, chuẩn bị xây dựng căn cứ kháng chiến ở rừng Thạnh Phú. Là ủy viên trong Ủy ban Nhân dân tỉnh nhà, chúng tôi tích cực góp phần vào công tác vận động, tuyên truyền trong quần chúng nhân dân thị xã và các huyện, đồng viên tinh thần kháng Pháp cứu nước. Một mặt đi các huyện tập hợp quần chúng nêu cao truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp, mà gương sáng là Đồ Chiểu

(1) Bến Tre giành chính quyền ngày 28-8-1945

(tỉnh nhà đã được đặt tên tỉnh Nguyễn Đình Chiểu ngay hồi Cách mạng Tháng Tám), mặt khác tôi tham gia Ban biên tập báo hằng ngày của tỉnh. Chúng tôi xuất bản đều đặn tờ báo ngày *Hy sinh*, máy in để sẵn dưới một ghe chài, để tiện việc lưu động, khi dịch oanh tạc.

Hoàn cảnh kháng chiến Nam Bộ khó khăn đã thử thách chúng tôi thời đầu ở tỉnh Bến Tre, tại căn cứ Cái Cát, vùng rừng Thạnh Phú : vũ khí đạn dược thiếu thốn, lực lượng quân sự mới xây dựng, đời sống chật vật, cán bộ gian khổ, chịu đựng muỗi mòng, phải chèo xuồng chạy từng hũ nước ngọt để nấu ăn, để uống, vì căn cứ ở gần bờ biển. Chúng tôi tạo dần tập quán cuộc sống kháng chiến.

Nhằm giải quyết vấn đề vũ khí đạn dược, và để báo cáo ra Trung ương là giặc Pháp đã phản bội Hiệp định Sơ bộ 6-3 mà chúng đã ký với ta, đại diện Khu 8 là đồng chí Đào Văn Trường triệu tập cuộc họp, cử một phái đoàn ra Trung ương. Tôi được tham gia phái đoàn cùng đi với các đồng chí Đào Văn Trường, Nguyễn Thị Định, bác sĩ Trần Hữu Nghiệp... Vấn đề tổ chức lên đường ra Trung ương bằng đường thủy có nhiều phức tạp : phải thuận buồm, xuôi gió, tránh tàu giặc tuần tra từ Vũng Tàu, nhất là thuyết phục lái thuyền "đáy hàng khơi" rất lo sợ đá ngầm ở bờ biển Trung Bộ mà họ chưa từng đi. Rời khỏi Cồn Lợi, người ra đi, nhất là chúng tôi, lòng đầy mộng tưởng ; trước hết là lòng khao khát yết kiến Hồ Chủ tịch, giải đáp câu hỏi đã nêu từ lâu : Bác Hồ phải chăng là Nguyễn Ái Quốc, nhân vật vô cùng yêu quý từ năm 1925, mà lúc tôi ra học tập ở Hà Nội, đã nghe bạn học Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt luôn luôn nhắc nhở, khâm phục ?

Gặp gió ngược, cột buồm hồng, phải tạm chui vào cửa Kê Gà, rất may dịch không đóng đồn ở đó. Rồi vì gió ngược, quyết định đi bộ, đã trèo đèo, tạm nghỉ lúc ba giờ khuya, khi nhận rõ luồng gió xuôi tây nam thổi, quay lại Kê Gà, thuê thuyền khác, tiến đến cửa Tuy Hòa (Phú Yên).

Thế là sau bao nhiêu năm xa Hà Nội nay tôi lại được trở lại. Hai lần đến Thủ đô tôi gặp hai Hà Nội khác nhau. Lần trước khi tôi học ở Cao đẳng Sư phạm 36 Nguyễn Huệ, nay là một Thủ đô đang

rên xiết dưới gót giày bọn thực dân xâm lược. Nay trở lại, tôi trở về một Hà Nội trái tim của nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền. Vì vậy biết bao xúc động đã dâng lên trong người tôi.

Mới đến Phòng Nam Bộ, chân ướt, chân ráo, đoàn hân hạnh đón tiếp cụ Nguyễn Văn Tố, Chủ tịch Quốc hội, rồi tiếp bạn học cũ Đặng Thai Mai, Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Anh Mai mời chúng tôi chiều hôm sau dự bữa cơm thân mật. Chính trong bữa cơm ấy, đối với đoàn chúng tôi là một ngày lịch sử, tạo trong tâm não chúng tôi một ấn tượng vô cùng sâu sắc. Hồ Chủ tịch đến. Anh Mai đưa Bác Hồ vào. Bác Hồ vui vẻ nói :

- Chú Mai mời anh chị em Nam Bộ ăn cơm mà không mời tôi. Cho tôi tham gia với.

Chúng tôi được một sự ban thưởng bất ngờ.

Giữa lúc bận trăm nghìn việc do quân của Tưởng, của Pháp gây sự, mà Bác vẫn để thì giờ quan tâm đến đoàn chúng tôi. Điều mơ ước thiết tha của chúng tôi thành hiện thực. Chúng tôi xúc cảm, sung sướng đến nghẹn ngào.

Bác đi ngay vào ngôi bên cạnh chị Định. Bác hỏi thăm sức khỏe chúng tôi, lời thân mật của vị cha già dân tộc đã làm cho chúng tôi quên hết nỗi mệt nhọc của đoạn đường dài. Dù vậy, khi Bác hỏi tình hình Nam Bộ kháng chiến, chúng tôi vẫn nghẹn ngào, trả lời ấp úng. Khi nghe anh Đào Văn Trường báo cáo quân Pháp phản bội Hiệp định Sơ bộ, Bác hỏi chị Định tỉ mỉ về cuộc kháng chiến của ta.

Bác nói với chúng tôi :

- Thiếu súng lắm phải không ? Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về ?

Bác chỉ tay vào chị Định :

- Ưu tiên cho phụ nữ nói trước. Cô nói cho Bác nghe tình hình nhân dân, bộ đội ta ở Nam Bộ bây giờ thiếu thốn những gì ? Các cô các chú muốn yêu cầu, đề nghị gì ?

Chị Định kể việc nữ khí dân được thiếu thốn, cán bộ ở căn cứ chịu cảnh rừng nước ngập mặn, đói ăn, nước lợ, nước mặn.

Chúng tôi chăm chăm nhìn Bác. Hai dòng nước mắt từ từ chảy xuống đôi má hóp của Bác, chúng tôi cũng không ngăn được nước mắt. Bác thương đồng bào Nam Bộ là dường nào !

Thời gian ở Trung ương làm nhiệm vụ trên đã giao, chúng tôi vẫn dăm dăm nhìn về Nam Bộ kháng chiến. Ngày 19 tháng 12 năm 1946. Toàn quốc kháng chiến, chúng tôi xin được Trung ương chấp thuận, kiên quyết về Nam Bộ kháng chiến.

Sau này, khi tập kết ra làm việc ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, lòng tôi không lúc nào không mong ngóng về miền Nam, về quê hương Bến Tre dưng cảm của tôi. Nhưng tiếng nói thiết tha ấy mãi mãi âm vang trong lòng tôi. Bến Tre, quê hương của thời tuổi trẻ, chính tại mảnh đất xanh mượt bóng dừa ấy tôi đã không lúc nào ngồi nghỉ trên con đường hoạt động yêu nước, cũng là con đường tìm đến với Đảng, với dân tộc.

Nhân tố đầu tiên đã dẫn dắt tôi đến với Đảng là tấm lòng yêu nước chân thành.

Thời tuổi trẻ ấy, tôi là một người thanh niên nhiệt thành đối với đất nước lâm nguy mà phải phân vân trước những con đường khác nhau. Người thanh niên ấy có thể đi trên một con đường nào đó cũng vì có rất nhiều tổ chức yêu nước chống Pháp. Nhưng cuối cùng, dấu muộn hơn anh em, bè bạn, người thanh niên ấy đã gặp Đảng, đến với Đảng và đi trên con đường xán lạn chân lý Cộng sản của Đảng, của Bác Hồ.

Thành Phố. Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 1981

MÙA THU NHỚ MÃI⁽¹⁾

PHẠM VĂN BẠCH

... Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Anh em ai cũng bảo nhau phải liên lạc với các tổ chức chính trị bí mật để hoạt động chứ không thể đơn lẻ làm việc mà độc lập đến với mình được. Và Đảng mà tôi chọn với quyết tâm phấn đấu được gia nhập dĩ nhiên là Đảng của giai cấp vô sản. Từ những hình ảnh lý thuyết của Mác và Lênin mà tôi đã được đọc và được thuyết phục trong sách vở nghiên cứu, đến các luận án của tôi tại trường đại học và sinh hoạt chính trị xã hội của tôi tại Lyon, đến các mẫu sống đẹp của những người Mácxít tôi quen cùng những suy luận tất yếu tôi rút ra khi được chứng kiến thực tiễn đau thương chung quanh..., tất cả đã thúc tôi có một khẳng định trong lựa chọn. Lúc bấy giờ tôi đã về lại Cần Thơ. Nơi đây tôi bắt liên lạc được với anh Nguyễn Văn Cái, sau đó là Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre. Nhưng bọn Nhật đã quyết định trưng dụng tôi làm chánh tòa ở đó. Tôi đi tham khảo ý kiến của tổ chức thì được khuyến nèn nhận lời vì Đảng bộ đã hiểu lập trường của tôi và vì ở vị thế đó sau này tôi có thể giúp anh em dễ dàng hơn.

Và đến gần cuối tháng tám năm đó, khi ngọn cờ Cách mạng đỏ rực toàn Nam Bộ, tôi đã được Tỉnh ủy giao cho đứng đầu các cán bộ, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân Bến Tre, đi lật đổ ngụy quyền của tỉnh này cũng tiếp thu các cơ sở Nhà nước. Cậu thứ năm của tôi ở Pháp về đã lâu, làm chánh tòa ở Mỹ Tho. Trong thời gian này hai cậu cháu đứng đầu nhau cái cộp. Chính về sau tôi ký quyết định cho phép cậu Năm về nhà, cậu có tìm gặp tôi cảm ơn vì đã "để cho sống".

Đầu tháng chín 1945 cùng anh Nguyễn Văn Cái từ Sài Gòn xuống, được đại diện Trung ương Đảng lúc ấy là đồng chí Hoàng

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Hồi ký do Minh Ngọc ghi.

Quốc Việt và Xứ ủy Nam Bộ ủy nhiệm mời tôi lên Sài Gòn. Lúc ấy anh Trần Văn Giàu đang làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ (gọi tắt là Lâm Ủy). Lên đến Sài Gòn tôi mới biết mình được Đảng phân công làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Nam Bộ trên cơ sở quyết nghị nhất trí của Mặt trận Việt Minh.

Mừng vì nền độc lập, thống nhất của nước nhà sau bao nhiêu đắng cay, máu và nước mắt mới có được thì phải nói là người Việt Nam yêu nước nào cũng mừng cả. Nhưng khổ mà diễn tả lại tình hình khó khăn của Nam Bộ lúc ấy. Trước kia người Pháp đã tách Nam Bộ ra làm một thuộc địa riêng lẻ. Có thể nói đó là một trong những âm mưu độc hại nhất của thực dân để chia rẽ nhân dân ta. Ngay trong nội bộ của Nam Bộ lúc đó lại cũng đang diễn ra một tình hình chính trị và xã hội chia rẽ và phức tạp khác ngày càng nhiều.

Đảng phái ở Nam Bộ rất đông. Các đoàn thể cũng vậy.

Nam Bộ cũng là nơi có nhiều dân tộc (Việt, Khmer, Hoa kiều, thiểu số miền Đông...) và nhiều tôn giáo (Công giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ, Tứ Ân Hiếu nghĩa...). Mỗi đạo giáo lại còn phân chia ra làm nhiều nhánh, như Cao Đài có đến 12 phái, có phái còn có quân đội riêng...

Cùng đứng trong Ủy ban có các anh Trần Văn Giàu lo về quân sự, Nguyễn Văn Tạo phụ trách nội vụ, Ung Văn Khiêm trông coi giao thông nội bộ, Phạm Ngọc Thạch lo mặt đối ngoại, Ngô Tấn Nhơn lo về kinh tế, có kỹ sư Nguyễn Văn Nghiêm, Huỳnh Phú Sổ (Hòa Hảo), Từ Bá Đức (địa chủ yêu nước)... Đặc biệt hai người nhỏ tuổi là Phạm Ngọc Thạch và tôi (cơ 35 tuổi), mà anh Thạch lại được phân công lo ngoại giao nên hai đứa tôi phải khai tăng 10 tuổi để dễ nói chuyện với bọn Anh, Pháp...

Ủy ban còn có một ban cố vấn gồm độ 50 người trí thức, đứng đầu là bác sĩ Nguyễn Văn Hường nhiệt tình yêu nước và có uy tín cao đối với đồng bào Nam Bộ.

Được Đảng phân công, đồng thời đánh giá được những khó khăn trước mắt, tôi vẫn tâm nguyện sẽ dốc sức lo tròn nhiệm vụ. Nhưng thực hiện từ đó sự đồng thuận nhất trí về nhau thành một khối vững chắc để đối phó với ngoại bang đang âm mưu xâm chiếm

lại Nam Bộ không phải là một sự dễ dàng và đơn giản. Quân thù thì hùng mạnh, chính quyền ta thì mới thành lập, còn non yếu, chưa có tổ chức quân sự và công an vững vàng lại có những xu hướng cực đoan. Có nhiều người muốn tỏ cho thế giới biết ý chí thống nhất của nhân dân ta bằng những hành động chính trị hoặc bạo lực liêu lĩnh. Lại có những người muốn thanh toán ngay những sự bất đồng trong nội bộ để rảnh tay đối phó với giặc ngoài. Trong lúc ấy, với vũ lực sẵn có của chúng, địch không ngừng khuấy rối, khiêu khích để lấy cơ hồng tiêu diệt dè bẹp ngay chính quyền ta còn đang trong trứng nước...

Ở bên ngoài, có những kẻ bị quan, tiêu cực lấy làm tội nghiệp cho tôi vì đã "lao đầu vào chỗ chết". Nhiều người còn hỏi tôi không thấy có những trí thức từ chối tham chính đây sao. Một đêm khuya, câu thứ tư của tôi trước khi về quê sống yên cũng đến chỗ làm việc của tôi. Cậu không nói được gì nhiều, chỉ rút nước mắt sụt sùi thương cho thằng cháu sẽ không thọ. "Có lẽ đây là lần chót cậu được gặp cháu", ấy là lời vĩnh biệt của cậu tôi. Có lẽ, với các cậu Tư, cậu Nam của tôi, hai chữ cách mạng đã được hình dung theo kiểu cảm nghĩ của A.Q : Làm cách mạng trước sau gì cũng bị "cách" cái "mạng" ! Các cậu không hiểu được những suy tưởng của đa số người Việt Nam lúc bấy giờ : Hạnh phúc biết bao nếu như mình có thể đem mạng sống nhỏ nhoi đổi lấy được một cái gì đó cho đồng bào, cho Tổ quốc !... Trong tình thế lửa bỏng nước sôi của mùa Thu năm 1945, tôi đã học được điều ấy ở Đảng và ở đại đa số nhân dân Nam Bộ.

Trong những ngày đầu Cách mạng Tháng 8 thành công ở Nam Bộ, các đồng chí trong Xứ ủy và Chính quyền đã nghĩ ngay đến một việc thiêng liêng : giải phóng lập tức cho nhà tù Côn Đảo, tổ chức thuyền bè rước ngay về đất liền các cán bộ cách mạng đã bị thực dân Pháp đày và hành hạ nhục hình lâu nay ở đó. Hàng nghìn người gầy ốm đã được đưa về tới Sóc Trăng. Tôi đã đến đây chào mừng và nói chuyện với anh em, có dè đầu trong số những cựu "tù chính trị" đã nghe tôi nói lúc ấy có đồng chí Lê Duẩn và Bác Tôn Đức Thắng v.v... Sau bữa tiếp rước đó, tôi mới được biết đồng chí Lê Duẩn đã về hoạt động ngay tại Sài Gòn từ / 8 / 45. Tôi, sau trên mười làm năm ở Côn Đảo đã đi qua Long Xuyên ghé quê nhà thăm Bác Tôn gần một tiếng

đồng hồ rồi cũng đi... Tôi còn ghi nhớ sau đó, trước khi sang Thái Lan như tôi sẽ nói, tôi tiễn đưa Bác một buổi chiều tại cửa Gành Hào, trong một chiếc thuyền chèo, khi Bác sắp đi đường biển ra Cục nam Trung Bộ, tôi nhớ mãi lời Bác dặn : "Ở đây, chú sẽ dựa vào đồng bào ta mà sống và hoạt động".

Không sao kể hết được những hành động ngang ngược của bọn nước ngoài lúc ấy. Để bảo vệ chính quyền cách mạng và thực hiện nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, cùng với Đồng minh, ta chỉ có giáo mác, gậy tầm vông và một số rất ít súng đạn giành được trong tay bọn Nhật. Trong lúc ấy vẫn có những đạo giáo có quân đội riêng được trang bị bằng tiền của địa chủ. Mặc dù nội bộ còn nhiều điểm chưa san sẻ đồng lòng với nhau như vậy, nhưng trong những lúc thực hiện công tác đối ngoại, chúng tôi vẫn luôn luôn tỏ ra cho bên ngoài thấy chúng ta là một thể thống nhất đoàn kết.

Tuy cũng mang danh nghĩa Đồng minh chống phát xít, nhưng bọn sĩ quan Anh đâu có công nhận chính quyền của ta. Lính Ấn, lính Anh vẫn tìm đủ mọi cách khiêu khích, gây sự với dân chúng để lấy cơ đàn áp : chúng bắt hạ cờ ta xuống, máu nóng ai cũng sôi trào, nhưng phải nén xuống ; cán bộ được lệnh phải kiên nhẫn thương lượng chưa dùng bạo lực để nói chuyện với chúng được. Bọn cấp trên của chúng còn xúi giục cấp dưới bố trí súng liên thanh hạng nặng trước trụ sở của Ủy ban Nhân dân, đòi cho được Ủy ban phải dọn số sách hành chính từ dinh Thống đốc (nay là Bảo tàng Cách mạng) sang Tòa thị chính (nay là trụ sở Ủy ban Nhân dân thành phố).

Có lần hai tên sĩ quan Anh đeo súng đã hùng hổ xông thẳng vào chỗ làm việc mới này của chúng tôi. Không được ai mới, chúng vẫn ngang nhiên ngồi, đòi nói chuyện với Chủ tịch Ủy ban ! Mặt đối mặt, tay trên bá súng, chúng buộc tôi phải từ chức và "toàn bộ đầu hàng" (!) Trước mặt chúng là một người không cao lắm về vóc dáng, vẫn điềm tĩnh cười, và dùng ngôn ngữ của chúng nó, từ tốn nhưng vẫn không kém phần đanh dạn, tôi nghiêm chỉnh trả lời : "Cả Sài Gòn - Chợ Lớn đều đứng sau lưng chính quyền của họ. Là những người đại diện chân chính và duy nhất hợp pháp, chúng tôi ở đây là do nguyện vọng và yêu cầu của quần chúng và là Đại diện của Chính phủ Trung ương của chúng tôi. Nếu các người muốn biết rõ ý chỉ đọc

lập, tự do của nhân dân Việt Nam như thế nào thì các người hãy bước ra đường phố Sài Gòn hay xuống các tỉnh mà xem. Hàng triệu người đang phơi ngực trần hoặc dùng tấm vải mỏng chặn các người lai". Hai tên sĩ quan này lúng túng quay lui, không cáo biệt. Chẳng biết chúng đã thuật lại cuộc gặp gỡ này như thế nào mà sau đó, một tên sĩ quan cấp cao hơn (quan năm của Anh) đã đến xin được nói chuyện : cả thái độ lẫn giọng điệu của tên này đều tỏ ra lễ phép và có văn hóa (!) hơn.

Như thế đó, dân Nam Bộ vốn nóng tính, gặp những chuyện như vậy rất khó ngăn cản ý muốn "đập ngay tại chỗ, chuyện gì tính sau !" Một vài nơi đã có vài xô xát nhỏ xảy ra. Bọn nước ngoài viện cớ đổ cho máy bay rải truyền đơn và dân bố cáo buộc ta giải tán các tổ chức quân sự, nộ khí giới... Sự cầu kết của bọn Anh và Pháp thấy rất rõ. Tôi được nghe kể : một buổi sáng chúng còn cả gan trưng cờ tam tài trước dinh Toàn quyền (hội trường Thống Nhất ngày nay). Một nhóm thanh niên tình cờ thấy được vội tụ lại, dù không một chút khí giới trong tay, vẫn phanh ngực trần, siết tay vào nhau, quyết liều chết leo rào hạ lá cờ ở nhục đó xuống. Trước khi thế này, bọn người bên trong đã lật đật hạ cờ ngay, trước khi những chàng trai cảm tử ấy tới cột cờ.

Chính quyền tuy rất thông cảm với nhân dân, nhưng cũng đành phải ra những huấn thị, kêu gọi dân chúng cố gắng bình tĩnh và sẵn sàng, cố gắng kim và nén những bầu máu nóng sục sôi chỉ chực bùng to, nổ lớn trước những hành vi khiêu khích trắng trợn. Tuy nhiên, mọi người đều đoán trước sẽ có một cơn cuồng phong, bão dữ trong một không khí tích đầy chất điện như thế.

Và khi tiếng ốc hú lên vào đêm 22 rạng 23-9 thì gần như không ai ngạc nhiên. Thực dân Pháp chiếm trụ sở của chính quyền và các bộ Quốc gia Tự vệ cuộc của ta sau khi đã vấp phải sự chống trả và hy sinh quyết liệt. Trước đó, lính Chà chớp (Ấn) đã giành bao gác trước các sở như Kho bạc, Khám Lớn với danh nghĩa Đồng minh, nên trong phút trở cờ, các nơi này đã bị tấn công và thế là ta đã để sống mất bọn đóc phủ ác ôn và bọn tay sai khác của thực dân Pháp nằm trong xá lim từ tháng ba năm đó.

Từ lúc thấy tình hình không ổn, tôi đã ra lệnh cho binh trí

cùng Kho bạc, nhưng quá nhiều anh chị em cán bộ mất cảnh giác không kịp thời thi hành.

Sự thiệt hại này cứ ám ảnh tôi hoài, nên về sau, khi gặp một hoàn cảnh tương tự ở chiến khu Đồng Tháp, vừa hay tin một toán biệt kích Pháp nhảy dù xuống để đánh tháo tù binh, tôi đã cho di chuyển ngay trại, nhanh và gọn.

Trở lại ngày 23-9-1945, thường thì trong Ủy ban không ai ngủ đêm tại chỗ làm việc mà phân phối ra khắp nơi. Ở nhà riêng nơi đường Trần Hưng Đạo (lúc đó gọi là đường Gallieni) dù buổi sáng hôm đó là một sáng chủ nhật tôi cũng đã chuẩn bị đi làm vì công việc bẻ bộn quá sức. Nhưng chính anh Huỳnh Tấn Phát đã cho tôi hay biến cố trên. Viên tặc xế đánh xe ra ngoại ô trước chờ tôi. Giả làm một người dân binh thường, tôi đã "thong thả" đi dọc theo đường Trần Hưng Đạo, ngang qua bót gác đầy những lính Pháp (nay là Sở Công an). Hối 11 giờ trưa ngày 23 anh Phạm Ngọc Thạch cùng tôi rời khỏi Sài Gòn - Chợ Lớn an toàn. Xe hơi sau đó cũng không dùng được vì dọc đường, với khí thế rất hào hùng mà tôi đã kể ở phần đầu, dân quân đã chặt hết các cây sào to để ngăn giặc. Hành động này tự nó đã biểu lộ quyết tâm của mọi người sẵn sàng đón giặc mà đánh. Tối hôm ấy Ủy ban chúng tôi gặp nhau gần đủ mặt ở Mỹ Tho. Cũng ngày 23, Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã ra lệnh kháng chiến toàn Nam Bộ.

Khung cảnh ngày 23-9 ở Sài Gòn đã được giáo sư Phạm Thiều tả lại như sau : "Địch đóng giữ các cửa từ ngoại ô đi vào kiểm soát gắt gao khách qua lại, bắt giam những ai trả lời ấp úng, bắn chết tại chỗ những ai có giấy chứng nhận của một cơ quan Chính phủ hoặc đoàn thể Cứu quốc. Chúng xông vào các trụ sở Thanh niên Tiền phong, bắt hoặc bắn những người chỉ huy, ngay đối với trí thức như với luật sư Thái Văn Lung thủ lãnh của tổ chức này thì chúng cũng leo lên gác nhà riêng, xé sơ mi, thoi vào ngực, điệu xuống nhà dưới để đưa lên xe cây, may mà thừa cơ anh thoát được. Chúng đốt sạch sành sanh các xóm nhà lá mà chúng cho là ổ đẻ kháng của ta. Suốt ngày đêm, nhiều khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn đã biến thành biển lửa, tiếng các cup chày gõ vào mái tôn, ồn ào lẫn với tiếng nứt nẻ của các đồ vật bị cháy."

Bọn Anh sau đó đã đề nghị thương lượng. Trung ương Đảng và Chính phủ của ta đồng ý. Bên ta gồm có Hoàng Quốc Việt, Phạm Ngọc Thạch và tôi. Bên chúng, ngoài đại diện của Pháp còn có tướng Anh Gracey. Cuộc thương thuyết diễn ra tại Sài Gòn và do chúng tổ chức theo sự thỏa thuận của đôi bên. Lúc ấy, Ủy ban chúng tôi đóng ở Mỹ Tho và từ đó mỗi buổi sáng đi họp với chúng tại Sài Gòn. Một hôm anh Việt và tôi suýt chết vì xe hơi đưa chúng tôi bị nổ bánh lúc đang chạy nhanh và nhào lộn xuống ruộng, may mà chúng tôi không bị thương tích, còn anh lái xe bị thương nhẹ, chúng tôi phải trở về Mỹ Tho để thay quần áo. Anh - Pháp tìm cách "hù" chúng tôi bằng cách đưa đi xem hai sư đoàn lính Pháp tinh nhuệ mới đến Sài Gòn. Nội dung thương thuyết chúng đưa ra là ta chỉ quản lý về hành chánh còn về quân sự và ngoại giao thì phải để quyền hành lại cho Pháp, tức là về thực chất không khác gì chúng buộc ta đầu hàng không điều kiện. Ta vẫn đi xem quân chúng dàn ra, nhưng câu trả lời dĩ nhiên là không ! Tuy nhiên hai bên cũng thỏa thuận được một việc là cùng đình chiến mười ngày trong tháng mười. Ta lợi dụng số ngày đó để củng cố, tổ chức lại lực lượng quân sự và chúng cũng thế, nhưng phía thực hiện lệnh đình chiến nghiêm túc vẫn là ta.

Quân dân ta khắp nơi xốn xang nhiều tâm trạng, nhưng nổi bật lên tất cả vẫn là khát vọng của những người dân mong muốn nước mình được độc lập, tự do. Chỉ có 28 ngày tạm gọi là ổn định, chính quyền ta cùng những lực lượng vũ trang còn quá "phôi thai" ; nhưng phải nhận thấy rõ ràng sở dĩ chính quyền đã đứng được và mọi thành quả của cuộc kháng chiến chín năm có được là do kết quả của một sự liên hợp bền vững : lãnh đạo sáng suốt và lòng tin mãnh liệt của toàn dân vào cuộc kháng chiến này.

Mỗi lời hiệu triệu của Chính quyền đưa ra để kêu gọi lòng yêu nước của các giới, một lòng đoàn kết chống xâm lược, khắp nơi đều rầm rập thi hành với những sáng tạo riêng. Toàn Nam Bộ vang một lời thề : thà chết, không làm nô lệ. Mang mạng sống ra cân bằng với lòng yêu nước, người dân Nam Bộ đã nhẹ nhàng làm sao khi bỏ lại những sinh hoạt tiện nghi, tản cư về nông thôn theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến. Họ tự nhận nhiệm vụ bái công, học trò bái khóa. Nơi nơi không nhấm chớ, rút về vườn. Tất cả để chuẩn bị cho một

cuộc chiến từ trung tâm thành phố lan dần khắp vành đai ven Chợ Lớn - Sài Gòn. Thực dân đã không ngờ được phẩm và lượng của kho vũ khí của nhân dân ta. Ấy là bất kỳ những cái gì có thể dùng đánh bọn chúng được : cung, tên, phông, mác, dao, dòn gánh của các chi, súng sáu, súng lửa, tấm vòng vót nhọn... Ta cũng đánh chúng bằng cuộc bao vây kinh tế. Hàng hóa thực phẩm không chuyển vào Sài Gòn. Bọn thực dân với số tiền nặng trong tay, lang thang thất thểu đến những cửa tiệm mà trước kia chúng vẫn khinh bỉ, chê là đơ bán, vẫn không có được những thực phẩm chúng cần để nhồi nhét vào bao tử cho đỡ đói. Vành đai ven đô với các cuộc xung phong quyết tử ở cầu Bông, cầu Kiệu, Thị Nghè, Ngã Sáu, Khánh Hội, Xóm Củi, Chợ Thiếc, Hàng Xanh, Kitchner, ngã tư Verdun, Chasseloup Laubat, Galliéri (1), An Bình, Phú Nhuận, cầu Bến Phận... của hàng chục vạn công nhân, thanh niên xung phong, những đội dân quân mới thành lập với một ít súng đạn giành được từ tay phát xít Nhật, cùng hàng rào ngực của họ...

Việc phong tỏa mọi đường tiếp tế nói trên đã tạo cho bọn thực dân cái cảm giác bị thất dần, thất dần bởi một sợi dây mà chúng gọi là "ceinture rouge" (vành đai đỏ).

Dịch trú tính sẽ bình định Nam Bộ trong vòng ba tháng. Nhưng chúng đã lầm lớn trong mọi kế hoạch dự trù, chúng đã không đo được tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết và bất khuất của cả một dân tộc sẵn sàng hy sinh tất cả để được sống tự do, độc lập. Tinh thần quân địch lộ rõ, trong các cuộc giao tranh chúng thường dễ bại binh Nhật dần dần... Phải chờ mãi đến cuối năm, khi quân đội viễn chinh Pháp do tướng Leclerc cầm đầu đổ bộ, chúng mới bung được vành đai đỏ, tràn ra khắp các tỉnh Nam Bộ, lấn dần qua phía Cực nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Đi đến đâu chúng cũng bị dân quân ta chống cự rất mãnh liệt. Và những nơi địch chiếm được thường chỉ còn vườn không nhà trống. Đồng bào ta ở khắp nơi đã cương quyết không hợp tác với giặc, thả tiêu hủy tài sản chứ không để giặc "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

(1) Kitchner (nay là Bình Nguyên), Thị Nghè, Verdun (Chợ Hàng Xanh, Tầm), Chasseloup Laubat (Nguyen Thị Minh Khai), Galliéri (Trần Hưng Đạo).

Phong trào du kích của ta dần dần được mở rộng, bao vây thành thị và cứ điểm, tiêu diệt chúng bằng những trận phục kích, phá hoại liên tiếp đường giao thông, làm cho địch ăn không ngon, ngủ không yên và gây cho chúng những tổn thất ngày càng nặng nề.

Tiếng súng kháng chiến Nam Bộ vừa bùng nổ thì ở khắp nơi trong toàn quốc, nhất là ở thủ đô Hà Nội, không khí đòi giết giặc cứu nước bùng bùng tràn ngập tâm can mỗi người. Từ thành thị đến thôn quê, mỗi người đều hướng về Nam, theo dõi tình hình từng giờ từng phút. Hàng vạn, hàng triệu thanh niên nam nữ, có cả cụ già, đã tham gia "phong trào Nam Tiến" để giải phóng cho miền Nam ruột thịt. Các đơn vị giải phóng quân được thành lập và đã rầm rập tiến vào Nam, hun đúc thêm chí căm thù của đồng bào cả nước và nhuộm thắm thêm màu cờ giải phóng của dân tộc.

... Không thể kể hết chính sách đàn áp hết sức dã man của giặc Pháp: càn quét liên miên, đến đâu là triệt hạ làng mạc, giết sạch, đốt sạch, cướp sạch, bầy ra đủ các trò khủng bố rừng rợn. Hiện nay tôi vẫn còn cất kỹ những tấm hình chụp trong thời ấy, ghi rõ những đầu người bị bêu lên đầu cọc tre, những xác trẻ thả trôi bập bênh trên sông, những phụ nữ bị hãm hiếp rạch bụng xem thai hoặc bị cắm cọc vào âm hộ bên xác chồng không còn đầu... Ở Mỹ Tho chúng còn mở quán bán thịt người treo lủng lẳng từng bộ phận xẻ rời từ thân thể người ta. Tôi được nghe đồng bào kể lại: những gia đình có người theo kháng chiến đi ngang bị chúng buộc phải mua, nhưng về sau thấy chưa "hay" chúng còn bắt những người này luộc nấu ăn ngay tại chỗ.

Đĩ nhiên nhân dân miền Nam đâu dễ dàng lùi bước trước những thủ đoạn đê hèn đó, họ đã quyết tâm hy sinh cả tính mạng và tài sản để giết giặc cứu nước không hề nao núng và càng nêu cao chí căm thù bất khuất. Những gương hy sinh anh dũng trong những ngày đầu của Nam Bộ kháng chiến đã được mọi người truyền tụng, thấm sâu vào tâm tư của từng người và luôn luôn được diễn lại trong cả quá trình cuộc kháng chiến về sau bằng không biết bao nhiêu gương hy sinh anh dũng khác...

Thật khó mà tin được rằng những người cùng một dân tộc, quốc gia với những người bạn họ đã đi ở ở đâu (kể cả những

người coi như là đối thủ của tôi trong các cuộc tranh luận đã bình vực chủ thuyết phát xít với hàng pho sách dày cộm) lại có thể có những hành động "kém văn minh như vậy". Những người Pháp ở nước họ cũng đã không thể tưởng tượng được những người Việt Nam vóc nhỏ nước da đen sạm có vẻ ít nói, chí thú làm ăn học hành ấy, cho dù có đạt cấp nọ bằng kia của họ, lại có thể thành lập những chiến khu, thoát biển thoát hiện hạ Tây như bọn và trở nên nổi ám ảnh lớn cho những người đồng hương với họ đến xâm lược nước người và hành động dã man.

Nhưng phải thành thật mà nói, những ngày đầu tiên nào có dễ dàng thuận lợi cho chính quyền đầu. Với dân chúng, chính quyền chưa có những hành động giúp đỡ thiết thực. Chưa cán bộ trong nhà chỉ thấy rõ một kết quả trước mắt là sẽ bị Tây khủng bố cả nhà. Ngoài tình trạng thiếu khí giới, quân ta còn nhiều nơi ở tình trạng "hỗn quân hỗn quan". Thậm chí có nơi dân quân ta còn bắt lầm người cũng chỉ hướng với nhau. Phạm Ngọc Tháo là một sĩ quan quân đội Pháp, nhưng trong những ngày nước nhà độc lập đã cùng với những người yêu nước dùng xe và dây cáp chạy khắp thành phố giật đổ các pho tượng phản động của Tây. Ngày 23-9-45 được phân công lo về quân nhu, anh đã bị một toán du kích của ta cho đi "mò tôm" vì Tháo không có một tờ giấy nào chứng nhận khẩu súng mình đang đeo là hợp pháp. Thời may đạn lép, ở dưới đáy sông Tháo đã chĩa dây thoát được. Suýt nữa là ta mất đi một người tài đức của đất nước...

*

* *

Khi ghi lại những dòng hồi ức này, tôi khổ tâm vô cùng vì đã không nhớ được gì nhiều hồi khoảng chín năm đẹp nhất đã được sống qua.

Tay chân tôi hiện nay cử động rất khó, nhất là chân và tay mặt, nhưng tôi vẫn gắng ngồi ghi lại những mạng đời, những ý tưởng còn nhớ được. Tôi muốn người đọc nhìn ra trong những khoảng nhớ rời rạc này hình ảnh gần bó, cả nước của nhân dân và cán bộ miền Nam trong những ngày tháng chiến đấu đẹp đẽ nhất. Tôi cũng muốn

được nhắc đến với tất cả tình cảm kính thương hình ảnh giản dị và sâu sắc của Hồ Chủ tịch trong cuộc đời của mình. Vì Bác chính là tấm gương đẹp mà tôi thường noi theo để quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong con người của mình và để gắng đạt những kết quả nhất định trong mọi công tác.

... Tôi còn muốn kể thật nhiều về những người tốt khác mà tôi đã được gặp. Cũng như tôi vẫn tiếc mãi bao công việc tôi buộc lòng phải bỏ dở dang... Nhưng đành vậy, biết làm sao được. Lực lượng chính yếu rường cột cho nước nhà bao giờ cũng vẫn là các thanh niên. Bây giờ các bạn có điều kiện làm cách mạng hơn chúng tôi, đường lối, chính sách, phương pháp đúng đắn và khoa học được Đảng đúc kết với trên nửa thế kỷ thực tiễn cần phải học kỹ, sáng tạo và phát triển. Chúng tôi không mong gì hơn là các bạn vượt xa hơn hẳn chúng tôi, để tương lai đất nước, đồng bào tươi sáng bội phần và những công việc dở dang của chúng tôi, ước gì các bạn kế tục sẽ hoàn thành tốt đẹp và tốt hơn những mơ ước của chúng tôi.

Nghĩ đến các bạn, nỗi ngậm ngùi của tôi bỗng trở nên nụ cười tin tưởng thân yêu. Tất cả những sự khác nhau ấy chỉ là về hình thức, còn nội dung, giữa chúng ta xưa và nay vẫn chỉ là một. Đó là một lòng yêu nước vô biên, một niềm tin vững chắc vào tương lai dân tộc, như truyền thống Nam Bộ từ bao giờ đến bây giờ.

BUỔI SÁNG NGÀY HĂM BA THÁNG CHÍN 1945, TỪ SÀI GÒN TÔI RA ĐI

Trường Sơn Chí UNG NGOC KY

Tôi giật mình tỉnh giấc giữa những tiếng chộn rộn hốt hoảng trong chung cư Dumortier⁽¹⁾ về tin đêm qua quân Pháp tấn công ta.

Đó là vào khoảng tờ mờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945 ở Sài Gòn.

Tôi đứng phất dậy, suy nghĩ bâng hoâng : "Đã xảy ra thật rồi sao ? Rồi tôi vội vã lên xe, đạp thật nhanh về hướng trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ ở 86 đường d'Espagne⁽²⁾ đầu óc hết sức căng thẳng. Đến gần Bốn bình⁽³⁾ một anh bạn công chức chặn lại, nhìn tôi đầy lo ngại :

- Anh còn ra đây sao ? Trở lại mau đi. Tay nó đẩy đường đảng kia. Tụi nó chiếm Ủy ban rồi.

Tôi đứng sững. Tim như thất lại. Trời ! Sự việc đã xảy ra thật rồi !

Từ khi quân Anh, với danh nghĩa "Đồng minh" đến để tước khí giới quân Nhật thì chúng liền tiếp phá rối ta, đồng thời chúng khẩn trương giúp bọn Pháp chuẩn bị đánh chiếm lại Nam Bộ. Mới cách đây vài hôm, vào gần cuối giờ buổi chiều, một buổi chiều mưa tháng chín âm đậm, Đại tá Gracey tư lệnh quân Anh, không một lời báo trước, xông xộc bước lên cầu thang trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, tiến thẳng đến bàn làm việc của ông Chủ tịch Phạm Văn Bạch trong

(1) Chung cư do chính quyền thực dân Pháp xây dựng dành cho công chức ngạch phủ xuôi nằm trên đường Dumortier (nay là đường Cô Bắc, Quận 1)

(2) Nay là đường Lê Thánh Tôn.

(3) Nay là Công trường Quận Thủ Đức.

lúc ông đang trao đổi công việc với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Hấn ngạo mạn, rút mạnh từ túi áo một tờ giấy, rồi nghênh ngang đọc to oang oang. Từ bàn làm việc của anh Huỳnh Văn Tiêng, tôi thấy nét mặt ông Phạm Văn Bạch càng lúc càng căng thẳng, bất bình; trong lúc nét mặt bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, vốn luôn luôn tươi cười, cũng dần dần nghiêm, sắc lại, khê nhú máy. Sau khi Gracey làm li, âm âm xác xược bước xuống cầu thang, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch ung dung đến chỗ chúng tôi. Trở lại với nét mặt tươi cười và tự tin cố hữu của mình, anh vừa cười vừa nói :

- Nó đòi tước võ khí mình !

Chúng tôi nhìn nhau, nhìn anh, chưa kịp hỏi gì, anh vẫn tươi cười, nói bình thân :

- Phải đánh thôi !

... Bây giờ nó đánh mình trước rồi !

Không kịp suy nghĩ gì nữa, sau khi cảm ơn anh bạn tốt bụng, tôi phóng xe về đường d'Espagne, về trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ thân yêu.

Một cảnh tượng đau xé lòng !

Không còn một lá cờ đỏ sao vàng nào nữa, những lá cờ tươi thắm mới chiếu hôm qua đây còn phất phới hiên ngang bên cạnh những lá cờ của "Đồng minh". Thay vào đó giờ đây là rất nhiều lá cờ tam sắc của Pháp. Tất cả cờ đỏ sao vàng đều bị vút xuống quảng trường trước Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, nơi đó đang đông nghịt bọn Pháp với không ít "Tây đen", "Tây vàng". Chúng dẫm đạp tàn nhẫn những lá cờ thiêng liêng thấm đẫm máu của lớp lớp liệt sĩ, anh hùng. Chúng hân hoan hò reo, vẫy gọi nhau giữa bọn đang chiếm lĩnh các bao lớn tua tua súng ống với bọn đang chen chúc ở quảng trường. Đám phụ nữ Pháp đưa tay lên môi hôn gởi bọn trên bao lớn; bọn này vừa đưa tay lên mũi bẻ rờ chào vừa hôn gởi lại, rồi chúng phả lên cười hô hố, vô cùng vênh vác, đắc thắng.

Đau nhức ! Gặm thù !

Tôi đưa mắt nhìn quanh, mong tìm gặp giữa rừng người thù

địch này nhưng bè bạn, đồng chí. Kia, anh Lê Quang Định đang nhìn lại, khe lác đầu, đôi mắt đau đớn.

Cảm thấy mình mạo hiểm đại đột, tôi lách nhanh thoát ra. Như một quán tính, tôi đạp xe như bay về hướng 14 Charner⁽¹⁾ trụ sở của Thanh niên Tiên phong Nam Bộ.

Anh Hai Râu đây rồi ! Lòng tôi khắp khởi, nhe nhồm, cảm thấy ấm áp vô cùng. Chúng tôi gặt đầu chào nhau, vừa đưa tay trái lên tìm chào theo kiểu Thanh niên Tiên phong, một cái chào vừa thăm thiết vừa quyết liệt chưa từng có bao giờ. Một cái chào lặng lẽ mà trong ánh mắt cả hai cùng nói với nhau nhiều điều. Anh đang đi lại giữa mấy bao cát chiến lũy, sửa chữa thế đứng, cách nằm từng anh em chiến sĩ đang lăm lăm chia súng ra đường, gương mặt ai nấy vô cùng kiên quyết. Không còn là một Hai Râu vui tính, hay bông đùa mà tôi có cảm tình ngay trong buổi đầu gặp gỡ tại cuộc lễ tuyên thệ long trọng của Thanh niên Tiên phong tại sân vườn Ông Thượng mà là một *Huỳnh Đình Hai* nghiêm nghị, với đôi mắt đăm chiêu, với đôi chân đi lại chắc nịch giữa một đội ngũ chiến sĩ toát lên một tinh thần quyết chiến, vì trụ sở 14 Charner chỉ cách trụ sở Ủy ban Nhân dân Nam Bộ đang đông nghịt bọn Pháp không đầy một cây số, và chỉ cách bọn Pháp đã chiếm lĩnh kho bạc bên kia đường vài mươi mét. Hình ảnh Hai Râu - Huỳnh Đình Hai hiên ngang cùng các chiến sĩ kiên cường của anh, bên những bao cát chiến lũy tại 14 Charner trong buổi sáng mùa Thu năm ấy, mãi mãi in vào tâm trí tôi như một nét đẹp hùng tráng của Sài Gòn bất khuất.

Tôi tiếp tục phóng xe qua Sở Đoàn (Hải quan), Ngân hàng, Quốc gia tự vệ cuộc (Công an), Bưu điện... đều bị giặc Pháp chiếm hết rồi. Một xe lớn chở nhiều lính Pháp đang đổ quân tăng cường chỗ Bưu điện. Đến ngã tư Mayer và Mac-Mahon⁽²⁾ tôi sựng lại, rất ngạc nhiên thấy bác sĩ Huỳnh Bá Nhung ngồi ăn hủ tíu một cách bình tĩnh lạ thường. Anh ngoác tôi : "Ta ăn cho vững bụng rồi tính...". Tôi cảm ơn anh rồi phóng xe nhanh trở về nhà. Bọn Pháp chưa kịp triển khai đến khu vực này.

(1) Nay là Nguyễn Huệ

(2) Nay là Võ Thị Sáu ở Sơn Kỳ Cổ Ngã

Tại nhà ở chúng cư Dumortier, năm anh em trong Liên đoàn Thanh niên Tiên phong Lê Lai đang chờ sẵn. Vừa thấy tôi, anh em hỏi dồn :

- Tính sao đây anh ?
- Ta đi thôi.
- Đi đâu anh ?
- Tim theo Ủy ban, hình như đang ở Phú Lâm hay Bình Điện.

Vợ tôi khóc nức lên. Tôi rối bời... Vợ tôi mang thai đứa con đầu lòng được sáu tháng, đi lại đã nặng nề, cảnh nhà đang túng thiếu, giữa cơn binh lửa loạn lạc này, một thân một mình từ đây vào bến tàu Chợ Lớn để về quê, làm sao lường hết được mọi gian khổ, hiểm nguy. Tôi có sai lầm là giấu mọi hoạt động của tôi, cũng như không hé môi về những diễn biến tình hình ngày càng nghiêm trọng gần đây để tránh cho vợ tôi mọi xúc động mạnh. Do đó, tình hình xảy ra quá nghiêm trọng đột ngột sáng hôm nay quả là một cái "sốc" lớn.

Tôi không đủ can đảm đến an ủi và chia tay trong lúc vợ tôi đang vất vả cố nén bật khóc.

Anh Trần Văn Ba thông cảm tình cảnh bối rối của tôi, chủ động thay tôi đến an ủi :

- Chị ráng bình tĩnh... Đừng lo buồn nhiều. Chúng tôi đi vài hôm rồi trở lại lấy Sài Gòn...

Tôi cùng anh em rà lại cách sử dụng khẩu súng lục ru-lô (Saint-Etienne), vỏ khí duy nhất của đoàn, rồi hối hả ra đường Gallieni ⁽¹⁾, lau lách né tránh quân Nhật vẫn hăm hừ canh gác theo lệnh quân Anh, tiến nhanh về hướng Phú Lâm - Bình Điện, không ai mang theo món gì, lòng tin chắc rằng chỉ một vài hôm sẽ trở về lấy lại Sài Gòn.

Đó là vào khoảng 10 giờ sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945.

10 tháng 8 năm 1995.

(1) Nay là Trần Hưng Đạo

VIẾT VỀ NGẢ RÊ CỦA MỘT CUỘC ĐỜI

PHAN THI THƯƠNG

Sáng ngày 21-9-1947, một chiếc trục-xông đưa cụ Phan Văn Chương ra khỏi vành đai Sài Gòn - Chợ Lớn qua ngã Phú Lâm hướng về Đông Tháp Mười. Và cùng ngày ấy, ở đó thành, lá thư cụ viết cho chính quyền thực dân trước khi lên đường vào chiến khu đã làm cho chúng choáng váng và được lưu truyền trong giới nhân sĩ trí thức như một tuyên ngôn : "... Người Pháp từng bị mất nước trong thế chiến chắc hẳn hiểu rõ thế nào là cái nhục mất nước. Tự do của một quốc gia phải được giành lại bằng máu biết bao người... Để giành lại tự do cho đất nước, chỉ có kháng chiến và phải kháng chiến. Tôi hy vọng rằng sẽ gặp lại các ông vào một ngày gần đây với một tư thế khác..."

Cụ Phan Văn Chương là ba tôi. Các đồng chí đề nghị tôi viết về cụ, một con người lúc ấy đã năm mươi lăm tuổi, đời đã về chiều. Thế mà trong bóng chiều ấy, người trí thức đang ở địa vị quyền cao chức trọng, cuộc sống cao sang dưới chính quyền thực dân thời ấy đã bừng tỉnh, sự bừng tỉnh mãnh liệt của truyền thống yêu nước vốn luôn tiềm ẩn trong tâm hồn của mọi người con dân đất Việt và đứt khoát đi vào một ngã rẽ của cuộc đời. Và cũng con người ấy - trong ngọn lửa kháng chiến hào hùng của dân tộc - sau đó đã đến với chủ nghĩa Cộng sản và trở thành người đảng viên Cộng sản kiên định cho đến ngày cuối cùng.

Đó là một ngã rẽ tất yếu của bất cứ ai muốn khẳng định và bảo toàn phẩm giá của con người, con người Việt Nam, con người Việt Nam của thời đại Hồ Chí Minh.

Nhưng tôi nghĩ dù có viết thế nào cũng không sao bằng cụ viết về mình. Vì vậy tôi xin cho phép in lại toàn bộ bài viết của cụ đăng trên tuần báo *Thông Nhất* số 67 ra ngày chủ nhật 14-9-1958 dưới hình thức thư gửi chủ ông chủ nhiệm báo *Tân Dân* ở Sài Gòn. Không

sửa chữa, thêm bớt một chữ nào.

"Trước hết, tôi xin phép tự giới thiệu. Trước kia tôi đã làm Đốc phủ sứ dưới thời Pháp thuộc. Cái giới của tôi không còn danh từ nào khác để gọi hơn là một giới làm tay sai đắc lực cho ngoại quốc thống trị dân tộc ta. Đừng về cá nhân mà nói thì mức sống và địa vị xã hội ấy không còn lý do gì thúc đẩy tôi lựa chọn con đường nào khác; theo lý trí thông thường thì kể như đời tôi đã đến nơi đến chốn.

Nhưng hằng ngày, lúc ấy, đồng bào chúng ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước, quyết tâm đánh đuổi ngoại quốc xâm lược thống trị, dù phải hy sinh đến người cuối cùng, dù lâu dài bao nhiêu cũng được, miễn là Tổ quốc ta độc lập và thống nhất.

Hằng ngày cái sự kiện lịch sử ấy dội vào đầu tôi rất mạnh. Tôi không suy nghĩ, nó cũng bắt buộc tôi suy nghĩ và dần dần nó làm cho tôi thấy cái văn phòng lộng lẫy của ông Đốc phủ sứ Phan Văn Chương, sắp giữ chức phó Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn, rất là nhơ nhớp bẩn thỉu. Nó làm cho tôi thấy chiếc ô tô và mấy lớp quần áo đẹp đẽ của tôi hình như giặt rửa không ra những vết máu đỏ au của đồng bào, của người cùng máu mủ với tôi đang vật lộn với quân thù từng giờ từng phút, đang dùng cảm xông pha chịu chết cho Tổ quốc còn, cho dân tộc ta sống mãi mãi.

Tôi dù già gần 60 tuổi lúc ấy, đáng lẽ yên thân thù phận, nhưng thâu đêm một bóng một đèn, tôi không cảm được những dòng nước mắt trước những cảnh người ngoại quốc hằng ngày báo tin gọi là thắng trận này trận kia, giết chóc không biết bao nhiêu là đồng bào của chúng ta, phá hủy không biết bao nhiêu của cải, tài sản của đồng bào chúng ta, không biết bao nhiêu là di tích lịch sử văn hóa của dân tộc ta. Tôi phải chọn lựa một con đường và tôi đã nói với đa nhân thịt nhũ của tôi rằng: "Lâu nay mày đã chết dần mà mày không hay, bây giờ tao cho mày sống lại và sẽ trở nên xanh tươi mãi mãi".

Tôi ra đi. Bắt đầu từ đây, tôi mới thấy tôi đã thật sự nên người vì tôi đã chấm dứt giai đoạn hư hỏng của đời tôi. Tôi đi vào kháng chiến, đi rất mạnh mẽ, rất quyết tâm, ý định là việc gì cũng làm, thế nào cũng được, không kể đến vật chất, chỉ cần sống sau chứ không

tâm của tôi được yên ổn, làm sao đóng góp dù là một phần nhỏ mọn đến đâu, góp sức bằng được với đồng bào. Tôi thú thật mặc dù kiên quyết như thế, song trong trí không khỏi băng khuâng lo ngại. Bao nhiêu những tuyên truyền của quân thù nói Cộng sản thế này thế nọ, Cộng sản rất khát khe, dày vò con người, chà đạp lên tự do v.v... làm sao khỏi đem lại cho tôi những thành kiến, những nghi ngờ, những thái độ "thủ thế".

Nhưng dần dần trong một thời gian ngắn ngủi, tôi đã thấy tất cả sự thật, sự thật có tác dụng định chính, nó có ý nghĩa vĩ đại nhưng rất khiêm tốn và giản dị, nó có ý nghĩa vô cùng cảm động vì chính kháng chiến đã khôi phục lại được cả hình ảnh và màu sắc tinh vi tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Trước kia, tôi cũng có học qua loa lịch sử nghìn năm của ta. Tôi thấy những mẫu người mà tôi cho là anh hùng đã thuộc về dĩ vãng. Tôi đã hứa theo chủ nghĩa thực dân cho rằng dân tộc ta trong thế kỷ này là một dân tộc "xuống dốc", yếu hèn, phải nương náu vào một nước lớn nào đó. Kháng chiến đã cho tôi nhìn sự vật một cách khác. Tôi kết luận rằng dân tộc ta không xuống dốc. Trái lại, dân tộc ta đã khôi phục cái tinh thần vĩ đại lịch sử của nó.

Tôi tìm những nguyên nhân. Tôi biết rằng có như vậy là nhờ dân tộc ta đấu tranh chống quân thù xâm lược. Tôi tìm thêm nguyên nhân nữa vì sao mà dân tộc ta đấu tranh được. Vì có những người Cộng sản. Những người Cộng sản là những người như thế nào? Là những người bình thường như ông và tôi, là những người làm nhiệm vụ con người và lo cho con người, là những người yêu nước sâu sắc nhưng giản dị, khiêm tốn, vô danh, là những người nắm vững quy luật phát triển của tình hình về sự vật, bề gặp nguy nan, khốn đốn, khó khăn thì tươi cười xông pha để cho cả dân tộc còn sống mãi mãi. Những người Cộng sản là những người sẵn sàng nhường chỗ cho những người khác, bất cứ là ai có tác dụng cho xã hội, cho sự nghiệp chung hơn mình, có tài năng hơn mình, vì người Cộng sản không khi nào quan niệm tài năng chỉ đóng khung trong Đảng, mà tài năng và anh hùng chiến sĩ xuất chúng là ở trong cả dân tộc, ở trong đám đông rộng rãi đồng bào ta. Vấn đề là làm sao mà xứng đáng xứng của cho nhân tài xuất hiện để cả dân tộc được nhờ, để Tổ quốc được độc

lập, thống nhất. Vì những người Cộng sản là những người thấy rõ sự nghiệp giành độc lập thống nhất là sự nghiệp chung của mỗi người dân Việt Nam chứ không riêng cho ai hết. Nhưng chỉ có người Cộng sản, theo lịch sử đã chứng minh, mới biết hướng mở tung cánh cửa cho cả dân tộc ta trở dậy.

Vì vậy, sau khi tôi biết được, gán gù được những người Cộng sản, tôi xin thú thật họ không phải là những người như quân thù đã nói mà là những người thân thiết như ruột thịt, đáng yêu đáng mến. Ban đầu tôi băng khuâng lo ngại, có khi sợ sệt. Sau lại hễ vắng bóng họ thì nhớ thì thương, tôi thấy như thiếu một người anh, một người em trong nhà, tôi thấy thiếu một ánh sáng trong đêm tối.

Tôi đã nói với ông những lời từ đáy lòng tôi và hiểu sao nói vậy, thấy sao nói vậy, về tất cả quãng đường mà tôi đã chọn lựa trong đời tôi, lúc bóng xế chiều".

NHỮNG NGÀY THU KHÔNG QUÊN

HUỲNH HÙNG LÝ

Ngày cướp chính quyền ở xã tôi mở đầu bằng tiếng mõ liên hồi theo kiểu mõ báo động khi có cướp. Tiếng mõ ấy cũng là tiếng mõ tập hợp Thanh niên Tiên phong. Tất cả, ai là đoàn viên Thanh niên Tiên phong đều phải "cây dây" chạy đến, có mặt đầy đủ nơi có tiếng mõ. Nhà tôi ở ngay chợ, trong chóc lát tôi đã có mặt. Dưới ánh đuốc lập lóe, tôi thấy đồn lính khố xanh phía sau Nhà việc đang bị nhiều Thanh niên Tiên phong bao vây. Mấy người xông vào tước mấy khẩu súng trường Đông Dương. Họ chẳng phải ai khác hơn những người cùng cảnh nghèo khó trong xóm ấp, trong đó có người tôi đã nghe đồn là đảng viên Cộng sản : chú Bảy Nguyễn. Khi tước xong vũ khí của lính khố xanh, mấy người này la lớn :

- Kéo vô nhà ông Hương cả !

Chú Bảy Nguyễn nhìn thấy tôi, ống năm tay tôi lòi đi : Vô đây thì phải có thằng này mới được.

Khi đoàn người vừa vào đến con đường trước nhà ông ta, tiếng mõ lại nổi lên liên hồi. Cả đoàn người ào ào tràn vào cổng, qua một sân rộng có nhiều cây cảnh, bước lên một thềm cao, có người cất tiếng gọi : Hương cả. Dậy mau ! Dậy mau !

Bên trong có ánh đèn, rồi cánh cửa mở. Hơn một chục người ào ào vào căn phòng khách của ngôi nhà. Ở đây có bộ ván gỗ, trên có treo một cái võng. Bên cạnh bộ ván là chiếc tủ đứng. Trước bộ ván kê một chiếc ghế nghi, trên có một khay tách, bên cạnh bình trà trong vô trái dừa.

Ông Hương cả từ bên trong bước ra, mặt mày tái xanh tái mét, chấp tay xá xá mấy cái, miệng lắp bắp :

- Mấy ông bảo tôi làm gì ?

- Giao súng, giao mợ đây. Cách mạng nổi lên rồi. Tây thua,

Nhật thua rồi. Làng xã, hội lễ gì gì cũng đẹp! Đón linh bị tước súng rồi, ông giao súng, giao mộc đây mau !...

Ông mở tủ lấy súng ra giao lập tức không một chút ngần ngại. Nhưng giao xong ông lại khóa tủ lại.

Không hiểu sao chú Bảy Nguyễn đưa mắt nhìn tôi. Cũng không hiểu sao, theo ánh mắt ấy tôi bước tới nhìn thẳng vào mặt ông Hương cả với đôi mắt vừa trách móc, vừa ngạc nhiên rồi đưa tay lên nắm lấy cánh tay ông lay lay :

- Cái mộc đầu bác tư ? Bác nộp đi chớ sao lâu vậy ?

Không hiểu sao ông ta cũng nhìn tôi rồi ngập ngừng một chút, bước lại mở tủ, kéo một ngăn kéo nhỏ bên trong lấy cái mộc gói trong một miếng vải đỏ đưa cho tôi. Tôi chưa kịp cầm thì chú Bảy Nguyễn đã chụp lấy, quát :

- Dữ hôn, vậy mà lâu lợ lâu lấc. Thôi nghe không, từ nay không còn Hương cả hương chủ gì nữa nghe không.

- Dạ, dạ ! Ông chấp tay xá xá và cúi đầu. Đoạn người kéo ra về. Buổi cướp chính quyền ở xã tôi coi như hoàn thành. Sáng hôm sau, trước Nhà việc một lá cờ đỏ sao vàng mới tinh bay phấp phới. Cả chợ rộn lên tiếng bán tán, nhiều người mừng... nhưng cũng không ít người lo...

Nhưng điều mà mọi người lo : giặc Pháp trở lại... chưa đến. Chúng đã xua quân đi đánh chiếm các tỉnh chung quanh, nhưng xứ Dừa có lẽ do ngăn sông, cách đò nên chúng còn chưa lại đó. Do vậy ở đây còn có nhiều thì giờ để củng cố Chính quyền cách mạng vừa giành được và chuẩn bị chiến đấu để bảo vệ Chính quyền... Bên cạnh Ủy ban Hành chính tỉnh, một Ủy ban Kháng chiến được thành lập, song song tồn tại với Ủy ban Hành chính và chuyên lo việc chuẩn bị chiến đấu.

Tiếng đạn bom từ các tỉnh bạn hằng ngày vẫn vang rền đến, như thúc giục cả tỉnh tôi chuẩn bị chiến đấu. Các đội dân quân, thanh niên xung kích không chiều nào không luyện tập. Tôi được phân công phụ trách thiếu nhi. Thiếu nhi được tổ chức thành tiểu đội, trung đội... công tác quần chúng tại các buổi chiều. Giữa

sân chợ, hết đoàn này đi đến đoàn khác tới; tiếng "một hai, một hai" không dứt... Gắn Tết, "Tuần lễ Vàng" được tổ chức. Thiếu nhi được giao cho nhiệm vụ đi cổ động:

Có vàng đổi súng đánh Tây

Cùng nhau quyền góp hơi ai có vàng

Rồi tuần lễ "Đồng thau" sau đó. Rồi cuộc Tổng Tuyển cử bầu Quốc hội. Ở tỉnh Bến Tre, để tranh thủ thời gian, cuộc tuyển cử được tổ chức vào ngày 25 tháng 12 năm 1945 chứ không chờ đến 6-1-1946. Tôi vừa dắt Đoàn thiếu nhi đi cổ động cho bầu cử vào những buổi sáng, vừa tham gia họp thanh niên, họp xóm, ấp nghe hướng dẫn bầu cử... vào buổi tối. Tất cả đều đã diễn ra trôi chảy.

Tết đến, thiếu nhi lĩnh phần tổ chức các cuộc vui. Tôi đã sáng tác một vở kịch *Tiếng gọi non sông* với nội dung: nhiều công dân sống lầm than, cơ cực, có người sống với cả những nghề không lương thiện, có người lại đi tu..., nhưng tất cả đã được một người có tên là Nguyễn Ái Quốc tuyên truyền giải thích, đã đoàn kết lại theo ông đánh đuổi bọn thực dân Pháp, giành lại độc lập cho nước nhà. Thật tình tôi nào đã biết Nguyễn Ái Quốc là ai, nhưng có lần tôi được nghe lóm lóm câu chuyện giữa người thầy học của tôi nói với cha tôi nên tôi đã phỏng theo đó làm vở kịch này. Ngay buổi tối chúng tôi diễn, thấy giáo tôi đạp xe đạp đi, không dự, nói là phải đi lo công việc gấp. Nhưng khoảng 8 giờ thầy quay về và đến đứng phía sau khán giả xem đến hết buổi biểu diễn. Sáng hôm sau chúng tôi được thầy giáo đến nhà chơi và khen vở kịch hay, diễn cũng tốt... Đêm tiếp theo chúng tôi diễn vở kịch thơ *Trần Bình Trọng*... đêm nào người xem cũng chật cả nhà lồng chợ.

Mồng 7 Tết tức 8-2-1946 mới sáng sớm đã nghe tiếng chiếc "đám giã mang guốc" và nhìn về phía chân trời thấy nó đang lướt tới, lướt lui phía thị xã. Tiếp theo đó có tiếng đại bác và súng cối... rồi nhiều đám khói bốc lên đen nghịt cả một góc trời. Chưa có tin gì về, nhưng ở quê tôi cách xa thị xã hơn 10 km đường chim bay đều đoán được rằng giặc Pháp đã đánh chiếm lại tỉnh Bến Tre sau khi đã chiếm gần xong hầu hết các tỉnh Nam Bộ. Hơn 9 giờ sáng chủ: Bảy Nguyễn từ phía huyện lỵ chạy bộ về, hồn hồn báo tin: Chúng nó

chiếm thị xã rồi ! Đang đánh xuống Mỹ Lũng (nơi các cơ quan tỉnh đã tạm rút về đó). Các cơ quan tỉnh đã rút về căn cứ. Mặt trận Vàm Bến Tre bị vỡ. Thủy lôi bị Việt gian gỡ hết nổ, tàu tụi nó chạy vô thị xã rồi. Du kích bắn tàu sắt có ăn thua gì đâu...

Bỗng chốc cuộc sống nao động lên. Đi đâu bây giờ ? Làm sao ? Mọi người trong nhà tôi và cả người ngoài phố đều cương quyết...

Giặc Pháp đã đóng một số đồn dọc theo tỉnh lộ 26 chạy từ thị xã xuống huyện lỵ Ba Tri qua huyện lỵ Giồng Trôm và một số chợ xã lớn như Mỹ Lũng, Lương Quới, Giồng Tre và một số đầu mối giao thông, một số cầu quan trọng, như Chệt Sậy, Bình Chánh, Sơn Đốc, Bình Tây... Từ các đồn đó hằng ngày chúng nổ ra cán quét chung quanh để tạo vành đai an toàn, vừa bắt lập tế... Ở Sài Gòn Chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thỉnh đã được thành lập. Cái được gọi là "Nam Kỳ tự trị" được chúng quảng cáo khá rùm beng.

Một sáng cuối tháng ba dương lịch, sau Hiệp định Sơ bộ giặc Pháp bất thần kéo đến. Chúng cho lính đi gom dân ở chợ và các ấp chung quanh đến tập trung ở sân chợ xã tôi. Tất cả khoảng hơn 100 người đủ mọi giới, mọi lứa tuổi. Tên quan hai Pháp ngồi sau một cái bàn nhỏ, thuyết về Tự do, Bình đẳng, Bác ái của nước Pháp với bà con qua người phiên dịch. Để được yên ổn nói về "tự do", chúng đã đặt ở bốn góc chợ bốn khẩu FM đầu bạc. Bên cạnh bàn tên quan hai ngồi, chúng đặt một khẩu trọng liên, chia thẳng nòng vào những người dân thường đang đứng. Tên quan hai đồng dục tuyên bố :

- Chính phủ Pháp rất tôn trọng tự do, cho nhân dân được tự do lựa chọn : hoặc theo Chính phủ tự trị Nguyễn Văn Thỉnh, hoặc theo Chính phủ Hồ Chí Minh, hoặc theo Pháp. Ai theo Chính phủ Hồ Chí Minh thì bước qua bên trái ai theo Chính phủ Pháp thì bước qua bên phải, ai theo Chính phủ Nguyễn Văn Thỉnh đứng nguyên tại chỗ !

Im lặng. Không một tiếng thì thào. Tên quan hai đưa mắt đảo qua những hàng người đang đứng trước hần.

Không thể theo Pháp như trước. Điều này tôi đã khẳng định từ lâu. Cũng không thể theo Nguyễn Văn Thỉnh, vì Nguyễn Văn Thỉnh cũng chỉ như Nguyễn Văn Sâm hay Đào Đạt, thế có khác gì. Phải

theo Cụ Hồ ! Nhưng suy nghĩ đó diễn ra rất nhanh trong đầu tôi, điều khiển đôi chân tôi bước về bên trái. Sau tôi mấy giây em trai tôi (hiện nay là bác sĩ, trợ lý giám đốc Bệnh viện Thống Nhất, lúc bấy giờ mới 16 tuổi) cũng bước theo. Tên quan hai nhìn chúng tôi chằm chằm về kinh ngạc. Vấn ngồi yên, hần hỏi :

- Nào, ai nữa, ai theo Hồ Chí Minh ? Hay là Nguyễn Văn Thịnh, hay Pháp ?

Im lặng !

Mẹ tôi đứng trong hàng run lên, mặt bà tái xanh, tái mét. Nhiều bà con liếc nhìn chúng tôi vừa thương vừa tiếc. Ai cũng đinh ninh chúng sẽ bán chúng tôi hoặc sẽ bắt mang đi. Chúng tôi cũng quá hồi hộp, tim đập thình thịch khi biết rằng phía bên trái chỉ có hai chúng tôi.

Tên Pháp bỗng đứng dậy, nói :

- Tốt, đã rõ, chỉ có 2 thanh niên theo Hồ Chí Minh, không ai theo Pháp, tất cả số còn lại đều theo Nguyễn Văn Thịnh.

Nó gọi tập hợp. Linh trắng chúng nó, sừng ống linh kính đến xếp hàng bên cạnh chúng tôi. Nó ra lệnh cho bà con giải tán. Sau đó chúng nó cũng kéo đi. Khi vừa được lệnh giải tán, ông bố tôi kéo tay chúng tôi, báo chạy nhanh về nhà và khi chúng đã kéo đi khỏi chợ, chúng tôi bị mọi người bủa vây lại trách sao quá dai, lòng ai mà không theo Cụ Hồ, nhưng trước mặt giặc đại gì mà thủ nhận cho chúng nó biết.

Cũng có người khen :

- Như vậy cũng tốt. Để cho chúng nó biết không phải ai cũng theo Pháp hay theo chính phủ bù nhìn đâu. Chỉ có điều là hơi nguy hiểm. Nhưng biết sao bây giờ, vì đất nước nếu cần hy sinh thì cũng phải hy sinh chứ sao...

Nhưng tôi chỉ thấy rờn tóc gáy, tay chân bủn rủn khi mấy anh du kích chỉ cho tôi xem mấy quả lựu đạn "cứ quốc" (lựu đạn do Bình cộng xưởng tình nguyện phía Bắc chế tạo) có dây nổ để khi ném nhờ cái đuôi phía sau mà lựu đạn có thể rơi thẳng xuống, ấn

nắp đầy, làm cháy hột nổ đang treo tòn ten trên cây me to phía phải, nơi bà con vừa xếp hàng. Hôm ấy, khi nghe tiếng giặc hô tập hợp, anh em du kích tưởng bà con đã giải tán nên ném 4, 5 quả liên ra sân chợ. May mà lựu đạn có đuôi, nên tất cả đều vương trên ngọn me, không quả nào rơi xuống. Nếu hôm ấy có một quả rơi xuống sân chợ, nhất định 4 khẩu trung liên ở bốn góc và khẩu trọng liên trước mặt sẽ nhả đạn vào hơn 100 bà con đang xếp hàng 5 trước mặt tên quan hai.

Đó mới là điều đáng hổ hèn. Khi nghe mấy anh du kích nói lại và nhất là khi thấy mấy anh leo lên gỡ lựu đạn xuống, lúc ấy tôi mới thấy ón xương sống. Còn mấy anh du kích thì nhìn tôi cười hề hề :

- May cho mày đó. Thoát keo này chắc là mày sống đời thôi. Mạng mày lớn lắm. Thành quan hai cũng chẳng dám bắn mày, lựu đạn tụi tao cũng bị ông bà nắm đuôi lại, treo trên ngọn me hết tội, mạng mày đúng làm mạng trời...

Mới lần quân máy bữa, thấy giáo tôi quay lại, ghé nhà tôi vào lúc gần nửa đêm. Ông bàn luận gì với cha tôi lâu lắm, xong ông gọi tôi và bảo :

- Dịch bất lập tể. Đảng mình chủ trương phải đứng ra lập tể để chúng nó đỡ khủng bố mà mình cũng nắm được Ban hội tể đó để có gì còn đỡ cho dân. Mấy ông định giao cho mày chức hương quán, mày coi có được không ?

Chưa nghe hết câu tôi đã lắc đầu. Khi thấy giáo tôi dứt lời, tôi liền thưa :

- Trời ơi, tôi mà làm hương quán thì Tây không bán sớm chắc cũng bị đảng mình cho đi "mò tôm" nay mai. Tôi có biết gì đâu mà làm hương quán...

Lúc bấy giờ tôi mới 19 tuổi. Nhưng sở dĩ "đảng mình" định giao tôi làm hương quán, lẽ thứ nhất vì tôi biết tiếng Pháp, lẽ thứ hai tôi là người có được học hành chút đỉnh, con nhà hiền lành, không thù vơ oán chạ...

Nhưng tôi dứt khoát không nhận làm hội tể. Có lẽ thấy giáo tôi nghĩ ra cách để được tôi

- Chuyện hôm trước, anh chín (cha tôi) và mày không chịu vào Đảng, nay lại chuyện này nữa biết họ có nói gì không ?

Nghe thấy giáo tôi nhắc lại chuyện đó, tôi cũng thấy hơi ngán ngán. Chuyện đó chẳng qua là tấm lòng rất thật của cha con tôi đối với thực trạng ở xã tôi lúc bấy giờ.

Số là sau khi giành được chính quyền chưa bao lâu ở xã tôi, ngay tại chợ, trụ sở của chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập. Một tấm bảng sơn đỏ với dòng chữ sơn vàng : Trụ sở Đảng Cộng sản Đông Dương. Có lẽ không người dân nào đi qua đây mà không thấy ớn xương sống. Ít ai dám nhìn thẳng vào trong mà thường chỉ lăm lét nhìn lên. Bí thư chi bộ xã không ai khác hơn là ông Chủ tịch Ủy ban hành chính... và ông Chủ tịch Ủy ban hành chính này cũng không ai khác hơn là ông hương chủ hách dịch có tiếng trong ban hội tế hồi ta chưa cướp chính quyền...

Ái ai cũng sợ khi đi qua đây có lẽ vì lẽ đó. Không ai hiểu sao thời nào ông này cũng là "phu mẫu chi dân". Và ông này cũng chính là người anh em bạn cột chèo với ông Hương cả mà ta mới tước súng và mộc hồi tháng 8 năm ngoái. Người ta sợ mỗi lần đi qua đây còn vì ở đó lúc nào cũng nghe tiếng quát tháo, tiếng đập bàn với một giọng lè nhè của những người no rượu... Cứ đôi ngày lại thấy khiêng về bến chợ một con heo được cạo lông, xẻ thịt ngay tại bến rồi vác các thứ vào trụ sở. Những ngày như vậy tiếng quát tháo càng to, giọng lè nhè càng rõ...

Dân ai cũng sợ cái trụ sở này. Nhưng đó chỉ là ngoài mặt. Con bên trong thì ai cũng ghét nhưng không dám nói. Không dám nói vì quyền sinh sát của vị chủ tịch ở đây quá lớn. (Dù vậy sau này tổ trình sát dân sự của Công an huyện Tân Kế (tức huyện Giồng Trôm) cũng đã lập được hồ sơ và căn cứ vào hồ sơ đó ông ta đã bị cách chức chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính và khai trừ ra khỏi Đảng trong cuộc thanh Đảng năm 1948).

Nhưng có một hôm, bỗng nhiên ông ta cho mời cha con tôi lên trụ sở để kết nạp Đảng. Cha tôi thẳng thừng bảo ông ta :

- Vào Đảng làm gì chớ vào Đảng hằng ngày đi xúc lúa bát heo của người ta về nhậu nhẹt thì cha con tôi không vào.

Đó là lần đầu tiên cha con tôi không chấp hành lệnh của người "cách mạng" ở xã. Mày lại đến chuyện đưa tôi ra làm Hương quản.

Thầy giáo tôi rất lo, bàn gì với cha tôi, tôi không được biết. Nhưng đến lúc rời nhà tôi vì trời sắp sáng, thầy bảo :

- Mấy trả lời với họ mấy sẽ ra làm thầy giáo dạy ở trường này.

Trường có hai lớp : một và hai do chính người thầy mà tôi vừa kể trên dạy từ lúc tôi còn học lớp hai. Thấy được đổi về đây từ năm đó và cất nhà ở dãy phố đối diện với nhà tôi. Thấy là người quê ở xã bên cạnh, con nhà khá giả. Thấy có hai dòng con nên rất đông. Vì nhà ở gần, nên tình thầy trò vẫn thắm thiết mặc dù tôi đã không học với thầy từ nhiều năm rồi. Thấy lui tới nhà tôi vì cha tôi là cơ sở để thầy hoạt động, vì lúc bấy giờ thầy đang là phó trường Công an huyện và nhà tôi cũng là nơi tin cậy để thầy gửi gắm gia đình lúc thoát ly.

Khi tôi lên huyện công tác ở Huyện đoàn Thanh niên Cứu quốc tôi được kết nạp Đảng (1947). Mấy năm sau khi tôi làm Đoàn trưởng Thanh niên Cứu quốc huyện và là huyện ủy viên, chính tôi là một trong hai người đã giới thiệu thầy vào Đảng. Thời chống Mỹ, thầy là Tỉnh ủy viên và đã hy sinh anh dũng tại Khám Lá (thị xã Bến Tre). Hiện nay mộ thầy được xây tượng trưng tại Nghĩa trang tỉnh Bến Tre với tấm bia để tên Dương Văn Dấu.

Theo gợi ý của thầy, tôi nhận làm thầy giáo, Ban hội tế xã cũng đồng ý. Tôi phải lên tỉnh để nhận quyết định và tài liệu ở Tòa bố. Muốn lên tỉnh tôi phải đi qua một xã khác mới đón xe đò được. Chuyến đi thì êm xuôi. Nhưng cả nhà tôi lo cho chuyến về của tôi vào buổi chiều. Hối đó bất cứ ai có trong người một quyển sách thậm chí một mảnh giấy có in, viết tiếng Pháp, hoặc trong người hội tụ đủ ba màu xanh trắng đỏ từ nón, giày, giày nịt, quần áo... đều bị coi là có đủ bằng chứng để kết tội Việt gian và cho đi "mò tôm" ngay tức khắc. Hướng gì tôi, từ Tòa bố về mang linh kinh nào giấy trắng, thước, bút, phấn viết, sổ ghi điểm, tranh vật lý, thời khóa biểu... Có lẽ cũng do ý thức cảnh giác của thầy tôi, mẹ tôi đi đón tôi từ ngã ba nhà hờ (nơi chờ xe) và dẫn đi theo lối tắt về nhà. Nghe đầu du kích xã bên cạnh cũng đã chờ tôi ở Cầu Đình, trên đường đi lúc sáng từ lúc 2 giờ chiều đến khoảng mặt trời lặn...

Được thông báo, trường sẽ mở cửa và giáo viên lại là tôi, gần như toàn bộ số hiệu chỉ do hai anh em tôi tập luyện quân sự và dạy hát năm trước đây đều đến lớp. Lớp chỉ từ đó đến đó khoảng 50

em, nay đến hơn 100 em đi học. Các em ngồi chen chúc nhau rất trật tự, không cãi cọ, chửi bới hoặc đánh nhau. Buổi dạy đầu tiên của tôi làm mẹ tôi cũng toát mồ hôi hột. Như đã nói, nhà tôi ở sát trường học nên tiếng đọc bài tập thể của các em trong lớp vang ra ngoài rõ mồn một :

"Ông đang làm chi đó hỡi ông ?"

Trơ trơ như đá vững như đồng

Đêm ngày coi sóc cho ai đó ?

Nón nước vơi đầy có biết không ?"

Đây chỉ là bài thơ Ông phỗng đá mà tôi đã học khi còn nhỏ nay tôi đem dạy lại, nhưng mẹ tôi hiểu rõ lòng dạ của con, biết con muốn nói nhân với ai nên mẹ tôi lo. Và lại đây là buổi học đầu tiên. Nhưng mẹ tôi chỉ nói cho tôi biết nỗi lo của mẹ chứ không hề ngăn cản. Hôm sau, trong giờ sử tôi lại dạy về Lý Thường Kiệt và lại giảng bài thơ : *Nam Quốc sơn hà Nam Đế cư.*

Ngày đêm đó thấy tôi đến. Tôi chưa đoán biết được thấy tôi sẽ khen hay chê hai buổi học vừa qua. Lần này thấy tôi không phải chỉ thăm thì với cha tôi mà gọi cả tôi cùng hội ý. Tôi thăm nghĩ : Có lẽ mình bây giờ đã là thầy giáo... Thấy không coi mình như cậu học trò nhỏ ngày xưa nữa. Nhưng không phải. Thấy hội ý với cả tôi vì công việc rõ ràng có liên quan đến tôi. Thấy tôi cho biết từ sau Hiệp định Sơ bộ 6-3 được ký kết, uy thế chính trị của cách mạng lên rất cao. Pháp không thể không thừa nhận Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Nhưng mặt khác chúng cũng lợi dụng Hiệp định Sơ bộ để củng cố thế đứng của chúng ở miền Nam và tìm cách mở rộng hơn nữa cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Bắc. Vì vậy về phía ta, ta phải lo củng cố chính quyền cách mạng của ta, tìm cách phá ra bộ máy kim kẹp của địch ở các nơi, chấn chỉnh các đoàn thể nhân dân từ ấp, xã lên huyện; tinh mà cụ thể là trong vài ngày nữa, nhân ngày Quốc tế Lao động, ta phải có một số hoạt động mạnh mẽ để thực hiện chủ trương trên, cụ thể là : giải tán hội tế, gỡ bỏ cờ ba que, tắt đèn, đóng cửa trường... Bắt đầu từ đêm 1-5-1946.

Đúng 7 giờ tối 1-5, tiếng mõ nổi lên. Đèn treo trước cửa các căn nhà hai bên phố tắt dần. Cờ ba que bập bồng một góc đường vàng được trưng lên. Toàn Thành niên xung kích chúng tôi đi kiểm tra :

có vài nhà chưa xé cờ và khẩu hiệu. Đó là nhà máy ông hội tề mà ta mới đưa ra làm hồi tháng trước. Gợi cửa mái cũng chẳng thấy mở... Hóa ra ngay từ chiều, sau khi nghe phổ biến lệnh giải tán tề, ông ta quá sợ, vừa sợ ta, vừa sợ Tây, nên lợi dụng cơn mưa, vợ chồng khăn gói xuống xuống bơi ra rẫy, tạm trú ở nhà cha mẹ. Đến nhà hai ba ông tề khác, gọi các ông ra để phân công canh gác, các ông run lập cập :

- Mấy ông bắt chúng tôi ra làm tề chỉ cho nó khổ như vậy.

Nhưng rồi niềm vui lại đến. Các cơ quan tỉnh từ căn cứ ở Cái Cát, Thạnh Phong lại về đóng ở ngay xã tôi. Sinh hoạt cơ quan như đem lại sức sống vui tươi, lành mạnh cho bà con xã tôi. Đi đâu cũng nghe tiếng nói cười giòn tan, nhiều lúc có cả tiếng đàn, tiếng hát, nhất là về đêm. Không khí chét chóc, vắng lạnh một cách rùng rợn của những ngày có tề (dù là tề ta nắm được) qua đi. Ban đêm, dù có lúc trời mưa vẫn có người đi đi lại lại, câu chuyện râm ran, vui xóm, vui làng.

Ngày 19-5 đến: Xã tôi tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày sinh nhật Bác. Có lẽ đây là lần đầu tiên xã tôi tổ chức mít tinh có cơ quan Mặt trận Việt Minh tỉnh do Phan Triêm làm chủ tịch được mời dự. Nhiều cán bộ, nhân viên của các cơ quan, đoàn thể của tỉnh cũng có mặt, đứng chật cả nhà lồng chợ. Trong không khí trang nghiêm, Phan Triêm đã kể lại công ơn của Bác với sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau vài đại biểu khác của tỉnh, tôi cũng được lên phát biểu, thay mặt cho thanh niên và cho cả xã tôi nói lên lòng biết ơn đối với Bác đã đưa đường dẫn lối cho dân tộc ta đấu tranh giành lại độc lập, tự do, giành lại cho mọi người quyền được sống... và hứa với Bác : Nam Bộ mãi mãi "là máu, là thịt của Việt Nam", quyết không kẻ nào chia cắt được và "thà hy sinh tất cả chứ không chịu mang cái nhục mất nước". Tôi đã kết thúc với câu : "Làm trai cho đáng thân trai. Vì dân vì nước hai vai nặng oàng" trong tiếng vỗ tay vang dội.

Người tôi run bắn lên khi nhìn thấy gương mặt xúc động với đôi mắt chớp chớp vì sung sướng của cha tôi trong lớp lớp người đến dự mít tinh.

Nhưng rồi giấc lại đến. Chẳng kéo ngoét quá cho xã tôi, nhưng

không ghé. Chúng đi thẳng vào ấp Bầu Voi nơi chúng nghỉ có các cơ quan tình động. Vài giờ sau, súng nổ... Nhưng hơn một tiếng đồng hồ rồi, tiếng súng vẫn nổ, tuy có thưa hơn, nhưng phần lớn là những tiếng súng bắn tía và từng loạt súng máy giòn tan.

Không khí ở chợ Ngã Ba lắng xuống. Nét lo hiện lên mặt nhiều người :

- Gay go rồi. Bộ đội ông Cống thường đánh nhanh rút nhanh, nay kéo dài chắc ác liệt lắm. Không biết đảng mình có bị gì không ?

Trong lúc mọi người đang hướng về phía Bầu Voi ngóng trông tin tức thì từ xa có hai thanh niên mặc quần đùi, ở trần, áo buộc ngang lưng chạy đến. Nhiều người chuẩn bị bắt "bò lạc". Nào ngờ, khi chạy tới gần các anh nhảy cồm lên, đưa hai tay lên trời, miệng reo vang dậy :

- Thắng rồi, thắng rồi, thắng trọn gói rồi bà con ơi, không còn một thằng nào chạy thoát...

Thì ra đó là hai trinh sát đang được giao nhiệm vụ gì đó, ngang qua đây, hai anh phải dừng lại tường thuật trận đánh : "Khi chúng nó lọt vào ổ phục kích của ta, quân ta nổ súng, chúng nó ngã rạp. Nhưng có non nửa tiểu đội đi sau, bám được một mương ngang, có bờ cao lấy đó làm công sự cầm cự với ta gần cả tiếng đồng hồ.

Nhưng vô quyết đây thì có móng tay nhọn hè. Anh Nguyễn Công Trung, chính trị viên thấy thế mới bò theo một bờ ruộng dọc, đến ngang chỗ chúng bám làm công sự, lia máy trăng mi-tơ-rai-dết, chúng chết không còn một mống. Có mấy ông nội nào đó "hỏi" mấy trái lựu cho chắc ăn chứ kỳ thật có 5, 6 thằng mà hứng đủ hai loạt súng mi thì còn sống làm sao được nữa".

Chi dừng lại nghỉ mệt mà phải tường thuật trận đánh cho bà con nghe, hai trinh sát đã tập hợp lại hơn ba chục người. Các mẹ cứ tấm tắc khen :

- Bộ đội ông Cống thiệt tài.

Mấy mẹ vượt đầu hai anh trinh sát lia lia. Nghỉ chân cũng đã lâu, hai anh đứng đây nghỉ.

- Tui tui đi, xin tổng chào bà con !

Nhưng nào hai anh có nhích lên được bước nào. Cả chục người xúm lại, người nào cũng tay xách nách mang nào gà, nào vịt, nào bánh tét, nào khoai lang, nào chuối, nào bắp...

Quả ủy lạo bộ đội đầy hai bao cá ròn, mỗi trình sát một bao vắc muốn ẹo xương sống.

Hai hôm sau, chúng hành quân đến đốt hai dãy phố chợ, cả ngôi trường và nhà lồng chợ... gieo thêm hận thù, đổ thêm dầu vào ngọn lửa kháng chiến đang ngùn ngụt cháy ở xứ dừa quê tôi... Nhưng xã tôi và hàng loạt xã khác trong huyện - trừ các xã dọc tỉnh lộ 26 - không còn đôn bốt, không có tề, không còn treo cờ ba que... xã nào cũng có ủy ban Kháng chiến hành chính, có các đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh.

Tháng 9 năm 1994

CƯƠNG QUYẾT RA ĐI

Nhịp 4/4

Nhạc và lời : Nguyễn Ngọc Bạch

Cờ Việt Nam bao năm nhuộm máu hùng anh.
 Phát pháo lên ngang hồn ai mở trong sương gió.
 Người Việt Nam chen vai chiến đấu ngàn năm
 đánh dấu vinh quang lịch sử những trong huy hoàng.
 Đất nước ơi! Reo lên đi!
 Ta ra đi mùa Thu xưa xa vắng. Gió hơi
 gió! Reo lên đi! Vung gươm thiêng ta cắt
 đứt đường tơ vương. Và từ đây cao tiếng hát hành
 quân. Trời âm u tiếng vọng nơi Trường Sa. Xung phong
 lên! Xung phong tiêu diệt quân thù! Đất nước ơi! Reo lên
 đi! Ta vui cả núi thành gươm chính khí. Gió hơi
 gió! Reo lên đi! Vung gươm thiêng ta lấy
 máu đen rửa
 trái! (Cờ Việt... trái!)

NÓN BÀNG

HÀN THẾ KHƯƠNG

Sáu Lương đội nón bàng chỉ huy đoàn Thanh niên Tiên phong xã Thới Thạnh diễu hành trên đường tráng nhựa, phấn chấn hẳn lên. Anh gào to :

- Nào ! Hát lên đi anh chị em !...

- Bài gì ? Bài gì ? Có tiếng trong đoàn hồi.

- *Lên đàng* - Sáu Lương nói và bắt giọng : - *Nào anh em ta...*

Chúng tôi hát theo :

- *"Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đàng*

Kiểm nguồn tưới sảng

Ta nguyện một lòng điếm tô non sông..."

Tiếng hát của đoàn Thanh niên Tiên phong xã Thới Thạnh bay bổng lên cao quện với ngọn cờ vàng sao đỏ đi đầu tung bay trước gió. Tiếng rầm rập bước chân đi của đoàn trên đường tráng nhựa với gậy tầm vông, giáo, mác trên vai và nón bàng trên đầu làm mọi người sôi nổi rạo rức. Bác Giáo trên năm mươi tuổi, để râu, vác gậy tầm vông đi bên cạnh tôi và cũng đội nón bàng như bọn trẻ. Đôi mắt bác ánh lên niềm vui. Bác nói :

- Đội nón bàng trên đầu, Thanh niên Tiên phong xã mình coi thiệt là oai. Giống như một đoàn quân tiến ra trận mạc.

Lũ nhóc trong xã cũng bám theo chúng tôi xin nón bàng. Được cho, chúng nó giành giựt nhau để đội.

Tôi không rõ chiếc nón bàng xuất xứ ở đâu và ai bày ra nó. Nhớ hồi đó từ Sài Gòn đến lục tỉnh, già trẻ gái trai đều có "mốt" đội nón bàng. Người thì đội nón rộng vành, người bề vạnh lên một hoặc hai bên. Người ta đội nón bàng để che nắng, che mưa. Thanh niên Tiên phong

chúng tôi, đội nón đi làm việc; đi thăm bà con lối xóm.

Đến Cách mạng Tháng Tám, chiếc nón bàng theo chúng tôi đi cướp chính quyền ở tỉnh. Thanh niên Tiên phong đội nón bàng đi biểu tình nhưng bây giờ với ngọn cờ đỏ sao vàng không phải cờ vàng sao đỏ như trước. Chúng tôi cùng đông bào kéo về dinh tỉnh trưởng, đánh đổ chính quyền tay sai của Nhật, thành lập chánh quyền cách mạng.

Và cũng với chiếc nón bàng ấy chúng tôi lao vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

Sáu Lượng chỉ huy Thanh niên Tiên phong, bây giờ chỉ huy du kích xã. Bọn du kích chúng tôi được phân công ngăn chặn địch tiến chiếm thị trấn. Chúng tôi phục kích địch bên một bờ rạch. Hỏa lực địch rất mạnh. Sáu Lượng ra lệnh cho chúng tôi rút lui còn anh cầm cây súng trường Indochinois cũ kỹ ở lại kềm chế địch. Anh đội nón bàng trên đầu liên tiếp bắn chặn địch.

Nhưng súng của anh bỗng ngừng nổ. Đạn đã hết. Anh nhay xuống rạch. Địch tràn tới xả tiểu liên vào anh.

Sáu Lượng buông súng chìm từ từ xuống nước. Chiếc nón bàng của anh bị địch bắn rách một bên nổi lên, trôi lơ dờ theo dòng nước nhuộm đầy máu. Chiếc nón bàng và dòng máu đỏ của Sáu Lượng ăn sâu vào ký ức tôi trong suốt cuộc chiến tranh.

Có phải chăng chiếc nón bàng của thời trước và sau Cách mạng Tháng Tám, của thời bắt đầu cuộc kháng chiến rồi trải dài theo những năm chiến đấu chống ngoại xâm, trở thành cái ca lô của anh Cộng hòa vệ binh, chiếc nón ky của anh bộ đội Cụ Hồ và chiếc nón tai bèo của quân giải phóng miền Nam. Ai biết được? Nhưng chiếc nón bàng dấu sao cũng để lại trong chúng tôi, những chàng trai mới vào đời, những kỷ niệm nóng cháy của thời thanh niên sẵn sàng lao vào gian nan nguy hiểm, sẵn sàng hy sinh tánh mạng mình cho độc lập tự do của Tổ quốc.

CÂY GẬY TÂM VÔNG VÀ CHIẾC NÓP

THIỆN LÝ

Cho đến bây giờ, sau gần năm mươi năm từ ngày Cách mạng Tháng Tám, mỗi khi nhìn thấy những bụi tâm vông đứng thẳng ở một mảnh vườn, hay những chiếc đệm phơi mình trên một góc sân nào đó, tự nhiên tôi cảm thấy nao nao nhớ lại ngày nào, "nóp với áo mang ngang vai" khắp Nam Bộ trai, gái, trẻ, già đã "thề quyết chống quân xâm lăng", "đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến".

Tôi càng xúc động hơn khi nhìn thấy cây gậy tâm vông và chiếc nóp được trưng bày trang trọng ở những viện bảo tàng với những lời thuyết minh làm xao xuyến lòng người. Vinh quang thay những nhân vật tâm thường đã đi vào lịch sử như những biểu tượng của lòng dũng cảm, chí ngoan cường, sức chịu đựng gian khổ hy sinh của một dân tộc bị áp bức quyết vùng lên phá vỡ xích xiềng, giành độc lập, tự do!

Tôi không được vinh hạnh như các bậc đàn anh đã đi làm cách mạng trước mùa thu tháng Tám, góp phần làm nên một cuộc biến đổi chuyển đất rung trời trên đất nước Việt Nam ta. Nhưng tôi được cái may là vừa lớn lên đã bước qua ngưỡng cửa cuộc đời với cây gậy tâm vông và chiếc nóp, và tất nhiên, với tấm lòng yêu nước nhiệt thành.

Tôi không có được một tấm ảnh nào để kỷ niệm cái thời niên thiếu ấy, nhưng tôi vẫn hình dung được mình và bè bạn lúc bấy giờ. Đó là những chàng trai chân đất, đầu trần, quần đùi, áo bà ba, tay cầm gậy tâm vông, vai đeo nóp, rậm rạp "nhịp chân tiến tới trận tiền"!

Những cây tâm vông trước đây âm thầm mọc ở những nơi hẻo lánh, nay được chúng tôi đem về phân ra từng đoạn, hồ lửa ướn cho thật thẳng, cạo gọt mặt trơn, lau gột sạch, đem ra phơi nắng, thấm m

hôi bóng loáng như được thoa dầu !

Chúng tôi rất quý chiếc gậy tầm vông của mình, một thứ vũ khí ra đời bởi lòng yêu nước, và được sản xuất ngày càng nhiều theo lời kêu gọi của Bác Hồ, có súng dùng súng, có gươm dùng gươm, không có súng gươm thì dùng gậy gộc mà giết giặc cứu nước !

Hồi ấy, mỗi đơn vị chỉ có mấy khẩu súng. Gươm và mã tấu cũng chẳng được mấy cây. Dáo tầm vông thật sự là vũ khí quan trọng của đơn vị. Và nó thật sự cũng đã làm cho địch phải sợ, nhất là trong những trận chúng bị quân ta phục kích, đánh xáp lá cà ! Không ít chiến sĩ ta đã lập được chiến công bằng ngọn tầm vông vạt nhọn. Có người tán dương rằng : Xưa, ông cha ta đã dùng những cây gỗ to vạt nhọn làm chum tâu giặc trên sông Bạch Đằng, đánh đuổi quân xâm lược. Cụ đồ Chiêu đã dùng cây bút lông mềm mại để chống giặc, "đam mây thẳng gian bút chẳng tà". Giờ đây, cháu con cũng học tập người xưa, dùng dáo tầm vông để chiến đấu giành độc lập !

Cây tầm vông giản dị, hiền hòa, đã có một thời oanh liệt gắn liền với lịch sử Cách mạng Tháng Tám. Sau này, dù các lực lượng võ trang ta có được trang bị các loại vũ khí hiện đại đến cỡ nào, thì chiếc gậy tầm vông vẫn còn là niềm kiêu hãnh của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm ! Các thế hệ mai sau có thể không dùng đến chiếc gậy tầm vông, nhưng bài học lấy thô sơ chống hiện đại vẫn còn sáng tỏ trong truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam ta. Đó cũng là một bài học bổ ích cho bạn bè ta ở khắp năm châu trên con đường chiến đấu chống những kẻ thù tàn bạo, luôn manh tâm dùng các loại vũ khí hiện đại để dấy xé Tổ quốc mình.

Nhắc đến cây gậy tầm vông mà quên đi chiếc nóp thì thật là không công bằng ! Nếu cây gậy tầm vông được dùng làm vũ khí đánh địch, thì chiếc nóp cũng đã có nhiều công trạng trong cuộc sống của người lính lúc bấy giờ.

Hồi ấy, chiến sĩ ta không ai có được một cái mũng, một chiếc chiếu, một tấm chăn, một cái ba lô như người lính hiện nay. Nhưng mỗi người đều cố gắng tự tạo lấy một chiếc nóp. Giản đơn thôi ! Chỉ cần có một chiếc đĩa, một cái bát, chĩa một bên làm miệng

để chui ra, chui vào ; chỉ có thể là xong ! Tuy thô sơ như vậy nhưng chiếc nóp đã làm đủ chức năng của cả mùng, mền, chiếu, và ba lô...

Mỗi đêm, người lính chọn một nơi nào đó, trên ván cứng được, dưới đất cũng xong, giữa một đồng rơm càng tốt, trải nóp ra, chui vào đó là có thể làm ngay một giấc ngon lành, nhất là sau những giờ hành quân mệt nhọc. Nếu biết sử dụng, thì chiếc nóp sẽ không cho một chú muỗi nào đột nhập vào trong, dù bên ngoài, chúng "kêu như sáo thổi" ! Nếu có trời mưa lâm râm thì lính ta vẫn có thể yên giấc ngoài trời ! Những cơn băng bị ướt, nở ra, không để cho những giọt mưa lọt vào trong nóp ! Khi lính ta đã vào nóp rồi, thì sương gió bên ngoài không qua được cái chần ấm áp này ! Sáng dậy, người lính cứ cho toàn bộ gia tài vào nóp, xếp gọn lại, mắc quai vào, buộc chặt lại, thế là sẵn sàng cho việc hành quân !

Chiếc nóp còn có một tác dụng nữa mà người ta không tiện nói đến ! Ngày xưa, người chiến binh từ trận thì "da ngựa bọc thây" ! Bây giờ, người chiến sĩ hy sinh thì da ngựa có đầu mà bọc, quan tài đâu có mà chôn, đành phải chui vào trong nóp để trở về với đất vậy !

Ngày nay, không mấy người còn ngủ nóp, nhưng xin ai đừng quên cái vật nghèo nàn ấy đã có thời cùng người lính xông pha trên các chiến trường, góp phần làm nên chiến thắng !

Nhân dân ta sống với nhau có nghĩa, có tình, thủy chung, son sắt, uống nước nhớ nguồn, không bao giờ quên những người vì dân, vì nước ! Đối với cây cối hay đồ vật cũng vậy. Một cây đa, một cái giếng... gắn liền với một sự kiện lịch sử, nhiều khi trở thành một di tích thiêng liêng, một con vật có công cũng được người đời tưởng nhớ. Vì vậy, cây gậy tâm vông và chiếc nóp sẽ còn được nhân dân ta nhớ mãi.

CHIẾC NÓP

TRẦN THANH PHƯƠNG

Cho đến nay, những người dưới tuổi bốn mươi ít mấy ai đã ngủ nóp, thậm chí chưa biết chiếc nóp là gì. Nếu có biết chăng thì đó chỉ là hiện vật đặt trong tủ kính ở các viện bảo tàng, hoặc trong nhà truyền thống một số địa phương Nam Bộ; hoặc những kỷ vật riêng của cán bộ, chiến sĩ lớn tuổi từng lăn lộn ở chiến trường miền Tây thời kháng chiến chín năm. Ngày nay, chiếc nóp đã trở thành báu vật.

Mỗi lần Thu về, lớp trẻ hôm nay miệng hát bài hát truyền thống quen thuộc có lời ca và tiết tấu như muốn dựng người ta dậy, xúc người ta bước tới. Ấy là bài *Nam Bộ kháng chiến* của Tạ Thanh Sơn.

Mùa thu rồi, ngày 23

Ta đi theo tiếng kêu gọi của người tiên

... Thuở súng kềm, chơn đi không

mở lòng người giàu lòng vì nước,

Nóp với giặc mang ngang vai,

nhưng thân trại nào kềm oai hùng...

Đó là mùa Thu tháng chín năm bốn mươi lăm. Cuộc kháng chiến chống Pháp mở đầu bằng những ngày gian khổ và quyết tâm như vậy. Nhưng chiếc nóp có mặt ở Nam Bộ không phải trong ngày đầu khói lửa ấy, chắc trước đó xa. Nhưng vào thời gian nào, chưa ai biết chính xác. Có người kể từ thời Thiên Hộ Dương đánh Pháp ở Đồng Tháp Mười. Thuở ấy, nghĩa quân không có mùng, mỗi người chỉ có một chiếc đệm đương bằng cọng bàng nửa năm nửa đắp. Vì hai đầu trống nên muỗi vào được dễ dàng. Un khói thì sợ lộ căn cứ đồng quân nên không đốt. Mỗi nửa năm thì Mèo làm một cách xếp đôi chiếc đệm, lấy dây dừa nước may kín hai đầu, chui vào nằm

lật úp lại. Kết quả là không có con muỗi nào chui vào lọt. Tất cả nghĩa quân đều làm theo và đặt một cái tên nôm na là chiếc *xếp*. Không bao lâu, chiếc *xếp* lan tràn khắp vùng Đồng Tháp Mười và theo các ghe thương hồ, theo những người đi làm thuê, làm mướn đến khắp miền Lục tỉnh.

Khi quân Pháp tấn công, một tên sĩ quan thấy chiếc *xếp* thì lấy làm lạ, hỏi người thông ngôn. Anh thông ngôn nghĩ rằng nếu nói là *xếp* thì trùng với tiếng *chef* sợ phạm tội trịch thượng và biết đầu quan lớn nghi ngờ mình có ý xỏ xiên dùng chức vị quan để lót ngói, nên nói trại là *nếp*, nghĩa là chiếc *nếp*. Anh ta cũng ngầm bảo dân chúng gọi là *nếp* để tránh lời thôi.

Ít lâu sau, có một viên đội người Việt tên *Nếp* đến ở trong đồn kiểm soát tại Đồng Tháp Mười. Ông ta cấm không cho đồng bào nói tên tục của mình. Chiếc *nếp* phải đổi thành chiếc *nốp*. Cũng chẳng sao! Nhưng gọi *nốp* nghe khó khăn quá. Dần dần người ta nói trại ra là *nóp* cho tới ngày nay.

Có thể đây là một chuyện vui, vì nó không có căn cứ khoa học. Nhưng ngày nay, đây đó vẫn còn nghe kể, thậm chí một số sách cũ cũng soạn lại in với nội dung tương tự.

Bàng là một loài cỏ cao, lá hình ống, màu xanh đậm, thường mọc nhiều ở vùng đất phèn Long An, Đồng Tháp, An Giang... Cây bàng cao độ hơn một mét là có thể cắt được. Đi trên bờ kinh Tháp Mười thấy những bó bàng xòe ra phơi trong nắng chiếu, dễ làm cho người ta xao động, nao nao. Đêm nghe tiếng giã bàng càng nhói vào tim gan những kẻ xa nhà, xa quê hơn nữa. Không hiểu sao, tiếng giã bàng, tiếng giã gạo, cũng như tiếng ru em nó đi vào lòng người ta mãnh liệt đến như vậy? Trên một khúc gỗ dài khoảng hơn hai mét, được vạt bàng hai mặt cho khúc gỗ đứng lẩn, để bó bàng đã phơi khô lên và hai người, thường là con gái đứng hai đầu cầm chiếc chày giã cho bàng bẹp xuống. Vào một đêm trăng sau giải phóng, mấy anh em nhà báo chúng tôi ngủ nhờ một nhà đồng bào ở Cái Bè (Đồng Tháp), tiếng giã bàng theo nhịp "cụp cùm cùm" len lỏi trong xóm, bao kỷ niệm thời "chín năm" như bật dậy hết trong anh em lớn tuổi chúng tôi. Đó là những người em, người chị, người em gái

thức thâu đêm giữ bang, đương đêm, chằm nóp tặng anh chiến sĩ Vệ quốc đoàn mà chúng ta còn nhớ rõ như in.

Nóp này em gởi tặng anh

Xuống em bơi tận trong kinh Tháp Mười

... Gởi ba nó ngủ ấm lòng

Để đi giết giặc lập công thật nhiều.

Xa hơn nữa, chiếc nóp cùng với người nghèo tạm bỏ xứ ra đi tìm kế sinh nhai. Ca dao xưa nhắc lại hình ảnh buồn thương đó :

... Vai mang chiếc nóp rách

Tay xách cổ quai chèo

Thương con nhớ vợ

Vận nghèo anh phải đi

Đi là đi đâu ? Trên kia, chúng tôi có nói rằng anh đi kiếm sống, nghĩa là đi tìm từng đồng xu các bạc, tìm từng lon gạo mang về nuôi vợ nuôi con. Nhưng đọc kỹ lại, ngắm cho hết sự đời, thì hình như anh cô nông này không phải chỉ đi làm thuê làm mướn mà là bị một áp lực nào đó, bị một "tội" nào đó, anh phải gạt nước mắt, cấp chiếc nóp rách ra đi, bỏ vợ con lại.

Trở lại chiếc nóp. Trước khi được mang tên nóp, nó là chiếc đệm. Một chiếc đệm có từ hai đến bốn vuông ghép lại, thành hình hơi vuông vuông. Đây là vật dùng để giúp ích khá nhiều việc trong đời sống của người nông dân Nam Bộ. Đệm dùng phơi lúa, phơi đậu, cau khô, phơi tôm... Người ta còn thay chiếu để nằm ngủ. Đương như nằm đệm mát lưng hơn nằm chiếu. Cong bàng mông, được già bẹp xuống, lại dương lông hai, lông ba, tạo nên loại hoa văn xiên chéo nhau, khít lại và chắc. Nằm đệm được tiếp xúc nhiều với giường, nếu là nằm giường ; tiếp xúc nhiều với đất nếu nằm đất. Trong những năm chống chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, tôi đến vùng Tri Tôn thuộc tỉnh An Giang để lấy tài liệu viết bài. Đi một ngày đường mệt mỏi, tôi nghỉ đêm liền tại chiến trường Plei Cua bạn Pôn Pốt từ bên kia biên giới bên sang từng chập. Xe chở thương binh

rú còi nghe lúc xa lúc gần. Rồi lệnh báo động, lệnh sẵn sàng chiến đấu... làm cho đầu óc ai cũng căng ra. Ấy vậy mà đêm hôm đó, mấy anh em nhà báo chúng tôi, được chủ nhà cho mượn mỗi người một chiếc đệm nhỏ, trải dưới căn hầm tránh pháo, ngủ một giấc thật ngon lành. Dưới hầm sâu và hẹp không tài nào trải chiếc đệm được thẳng. Hai đầu đệm cong vánh lên theo cặp vách đất vừa mới đào. Chúng tôi nằm như con tôm luộc. Nhưng không hiểu sao nó vừa êm, vừa ấm, vừa mát, vừa thoang thoang một cái gì êm dịu của quê hương mà ở thị thành không có. Lạ lắm ! Chúng tôi nghĩ, đêm hôm ấy giá ở tại Ba Chúc này có một khách sạn cao tầng, hoặc một nhà khách sang trọng nào đó có đủ nệm mút, quạt máy, mùng tuyn... như ở thị xã Long Xuyên, rồi có một người cầm chùm chìa khóa hướng dẫn, chỉ từng buồng ngủ, phòng ăn, nhà tắm... cho mỗi chúng tôi, chưa chắc chúng tôi đã đi vào giấc ngủ say như đêm hôm ấy. Cho nên, chúng ta mới hiểu tại làm sao trong những năm chiến tranh ác liệt, Ca Lê Hiến vượt Trường Sơn về miền Nam và trở thành nhà thơ Lê Anh Xuân, trong một chuyến công tác về lại quê anh ở Bến Tre, đem đầu tiên anh muốn nằm đất. "Đã về đến đây rồi, nên đặt mình trên mặt đất của quê mẹ ngủ một đêm mới đã !". Lê Anh Xuân nói như vậy và anh đã nằm một đêm trên nền đất của quê hương sau hơn mười năm xa nhớ. Không hiểu đêm ấy, nhà thơ trẻ của chúng ta nằm trên chiếu, hay trên đệm ? Thời thì, chiếu hoặc đệm gì cũng kết từ cọng lác, cọng bàng của quê ta mà thành.

Ta trở lại cọng bàng. Lác và bàng ở xứ Nam này làm ra nhiều sản phẩm lắm : Cà ròn, các loại túi xách, ly, đĩa, hộp, nón, thảm... Hồi chín năm, nhiều cán bộ ở miền Tây dựng tài liệu, quần áo trong chiếc cặp bàng và chèo xuống ba lá hoặc tam băng đi công tác đến gian dị và thân thương làm sao. Hôm nay, những vật dụng ấy, không ai còn xài nữa. Cán bộ từ Trung ương đến tận xã, sang hay nghèo, lương cao hay thấp, người ta đều dùng cặp da, túi da hay bằng thú vại dây, có loại mắc bằng năm mười già lúa, nhiều khi còn cao hơn lứa có chỗ nằm, chỗ ngồi tử tế ; cán bộ cấp thấp thì xe gắn máy, xoàng nhất cũng chiếc xe đạp. Đi dưới nước thì vô lái, tàu... Đi đường xa thì máy bay. Đều đó không có gì lạ, chẳng ai trách. Chỉ mong sao

đừng quên quá khứ, đừng quên chiếc nóp của anh cán bộ, của anh Vệ quốc đoàn làm từ cọng bàng vùng đất phên què anh, mà chính anh đã để một thời mang nặng ơn nghĩa với nó, nhờ nó mà anh sống, chiến đấu và trưởng thành...

Chiếc nóp là vật bất ly thân của người chiến sĩ, không chỉ để thay mùng. Thực dân Pháp gọi chiếc nóp là "mùng Việt Minh". Trên đường hành quân, nó thay ba lô đựng những vật cần thiết của anh chiến sĩ, anh cán bộ. Trong chiến đấu, nó còn có thể làm bệ ti súng, làm gối gối đầu những lúc rảnh rỗi... Nóp che chở cho người lính nhiều lắm. Một lần ở Trà Vinh, địch phục kích nổ súng bất ngờ vào một đơn vị của ta. Sau trận chiến ấy, một chiến sĩ về cởi chiếc nóp sau lưng thì thấy lỏng một lỗ. Một mảnh đạn xuyên đứt mấy lớp đệm, làm rách luôn bộ quần áo vải xăn-dầm xếp trong chiếc nóp. Và mảnh đạn dừng lại ở đó. Nếu không có chiếc nóp che chở, chắc anh đã hy sinh. Sau này tập kết, anh có mang chiếc nóp và mảnh đạn đó ra Bắc, không hiểu nay vật kỷ niệm và người chiến sĩ ấy ở nơi nào?

Nếu chẳng may, chiến sĩ bị thương vong, chiếc nóp tùy chung thay cho quan tài đưa người xuống mộ. Người đồng đội còn sống lấy chiếc nóp của mình liệm thi hải người bạn. Còn chiếc nóp của người bạn hy sinh, anh mang nó trên vai làm kỷ niệm, để nhớ người đồng chí ngã xuống mà nung ý chí giết giặc, trả thù. Nếu sau này có dịp trở lại gia đình, thì anh trao lại cho người thân vật kỷ niệm của người đã mất. Chao ôi, chỉ có chiếc nóp đơn sơ ấy thôi mà sao chan chứa, sâu đậm tình người đến như vậy. Ngàn năm chưa dễ mấy ai quên chiếc nóp quê ta là vì thế.

Tháng 3-1983, tại thành phố Cần Thơ, có một Hội nghị Khoa học về văn hóa, văn nghệ truyền thống và dân gian Đồng bằng sông Cửu Long. Tại hội nghị, có tham luận dành mười dòng nhắc đến chiếc nóp. Nhà khoa học xã hội này định nghĩa chiếc nóp như vậy : Nóp là tấm đệm gập lại, may khít hai đầu, chừa mí ngang gọi là "lưỡi gà" để chui vào nằm. Khi vào nóp, người ta gài mí lưỡi gà chống lên mí kia, trở thành nằm trên hai lớp đệm, vừa giữ nóp không bung ra, vừa nằm trên hai mặt dày khá êm, không dính sinh lầy... Tả như vậy cũng đúng nhưng chưa hay, vì tác giả bài tham luận này là một

phụ nữ còn trẻ, chắc chắn chưa một lần ngủ nóp.

Sau này, chiếc nóp cũng được cải tiến thêm. Nhiều người khoét trên mặt chiếc nóp một khoảng to bằng cỡ hai bàn tay chụm lại, thay vào đó một miếng vải mỏng cho người không quen ngủ nóp đỡ ngọt ngọt. Khi kháng chiến gần đến ngày thành công, điều kiện vật chất có nói hơn một chút, đây đó cán bộ, bộ đội được ngủ mừng. Đêm đêm mừng giăng trắng dưới tàng cây ăn trái Nam Bộ, bên vườn trúc, bụi tre, bên hiên nhà... Người ta gọi vui đó là "cò trắng đang ngủ".

Từ cọng bàng đến chiếc đệm rồi thành cái nóp qua biết bao nhiêu công sức và tài hoa của bàn tay con người. Bởi vì không nỡ quên thiên nhiên cho ta cây bàng và cũng không nỡ quên tài hoa con người cho ta manh đệm, chiếc nóp mà ở quê ta có địa danh Nhà Bàng, Chợ Đệm, lại có làn điệu dân ca Lý dương đệm tình tứ...

TỪ MỘT TRẬN ĐÁNH DU KỊCH CỦA NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Trung tướng NGUYỄN VĂN TIÊN

Năm 1940, khi tôi đang học ở trường kỹ nghệ thực hành Sài Gòn, thì được tin cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ đã bùng nổ ở quê tôi (huyện Châu Thành tỉnh Mỹ Tho) và nhiều nơi khác. Tôi xin phép về nhà ở xã Long Hưng xem tình hình gia đình như thế nào? Trên đường về từ Thạnh Phú đến Long Hưng, hai hàng cây me bên đường đều bị quân khởi nghĩa đón cho ngã ngang đường, cột dây thép trên quốc lộ 4 vùng này cũng bị kéo ngã để chặn không cho xe ô tô đi lại, nhà cửa trong làng đều bị quân Pháp đốt sạch. Chúng đã càn quét bắn giết và bắt đi nhiều người khởi nghĩa. Số còn lại, cũng ẩn trốn đi các nơi. Nhà tôi, nhà anh, chị tôi, cũng cháy hết. Trâu bò bị bắn chết sinh khắp cánh đồng.

Thấy tôi về, anh tôi và vài bạn thanh niên đang ẩn trong vườn ra gặp và kể cho tôi nghe: "Đêm 22 tháng 11, dân làng Long Hưng và các làng lân cận được thông báo lệnh khởi nghĩa, nên nổi dậy, trống mõ vang trời kẻ mác dao, người gậy gộc, ùn ùn ra lộ, kẻ vác cờ búa liềm, người vác cờ đồ sao vàng, rầm rập kéo nhau đến các đồn và Nhà việc của hội tế xã Thạnh Phú ở tại chợ Xoài Hột. Lính đồn bắn ra, nhưng quân khởi nghĩa tràn vào, trong phút chốc lính đồn bị bắt sạch, quân khởi nghĩa chiếm đồn thu súng và đốt luôn đồn. Ngọn lửa đốt đồn Thạnh Phú bốc cao, động viên nghĩa quân tấn công chiếm đồn các xã lân cận. Đến 12 giờ trưa ngày 23 tháng 11 lực lượng khởi nghĩa đã hạ xong các đồn Thạnh Phú, Tam Hiệp, Chợ Giữa (Vinh Kim), Phước Thạnh, Cầu Đức... Các trụ sở Nhà việc của Hội tế các xã đều bị hạ tất. Các mũi tiến công lần lượt kéo về miếu Long Hưng (miếu thờ Lê Văn Duyệt) thành lập chánh quyền công nông cách mạng của tỉnh.

Khoảng năm giờ chiều, từ thành ở Pháp đi luy một toán

<https://tieuhan.vn/Phap-di-luy-mot-toan>

lính độ 50 tên, từ Bình Đức đi xe vào chợ Xoài Hột rồi thẳng lên cầu Thấy Tùng thuộc ấp Long Bình xã Long Hưng. Cầu Thấy Tùng chưa sập, nhưng ván mặt cầu đã gãy hết, bắc qua bằng 2 cây cau, xe không qua được. Bọn giặc xuống xe dàn ra, bắn xối xả về phía bên kia cầu. Bảy giờ gần tối nên anh em du kích kéo nhau vào xóm ăn cơm, chỉ còn một mình anh Bảy Quới thủ khẩu súng đạn rĩa hai nòng. Nghe tiếng xe, anh núp vội vào bụi rậm dưới gốc cây xoài. Đạn giặc bay rào rào qua đầu anh, anh bình tĩnh chờ đợi. Hai tên lính đi trước, kể đó tên cò, bọn còn lại phía sau tên cò hùng hổ bước theo. Bảy Quới ngấm thàng cò, đợi nó ra đến giữa cầu liền nổ "rầm, rầm" hai phát. Thằng cò Bê-tơ-ri rơi ngay xuống sông chìm ngấm. Bọn lính hết hoảng kéo nhau chạy lui, vừa chạy vừa bắn hú họa vào các bụi rậm bên đường rồi chúng lên xe chạy luôn về thị xã Mỹ Tho.

Thấy giặc rút chạy, Bảy Quới hô lên, đồng thời anh em du kích cũng vừa ra, trời đã chạng vạng. Bảy Quới và anh em lặn xuống sông mò xác thằng cò kéo lên, lấy được một khẩu súng lục, rồi vui xác nó ở bãi bùn bên mé sông. Đêm đó quân khởi nghĩa hạ hai hàng me chắn đường từ Xoài Hột lên Long Hưng.

Một nghĩa quân, một súng 2 nòng, giết một tên chỉ huy Pháp, đẩy lui gần một đại đội lính rút chạy, thu một súng. Quả là một trận đánh không cân xứng về lực lượng, nhưng nhờ dũng cảm, táo bạo, bí mật, bất ngờ mà quân khởi nghĩa giành được thắng lợi.

Bảy giờ các con đường bộ vào miếu Long Hưng đều bị cây chắn, phá hoại hết, chỉ còn có con đường kênh xáng mới vào được. Máy hóm sau 4 tàu tuần giang theo kênh xáng La-com-bơ⁽¹⁾ vào Long Hưng. Du kích phục 2 bên bờ kênh bắn xả xuống tàu. Trống, mõ, phèn la của dân 2 bên bờ kênh nổi lên như sấm dậy. Dịch chưa dám đổ bộ, chúng phải tháo lui. Dịch cho máy bay ném bom miếu Long Hưng, chợ Vinh Kim, ấp Long Bình (nơi cầu Thấy Tùng).

Kể đến dịch huy động hàng trung đoàn lính lê dương, lính bộ binh thuộc địa, lính Miên kéo đến xã Long Hưng và vùng xung quanh, gặp ai giết nấy, đốt nhà, hãm hiếp, bắt bớ, cướp của. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại.

(1) Nay là kênh Nguyễn Văn Thành.

Nghỉ tết năm đó (Nhâm Thìn, 1941) tôi về quê nhà, xóm làng điêu tàn, nghèo khổ. Nhà bị giặc Pháp đốt cháy, má tôi cất lại một gian chòi lá dù chưa bỏ lúa. Má tôi nghỉ trên tấm vạt tre bên chái, còn tôi và anh tôi nghỉ trên bờ lúa. Nhà chỉ có vạt nên các thức ăn ngày Tết như dưa hấu, bánh tét... đều để vào trong bờ lúa. Giặc đã bắt dân làng làm xấu đắp đường mới xe ô tô chạy được dọc theo bờ kênh và xây đôn kiên cố có chòi gác cao, tường đất lỗ châu mai và máy lợp rào dây thép gai xung quanh. Anh tôi dẫn tôi vào cánh đồng trước nhà độ 1 km, lúa đã gặt, nơi có nhiều gò và bờ tràm bầu, có cây me lớn mà dân làng gọi là Gò Me. Anh tôi chỉ vào bốn đống máu đã khô thành màu đen sẫm bên bờ tràm bầu gần Gò Me và kể rằng : "Sau Nam Kỳ Khởi nghĩa, hôm ấy địch huy động lực lượng cả lính và dân các nơi, tổng ruộng cánh đồng này, lúc đó lúa vừa chín còn cao. Bảy Quới, Bảy Ghè, anh Huân, Năm Giác ẵm tại gò tràm bầu này nơi giáp ranh của hai xã Long Hưng và Phước Thạnh. Bốn lính sục sạo từng đám ruộng, bụi cây, nắm tay nhau giăng thành vòng bao vây Gò Me và các gò tràm bầu xung quanh. Vòng vây ngày một siết chặt. Thấy không thể để địch bắt, thà chết còn hơn, Bảy Quới nói : "Chúng ta chỉ huy khởi nghĩa nó bắt cũng bán thôi, mỗi người tự mình giải quyết lấy". Nhưng địch đã đến gần và thấy, nên hô bắt sống. Năm Giác, Bảy Ghè và anh Huân đều nằm xuống đầu quay vào bờ tràm bầu, ngựa cõ, yêu cầu Bảy Quới chặt. Bảy Quới quay dao chuối (dao chuối là dao xắc cây chuối cho heo ăn, lưỡi to, cán dài) chặt mỗi người một nhát, máu tuôn lai láng, rồi anh đứng dạng 2 chân, tay nắm vạt áo phanh ra, thọc dao vào bụng, ruột gan lòi ra. Tên cai Công chỉ huy hô : "Mày đừng tự tử tao không giết mày đâu". Bất ngờ Bảy Quới phồng dao vào ngực cai Công đón trường Long Định, soạt đứt vai, ngã sấp xuống ruộng. Bốn lính theo sau, bắn vào Bảy Quới hàng chục phát súng khiến anh lao đảo ngã gục, hy sinh tại chỗ. Có lẽ vì chết gấp nên Năm Giác, Bảy Ghè và anh Huân vẫn còn thoi thóp trên vũng máu. Bốn địch cho khiêng 3 người về chợ Xoài Hột, rồi chở xuống nhà thương Mỹ Tho điều trị.

Sau khi lành vết thương, các anh vẫn còn nói được. Địch dụ dỗ, mua chuộc, tra tấn dã man, hồng tìm ra các tổ chức của Đảng, nhưng thấy không khai thác được gì, chúng đưa lên tòa Sài Gòn kêu án tử

hình Nam Giác và Bảy Ghè, còn anh Huân thì tù chung thân đày ra Côn Đảo.

Trước khi phách anh hùng kể trên, tôi vô cùng xúc động, lòng khâm phục ý chí kiên cường, bất khuất của những người khởi nghĩa, nhớ mãi gương chiến đấu và hy sinh của bốn anh, trong đó Bảy Quới và Năm Giác, lúc tôi còn nhỏ ở làng đều có quen biết.

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, kế đó là Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi tham gia dân quân cách mạng tỉnh. Chuyện Bảy Quới đánh thắng địch, và chuyện thà chết chứ không để cho giặc bắt của 4 chiến sĩ Nam Kỳ Khởi nghĩa là bài học về chiến thuật đánh du kích và về ý chí chiến đấu kiên cường của bộ đội cách mạng trong đơn vị dân quân cách mạng tỉnh nhà. Sau khi địch chiếm đóng thị xã Mỹ Tho, chúng lần lượt mở rộng chiếm đóng ra các vùng xung quanh. Bộ đội cách mạng chúng tôi chỉ có vài khẩu súng trường Pháp, còn lại là súng đạn ria, mã tấu và tầm vông vạt nhọn. Thế nhưng khi địch tấn công lên Xoài Hột (Thạnh Phú), chúng tôi cũng dùng phục kích bí mật bên đường từ chùa Sắc Tứ lên Nhà thờ bất ngờ tấn công, địch chết độ mươi tên mà ta không việc gì. Địch phải quay trở lại. Kế đó tàu tuần của địch từ sông Tiền theo kênh xáng La-com-bơ vào Long Hưng, chúng tôi phục kích dọc theo bờ kênh xáng, bất ngờ bắn chết nhiều tên địch ngồi trên boong tàu.

Khi thành lập Đại đội 3 Chi đội 14 (Khu 8) chúng tôi điều tra nắm chắc quy luật địch ở đồn Thiên Hộ hàng tháng đều dùng thuyền cùng một trung đội về Cai Lậy lãnh lương và thực phẩm. Sáng đi thì độ 4 giờ chiều về. Đại đội 3 đêm trước bí mật về đóng trong rạch Chà Lả cách Thiên Hộ chừng 1 km, 3 giờ chiều ra mai phục trên bờ kênh ngay vàm Chà Lả. Về gần đến đồn, địch chủ quan xuống 2 thuyền ngói nằm hết, chúng tôi bất ngờ nổ súng vào 2 thuyền, tiêu diệt toàn bộ, thu vũ khí. Địch ở Thiên Hộ nghe tiếng súng mà không dám đi tiếp viện.

Năm 1947 là năm tác chiến du kích ở Khu 8 phát triển mạnh, đã có thể diệt từng tiểu đội, trung đội quân viên chính hay quân ngũ. Điển hình là trận phục kích trên lộ 4 tại Giồng Dứa (Mỹ Tho) ngày 24 tháng 4 năm 1947. Chủ công là Đại đội xung phong và trung đội cán bộ. <https://tiedunhopto.org> Trường quân chính Khu 8, phối hợp cùng các trung đội du kích tỉnh, đảo năm gần gũi, cách mạng

15m ngoài ruộng trống, nguy trang khéo léo bằng rom, cò, địch đi trên đường không thể nào phát hiện được. Bộ đội đã bắt ngờ đẩy xe bò ra đường chặn xe địch và xông lên diệt địch thu thắng lợi lớn : tiêu diệt đoàn "công-voi" có bảo vệ mạnh của quân đội Sài Gòn do một đại tá Pháp chỉ huy (tên này cũng chết ngay tại chỗ). Ta thu vũ khí và toàn bộ quân dụng, đốt cháy 12 xe địch.

Sau này tôi về chỉ huy Tiểu đoàn 305 hay Tiểu đoàn 307, lực lượng tuy đông hơn, song cách đánh cũng là chiến thuật du kích và du kích vận động chiến là chủ yếu. Bộ đội ta thời kháng chiến chống Pháp, thường lấy ít thắng đông, lấy trang bị vũ khí yếu đánh với địch có trang bị vũ khí mạnh hơn. Sở dĩ thắng được địch là nhờ có sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố như tinh thần, bảo đảm vật chất, cách đánh, hậu phương v.v... Trong đó ý chí chiến đấu của bộ đội, và cách đánh là 2 yếu tố rất quan trọng. Có thể quy lại là "dám đánh và biết đánh thắng". Trong cách đánh, việc điều tra nắm chắc quy luật hoạt động của địch, chuẩn bị tốt các mặt cho bộ đội, giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ, lúc nào cũng linh hoạt, sáng tạo và chủ động đánh vào chỗ yếu, chỗ sơ hở của địch thì ta có thể hoàn toàn tiêu diệt được địch, giành thắng lợi. Trong chống Mỹ, địch gây chiến tranh phá hoại dùng không quân đánh miền Bắc, ta dùng cao xạ, tên lửa, máy bay tiêm kích và cả súng trường của dân quân để bắn máy bay địch. Riêng không quân ta rất ít phải đối đầu với không quân địch rất đông, nhưng nhờ vận dụng tốt các nguyên tắc cơ bản trên, nên lấy 4 chiếc, 2 chiếc thậm chí có khi 1 chiếc lên đánh với ba mươi chiếc của địch vào ném bom Miền Bắc. Lợi dụng địa hình núi non, mây trời, khi thì từ thấp bí mật vọt lên đánh địch, khi thì lên trước trên tận chín tầng mây rồi từ trên cao bất ngờ bổ nhào xuống đội hình địch, diệt tên chỉ huy đi đầu, khiến đội hình địch tan rã, và quay về, ta giành thắng lợi lớn. Anh em lái máy bay ta gọi cách đánh này là "đánh du kích trên không". Đây là một cách đánh góp phần không nhỏ vào chiến công bắn rơi 320 máy bay địch của không quân ta. Điều quan trọng hơn nữa là không quân ta mới ra đời phải đánh với không quân nhà nghề có trang bị hiện đại của Mỹ, mà vẫn bảo tồn được lực lượng của ta, trưởng thành và phát triển.

Năm mươi lăm năm chính chiến và hòa bình trôi qua, mà tâm

gương của Bảy Qưới dưng cảm một mình, một súng đạn rĩa, biết ha tên chi huy Pháp, đẩy lùi gần một đại đội lính địch, thu một súng lục, vẫn còn sáng mãi trong tâm trí tôi.

Tháng 5 năm 1994, trong một dịp về quê nhà, tôi có vào viếng nơi 4 chiến sĩ Nam Kỳ Khởi nghĩa "thà chết không để lọt vào tay giặc". Nơi đây chính quyền và nhân dân địa phương đã xây dựng bia kỷ niệm bằng tường gạch. Trên bia ghi :

6 giờ ngày 18 tháng 12 năm Nhâm Thìn tức ngày 5 tháng giêng năm 1941, bốn đồng chí đã cắt cổ tử tiết để khỏi rơi vào tay giặc Pháp sau Nam Kỳ Khởi nghĩa :

1. Nguyễn Văn Ghè, Tỉnh ủy viên, Ban chỉ huy quân sự tỉnh.
2. Nguyễn Văn Qưới, Huyện ủy viên, Ban chỉ huy quân sự tỉnh.
3. Lê Văn Giác, Bí thư chi bộ xã Long Hưng, Ban chỉ huy quân sự tỉnh.
4. Nguyễn Văn Huân, cán bộ huyện, phụ trách Chi bộ xã Bình Trung.

(Bia xây xong ngày 30 tháng 4 năm 1985).

Tôi đốt nén hương tưởng niệm những vị anh hùng của Nam Kỳ Khởi nghĩa đã hy sinh, lòng đầy xúc động, nghĩ rằng : "Nhân dân ta làm Cách mạng Tháng 8 thành công, đánh thắng Pháp, thắng Mỹ, nước nhà được độc lập, tự do, thống nhất và xây dựng được như ngày nay, sự hy sinh quên mình vì Tổ quốc, và công sức của những người đi trước, của những chiến sĩ Nam Kỳ Khởi nghĩa thật là to lớn và là tấm gương cách mạng cho các thế hệ đời đời noi theo".

MẦM MỔNG ĐÁNH DU KÍCH TỪ KHỞI NGHĨA NAM KỲ (23-11-1940)⁽¹⁾

Trung tướng LÊ VĂN TUÔNG

Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940), một số địa phương đã tổ chức lực lượng võ trang cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, và đã tổ chức một số trận đánh du kích. Chi bộ xã Thạnh Lợi - Bình Hòa (Long An) là một chi bộ mạnh được tổ chức từ năm 1930. Đến năm 1940 chi bộ đã có gần 20 đảng viên. Chi bộ được lệnh chuẩn bị khởi nghĩa từ tháng 9 năm 1940. Công việc chính lúc này là chuẩn bị lực lượng võ trang. Chi bộ tổ chức cho học võ, côn, quyền, kiếm; dự kiến phân công một số đảng viên ra công khai sau khi cướp chính quyền.

Được lệnh khởi nghĩa vào đêm 23-11-1940, những đảng viên được phân công lập tức tước vũ khí của hương quân Hữu và hương chủ Cường ở Bình Hòa được hai khẩu súng lửa calip 24 và calip 16, chiếm trang trại của Một Thương (quan một) thu được hai súng, một khẩu súng lửa calip 12 bán tự động bắn được 5 phát liên và một khẩu calip 16, đánh đồn điền mía Hiệp Hòa thu một calip 12 và một khẩu súng nhỏ 6,35 ly (khẩu súng này hiện nay đang được trưng bày tại Bảo tàng Cách mạng Long An). Ở xã Long Ngãi Thuận (Tân An), đồng chí Hai Nhỏ (Hai Lâm - nguyên là Phó Tư lệnh Quân Khu 8 thời chống Mỹ - đã hy sinh) đánh chiếm đồn Trà Cú Vàm thu toàn bộ vũ khí 10 khẩu.

Ở Đức Hòa có tổ chức một tổ sản xuất vũ khí thô sơ và rờ-sạt đạn. Ở Hữu Thạnh cũng có một tổ rờ-sạt, lúc này chủ yếu là rờ-sạt đạn súng lửa (đạn chì) nên cũng không mấy khó khăn.

Tháng 12 năm 1940, đồng chí Lưu Dự Châu - Tỉnh ủy viên phụ

(1) Pháo Thủ ghi

trách Vàm Cỏ Tây và đồng chí Trần Văn Đẩu - Tỉnh ủy viên phụ trách Vàm Cỏ Đông, gặp nhau bàn việc thống nhất các tổ chức võ trang nói trên. Sau đó tổ chức một trận phục kích do đồng chí Lê Văn Tường chỉ huy ở vàm Trà Cú đánh bọn tề đưa lính làng đi ruộng bắt những người khởi nghĩa. Bọn này rơi vào ổ phục kích, ta bắn chết tên bếp Mau và bắn bị thương tên cai tổng Dậu (đui một con mắt). Bên ta một chiến sĩ bị thương.

Ngày 6 tháng 1 năm 1941, kỷ niệm ngày thành lập Đảng⁽¹⁾, ta tổ chức một cuộc võ trang tuyên truyền qua các xã Thạnh Lợi, Bình Hòa. Một đội võ trang tuyên truyền từ Bình Đức tiến lên đồn Thạnh Lợi. Ta khống chế các trạm canh không cho đánh mõ (lúc này thực dân Pháp cho tổ chức nhiều trạm gác để chống hoạt động của ta). Trên đường đi ta phát loa và rải truyền đơn kêu gọi đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Sau khi làm xong nhiệm vụ, ta bắn một phát súng thị uy. Nghe tiếng súng, hương quản Chánh xã Thạnh Lợi kêu hương tuần Tám xách rựa đồn mĩa chạy xuống, đứng đầu lực lượng ta. Ta hỏi:

- Ai đó?

- Tao là hương quản Chánh đây - y trả lời.

- Hương quản Chánh đứng lại!

Ta vừa hô xong liền nổ súng. Hương quản Chánh lãnh chín viên đạn chì chevrotine vào ngực nên chết ngay, còn hương tuần Tám bị thương ở mông. Thấy máu, y ngã lườn.

Lúc này nghe súng nổ, các trạm canh đánh mõ liên hồi, đốt đuốc sáng rực. Nhưng dân canh ở đầu đứng đó, không dám đi. Chúng tôi trở lại kiểm tra thấy hương quản Chánh đã chết mới rút về căn cứ.

Ngày 8-1-1941, thực dân Pháp tổ chức một cuộc can quét lớn có lính lê dương tham gia, có máy bay trinh sát loại đáp được trên mặt nước (thủy phi cơ) dẫn đường, có máy bay ném bom quần đảo bao vùng, sẵn sàng bỏ bom khi phát hiện ta. Sau đó bọn tề tổ chức ruộng

(1) Trước kia kỷ niệm thành lập Đảng vào ngày 6-1, sau này điều chỉnh lại ngày 3-2.

bố, chĩa xát liên tục. Chúng bắt dân nắm tay nhau, một đoàn cả trăm người càn vào rừng, vào mĩa để phát hiện Cộng sản. Nhưng khi đi gần rừng, dân kêu nhau chuẩn bị cơm nước để báo động cho ta và khi càn vào rừng thì nói chuyện um sùm để cho ta nghe mà tránh trước. Sau đó chúng đưa một trung đội garde civile lên đóng đồn ở Bình Hòa để lập lại an ninh ở vùng này.

Trước tình hình đó, hai đồng chí Tỉnh ủy viên phụ trách vùng và các đồng chí lãnh đạo địa phương họp bàn chủ trương : thống nhất và củng cố lực lượng chờ thời cơ khởi nghĩa lần thứ hai, chọn những người trung kiên ở lại, còn những người chao đảo không vững vàng thì cho về địa phương, gia đình. Lực lượng còn lại khoảng 100 người lo xây dựng căn cứ ở đồng sâu, bung trấp dày đặc là vùng Mốp Xanh cho tổ vũ khí, nhà thương và lấy sở hội đồng Sầm, nơi trồng khoai môn, khoai lang bạt ngàn làm cơ sở hậu cần.

Đến tháng 4-1941, nhận được chỉ thị của Trung ương kết thúc cuộc khởi nghĩa, đảng viên trở về dựa vào dân tiếp tục hoạt động bí mật, ai đã bị lộ thì tránh né một thời gian rồi liên lạc với chi bộ sau. Súng còn lại 10 cây giao cho các đồng chí trung kiên cất giữ.

Để khủng bố đàn áp phong trào yêu nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực dân Pháp đưa những người đã tham gia Nam Kỳ Khởi nghĩa bị bắt ra xử án. Tôi bị Tòa áo đỏ (Tòa cấp cao của thực dân Pháp ở thuộc địa) kêu án tử hình khiếm diện. Bọn tề ở địa phương lùng sục tìm bắt tôi ráo riết, nhưng được đồng bào che chở, tôi tiếp tục hoạt động đến Cách mạng Tháng 8.

Ngày 13-8-1945, một cuộc họp cấp tỉnh do anh Chín Trọng - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phân công tôi vào Thường vụ Huyện ủy Thủ Thừa phụ trách quân sự. Với kinh nghiệm đã có trong Khởi nghĩa Nam Kỳ, tôi huy động mỗi xã 3 đồng chí và người cảm tình trung kiên để tổ chức lực lượng vũ trang. Tôi bắt liên lạc với Thanh niên Tiền phong để tăng thêm lực lượng và tạo thế công khai.

Cướp chính quyền xong, tôi thu hết súng của 5 đồn thuộc huyện Thủ Thừa trang bị cho dân quân cách mạng, hàng ngày tập luyện đội ngũ và tập bắn súng.

Khí Pháp xâm chiếm Sài Gòn 23-9-1940, lực lượng này thành

lập mặt trận chiến đấu ngăn chặn giặc Pháp ở phía Nam cầu Bến Lức. Sau khi Pháp chiếm tỉnh Tân An, tình giao tôi tổ chức xây dựng lực lượng võ trang tỉnh để tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp. Lực lượng này tiếp tục phát triển và chiến đấu dưới sự chỉ huy của Bộ tư lệnh Quân khu 8 cho đến Hiệp định Genève, rồi tập kết ra Bắc. Sau đó lần lượt trở về Nam kháng chiến chống Mỹ cho đến ngày toàn thắng 30-4-1975 giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

TUYÊN TRUYỀN XUNG PHONG

Nhịp 4/4

Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu

Anh em thanh niên tuyên truyền xung phong chúng ta.
 Ra đi ra đi bằng mình qua núi sông nhà.
 Mưa rơi ta xem thương. Anh em ta lên đường.
 xem thương. Xông pha ta lên đường.
 Qua bao nhiêu nơi tuyên truyền cho khắp
 Qua bao nhiêu nơi tuyên truyền cho khắp
 người. Du rừng đường dài cùng nhau tươi cười. Kia bao sông
 suối. Du rừng đường dài cùng nhau tươi cười. Kia bao sông
 núi phương xa nhuộm nắng vàng. Ta vui ta hát tiếng
 núi phương xa nhuộm nắng vàng. Ta vui ca hát tiếng
 ca lòng vang. **NG** Các anh lên đường thì tài nam
 ca lòng
 nhi. Chúng tôi là gái nhưng nao kém chi.
 Gian nan ta **ĐỒNG CA**
 vang tuyên truyền xung phong
 lên đường xông pha. Tuyên truyền xung
 phong, lên đường xông pha, núi phương xa, nắng vàng.

NAM TIẾN⁽¹⁾

Trung tướng NAM LONG

Nam Bộ, tôi được nghe nói đến lần đầu trong đời là từ lời một thầy đồ chữ nho ở Cao Bằng quê tôi. Tôi nhớ mãi cái giọng sang sảng của thầy đồ Khoa người Nam Định :

"Nam kỳ nguyên tiền Lục tỉnh. Kim phân vi nhị thập tứ tỉnh".
Cụ vut cây roi mây xuống sạp làm hiệu. Lũ chúng tôi gân cổ gào lên, "Nam kỳ nguyên tiền". Nam kỳ trước đây gồm sáu tỉnh nay chia thành 24 tỉnh. Nam Kỳ ở đâu ai đặt ra sáu tỉnh trước, ai chia ra thành 24 tỉnh nào có biết vì học cốt để thuộc mặt chữ, không có bản đồ, cũng không được giải nghĩa. Cho tới khi học chữ quốc ngữ lần đầu, nhìn tấm bản đồ Đông Dương bằng chữ Pháp tôi cứ tưởng Cochinchine (Nam Bộ - Tiếng Pháp) cũng như xứ Cambodge (Campuchia) hoặc Laos (Lào). Năm 1944 khi tham gia Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tôi khao khát được đến một miền đất xa xôi như trong bài hát :

"... Tiến về Sài Gòn, bãi Cà Mau, dấn bước mau Quân Giải phóng, hướng phía Nam ta tiến tới..."

Diệt cho tan quân phát xít Nhật, Pháp. Nguyễn đem máu hồng, xây dựng non sông."

Tháng 8-1945 đang ở Giải phóng quân, tôi được anh Văn (Võ Nguyên Giáp) phân công đi báo vệ rước Bác Hồ về Hà Nội. Thấy tôi nhận lệnh mà mặt buồn hui, anh Văn hỏi :

- Nam Long có yêu ông Cụ không. Tôi suýt phát khóc vì câu hỏi đó. Ai mà không yêu ông Cụ ?

Về Hà Nội trong những ngày đầu Bác ở số nhà 48 phố Hàng Ngang. Đây là một cửa hàng lớn buôn vải của ông Trịnh Văn Bô, một nhà tư sản yêu nước. Chúng tôi gác bí mật ở ngay nơi bán hàng,

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Hồi ký do Đỗ Thanh ghi.

ăn trưa và ngủ ở lầu một, Bác ở tầng trên cùng. Lúc này Tàu Tưởng đã vào Hà Nội, miền Nam Pháp đang gây chiến, cả Hà Nội sục sôi trong không khí ghi tên vào Nam ở các phòng Nam Bộ. Hằng ngày tôi hay sang chơi bên trại Giải phóng quân. Nhìn không khí hằng say luyện tập mà phát ham. Rồi tôi lại trở về phố Hàng Ngang. Hằng ngày, các anh Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Hoàng Quốc Việt, Trương Chinh, Võ Nguyên Giáp thường đến chỗ Bác làm việc. Một hôm không thấy các anh đến làm việc, tôi đánh liều lên chỗ Bác. Bác ngừng tay đánh máy hỏi tôi : Gì thế chú ?

- Thưa Cụ, Pháp đã vào Miền Nam, Cụ cho cháu vào Nam.

- Tổ chức phân công gì làm nấy, còn gì nữa không ?

- Dạ thưa không ạ ! Vậy chú xuống cho Bác làm việc.

Một hôm, anh Văn đến làm việc, tôi theo anh lên gác. Bác hỏi : Chứ Nam Long có việc gì ?

Tôi hiểu ý Bác muốn phê bình nên lúng túng thưa : Thưa Cụ, cháu muốn đi đánh nhau quá.

Bác từ từ cười vì tôi dùng từ sai, đáng lẽ nói xin ra trận lại nói xin đánh nhau. Cụ hỏi anh Văn : Ý chú Văn thế nào ?

- Thưa, xin tùy Cụ. Nếu Cụ cho phép thì tôi cũng đồng ý.

- Được rồi, chiều chú lên gặp Bác.

Chiều hôm đó Bác dặn tôi quyết tâm đánh giặc là tốt nhưng lại phải biết đánh. Bác nói về cái mạnh, cái yếu của Pháp, về cách đánh khi nó đông, khi nó hành quân, khi tam trú. Bác dùng những từ như "mai phục", "đánh úp". Rồi Bác dạy : phải dựa vào dân như ở Việt Bắc, có dân sẽ có tất cả, từ cơm ăn, thuốc men cho đến đồ thám địch, nắm tình hình đường sá. Cái này các chú thạo rồi.

Hôm sau, tôi đi nhờ một ô tô vận tải vào Vinh. Các anh ở đó rất cần cán bộ quân sự, thấy tôi người dân tộc, đã qua lớp học chính quy bên Trung Quốc, lại được ở gần Bác nên anh nào cũng coi như đứa em trai.

Một hôm, tôi đang làm việc với Lê Viết Lương thì có người chạy xộc vào báo : anh Nguyễn Lương Bằng và Lê Văn Việt Bắc Nam đều đang ở ngoài ga Vinh đông lắm. Có người hỏi thăm anh đấy.

Tôi chạy ra ga. Có tiếng gọi Nam Long, Nam Long. Chao ôi toàn "cánh Giải phóng quân". Thợ, người Vô Nhai nay là chỉ đội trưởng kiêm chính trị viên, Hồng An - đại đội trưởng, Thắng Lợi - đại đội trưởng. Người Hà Nội, người Thanh Hóa, Ninh Bình, lại có cả các cô tha thướt trong tà áo dài học sinh, anh em thợ Trảng Thi vạm vỡ trong bộ quần áo thợ. Ai cũng trẻ măng, quân phục chỉnh tề, đầu đội ca lô đính ngôi sao vàng thêu kim tuyến. Thợ bảo tôi : Mình vừa làm chỉ đội trưởng lại kiêm chính trị viên, làm không hết việc. Giá có thêm Nam Long thì hay quá. Trong cái hào khí tung bừng ở ga Vinh hôm đó bỗng một giọng nam trung cất lên ngân nga :

"Tiếng súng vang sông núi Miền Nam giục ta ra chiến đấu !... Hai ba này". Cả toa tàu, cả sân ga cùng đồng thanh hát theo. Tôi run lên vì xúc động. Thấy một anh dắt cái xe đạp đang gân cổ hát, tôi nói : anh cho tôi mượn cái xe về chỗ ông Lê Viết Lượng rồi tôi trả ngay. Anh ta hình như biết tôi nên cho mượn ngay. Tôi đạp vội về chỗ anh Lê Viết Lượng xin phép cho tôi Nam tiến ngay sáng mai. Anh Lượng cười : Nam Long do Trung ương cử vào, tôi làm sao cho phép được. Tôi nói : Nếu Hà Nội đồng ý thì anh cho Nam Long đi chứ. Tôi vào buồng vợ vội mấy bộ quần áo nhét vào ba lô rồi đạp ra ga. Tôi lại chỗ anh thanh niên cho mượn xe, nhưng không thấy anh ta. Tôi vào nhà thấy một ông già, tôi nói : Thưa Bác, cháu có mượn một chiếc xe đạp của một anh lúc này đứng trước nhà Bác, xin Bác nhận giùm cho, nói là Nam Long cảm ơn. Nhưng ông cụ nói nhà mình không có cái xe đó. Rầy rã thế. Thôi thế cụ cho cháu gọi vậy, cứ nói là của Nam Long trả, ai có xe đến nhận. Ông cụ đành đồng ý. Tôi vào trạm Bưu điện xin gọi ra Hà Nội.

- Hà Nội nghe đây ! Một giọng nữ thánh thót. A lô ông cần gặp ai, thưa ông ?

- Cho tôi gặp anh Văn.

- Xin ông vui lòng cho biết số máy. Tôi ngớ người, làm sao mà biết được số máy anh Văn bây giờ. Có tiếng cúp máy. Tôi chờ một lát lại nói tiếp nhưng vẫn cái giọng lịch sự ban nãy cho xin số máy. Tôi ngồi một lúc rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Tôi giật mình vì tiếng còi tàu. Trục tàu đã ngừng rồi. Đầu tàu đang lấy thêm nước. Tôi

lại quay máy. Lần này là một giọng nam trầm :

- Hà Nội nghe đây.

- A lô, tôi là Nam Long đang ở Vinh đây, anh cho tôi số máy anh Văn.

- Anh Văn à, cái tên nghe quen quá, có phải anh Văn Cao không ?

- Trời ơi không phải, anh Văn là anh Võ Nguyên Giáp ở Bộ Nội vụ mà.

- Có tiếng cười nhẹ trong máy. lát sau anh ấy gọi lại. - A lô Vinh đâu, có số máy Bộ Nội vụ, xin mời. Tôi hết to : A lô anh Văn phải không.

- A lô tôi nghe đây, Ai đấy ?

- Nam Long đây anh Văn à. Anh cho Nam Long Nam tiến nhé. Chỗ đội Nam tiến của Thơ đang thiếu chính trị viên, xin anh cho Nam Long đi nhé. Dương như anh Văn có ấn đơ, lát sau anh nói : Cái này phải hỏi các anh bên Quốc phòng.

- Ấy dà ! Thế thì lâu quá đấy anh Văn ơi. Một giờ nữa tàu chạy rồi. Anh Văn cứ Nam Long vào Vinh thì anh cho đi được chứ !

- Ý kiến các anh bên Tỉnh ủy thế nào ?

- Anh Văn hỏi, tôi đáp bừa :

- Thưa anh, anh Lượng báo nếu Hà Nội đồng ý thì các anh ấy cho đi ?

- Vậy hả, để mình báo cáo với ông Cụ và các anh trong Thường vụ.

- Tôi lại vào nhà ông cụ gói xe, mượn lại chiếc xe đạp vội về báo cáo với anh Lượng, anh siết chặt tay tôi chúc đánh thắng. Tôi đạp ra ga trao xe cho ông cụ rồi lên xe lửa, ngồi chưa ấm chỗ, con tàu đã rúc một hồi còi dài rùng mình chuyển bánh vào Nam.

Đoàn xe chúng tôi đi tới tỉnh nào cũng được Cấp ủy, Mặt trận Việt Minh đón tiếp rất nồng nhiệt. Chúng tôi gần như không phải nấu cơm ăn, nước uống lấy được. Là người trưởng thành là thế, bưng

bùng khí thế có Quảng Ngãi. Nơi nào cũng có các đơn vị tình nguyện vào Nam. Và đến Thủ Đức thì thân thiết như đón những đứa con về gia đình. Các anh Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Dương Bạch Mai, Đào Duy Kỳ, Bùi Công Trừng, Phạm Văn Bạch anh nào cũng chính tề trong bộ com-lê, nói chuyện đôi lúc xen từng tràng tiếng Pháp, khi cần tranh luận. Tôi nghĩ các anh là trí thức, con nhà khá giả mà bỏ gia đình và cuộc sống tiện nghi đi kháng chiến thế này thì nhất định ta thắng Pháp. Sau khi nghe anh Hà Huy Giáp phổ biến tình hình, tôi bàn với anh Thơ đi trinh sát, cùng đi có anh Công người Quảng Ngãi là cán bộ địa phương. Anh Công cho biết Pháp dựa vào thế Đổng minh đang nóng ra nên chưa kịp lập được tề điệp. Chúng tôi có thể cải trang đi lẫn vào dân để xem xét địa hình. Các anh cho mượn bộ quần áo thợ đá cũ. Tôi cao to lại trắng trẻo nên phải lấy bùn xoa vào những mảng áo rách, tay cầm khúc mía vừa đi vừa nhai. Anh Công xách một đùm bánh tét. Anh Thơ cầm nải chuối đi giữa dòng người đến thẳng cầu Bình Lợi. Trên cầu có một bốt gác của lính Nhật. Cầu Bình Lợi hồi đó bằng sắt, khoang giữa có máy quay để khi có tàu ghe, tàu lớn thì khoang này quay theo dòng chảy cho tàu ghe đi qua vào một giờ nhất định. Chúng tôi vừa đi vừa bàn cách đánh ngay tại thực địa. Đến cầu Băng Ky, anh Công gặp một toán du kích, phân công du kích phá cầu Băng Ky, còn chúng tôi sẽ phá cầu Bình Lợi, không cho địch nóng ra.

Bỗng có tiếng động cơ ô tô, chiếc xe giúp đi đầu kéo cờ Anh, những xe tải đi sau đẩy lính, đoàn xe vượt chúng tôi đến đầu cầu Bình Lợi, lính xuống xe tản ra hai bên đường. Sĩ quan đứng trên xe giép dùng ống nhòm quan sát bờ bắc. Thơ hỏi tôi : Làm sao đây, chúng nó vượt mình rồi. Tôi lạnh xương sống, chưa biết tính sao. Nhưng thấy bà con ta cứ đi, anh Công nói : "Việc ai nấy làm, hõn ai nấy giữ, cứ đi. Thế là chúng tôi đi giữa hàng lính. Sang bên kia cầu, gặp một chiếc xe thổ mộ chúng tôi bảo người đánh xe :

- Lính Đổng minh bên kia cầu, quay lại thôi. Người đánh xe cười khà : *Mấy chú tí tọc tại sao ta không tí tọc à. Nghe cách phát âm, biết ngay là người Hoa.* Anh Công nói : Chúng tôi đi bộ đội, cái nị đánh xe ngựa ông tên Pháp là Đổng minh tránh vô đầu ? Quay lại Thủ Đức, cho chúng tôi đi nhờ. Thấy bác tá con ngân ngữ, anh Công

võ vai bác ta : Nị đừng ngại, về trụ sở Ủy ban Thủ Đức bọn tôi sẽ trả tiền đảng hoàng. Về đến Thủ Đức, anh Đào Duy Kỳ cho biết trên điều anh Thơ lên Ủy ban quân sự Miền Đông, tôi làm chỉ đội trưởng. Tôi và anh Công báo cáo tình hình với anh Hà Huy Giáp đề nghị ngăn chặn không cho địch nống ra. Muốn ra bờ Bắc phải hành quân theo hướng tây chợ Bình Phước để bố trí dọc theo bờ sông Sài Gòn. Nhân dân Bình Phước thấy bộ đội hành quân qua bèn sai con cháu hái dừa cho. Một bà má đưa tôi trái dừa tở nói : "Uống đi con, Uống lấy sức mà chạy". Tôi cầm trái dừa loay hoay không biết làm sao. Bà má dưỡng như thông cảm với dừa con Miền Bắc chưa quen uống nước dừa nên má bảo cô gái đứng cạnh : Con hai vạt dừa cho anh con đi chớ, mác chỉ mà cứ cười hoài. Cô gái dò bụng mặt đỡ trái dừa, bâng hai vạt dao rất lẹ cô đã hớt đi lớp vỏ xanh tở, lấy mũi dao khứa một đường nhỏ hình chữ V rồi đưa tôi. Lần đầu tiên tôi được uống nước dừa, vì quê tôi Cao Bằng đâu có dừa.

NHỮNG ĐOÀN QUÂN TỬ CÁCH MẠNG MÙA THU

THÁI VŨ

Ga Huế... Đã nghe từ xa, ngoài An Hòa tiếng còi xe lửa từ ngoài Bắc vào, báo hiệu tàu đang vào địa phận thành phố kinh đô. Nghe rõ dần tiếng chuyển động của cả đoàn tàu. Cả ga Huế đã rộn lên kể từ lúc đó.

Các cửa ga đều rộng mở, từ cửa chính đến cửa hông và các cửa phụ vốn chỉ để chuyển hàng hóa. Nhà ga không bán vé, mọi người vào ra tự do, thoải mái, và ai nấy đều hồi hả náo nức, hồi hộp. Chỉ toàn là người đón, không có kẻ đi buôn, người đi bán. Không có valy, túi xách, hàng hóa.

Mà không phải chỉ riêng ga Huế mới có đông người đón Hà Nội, Vinh vào. Cả xứ Huế rộn ràng như có ngày hội lớn, kể từ sau ngày vua Bảo Đại thoái vị mong làm dân một nước tự do. Người ta đón tàu từ phía cầu Bạch Hổ, đông nghịt những người là người, các cụ ông, cụ bà, các cô gái, nhất là các mẹ, các chị buôn bán ở chợ Đông Ba, chợ An Cựu, Bến Ngự với những gánh bún bò, cơm hến, đủ các loại bánh bột đặc sản của xứ Huế bên cạnh mấy chiếc bàn bày sẵn mọi thứ thức ăn với những nồi cơm được ủ kín nóng hổi.

Nhưng rực rỡ nhất là những lá cờ đỏ sao vàng và những biểu ngữ màu đỏ chữ vàng "Nước Việt Nam là một", "Nam Bắc một nhà", "Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam". Cờ và biểu ngữ nổi dài từ phía trong cầu Bạch Hổ, qua cầu Lùn vào ngập cả sân ga Huế, ngoài ga Huế...

Nhưng rộn ràng nhất là những chàng trai, cô gái Huế, đa số là học sinh của các trường Quốc học (lúc đó còn gọi là trường Khải Định), trường Lê Đình Khánh (nay là trường Trưng Vương), cả trường Việt Anh, Thuận Hóa...

Nữ sinh và các chị tiểu thương thì bận áo dài, đám con trai thì nhiều cậu vẫn áo dài đen, quần trắng, đi guốc như những buổi đến trường khi già từ dịp hè. Khởi nghĩa 23-8 thành công. Chính quyền Trần Trọng Kim sụp đổ. Hầu hết các trường đều đã đóng cửa, nay đầu tháng 9 rải rác vài trường đã mở, nhưng lại vắng trò vì thiếu thầy. Trường Quốc học và Đông Khánh đã trở thành trụ sở của đơn vị Thanh niên tiên tuyến thời Phan Anh, nay chuyển thành nơi giao tế lo việc nuôi quân của Chi đội Trần Cao Vân đóng chính ở đồn Phan Đình Phùng vốn là trại lính Tây thời Pháp mang tên đồn Decourcy, tên tướng đánh chiếm kinh đô triều Nguyễn ngày 7-5-1885 (Chi đội Trần Cao Vân sau chuyển xuống Mang Cá).

Kể từ ngoài Bắc vào miền Trung lúc đó, Trung đoàn gọi là Chi đội (như Nghệ An có Chi đội Đội Cung, Quảng Bình Chi đội Cờ Tám, Thừa Thiên - Huế Chi đội Trần Cao Vân).

Tin thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, Nam Bộ lan rất nhanh khắp nước. Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi cả nước dốc sức ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam. Hầu hết các tỉnh miền Bắc và miền Trung đều lập "Phòng Nam Bộ", ghi tên những người tình nguyện vào Nam giết giặc.

Danh nghĩa là tình nguyện, nhưng các đơn vị Nam tiến được tổ chức hết sức chặt chẽ, tất nhiên hầu hết là thanh niên khỏe mạnh, hăng hái, đã được huấn luyện quân sự và ít nhiều có kinh nghiệm chiến đấu (nhưng ngày đầu với những chuyến tàu Nam tiến đầu tiên thì tiêu chuẩn đúng là như thế, nhưng các chuyến sau thì tiêu chuẩn "đã được huấn luyện quân sự và chiến đấu" nhường cho tiêu chuẩn yêu nước, căm thù giặc, nhiệt tình cách mạng, bảo vệ phần đất ruột thịt của Tổ quốc).

Mỗi tỉnh đều tự lo cho đơn vị Nam tiến của mình, nhất là về vũ khí phải là loại tốt nhất, còn quần áo cũng tùy địa phương, tỉnh, nhưng hồi ấy đa số là học sinh, sinh viên và viên chức trẻ của thành thị nên Nam tiến đánh giặc mà... rất diện : quần áo ka-ki, đi ghệt bó ống quần dưới vào trong. Giày thì là giày da tự đóng hay giày sắn-đá của lính Tây, của hàng binh Nhật, gọi là brodequin, đế đóng đinh. Súng ống thì do đơn vị lo, nhưng nhiều "cậu" sắm súng lục riêng, đeo

xệ bên hông, có cậu còn xoay được cả kiếm Nhật. Dường như khó phân biệt chỉ huy với đội viên. Đặc biệt có đại đội thuộc Chi đội Đội Cung ở Vinh, lại đi xe chở lính của Nhật trước đây, các "cậu" đều đội mũ vải theo kiểu lính Nhật, phía sau mũ có hai mảnh vải bay phất phới, khi xe vô Huế, qua cầu Tràng Tiền đám thanh niên xứ Huế "lác mắt", nói chỉ đến các o cũng... mê mê.

Có thể nói đoàn tàu hỏa Hà Nội khởi hành đêm 26-9-1945 là đoàn tàu lịch sử mở đầu cho cuộc kháng chiến chống Pháp toàn quốc. Ghé ga Nam Định nhận thêm đơn vị Ninh Bình - Nam Định, vào ga Thanh Hóa, Vinh hay Đông Hới, Huế, Đà Nẵng. Quảng Ngãi, Bình Định, ga nào cũng có đơn vị Nam tiến địa phương đón sẵn.

Nam tiến là hình ảnh toàn dân, cả nước ra trận. Dù các thành phần, các giới nhập quân tự nguyện, cả đám thiếu niên 13, 14, 15 tuổi "nhập chui" vì không ai tuyển, nài ni xin làm liên lạc. Lại có cả các cô gái vốn là nữ sinh trường Đồng Khánh thàng áo sơ-mi trắng, váy ngắn dưới đầu gối màu xanh dương, các cô Đà Nẵng thì quần dài và sơ-mi trắng, có cô bận cả quần soọc trắng với cái mũ ca-lô trắng.

Chuyến tàu đầu tiên đó vào đến ga Huế trưa 29-9-1945, chỉ đội Trần Cao Văn đặc cử Chi đội trưởng dẫn một đại đội theo đoàn Nam tiến, do anh Cao Văn Khánh phụ trách, người sau này là Đại đoàn trưởng Đại đoàn 27... Hồi đó, xe lửa còn vào tới Biên Hòa và liên tiếp ngày đêm các chuyến tàu Bắc - Nam đưa các đoàn quân Nam tiến ra trận, với các Chi đội giải phóng quân của hầu hết các tỉnh phía Bắc, miền Trung vào đến Quảng Ngãi, Bình Định. Hân anh em Nam tiến hồi đó nay đã cao tuổi khó ai quên được các chỉ huy trẻ tuổi của Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân như Thu Sơn, Hoàng Đình Rong (Vũ Đức), Hoàng Thơ, Nam Long, Đàm Quang Trung, nhất là Vy Dân (đã hy sinh vào tháng 3-1947 trong trận Tú Thủy)...

Chi đội Nam tiến đầu tiên của chuyến tàu đêm 26-9-1945 xuất phát từ Hà Nội cũng là đơn vị đầu tiên vào miền Đông Nam Bộ, chiến đấu ở cầu Bình Lợi và Xuân Lộc, sau này chuyển ra Phan Thiết, chiến đấu ở Nha Trang và đường 21, Buôn Ma Thuột, gồm các đại đội của Hà Nội, Bắc Sơn và Bắc Cạn.

Các chuyến sau thuộc các Chi đội Quảng Ngãi và Bình Định thì chiến đấu ở Bắc Sài Gòn, Dầu Tiếng và Nam Tây Nguyên...

Nhớ lại **CHẶNG ĐƯƠNG NAM TIẾN**

Giáo sư, Thiếu tướng ĐOÀN HUYỀN

DI TRÌNH SÁT BIÊN HÒA BỊ ĐỊCH BẮT VÀ ĐƯA RA XỬ BẮN !

Ngày 23-10-1945, Biên Hòa bị quân Anh - Ấn chiếm đóng. Ngày 24-10, đồng chí Nam Long giao cho tôi đi trình sát thị xã Biên Hòa đồng thời tổ chức đưa số anh em thương binh ta còn kẹt trong bệnh viện về đơn vị.

Tôi đề nghị tìm một xe ngựa, người đánh xe phải là người tin cậy, để đưa tôi và một nữ cứu thương của Chi đội cùng đi. Xe này sẽ chở anh em thương binh ta về luôn. Chúng tôi cải trang làm thường dân. Tôi đóng vai người đánh xe trong bộ quần áo cộc đen mượn của anh đánh xe ngựa, chị Đức (sau này là vợ đồng chí Nam Long) mặc quần áo bà ba đen của nông dân Nam Bộ.

Từ Tam Hiệp lên thị xã Biên Hòa chỉ 6 km. Xe đảo một vòng quanh thị xã để quan sát địch, trước khi đến bệnh viện. Quân Anh - Ấn đã dàn hàng trăm xe thiết giáp và cơ giới các loại, cản ăng-ten trên xe tua tủa, nối đuôi nhau suốt cả chiều dài của đường phố chính thị xã Biên Hòa. Chúng chiếm đóng các công sở tối hôm trước. Thanh niên Tự vệ cuộc đột nhập ném lựu đạn vào thị xã, nên sáng nay chúng tuần tiễu lùng sục ráo riết. Tôi bảo anh đánh xe cứ phải tỉnh bơ mà đi, chúng có hỏi thì nói là từ Long Thành đến. Quan sát xong, khoảng 9 giờ sáng, xe chúng tôi đỗ ngay trước cổng bệnh viện. Bác sĩ, nhân viên bệnh viện vẫn làm việc như trước, chưa kịp có chủ trương sơ tán. Cùng chị Đức, tôi tìm thăm Tôn Thất Lương và Trần Văn Xuân. Mặt Lương sưng vù bồng cá đầu và cổ. Tôi ôm hôn Lương, thương quá. Ánh mắt Lương sáng lên sung sướng thay lời, vì không nói được. Bỗng tiếng ra rả ở trong ra cổng, tôi ngạc nhiên thấy bọn lính Anh - Ấn bao vây quanh hàng rào sát bệnh viện, chĩa súng vào

trong, tư thế quỳ bần. Một tốp với súng tiểu liên Tô-m-xon và Mi-tô-rai-dét cầm tay xóc xộc thọt qua cổng, đang tiến vào, đi đầu là một sĩ quan cao to cầm súng ngắn. Tôi báo ngay chị Đức : "Dịch lòng sục vào đây, chị đóng vai y tá, lấy áo khoác trắng mặc vào, còn để mặc tôi!".

Tức thì, tôi chạy tìm ông bác sĩ giám đốc bệnh viện và nói : "Tôi là bộ đội mình, vào thăm anh em thương binh để đưa về, chưa kịp báo cáo với bác sĩ. Dịch có hỏi, xin ông nhận tôi là người phục vụ nhà bếp". Nhìn tôi, ông gật đầu đồng ý. Tôi chạy ngay ra phía sau, tìm nhà bếp nhưng không biết đường, nên cứ xộc vào một cổng nhỏ dẫn vào một nhà tắm tất, có một lầu, trong khuôn viên bệnh viện. Bà chủ nhà trông có vẻ thanh lịch, trạc tuổi 50, nhìn tôi ngạc nhiên. Nghi bụng là vợ ông bác sĩ giám đốc, tôi nói ngắn gọn : "Tây lòng vào đây, tôi là bộ đội đi thăm anh em thương binh, nhờ bà cho tôi một chỗ lánh trong nhà", Bà tỏ ra sợ sệt ngơ ngàng vội xua tay : "Tôi không biết...". Chợt một cô gái khoảng 16 tuổi, dáng nữ sinh, rất duyên dáng xuất hiện. Cô nhìn tôi với đôi mắt dịu hiền thông cảm : "Giúp anh đi mẹ!". Bà vợ ông bác sĩ vẫn xua tay : "Không được đâu!". Cuộc đối thoại diễn ra rất nhanh, bằng mắt và cử chỉ nhiều hơn bằng lời. Nhưng tôi còn kịp nhận ra đôi mắt thất vọng của người con gái ấy. Tôi tự nhắc phải bình tĩnh và đi theo một hành lang dẫn đến một dãy buồng bệnh nhân. Thấy một người bê cơm, tôi liền theo họ đến chỗ dọn cơm và thức ăn, thì chạm trán ngay phải tốp đi lòng sục. Nhìn thấy có ông bác sĩ cùng đi với tên sĩ quan mặt đỏ gay, tôi yên trí. Không ngờ, khi tên sĩ quan người Anh chỉ tay vào tôi và hỏi : "Có phải là người của bệnh viện ông không?" (do một tên Tây lai thông dịch lại bằng tiếng Pháp), ông bác sĩ áp ứng không ra lời. Tôi cố ý nhìn chằm chằm vào đôi mắt ông, mong có thể động viên ông giữ lấy lời hứa. Nhưng mặt ông tái xanh, ông trả lời "không". Thế là tôi bị còng tay dẫn về nhà lao Biên Hòa. Không thấy chị Đức đâu cả, tôi mừng thầm và yên trí chị đã đóng gói vai y tá hơn tôi. Phải chăng vì tôi không kịp tìm để khoác vào người cái yếm dài trắng của nhân viên nhà bếp, nên đã không hóa trang đúng vai diễn của mình?

Nằm trong cũi sắt ở nhà lao rộng hơn 2 m², chỉ được chiếu ánh sáng hắt qua lỗ chấn song trên cao rơi xuống, tôi cứ lo không biết chị

Đức xoay xở ra sao và có tìm cách đưa được Lương và Xuân về Tam Hiệp hay không. Bỗng tôi sực nhớ có miếng giấy con anh Nam Long trao cho tôi trước khi đi Biên Hòa, trong đó có vẽ sơ đồ chỉ dẫn đường về vị trí mới của đơn vị ở chiến khu Vĩnh Cửu, miếng giấy ấy vẫn còn để quên trong túi quần. Tôi vội vàng lấy ra nhai ngấu nghiến để kịp nuốt thật nhanh, thì nghe có tiếng gót giày lộp cộp của bọn lính gác. Chúng mở cửa gọi tôi đi theo chúng. Cũng tên sĩ quan người Anh đã bắt tôi cùng tên phiên dịch Tây lai ấy, khảo tôi hôm nay. Một tên khác lực lưỡng hơn, mặt hầm hầm, đứng bên cạnh nhìn tôi chẳng nói năng gì. Để cảnh cáo, nó nện luôn cho tôi mấy cú rất đau vào bụng, vào mắt. Không kịp gồng người để chịu đòn tôi ngã lăn xuống sân nhà. Nó dựng tôi dậy và nện cho một chấu nữa. Tên phiên dịch nói theo lời tên sĩ quan Anh: "Bây giờ thì tùy thuộc ở mày. Khôn hồn thì khai thật nói hết, không thì chết với ông lớn!". Tôi đã chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng cho mình và nội dung từng lời khai báo. Tôi đã xác định cho mình phải thật vững vàng trước kẻ thù và trước sau như một, theo nội dung lời khai đầu tiên: "Tôi ở Long Thành, đánh xe ngựa, có đứa em 18 tuổi con bà thím bị đạn lạc, bị thương trên đường đi lên thành phố. Nghe tin đã được đưa về bệnh viện Biên Hòa, nên bà thím nhờ tôi lên đây kiếm nó". Nó hỏi thêm, tôi cũng chỉ nói vậy thôi.

- "Mày là Việt Minh, phải nói ra, không nói thì ông đánh cho chết bỏ".

- Tôi chỉ biết chần ngựa từ nhỏ, lớn lên đánh xe ngựa kiếm sống. Tôi chẳng biết gì về Việt Minh cả.

Nó lại đánh tôi một chấu nữa, lần này tôi cố chuẩn bị để chịu đựng, cố tránh những đòn nguy hiểm, đến khi tôi quy xuống chúng mới thôi. Chúng còn đe: "Cầm miệng thì sẽ biết tay!", xong cho dẫn tôi về lại xà lim thì trời đã xế chiều.

Bị tra khảo tất cả 5 lần, tôi cứ chịu trận chứ quyết không nói gì khác với ngày đầu. Có lần tôi nghe chúng nói với nhau: "Dù sao thì cũng có thể dùng nó dẫn đường cho ta". Bao giờ tôi cũng tỏ ra khờ khờ, tỏ ra không hiểu gì về nội dung chúng trao đổi với nhau. Thấy chúng không chú ý gì về đời thân tâm bèn tôi nghĩ tôi đã mừng

thăm, nhưng còn đôi bàn tay cầm bút của mình thì sao ? Có lần nó nhìn mặt tôi rồi bảo tôi giỡn bàn tay ra xem. Tôi đã phòng trước, chà tay xuống sàn xà lim cho nó sần sùi và bẩn đi. Nó rờ nắn mấy ngón tay tôi, nhìn nhau rồi hỏi : "Sao tay mày không có nốt chai ?". Tôi chỉ nói : "Cha sinh mẹ đẻ, tôi chỉ biết chôn ngựa và lớn lên đánh xe ngựa, không làm gì khác". Hình như câu trả lời đó tạm giải tỏa mối ngờ vực của chúng. Về xà lim, tôi mừng thăm đã trả lời thông suốt qua cuộc "thi khảo" này, nhưng rất lo nó bắt mình dẫn đường. Tôi nghĩ mình có đi trinh sát địa hình một lần từ Tam Hiệp (Biên Hòa) đến Long Thành với anh Nam Long bằng xe hơi, chạy trên đường chứ có biết gì hơn. Không dẫn thì lộ tẩy Việt Minh, dẫn thì dù là trường hợp bất khả kháng, ai hiểu cho mình ? Đồng bào đồng chí sẽ nhìn mình ra sao đây ? Hơn nữa lỡ ngờ đi lung tung thì cũng sẽ bị nó bắn bỏ tại chỗ ! Để bảo toàn khí tiết, tôi cân nhắc giữa hai cách xử trí : tự treo cổ lên song sắt xà lim hoặc tìm cách trốn trên đường đi. Cuối cùng tôi hạ quyết tâm chọn cách xử trí thứ hai, nếu phải đi dẫn đường. Cách thứ hai khôn ngoan hơn vì mình còn có cơ may trốn thoát được, lỡ có bị giặc bắn chết thì vẫn bảo toàn được khí tiết. Như vậy, tôi cảm thấy hoàn toàn thanh thản trước lương tâm, không vấn vương gì nữa.

Một tuần đã qua, mấy lần tra khảo không đạt được kết quả gì hơn, chúng đặt tôi trước sự lựa chọn giữa cái sống và cái chết ! Như 3 lần trước, lại một lần đánh đập tra khảo nữa. Chúng cũng không moi được gì thêm. Trên đường dẫn tôi về xà lim, chúng đưa tôi ra một hố đào sâu một mét và nói : "Hố này dành cho mày, nếu ngày mai mày cứ cầm miệng ! Ngày mai mày sẽ bị xử bắn ! Hãy chọn lấy !".

Giữa cái sống và cái chết, tôi đã sẵn sàng từ lâu. "Thà chết vinh hơn sống nhục" như một tiếng gọi của non sông, tử hôn thiêng của bao anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống, vẫn văng vẳng trong tai tôi. Trong những ngày sống trong ngục tối, tôi đã nhớ lại những câu bưng bưng hùng khí của Trần Hưng Đạo, của Nguyễn Trãi... Hình ảnh hiên ngang của Trần Bình Trọng trước kẻ thù xâm lược, tấm gương anh hùng bất khuất trong truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc từng được học trong sách giáo khoa thu lớp 3 đã khắc sâu

vào tâm trí tôi từ thời thơ ấu : "Tao thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc". Rất tự tin và bình thản, tôi tự nhủ : "Vi nước, ta sẵn sàng hy sinh. Trước họng súng của kẻ thù, hãy tỏ ra hiên ngang, bất khuất !".

Sáng hôm sau, tôi được đưa đến trước cái hố mà chúng đã chỉ cho tôi ngày hôm trước. Cái hố mới đào, đất đỏ tươi, đang chờ tôi ngã xuống. Theo lệnh tên chỉ huy, 6 tên lính Ấn quần khăn vàng đã xếp hàng ngang trước mặt tôi. Tôi đứng thẳng người, ngẩng cao đầu nhìn thẳng vào kẻ thù. Một thoáng, tôi nghĩ tới cha mẹ tôi, tôi đồng đội, núi sông, đất nước. Nhớ lời dặn của ba tôi : "Con hãy vững vàng". Tư tưởng đã được xác định vững vàng, tôi không mảy may sợ sệt, lòng thanh thản lạ thường ! Muôn triệu người Việt Nam đã suy nghĩ và hành động như thế đấy. Sức mạnh của truyền thống anh hùng bất khuất từ ngàn xưa của dân tộc được trí tuệ của Cách mạng phát huy đến cao độ đã đánh bại mọi kẻ thù xâm lược hung bạo.

Tên chỉ huy nhìn tôi nói : "Mày có thể nói lời cuối cùng". Tôi thản nhiên, trầm tĩnh : "Tôi đã nói tất cả, tôi không còn gì thêm để nói".

Tên chỉ huy hô to một khẩu lệnh. Chúng lên đạn, họng súng giương lên, ngắm vào tôi, tay cò đã sẵn sàng. Tôi ngẩng đầu lên cao hơn, nhìn trời xanh của Tổ quốc để chào lần cuối cùng. "Bắn !" một tiếng hét to vang lên. Nhưng sao lặng thinh ? Chúng đã bóp cò, tôi đã sẵn sàng hô to khẩu hiệu nhưng đạn không nổ ! Tên chỉ huy nhìn chằm chập vào tôi rồi cho hạ súng. Nó đang nghĩ gì ? Có lẽ cả bọn chúng không thể không ngạc nhiên trước một tên tù đứng trước họng súng, bị bắn mà thản nhiên kỳ lạ như vậy. Bán thân tôi cũng bất ngờ không nghĩ tới tình huống nó bán dọa như vậy. Tôi mừng thầm, rất mừng vì đã thắng được bán thân và thắng kẻ thù trong cuộc thử thách này.

Có lẽ tên chỉ huy còn đang ngỡ ngàng trước cảnh tượng này nên nó không nói ra lời, chỉ ra hiệu lệnh bằng tay cho đất tôi trở về xà lim.

Từ khi tôi bị giam, tù nhân có một tên lính Ấn quần khăn vàng gác cổng xà lim. Không hiểu sao hôm nay, nó ra hiệu cho mở

cửa. Nó nhìn tôi với đôi mắt thiện cảm và chìa cho tôi một miếng thuốc, bật lửa mời tôi hút. Tôi chấp hai tay cảm ơn theo kiểu nhà Phật, và cười đáp nụ cười của nó. Nó lăm lăm vai tiếng, không hiểu nó muốn nói gì. Lại còn một thử thách nào mới chăng? Vấn phải cảnh giác, chờ đón mọi tình huống mới có thể xảy ra để chủ động đối phó.

Sáng hôm sau, tôi lại được dẫn đến phòng tra khảo cứ như các lần trước. Tôi chờ đợi bị thêm một đòn tra tấn nữa. Nhưng không, lần này không phải những cú đấm đá mà là một đòn bất ngờ khác. Nhìn thẳng vào mắt tôi như để dò xét điều gì, bỗng tên sĩ quan chỉ huy nói bằng tiếng Pháp: "Maintenant tu es libre. Tu es libéré" (Bây giờ mày được tự do, mày được thả). Vẫn với cái bộ khù khờ trong vai diễn, tôi làm như không nghe biết gì cả. Nó lặp lại câu nói đó: Đây là một đòn tâm lý! Tôi vẫn lặng thinh, giương đôi mắt ngờ nghệch nhìn tên chỉ huy và tay phiên dịch. "Bây giờ mày được tự do, mày được thả! Ông lớn nói như vậy". Tên phiên dịch nói tiếng Việt lại với tôi. Lúc này tôi mới tỏ ra vui mừng trên nét mặt. Nó tuân tiếp cái giọng điệu cổ truyền của bọn xâm lược: "Ông lớn đến đây để chống Việt Minh, bảo vệ dân lành. Không được theo Việt Minh, đừng nghe Hồ Chí Minh, phải theo Ông lớn, lương thiện làm ăn thì được yên thân". Chấp hai tay trước ngực như tập quán của con nhà Phật, tôi chỉ nói mấy lời: "Từ nhỏ đến lớn, tôi luôn luôn sống lương thiện, chỉ biết làm ăn lương thiện, không bao giờ làm điều sai trái". Tôi cố nèo thêm: "Tôi lên Biên Hòa chỉ mong kiếm được em tôi bị tai nạn, xin đưa nó về quê". Nó cắt ngay lời tôi: "Mày thoát chết, còn muốn gì nữa, khôn hồn thì rút đi ngay!". Thế là tôi thoát thân, nhưng chưa đưa được anh em thương binh về đơn vị. Hình ảnh của Tôn Thất Lương vẫn ám ảnh tôi mãi.

Ra khỏi nhà lao, trời đã xế chiều. Tôi nhanh chân về Tam Hiệp - Vinh Cửu. Chị Đức, anh Nam Long và anh em trong đơn vị ôm chầm lấy tôi, mừng ra nước mắt. Tin tức báo về Huế thế nào mà Bích Hoàn, cô em gái tôi, nghe anh đã hy sinh, khóc lóc xin vào Quân Giải phóng, Nam tiến cho được. Cô được chấp nhận cùng với một cô bạn Đồng Khánh vào làm cứu thương và theo trung đội anh Võ Quang Hổ vào mặt trận Nhà Trông tháng 10-1945. Tôi đi xa anh em qua 30 năm xa cách, sau ngày Giải phóng 1975, mới được gặp lại nhau.

Mừng mừng tủi tủi, sung sướng khôn cùng ! Sung sướng vì niềm hạnh phúc chung của đất nước, sung sướng vì đã không hề hổ thẹn với lời nguyện sơn sắc thời trai trẻ. Sau Mặt trận Nha Trang, cô nữ sinh Đông Khánh ấy hồi nào, đã liên tục hoạt động trong lòng địch, rồi công tác bí mật trong nội thành Sài Gòn, 3 lần vào tù ra khám vẫn một lòng kiên trinh toàn vẹn.

Ngẫm lại bước thử thách vừa trải qua, trước những nét trong sáng và u tối còn xen lẫn, đang đấu tranh với nhau trong cuộc sống thực tại, tôi tự giải đáp cho những băn khoăn của bản thân và tự xác định một lòng tin.

VỀ MỘT THÁNG MỞ ĐẦU CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

HỒ SƠN ĐÀI

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai được khởi đầu từ một địa điểm xác định : thành phố Sài Gòn. Quân và dân Sài Gòn, chính xác hơn là Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, đã "đi trước" trong cái "đi trước" của cả Nam Bộ "Thành đồng" trong cuộc chiến tranh giải phóng của toàn dân tộc kéo dài đúng 30 năm.

Ý định trở lại xâm lược Đông Dương của giới tư bản quân phiệt Pháp được nuôi dưỡng ngay từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng. Nhờ sự giúp đỡ của quân đội Anh và sự hứa hẹn viện trợ của quân đội Mỹ, Pháp quyết tâm tái lập ách thống trị thực dân kiểu cũ ở Việt Nam, mơ tưởng bòn rút sức người sức của ở khu vực này để hàn gắn vết thương chiến tranh, hầu cứu vãn nền kinh tế - xã hội Pháp vừa bị cuộc chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá nặng nề.

Quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã mở đầu cuộc kháng chiến trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt phức tạp : toàn dân vừa bước ra khỏi thế kỷ nô lệ với sự uy hiếp của nạn đói, nạn dốt và nạn ngoại xâm ; chính quyền cách mạng còn non trẻ ; các tổ chức chính trị cơ hội, phản động âm mưu ngóc đầu dậy, các lực lượng vũ trang phức tạp và nhiều tổ chức nằm ngoài sự kiểm soát của Nhà nước Cộng hòa mới được thành lập. Chỉ có thuận lợi cơ bản : dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản vừa mới ra công khai, khí thế cách mạng quân chúng đang ở thế cao trào, cả Sài Gòn đang choáng ngợp, say sưa dưới bầu trời tự do, độc lập.

Trong khoảng thời gian 28 ngày hưởng quyền tự do, độc lập (26/8 - 22/9), những người lãnh đạo cách mạng đã làm được nhiều việc then yếu : Thành lập Ủy ban Giải phóng Miền Nam Ủy ban Chính Nam Bộ do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch rồi đổi thành Ủy ban

Nhân dân Nam Bộ do Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch ; thành lập lực lượng vũ trang cách mạng (bộ đội Tổng công đoàn của Nguyễn Lưu ở nội thành và các bộ đội Cao Đức Lộc, Huỳnh Tấn Chùa, Tô Kỳ, Nguyễn Văn Thuộc, Huỳnh Văn Một, Phạm Văn Khung, Nguyễn Văn Công, Thái Văn Lung, Đào Sơn Tây, Trần Thảng Minh, Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Mạnh và bộ đội Cộng hòa Vệ binh ở ngoại thành) ; đấu tranh kiên quyết và khôn khéo với các tổ chức chính trị, vũ trang khác (thừa nhận các "sự đoàn" Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ) ; đập tan âm mưu của một số phe nhóm, đảng phái phản động cơ hội (Tư-rốt-kit, Cao Đài, Hòa Hảo...) ; tản cư người già trẻ em và di chuyển một số tài liệu máy móc ra khỏi thành phố. Đó là những bước chuẩn bị quan trọng của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trước khi chính thức bước vào cuộc kháng chiến.

Hội nghị Cây Mai diễn ra gần như cùng lúc với tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ran trong thành phố. Tại Hội nghị ấy, đồng chí Trần Văn Giàu và nhiều đại biểu Nam Bộ khác đã kiên quyết đấu tranh giữ vững lập trường đề nghị Hội nghị quyết nghị phát động ngay cuộc kháng chiến. Quyết định của Hội nghị Cây Mai và của Trung ương Đảng sau đó đã kịp thời vạch mở một hướng phát triển cho cuộc kháng chiến trong thời khắc có ý nghĩa quyết định đòi hỏi một sự chọn lựa của lịch sử.

Guồng máy cuộc kháng chiến ở Sài Gòn do đó được khởi động ngay sáng ngày 23 tháng 9. Trong tuần lễ đầu tiên, cuộc kháng chiến đã diễn ra khá toan diện và gặt hái những thành tích to lớn, mặc dù lối đánh, kỹ chiến thuật của nhân dân và lực lượng vũ trang còn ấu trĩ, ngây thơ. Điều đặc biệt là tất thảy tầng lớp nhân dân, từ cụ già đến em bé, từ nhân sĩ, trí thức, thầy tu đến "kẻ bụi đời", "anh chị", lực lâm... đều hăm hở bước vào cuộc kháng chiến với tinh thần bồng bột say sưa, với tâm hồn trong sáng, với khí phách của những tráng sĩ Kinh Kha ra trận.

Góp sức với Sài Gòn, các tỉnh Nam Bộ và cả nước đã dồn đổ sức người, sức của về các chiến tuyến bao quanh thành phố. Những đoàn quân Nam tiến, những phong trào "tuần lễ"... đã góp phần làm cho cuộc kháng chiến ở Sài Gòn mang tầm vóc cả nước, cả nước kháng chiến ở Sài Gòn.

Cùng với mặt trận nội đô vẫn diễn ra sôi động và ngày càng quyết liệt là sự hình thành bốn mặt trận bao vây xung quanh thành phố.

Mặt trận số 1 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định hay mặt trận miền Đông) kéo dài từ ngã ba sông Thị Nghè đến cầu Bông. Ranh tuyến bên trái trái dọc sông Sài Gòn, quốc lộ 13 từ ngã ba Thị Nghè, ngã ba Hàng Xanh, cầu Bình Triệu. Ranh tuyến bên phải từ cầu Kiệu ra ngã tư Phú Nhuận, ngã ba Chú Ía, ngã năm Chuông Chó đến An Nhơn đi Lái Thiêu. Trên mặt trận này, đồng bào xây dựng chiến tuyến (đào hầm hố, đắp mô) thành nhiều tầng, dựa trên ba trục chính : trục đường 13 (khu vực Thị Nghè, Hàng Xanh), trục Cầu Bông, Bà Chiểu, cầu Hàng Gòn Vấp đến cầu Bến Phàn ; trục cầu Kiệu, Phú Nhuận, ngã ba Chú Ía ra An Nhơn.

Chiến đấu tại mặt trận này gồm các bộ đội Nguyễn Văn Dung, bộ đội Trần Cao Văn, bộ đội Hoàng Cao Nhã, bộ đội Hoàng Mạch, bộ đội Triệu Cái, bộ đội Thị Nghè (Nguyễn Bản), bộ đội Ba Nhỏ, bộ đội Hai Rím (đại đội dân tộc thiểu số Thủ Dầu Một), bộ đội An Điền (Thủ Đức). Ngoài ra còn có lực lượng Đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp và bộ đội HT29 (Hồng Tảo, 29 tuổi, chỉ huy). Bộ chỉ huy mặt trận tiền tuyến miền Đông gồm Nguyễn Đình Thấu (chỉ huy trưởng), Phan Văn Nam, Nguyễn Văn Công, Phạm Văn Khung (chính ủy), Nguyễn Hòa Hiệp, Hồng Tảo, Chỉ huy sở đặt tại Gò Vấp, sau chuyển về An Phú Đông.

Xa hơn, về phía Thủ Đức, có bộ đội Nam tiến, bộ đội Đào Sơn Tây, bộ đội Trần Thăng Minh, bộ đội Thái Văn Lung...

Mặt trận số 2 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến phía Bắc hay mặt trận Tham Lương), án ngữ cửa ngõ quốc lộ 1 đi Tây Ninh, Campuchia, khu vực Bà Điểm, Hóc Môn và trục lộ 15 từ chợ Cây Xoài đến Quán Tre, Trung Chánh. Dọc từ ngã tư Bảy Hiền đến cầu Tham Lương, các chiến sĩ cùng với đồng bào địa phương lập các chiến tuyến dày đặc, phá bung nhiều đoạn đường trên quốc lộ 1, đặc biệt ở khu vực cầu Tham Lương.

Tại mặt trận này, nhân dân tự vũ trang, xây dựng lực lượng bằng cách tập hợp thành từng nhóm đánh giặc lấy súng và mìn vũ khí của Nhật, phát triển thành phong trào. Khu vực Bà Quẹo, Phú

Thọ Hòa, Tân Sơn Nhì có bộ đội Năm Bội, Tư Báu, Tư Thuộc, Tám Đào, Tám Don, Bảy Ứng ; ở Bà Điểm có bộ đội Huỳnh Tấn Chùa ; ở Hóc Môn có bộ đội Cao Đức Lược, Sáu Ngói, Sáu Bằng ; ở Tân Mỹ, Bình Mỹ có bộ đội Tô Kỳ (gồm cả lực lượng Nguyễn Văn Bứa, Phan Hữu Hòa, Võ Văn Cửa) ; ở Đông Thạnh có bộ đội Bảy Mỹ ; ở An Phú xã có bộ đội Bảy Sanh, Sáu Xai. Xa hơn, phía Đức Hòa, có bộ đội Huỳnh Văn Một. Số đông trong cán bộ chỉ huy các bộ đội trên là đảng viên cộng sản bị tù đày vừa được thả ra sau ngày Nhật đảo chính 9-3-1945 hoặc sau Cách mạng Tháng Tám. Chất lượng chính trị của bộ đội rất cao. Đây là lực lượng tiền thân của Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa.

Bộ chỉ huy mặt trận tiền tuyến phía Bắc có Nguyễn Văn Tư là chỉ huy trưởng. Chỉ huy sở đặt tại Phú Thọ Hòa.

Ngoài ra, hoạt động ở khu vực Phú Thọ Hòa còn có bộ đội Lê Văn Viên (gồm cả lực lượng của Dương Văn Ty ở Chợ Đũi, Nguyễn Phú Duyên và Thái Sĩ Từ ở Phú Thọ Hòa...). Khu vực Bà Queo có bộ đội Mười Trí (gồm cả lực lượng Tân Hòa, Vĩnh Lộc, Bà Queo).

Mặt trận số 3 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến phía Tây hay mặt trận Phú Lâm - Chợ Đệm) án ngữ lộ Đông Dương 16 và con đường sắt Sài Gòn - Mỹ Tho. Toàn tuyến mặt trận trải nối từ Tân Thới Hòa qua Phú Lâm, Tân Hòa Đông, Phú Định xuống An Lạc, Chợ Đệm, ngăn chặn hành lang chiến lược từ Sài Gòn xuống đồng bằng sông Cửu Long.

Chiến đấu ở mặt trận này có lực lượng Cộng hòa Vệ binh Nam Bộ do Trương Văn Giàu chỉ huy ; bộ đội Công đoàn do Nguyễn Lưu, Mười Thìn chỉ huy. Ngoài ra, còn nhiều bộ đội khác chiến đấu trong nội thành rút dần ra và từ các tỉnh miền Trung, miền Tây Nam Bộ lên. Chỉ huy trưởng mặt trận này do Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ Trần Văn Giàu trực tiếp kiêm, đặt chỉ huy sở tại đường Cây Mai. Khi trận tuyến phía trước bị vỡ, lực lượng chiến đấu Trương Văn Giàu kéo về lập tuyến ngăn chặn địch ở khu vực cầu Bình Điền, rồi xuống Gò Công. Lực lượng Tổng công đoàn còn lại do Nguyễn Lưu chỉ huy đưa bộ đội về khu vực Gò Cát.

Mặt trận số 4 (còn gọi là mặt trận tiền tuyến phía Bắc) - Chợ

Lớn hay mặt trận phía Nam, mặt trận Bình Đăng, mặt trận cầu Chữ Y) trải dài từ xóm Kinh Tế đến đầu cầu Chữ Y và cầu Bình Đăng. Các chiến tuyến của ta được bố trí từ ngã ba Kinh Tế - sông Sài Gòn đến bến đò Tân Quy, từ cầu Chữ Y đến cầu Hiệp Ân (bác huyện ly Nhà Bè và bắc quận Tám ngày nay), đối diện với quân Pháp cách con sông từ thượng cảng đến cảng xà lan, nhà đèn Chợ Quán.

Chiến đấu chủ yếu trên mặt trận này có lực lượng vũ trang tại địa bàn Nhà Bè và lực lượng vũ trang tại địa bàn Cần Giuộc. Lực lượng vũ trang Nhà Bè gồm bộ đội Bình Xuyên Dương Văn Dương (xóm Bến Đò cầu Rạch Dĩa), bộ đội Trần Văn Đối (Tân Thuận, gồm cả bộ đội Sáu Đối và Sáu Thơ), bộ đội Quách Văn Phải (Tân Quy, gồm cả lực lượng Chín Phải, Tám Mao, Năm Mười Ba), bộ đội Nguyễn Văn Soái (Phú Xuân), bộ đội Đoàn Văn Ngọc (Tân Thuận, gồm cả lực lượng Chín Mập, Dương Văn Đức), bộ đội Chín Hiệp (bến đò Tân Thanh, ngã ba rạch Ba Lao - Rạch Dơi), bộ đội Mười Đen (khu vực kho cảng), bộ đội Ngô Văn Lực - Võ Văn Môn - Nguyễn Văn Hoe (Thủ Thiêm), bộ đội Nguyễn Văn Huỳnh... Lực lượng vũ trang Cần Giuộc gồm bộ đội Bình Xuyên Nguyễn Văn Mạnh (Chánh Hưng), bộ đội Tư Hoạch (cầu Ông Thìn), bộ đội Trương Văn Bang (Cần Giuộc) và bộ đội Bảy Trần (cầu Bình Đăng).

Chỉ huy trưởng mặt trận do Nguyễn Văn Trần phụ trách. Chỉ huy sở đóng tại khu vực cầu Bình Đăng, sát cạnh liên tỉnh lộ 5a Sài Gòn đi Cần Giuộc.

Bốn mặt trận bao quanh thành phố tạo thành một vành đai nhốt chặt quân địch tại chỗ. Các vị trí xung yếu của vành đai này là các cầu - cửa ngõ nối thành phố với các tỉnh bên ngoài. Từ các chiến tuyến, quân ta vừa tổ chức ngăn chặn bẻ gãy các cuộc tiến công giải tỏa vòng vây của địch, vừa đưa các mũi len lõi thọc sâu vào thành phố tập kích các vị trí quân sự, cơ sở kinh tế kho tàng rồi nhanh chóng rút ra. Các trạm chốt trên vành đai còn làm nhiệm vụ tiếp chuyển đồng bào trong thành phố tản cư ra ngoại ô, tiếp nhận hàng hóa tiếp tế của các cơ sở nội thành gửi ra vành đai nuôi bộ đội

<https://tieulun.hopto.org>

Chiến đấu bao vây quân địch trong thành phố Sài Gòn

diễn ra tròn một tháng, từ ngày 23-9 đến ngày 23-10 năm 1945, khi binh đoàn kỵ binh thiết giáp của đại tá Massu đến Sài Gòn và viên tư lệnh quân viễn chinh Pháp Leclerc đưa quân chọc thủng vòng vây Sài Gòn tiến chiếm các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Lịch sử một tháng đấu kháng chiến của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là lịch sử chuẩn bị và xác định quyết tâm kháng chiến ngay khi tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp vừa nổ, là lịch sử phát động một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, dưới nhiều hình thức và nỗ lực đưa mọi chi tiết của cuộc kháng chiến vào cỗ máy chung dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản, là lịch sử cuộc chiến đấu quyết liệt ghim chân quân địch và công cuộc xây dựng một Nhà nước Dân chủ Cộng hòa mới được thành lập, chuẩn bị thực lực cách mạng mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Có sự giúp sức của cả nước, một tháng trời chiến đấu, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ "đi trước" : nhốt quân địch trong thành phố, làm thất bại bước đầu âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của chúng, tạo ra khoảng thời gian quý báu để nhân dân Nam Bộ có điều kiện chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến sắp tới. Về phần mình, trong một tháng đi trước, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đã chuẩn bị cho chính mình một hành trang cần thiết, đó là thực lực cách mạng và sự từng trải để vững bước vào giai đoạn lịch sử mới, khi bước chân quân viễn chinh xâm lược, và cùng với nó là tiếng súng giao tranh của đôi bên đã vượt ra khỏi phạm vi thành phố.

Rõ ràng là thắng lợi trong một tháng đấu kháng chiến của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định ngoài nguyên nhân có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Xứ ủy Nam Bộ, Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, Tỉnh ủy Gia Định và cơ quan lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, phải kể đến một nguyên nhân khác, đó là lòng yêu nước tha thiết, là tinh thần dân tộc được kết vun từ trong quá trình lịch sử lâu dài, cộng với khí thế cách mạng đang ở thời điểm bùng nổ cao trào sau Tổng khởi nghĩa. Tinh yêu quê hương đất nước, lòng tự tôn dân tộc, cộng với trạng thái phấn chấn phá bỏ lối mòn mưu sách tầng lớp của những ngày đầu độc lập đã đưa nhân dân thành phố lao vào cuộc

tranh đấu vì lợi ích dân tộc như trào dâng thác cuốn. Điều đó có nghĩa trong đội ngũ những người kháng chiến có đủ mọi thành phần, và không phải tất cả trong số họ buổi ban đầu đều thừa nhận và chịu sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

BỘ ĐỘI AN ĐIỀN THỦ ĐỨC TRONG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

TRẦN VĂN QUỜI (1)

Thuở ấy, để chống giặc, ngoài các lực lượng vũ trang chính quy, còn có những nhóm người yêu nước ở các địa phương tự đứng ra thành lập những "bộ đội riêng". Bộ đội An Điền Thủ Đức nằm trong số đó. Nguyên là chỉ huy trưởng, tôi muốn kể về Bộ đội này, có sao nói vậy, hy vọng đóng góp ít nhiều về lại bức tranh toàn cảnh về các hoạt động vũ trang chống Pháp của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong những năm đầu.

1. "VỐN LÀ DÂN ẤP, DÂN LẦN

*Vốn chẳng phải quân cơ quân vệ,
theo dòng ở lính điều binh.*

*Gốc thiệt rờng dân ấp, dân lân,
mến nghĩa làm quân chiêu mộ."*

Nguyễn Đình Chiểu

(Văn tế nghĩa dân chết trận Cần Giuộc)

Năm ấy, chúng tôi là nông dân, công nhân, sinh viên, học sinh... Không khí hào hùng của những ngày khởi nghĩa và ngày lễ Độc lập, những vụ khiêu khích của thực dân Pháp... đã kích thích mãnh liệt bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ chúng tôi. Ngồi đưng không yên. Cần phải làm một cái gì đó!

(1) Nguyên chỉ huy trưởng Bộ đội An Điền.

Chúng tôi bàn nhau dựng một trạm kiểm soát trên con đường tắt Cầu Kênh - Thủ Đức, tại bến đò Bình Quới để đưa đón đồng bào trong thành phố đi tản cư theo lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, đồng thời ngăn chặn lương thực thực phẩm mang vào thành phố để triệt nguồn tiếp tế của địch. Chúng tôi còn treo băng kêu gọi thanh niên gia nhập bộ đội chuẩn bị đánh Pháp trở lại xâm lược. Trạm kiểm soát trở thành phòng mộ binh. Như bất cứ người nào còn trong độ tuổi hoa niên có chút bầu máu nóng, trong thời buổi ly loạn, chúng tôi có ước mơ quấn nhau với giặc với vũ khí trong tay. Qua bốn ngày có gần 80 thanh niên xin nhập ngũ. Chúng tôi nhất trí thành lập "Bộ đội du kích An Điền". Lấy tên này có nguyên do của nó : anh em trong "Bộ đội" đều quê ở tổng An Điền quận Thủ Đức và đa số là công nhân cao su, thêm chữ du kích dịch từ chữ Pháp "Guerilla" mà định nghĩa trong từ điển đã gọi trong đầu óc chúng tôi - những người không hiểu gì về nghề lính - một kiểu đánh nhau. Về vũ khí, chúng tôi có 30 khẩu cò lỏ - thời đó đã là quá giàu - cướp được của đồn cảnh sát Thủ Đức trong những ngày Nhật đảo chính Pháp, còn có thể tìm mua thêm của quân Nhật, quần áo và đồ dùng cá nhân mỗi người tự xoay sở lấy, ăn uống hoàn toàn dựa vào dân. Là quân "mộ nghĩa", tự nguyện tập hợp lại với nhau nên chúng tôi chọn chỉ huy bằng bầu cử, không phải báo cáo lên trên và chờ quyết định xuống. Tôi - Trần Văn Quới, làm chỉ huy trưởng và làm phó là anh Nguyễn Văn Hồi (Tám Hồi) - nhà quân sự nổi danh nhất của đơn vị, vốn là cai khổ đò từng tác chiến ở biên giới Thái Lan. Anh Tám Hồi phụ trách huấn luyện, sau này có thêm ba anh lính Nhật mang ba tiểu liên chạy theo ta, giúp sức. Ngoài hai trung đội chiến đấu, đơn vị cũng có những ban bộ như tình báo, hậu cần (lúc đó gọi là tiếp tế), cứu thương, tài chính... đặc biệt có thêm tổ sưu tầm vũ khí. Phụ trách các ban bộ này có những anh cũng hết sức đặc biệt như Nguyễn Văn Tài, dân Tây, cao to như Tây làm trưởng ban tình báo, đã góp phần rất lớn cho hiệu quả tác chiến của đơn vị v.v...

2. CUỘC THỬ LỬA ĐẦU TIÊN - TRẦN NGÃ BA BẾN ĐÒ

Bộ đội đang tập luyện thì được tin khoảng chiều ngày 18-9-45 quân Anh sẽ hành quân từ Thủ Đức đi về liên lạc với đơn vị Nhật đang đóng ở xã Linh Trung. Lúc đó chúng tôi nghĩ quân Anh cũng là

giặc vì đã tiếp tay với thực dân Pháp âm mưu đặt lại nền thống trị ở Việt Nam. Giặc đến là đánh, đánh phải thắng và phải lấy được súng.

Đúng như tin được báo, khoảng 2 giờ chiều, trời đang nắng gắt, ba xe chở đầy lính Anh - Ấn lù lù chạy vào trận địa. Theo đúng kế hoạch, lập tức đóng lá mía ở đầu Ngã ba đường xuống bên đò bùng cháy, cây dừa được cưa chặt sẵn gần đứt chờ địch đến kéo đổ ra giữa đường để chặn đoàn xe. Giữa lúc lính Anh - Ấn đang nhón nhào, toàn bộ súng đạn của Trung đội do Ngọc chỉ huy tập trung nổ vào hai xe đi đầu. Chiếc xe cuối cùng còn ngoài trận địa, vội lùi lại, bắn áp đảo vào mặt trận. Chúng tôi cũng đã từng chứng kiến những tiếng súng khiêu khích của thực dân Pháp ngày lễ mừng Độc lập 2 tháng 9 sau nhà thờ Đức Bà và tham gia tích cực lùng bắt chúng, nhưng đây là lần đầu tiên trên đời chúng tôi mới được nghe tiếng súng nhiều như vậy, tiếng đạn nổ các đùng liên hồi, chiu chiu xẹt ngang đầu và rất ngạc nhiên khi nghe nó nổ rất to ở đằng sau lưng. Mãi sau này mới biết đó là đạn "đum đum". Tôi và Tám Hôi cho trung đội rút lui dần về chỗ trú quân cũ. Tiếng súng im dần, trời cũng vừa tối. Chắc là giặc bị thương vong một số, riêng tổ trinh sát rút lui cuối cùng báo cáo là đã diệt được ba, bốn tên. Bên ta hy sinh năm người gồm tất cả anh em ở tổ phụ trách kéo đổ cây dừa và hai người phục kích bên vệ đường. Chủ tịch Quận ra tận trận địa tổ chức đưa anh em về trường tiểu học Thủ Đức làm lễ truy điệu và chôn cất ở ấp Bình Thọ trong khuôn viên nhà ông Ngưu. Tôi đặc biệt ghi lại điều này vì đó là những anh em Thủ Đức đầu tiên đã ngã xuống trên mảnh đất quê hương trong cuộc kháng chiến chống Pháp. ⁽¹⁾

Những mất mát đó không làm nhụt chí của người dân Thủ Đức chút nào. Sau cuộc thử lửa đầu tiên đó, số quân của Bộ đội du kích An Điền tăng lên gần ba trung đội. Đồng bào chăm lo cho bộ đội nhiều hơn vì "có tiếng nổ giết giặc, có bác rất mừng".

3. HÌNH THÀNH THỂ BAO VÂY SÀI GÒN

Sau khi đánh chiếm được các cơ sở quan trọng ở nội thành,

(1) Gia đình ông Ngưu đã chăm sóc và nuôi dưỡng các anh em du kích, đặc biệt là cho mai đến ngày đưa anh em về nghĩa trang liệt sĩ thành phố sau năm 1976.

giặc Pháp tập trung sức mở các cuộc tiến công đánh nóng ra nhưng bị quân dân các quân ven có sự chi viện của các tỉnh bạn chặn đứng, hình thành thế bao vây gần một tháng trời. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, từng đoàn quân Nam tiến của Hà Nội, các tỉnh miền Bắc, miền Trung lên đường chi viện cho miền Nam cũng có mặt trong đó có Bộ đội Nam tiến của Nam Long. Giặc Pháp bị cầm chân ở trong nội thành khốn đốn mọi bề, điện nước chập chờn, lương thực thực phẩm thiếu thốn, đêm ngủ không yên vì những cuộc tiến công của các đội cầm tử của ta.

Được viện binh từ chính quốc gửi sang, ngày 18-10 quân Pháp mới bắt đầu đột phá phá vỡ vòng vây. Trên mặt trận Thị Nghè - Cầu Bông, giặc Pháp hình thành ba mũi tiến công :

Mũi một bằng tàu há mồm thả trôi theo dòng nước lớn sông Sài Gòn, bí mật đổ bộ lên bờ phía nam Cầu Kênh đánh vào sau lưng quân ta.

Mũi hai có xe bọc thép yểm trợ, đánh qua cầu Thị Nghè hợp điểm với mũi ba từ Cầu Bông chiếm Tòa Bó Gia Định vòng qua Cầu Kênh đánh xuống. Nằm trong thế bị bao vây, nhưng với tinh thần quyết tử, quân ta chống trả quyết liệt gây cho chúng nhiều tổn thất suốt cả ngày hôm đó. Nhưng quân giặc hơn gấp bội về trang bị vũ khí, nên đến tối quân ta phải rút khỏi trận địa. Trên mặt trận này, Bộ đội du kích An Điền đã tham gia chiến đấu giữ cầu xe điện gần chợ Ba Chiếu, làm thêm nhiệm vụ dẫn đường tiếp tế và tải thương cho đơn vị Nam tiến của ông Nam Long.

Mặt trận Thị Nghè vỡ, Bộ đội du kích An Điền vừa tải thương vừa rút theo Bộ đội Nam tiến lên Di An.

4. BỘ ĐỘI DU KÍCH AN ĐIỀN QUAY VỀ QUÊ HƯƠNG

Thừa thắng, từ nửa đêm 18-10-1945 quân Pháp có sự hỗ trợ của quân Nhật tiến dọc theo quốc lộ Một chiếm thị trấn Thủ Đức, trên quốc lộ 13 chiếm thị trấn Lái Thiêu. Ngày 20-10 chiếm Dépôt Di An, Cầu Ghềnh trên đường hành tiến và cuối cùng chiếm đóng thị xã Biên Hòa. Một tuần sau chiếm thị trấn Xuân Lạc.

Ấm ảnh bị giặc Pháp bao vây, sau khi rút khỏi Biên Hòa và

nghe tin Biên Hòa bị chiếm, chúng tôi ngày nghỉ đêm đi rút sâu vào các rừng cao su, và các xóm làng hẻo lánh.

Một nhọc đói khát, bệnh tật phát sinh trong khi tiến, lương đã cạn, chẳng còn một viên thuốc, một giọt thuốc đỏ. Lại thêm nỗi bận khoăn day dứt khi nghĩ đến Quê hương làng xóm đang nằm trong tay giặc.

Đến Trảng Bom, Hội nghị cán bộ của đơn vị nhất trí chia tay với Bộ đội Nam tiến đưa quân trở về Thủ Đức. Bộ đội phân chân hân lện, mệt mỏi tan dần, lại tích cực chuẩn bị hành quân.

Được nhân dân che chở, tiếp tế và dẫn đường, cuối tháng 12-1945 Bộ đội du kích An Điện an toàn về trú quân ở xóm Lò Ô, một số chiến sĩ lập tức được cử đi về vùng đóng quân cũ cải trang thành những người lái heo, lái trâu tìm cách liên lạc với các ba các má. Tin các con bộ đội trở về bí mật lan truyền. Cô bác cha mẹ quên góp tiền bạc, thuốc men thay nhau lấy cơm di cúng đình tiếp tế cho các con. Riêng ở ấp Bình Quới Tây bà con đi xuống Sài Gòn thuê cả một cỗ xe ngựa đến thăm, cho rất nhiều đạn Nhật và báo cho biết tổ sưu tầm vũ khí của anh Ba Chi (Bùi Văn Chi), vẫn sáng đi làm đồng, chiều kéo nhau ra sông Sài Gòn lặn hụp tìm gỡ súng, mìn đạn trên các tàu Nhật bị đánh chìm. Không sót ngày nào. Và hứa khi nào đơn vị ổn định chỗ đóng quân sẽ chuyển đến tận tay.

Tình nhà, nghĩa nước, lòng dân đã làm anh em chúng tôi xiết bao cảm động hòa lẫn với nỗi uất nghẹn khi nghe kể tội ác của kẻ thù đối với cha mẹ, bà con làng xóm. Chúng tôi đã khóc khi nghe anh Bảy Huệ đồng đội của mình, bị chúng bắt được và chặt đầu bêu trước nhà Hội đóng Bền ở trước chợ Thủ Đức.

5. CHIẾN ĐẤU TRÊN MÀN ĐẤT QUÊ HƯƠNG

Tết sắp đến, sức khỏe của anh em được phục hồi. Cuối tháng 1-1946 Bộ đội du kích An Điện được đồng bào che chở về đóng quân ở xã Tăng Nhơn Phú.

Trong khi chúng tôi đang chuẩn bị kế hoạch tập kích đồn Nhà dầy thép gió trên chợ Nhỏ theo đề nghị của anh em dân quân địa phương thì đồng bào đi chợ về cho biết quân Pháp ở Sài Gòn vừa kéo lên đóng quân trong đồn cao su Thấy cái Hào xã Linh Trung, chuẩn bị sau Tết sẽ mở ba đơn vị đồn đóng mới ở vùng phía dưới đồn Nhà dầy thép gió. Chúng tôi quyết định đánh bọ này.

Một ngày, hai chiến công

Qua tin tức của vợ lính ở thị trấn Thủ Đức, chúng tôi nắm chắc là sáng ngày 21-2-1946, quân Pháp sẽ áp tải ba xe chở súng đạn về đồn Nhà dầy thép gió.

Khuya ngày 20-2-1946 lúc thôn xóm đang yên ngủ, bộ đội làng lẻ kéo ra trận địa, bố trí trong mép rừng thơm xen lẫn cây gỗ tạp tái sinh ở đoạn cua bên gốc cây Mít Nài, đối diện cổng đình Phong Phú (vì vậy sau này anh em gọi trận phục kích này là Mít Nài I).

Anh Hai Mọi (Nguyễn Văn Sử, mang tên này vì bộ tướng giống đồng bào người dân tộc) được giao nhiệm vụ báo hiệu nổ súng. Khoảng 8 giờ, nghe tiếng xe GMC nặng nề leo dốc, anh Hai Mọi lập tức xuất hiện trên đường, nguy trang giống như ông Xã trường đi chúc Tết - quần trắng, áo dài đen, chân đi guốc, dù giương lên che nắng, vai đeo tiểu liên lên đạn sẵn giấu trong áo, đi ngược chiều với đoàn xe. Xe chạy chậm, lại quanh cua nên càng chậm. Chiếc xe đầu vừa ló ra khỏi đoạn cua, đúng tâm đạn tiểu liên, anh Hai Mọi vụt ngay dù, xả súng bắn gục tên lái và tên lính ngồi bên. Chiếc xe quay đầu đụng vào bờ đất bìa rừng, máy vẫn còn nổ. Hai chiếc sau bị bất ngờ không kịp phản ứng gì, cứ theo đà đâm sầm vào trận địa. Tiếng súng và lựu đạn nổ rạn, dịch ngã gục trên xe, có tên chết rơi xuống đường. Tiếng xung phong của quân ta vang cả vùng, bọn sống sót nhảy ra xa bắn loạn xạ. Chó sủa vang, đồng bào ùa ra rượt bắt. Chúng bỏ chạy thực mạng về Thủ Đức. Trận địa chỉ còn vang lên tiếng kêu gọi nhau giữa bộ đội và đồng bào nhanh chóng thu dọn chiến lợi phẩm. Được lệnh, anh Hai Mọi đốt cả ba xe, thiêu hủy luôn cả xác lính Tây. Xe đang cháy vẫn còn nhiều thanh niên chạy ra tìm súng đạn.

cuộc chiến đấu diễn ra nhanh gọn. Quân ta không ai bị thương. Rút lại vào xóm, tập trung chiến lợi phẩm, chúng tôi vui sướng đến bàng hoàng : bốn cây đại liên "Maxim" còn nằm trong thùng (có hai cây cao đến 1,5m dùng để bắn máy bay, ba anh lính Nhật đang lấy ra lắp lại), 30 cây súng trường Anh, bốn cây trung liên đầu bạc, bốn cây Thompson, 10 tiểu liên nòng có lỗ (mitrailleuse), hai cây súng ngắn cùng rất nhiều thùng gỗ đựng đạn và lựu đạn Anh. Ở một kho vàng, hơn cả vàng.

Đến trưa, lại được tin đồng bào báo về, quân Pháp đang tập trung xe GMC chờ lính vào phản kích. Anh Tám Hời quyết định phân phối súng đạn vừa lấy được cho tất cả anh em chưa có súng. Ba cây đại liên cho ba anh lính Nhật giữ kèm theo ba thùng sắt đạn, mỗi thùng 250 viên. Anh Cừ giữ cây thứ tư. Chúng tôi nhanh chóng cùng với đồng bào mang theo cả trâu bò đổ đạc rút lên đồi phía sau, bố trí trận địa mới. Địa hình nơi đây rất thuận lợi, ta ở trên đồi cao có nhiều cây to dễ giấu quân, dễ quan sát, còn địch muốn tiến công phải phơi mình trên cánh đồng lúa đang chín dưới chân đồi. Anh Hai Mọi trèo lên ngọn cây sao trên đồi, thu gọn toàn bộ trận địa trong tầm mắt, nhìn rõ từng bước di chuyển của giặc. Theo góp ý của anh Ba, bốn cây Maxim được bố trí ngang sườn đồi ở vị thế bán chéo cánh sẽ kết hợp hòa lực của các loại súng tạo thành trận địa lửa.

Quyết tâm tiêu diệt Bộ đội du kích An Điền, đình ninh vẫn còn ở trong xóm, quân Pháp với ba cánh quân lúc đầu theo đội hình hàng dọc đến bìa xóm chuyển thành hàng ngang cùng lúc xông vào. Không một bóng người. Sau giây phút ngỡ ngàng chúng xác định được hướng rút quân của ta theo dấu chân của bộ đội và đồng bào để lại. Thật là quân đội nhà nghề có khác, lập tức chúng chuyển đội hình như cũ ba cánh tiến công lên đồi.

Theo hướng dẫn của anh Hai Mọi, bốn cây đại liên điểm từng hai viên một cùng với hòa lực trung liên diệt toán đi đầu, phối xác trên ruộng lúa. Sau nhiều đợt pháo dòn dập bắn vào trận địa ta, chúng mở đợt tiến công mới. Lại bị bẻ gãy, xác giặc chồng chất lên nhau. Tên chỉ huy cao to đang hò hét thúc quân bị diệt ngay từ loạt đạn đầu. Lại dập pháo và đợt tiến công thứ ba bắt đầu, nhưng lần này tất cả ba cánh cùng tiến. Cuộc chiến đã đến lúc quyết liệt, chúng tôi yêu cầu đồng bào rút sâu vào các xóm xã Tân Nhơn (Di An). Đến lúc ấy đồng bào vẫn kiên quyết ở lại để lo cơm nước cho bộ đội, số thanh niên thì háo hức được xem bộ đội đánh giặc. Giặc tràn lên, tất cả các loại súng của bộ đội đồng loạt nã vào các toán đi đầu. Bốn cây Maxim liên tiếp điểm xạ, không phải một loạt hai viên mà là năm viên. Đạn lửa đốt cháy các đồng rơm rạ, khói lửa mịt mù. Bộ xác đồng đội, giặc Pháp đổ độn về tận đồi đầu đốt nhà đồng bào đến đó. Trận địa im, dần tiếng súng và tất hẳn tiếng máy nổ nổ

rên, đội quân bại trận rút chạy cũng vào lúc mặt trời sắp lặn. Theo tin tức của đồng bào địch chết và bị thương hàng trăm tên. Bên ta mất một người, anh Hai Mọi hy sinh anh dũng vì bị mảnh súng cối vào đùi rơi từ ngọn cây xuống đất. Sau này anh em gọi trận chiến thắng này là Mít Nài II.

Quần nhau với giặc từ sáng sớm, chúng tôi không còn hơi sức nữa, phải nhờ đồng bào và thanh niên các xã thu nhặt súng đạn, trang phục của quân giặc nằm chết ngổn ngang trên khắp cánh đồng. Nhiều quả, chúng tôi tặng ngay cho dân quân hai xã Tăng Nhơn và Nhơn Phú hai khẩu trung liên đầu bạc làm "vốn", sau này phát triển thành các bộ đội địa phương như Bộ đội anh Banh, Bộ đội anh Trừ.

Bữa cơm khuya tạm biệt với đồng bào cô bác đầy xúc động. Gáo 20 thanh niên xin vào bộ đội trong đó có hai cô gái xinh đẹp, khỏe mạnh : Cô Bốn Thọ (Trần Thị Thọ) và Chín Vinh (Phạm Thị Vinh). Các má, các chị lưu luyến chia tay với con em vừa nhập ngũ, dặn dò đủ chuyện. Khác với chúng tôi ngày nào, lính mới được nhận ngay súng đạn là đã ra về anh Vệ quốc đoàn lắm rồi.

Sau hai trận chiến thắng Mít Nài vang dội, ông Nguyễn Bình cho liên lạc mang giấy khen đến cho Bộ đội An Điền.

6. LẠI RỜI QUÊ HƯƠNG

Sau hai trận Mít Nài, hai chữ "du kích" mất đi lúc nào không biết. Nay chỉ còn tên gọi "Bộ đội An Điền". Lính địch rất ngăn chặn phải hòa lực của bộ đội An Điền, đặc biệt hòa lực của các cây Maxim. Cô gái Trần Thị Thoái, trong tổ địch vận, quê ở ấp Bình Quới Tây dân nộp hai hàng binh người Đức mang theo cả vũ khí. Bản thân cô cũng tặng cho các anh tác chiến một số vũ khí đạn dược - thứ quá vô giá của buổi ban đầu.

Cay cú vì thua đau hai trận Mít Nài, vừa phải bình định cho được Thủ Đức, vùng đất chiến lược phụ cận Sài Gòn, cửa ngõ phía Bắc, giặc Pháp ra sức lùng sục, cần quét liên miên nhằm tiêu diệt cho được Bộ đội An Điền đang bám trụ ở vùng Bưng Sáu Xã. Hoàn cảnh bộ đội lúc đó hết sức khó khăn, tiếp tế bị tắc nghẽn. Một số hy sinh. Giữa tháng 4 1955, phải rút quân về làng quê của anh Lê Long Phước (củ lao Long Phước thôn nằm ở giữa sông Đồng Nai và sông

Tác) Pháp mở cuộc bao vây bằng thủy lục không quân. Sáng sớm tàu chở quân có trang bị súng máy chạy ngược dòng nổ súng vào bờ, máy bay trinh sát vừa rút thì bốn máy bay oanh tạc bắt đầu quần đảo bắn phá dọn đường cho quân đổ bộ lên bờ, bắt đầu cuộc càn quét. Một lần nữa, giặc lại đánh vào khoảng không. Từ nhiều ngày trước được tin báo từ nội thành, đại bộ phận Bộ đội An Điền cùng đồng bào đã vượt sông sang Long Thành. Sau khi chịu những tổn thất hàng chục tên do dân quân du kích và một bộ phận nhỏ của bộ đội còn ở lại bám theo bắn tỉa, giữa trưa nắng gắt chúng đành xuống tàu rút lui.

Cuối tháng 5-1946, dưới mảnh trăng lưỡi liềm tuần cuối tháng, Bộ đội An Điền đến Bến Gỗ dưới chân Đốc 47 quận Long Thành nằm trên đường 19 nối Biên Hòa với Vũng Tàu. Chúng tôi định bám vào vùng này để đánh giao thông trong khi chờ đợi thời cơ thuận lợi lại trở về chiến đấu trên quê hương. Nhưng nào ngờ, cũng từ ngày ấy do yêu cầu cách mạng, Bộ đội An Điền không còn có dịp nào trở về đứng chân ở Thủ Đức quê nhà.

Sau trận diệt một xe ở Đốc 47 thu được ba súng, Bộ đội An Điền nhận được lệnh của ông Nguyễn Bình điều động về khu làm nhiệm vụ khác.

*

* *

Biết cuộc ra đi lần này sẽ dẫn chúng tôi xa dần quê hương thân yêu đã ấp ủ chúng tôi từ thuở bé, đùm bọc che chở chúng tôi trong những ngày gian khổ từ sau khi bé mặt trận Thị Nghè và tạo mọi điều kiện kể cả hy sinh tính mạng để chúng tôi lập được chiến công. Cuộc ra đi làm chúng tôi xao xuyến. Nhưng mệnh lệnh là phải chấp hành.

Chiều 19-6-1946, Bộ đội An Điền rời căn cứ Đốc 47. Cuộc hành quân cấp tốc - đêm đi ngày nghỉ, qua chân núi Châu Thới, vượt suối Lô Ô, quốc lộ 1, bám đường sát về hướng Tam Bình. Lại vượt qua quốc lộ 13, sông Sài Gòn, dừng chân ở các xóm làng An Phú Đông, Thạnh Lộc, Nhì Bình. Lại vượt quốc lộ 1 đi Tây Ninh đến Bà Điểm. Cuối cùng ngày 21-6, gần sáng, sau bốn ngày đêm hành quân chúng tôi tới ấp 4 xã Vĩnh Lộc, căn cứ đóng quân của Chi đội 4 vừa rút quân buổi chiều hôm trước.

Thật là duyên nợ còn dài. Mờ sáng hôm sau - ngày 22-6-1946, Pháp tung Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11 (11^e RAC) có máy bay trinh sát hỗ trợ từ ba hướng Bà Lát, Bình Điền và Bà Điểm tiến vào vừa chuyển đội hình thành thế bao vây, quyết tiêu diệt cho được Bộ đội An Điền Thủ Đức. Bộ phận hậu cần và văn phòng đơn vị cùng với đồng bào trong ấp vượt bùng tẩu qua quận Đức Hòa.

Còn lại ba trung đội tác chiến dựa vào các lũy tre gai bao bọc Ấp 4 bố trí trận địa thành ba hướng đón địch từ ngoài đồng trống tiến vào. Các đợt xung phong của địch liên tiếp đều bị chặn đứng. Quá trưa, trong khi cuộc chiến còn chưa ngã ngũ, hai cánh quân của Chi đội 4 đến chi viện, bất ngờ đánh xuyên hông. Từ thế bao vây, quân Pháp lâm vào thế bị bao vây. Hoang mang, rối loạn, chúng tháo chạy về hướng Bà Điểm. Mãi đến ngày hôm sau, với sự yểm trợ của xe lội nước chúng mới trở lại nhật xác của hơn 100 tên đồng bọn.

43 chiến sĩ của Bộ đội An Điền đã hy sinh được chôn thành ba ngôi mộ tập thể tại trận địa, đồng bào Ấp 4 ngày đêm chăm nom.

* * *

Trên chiến trường mới, từ đó cho đến cuối năm Bộ đội An Điền còn đánh nhiều trận hợp đồng với Chi đội 4 ở vườn Thơm, Láng Le và hoạt động ở một số địa bàn khác.

Ngày 1 tháng 1 năm 1947 Bộ đội An Điền được sáp nhập với hai bộ đội địa phương khác thành Chi đội 25 Vệ quốc quân Khu 7, kết thúc sự tồn tại ngắn ngủi nhưng không kém chiến công. Tôi được giao nhiệm vụ Chi đội phó Chi đội 25.

Viết những dòng trên, tôi không khỏi bồi hồi xúc động nghĩ đến những đồng chí, đồng đội đã ngã xuống vì nước vì dân. Các đồng chí đã sống và chết một cách anh hùng. Người già hay suy gẫm về chuyện đã qua, liên tưởng đến chuyện hôm nay và ngày mai. Bộ đội An Điền - cũng như tất cả các chiến sĩ của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngàn lần anh hùng - là sản phẩm trực tiếp của Cách mạng Tháng Tám, là con em của dân tộc Việt Nam vừa giành được độc lập tự do. Tôi cố gắng nhưng không sao hiểu đầy đủ được những tổ chức nào đã

cấu tạo nên những con người Việt Nam kỳ diệu như vậy. Những con người mới ngày hôm qua còn là những con người lam lũ, ít học, còn run sợ khi đứng trước làng lính, những con em của những gia đình khá giả, những học sinh, sinh viên mà thực dân Pháp ra sức nhồi nhét từ tám bé văn hóa của "mẫu quốc", thì hôm nay chỉ một ngày - một ngày thôi - đã thành ra một con người khác, chỉ 28 ngày thôi đã làm bọn "chủ cũ" điêu đứng trong nội thành Sài Gòn, chỉ non 5 tháng thôi thành Bộ đội An Điền đủ sức "chơi nhau" và đã thắng cuộc trong hai trận Mít Nài trước quân viễn chinh Pháp vũ trang đến tận răng, và cùng cả nước làm nên Điện Biên Phủ. Tôi xin mạn phép các đồng chí, đồng đội của tôi, thuộc Bộ đội An Điền đã hy sinh hay còn sống nhớ đến với sự biết ơn sâu sắc các anh Nguyễn Văn Ngà, Nguyễn Văn Bảy, Trần Văn Tống, nhóm Việt Minh bí mật lúc đó, và các đồng chí khác là những người đầu tiên đã góp phần trực tiếp mở cánh cửa cho tổ chất kỳ diệu đó của tuổi trẻ chúng tôi số lông và cùng kết đoàn bay cao, bay xa đến đích.

Cuối cùng, đành vậy, tôi an tâm với hai chữ "kỳ diệu", tổ chất kỳ diệu của con người Việt Nam là "kỳ diệu" vô tên và bất tuyệt cho hôm qua, và cho tương lai. Mở cánh cửa đó đặt trong bàn tay của Đảng Cộng sản Việt Nam và chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam mới làm được.

TÔI SẮP BỊ MỔ BỤNG

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Tựa bài này không phải vì nhằm "giật gạn" người đọc mà phản ánh một thời ấu trĩ của chúng ta, vào cái thời bắt đầu kháng chiến ấy, khi viên đạn đum đum nổ đã gây không biết bao nhiêu sự việc lỗi thời, thậm chí chết người bởi một số người kháng chiến chưa hề biết một viên đạn bắn ra thì đầu đạn có thể nổ lần thứ hai.

Cuối tháng 10-1946, tôi nhận quyết định của đồng chí Phạm Hùng lúc ấy thay đồng chí Ung Văn Khiêm làm Bí thư Xứ ủy, đồng thời phụ trách Quốc gia Tự vệ Cuộc, đóng Sở chỉ huy bên kia sông Chợ Đệm, theo yêu cầu của tôi, chuyển làm chính trị viên bộ đội Bình Đảng thuộc Mặt trận số 4 do anh Nguyễn Văn Trân chỉ huy. Mặt trận số 4 là một trong bốn mặt trận bao quanh Sài Gòn theo kế hoạch của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, chịu trách nhiệm một vòng cung từ Phú Lâm qua Xóm Củi, Chánh Hưng và Bình Xuyên đến Nhà Bè với phía hậu là các xã nay thuộc huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè và huyện Cần Giuộc, Cần Đức. Sở dĩ anh Hai Hùng cho tôi về đây là vì anh Trần - thường gọi là Bảy Trần - trực tiếp xin tôi, lúc ấy đang ở trong Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn. Anh Nguyễn Văn Chí - Tư Chí - Bí thư Thành ủy Chợ Lớn (tới lúc này, về mặt Đảng ở Sài Gòn - Chợ Lớn chia làm 2 Thành ủy nhưng Thành ủy Chợ Lớn vừa trực thuộc Xứ ủy vừa trực thuộc Thành ủy Sài Gòn mà Bí thư là anh Nguyễn Văn Kinh). Trước khởi nghĩa tôi từng là giáo viên làng ở An Phú, một ấp của xã Đa Phước thuộc quận Cần Giuộc. Xứ ủy Nam Bộ của anh Trần Văn Giàu đóng tại nhà anh Bảy Trần, lùi sâu vào bờ rạch, còn trạm liên lạc do anh Tư Chí phụ trách, hóa trang thành tiệm bán cám và khô cá lạng ngay trên một lộ đi từ Chợ Lớn xuống Cần Giuộc. Sau giờ dạy, tôi về nhà anh Trần, ăn ngủ ở đây. Tiện thể cũng nói thêm một chút về gia đình anh Trần. Người vợ út của anh là Hương cả làng Bình Đảng, làng nằm ngay dưới chân cầu Nhì

Thiên Đường. Anh Trần tốt nghiệp tú tài ở Việt Nam, sang Pháp học đồ cử nhân rồi trốn sang Nga vào đại học Phương Đông, vòng về nước tham gia phong trào Cộng sản. Anh em của anh khá đông như anh Tư Thuần, Năm Lưu (bố vợ đồng chí Phan Văn Khải, Phó Thủ tướng), Chín Báu, đều tham gia cách mạng. Nhưng cậu ruột của anh, ông Chung Văn Quốc làm Cai tổng, thuộc loại ác ôn. Chính ông phát hiện ra tôi chỉ là một thầy giáo bẽ ngoài, kỳ thực là cùng đám cháu của ông "làm cộng sản" như ông công khai tuyên bố và dĩ nhiên tôi phải bỏ trường ấp An Phú - trường chia làm ba lớp non 100 học sinh, tôi dạy cả ba lớp - lộn trở về Sài Gòn, đối nghề.

Mang quyết định của Xứ ủy, tôi đạp chiếc xe líp nhôm và vô increvable từ Chợ Đệm ra quốc lộ, đến Bình Chánh và rẽ về Hưng Long. Bộ chỉ huy của anh Bảy Trần đang đóng ở Tân Kim, gần Cần Giuộc. Con đường đất bị phá hoại, chốc chốc phải vác xe hoặc phải đẩy men theo bờ ruộng. Đến cầu Tân Quý, con đường bỗng bằng phẳng. Trời đã về chiều, bụng đói cồn cào, tôi mơ một bữa cơm ở chỗ anh Bảy Trần cách đó không xa. Ráng sức đạp, dọc đoạn đường dốc, xe chạy bằng bằng. Bỗng tôi rơi xuống một cái hố. Cái hố đào sẵn, trên trải rơm ngay trang, kiểu trong truyện Tàu đào hố bắt địch. Cả người và xe của tôi rơi xuống hố gọn ghê! Đang chùn thế lắm bắm trong bụng về cái sự đào hầm "vô duyên" thì hai bên đường ủa ra hàng chục người, hò hét ầm ỉ, ai cũng cầm gậy gộc, dao, thậm chí súng :

- Bắt được Việt gian !

Họ lôi tôi khỏi hầm và trói thúc kẹ bằng dây lược, tịch thu chiếc xe.

Mặc kẹ tôi thanh mình, họ lôi tôi về một ngôi nhà gần đó, một ngôi nhà gạch cát theo lối Tây khá sang.

- Muốn thừa bắm gì gặp ông cò mà thừa bắm !

Trong nhà ánh sáng lờ mờ, tôi thấy một đồng trống đang thờ kèm tiếng ngáy inh ỏi.

Một trong số những người bắt tôi đến cạnh cái đồng trống ấy :

- Thừa ông cò, tụi tôi mới bắt được một thằng Việt gian.

Cái bóng trắng vươn vai bé mình kêu rảng rác rời ngồi đây :

- Bất được Việt gian hả ? Đốt đèn lên !

Chiếc đèn Hoa Kỳ tỏa sáng, tôi nhìn một người to lớn, mặt đỏ gay, mặc một bộ ka ki màu trắng. Một trong những người bắt tôi giới thiệu :

- Đây là ông cô Mót, cảnh sát trưởng quận Bình Đông.

Cô Mót nhìn tôi, hỏi :

- Ê, thằng học trò kia, mày làm gián điệp cho đám nào ? Catinat hay phòng Nhì hay của tụi Cán Giuộc ?

Tất nhiên tôi trả lời là tôi chẳng phải gián điệp mà tôi đi công tác.

Cô Mót làm cho tôi chùng hứng : Lúc giặc già này không lộ ra trận, ở đó mà đi công tác. Mày đi đâu ?

- Tôi nhận quyết định của Xứ ủy Đảng Cộng sản Đông Dương xuống Mặt trận số 4.

Cô Mót nói với những người của ông ta :

- Vậy thì thằng này nó là Cộng sản ở bên Đông Dương !

Tôi cảm thấy trời đất quay mòng. Ông ta hỏi tiếp :

- Ở đây mày quen với ai ?

Tôi tin rằng khi tôi trả lời chắc ông sẽ thay đổi thái độ :

- Tôi quen với anh Ba Bang - Trương Văn Bang là chỉ huy trưởng lực lượng vũ trang huyện Cán Giuộc không ai không biết. Cô Mót cho tôi "leo cây" :

- À tao tưởng mày quen với ai chứ mày quen với Ba Bang thì tao ban cho mày ba cái.

Cô Mót tương tá dềnh dặng như vậy nhưng ra tay thiệt le, ông tát tôi ba cái đích đáng.

- Mày còn quen với ai nữa !

Tôi suy nghĩ một phút rồi nhớ đến anh Trần.

- Tôi quen anh Bảy Trần. Tôi nghỉ với vị chỉ huy trưởng Mặt trận số 4 danh tiếng lấy lòng này mà cô Mốt đóng quân trong vùng của Mặt trận số 4 chắc cũng phải nể anh Bảy.

- À ! Tưởng mày quen với ai chứ mày quen với Bảy Trần tao trấn cho mày bảy cái !

Lân này đã rút kinh nghiệm, tôi lùi lại nên hầu hết các tát tại của cô Mốt tôi đều tránh được.

Khi ông sắp lại gần tôi, tôi ngửi mùi rượu nồng nực.

- Mấy còn quen với ai nữa ?

- Hết rồi ! Bởi tôi tính hề thêm một tên thì thêm một số tát tại, thậm chí thoi hay cú đá.

- Mấy là Việt gian, mai tao mổ bụng mày ở cầu Tân Quý, dán yết thị cho dân trong vùng biết.

Ông leo lên bộ ván và ra lệnh cho thủ hạ :

- Dem nó nhốt trong Nhà việc Hưng Long, viết yết thị dán khắp nơi, sáng mai thi hành lệnh của tao !

Rồi ông ngả xuống và ngủ.

Hai người lính, một gươm tuốt trần, một mang theo cây xà mâu đưa tôi theo đường ruộng vào Nhà việc Hưng Long. Nhà việc tức là trụ sở của tế ; nay cách mạng lên, tế bỏ chạy, ban tiếp tế dùng làm kho chứa gà, vịt, heo. Tôi bị nhốt chung với đám gà vịt heo ấy, vẫn bị trói thúc ké. Lính của cô Mốt cẩn thận lấy chà tre bịt chặt các cửa sổ và dọa tôi :

- Anh mà rục rịch thì chúng tôi lụi anh liền !

Tình thế hết sức bi đát, tôi không ngờ. Làm sao đây ?

Bên ngoài Nhà việc đèn sáng trưng, người người tụ tập bàn bạc công việc. Tôi lóng tai nghe, họ nói toàn chuyện hồ trí đánh Tây. Thế này là thế nào, tôi đánh bạo đá vào vách kêu to :

- Các đồng chí ơi ! Tôi bị bắt oan !

Số người đi họp chạy đi của Mặt trận mới. Không tài nào

nói hết nổi sung sướng của tôi. Trong số đó có anh Chín Báu, vốn rất rành tôi từ nhiều năm.

- Ủa ! Thấy giáo Triều sao bị bắt ?

Tôi thuật cho anh nghe. Nghe xong anh nói :

- Tụi mình sẽ cứu anh thôi nhưng ngay bây giờ thì không được vì phải có lệnh của cô Mót. Anh chịu khó nằm trong đó cho tới sáng, tụi tôi có cách. Rồi anh cần dặn đám người canh gác tôi không được làm hại tôi.

Cuộc họp bên ngoài hình như cũng giải tán, Nhà việc trở lại cái cảnh âm u của nó. Tôi tựa lưng vào vách chống chọi với muỗi, với mùi cứt heo, cứt gà mà chờ sáng.

Sáng sớm, vẫn hai người áp giải tôi hôm qua đưa tôi ra khỏi nơi giam. Tại Nhà việc đã thấy một hồ cáo viết trên giấy trắng lớn : Bắt được một tên Việt gian, do thám, 9 giờ sáng nay xử tử tại cầu Tân Quý. Ký tên Nguyễn Văn Mót, cảnh sát trưởng quận Bình Đông.

Tôi theo đường ruộng trở về ngôi nhà hôm qua nhưng linh cảm là tình hình không quá xấu vì hai người áp giải liền miệng hỏi chuyện tôi. Về đến chỗ cô Mót, tôi bị giam vào một phòng kín có khóa to, bởi cô Mót còn ngủ. Giữa lúc ấy, súng nổ. Tây tử lộ Đông Dương thọc vào cầu Tân Quý đụng du kích, hai bên bắn nhau.

Cô Mót nhảy dựng dậy, với một khẩu súng trường chạy ra phòng tuyến. Súng nổ rộ một lúc rồi yên. Tôi nghe tiếng cô Mót oang oang từ ngoài cổng :

- Đánh giặc mà nhất như tụi mày mà đánh cái gì ? Tao nằm khời khời trên ụ đất bắn đầu trúng đó, còn Tây nó có làm trầy da đất của tao được đâu !

Tiếp theo là tiếng chân người chạy. Qua song cửa sổ, tôi thấy cô Mót rượt đánh số lính mà ông cho là nhất gan.

Tôi sốt ruột chờ anh Chín Báu, lòng cũng thấp thỏm. Bỗng có tiếng xe hơi từ phía Tân Kiên vọng tới. Cô Mót đang ăn sáng hỏi :

- Xe của ai ?

Tôi nghe lính trả lời

- Ở đây chỉ có một chiếc xe của ông Bảy Trần.

- Chà ! Ông Bảy đi đâu sớm, vừa mới đánh nhau sao ông ta lại đến ?

Xe ngừng ở ngoài cửa. Tôi nghe tiếng cò Mốt chào anh Bảy hết sức khúm núm :

- Thưa anh Bảy !

Anh Bảy Trần đi thẳng vào nhà, vừa đi vừa hỏi :

- Có một đồng chí chính trị viên bị anh bắt, đồng chí đó đâu ?

- Đâu có, em có bắt ai đâu.

Từ trong phòng tôi gào thét thanh :

- Anh Bảy ơi ! Tôi ở đây nè !

Đó, người chính trị viên mà anh bắt đó - Anh Bảy nói, giọng lạnh lùng. Không thấy nhưng tôi nghe cò Mốt mời anh Bảy ngồi ở phòng khách uống trà, còn ông đến phòng của tôi mở khóa.

- Trời Phạt ! Đứa nào bắt ông !

Tôi chỉ cười đi ra phòng khách, nhưng cò Mốt lại kéo tôi ra phía sau :

- Ông rửa mặt đi ! Mấy chỗ có máu ông chùi cho kỹ, thằng nào làm bảy đánh ông vậy !

Tôi lên xe của anh Bảy Trần, cò Mốt cọt chiếc xe đạp của tôi theo. Trên xe, tôi thuật cho anh Trần nghe sự việc. Anh thờ dài :

- Tay này gan dạ nhưng phải cái uống rượu quá, chẳng còn phân biệt phải trái gì hết.

Sau này, tôi gặp lại cò Mốt trong tình huống khác : ông uống rượu say, bắn súng bừa bãi bị cảnh vệ của bộ đội tôi bắt. Tất nhiên, tôi chỉ phê bình ông, thả ông ra với lời khuyên bớt rượu.

Cò Mốt chiến đấu dũng cảm đã hy sinh trong một trận chống càn ở Hưng Long vài tháng sau đó.

NHỮNG NGÀY TRƯỚC VÀ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM Ở RẠCH GIÁ⁽¹⁾

NGUYỄN VĂN CHÂU

Hồi đó, tôi chưa là đảng viên, mới là một thanh niên yêu quý và kính trọng Cách mạng, tham gia phong trào học sinh, sinh viên và trí thức yêu nước cùng các anh Trần Đông Hải, Lê Văn Hượt, Trần Cửu Kiến, Châu Văn Ứng, Lê Ngọc Tô... Sau này tôi mới rõ là phong trào học sinh sinh viên đã sớm được sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng. Ở Hà Nội, đồng chí Lê Quang Đạo, Bí thư Thành ủy, đã phân công anh Kiến tiếp xúc với phong trào (trong đó có học sinh, sinh viên Nam Bộ), hướng vào đường lối Mặt trận Việt Minh.

Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ đã để lại cho chúng tôi những ấn tượng không bao giờ quên. Bạn tôi, anh Phạm Ngọc Dao, cùng học trường Công chánh kể lại những việc mắt thấy tai nghe, làm tôi thao thức mãi. Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, nhưng chính ngọn lửa đấu tranh ấy bùng lên trong những ngày tiền khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám.

Ở Hà Nội và ở Mỹ Tho, tôi đã được các anh Nguyễn Văn Đóa (tức Lê Trung Thủy, sau là Tỉnh ủy viên Phú Thọ), Phạm Chung (sau là Phó Văn phòng Trung ương Đảng)... dẫn giải về hoạt động Việt Minh... Ở Rạch Giá, chúng tôi được sự dìu dắt của anh Nguyễn Văn Tạo, bị Pháp đưa từ Côn Đảo về quản thúc ở Rạch Giá- lúc ấy ở bờ kinh gần häng nước mắm. Anh Trần Đông Hải, Trần Cửu Kiến và tôi thường đến thăm anh chị Ba Tạo. Tôi rất nhớ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Nhật đưa Nguyễn Văn Sâm ra làm khâm sai Nam Kỳ, anh Ba Tạo có buổi nói chuyện với đông đảo anh em chúng tôi, vạch rõ tính chất tay sai của bọn chúng. Đánh từ "ghế ba chân" ra đời là từ buổi nói chuyện ấy (ý nói bọn bù nhìn sẽ sụp đổ).

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Hồi ký do Lê Khanh ghi.

Tài liệu chúng tôi dùng để huấn luyện cho Thanh niên Tiên phong hồi ấy là của Mặt trận Việt Minh. Tôi không nhớ nội dung từng bài, chỉ nhớ có bài phân tích về tình hình thế giới. Có lần đang giảng bài thì hiến binh Nhật đi qua, một tên lấy sổ tay của anh em ra xem rồi bỏ đi. Hồi này, khắp các mặt trận, Nhật đã thua trông thấy, có lẽ vì thế chúng không dấy vào làm gì cho mệt!

Cũng trong thời kỳ này, chúng tôi được xem một hai tài liệu của Đảng. Tôi nhớ rõ như in vào óc, là bằng bất cứ giá nào, phải cướp chính quyền trong tay Nhật trước khi Đồng minh vào. Đó là việc hệ trọng số một, đồng thời cũng là điều chứng tỏ ảnh hưởng của Đảng đã thấm sâu vào lòng mỗi người. Cho đến nay nghĩ lại, càng thấy tính chất quyết định ấy.

Đặc biệt là hồi ấy quần chúng nhân dân tin và nghe theo sự lãnh đạo của Đảng qua Việt Minh, gần như tuyệt đối. Bọn phân động trong đó có một số chức sắc thân Nhật trong Hòa Hảo hoạt động mạnh, ra sức thuyết giáo lừa bịp tin đồ, nhưng cũng không lôi kéo được mấy người. Tôi nghĩ đó là niềm tự hào lớn của Đảng bộ Rạch Giá hồi ấy, và cũng là niềm tự hào chung của những người một lòng theo Đảng.

Một số anh em học sinh, công chức là nòng cốt của Thanh niên Tiên phong Rạch Giá, được sự chỉ đạo của Việt Minh cử anh Trần Văn Luân đứng đầu Thanh niên Tiên phong. Anh Luân là dược sĩ, lại có tài về nhạc, vẽ, tính điềm đạm, trung hậu, được anh em mến. Các anh Trần Đông Hải - cán bộ Thanh niên Cứu quốc - Lê Trọng Tam (tức Ba Lê) và tôi được cử làm Trưởng ban, có nhiệm vụ huấn luyện cho Thanh niên Tiên phong. Lúc ấy, ở Rạch Giá, chúng tôi nhận được tài liệu của Mặt trận Việt Minh do anh Trần Cửu Kiến đem xuống (anh làm giao thông của Mặt trận, sau này là Phó giám đốc Bệnh viện Việt-Xô Hà Nội). Trong tài liệu còn có điều lệ tổ chức *Tân dân chủ Đoàn* và *Thanh niên Cứu quốc*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Chính tay tôi đã giao tài liệu về Thanh niên Cứu quốc cho anh Trần Đông Hải.

Các đội Thanh niên Xung phong gồm những anh em được chọn lọc trong tổ chức Thanh niên Cứu quốc và huấn luyện đội ngũ. Đó là những lực lượng bán quân sự để chuẩn bị cướp chính quyền. Chúng

tôi làm nhiệm vụ huấn luyện, nhưng tôi không nhớ rõ chủ trương do ai truyền đạt và truyền đạt vào thời gian nào, thông qua anh Hải hay anh Ba Tạo ? Riêng về chủ trương tìm kiếm vũ khí thì tôi nhớ, sau này thì tôi hiểu, tất cả các hoạt động của chúng tôi đều có sự chỉ đạo sát sao và ân cần của Đảng, nhờ di chúng tôi làm được điều gì có ích, chính là nhờ ở đó. Lúc ấy các anh Trương Công Cán, Lê Văn Nhân thường nhắc nhở tôi. Anh Cán là sinh viên hồi ở Hà Nội, tiếp xúc với các đồng chí trong Mặt trận Việt Minh, sau giải phóng là Phó Giám đốc Bệnh viện Thống Nhất, anh Nhân sau này ở Hải Phòng là đại biểu Quốc hội.

Trước ngày Nhật thất trận, các anh Tiên, anh Dấu (tức Tịnh) có gặp anh Trần Văn Luân, Trần Đông Hải và tôi bàn việc thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh và Ủy ban Dân tộc Giải phóng tỉnh Rạch Giá. Hai anh là đảng viên, chúng tôi đã biết, trực tiếp truyền đạt cho chúng tôi tiếng nói của Đảng. Tôi nhớ rõ lúc đó các anh gợi ý : anh Luân sẽ là đại biểu cho Thanh niên Tiên Phong, anh Trần Đông Hải đại biểu Thanh niên Cứu quốc, tôi đại biểu Tân dân chủ Đoàn (một đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh, do học sinh sinh viên yêu nước Nam Bộ tổ chức theo gợi ý của Đảng).

Sự tin nhiệm của Đảng là một cổ vũ lớn đối với chúng tôi. Tôi không còn nhớ chi tiết những quyết nghị. Nhưng trong đầu chúng tôi càng rõ thêm ý chí chỉ đạo lúc ấy : phải giành bằng được chính quyền tỉnh vào tay Việt Minh.

Tin Nhật đầu hàng nhanh chóng loan từ Sài Gòn đi các tỉnh. Tôi còn nhớ rất rõ, khi được tin, Trần Đông Hải và tôi lập tức đến nhà anh Nguyễn Văn Tạo, và sau đó, chúng tôi tổ chức phòng thông tin ở một căn phố khu chợ Rạch Giá, công khai hóa tin Nhật đầu hàng và các tin tức khác trên báo chí. Nhật và bọn thân Nhật không dám có phản ứng gì. Bây giờ nghĩ lại, thấy việc làm đó tuy chưa lớn lao gì, nhưng ít nhất có tác dụng thăm dò phản ứng của Nhật.

Sau khi thành lập chính quyền mới, công việc rất bề bộn, nhưng việc lớn cần bàn trước hết là tổ chức mít tinh ngày 27-8-1945 ở sân vận động Rạch Giá. Sau mít tinh là cuộc tuần hành rầm rộ trên các đường phố bên khuy <https://tielun.hopto.org> còn nhớ lúc đó một cây mauser cross cướp cò, nhưng những tiếng hô

vàng : "Chính quyền về tay Việt Minh"... "Việt Nam Độc lập Đồng minh muôn năm" v.v... đã át tiếng nổ của súng, đến mức chẳng ai còn để ý đến sự sơ suất này !

Ngày 25-9-1945, chúng tôi được triệu tập cấp tốc về Cần Thơ. Ngày ấy là ngày có cuộc mít tinh lớn trước trụ sở Tòa bố cũ tỉnh Cần Thơ. Anh Trần Văn Giàu báo cáo với đồng bào dự mít tinh : cuộc kháng chiến của Nam Bộ đã bắt đầu. Anh Giàu vạch rõ mảnh khỏe tuyên truyền lừa bịp của chúng, tung tin là đã bắt được Ủy ban Hành chính Nam Bộ v.v...

Cùng lúc với lời kêu gọi Nam Bộ kháng chiến, gọi lên mối thù không đội trời chung với bọn xâm lược Pháp, thì chính lúc đó ở bên cảng Cần Thơ, chúng ta - những người bị xâm lược, mặc dù bận trăm công nghìn việc hết sức cấp bách - đang lo chuẩn bị cho các Pháp kiều được đưa về Sài Gòn bình an vô sự. Một trong những ấn tượng rất sâu sắc đối với chúng tôi trước bản chất cao cả của Đảng.

Riêng tôi, được Đảng giao nhiệm vụ quân sự. Tuy có nhiệt tình làm bất cứ việc gì Đảng giao (cũng xin nói thật là tôi ít từng trải, còn nhiều phong thái học sinh, tuy đã ra trường và làm công chức ở Sở Trưởng tiền (thủy nông) Rạch Giá, cũng không nhiều năng khiếu như các anh em trẻ khác như anh Trần Đông Hải), và tuy có đôi chút tác phong cần cù cần thận, nhưng tôi rất lo. Kiến thức quân sự quá ít. Hồi học trường Công chánh Hà Nội, có học một lớp gọi là "chuẩn bị về quân sự" cho các sinh viên (PMS : Préparation militaire supérieure) do Pháp mở (chẳng phải do ý định tốt đẹp gì của Pháp, mà là do chúng bắt buộc phải lo đào tạo tay sai vào những năm 1939-1940, trước khi nước chúng bị phát-xít Đức đánh chiếm). Học mỗi tuần mấy buổi có tính chất ngoại khóa.

Anh em đang cần nhanh chóng biết dùng vũ khí tước được của địch. Tôi có nhớ anh Mẹo (hồi ấy là cai ở trại lính Garde civile locale) rất thạo về sử dụng vũ khí. Chúng tôi tranh thủ anh giúp việc huấn luyện tân binh. Ngoài kiến thức về bộ binh do ít nhiều có học ở lớp PMS nói trên, tôi còn biết đôi chút về kỹ thuật công binh, do học trường Công chánh (trường này học Công chánh của tôi trong kháng chiến, phần lớn là ở công binh)... Thời thì mệt đến đâu làm đến đấy,

cố gắng làm tốt hơn nữa dù khả năng còn kém, để đáp lại phần nào sự tín nhiệm của anh em.

Sau ngày Nam Bộ kháng chiến, có chủ trương thành lập Ủy ban Kháng chiến hành chính các cấp. Ủy ban Kháng chiến hành chính miền Tây quyết định thành lập Mặt trận Rạch Giá - Hà Tiên. Tôi được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính Hà Tiên kiêm chỉ huy Mặt trận Rạch Giá - Hà Tiên. Tôi nhớ hôm sang Hà Tiên công tác, cùng đi xe với anh Phan Trọng Tuệ. Trên đường đi, anh Tuệ kể cho nghe về Giải phóng quân ở Việt Bắc. Và cũng là lần đầu tiên, tôi được nghe bài *Tiến Quân ca*.

Chính quyền Cách mạng Hà Tiên đã thành lập vào cuối tháng 8. Nhưng trong tỉnh vẫn còn khoảng một đại đội Nhật và bên Tô Châu có một kho gạo của Nhật.

Đến Hà Tiên tôi gặp anh Tạ Trung Cang, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chính Hà Tiên và anh Tám Hoai, Ủy viên quân sự và chỉ huy Quốc gia Tự vệ cuộc Hà Tiên. Trách nhiệm cụ thể của tôi lúc ấy là tổ chức bố phòng ngăn địch có thể từ phía Ton Hon (tỉnh Căm pốt Campuchia) tràn sang, hoặc từ biển đổ bộ vào.

Chúng tôi cùng các đồng chí ở Hà Tiên bố trí công sự ở hai hướng : phía Thạch Động, chặn đường địch từ Campuchia xuống ; phía Mũi Nai, phòng địch đổ bộ mặt biển.

Tôi không hiểu rõ về hệ thống lãnh đạo của Đảng lúc bấy giờ, về quan hệ giữa hai Tỉnh Đảng bộ Hà Tiên, Rạch Giá. Riêng tôi vẫn coi như chịu sự chỉ đạo của các đồng chí Rạch Giá. Cũng chính lúc này, Rạch Giá cử sang Hà Tiên một số anh chị em làm công tác binh vận giúp tôi với mục đích cụ thể là làm cách nào lấy được súng đạn của bọn Nhật còn đóng ở Hà Tiên, càng nhiều càng tốt.

Một lần, lực lượng phòng thủ của ta ở phía Thạch Động tấn công 1 xe GMC của Nhật, chở viên thiếu tá Nhật và binh lính vào Hà Tiên. Ta nổ súng, chúng không chống lại mà đầu hàng. Với cương vị chỉ huy Mặt trận, tôi cho đưa ngay bọn này về Hòn Chông, giữ lại viên thiếu tá Nhật để khai thác. Viên thiếu tá Nhật khai là chúng có kế hoạch đến Hà Tiên để cùng viên chỉ huy bộ phận Nhật ở Hà Tiên bàn bạc và đưa lực lượng này về giúp thành lập Chính quyền giải giới.

Y còn cho biết : ít ngày sau, quân Nhật sẽ xuống nữa, và đằng sau Nhật sẽ có quân Pháp theo liền gót quân Nhật, lợi dụng cơ hội chiếm lại Hà Tiên.

Chúng tôi bàn nhau và quyết định : không đánh bọn Nhật đang ở Hà Tiên, gọi viên thiếu tá chỉ huy tối, hẹn trao trả viên thiếu tá Nhật và bọn lính Nhật bị giam giữ với điều kiện là bọn Nhật ở Hà Tiên phải trao đổi cho ta một số vũ khí, trong đó có 1 trung liên.

Trận đánh bọn Nhật (và Pháp) xuống Hà Tiên xảy ra mấy ngày sau đó. Ta bố phòng kỹ, cho Nhật qua, đánh Pháp là chính. Trước trận đánh, Nhật bắn đại bác 75 ly dọn đường. Ta đã biết trước nên không động tĩnh, Nhật đi khỏi ta lập tức nổ súng vào Pháp. Chúng chạy tháo chết, chạy ngược trở lại phía Ton Hon. Tôi nhớ trong trận này, cả ông sãi chùa Thạch Động cũng vác dao ra theo bộ đội đánh Pháp.

Sau trận này, Nhật rút hết về Phnom Pênh. Hai viên thiếu tá Nhật sang hàng ta.

Cũng khoảng thời gian này, ta tổ chức đốt kho gạo bên Tô Châu, không đốt thật, với mục đích là xua tố lính gác của Nhật chạy về Hà Tiên để ta lấy gạo phân phát cho đồng bào. Nhân chuyện này, tôi nhớ chuyện đánh chiếm kho gạo ở Rạch Giá hồi Nhật còn ở đó, khi anh em đột nhập kho gạo, thấy lính Nhật coi kho bị xích vào cây súng máy ở đấy, để buộc phải giữ kho đến cùng, không chạy đi đâu được. Một biểu tượng sống về sự dã man, ngay trong hàng ngũ của quân đội phát-xít Nhật !

Sau đó ít lâu, tôi được cử đi công tác ở Sóc Trăng. Các anh cho ở chung với các đồng chí Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính. Lúc ấy anh Dương Kỳ Hiệp làm Bí thư Tỉnh ủy, anh Nguyễn Văn Nghĩa, Chủ tịch Ủy ban và anh Phan Văn Chiêu, Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh. Không khí làm việc sôi nổi, có những lúc trang trọng : đi đón tù chính trị từ Côn Đảo về đất liền. Chính ở Sóc Trăng tôi đã được gặp Bác Tôn. Tuy tôi chưa là đảng viên, các anh vẫn tin tưởng, cởi mở thân thiết. Bất chấp tôi phân nào do ảnh hưởng giai cấp xuất thân, có phần dè dặt, ít cởi mở, song tôi vẫn cảm thấy trong lòng một sự chung sống chan hòa, tự nhiên vì các đồng chí rất tự nhiên, trao đổi

với nhau nhiều ý kiến quan trọng trước mặt tôi. Các đồng chí nhìn xa, bàn về cuộc kháng chiến lâu dài, chuẩn bị vùng U Minh làm căn cứ (vùng U Minh sau này là căn cứ cho Khu 9 và Trung ương Cục Miền Nam)... Qua thời gian ở Sóc Trăng đã mở rộng cho tôi nhiều hiểu biết hết sức cần thiết.

Cũng hồi này, qua tin tức, tôi được biết sự càn thẳng của Thanh niên Tiền phong và Thanh niên Cứu quốc Rạch Giá. Các anh ở Sóc Trăng cũng biết tình hình ấy, bảo tôi viết thư về Rạch Giá, góp ý kiến xây dựng. Tôi viết cho anh Luân, anh Hải với những lời lẽ thiết tha chân thành. Tất nhiên thư của tôi chỉ có tác dụng phần nào, còn nhờ sự sáng suốt của Đảng bộ Rạch Giá, mọi việc sau này được sắp xếp tốt. Ngày Tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên của ta ở Rạch Giá thành công tốt đẹp. Các anh Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Luân, Nguyễn Ngọc Bích, Huỳnh Bá Nhung được đề cử và trúng cử đại biểu Quốc hội.

Anh Dương Kỳ Hiệp giao cho tôi nghiên cứu sử dụng khoảng 7-8 cở súng đồng (thần công) ở các công sở lớn Sóc Trăng. Tuy không có tài liệu và công thức tính toán, tôi mò mẫm thử dùng lượng thuốc nổ sao cho thích hợp. Một lần, vừa bắn được khối sắt vụn đi thì bộ phận khai hậu súng đồng cũng nổ luôn ! Đang tiếp tục nghiên cứu thêm thì Pháp chiếm Đại Ngãi và ngay ngày đó, tiến đánh Sóc Trăng. Các cơ quan dời về Mỹ Quới. Tôi trở về Rạch Giá, lội bộ qua Long Mỹ.

Tôi đi một mình, qua con lộ Vị Thanh - Long Mỹ, đúng ngày Pháp đánh Long Mỹ. Tôi nằm ở bờ ruộng ven lộ, Pháp, ngụy đi qua rất gần. May chúng không thấy tôi. Sau khi giặc qua, tôi lại băng đống về Vị Thanh, gặp 1 tiểu đội anh em mình. Lúc ấy, nhiều đơn vị ta từ các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ lẻ tẻ rút về Rạch Giá. Tôi cùng tiểu đội về đóng ở Vị Thanh hai, ba tuần. Giặc cho trinh sát từ Long Mỹ lên, tiểu đội nổ súng đánh, chúng rút. Hai ba tuần sau, chúng mới tiến đánh Vị Thanh. Tôi và tiểu đội về giữ Cầu Đúc. Tại đây, tôi gặp lại anh Tăng (cán bộ Đảng phụ trách Quốc gia Tự vệ Cuộc Rạch Giá). Chúng tôi lập tuyến Cầu Đúc - Vĩnh Tuy, xây đắp công sự, tập hợp các lực lượng vũ trang lẻ tẻ qua đây, nhanh chóng lập được hơn một trung đội.

Chúng tôi ở Mặt trận Cầu Đúc - Vĩnh Tuy khoảng trên 1 tháng,

được sự chăm sóc rất nhiều của nhân dân và Ủy ban tỉnh. Chính hồi này tôi mới được biết "bánh tổ", mà đồng bào thường cho bộ đội. Chị Sinh phụ trách Ban Chấp hành Phụ nữ Vinh Hòa Hưng đã cùng chị em tổ chức cứu thương chăm sóc cho anh em. Thuốc men hồi ấy quá thiếu thốn, chị phải đun nước gừng chanh để pha quinine, trước còn 1 lít pha 10 viên, sau chỉ một ! Riêng tôi còn nhớ, nhiều anh em bị ghê hờm mà không có thuốc, lúc nào đó kiếm được viên dagénan là quý lắm.

Sau khi thăm dò bằng tàu chiến gắn súng bofor 40 ly, địch mở cuộc tấn công từ Vị Thanh lên, trên cả đường sông lẫn đường bộ. Lúc ấy, chúng tôi chưa nghĩ ra được thứ vũ khí gì đánh tàu chiến, phải tạm rút về Chác Bàng, rồi về ngã ba Huyện Sĩ. Địch mở đường kính xáng Chác Bàng về Thới Bình. Chúng tôi đánh trận cuối cùng ở ngã ba Huyện Sĩ, trong trận đó, bộ phận chúng tôi phục kích ở cầu đánh tốp giặc đi theo đường bộ, diệt được 1 lính Pháp.

Sau trận này, chúng tôi mất liên lạc với tỉnh (lúc ấy Pháp đã chiếm Rạch Giá). Chúng tôi liên lạc với Khu bộ 9, được giao nhiệm vụ đóng giữ hai phía Chác Bàng, An Biên ở U Minh Thượng để bảo vệ căn cứ khu. Giặc đã tổ chức lại hội tế, và mấy lần ruộng bố sâu vào U Minh bằng xuống, có Việt gian dẫn đường, nhưng sau lại rút, không dám đóng lại. Anh em rất thiếu thốn, từ thuốc men, cơm gạo đến quần áo. Bản thân tôi chỉ còn 1 áo và 1 quần xà lỏn. Có trận giặc ruộng bố, không có tiếp tế, anh em chỉ bứt dọt choai mà ăn. Tuy vậy, tinh thần anh em rất vững. Bản thân tôi liên hệ với khu, được học tập tài liệu "hai phe, bốn mâu thuẫn", đọc sách nói về chiến tranh du kích, lại có cả một tài liệu in thạch về chủ nghĩa Lênin, mà tôi đọc rất say sưa. Mặc dù Pháp đã lập hội tế, các đảng viên bám trụ ở những xã xung quanh vẫn cùng đồng bào đồn cây gòn làm cản trên đầu kinh Chác Bàng ngăn tàu chiến địch.

Sau Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Khu chủ trương đưa các lực lượng vũ trang về xây dựng lại cơ sở ở các tỉnh và chiến đấu tại địa phương. Tôi được phân công chỉ huy đơn vị về Rạch Giá, anh Vương Ngọc Kim, chính trị viên. Đơn vị lúc ấy có hai phân đội, một do anh Võ Bá Mỹ, một do anh Sĩng làm tiểu đội trưởng. Những ngày được trở về chiến đấu trong tỉnh là những ngày đáng ghi nhớ nhất trong

đời tôi. Tôi đã thấy sâu sắc sự đùm bọc của nhân dân, những gương anh dũng của các chiến sĩ Vệ quốc đoàn : súng, nóp trên vai, không có gì ngoài sự chăm sóc của đồng bào, vừa hành quân vừa chiến đấu.

Trong thị xã, việc xây dựng lại các cơ sở khác, đã có các đồng chí đảng viên làm, chúng tôi chỉ tổ chức 1 tổ bình vận (vận động, rải truyền đơn v.v...), cũng để kiểm thuốc men, báo chí tin tức. Đối với địa phương, việc cần bậc nhất là kiểm súng đạn trang bị cho du kích. Đồng bào không chỉ cho ăn mà còn bảo vệ bộ đội, điều đặc biệt là chưa lần nào chúng tôi bị bọn Pháp phát hiện và đánh úp. Trái lại, nhiều ngày chúng tôi đóng dọc theo đường lộ từ Minh Lương đến Định An mà Pháp chẳng biết gì hết ! Chính trên đoạn đường này, chúng tôi đánh phục kích diệt gọn hai xe cam nhông chở Pháp và ngụy. Trận này, lần đầu tiên thu được FM đầu bạc (Bren), nhiều súng trường Mas và tiểu liên Sten. Còn chiến đấu nhiều trận nhớ không hết, đánh đồn bốt cũng có, nhưng phần lớn là đánh giao thông. Một lần vận động được lính ngụy làm nội ứng, đã diệt được 1 đồn ở Vinh Hòa, có 1 Pháp chỉ huy hai tiểu đội ngụy... có thắng lợi, nhưng cũng nhiều đồng chí hy sinh. Tôi không bao giờ quên hình ảnh của các đồng chí đó. Tôi công tác ở tỉnh đến ngày 30-10-1946, thì được điều về Khu 9 làm thanh tra quân sự. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 thật sự đã có tác dụng lớn ở Nam Bộ... Ta đã củng cố nhanh chóng các đơn vị Vệ quốc đoàn. Vùng giải phóng, đặc biệt là căn cứ U Minh được mở rộng. Ở vùng căn cứ, chợ Chác Bông lại tấp nập. Ở hầu hết các tỉnh, Pháp đã phải gom lại, không dám đóng phân tán như trước. Chúng tôi càng tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp.

TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN !

Khu chủ trương đánh lớn, trước hết phải phá các đường giao thông, không cho địch lợi dụng. Anh Huỳnh Phan Hộ và anh Phan Trọng Tuệ giao cho tôi làm trưởng ban Công binh Khu 9 với công việc cụ thể trước mắt là phá mấy cầu lớn. Từ học công chánh tôi có một số hiểu biết về chuyên môn (sức bền vật liệu, đoạn xung yếu nhất của dầm cầu v.v...). May có thêm quyển "Cẩm nang của các cấp chỉ huy bộ binh" (thực ra là tài liệu huấn luyện của anh Nguyễn Ngọc Bích để lại (anh trúng cử đại biểu Quốc hội được điều ra Trung

ương). Tôi tìm cách sử dụng đạn ô-buy 75 và 105, tháo đầu nổ, lấy thuốc nổ và dây kíp nổ làm mìn. Nơi đặt ô-buy (điểm xung yếu nhất của dầm cầu), tính toán đề thêm bằng các bao đất... Cầu Hoàng đã được phá như vậy. Cùng tham gia trận này, ngoài 1 số anh em công binh khu 9, có du kích Giồng Riềng, và cả 1 số anh em du kích thị xã Rạch Giá phối hợp đánh lựu đạn trong thị xã để cầm chân giặc. Chỉ 1 lần nổ, cầu Hoàng bệ tông cốt sắt đã sập làm hai mảnh và gục đổ xuống kinh. Sau trận đánh cầu Hoàng là trận đánh cầu Rạch Sỏi. Lần này bộ đội do anh Huỳnh Thủ chỉ huy, phối hợp đánh bọn Pháp từ Rạch Giá ra. Vừa diệt xe Pháp, vừa phá cầu nhanh gọn, như trận cầu Hoàng. Sau, anh Phan Trọng Tuệ cho tôi xem ảnh những cầu bị đánh sập. Còn nhớ sau khi hoàn thành nhiệm vụ, anh Huỳnh Thủ và tôi cùng đi trên 1 xuồng ba lá. Một đêm trăng trên kinh, không ai nói gì, nhưng cảm xúc man mác, vì càng thấy gắn bó với nhau. Anh Thủ là một cán bộ Đảng từ Côn Đảo về. Anh còn giữ lại tấm ảnh cùng chụp với tôi hồi ấy.

Vào dịp kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến năm 1947, tôi được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng nhất. Thật là quá vẻ vang cho tôi. Tôi nghĩ đến đồng bào, đồng đội Rạch Giá, Hà Tiên. Nếu tôi làm được chút gì có ích, chính là nhờ sự đùm bọc không nói sao cho hết của đồng bào, sự giúp đỡ cả bằng xương máu của đồng đội. Xin tỏ lòng biết ơn các đồng chí Đảng bộ Kiên Giang, từ ngày nào đã dìu dắt tôi, nay lại cho phép tôi kể lại ít nhiều chuyện cũ.

CHIẾN TRƯỜNG CỤC NAM TRUNG BỘ NHỮNG THẮNG ĐẤU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

NGUYỄN ĐỨC TẤN

Cách mạng Tháng 8-1945 thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới : độc lập - tự do. Nhưng giành chính quyền chưa được bao lâu, thì một lần nữa dân tộc ta lại bị cơn thử thách mới : với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật, ngoài Bắc 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào âm mưu tiêu diệt Mặt trận Việt Minh, lật đổ chính quyền cách mạng non trẻ của nước ta ; trong Nam thực dân Pháp được quân Anh giúp sức, âm mưu đánh chiếm nhanh chóng từ vĩ tuyến 16 trở vào.

Tại vùng Cục nam Trung Bộ : Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Đông Nai Thượng (Lâm Đồng cũ), ngày 28-8-1945, 4 tên Pháp và 1 Việt gian nhảy dù xuống rừng dương bãi biển La Gi (Hàm Tân), mấy ngày sau một toán lính Pháp khác lại nhảy dù xuống vùng suối Kiết - Tánh Linh...

Trước nguy cơ xâm lược mới, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, cùng với cả nước, nhân dân và các chiến sĩ tự vệ, du kích vùng Cục nam Trung Bộ với lời thề thiêng liêng trong Tuyên ngôn Độc lập "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Trong lúc công việc sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh Cục nam Trung Bộ đang xúc tiến khẩn trương thì ngày 23-9-1945 quân Pháp được quân Anh giúp sức nổ súng tiến công Sài Gòn, mở đầu cho cuộc xâm lược đất nước ta lần thứ 2.

Ở Cục nam Trung Bộ : Các thị xã Phan Rang, Phan Thiết, Đà Lạt... quân Nhật được thả (theo Anh) xuống và chiếm giữ các vị trí xung yếu, sẵn sàng phối hợp tác chiến với quân Pháp.

Trước tình hình đó, kiên quyết bảo vệ độc lập tự do, bảo vệ chủ quyền dân tộc, Thường vụ Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch hạ quyết tâm kháng chiến, kêu gọi nhân dân cả nước chi viện sức người sức của cho Nam Bộ.

Cuối tháng 9-1945 Xứ ủy và Ủy ban Nhân dân Trung Bộ khẩn trương thành lập Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ do đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trương Quang Giao phụ trách bao gồm các tỉnh : Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk và 4 tỉnh Cục nam Trung Bộ : Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng bảo đảm hành lang và bàn đạp chuyển lực lượng Nam tiến và trang bị vũ khí... của Trung ương và các tỉnh phía Bắc vào Nam Bộ, đồng thời sẵn sàng đối phó với các cuộc tiến công của địch và chuẩn bị đưa lực lượng của mình vào tham chiến ở Nam Bộ.

Lúc này, cả nước hướng về tiền tuyến, từ các tỉnh phía Bắc nhiều chi đội Nam tiến ngày đêm chi viện cho Nam Bộ nhất là mặt trận Sài Gòn. Bình Thuận, Ninh Thuận trở thành hậu phương trực tiếp, riêng Bình Thuận chi viện cho mặt trận Sài Gòn 2 phân đội chủ lực và 1 phân đội người dân tộc trang bị tên nỏ tẩm thuốc độc để đánh địch.

Đến tháng 10-1945 trên cơ sở Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ, Chiến khu 6 ra đời. Để ngăn chặn địch tiến ra vùng Nam Trung Bộ, Chiến khu 6 chủ trương : tích cực chặn đánh tiêu hao ngăn chặn địch từng bước, bảo tồn lực lượng ta, cố giữ cho được vùng tự do để làm căn cứ kháng chiến lâu dài.

Trên tinh thần đó, các tỉnh Cục nam Trung Bộ đã nỗ lực bố phòng, Bình Thuận đưa 1 đơn vị vào bố trí ở vùng Rừng Lá, Sông Ói, đắp ụ, phá cầu trên quốc lộ 1, đồng thời bố trí lực lượng dọc tuyến ven biển Rang, Mũi Né, Tuy Phong, để phòng địch đổ bộ bằng đường biển, cử cán bộ lên núi Cà Tót, Kênh Kênh... nghiên cứu lập căn cứ.

Ở Ninh Thuận bố phòng lực lượng từ Cam Ranh về Phan Rang và hướng đường 11 từ Phi Nôm về Tháp Chàm, sẵn sàng đánh sập cầu Tân Mỹ để chặn địch, đồng thời cử cán bộ lên Hòa Đô... nghiên cứu lập căn cứ.

Ở hướng đường 20 Lâm Viên, Đồng Nai Thượng quân ta lập

phòng tuyến trên đèo B'lao, Liên Khương, Pren để ngăn chặn địch.

Trong lúc quân dân các tỉnh Cực nam Trung Bộ tích cực ngăn chặn địch, quân Pháp thấy không thể nào đi đường bộ được, ngày 19-10-1945 chúng đã dùng tàu chiến vượt qua vùng Cực nam Trung Bộ, đổ bộ đánh vào Nha Trang mở đầu cuộc tiến công ra các tỉnh miền Nam Trung Bộ.

Ở Nam Bộ lúc này quân Pháp cũng tập trung lực lượng đánh rộng ra, ngày 22-10-1945 Pháp chiếm Thủ Dầu Một, Biên Hòa, mặt trận phía bắc Sài Gòn của ta bị vỡ, trong cuối tháng 10 và tháng 11 một số lực lượng chiến đấu ở mặt trận bắc Sài Gòn rút về Bình Thuận với nhiều đơn vị khác nhau như : Quốc gia Tự vệ Cuộc, Quốc vệ đội, Cộng hòa vệ binh, Bộ đội Nam Long, Bộ đội Quảng Ngãi, Thừa Thiên, Quảng Bình, Bộ đội Nam Châu, Bộ đội Anh Hạnh, Sư đoàn Thanh niên Tiên phong, Đệ nhất Sư đoàn, Đệ nhị Sư đoàn và một số bộ đội Nam tiến mới vào dừng lại ở Bình Thuận, Ninh Thuận.

Để thống nhất lực lượng và chỉ huy, tiếp tục đánh Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1945 tại làng Bình An (Bình Thuận) các đơn vị đã họp nhau lại cùng với lực lượng địa phương tổ chức thành 2 chi đội : Chi đội 1 phụ trách tỉnh Bình Thuận do đồng chí Nam Long làm Chi đội trưởng, đồng chí Nguyễn Sắc Kim làm Chính trị viên ; Chi đội 2 phụ trách Ninh Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng do đồng chí Cao Thanh Trà làm Chi đội trưởng, Lê Tự Nhiên làm Chính trị viên.

Như vậy, lúc này lực lượng vũ trang ở vùng Cực nam Trung Bộ được tăng cường về số lượng và chất lượng, gồm những người con ưu tú trên nhiều địa phương của 3 miền Trung - Nam - Bắc hợp lại.

* *

Sau khi quân Pháp tăng cường lực lượng, để phối hợp với cánh quân Nha Trang, ngày 19-10-1945, 1 đoàn xe cơ giới 60 chiếc chở đầy lính Pháp theo đường 1 từ Biên Hòa đánh ra Phan Thiết, đồng thời một cánh quân khác từ Bù Đốp theo đường 14 đánh ra Buôn Ma Thuột.

<https://tieulun.hopto.org>

Quân Pháp ra đến Bình Thuận đã gặp phải sức chiến đấu kiên

cường của quân và dân ta, quốc lộ 1 bị cắt thành từng đoạn, xe địch không chạy được, lại bị tiêu hao sinh lực nên quân Pháp buộc phải rút lui về Biên Hòa.

Cùng lúc với cuộc tiến công của quân Pháp, các đơn vị quân Nhật có sẵn tại chỗ, ngóc đầu dậy thực hiện "nội công ngoại kích", đến đầu tháng 11-1945 khoảng 1 tiểu đoàn quân Nhật đã đổ bộ lên bãi biển Thương Chánh - Phan Thiết phối hợp với quân Nhật tại chỗ, đòi tước vũ khí của quân ta và đánh chiếm một số nơi trong thị xã. Với thế trận chuẩn bị sẵn, quân dân Phan Thiết kiên quyết đánh trả địch, cùng với tiến công bằng quân sự, ta chủ trương cô lập triệt để quân Nhật, điện nước, lương thực, thực phẩm bị cắt, không có nguồn tiếp tế. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, toàn bộ quân Nhật ở Phan Thiết phải rút xuống phía nam.

Sau khi quét sạch bọn Nhật ở Bình Thuận, đồng chí Nam Long đưa một bộ phận Chi đội 1⁽¹⁾ ra tăng cường cho Chi đội 2 ở Ninh Thuận để đuổi quân Nhật. Trước sức tiến công quyết liệt của quân ta, sau 14 ngày cầm cự, bọn Nhật phải rút chạy về Đà Lạt, trên đường rút chúng lại bị quân ta chặn đánh gây nhiều tổn thất.

Tuy nhiên ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng ngày 11-11-1945 khoảng 300 lính Nhật tiến công trận địa đèo B'lao của quân ta; sau hơn 1 ngày chiến đấu ác liệt trận địa B'lao bị vỡ, quân Nhật tiếp tục tiến công Liên Kháng, đèo Pren, khai thông lộ 20, tiến về hợp điểm tại Đà Lạt.

Như vậy đến cuối năm 1945, với sức đánh trả quyết liệt và anh dũng, quân và dân Cục nam Trung Bộ đã góp phần cầm chân quân Pháp, làm thất bại kế hoạch nhanh chóng đánh chiếm đến vĩ tuyến 16 của chúng.

Đến cuối tháng 1-1946, sau khi có quân tăng viện từ chính

(1) Có tài liệu nói lúc này Chi đội 1 tách ra làm 2 chi đội: 1 và 3, Chi đội 1 ở lại Bình Thuận, Chi đội 3 ở Đồng Nai Thượng. Chi đội trưởng kiêm Chính trị viên ra chỉ viện cho Ninh Thuận.

quốc sang, Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp cố đánh chiếm vùng Cực nam Trung Bộ và Nam Trung Bộ, chúng đã tập trung 15.000 quân có hải quân và không quân yểm trợ do đích thân Leclerc chỉ huy mở cuộc hành quân Gaur. Lực lượng chủ yếu của chúng tập trung trên hai hướng : đường 20 - đường 11 và đường 14 - đường 21. Ngày 28-1-1946 quân Pháp từ Đà Lạt lần lượt phá vỡ các phòng tuyến của quân ta trên đường 11 tiến về đánh chiếm Phan Rang. Từ Phan Rang quân Pháp chia làm 2 cánh, 1 cánh tiến ra hợp điểm ở Nha Trang, 1 cánh đánh vào Phan Thiết. Phối hợp với cánh quân Pháp từ Phan Rang đánh vào Phan Thiết, quân Pháp từ đường 20 - Di Linh theo đường 8 đánh xuống và từ Biên Hòa theo đường 1 đánh ra. Quân dân ta kiên cường chống trả nhưng quân giặc quá mạnh, ngày 31-1-1946 quân Pháp chiếm thị xã Phan Thiết.

Thế là sau hơn ba tháng chiến đấu, quân và dân Cực nam Trung Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tích cực có kế hoạch bố phòng ngăn chặn địch, chiến đấu quyết liệt và anh dũng tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch, góp phần làm thất bại kế hoạch nhanh chóng đánh chiếm tới vĩ tuyến 16 của địch. Thế nhưng sau khi quân Pháp được tăng viện mạnh, quân dân ta chưa có kinh nghiệm chiến đấu nhiều, trong lúc vũ khí thô sơ thiếu thốn lại tổ chức bố trí lực lượng dàn đều, trận địa phòng ngự hàng ngang, chưa triệt để phá hoại cầu cống đường sá, nhất là ở hướng đường 20 và đường 11, chưa kết hợp giữa chặn đánh phía trước và tiến công tiêu hao quấy rối địch phía sau, chưa biết tổ chức tiến công chia cắt địch... nên thế trận phòng thủ của quân dân ta thiếu vững chắc, khi địch tập trung lực lượng và hỏa lực tiến công thì dễ bị vỡ.

Như vậy đến ngày 31-1-1946 các thị trấn, thị xã, các đường giao thông quan trọng ở vùng Cực nam Trung Bộ từ Biên Hòa đến Nha Trang đều bị Pháp kiểm soát.

Đảng, chính quyền cách mạng, các đoàn thể và lực lượng vũ trang ta rút về giữ các vùng nông thôn, thiết lập căn cứ tổ chức kháng chiến lâu dài toàn dân toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược.

Ở VÙNG BA BIÊN GIỚI NHỮNG NGÀY MỞ ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

PHÙNG ĐÌNH ẨM

Vùng Ba biên giới nằm trên cao nguyên M'Nông và Ch'long, khu vực tiếp giáp giữa Biên Hòa (cũ) của miền Đông Nam Bộ với Nam Trung Bộ và Đông Bắc Campuchia, quê hương của đồng bào các dân tộc M'Nông và S'tiêng, nơi đã sinh ra người anh hùng dân tộc N'trang Long lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang của đồng bào các dân tộc trong vùng chống Pháp suốt hai mươi ba năm trời đầu thế kỷ (1912-1935). Những tên thực dân đầu sỏ và tàn bạo như Hăngri Mét (Henri Maître), Tôrupho (Trouffot), Mácgăng (Margand), Gatil (Gatille) v.v... đều đến tội ở đây, khiến bọn thực dân Pháp phải thừa nhận các dân tộc ở vùng này là "không thể khuất phục" (1).

Sau phong trào N'trang Long bị thất bại vì các cuộc can quét khủng bố ác liệt của giặc Pháp, các dân tộc vùng Ba biên giới tiếp tục bị đắm chìm trong cuộc đời nô lệ đen tối dưới ách thống trị của chúng. Cách mạng Tháng Tám thành công trong cả nước, mặt trận Việt Minh đến với họ tận buôn làng hẻo lánh. Từ các dòng suối Dak Mil, Dak N'rung, Dak R'láp, Dak Lung, Dak Nhao, Dak Huýt và thượng nguồn Sông Bé, đồng bào các dân tộc M'Nông, S'tiêng kéo nhau về làng Bu Prang gần ngã ba biên giới để dự lễ chào cờ đỏ có ông sao vàng và hình của Awa Hô. Họ làm lễ "đam trâu" cúng Giàng, ăn mừng rừng nước được tự do độc lập, thoát khỏi gông xiềng của giặc Tây. Trong không khí sôi nổi cách mạng đồng bào đã đập vỡ tám bia có tên Hăngri Mét, dựng lên tám bia tường niệm N'trang Long, người anh hùng dân tộc của mình. Nhưng cách mạng giành thắng lợi chưa được bao lâu, chính quyền mới vừa xây dựng, còn bờ ngõ thì tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp núp sau lưng quân đội Anh đã nổ

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Lịch sử Đảng bộ Dak Lak, t.1, 1983.

ở Sài Gòn, đồng bào Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến chống địch. Nhân dân các dân tộc chuẩn bị bước vào cuộc đấu tranh mới. Mặt trận Ba biên giới được thành lập, do đồng chí Vũ Bình làm chỉ huy trưởng, ông Y Bih Alêo⁽¹⁾ và một người Kinh nữa làm chỉ huy phó, đồng chí Tống Đình Phương làm chính trị ủy viên⁽²⁾. Lực lượng đảm nhiệm mặt trận tuyến phòng thủ này có một tiểu đoàn, gồm lính bảo an cũ được giáo dục cải tạo và tuyển chọn lại, cùng một số tân binh và bộ đội Bắc Sơn do Trung ương chi viện, đồng bào gọi chung đó là bộ đội của "Ông Minh" (tức Việt Minh) con cháu của Awa Hồ.

Vốn có truyền thống đấu tranh vũ trang chống Pháp trong phong trào N'rang Long, đồng bào các dân tộc hăng hái giúp bộ đội xây dựng tuyến phòng thủ, đắp công sự, làm chướng ngại vật ngăn chặn địch. Cuối tháng 11-1945, quân Pháp được quân Anh che chở bắt quân Nhật dẫn đường, từ miền Đông Nam Bộ theo đường 14 đánh lên và từ Krachiê đông bắc Campuchia đánh sang. Với lực lượng đông, quân đội nhà nghề được trang bị mạnh, chúng đã dùng bộ binh và cơ giới đánh ập vào tuyến phòng thủ.

Ngày 19-11-1945 trên tuyến phòng thủ hướng Blao, từ Xuân Lộc, giặc Pháp tiến theo đường 20 lên chiếm Blao, Di Linh, Đà Lạt. Đến đèo Chuối (cách Blao 20 km về phía nam) chúng bị quân dân Đông Nai Thượng chặn đánh quyết liệt, giết chết và làm bị thương 30 tên. Đây là trận đầu tiên thực dân Pháp bị thiệt hại nặng ở vùng rừng núi Cực nam Trung Bộ⁽³⁾.

Còn ở đây, mặt trận Ba biên giới này, lực lượng ta và địch không cân sức cả quân số và trang bị. Quân ta chưa quen trận mạc, thiếu kinh nghiệm, chỉ huy có sơ hở, không nắm được tình hình nên bị đánh bất ngờ, tuyến phòng thủ nhanh chóng bị tan vỡ...

Đồng bào M'ông, S'tiêng trong vùng được hưởng không khí cách mạng với thời gian quá ngắn, cuộc đời đen tối đã trở lại với họ dưới ách thống trị lần thứ hai của giặc Pháp. Nhưng ánh sáng cách mạng, hình ảnh Awa Hồ, lá cờ đỏ sao vàng và bộ đội "Ông Minh" con

(1), (2), (3), (4) Theo Tạp chí Trung Bộ tháng 11-1945-1976 Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

cháu Awa Hồ vẫn còn nguyên vẹn trong tim họ. Năm 1960, khi đoạn cuối con đường hành lang chiến lược Bắc - Nam mang tên Bắc Hồ được khai thông đi qua vùng này, đồng bào M'Nông, S'tiêng đã nhanh chóng đứng lên, tham gia cách mạng cùng các chiến sĩ giải phóng chiến đấu bảo vệ hành lang, đánh đuổi Mỹ-ngụy. Các gia làng, những người đã từng hằng hái tham gia xây dựng tuyến phòng thủ của Mặt trận Ba biên giới 15 năm về trước say sưa kể lại diễn biến của mặt trận năm xưa mà bao kỷ ức đã đi vào lòng họ như một huyền thoại không bao giờ phai mờ.

Tháng 12-1995

SÀI GÒN 1946 – BẦU CỬ QUỐC HỘI⁽¹⁾

PHẠM TƯỜNG HẠNH

Tháng 1 năm 1946, giặc Pháp xâm chiếm nước ta lần thứ hai, từ Sài Gòn đánh phá ra các tỉnh miền Đông. Tuy vậy ở Thủ Dầu Một chúng chỉ mới lấn tới thị xã Phú Cường, Bưng Cầu, ở Biên Hòa, chúng đi qua Thủ Đức và cũng mới tiến đến trung tâm thành phố, cố gắng nối liền với Vũng Tàu qua con đường Long Thành. Phía Nam, chúng đã vượt cầu Bình Diên, chiếm Thủ Thừa và lan xuống nơi khác.

Chúng ta vẫn bao vây chặt giặc Pháp ở các vành đai ngoại ô Sài Gòn. Đơn vị chúng tôi, không phải bộ đội chính quy mà là một đơn vị thanh niên vũ trang thoát ly, chịu trách nhiệm một khu vực kéo dài từ cầu Mac-Mahon (tức cầu Công Lý bây giờ) lên đến Hòa Hưng, Bà Queo. Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là canh gác các ngã đường vô khu giải phóng, bao vây kinh tế địch và kiểm soát Việt gian, gián điệp trà trộn, không cho chúng lọt ra phần đất ngoại ô.

Ngày 1 tháng 1 năm 1946 anh Trần Bửu Kiếm, lúc đó phụ trách tuyên truyền của Đoàn Thanh niên Nam Bộ đóng tại Chợ Đệm, có lệnh gọi một số anh em tôi về họp nghe chỉ thị mới.

Anh phổ biến việc bầu cử Quốc hội và nói sẽ tiến hành vào ngày 6 tháng 1 tới đây. Chúng tôi, lúc đó còn rất trẻ, hầu hết là anh em nghèo có người chẳng hiểu Quốc hội là như thế nào. Có anh giải thích rằng Quốc hội của ta cũng giống như Nghị viện của các nước độc lập. Chính ra chúng tôi cũng chưa hiểu được Nghị viện làm những công việc gì. Chỉ biết rằng đó là công việc của Nhà nước ta, của dân ta thì việc gì cũng phải, cũng tốt và cần hết lòng, hết dạ làm cho tốt.

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Trích từ cuốn "Giọt máu cho đời" của Phạm Tường Hạnh

Chúng tôi lãnh một gói to truyền đơn, biểu ngữ đem về tuyên truyền trong dân chúng.

Lúc đó, chúng tôi có một người lãnh đạo tại địa phương. Anh Giỏi. Anh là một người thợ nghèo ở Xóm Mới, chúng tôi vẫn thường gọi là anh Ba. Trông anh rất lam lũ nhưng nghe anh nói chuyện thì rất hay. Anh nói cái gì cũng trúng phóc và tìm gan chúng tôi.

Ở địa phương, anh Ba Giỏi triệu tập chúng tôi họp. Ngoài việc tuyên truyền như Đoàn Thanh niên đã phân công, anh Ba trao nhiệm vụ cho đơn vị chúng tôi canh gác những nơi bỏ phiếu và yểm trợ cho đồng bào đi bầu cử.

Trong số truyền đơn chúng tôi đưa vô trung tâm Sài Gòn để tuyên truyền cho ngày bầu cử do anh Trần Bửu Kiếm gửi về làm nhiều đợt, có một bài hiệu triệu của Bác Hồ.

Đọc tờ hiệu triệu này, chúng tôi rất xúc động và hiểu rằng cuộc bầu cử này chính là để góp sức với miền Nam thay mặt cả nước đánh đuổi bọn thực dân Pháp. Chúng tôi đã chép tay thêm ra nhiều bản, dán và rải đều khắp. Đêm sau, chúng tôi vô nội thành chỗ nào thấy thiếu, thấy mất, lại dán thêm vô mãi. Danh sách ứng cử viên cũng do anh em tôi chép tay thêm dán kèm với bài hiệu triệu của Bác Hồ.

Dưới sự hướng dẫn của anh Ba Giỏi, các thôn xóm vùng Hòa Hưng đến Xóm Mới đêm đêm bà con hội họp nhau thảo luận về ý nghĩa và nhiệm vụ mỗi người công dân bầu cử người thay mặt cho mình, góp sức làm cách mạng, giành lấy quyền độc lập, tự do cho dân, cho nước.

Bà con ta rất thiết thực, liên hệ ngay những nhiệm vụ trước mắt để ủng hộ và hưởng ứng ngày bầu cử Quốc hội. Bà con nói : "Ngay từ bây giờ, chúng ta cần phải thực hiện triệt để nhiệm vụ bao vây kinh tế địch, không bán lương thực cho Pháp, không đi làm cho Pháp, phải tích cực giúp đỡ các con chiến sĩ, phải khuyến bảo con em tham gia cách mạng... Mỗi người một tay thì nước mình mau độc lập, dân mình mau tự do..."

Để đối phó với cuộc bầu cử Quốc hội của ta tiến hành ngay giữa lòng Sài Gòn bị chiếm đóng, giặc Pháp tăng cường mở rộng đơn bốt

Trong địa bàn hoạt động của chúng tôi, chúng lập thêm chốt ở Hòa Hưng trong một chiếc lỗ cốt cũ. Chúng chiếm nhà ga Chí Hòa lập thành một công sự kiên cố và có thêm một chốt gác ở cầu Mac Mahon. Chúng tăng cường cho mỗi nơi này một khẩu đại bác 75, một súng máy, bán khung bố liên miên không có giờ giấc nào vào đầu hôm và sớm mai.

Đơn vị chúng tôi, lúc đó kể như một đơn vị địa phương quân, có một mớ súng và lựu đạn như vậy, nhưng nguồn bổ sung duy nhất chúng tôi trông cậy lại là do các em thiếu nhi lấy đạn của địch đưa ra.

Ngày 6-1-1946 thật là một ngày thiêng liêng đối với chúng tôi. Khu vực chúng tôi là một vùng giải phóng khá an toàn. Ngoài đại bác của giặc bắn khung bố, chúng vẫn chưa đặt chân tới được. Đúng 5 giờ sáng, theo kế hoạch đã định, chúng tôi làm lễ chào cờ ở bốn phòng bỏ phiếu. Ngoài ra, ban bầu cử còn trao cho chúng tôi mấy thùng phiếu lưu động để đưa đến những nhà có ông già bà cả hoặc những nơi do địch canh gác chặt chẽ không đi bỏ phiếu được.

Những nơi bỏ phiếu đều có treo cờ kết hoa. Bàn thờ Tổ quốc uy nghi giữa nhà có trầm hương, có mâm trái cây, bình bông và đốt một đôi đèn cây.

Lúc đó ở miền Nam chưa có bài *Tiến quân ca*. Chúng tôi hát bài *Hồn Việt Nam* để chào cờ: "*Hồn Việt Nam biết hy sinh, biết chiến đấu, bao năm qua còn lưu dấu...*". Tiếng hát trầm hùng càng làm cho không khí thêm tôn nghiêm. Cô bác lão thành, các bà, các má, các anh chị thanh niên người nào cũng xúc động. Từng tốp người lặng lẽ bước tới trong không khí uy nghi ngày thiêng liêng của đất nước, bỏ phiếu xong lại lặng lẽ ra về như để giữ mãi giây phút quý báu khôn cùng ấy trong tâm hồn.

Anh em đơn vị chúng tôi nài nỉ gạn gông canh gác và phục sẵn các ngã đường, bảo vệ cho bà con đi bỏ phiếu và sẵn sàng chiến đấu, nếu giặc Pháp và bè lũ đến quấy phá.

Anh Ba Giỏi đi rào suốt từ Hòa Hưng về đến Xóm Mới thông báo cho chúng tôi tình hình địch đối phó ở các nơi và những câu chuyện trong phòng bỏ phiếu. Mặc anh đến sớm nhưng tiền tố, anh

ít khi cười, nhưng đôi mắt rất vui. Anh rất sung sướng vì đồng bào trong khu vực ta đã đi bỏ phiếu đông đủ. Có bà con chưa biết chữ nhờ anh em ta viết phiếu giùm, hỏi bà con bỏ phiếu cho ai. Bà con bảo : Tôi bỏ phiếu cho Cụ Hồ. Có người còn bảo : Bấy cứ ghi vô đó là tao tin nhiệm Cụ Hồ, Cụ cử ai, tao cũng bằng lòng ráo.

Đến 9 giờ sáng, nơi bầu cử chỗ chúng tôi đã gần vãn thì anh Ba Giỏi tới điều một bộ phận của anh em tôi chạy vô Phú Lâm, tăng cường cho bà con trong đó vì giặc Pháp đang khủng bố nhưng nơi bỏ phiếu.

Anh em chúng tôi chạy dọc theo mé ruộng đến nhĩ ti Phú Thọ, (bây giờ là bãi ra đũa). Lúc đó phía bên kia nhĩ ti có một vương tre mỗi bề độ hơn cây số, vây chung quanh thôn xóm của bà con. Vương tre dày bít, thủ một cây sừng máy phía trong này giặc Pháp không tài nào vượt qua nổi nhĩ ti. Bấy giờ bà con ta cũng vẫn đang bỏ phiếu, nhưng đơn vị thanh niên tự vệ ở đây đã được điều vô miệt Nancy Arras tiếp cứu một cánh đang bị giặc Pháp bao vây trong lúc đi hỗ trợ cho thùng phiếu lưu động. Xóm Nancy Arras ở khoảng Sở chữa lừa (Ban An ninh Nội chính thành phố bây giờ). Anh em ta cố thủ trong một đường hẻm. Giặc Pháp và bè lũ bao vây bên ngoài. Một toán của chúng tôi được lệnh chỉ viện giải vây cứu lấy anh em ta và thùng phiếu đem về.

Chúng tôi luôn sau những ngõ tắt chia tay với chỉ huy hứa với các anh trong Ban chỉ huy quyết hoàn thành nhiệm vụ.

Giặc Pháp bất ngờ bị đánh ngay từ sau lưng, chúng hốt hoảng tháo chạy để lại mấy xác chết. Chúng tôi mở đường máu chạy vô xóm mấy anh bị thương tay còn giữ chặt thùng phiếu trong lòng. Lách qua cổng sau những nhà đồng bào, xế chiều thì về đến Phú Lâm, Một đồng đội đã trút hơi thở cuối cùng trên lưng anh em tôi, một anh khác cũng đã yếu lắm vì ra nhiều máu. Thùng phiếu ướt đầm máu các đồng chí chúng tôi được trang trọng đặt trên bàn thờ Tổ quốc.

Chiều đó, thùng phiếu này được mở đầu tiên. Nhưng lá phiếu tẩm những giọt máu đào được kính cẩn đọc lên. Chúng tôi thấy có những lá phiếu ghi : Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm. Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm. Không ai bắt buộc nghe ngóng xúc động.

TRONG VÒNG VÂY BỌN CÔN ĐỒ

TRẦN BẠCH ĐĂNG

Ngày 1-5-1946, Phan bộ Việt Nam của Quốc tế Thợ thuyền (SVIO = Section Vietnamienne de L'Internationale Ouvrière), ta thường gọi là Đảng Xã hội đệ nhị Quốc tế, tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 tại trụ sở của Đảng ở đường Vaissogne, nay là Lý Trần Quán, Tân Định. Hàng mấy trăm người thuộc giới thợ, viên chức, trí thức đến nghe nhà văn Thiệu Sơn nói chuyện về đề tài thống nhất nước Việt Nam, chống âm mưu thành lập "Nam Kỳ quốc", chống cuộc chiến tranh của Pháp và đòi thương lượng với Chính phủ Cụ Hồ.

Chủ trì cuộc mít tinh là đảng viên Đảng Xã hội Padovani. Tham dự mít tinh có những người trong nhóm Văn hóa Mácxít như Paul Valère, René L'Hermite. Đại úy Rouen (vết thương Cái Răng chưa lành hẳn), và đại tá quân y Haslé cũng có mặt. Nhà văn Thiệu Sơn nói rất hùng hồn, cử tọa vỗ tay từng chập.

Bảy giờ Đảng Xã hội thắng cử ở Pháp, lãnh tụ Félix Gouin làm Thủ tướng, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp Maurice Thorez làm Phó Thủ tướng. Ở Sài Gòn, chi nhánh Đảng Xã hội Pháp (SFIO) xuất bản tờ báo *Justice (Công Lý)* và nhóm các anh Thiệu Sơn, Sĩ Hồng, Dương Tử Giang... xuất bản tờ *Việt Báo*. Nghĩa là Đảng Xã hội có thanh thế chính trị tại đây. Và, vào thời điểm đó, một bộ phận tích cực trong Đảng Xã hội vẫn liên minh chặt chẽ với Đảng Cộng sản ngay tại Sài Gòn.

Cuộc mít tinh suôn sẻ từ đầu đến cuối. Tuy nhiên, bảy giờ, Sài Gòn ở trong tình trạng rất căng thẳng do hoạt động của Nguyễn Tấn Cường, Giám đốc Công an Nam Việt đồng thời là thủ lĩnh của cái gọi là "Mặt trận Bình dân Nam Kỳ" gây rối khắp nơi: Ở bùng binh chợ Bến Thành, khẩu hiệu càng la liệt, có tiếng Pháp, có tiếng Việt, như: "Đả đảo Bắc Kỳ bán nước", "nước Nam Kỳ tự trị, muôn năm..." (A bas

l'impérialisme Tonkinois ; Vive la République Cochinchine autonome). Trận chiến đấu giữa đại đa số nhân dân đòi thống nhất với nhóm phân ly này diễn ra thật gay gắt, thậm chí đổ máu.

Trong lúc chúng tôi dự mít tinh thì lực lượng "Bình dân Nam Kỳ" đã triển khai bao vây trụ sở Đảng Xã hội, mỗi tên thủ một khúc củi chèn, chờ chực ngay cổng. Vừa tan mít tinh, những người trong trụ sở bước ra gặp liền bọn cón đồ, chững báo : "Nói đi ! Tân Sơn Nhất". Một số anh em không nói được chữ *Nhứt* mà *Nhứt* thì lập tức chúng đánh. Tình hình thật hỗn loạn. Ở đầu đường, xe cảnh sát sẵn sàng "hốt" những người dự mít tinh không nói được chữ *Nhứt* đem về bốt. Anh Thiệu Sơn nảy ra liền một sáng kiến khá độc đáo mời đại úy Rouen và đại tá Haslé, lon sĩ quan vàng ché, huy chương đầy ngực - riêng Rouen còn chống nạng đi khập khiễng - dẫn đầu để mấy trăm người bước theo. Các đồng chí Pháp khác chia nhau bảo vệ khúc giữa và một số "đoạn hậu". Thấy cấp hiệu đại úy, đại tá của hai "ông Tây", thấy nhiều "ông Tây, bà đầm" quá, đám "Mặt trận Bình dân" rút lui và xe cảnh sát cũng động máy. Tuy nhiên, chúng tôi cẩn thận, sau đó phân tán vào các hẻm để tránh bị "bắt nguội".

Có lẽ đó là một kỷ niệm khó quên đối với tôi trong những năm hoạt động ở Sài Gòn.

9-1996

CHI ĐỘI 6 GIẢI PHÓNG QUÂN

VIỆT TÂN

Sau hội nghị quân sự ở An Phú Xã do ông Nguyễn Bình chủ trì, ở miền Đông Nam Bộ, cuối năm 1945 và đầu năm 1946, nhiều Chi đội Giải phóng quân đã được thành lập. Hướng bắc Sài Gòn, Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa được tổ chức lại thành Chi đội 12, cán bộ, chiến sĩ phần lớn xuất thân từ 18 Thôn Vườn Trầu, cái nôi của cách mạng. Ở tây nam Sài Gòn, Bình Xuyên đầu tiên hình thành hai Chi đội 2, 3 và sau thêm nhiều chi đội, ở Thủ Dầu Một có Chi đội 1, Tây Ninh Chi đội 11, Đồng Nai Chi đội 10, Bà Rịa Chi đội 16. Ở hướng đông Sài Gòn, trên vùng đất Thủ Đức, Gò Vấp, Di An, các lực lượng vũ trang được tập trung lại tổ chức thành Chi đội 6 Giải phóng quân. Phần lớn anh em chiến sĩ không những thoát ly từ các xí nghiệp trong vùng như đê-pô Di An, các đội vũ trang Thanh niên Cứu quốc, mà còn từ các đơn vị, nhiều xí nghiệp ở trung tâm Sài Gòn bung ra.

Ngày 23-9-1945, một cuộc mít tinh lớn thu hút hàng nghìn đồng bào đồng nghet cả trong và ngoài rạp hát Gò Vấp. Đại diện Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Gia Định thông báo hành động gây hấn của thực dân Pháp ở Sài Gòn, đọc hiệu triệu chiến đấu của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ. Đồng bào sục sôi căm thù quân giặc hó vang "Quyết chiến - Quyết chiến". Ủy ban Kháng chiến tỉnh được thành lập. Nguyễn Văn Dung, một công nhân, đảng viên cộng sản bị địch bắt đày ra Côn Đảo trở về được cử làm Ủy viên trưởng (Chủ tịch) kiêm phụ trách quân sự, trực tiếp xây dựng và chỉ huy lực lượng vũ trang ở 3 khu vực Gò Vấp, Thủ Đức, Di An.

Sài Gòn mở đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với 16 điểm chiến đấu bên trong nội thành và 4 mặt trận bao vây địch từ bên ngoài.

<https://tieulun.hopto.org>

Các lực lượng vũ trang Gò Vấp, Thủ Đức, Di An và các đơn vị

của Tổng Công đoàn Nam Bộ, bộ đội Nam tiến... tham gia Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định và còn lại là Mặt trận tiền tuyến miền Đông.

Lực lượng vũ trang vừa được hình thành từ các Đoàn Thanh niên Cứu quốc ở các làng, xã và xí nghiệp đã bước ngay vào cuộc chiến đấu, từ mặt trận thọc sâu vào trung tâm Sài Gòn tấn công địch nhiều trận. Đêm 27-9 chiếm bót Tân Bình (Phủ Nhuận cũ), phục kích ngã ba Chú Ía diệt một xe gíp, bắn chết đại tá Mỹ Dewey, đại diện cơ quan tình báo chiến lược Mỹ ở Sài Gòn. Đêm 29-9-1945, Hứa Văn Yến và Trần Đình Xu chỉ huy lực lượng trường Võ bị tỉnh Gia Định đánh chiếm kho gạo và kho vải, bức hàng một trung đội lính Nhật, thu 10 súng.

Ngày 16-10-1945, Mặt trận tiền tuyến miền Đông bị vỡ. Địch đánh bùng ra hồng chiếm các vùng ngoại thành Sài Gòn. Lực lượng vũ trang của ta gồm bộ đội của Gò Vấp, của Công đoàn tỉnh do Mười Lực chỉ huy, Quốc gia tự vệ của anh Cơ, lực lượng trường Võ bị tỉnh, một phần bộ đội Tổng Công đoàn Nam Bộ do đồng chí Lý Chính Thắng trực tiếp chỉ huy lui về bố trí ở Xóm Thuốc, Đồng Ông Cộ, Cây Diệp... Đồng chí Lý Chính Thắng còn lập trạm tại An Phú Đông đón tiếp công nhân từ Sài Gòn tình nguyện ra tham gia kháng chiến.

Ở hướng Thủ Đức, Dĩ An, địch mới bùng ra được 1 ngày đã bị bộ đội của Thanh niên Cứu quốc các xã Linh Trung, Phong Phú, Chợ Nhỏ, Xuân Hiệp, Trường Thọ do Thái Văn Lung chỉ huy đánh một trận từ 7 giờ cho đến 10 giờ tối gây nhiều thiệt hại, buộc chúng phải rút về Sài Gòn. Tháng 11-1945 địch lại bị bộ đội do Trần Thắng Minh và bộ đội do Đào Sơn Tây chỉ huy phục kích tại ngã ba Xuân Hiệp, đánh thiệt hại nặng. Bộ đội của Trần Thắng Minh và Đào Sơn Tây còn tập kích vào quân địch ở Chợ Nhỏ, diệt nhiều tên, thu được nhiều súng, vũ khí rất quý cho bộ đội trong những ngày đầu kháng chiến.

Cuối tháng 11 năm 1945, sau 2 tháng chiến đấu ngoan cường ngăn chặn địch bùng ra lấn chiếm, Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh tiến hành tiếp quản quân dân chính Đảng tại Vườn Cau Đỏ, xã Thạnh Lộc, nhứt trí chủ trương tổ chức thống nhất các lực lượng

võ trang xây dựng căn cứ kháng chiến của tỉnh ở An Phú Đông và Thạnh Lộc.

Lực lượng võ trang Gò Vấp được tổ chức lại thành 8 phân đội do Hứa Văn Yến - Chỉ huy trưởng, Trần Đình Xu - Chỉ huy phó, mỗi phân đội từ 50 đến 60 người.

Lực lượng võ trang Thủ Đức do Thái Văn Lung chỉ huy gồm 4 phân đội :

- Bộ đội 44 do lực lượng võ trang Tăng Nhơn Phú và Linh Trung nhập lại.

- Bộ đội 45 là lực lượng võ trang của Chợ Nhỏ và Mỹ Thiều hợp nhất.

- Bộ đội 46 gồm lực lượng võ trang Trường Thọ và một số lính mã tà theo cách mạng.

- Bộ đội 43 là lực lượng võ trang từ Tân Bình ra gồm phần lớn là anh em thợ thuyền và lớp nghèo thành phố do Nguyễn Thế Truyện chỉ huy.

Ở Dĩ An tổ chức thành 2 đơn vị :

- Bộ đội Trần Thắng Minh.

- Bộ đội Đào Sơn Tây.

Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh tổ chức các cơ quan, đơn vị hậu cần bảo đảm cho các lực lượng vũ trang của tỉnh :

- Ủy ban tiếp tế gồm trên 500 người do Nguyễn Văn Công phụ trách. Phụ tá có Nguyễn Văn Tư, Võ Huy Phúc, Nguyễn Văn Hưng, Xuân Miên, Nguyễn Văn Hi, Võ Huy Châm, Nguyễn Hữu Phát. Ủy ban tiếp tế chia làm nhiều bộ phận : kho tàng, vận tải, cứu thương, bệnh xá, binh công xưởng v.v...

- Ban cứu thương có trên 100 anh chị em từ nhà thương Bà Chiểu tình nguyện ra chiến khu phục vụ chiến sĩ. Không có bác sĩ, đơn vị tổ chức một vụ đột nhập táo bạo vào nhà thương "bác cóc" y sĩ Trần Quang Quát đưa về An Phú Đông. Ông đã góp nhiều công sức xây dựng ngành quân y của tỉnh (tập kết ra miền Bắc được cử

làm Giám đốc bệnh viện A Hà Nội).

- Binh Công xưởng phần đông là công nhân từ xưởng Ba Son vác đồ nghề ra bung, lúc đầu chỉ 10 người đóng tại nhà Đốc phủ Cương (An Nhơn), sau qua An Phú Đông, phát triển lên 40.50 người, có nhiều công nhân tay nghề rất giỏi như Ba Bửu, Tư Lâm, Tám Thanh.

Cuối năm 1945, Chiến khu An Phú Đông được xây dựng. Một cù lao bầu dục, rộng chỉ chừng 10 km, nằm cách trung tâm Sài Gòn chỉ có 4 km. Chiến khu trở thành căn cứ không những của cơ quan quân, dân, chính, Đảng của tỉnh mà còn là của các cơ quan kháng chiến của Nam Bộ và Sài Gòn. Cũng tại nơi đây, tờ báo *Cám Tử* mỗi tháng phát hành hơn 4.000 tờ tung về thành phố Sài Gòn đưa tin về cuộc chiến đấu của toàn thể quân và dân ta ở Miền Nam. An Phú Đông trở thành cái gai khó chịu trước mắt quân thù. Cuối tháng 12-1945 và đầu tháng 1-1946, giặc Pháp đã liên tiếp mở hai cuộc hành quân lớn gồm cả ngàn quân vào Chiến khu An Phú Đông. Bộ đội, du kích quần nhau với địch từ 5 giờ sáng cho đến 2, 3 giờ chiều, đẩy chúng vào "mê hồn trận". Đỗ Văn Ôn, Chỉ huy Phân đội 18 vận động nhân dân lợi dụng nước lớn dờ cồng, bừa bờ rạch, bờ mương cho nước ngập tràn buộc giặc lặn hụp dưới mương sâu, lội đường trơn trượt, dơ lưng cho chiến sĩ ta nổ súng, giật mình làm nhiều tên chết. Địch đốt nhà, bắn trâu, sát hại đồng bào. Nhưng An Phú Đông vẫn đứng vững :

"Bạn đã từng nghe An Phú Đông

Một làng nhỏ nhỏ ở ven sông

Một năm chinh chiến ! Ôi chinh chiến

Sông nước Sài Gòn nhuộm máu hồng..."

Chiến khu An Phú Đông anh dũng trở thành cái nôi ra đời Chi đội 6 Giải phóng quân. Ngày 1-3-1946, chấp hành quyết định của Bộ Tư lệnh Khu 7, Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến tỉnh Gia Định tiến hành hội nghị quân sự tại An Phú Đông thống nhất các lực lượng ở trang 3 khu vực Gò Vấp, Thủ Đức và Dĩ An, tổ chức đem về tập trung : Chi đội 6 Giải phóng quân. Ban chỉ huy có Nguyễn Văn Dũng - Chi

thi trường Phạm Văn Lương - Chính trị viên, Nguyễn Văn Long -
Đội trưởng.

Đội trưởng là Phạm Văn Lương (sau được thăng cấp):

- Đội gồm 30 tên Sĩ Quan cũ lúc đầu Hòa Văn Yên làm chỉ huy
trường, sau Trần Đình Kỳ thay. Quân số hơn 2000 người.

- 100 là số lính Sĩ Quan cũ được lại gồm 500 tên lính, chiến sĩ của
Đội Trưởng Trường Minh là chỉ huy trưởng, sau Đào Sơn Tây thay.

- Đây là Đội Văn Lương là chỉ huy trưởng.

Ngoài các tên lính Sĩ Quan, các đội còn tổ chức Ban liên lạc là tổ
chức thông tin và ngoại giao với các thành Sài Gòn.

Đội trưởng là Trần Đình Kỳ bỏ hậu phương sau được Ủy ban
Kháng chiến nhân dân miền Nam Bộ chấp thuận và quyết định lấy tên
là Đội Trưởng của tiểu trường. Dựa vào uy tín của bác sĩ Phạm Ngọc
Thạch và Trần Văn Lương nên là cơ thể có tên tuổi cũng như là nhân
số có một phần. Hồi quân trước rất mạnh, có lực lượng viên chức trước
hơn 1.000 người. Phải là sĩ quan nắm tình hình địch cũng cấp cho Chi
Đội, số này lại sang Thủ Nghệ lấy đạn và lấy sắt thép ở xưởng Ba
Đàn là một lực lượng rất lớn.

Chiến sĩ của Chi đội gồm từ thành phần công nhân, nông dân,
lao động nghèo. Các sĩ quan Chi đội chia đến phân đội, tiểu đội, học sinh
là đang là Chi đội trưởng và một số chỉ huy đại đội như Nguyễn
Văn Lương, Đào Sơn Tây là giảng viên, có các công nhân đã từng tham
sự các sự kiện để kích hoạt công nhân đấu tranh, có người lại là trí
thức là sĩ quan của Phan để giác ngộ tham gia cách mạng chiến đấu
đồng tâm, đồng sức nhằm nhằm tranh giành giật.

Tên tuổi như anh Trần Văn Lương, vô danh Tây tên là Albert,
qua Pháp học Đại học quân sự, gia nhập quân đội Pháp theo nghĩa
và phải nghỉ làm trung sĩ Thủ trưởng thêm Sài Gòn, Tổng khởi nghĩa
sau được bổ tá quốc tịch Pháp trở lại quốc tịch Việt Nam theo nghĩa
định của Chính phủ, gia nhập lực lượng vô trang cách mạng và trở
thành người chỉ huy đồng tâm, nhất sức Kháng chiến và sau Pháp
hồi, sau này ông là một thành viên của Ban văn nghệ nhiều chủ
đề sáng tạo một số tiểu phẩm về kháng chiến. Anh tâm sự với người

bạn cùng bị bắt : "Tôi sung sướng biết bao vì đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nếu em còn sống thoát ra nói với đồng đội hết mình chiến đấu cho đến ngày thắng lợi cuối cùng". Giặc hèn hạ thủ tiêu anh, phao tin anh tự sát. Gương hy sinh anh dũng và bất khuất của anh Thái Văn Lung đã cổ vũ toàn Chi đội cùng như các lực lượng vô trang miền Đông xông lên chiến đấu và chiến thắng.

Thực hiện phương châm, phương thức : Dựa vào dân, tham gia xây dựng cơ sở, chính quyền, phát triển dân quân du kích, phải đẩy mạnh tác chiến mới bảo toàn lực lượng, bảo vệ chính quyền và nhân dân, Chi đội tổ chức thành 3 lực lượng : một bộ phận bám trụ địa bàn, phân tán nhỏ, đẩy mạnh chiến tranh du kích, 4 phân đội trinh sát thọc sâu vào vùng bị địch chiếm và nội đô, tấn công địch, xây dựng cơ sở, một bộ phận gồm 2 đại đội tổ chức thành *Chi đội cơ động* do Nguyễn Văn Công, Chi đội phó, chỉ huy lưu động chiến đấu sang cả Bến Cát, Hóc Môn, Trảng Bàng. Đức Hòa để phối hợp chiến đấu với các đơn vị bạn.

Trong hợp đồng chiến đấu với các đơn vị bạn nổi bật là trận đánh cuộc can lớn của địch tại Trung Lập, An Nhơn Tây (Củ Chi). Đại tá Sérigné chỉ huy toàn bộ bán Lữ đoàn lê dương Pháp số 13, có pháo binh và máy bay yểm trợ tối đa, tấn công hòng diệt Chi đội 6 lưu động tại Xóm Ràng, Tâm Lanh. Chi đội chỉ có 2 đại đội đương đầu với 4 tiểu đoàn lê dương được trang bị cực mạnh. Cuộc ác chiến diễn ra từ 5 giờ 30 cho đến 9 giờ 30 sáng. Địch dùng 14 xe đổ xuống Trung Hưng bọc sườn thật chặt vòng vây. Quân ta gần hết đạn, địch ào ạt xung phong. Nghe tiếng súng, Đại đội B, Chi đội 11 do Trần Minh Ngọc chỉ huy cách Tâm Lanh hơn 10 km đồng loạt nổ súng vào quân địch mới đổ xuống xe. Được chi viện của đơn vị bạn toàn thể Chi đội 6, với số đạn còn ít ỏi, đã dùng tiếng thét xung phong áp đảo địch. Địch hoảng sợ bỏ chạy, ta rượt theo. Kết quả diệt hơn 300 tên địch. Địch hoảng sợ bỏ chạy, ta rượt theo. Kết quả diệt hơn 300 tên địch, đánh thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn, thu nhiều súng, có 1 trọng liên, 1 đại liên, 5 trung liên.

Các đại đội trong Chi đội đã đánh địch với nhiều phương thức hết sức linh hoạt. Hai đồng chí Hứa Văn Yến, Trần Đình Xu chỉ huy Đại đội 5 cái trang bị súng ít mà của làm, bất ngờ xông vào đồn diệt toàn bộ 60 tên địch, có 3 tên Pháp, thu toàn bộ vũ khí, có một đại

liên. Đỗ Đức Mai, chiến sĩ, chiến đấu rất anh dũng hy sinh tại trận được Chi đội đặt tên cho khẩu đại liên chiếm được. Sau trận này hàng loạt trận đánh cái trang đã thu được thắng lợi lớn. Trận tháng 3-1947, ta dùng hàng binh Pháp, Nhật giả sĩ quan Pháp dẫn lính là chiến sĩ cái trang ngang nhiên đi thẳng vào bót tập hợp lính để kiểm tra, bất ngờ nổ súng diệt toàn bộ bót Tân Thông chỉ cách Củ Chi 2 km. Sau trận này, Chi đội thành lập *Bộ đội Tân Thông* gồm hàng binh Pháp, Nhật và cán bộ, chiến sĩ ta biệt tiếng Pháp.

Đầu năm 1948, thực hiện chủ trương của Bộ tư lệnh Khu 7 thành lập các trung đoàn, Chi đội 6 tổ chức thành Trung đoàn 306, và sau sát nhập thêm Trung đoàn Phạm Hồng Thái (được tổ chức lại thành một tiểu đoàn hoạt động nội thành) thành trung đoàn 306 - Phạm Hồng Thái trực thuộc Đặc khu Sài Gòn - Gia Định. Chi đội 6 Giải phóng quân đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ của mình trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ở vùng ven và nội đô Sài Gòn - Gia Định.

CHI ĐỘI HẢI NGOẠI 4

LÊ QUỐC SÀN

Chi đội Hải ngoại 4 tức Chi đội Trần Phú là một trong bốn đơn vị vũ trang, gồm con em Việt kiều từ Thái Lan và Lào về chiến đấu ở Nam Bộ.

I. NGUỒN GỐC CỦA CHI ĐỘI

Nói về Chi đội Hải ngoại 4 không thể không nói đến khối Việt kiều yêu nước ở Thái Lan và Lào.

Sự hình thành khối người Việt ở Thái Lan và Lào có mối quan hệ khăng khít với quá trình lịch sử và cách mạng ở nước ta. Nói rõ nhất là những đợt di cư có tính chất tị nạn :

Những năm cuối thế kỷ XVIII, Nguyễn Ánh cùng một số quan quân, bị quân Tây Sơn - Nguyễn Huệ đánh đuổi, phải chạy sang tị nạn ở Thái Lan (lúc đó gọi là Xiêm). Dưới thời Tự Đức, người Việt theo đạo Gia-tô bị bức bách, năm 1885-1886 một số giáo dân chạy sang Lào rồi sang Thái Lan.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của các sĩ phu Văn Thân, Cần Vương cuối thế kỷ XIX, các phong trào yêu nước Duy Tân, Đông Du những năm đầu thế kỷ XX đều lần lượt bị thất bại. Những người yêu nước này đã vượt Trường Sơn sang Lào, rồi sang Thái Lan nương náu tạm thời để chờ thời cơ cứu nước.

Cùng vài trăm gia đình sinh sống ở Thái Lan trước đó, những người yêu nước đợt này hợp thành những bản làng người Việt định cư dọc theo hai bên bờ sông Mê Kông ở hai nước Thái Lan và Lào. Lớp người này, đã trở thành những cơ sở cách mạng ở phía tây Tổ quốc, góp phần quan trọng vào việc tiếp đón, nuôi dưỡng, đào tạo cán bộ cho các phong trào cách mạng trong nước ; đưa thanh niên yêu nước ra nước ngoài, đón các nhà ái quốc về nước.

Mùa thu năm 1926 đến cuối 1929, Việt kiều ở Thái Lan được đón tiếp Bác Hồ, lúc đó là Nguyễn Ái Quốc, lấy tên Thấu Chín đến hoạt động trên đất Thái Lan. Bác đã đi nhiều nơi, mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước trong Việt kiều. Lòng yêu nước trong Việt kiều được nâng lên trình độ mới.

Năm 1930-1931, Xô Viết Nghệ Tĩnh bị chìm trong máu lửa, một số đảng viên và quần chúng cách mạng chạy sang Thái Lan, càng nâng cao chí căm thù và lòng yêu nước của Việt kiều.

Ở Lào, từ khi giặc Pháp xâm lược 3 nước Đông Dương, để khai thác tài nguyên của nước Lào, thực dân Pháp đã đưa sang Lào hàng vạn công nhân, viên chức người Việt làm việc ở các công sở, hầm mỏ, làm đường nối liền 3 nước Đông Dương. Phong trào Việt kiều yêu nước ở Lào cũng phát triển song song với phong trào Việt kiều yêu nước ở Thái Lan. Năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, các đảng viên Lào - Việt sát cánh bên nhau, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đình công, bãi thị chống chế độ hà khắc ở hầm mỏ, trên công trường làm đường...

Trong những năm từ 1937, đế quốc Pháp bắt tay với phong kiến quân phiệt Thái Lan, khủng bố phong trào Việt kiều ở Lào và Thái Lan rất tàn bạo. Hầu hết cán bộ và quần chúng cách mạng của ta bị bắt, bị tù đày, bị trục xuất. Phong trào Việt kiều ở Thái Lan, Lào tạm thời bị lắng xuống.

Năm 1941 - 1942, cán bộ ta bị bắt, bị tù ở Thái Lan lần lần được thả ra. Năm 1943 Bao vận động Việt kiều được thành lập, gây dựng lại phong trào, tổ chức quần chúng vào các Hội tương tế. Năm 1944, thành lập Hội Việt kiều Cứu quốc chống Pháp, chống Nhật. Phong trào phát triển lên cao đòi hỏi phải tổ chức thống nhất và sự lãnh đạo phải chặt chẽ, nên đầu năm 1945 các Hội Việt kiều Cứu quốc thống nhất thành Tổng hội Việt kiều Cứu quốc Thái - Lào...

Về lãnh đạo thì một số đồng chí trung kiên trong các Ban vận động Việt kiều Cứu quốc được tổ chức lại thành đội Tiên phong. Đội Tiên phong là tổ chức Đảng duy nhất trực tiếp bình thủ ở Đông Dương rất khẩn trương, đội Tiên phong chủ trương phát động rộng

rải phong trào Cứu quốc trong Việt kiều và chuẩn bị lực lượng quân sự. Đội đã cử người đi quan hệ với Đảng Thái Tự do (Sérithay) - là đảng có tư tưởng tiến bộ chủ trương chống Nhật, đề nghị họ giúp đỡ để thành lập chiến khu Việt kiều. Do có quan hệ tốt từ trước, nhất là Việt kiều đã tích cực cùng nhân dân Thái Lan tham gia chống Nhật, nên được Đảng Thái Tự do tán thành và tích cực giúp đỡ.

Tháng 3-1945, một số đảng viên và nam nữ thanh niên Việt kiều ở Thái Lan và Lào tập trung về vùng Phuphan, bản Tà Ngoi, tỉnh Sakon (đông bắc Thái Lan) để xây dựng chiến khu và thành lập Việt Nam độc lập quân. Chỉ trong vòng một tháng đội quân này đã lên đến gần 140 người.

Tháng 6-1945, thực hiện chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho các đồng chí ở Lào và Thái Lan, Đội Tiên phong trở thành Xứ ủy Ai Lao lâm thời có nhiệm vụ chuẩn bị mọi mặt khởi nghĩa cướp chính quyền ở Lào. Việt Nam độc lập quân trong chiến khu Sakon được đưa ra hai bên bờ sông Mê Kông để gấp rút xây dựng lực lượng chuẩn bị cướp chính quyền ở Lào.

Ngày 15-8-1945, Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh. Xứ ủy Ai Lao lâm thời căn cứ vào chỉ thị tháng 6-1945 của Trung ương Đảng đã phát động Việt kiều ở Thái Lan và Lào với Việt Nam độc lập quân làm nòng cốt giúp nhân dân Lào khởi nghĩa thành công ở 3 tỉnh lớn : Vientian ngày 20-8-1945, Savannakhet ngày 23-8-1945 và Thakhet ngày 25-8-1945.

Tháng 10-1945, Chính quyền Trung ương Lào được thành lập. Sau đó Hiệp định liên quân Lào - Việt được ký kết.

Tháng 9-1945, sau khi gây hấn và tiến chiếm các tỉnh ở Nam Bộ, quân Pháp đã trở lại chiếm đóng Campuchia và các tỉnh Hạ Lào.

Tháng 3-1946, thực dân Pháp tập trung lực lượng lớn tấn công chiếm lại các thị xã ở Trung và Bắc Lào. Liên quân Lào-Việt và nhân dân Lào đã chiến đấu anh dũng bảo vệ thị xã Savannakhet và Thakhet. Nhưng do tình hình bất lợi, lực lượng vũ trang Lào - Việt phải rút qua Thái Lan. Toàn bộ 6 vạn Việt kiều 3 tỉnh lớn ở Lào, sinh sống dọc theo sông Mê Kông cũng di cư sang Thái Lan làm vườn không nhà ở.

Như vậy, lúc bấy giờ trên đất Thái Lan đã hình thành một cộng đồng người Việt khá lớn, đến hàng chục vạn. Với sự ủng hộ và giúp đỡ của các tầng lớp nhân dân và chính phủ Thái Lan (do ông Phanom Yong Pridi người của Đảng Serithay làm Thủ tướng) đời sống của Việt kiều dần dần được ổn định và thực sự trở thành hậu phương trực tiếp cho mặt trận Lào và Campuchia, đồng thời còn là địa bàn tiếp tế cho Nam Bộ.



Xứ ủy Lào - Thái chủ trương tập hợp các lực lượng vũ trang đã chiến đấu ở Lào và tuyển mộ thanh niên để xây dựng lực lượng vũ trang đồng thời cử người đi quan hệ với chính quyền Thái Lan, xin mở những khu vực huấn luyện quân sự, lúc đó chúng tôi gọi là chiến khu. Vì vậy chiến khu Umkè-Nonghoi ra đời. Đầu tháng 8-1946 đã có hơn 400 người tình nguyện từ các nơi tới. Ban chỉ huy được chỉ định gồm có các đồng chí :

Nguyễn Chánh, Lê Quốc Sản, Đỗ Huy Rứa, Dương Cự Tầm.

Để đỡ gánh nặng cho kiều bào đồng góp nuôi quân, ta nhận thâu mở rộng con đường từ Umkè-Nonghoi đi huyện Nake (Sakou). Trong 4 tháng vừa học tập quân sự, chính trị, vừa lao động, luân phiên thay nhau 1 tuần làm đường, 1 tuần học tập.

Sau 4 tháng học tập và lao động, ngày 10-12-1946 đơn vị được lệnh về chiến đấu ở Nam Bộ. Ngày 20-12-1946 cải trang giả phu đi làm đường, đơn vị hành quân bằng xe khách qua 2 ngày đêm từ That Phanon ở trung bộ Thái Lan đến tập kết ở khu rừng Mường Đét ở Đông Nam Thái Lan. Trước ngày hành quân ít lâu, đơn vị được tăng cường thêm 3 cán bộ : đồng chí Sơn Ngọc Minh - cán bộ cách mạng Campuchia, đồng chí Trần Văn Sáu - Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh sang Thái Lan mua vũ khí, đồng chí Lê Quan Trung (tức Hải Nam) đã hoạt động nhiều năm ở Thái Lan và 4 chiến sĩ.

Đơn vị được tổ chức thành 3 đại đội chiến đấu, 1 phân đội trinh sát, 1 phân đội vận tải và toàn bộ gồm 426 người. Toàn đơn vị có 9 đảng viên, tổ chức thành 1 chi bộ do đồng chí Trần Văn Sáu làm bí

thư. Vũ khí trang bị phần lớn là các loại súng liên thanh mới, nhiều đạn. Quân phục thống nhất, dép da, ba lô, dây nịt, nón sắt. Ngoài trang bị, mỗi người phải mang 4 ngày lương khô (gạo rang), 4 ngày gạo tươi. Từ cán bộ đến chiến sĩ mỗi người đều phải mang vác khá nặng.

16 giờ 00 ngày 26-12-1946, toàn đơn vị tập hợp ở khu rừng Mường Đét làm lễ xuất phát lên đường và nhận cờ mang danh hiệu Chi đội Trần Phú, do đồng chí Trần Văn Giàu, đại diện Bộ quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đồng chí Nguyễn Hữu Bình đại diện quân sự Tổng hội Việt kiều trao và động viên lên đường.

Ban chỉ huy Chi đội như sau :

Nguyễn Chánh - Chi đội trưởng, Lê Quốc Sán - Chi đội phó, Đỗ Huy Rứa - Chi đội phó, Trần Văn Sáu - Chính trị viên, Lê Quan Trung - Chính trị viên, Dương Cự Tầm - Chi đội phó, Sơn Ngọc Minh - Cố vấn.

II. NHỮNG NGÀY HÀNH QUÂN VỀ NƯỚC

Cuộc lễ trang nghiêm của buổi xuất phát tại rừng Amphơ Đét đã để lại trong tâm khảm anh em trong Chi đội những ấn tượng không thể nào quên.

Từ ngày giặc Pháp trở lại xâm chiếm Nam Bộ, tiếng vang của bài hát *Tiếng súng Nam Bộ* đã hun đúc trong lòng anh em một hận thù dân tộc phẫn nộ, gắn chặt với hận thù giặc Pháp đã tàn sát Việt kiều hết sức dã man, trong đó có cha mẹ, bà con thân thuộc của anh em trong những ngày tháng 3-1946. Câu hát : "*Ta muốn băng mình tới phương Nam*" đã có một sức thôi thúc mãnh liệt đối với anh em trong giờ phút lên đường.

Cuộc hành quân bằng đôi chân, vai mang nặng, có thể phải tiến hành hàng tháng, khó khăn, nguy hiểm chưa lường được, vì phải đi xuyên qua đất Campuchia hàng ngàn cây số, mà tình hình địch, địa hình, nhân dân đều chưa ai biết. Trước giờ xuất phát ở Thái Lan, anh em đều biết tình hình đó, nhưng điều này không làm anh em nao núng.

<https://tieulun.hopto.org>
Trong những ngày đầu, tuy chưa quen mang vác nặng, nhưng

mọi người hết sức cố gắng, đảm bảo được cuộc hành quân như đã ấn định.

Ngày 31-1-1947, tức sau 5 ngày khởi hành từ Amphor Đét, Chi đội vượt qua dãy núi Dang Rech, đây là biên giới giữa 2 nước Thái Lan và Campuchia.

Từ đây đi sâu vào nội địa Campuchia. Cả đơn vị chỉ có cố vấn Sơn Ngọc Minh là người thông thạo tiếng nói, phong tục, tập quán Campuchia và 1 trinh sát - anh Hồ Hải biết chút ít. Phương tiện đảm bảo cho cuộc hành quân dài chỉ có 1 bản đồ lụa, tỷ lệ 1/500.000 và 1 địa bàn do đồng chí Nguyễn Chánh giữ. Đường đi không được nghiên cứu, tổ chức trước, khi thì đối chiếu trên bản đồ, địa bàn để cắt rừng đi, khi thì hỏi dân nhờ họ dẫn từng chặng đường, khi thì nhờ họ chỉ đường cho đi. Về lương thực, hoàn toàn dựa vào nhân dân Campuchia. Có nơi dân ủng hộ, có nơi phải mua, có nơi dân không đủ gạo, bộ đội phải cùng dân ra đồng cấy lúa, giã gạo mới có gạo ăn.

Trên đường đi về hướng đông - nam, ngày 9-1-1947, đơn vị phải chiến đấu trận đầu tiên với địch ở Rovieng. Trận này anh Nhót bị thương, đội vận tải phải cáng anh.

Ngày 18-1-1947 hành quân đến Présenke, một địa điểm trên bờ sông Mê Kông (phía bên kia là thị trấn Krauchman). Ban chỉ huy định cho đơn vị vượt sông thì đụng địch. Từ trước, địch đã phong tỏa, ngăn chặn, tuần tiễu cả ngày đêm trên bờ, dưới sông và ra lệnh dân 2 bên bờ sông phải cất giấu xương ghe. Thế là bên vượt sông bị chặn. Cuộc hành quân đến đây bị thử thách nghiêm trọng. Anh Nhót bị thương phải nằm cáng suốt 10 ngày, trước cảnh đơn vị phải cắt rừng đi trong đêm tối, đã tự nguyện xin ở lại với 1 gia đình có chòi làm cá trong rừng (đầu năm 1948 anh tìm đường về gia nhập bộ đội miền Đông).

Để nghi binh, lừa địch và để tìm chỗ sơ hở vượt sông, Chi đội đã phải hành quân tránh phum, sóc đi ngược lên Kratié, nhưng ở đâu địch cũng đều phong tỏa gắt gao. Đơn vị lại phải hành quân trở lại phía Nam, vừa để nghi binh, vừa tham gia lại khu vực Présenke.

Ngày 3-2-1947, khi trở lại Présenke, trinh sát báo cáo địch đã tăng cường bên kia sông một cách bất thường. Thế là kế hoạch vượt sông một lần nữa bị ngăn chặn. Không có cách nào khác hơn là phải vượt lên phía Bắc một lần nữa, lên phía trên Kratié gần Stung Treng. Chặng đường nghi binh phải đi mất 25 ngày là chặng đường gian nan nhất. Đơn vị phải tự mở đường rừng mà đi. Đường đi đã khó, lại thiếu lương thực vì phải tránh phum, sóc, nhưng cái khó và sợ nhất là cái khát. Thời tiết lúc này là mùa khô ở Campuchia, càng lên phía bắc càng nóng. Đói, khát, mệt nhọc làm bệnh tật phát triển. Có người bị sốt đái ra máu. Hoàn cảnh thật khó khăn. Nhưng ở các cuộc họp của Chi bộ, của chỉ huy không ai bàn ra, chỉ bàn cách khắc phục khó khăn, giữ vững quyết tâm. Phải tìm cho ra sơ hở của địch để vượt sông.

Căn cứ theo bản đồ, Ban chỉ huy hạ quyết tâm chọn phum Achin làm bến vượt. Chọn nơi đây vượt sông quả là táo bạo và bất ngờ đối với địch. Vì khúc sông này rộng đến 3 km. Muốn qua bờ bên kia phải vượt qua 3 cù lao, chia thành 4 con sông nhỏ. Con sông thứ nhất rộng 800 m, nước chảy xiết. Bên kia bờ sông là khu rừng già, không có dân. Achin là phum đông dân, trù phú, có ghe đánh cá của dân, bộ đội chỉ làm thêm bè mảng. Đêm 12-2-1947 toàn đơn vị vượt qua sông lớn. Ngày 13 qua các cù lao và sông nhỏ. Mờ sáng 14-2-1947, người cuối cùng lên bờ sông an toàn, đầy đủ. Cả đoàn quân ai cũng phấn khởi, nhẹ nhàng. Thành công này, chính là nhờ yếu tố bí mật, bất ngờ được dân phum Achin giúp đỡ và vai trò của Ban chỉ huy mà nổi lên là đồng chí Nguyễn Chánh chỉ đội trưởng.

Từ chỗ vượt sông Mê Kông tới biên giới Tây Ninh, chiếu theo bản đồ không còn xa. Ban chỉ huy xác định một lộ trình gần nhất. Quân Pháp đã phát hiện ta qua sông, chúng tăng cường tuần tiễu các con đường ở đó để ngăn chặn. Ngày 25-2-1947, khi đơn vị định vượt qua lộ Kratié đi Mimót thì đụng địch phục kích, đơn vị tạm rút vào ven rừng. Sau vài giờ, cho một trung đội đi trở lại tìm đường khác vượt lộ thì lại đụng địch. Sau hơn nửa giờ chiến đấu, địch rút lui để lại 12 xác chết. Ta 1 chiến sĩ hy sinh, anh Đặng Mạnh Thường sinh trưởng ở Thái Lan, chiến sĩ sĩ tửng Việt, chưa được biết Tổ quốc. Chôn cất anh Thường xong, đơn vị lại tiếp tục hành quân.

Ngày 27-2-1947, lúc 5 giờ 30, Chi đội về đến một làng (không có tên trên bản đồ) đối chiếu trên bản đồ thì làng nằm bên trên Trại Bì, biên giới Tây Ninh. Làng vừa bị bọn phản động càn quét đốt phá, không còn một người dân. Nhà cửa đều bị đốt cháy, giường tủ, lu khạp, chén đĩa đều bị đập phá. Giếng nước có xác người. Một cảnh tượng thật đau lòng đập vào tim óc đoàn quân Hải ngoại mới bước chân tới biên giới Tổ quốc. Toàn đơn vị đều ngậm ngùi và hết sức căm thù quân giặc. Lãnh đạo Chi đội họp cán bộ để ổn định tư tưởng đơn vị. Vì đã bị đói 3 ngày, chỉ huy tạm cho lấy trái mít non, chuối xanh chóng đói, chờ liên lạc với địa phương. Hai ngày sau gặp Huyện ủy Châu Thành và Chi đội 11, được hướng dẫn về căn cứ Trà Vông của Bộ đội Hải ngoại Ngô Thất Sơn (tức Bộ đội Độc lập số 1 cũng mới ở Thái Lan về).

Chứng kiến cảnh nổi da xáo thịt, xóm làng tan hoang điêu tàn, đồng chí Trần Văn Sáu đề nghị với Tỉnh ủy Tây Ninh cho phép Chi đội được lấy danh nghĩa đơn vị hải ngoại mới về nước, kêu gọi các chức sắc, tín đồ Cao Đài, các lực lượng đang bị kẻ địch lợi dụng, các giới đồng bào đoàn kết lại, chung sức, chung lòng đánh kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược... Bản hiệu triệu ký tên Chi đội Hải ngoại 4. Sở dĩ không lấy tên Trần Phú vì ở vào thời điểm chính trị lúc bấy giờ và cũng để báo cáo với đồng bào trong nước, lực lượng vũ trang con em Việt kiều Thái Lan - Lào đã có 4 đơn vị về chiến đấu ở Nam Bộ.

Về đến Tây Ninh, kể như cuộc hành quân của Chi đội về chiến trường Nam Bộ đã hoàn toàn thắng lợi. Sau 65 ngày (26-12-1946 - 29-2-1947), trải qua đoạn đường dài hàng ngàn cây số, biết bao khó khăn gian khổ, xuyên rừng, leo núi, lội suối, vượt sông, nhịn đói, nhịn khát, phải luôn lách chèo măt và phải chiến đấu với địch. Nhưng lòng yêu Tổ quốc thiết tha, tinh thần căm thù giặc sâu sắc đã tiếp thêm sức mạnh cho đơn vị vượt qua khó khăn, gian khổ.

Có thắng lợi này là nhờ sự đồng tâm nhất trí của toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong Chi đội, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhờ có nhân dân Thái Lan, Việt kiều ở Thái Lan, nhân dân Campuchia và Việt kiều trên đường hành quân.

Chi đội về nước thắng lợi, đã bổ sung cho chiến trường Nam Bộ

một lực lượng quân sự trong thời điểm chiến trường lúc đó đang có yêu cầu cấp thiết.

Hành quân về nước thắng lợi, Chi đội bước vào trang sử mới, trang sử viết bằng máu, góp sức vào công cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

III. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA CHI ĐỘI

Sau 3 ngày về đóng quân ở chiến khu Trà Vinh, 2 đồng chí Nguyễn Chánh và Trần Văn Sáu về Bộ tư lệnh Khu 7 và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ báo cáo và nhận nhiệm vụ. Cùng đi có một trung đội bảo vệ. Đoàn đến cơ quan Bộ tư lệnh Khu 7 buổi tối, thì sáng hôm sau, trung đội đã tham gia đánh quân nhảy dù Pháp ở Giồng Dinh và Giồng Thổ Địa. Trước trận đánh, hai đồng chí chỉ huy chi đội đã động viên anh em: "Phải đánh cho ra trò. Đây là thời cơ lập công, là trận đánh trình làng đó". Tuy lực lượng ít, nhưng được trang bị mạnh, địch bị bất ngờ, nên cả 2 trận đánh, ta thắng giòn giã (trận buổi sáng đánh 1 đại đội nhảy dù xuống Giồng Dinh, trận buổi chiều đánh quân đổ bộ vào Giồng Thổ Địa), tiêu diệt gần hết 2 đại đội địch, thu nhiều súng đạn. Đây là chiến công đầu tiên của Chi đội, gây ấn tượng mạnh, có tiếng vang lớn để ra mắt đồng bào, chiến sĩ miền Đông và Nam Bộ. Chiến thắng này đã mở đầu cho thời kỳ tác chiến, xây dựng và trưởng thành của Chi đội Hải ngoại 4.

Trong khi chờ đợi 2 đồng chí chỉ huy đi nhận nhiệm vụ, Chi đội đã tham gia Liên quân B, cùng với các đơn vị Chi đội 11, Bộ đội Hải ngoại 1, Bộ đội Hoàng Thọ... hành quân chiến đấu ở Trảng Bàng, Gò Dầu - Tây Ninh.

Đồng chí Chánh và Sáu nhận nhiệm vụ về phổ biến quyết định của trên là Chi đội được về hoạt động ở chiến trường Sa Đéc. Toàn đơn vị rất phấn khởi được về hoạt động ở chiến trường đồng bằng đông dân và gấp rút chuẩn bị lên đường.

Sau mấy ngày hành quân, Chi đội về đến xã Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Hội huyện Cao Lãnh, Ban chỉ huy đi gặp Thượng vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Kháng chiến Hải ngoại và Ban chỉ huy Chi đội 18 (lúc đó Chi đội 18 hoạt động ở Sa Đéc). Căn cứ vào nhiệm vụ của Bộ tư

lệnh Khu 8 và yêu cầu của tỉnh, Chi đội Hải ngoại 4 được phân công về hoạt động ở các huyện Cao Lãnh, Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò là những huyện phần đông đông đảo có đạo Hòa Hảo, thường bị địch dựa vào các chức sắc phản động ra sức lôi kéo, kích động chống lại cách mạng. Tháng 7-1947 Bộ tư lệnh Khu tăng cường Đại đội Xung phong (đại đội đầu tiên của Khu) vào đội hình của Chi đội... Như vậy Chi đội có 4 đại đội.

Qua quá trình chiến đấu và hoạt động ở Sa Đéc, Chi đội đã đánh hàng trăm trận lớn nhỏ từ chủ động tấn công đến đánh địch trong căn quét, giành nhiều thắng lợi, góp phần đưa phong trào địa phương phát triển mạnh mẽ. Xin nêu một số trận đánh, trong những trận đánh tốt, có ảnh hưởng lớn trong vùng lúc đó như :

- Trận đột nhập vào thị xã Sa Đéc, đêm 18-5-1947 nhằm lập thành tích mừng Bác Hồ 57 tuổi. Toàn Chi đội cùng với Công an Xung phong, du kích của 2 huyện Châu Thành và Lai Vung, tấn công vào thị xã. Ta vào tới trung tâm thị xã, đốt kho xăng, đánh địch ở Cầu Quay và làm công tác vũ trang tuyên truyền. Ta làm chủ suốt đêm 18 đến rạng sáng 19-5-1947. Trận đánh đã có ảnh hưởng lớn trong nhân dân.

- Trận đánh ở rạch Chân Đùng - Chợ Mới, tiêu diệt 1 tiểu đoàn lê dương thiện chiến. Tháng 6-1947, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương mở đợt vũ trang tuyên truyền quy mô lớn vào 2 huyện Chợ Mới, Lấp Vò. Lực lượng tham gia gồm có: Chi đội Hải ngoại 4, Chi đội 18 của Khu 8 và 2 đại đội của Khu 9. Ngày đầu ra quân, 6 giờ sáng các cánh quân bắt đầu tiến vào vùng hoạt động theo kế hoạch. Một tình huống ngoài dự kiến đã diễn ra ở hướng Chi đội Hải ngoại 4. Khi Đại đội 1 đến xã Định Yên bị tảo địch bắn chặn; ở hướng Đại đội 2 và 3, khi đến ngọn rạch Chân Đùng thì phát hiện có 1 tiểu đoàn địch từ Vàm Nao băng đồng xuống rạch Chân Đùng, chỉ huy liên cho triển khai đội hình, dựa vào bờ rạch bố trí đánh địch. Cuộc chạm súng diễn ra dữ dội. Quân địch tập trung hỏa lực mở nhiều đợt xung phong, Đại đội 2 và 3 đánh trả quyết liệt bẻ gãy các đợt tấn công của địch. Lúc đó Đại đội 1 ở Định Yên theo kế hoạch tiến vào thị xã ở rạch Chân Đùng đã linh hoạt băng đồng đánh xuyên hông. Được Đại

đội 1 chi viện, Đại đội 2 và 3 liền tấn công, xung phong tiêu diệt địch. Kết quả ta diệt 1 tiểu đoàn lê dương mang danh hiệu tên tướng Myo, bắt tù binh, thu nhiều vũ khí. Trận đánh đó có tiếng vang lớn lúc bấy giờ. Sau trận đánh này toàn bộ các lực lượng ở lại 2 huyện Chợ Mới và Lấp Vò hơn hai tháng để làm công tác phát động quần chúng xây dựng cơ sở cách mạng.

- Trận phục kích trên sông Cái Tàu Thượng, đánh đoàn tàu tiếp tế có tàu chiến hộ tống. Ta bắn chìm tàu kéo và nhiều ghe chài, thu nhiều vũ khí có cả súng đại liên và nhiều quân trang quân dụng. Đặc biệt trong trận này ta đã giải thoát cho hơn 100 đồng bào bị địch đưa đi thù tiêu.

- Trận phục kích trên lộ Sa Đéc đi Vĩnh Long tháng 12-1947 đã diệt 6 xe địch, thu toàn bộ vũ khí và đồ quân dụng.

- Trận đánh quân phản động Dân xã vào tháng 2-1948, tại rạch Khoán Tiết, An Trường, Mỹ Thuận. Ta đã diệt hàng trăm tên Dân xã nổi tiếng tàn ác, hung hãn, đã phá được kế hoạch lấn chiếm từ Cái Vồn lên huyện Châu Thành của địch.

Song song với nhiệm vụ chiến đấu, Chi đội đã tiến hành một nhiệm vụ hết sức quan trọng là làm công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng ở những nơi mà bọn phản động Dân xã và giặc Pháp đã chiếm đóng ở các huyện Lai Vung, Lấp Vò và Châu Thành. Trong các vùng này, nhất là ven Sông Hậu, cán bộ ta bị bọn Dân xã phản động khủng bố, bắt bớ tàn sát phải chạy đi nơi khác. Quần chúng bị bọn phản động dùng thần quyền, mê tín, lời kéo, khống chế nên khi lực lượng ta vào vùng này, quần chúng đánh mở báo động.

Trước tình hình đó cuối tháng 5-1947, Tỉnh ủy Sa Đéc chủ trương mở cuộc vũ trang tuyên truyền lớn vào 2 huyện Lai Vung, Lấp Vò, mục đích đưa cán bộ về lại các xã, xây dựng lại cơ sở, tuyên truyền giáo dục cho đồng bào tin đồ nhận rõ âm mưu thâm độc của giặc Pháp và bọn phản động đầu sỏ lợi dụng đạo để chống phá cách mạng.

<https://tieulun.hopto.org>

Lực lượng được sử dụng gồm có Chi đội Hải ngoại 4, hai đại

đội của Chi đội 18 và Đại đội 889 của tỉnh Bến Tre (được Bộ Tư lệnh Khu 8 tăng cường) cùng với lực lượng quân sự cán bộ địa phương. Địa bàn hoạt động chủ yếu là các xã thuộc huyện Lai Vung. Khi lực lượng ta vào các xã vùng này, bọn Dân xã chống trả quyết liệt bằng quấy rối, bắn tỉa, đánh úp bộ phận đi lẻ. Trận đưng độ đáng kể xảy ra với Đại đội 1 của Chi đội Hải ngoại 4 và Đại đội 889 của Bến Tre là ở Bò Húc xã Phong Hòa. Sau trận Bò Húc, bộ đội và cán bộ dân, Đảng ở lại vùng này suốt một tuần lễ để tổ chức xây dựng cơ sở quần chúng và chính quyền.

Ngoài 2 đợt vũ trang tuyên truyền lớn trên, Chi đội còn phân tán từng đại đội, trung đội, tiểu đội làm vũ trang tuyên truyền ở từng khu vực liên xã, từng xã, có khi chỉ hoạt động ở một ấp.

Từ giữa năm 1947 đến 1949, Chi đội đã kiên trì làm công tác vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng đạt kết quả tốt, đã xây dựng, phát triển các đoàn thể quần chúng, tổ chức chính quyền, phát triển được lực lượng dân quân, du kích ở hầu hết các xã trong 3 huyện Châu Thành, Lai Vung, Lấp Vò, đưa phong trào ở vùng này lên một bước mới.

Trong chiến đấu, đơn vị đã được bổ sung hàng trăm thanh niên con em của nhân dân Sa Đéc. Trong quá trình đó, nhiều cán bộ của Chi đội được trên điều động đi tăng cường cho các đơn vị và địa phương trong Khu. Đồng thời Chi đội cũng đưa từng trung đội, đại đội và nhiều cán bộ đi góp sức thành lập các tiểu đoàn chủ lực 307, 308 của Khu 8.

Qua quá trình hoạt động, đơn vị được mang danh hiệu *Chi đội Trần Phú, Chi đội Hải ngoại 4, Trung đoàn 109*. Đến khoảng giữa năm 1949, Trung đoàn 109 được nhập với trung đoàn 111, tổ chức thành *Liên trung đoàn 109-111*.

Trong 3 năm chiến đấu và công tác trên quê hương Sa Đéc, Chi đội Hải ngoại 4 - sau này là Trung đoàn 109 - đã trưởng thành, đã trở thành lực lượng nòng cốt trên chiến trường Sa Đéc.

Gần 300 cán bộ, chiến sĩ Chi đội Hải ngoại đã vĩnh viễn nằm xuống trên đất Sa Đéc, quê hương thứ hai của Chi đội. Nhiều anh em Chi đội Hải ngoại trở thành con em của nhân dân Sa Đéc.

Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II

ĐÀO MẠNH DUY⁽¹⁾

1- TẬP HỢP VÀ LUYỆN QUÂN

Từ giữa năm 1946 đến 1947, Việt kiều Thái Lan và Việt kiều ở Lào sang Thái khi thực dân Pháp tái chiếm Lào đã tổ chức hàng chục chiến khu dọc biên giới Đông - Bắc Thái Lan kéo dài xuống các tỉnh Prachin Buri, Trat, Battambang⁽²⁾. Lúc đó, Đảng Serithay (Thái Tự do), nhân dân và Chính phủ Thái do Ông Phanom Pridi Yong làm Thủ tướng có cảm tình với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho thanh niên Việt kiều luyện tập để về nước tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp.

Khi ấy, ở thủ đô Bangkok, có một "Ban sưu tầm vũ khí" cho Nam Bộ được thành lập, do đồng chí Trần Văn Giàu làm Trưởng ban và đồng chí Dũng Văn Phúc⁽³⁾ làm Phó ban. Vũ khí, đồ dùng quân sự mua được khá nhiều, còn mới, chủ yếu là do Mỹ, Nhật sản xuất. Có 4 chiến khu⁽⁴⁾ tổ chức luyện quân để chi viện cho cuộc kháng chiến Nam Bộ, trong đó chiến khu I Prak Poong (huyện Sarakeo, tỉnh

(1) Nguyên chính trị viên Bộ đội Hải ngoại Cửu Long II sau khi về Khu 9 (1948).

(2) Battambang lúc đó Thái đã trả cho Pháp.

(3) Tức đồng chí Dương Quang Đông.

(4) 4 chiến khu cũ 4 đơn vị hải ngoại và Nam Bộ: Bộ đội độc lập số 1, Bộ đội Quang Trung, Chi đội Hải ngoại Trần Phú và Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II.

Ngoài Chi đội Trần Phú (Hải ngoại 4) và Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II còn có 2 đơn vị con em Việt kiều Thái Lan và Lào về chiến đấu ở Nam Bộ là:

- Bộ đội Độc lập số 1 (tức Hải ngoại I). Được xây dựng từ cuối 1945 ở chiến khu Battambang (lúc đó Battambang còn thuộc Thái Lan). Quân số khoảng 100 người. Tháng 8-1946 lên đường về nước, cũng trong tháng này về đến Tây Ninh và chiến đấu ở Khu 7. Sau đó lên hoạt động ở Campuchia.

- Bộ đội Quang Trung (Hải ngoại II) - quân số hơn 100 người, ban gồm nhiều bộ phận, trong đó gần 50 người đã chiến đấu ở một trận Lào Tháng 10-1946 được tập hợp về chiến khu Tipoday ở Battambang. Ngày 15-1-1946 lên đường về nước, ngày 5-1-1947 đơn vị về đến kinh Vinh Tế An Giang.

Prachin Buri) là nơi tập hợp đầu tiên của Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II vào ngày 16-5-1947.

Tiểu đoàn này được giao nhiệm vụ về chiến đấu ở Khu 9 Nam Bộ và vì ở Chiến khu 9 đã có bộ đội Cửu Long I rồi nên đặt tên cho Tiểu đoàn là Cửu Long II. Đây là đơn vị về Nam Bộ sau cùng trong 4 đơn vị hải ngoại.

Quần số của tiểu đoàn khi về nước khoảng 280 người, trong đó đại bộ phận là con em Việt kiều ở Thái Lan và Lào. Nhiều người đã từng chiến đấu chống thực dân Pháp ở Lào trong các đơn vị Việt kiều Giải phóng quân. Những thanh niên lứa tuổi hai mươi này vốn mang truyền thống yêu nước của dân tộc, của gia đình vì nhiều lý do phải rời quê cha đất tổ đi "tha phương cầu thực", được sự giáo dục của cách mạng, của Đảng, của Bác Hồ càng hăng hái, quyết tâm trở về Tổ quốc để góp sức cùng đồng bào, chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. Có nhiều anh em nổi tiếng Việt chưa sôi, đôi khi nói theo văn phạm Thái - Lào, chưa hề đặt chân lên Tổ quốc thân yêu nên càng hăm hở thực hiện ước mơ trở về đất mẹ.

Tiểu đoàn còn có trên 20 cán bộ chiến sĩ từ chiến trường Nam Bộ sang làm nhiệm vụ, 4 cán bộ du kích Malaysia⁽¹⁾. Khi về chiến khu Mái Ruột có thêm 6 anh em từ Campuchia đến gồm các anh : Nguyễn Văn Hên⁽²⁾ (thanh niên Việt kiều), anh Nhuận (chiến sĩ bộ đội Quang Trung về trước), 2 hạ sĩ quan Nhật là các anh Công, Bộ, 2 thanh niên Campuchia : Tà Pin và Xà Rinh. Cũng từ Mái Ruột, tiểu đoàn đã tiếp nhận thêm 4 đồng chí : Sơn Ngọc Minh⁽³⁾, Lê Tương Phụng, Nguyễn Ngọc Sanh và anh Lâm, giáo viên người Hoa từ Khu 8 Nam Bộ sang. Ban chỉ huy tiểu đoàn đầu tiên gồm có : Dũng Văn Phúc, Tiểu đoàn trưởng ; Trương Văn Kinh, Chính trị viên ; Bông Văn Địa, Tiểu đoàn phó.

(1) 3 đồng chí đã hy sinh, còn đồng chí Trần Văn Quang (Tên Malaysia : Chhân MunPoy) hiện nghỉ hưu tại Rạch Giá.

(2) Đồng chí Nguyễn Văn Hên hiện là Đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam.

(3) Cán bộ cách mạng Campuchia, trước đó là cố vấn của Chi đội hải ngoại Trần Phú về Nam Bộ xong trở qua, sau này là Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Campuchia. 4 đồng chí này trong một đoàn từ Khu 8 sang Thái Lan, nhưng bị bọn cướp đánh giết ở vùng núi rừng biên giới Mái Ruột nhập lại Tiểu đoàn về nước.

Tiểu đoàn được trang bị vũ khí mới, khá hiện đại như : Thompson, Submatsin, Carbine, trung liên FM Browning, FM Nhật, đại liên 7/7, 2 khẩu cối 60 ly, súng phóng lựu Nhật (Moocta), súng trường Nhật loại ngắn chỉ chiếm 30% tổng số vũ khí tiểu đoàn, còn lại là súng tự động. Cơ số đạn trung bình 500 viên/khẩu. Mỗi cán bộ đều có la bàn (boussole) dạ quang đeo tay, bản đồ tây-nam Campuchia. Quân trang thống nhất : quần áo kaki vàng của Mỹ, mũ sắt Nhật, bị đông Nhật, giày bata, băng cá nhân Mỹ... Nhìn chung hỏa lực khá mạnh, trang bị chính quy. Tiểu đoàn có điện đài VTD riêng, dùng accu quay ragonot.

Sau 44 ngày luyện quân ở chiến khu Prak Poong, ngày 28-6-1947, tiểu đoàn hành quân mang nặng suốt một tuần dầm mưa tẩm tá (hội đồ chưa có nylon che mưa), đến Mái Ruột (tỉnh Trat) giáp biên giới Campuchia, có đến 20% quân số bị cảm sốt.

Ở nhờ nhà dân được khoảng một tuần, tiểu đoàn đã tự làm lán trại để ở và tiếp tục luyện quân 4 tháng chờ hết mùa mưa lũ mới hành quân về nước. Do kinh phí eo hẹp, mỗi người chỉ được cấp phát 200 gam gạo/ngày với một ít mắm muối nên các tiểu đội phải phân công vào rừng đào khoai mì, lấy đọt chọi, xin đọt khoai lang, củ chuối của dân, nhổ hệ nước dưới ruộng và đi đánh bắt cá, bắt nhều về cải thiện đời sống.

Tuy cuộc sống gian khổ, nhưng các chiến sĩ đều đảm bảo tốt chương trình học tập chính trị, quân sự, nội bộ đoàn kết tốt, trên dưới một lòng khắc phục khó khăn, phong trào văn nghệ, ca hát, múa lăm vông vẫn sôi nổi. Riêng về huấn luyện quân sự có các anh từng là cai đội khố xanh, khố đỏ ở Lào trước Cách mạng tháng 8 phụ trách như : Cao Quang Diên, Trần Quang Lợi, Đinh Văn Hải, có sự giúp sức của hai anh Công, Bộ⁽¹⁾ nguyên là thượng sĩ và trung sĩ quân đội Nhật tình nguyện gia nhập Tiểu đoàn về Nam Bộ chiến đấu.

2- LÊN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

Trước khi hành quân, Ban chỉ huy Tiểu đoàn chủ trương đánh

(1) Anh Công đã hy sinh trên chiến trường, anh Bộ bị thương ở Campuchia (tỉnh Takeo), anh Bộ sau kháng chiến chống Pháp đã về nước.

lạc hướng địch bằng cách tấn công đồn Sầm Lốt - một tiền đồn của cứ điểm Popailin thuộc tỉnh Battambang nằm phía đông - bắc Mái Ruột. Đồn này có 1 trung đội do sĩ quan Pháp làm đồn trưởng.

Ta đưa 2 tiểu đội do trung đội trưởng Huỳnh Công Đống ⁽¹⁾ chỉ huy, anh Nguyễn Văn Hên làm tổ trưởng trinh sát, hành quân liên tục 2 ngày đêm áp sát tấn công địch.

Bị đánh bất ngờ vào lúc 5 giờ 30 sáng, 30-10-1947, địch chết 5 tên, một số bị thương và bỏ chạy tán loạn. Bên ta, đồng chí Việt, một chiến sĩ Việt kiều Thàkhek hy sinh. Sau khi đốt đồn, ta thu chiến lợi phẩm gồm có 7 súng, 2 con voi, 1 cỗ xe bò, 2 con ngựa, 2 con bò, một số lương thực thực phẩm. Ta thả tù binh tại chỗ, kể cả vợ đồn trưởng.

Trận đánh mở màn, ra quân thắng lợi càng củng cố niềm tin và tinh thần chiến đấu của Tiểu đoàn. Từ buổi liên hoan chiến thắng đó, đơn vị bắt đầu ăn no với tiêu chuẩn 700 gam gạo/ngày, phần khởi chuẩn bị lên đường về nước.

Sáng sớm ngày 7-11-1947, tại Mái Ruột, toàn Tiểu đoàn đội ngũ chỉnh tề, trang bị đẹp, gọn gàng, đứng trước lá cờ Tổ quốc bằng nhung tươi thắm thêu dòng chữ *Tiểu đoàn Hải ngoại Cứu Long II* làm lễ xuất phát. Đồng chí tiểu đoàn trưởng Dung Văn Phúc, lúc đó 42 tuổi, phát biểu ngắn gọn, nghiêm trang, dặn dò chiến sĩ vài điểm trước lúc hành quân và ra lệnh lên đường về nước.

Hương hành quân của Tiểu đoàn là đi theo dãy rừng núi liên hoàn từ biên giới đông-nam Thái Lan xuống tây-nam Campuchia, từ đó về Hà Tiên rồi đi Bạc Liêu, Cà Mau. Phương châm chỉ đạo là giấu quân để bảo toàn lực lượng, tránh đụng độ với địch, chỉ đánh trả trong trường hợp bất khả kháng, nhưng phải hết sức tiết kiệm đạn dược.

Hai mươi hai ngày hành quân đầu tiên thật gian khổ. Phải liên tục leo núi cao, băng rừng sâu, thường ăn cơm khô, uống nước suối. Nhiều anh em bị vắt cắn sưng lên, lở loét. Nhiều đêm chịu trận mưa núi mấy giờ liền, phải dựa lưng vào nhau cho đỡ lạnh mà ngủ. Cũng nhờ có 2 con voi chiến lợi phẩm nên mỗi người chỉ mang nặng

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Đồng chí Huỳnh Công Đống nay nghỉ hưu ở quận 8 thành phố Hồ Chí Minh.

khoảng 20 kg, nhưng đó cũng là thử thách lớn đối với những thanh niên chưa leo núi bao giờ. Đồng chí Sơn Ngọc Minh và một số anh em trình sát biết tiếng Campuchia đã làm công tác dân vận tốt, nên đơn vị đi đến đâu cũng được nhân dân dẫn đường và cung cấp lương thực, thực phẩm.

Theo tin quân báo của ta, địch biết có đơn vị Hải ngoại Cửu Long II, nhưng không rõ sẽ hoạt động ở vùng nào, nên huy động lực lượng khá lớn để theo dõi, phục kích trên các lộ chính các đường mòn theo dự đoán của chúng.

Chiều 28-11-1947, Tiểu đoàn về tới Loboek (Srok Chhuk), thuộc vùng đồng bằng tỉnh Kampot. Đáng lẽ, theo kế hoạch thì Chiến khu 9 cử một đại đội của Hà Tiên lên Loboek đón Tiểu đoàn, nhưng vì quân Pháp bố ráp liên tục vùng kinh Vĩnh Tế (Hà Tiên) cả chục ngày nên Chiến khu 9 điện báo cho Tiểu đoàn phải tự hành quân tiếp. Thật ra, nếu có liên lạc dẫn đường thì từ đây (Loboek) về kinh Vĩnh Tế chỉ mất có 2 ngày, 1 đêm thôi.

Ba ngày hành quân cuối cùng về đến kinh Vĩnh Tế là ba ngày chiến đấu quyết liệt giữa ta và địch.

Ngày 29-11-1947 đã diễn ra 5 trận đụng độ với địch. Hai trận đầu, lúc 5 giờ 30 và 6 giờ sáng, một đơn vị của ta đánh lui 1 đại đội địch bên cạnh lộ Chhuk, sau hơn một giờ chiến đấu. Ba trận kế tiếp lúc 17 giờ 30, ta đánh lui 1 tiểu đoàn địch tại mé rừng cách lộ Tani - Pang Hang 1 km và truy kích địch ra lộ Pang Hang, đồng thời cho một đơn vị mạnh phục kích đánh quân tiếp viện. Đơn vị này đã đánh lui 1 đại đội địch từ đôn Tani đến, có xe bọc thép yểm trợ. Tiếp theo, lúc 20 giờ tối hôm đó, một đơn vị ta ngăn địch phía sau đã tấn công quân địch khi chúng đến lấy xác đồng bọn tại lộ Tani - Pang Hang.

Ngày 30-11 và 1-12-1947, Tiểu đoàn hành quân thành từng trung đội chiến đấu, thậm chí tiểu đội chiến đấu cho phù hợp với địa hình đồng bằng sát biên giới Campuchia - Việt Nam. Trong hai ngày đó, hàng chục trận đánh diễn ra trên các cánh đồng, hầu như cả sáng lẫn chiều, trong đó có 3 trận đánh địch phục kích tại lộ Ton Hon, buộc chúng phải bỏ đi. Trận đánh cuối cùng diễn ra trên kinh Vĩnh Tế giữa một đơn vị quân ta với 2 tàu

chiến dịch. Nhiều lính Maroc và Pháp chết và một tàu bốc cháy, buộc chúng phải rút về Hà Tiên.

Với tinh thần "đánh địch mà đi, mở đường mà tiến" quân ta đã đánh thắng tất cả các trận tập kích, phục kích của địch và ngày 1-12-1947, toàn Tiểu đoàn đã về đến kinh Vinh Tế - Hà Tiên trước sự vui mừng không kể xiết của đồng bào và lực lượng vũ trang Hà Tiên. Kiểm lại, kể từ trận Săm Lốt và trên 10 trận lớn nhỏ trên đường hành quân về nước, Tiểu đoàn đã tiêu diệt trên 130 tên địch, thu 17 súng các loại. Bên ta, 5 chiến sĩ hy sinh, 2 bị bắt vì đi lạc, trong đó có đồng chí Trần Mạnh Thắng⁽¹⁾ trốn ra được và tiếp tục tham gia công tác ở tây-nam Campuchia.

Sau 25 ngày hành quân, lực lượng của Tiểu đoàn hầu như được bảo toàn, rèn luyện thêm năng lực tác chiến qua thực tế chiến đấu. Không thể nào tả được niềm vui sướng của tuổi trẻ sống ở nước ngoài từ thuở nhỏ, nay được đặt chân lần đầu lên mảnh đất thân yêu của Tổ quốc, sống trong tình thương thấm thiết của đồng bào trong nước.

Toàn tiểu đoàn ngậm ngùi thương tiếc những đồng chí đã ngã xuống trong chiến đấu trên đường hành quân về nước không hường được niềm vui lớn đó.

3- TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BẠC LIÊU - KHU 9

Qua 4 ngày nghỉ ngơi tại căn cứ Tà Teng - Hà Tiên, sức khỏe của cán bộ chiến sĩ hồi phục nhanh chóng. Ngày 5-12-1947, được một đại đội của Liên chi đội Hà Tiên dẫn đường, Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II tiếp tục hành quân ban đêm bằng xuồng xuyên qua các vùng giải phóng và vùng địch, vượt lộ Cái Sắn (Long Xuyên) về tới Huyện Sứ (Thới Bình - Cà Mau) ngày 8-12-1947.

Nghe tin Bộ đội Hải ngoại về, các bà, má chiến sĩ, các chị, các em thiếu nhi, các đoàn thể thanh niên huyện, xã... đem quả bánh đến thăm hỏi, ủy lạo đơn vị. Các xuồng ba lá nướm chở đến náo náo, chuối, dừa tươi, khóm, bánh tét, bánh ít v.v... Đồng bào ăn cần

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Đồng chí Trần Mạnh Thắng nay là đại tá quân đội Nhân dân Việt Nam

thăm hỏi, thanh niên và các em thiếu nhi luôn bên cạnh chúng tôi để xem các loại vũ khí mới, nghe kể chuyện về kiều bào ở Thái Lan, Lào và bắt chúng tôi dạy các bài hát, các bài ca múa lâm vông. Vài ngày sau, đồng chí Phan Trọng Tuệ⁽¹⁾ dẫn một phái đoàn thay mặt Bộ chỉ huy Chiến khu 9 đến thăm đơn vị. Trong đoàn có 2 bác sĩ Nguyễn Thiện Thành và Trương Công Trung từ Sài Gòn ra kháng chiến cũng đến thăm chúng tôi.

Những cảm xúc mạnh của chiến sĩ đôi khi được diễn tả bằng thơ, chủ yếu để giải bày tâm sự hơn là gọt giũa ý thơ. Trong nhật ký của một chiến sĩ Tiểu đoàn lúc đó còn ghi lại bài thơ *Lòng tôi* như sau :

*Từ hải ngoại vượt muôn trùng hiểm trở
 Xa Việt kiều, nơi đậm ấm thân yêu
 Về đến đây, miền Nam Bộ yêu kiều
 Trong tia sáng với muôn ngàn ý sống
 Lòng rạo rực với bao ngày cảm động
 Trước dòng bào yêu quý tôi viếng thăm
 Em thiếu nhi thân mến hỏi ân cần
 Thật cảm động trước tình thương thấm thiết
 Mong đền đáp bằng chiến công oanh liệt
 Khỏi phụ lòng người dân Việt xa xăm
 Bao băn khoăn, lo lắng vô ngần
 Tên Hải ngoại quyết tỏ lòng đố thám”.*

Mạnh Hùng

(Huyện Sứ ngày 6-2-1948)

Một thời gian sau, Tiểu đoàn Hải ngoại Cứu Long II được bổ sung quân số khoảng 60 - 70 người, đa số quê ở Bạc Liêu, lấy tên là Bộ đội Hải ngoại Cứu Long II trực thuộc Bộ chỉ huy Chiến khu 9,

(2) Đồng chí Phan Trọng Tuệ cũng là Việt kiều ở Vientiane (Lào) hoạt động cách mạng bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo, sau cách mạng Tháng 8-1945 mới cùng tác ở Khu 9.

nhưng về tác chiến ở tỉnh Bạc Liêu thì thuộc sự chỉ huy của Trung đoàn 125. Có chuyện điều động, bổ nhiệm cán bộ chỉ huy mới vì Ban chỉ huy Tiểu đoàn được trên điều động đi nhận nhiệm vụ khác.

Bộ đội Hải ngoại Cửu Long II trở thành một trong những đơn vị chủ lực mạnh của Khu 9 lúc bấy giờ. Trong hơn một năm hoạt động trên chiến trường Bạc Liêu - Khu 9 cho đến ngày nhận nhiệm vụ lên chi viện cho Cách mạng Campuchia, Bộ đội Hải ngoại Cửu Long II đã cùng lực lượng vũ trang địa phương đánh hàng chục trận lớn nhỏ, tiêu diệt khá nhiều sinh lực địch, thu nhiều vũ khí. Sau đây, chỉ xin nêu vài trận tiêu biểu :

- Giữa tháng 3, đầu tháng 4-1948, đơn vị đã bao vây đồn Tắc Vân (Giá Rai) và đồn Ruộng Muối Evrak (Bạc Liêu) để bộ đội địa phương và du kích diệt tề, trừ gian, lấy lại 50 ghe xuồng, 30 con trâu mà địch cướp của dân, đem giao cho Ủy ban xã trả lại cho đồng bào.

- Tháng 5-1948 đơn vị đã cùng với 2 đại đội 1095, 1093 chặn đánh khoảng một nghìn tên địch đi càn quét ở Tân Lộc - Tân Lợi (Cà Mau). Trận đánh diễn ra suốt ngày rất ác liệt. Địch bị tiêu diệt khoảng 200 tên và phải rút về Cà Mau.

- Tháng 7-1948, 1 trung đội địch ở đồn Ngã Năm (Sóc Trăng) đi càn trên bộ cùng với một lực lượng khác dưới kính xăng. Bị đơn vị ta phục kích liền công bất ngờ, chúng bỏ chạy. Ta bắt sống tên Pháp đồn trưởng, tiêu diệt 24 tên, thu nhiều vũ khí.

- Đầu tháng 8-1948, Bộ đội Cửu Long II phối hợp với trung đội biệt động tỉnh Bạc Liêu đánh 1 tiểu đoàn địch đi càn tại Ngã ba Chợ Hội (Cà Mau). Sau hơn 1 giờ chiến đấu, địch chết và bị thương 32 tên, phải rút về thị xã Cà Mau.

- Đùng ngày kỷ niệm Nam Bộ kháng chiến 23-9-1948, 1 tiểu đoàn địch, đa số là lính lê dương đi càn quét vùng giải phóng. Chúng men theo hai bờ kinh tiến về Ngã tư Vĩnh Hưng (huyện Hồng Dân). Bộ đội Cửu Long II phối hợp với trung đội Quốc vệ đội của anh Oong chặn đánh địch. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn 2 giờ. Đại bác 105 ly của địch từ tàu bắn vào chi viện cho họ bình, nhưng cũng không còn vẫn được tình thế. Địch bị tiêu diệt 2 đại đội, phải bỏ xác đồng bọn, rút lui. Ta thu khá nhiều vũ khí đạn dược, bắt sống tù binh Pháp. Sáng

24-9-1948, địch lại cho máy bay đâm giã đến trình sát liên bị khẩu đại liên 7/7 và súng trường của Bộ đội Cửu Long II bắn trúng, xả khói bay về Sóc Trăng. Hôm sau, Quân báo Sóc Trăng báo tin : 1 quan hai và 1 quan một Pháp chết.

Theo sự tổng kết chưa đầy đủ, trong thời gian hoạt động ở Chiến khu 9, Bộ đội Cửu Long II đã cùng với quân dân địa phương chiến đấu hàng chục trận, tiêu diệt trên 450 tên địch, bắt sống một số tù binh Pháp, thu 76 súng các loại, có nhiều FM, 1 súng cối 60 ly, 17 mitule, 3 súng ngắn, 6 carbine và 48 súng trường, Bộ đội Cửu Long II có 16 đồng chí hy sinh, 7 bị thương, 1 đồng chí bị bắt nhưng trốn ra được và tiếp tục lên chiến đấu ở Campuchia.

Điều đáng ghi nhớ là suốt thời gian chiến đấu ở Bạc Liêu - Khu 9, Bộ đội Cửu Long II đi đến đâu cũng được nhân dân thương mến, đùm bọc. Các ba, má chiến sĩ thường dành sự ưu ái cho những đứa con từ hải ngoại xa xôi, vượt qua bao gian nguy để về đất tổ, sát cánh cùng đồng bào chiến đấu chống quân xâm lược. Sự ưu ái đó cũng an ủi được phần nào những tâm tư tình cảm của những đứa con sống xa gia đình trên mảnh đất tận cùng của Tổ quốc. Và cũng chính nhờ sức mạnh của tình quân dân đó mới có thể chiến đấu và chiến thắng.

Bộ đội Cửu Long II cũng làm tốt công tác dân vận, giúp đỡ dân, làm công tác xã hội, thực hiện khẩu hiệu "Đi dân nhờ, ở dân thương", kỷ luật nghiêm minh và có phong trào văn hóa văn nghệ sôi nổi, thu hút được thanh, thiếu niên trong vùng đóng quân.

Nhiều cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Cửu Long II đã xây dựng gia đình ở quê hương Đất Mũi này, càng gắn bó, đậm đà tình cảm quân dân nơi mình chiến đấu.

Đầu năm 1949, Bộ đội Hải ngoại Cửu Long II cùng với Bộ đội 251, tổ chức thành Trung đoàn 131 trực thuộc Ban Quân sự Nam Bộ lên chi viện cho Cách mạng Campuchia cho đến khi thực hiện Hiệp định Genève 1954, tập kết về Cà Mau và tháng 11-1954 tập kết ra miền Bắc, trong quân số của lực lượng vũ trang của Chiến khu 9.

Đánh giá vai trò của các Bộ đội Hải ngoại đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, do làm, đóng góp cho Tổ quốc, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã nói đại ý như sau : Nếu trong y tế có chất Pen-la-tóp tạo

nên kích thích tố cho cơ thể thì các đơn vị Hải ngoại về nước tham gia chiến đấu cũng giống như chất "Phi-la-tốp" đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Thiếu tướng Nguyễn Văn Niên, Phó Tư lệnh Quân khu 9 đã phát biểu trong cuộc mít tinh kỷ niệm 47 năm ngày về nước của Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II như sau :

"Thành quả lịch sử của Quân khu 9, ở những trang của buổi đầu, sẽ được viết đậm nét về những chiến công của Bộ đội Hải ngoại trên lãnh địa thuộc Quân khu 9 như là một điểm son oanh liệt của Nam Bộ kháng chiến".

Những đánh giá đó là vinh dự lớn dành cho các chiến sĩ hải ngoại nói chung và Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II nói riêng, những thanh niên đã biết đem tuổi trẻ của mình hiến dâng cho độc lập tự do của Tổ quốc, trong tập thể Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 5-1995

BỘ ĐỘI DANH DỰ HỒ CHÍ MINH⁽¹⁾

NGUYỄN VĂN TÙNG

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tỉnh Sóc Trăng khẩn trương tổ chức lực lượng vũ trang để bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ và để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội trong tỉnh. Thành phần lực lượng vũ trang gồm có đảng viên Đảng Cộng sản, cán bộ cách mạng và anh em nông dân, thanh niên, cựu binh sĩ yêu nước, ngành công an cũng có một phân đội vũ trang lấy tên là lực lượng vũ trang Quốc gia tự vệ Cuộc.

Vào cuối tháng 11-1945 theo yêu cầu của tỉnh, Bộ tư lệnh Chiến khu 9 điều động đồng chí Nguyễn Hùng Phước về Sóc Trăng phụ trách Quốc gia tự vệ Cuộc tỉnh, trực tiếp chỉ đạo xây dựng lực lượng võ trang của ngành. Đồng chí Phước cùng với Từ Hiến Đại, Phạm Vũ Doanh, Trần Thắng, Trần An (tự Ngồi)... cùng cố tổ chức và tranh thủ huấn luyện chính trị, nghiệp vụ, quân sự cho phân đội vũ trang để sẵn sàng kháng chiến cứu nước. Năm đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản, làm nòng cốt cho đơn vị.

Ngày 4-1-1946, từ mờ sáng bọn Pháp đã dùng tàu chiến chở bộ binh đổ bộ vào Đại Ngãi, tiến lên chiếm đóng thị xã Sóc Trăng. Các lực lượng vũ trang ta cùng với nhân dân anh dũng chiến đấu chặn địch từng bước, gây cho địch nhiều thiệt hại về người, phương tiện, tạo điều kiện cho nhân dân, cơ quan các cấp, các ngành sơ tán, di chuyển đến những nơi đã định được an toàn. Trong trận chiến đấu đầu tiên này của quân dân trong tỉnh có một số cán bộ, chiến sĩ, đồng bào hy sinh.

(1) Bài này viết theo lời kể của đồng chí Hùng Thủ, Võ Văn Dân và Giang Ba (Paul).

Sau khi chiếm đóng thị xã, bọn xâm lược Pháp bắt đầu hành quân thăm dò và lần chiếm một số nơi ngoại vi thị xã Sóc Trăng trong đó có Ngã ba An Trạch. Thừa lúc địch chưa củng cố, một bộ phận Phân đội vũ trang Quốc gia tự vệ Cuộc do đồng chí Phước chỉ huy bất ngờ đánh úp An Trạch, diệt một số, bắt sống một số, thu súng đạn, đập phá công sự rồi thả số lính nguy bị bắt.

Trận đánh thắng đầu tiên của tinh nhà đã gây lòng tin tưởng phấn khởi trong đồng bào, trong lực lượng vũ trang và rút ra bài học nếu chủ động đánh địch sẽ thắng.

Để có đủ lực lượng ngăn chặn cuộc tiến quân lần chiếm ở ạt của quân Pháp, Chiến khu chủ trương tăng cường lực lượng kháng chiến, lấy Phân đội vũ trang Quốc gia tự vệ Cuộc làm nòng cốt, tuyển chọn một số cán bộ chiến sĩ trong Cộng hòa vệ binh, Thanh niên xung phong bổ sung để củng cố phân đội vũ trang lấy tên là : Bộ đội lưu động Sóc Trăng do các đồng chí Phước chỉ huy, Ngôi phụ trách chính trị viên, Bí thư chi bộ. Chi bộ có 5 đồng chí đều là tù chính trị được đón từ Côn Đảo về.

Sau khi kiện toàn tổ chức, Chi bộ, Ban chỉ huy bộ đội vạch ra chương trình hoạt động lần lượt lưu động đến các huyện : Kế Sách, Châu Thành, Long Mỹ và một số địa phương khác. Với những hình thức tác chiến mưu trí, linh hoạt, táo bạo, tập kích, phục kích quân địch, nổi lên là hình thức nguy trang thành quân Pháp đột kích vào vùng tạm chiếm để tiêu diệt quân chiếm đóng.

Một hôm có một tiểu đội lính Pháp và lính nguy ở đồn Cái Cồn vừa hành quân ra khỏi đồn gặp một toán "lính Pháp" và lính nguy đi ngược chiều. Vừa chạm mặt nhau người Pháp đi ngược chiều hô lớn "Haut les mains" (giơ tay lên), đồng thời chĩa súng vào mấy tên lính của đồn Cái Cồn, tước vũ khí của chúng, bắt trói mấy tên Pháp và thả tại chỗ các tên lính nguy với lời cảnh cáo ; "không được tiếp tục đi lính cho Pháp". Quân ta rút lui an toàn.

Sau đó mấy ngày, một "sĩ quan Pháp" chỉ huy một toán "lính nguy" nghênh ngang đi vô nhà ban hội tế. Bọn hội tế khúm núm vái chào quan lớn, bỗng có một tiếng hô "đứng yên, nhúc nhích sẽ bị diệt". Anh em ta tước 4 khẩu súng của tên lính gác và bắt tên sĩ quan cả Do có nhiều nợ máu với nhân dân địa phương, còn các tên khác

được tha tại chỗ với lời cảnh cáo : "trở về làm ăn lương thiện nếu chống phá cách mạng sẽ không được tha lần nữa". Tiếp tục hình thức này ta đột nhập vào đồn giặc ở Cà lao Mây, huyện Kế Sách đánh chiếm đồn này.

Sau một trận phục kích tiêu diệt 2 xe địch, bắt sống tù binh, được biết địch còn một lực lượng đi ghe dưới sông, lập tức ta khống chế số lính ngự, buộc ngồi trên bờ kinh cùng với quan Pháp già và mấy chiến sĩ ta. Khi địch đến, mấy tên lính ngự kêu ghe ghé lại, ghe vừa cập bờ quan Pháp ra lệnh lính lên bờ, bắt giữ, tước vũ khí rồi thả, sau khi nhắc nhở không được tiếp tục làm tay sai cho giặc Pháp.

Mấy hôm sau quân ta lại đột nhập vào nhà làng Cái Sơn bắt gọn cả ban hội tế, tước súng và trưng trị tên Hương quản Cứng ác ôn.

Có lần, một thám báo giả người bán thuốc đi vào vùng giải phóng, nắm được nơi ăn, ở, canh gác của ta. Chúng dự định mở một cuộc càn quét bắt gọn. Đồng bào biết được tin này và báo cho kháng chiến biết. Được tin, đồng chí Phước liền tổ chức phục kích đánh. Đúng như ta dự đoán, địch từ Sóc Trăng hành quân đến Vàm Trà Cú Cạn thì đổ bộ lên, đột thẳng vào vùng căn cứ của ta một cách nhanh chóng bất ngờ. Nhưng trong khi đội ngũ còn đùn cục chúng đã rơi vào ổ phục kích của ta. Sau phát súng lệnh, bộ đội ta xung phong đánh xáp lá cá với địch. Chúng không kịp trở tay bị diệt hoàn toàn, ta thu 2 súng máy F.M, 2 tiểu liên, trên 10 súng trường.

Cán bộ, đồng bào xã Mỹ Tú nhiệt liệt hoan nghênh chiến thắng của bộ đội.

Kết quả hoạt động của bộ đội lưu động Sóc Trăng trong 4 tháng đầu tiên đầy khó khăn của cuộc kháng chiến chống Pháp ở địa phương đã gây cho địch nhiều thiệt hại về người, phương tiện, vũ khí. Hệ thống hội tế, công cụ quan trọng của Pháp để lập lại chế độ thuộc địa, bước đầu đã bị đánh quy chỉ còn rải rác một số nơi và những nơi đó chỉ có vài ba tên ngoan cố chống đối cách mạng, bị cô lập giam mình trong các đồn bốt.

Những thắng lợi trên đã cổ vũ đồng viên đồng đảo quân chúng, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng là ở hội tụ cơ,

phát triển lực lượng cách mạng. Các lực lượng vũ trang của ta trong vùng cũng học tập được những kinh nghiệm chiến đấu mưu trí, sáng tạo, linh hoạt, táo bạo của bộ đội lưu động Sóc Trăng và đã cùng nhau đẩy mạnh hoạt động làm cho địch trong toàn khu bị thất bại liên tiếp trong âm mưu lấn chiếm, bình định. Ta dần dần giành lại quyền làm chủ trên vùng đồng bằng rộng lớn đông dân, nhiều của này.

Căn cứ vào những thành tích trên của đơn vị, Bộ tư lệnh Chiến khu 9, đã triệu tập toàn đơn vị về Chiến khu và đã quyết định trao tặng cho Bộ đội lưu động Sóc Trăng vinh dự mang tên "Bộ đội danh dự Hồ Chí Minh lưu động toàn khu" kể từ tháng 6-1946.

Toàn thể cán bộ, chiến sĩ vô cùng phấn khởi, vinh dự được mang tên Bác Hồ, tổ chức rút kinh nghiệm học tập để phục vụ cho đợt công tác sắp đến, bổ sung quân số từ 27 người lên 36 người, trang bị và điều chỉnh vũ khí, phát triển thêm 9 đảng viên. Ban chỉ huy được Bộ tư lệnh Chiến khu quyết định cử đồng chí Thom - chỉ huy trưởng, chính trị viên văn đồng chí Ngói, Nguyễn Hùng Phước phụ trách chung.

Sau khi chấn chỉnh tổ chức trang bị, đơn vị mạnh lên về tinh thần lẫn vật chất. Tiếp tục hoạt động chiến đấu, chiến thắng liên tục.

ĐÁNH ÚP ĐÓN KHO DẦU (THỊ XÃ SÓC TRĂNG)

Đồn Kho Dầu nằm trong chu vi thị xã, cách chợ 2 km.

Một buổi sáng lính ngự đang quét dọn thì một toán "lính" Việt, "lính" Khmer do một "quan" Pháp chỉ huy kéo vào đồn. Vừa đến cửa viên thông ngôn chạy đến la rầy tên lính gác và xô cửa cho "quan" và "lính" vào đến. Khi tất cả quan và lính vào bên trong, tán ra đọc các công sự thì súng lệnh nổ. Tiếp theo là cuộc tấn công đồng loạt vào lính giữ đồn. Không kịp đề phòng, số đông lính đồn tung chạy ra khỏi đồn về các sóc Khmer gần đó. Quân ta nhanh chóng đột nhập kho súng, thu dọn súng đạn rồi rút lui.

Dân Khmer nghe súng nổ, thấy lính chạy về, đổ ra đường để xem, bịt cả đường rút của bộ đội ta.

Một chiến sĩ ta gốc người dân tộc Khmer liền lấy 1 xe đạp vừa đạp chạy tới vừa la hét ồn ào tiếp viện, dẹp đường, dọn đường cho

lính đi". Dân chúng đặt ra nhường đường. Quân ta nhanh chóng rút về căn cứ.

DÀNH ỦP ĐÓN ĐẠI ÁN (ĐẠI NGÀI)

Giữa trưa, một toán "lính Khmer - Việt" do một "sĩ quan Pháp" chỉ huy bất thần xuất hiện, kéo vào đón Đại Án. Binh lính nguy ké ngu người thùc nhón nháo chưa biết chuyện gì. Tên đội Nhung, đồn trưởng bước ra chấp tay sau đít quan sát và chờ đợi. Viên "thông ngôn" truyền lệnh cho nó "lập binh" (tập hợp) trong lúc đó quân ta đã tấn ra chiếm các công sự. Tên thư ký của đồn có vẻ nghi ngờ đi tới đi lui như muốn nói gì với đội Nhung. "Quan Tây" liền kêu lại, đấm cho 1 quả té ngựa, kèm theo một lời khiển trách "impoli" (vô lễ). Sau khi lính đồn xếp thành 2 hàng, "quan Tây" ra lệnh "giá súng". Quân ta chiếm lấy súng, bắt đội Nhung. Vừa đúng lúc đó mấy chiếc ghe cập vào bến trước đồn. Quân ta đưa chiến lợi phẩm xuống ghe, rút lui theo dòng nước. Tất cả lính nguy đều được thả với lời cảnh cáo: "Phải cải tà quy chính, không được đi lính cho Pháp".

PHỤC KÍCH BỌN ĐI PHÁT LƯƠNG

Nắm được quy luật bọn chỉ huy "mã tà" (lính cảnh sát) đi phát lương hàng tháng trên hai chiếc ghe. Đơn vị giả dạng thường dân thọc sâu vào Rạch Ớc (Barinh) phục kích bọn này. Bị bất ngờ bọn chúng trở tay không kịp (vì đây là vùng an toàn của chúng). Quân ta đánh tan tốp lính này thu toàn bộ vũ khí, tiền bạc.

Thượng tuần tháng 11-1946 Bộ tư lệnh Chiến khu 9 giao nhiệm vụ cho đơn vị: cử một bộ phận của đơn vị đi Chiến khu 8 nhận quà của Trung ương dành cho chiến trường Nam Bộ. Đoàn đi gồm có đồng chí Nguyễn Hùng Phước - Khu phó khu 9 chỉ huy hơn chục đồng chí khác gồm có 4 chiến sĩ người da trắng (người Âu), nữ đồng chí Nhạn v.v... Đường đi qua sông, qua lộ, địch tuần tiễu nghiêm ngặt, phục kích thường xuyên. Đoàn đã khắc phục khó khăn gian khổ đi đến nơi an toàn và nhận đủ số quà (có vũ khí) dành cho Chiến khu 9. Trên đường về đoàn tạm trú gần Ngã ba Nhà Dài. Đoàn được dân quân địa phương thông báo tình hình địch và đề nghị diệt đồn Ngã tư Nhà Dài. Đồng chí Phước quyết định đánh bằng cách giả lính Pháp, lính nguy ký tập vào đồn. Kế hoạch chiến đấu đã được hiện

gân xong, đang lúc đưa súng đạn xuống ghe, đồng chí Phước đi ra với các chiến sĩ da trắng, vừa ra đến cổng đóm, bất thành linh một loạt lựu đạn nổ do một tên lính ở trên gác ném xuống. Đồng chí Phước và 3 chiến sĩ da trắng hy sinh. Đơn vị cùng dân quân chiến đấu anh dũng lấy thi hài của các đồng chí ra. Nghe tiếng lựu đạn nổ, bọn địch huy động lực lượng đến tiếp cứu. Trước tình thế đó anh em đã quyết định nhanh chóng áp tải các ghe chở quả và vũ khí đi ngay. Nữ đồng chí Nhận gạt nước mắt vĩnh biệt người chỉ huy, người đồng chí, người bạn chiến đấu, người chồng yêu thương của mình để cùng đồng đội đi áp tải về căn cứ an toàn. Nguyễn Hùng Phước và đồng đội hy sinh ngày 23-11-1946.

ĐẠI ĐỘI 1096 - ĐẠI ĐỘI HỒ CHÍ MINH

Hưởng ứng lời kêu gọi thi đua giết giặc lập công của Bác Hồ, chỉ thị mệnh lệnh của Đảng, Chính phủ, Bộ tổng chỉ huy về nỗ lực rèn luyện, xây dựng chiến đấu chống lại âm mưu chiến lược của bọn thực dân Pháp : đẩy mạnh hành quân bình định Nam Bộ lấy người, lấy của, phục vụ cho cuộc tấn công bao vây, tiêu diệt cơ quan đầu não của Đảng. Nhà nước ta ở Bắc Bộ, Bộ đội danh dự Hồ Chí Minh được Bộ Tư lệnh Chiến khu tăng thêm cho vũ khí tốt, nhiều đạn cộng với vũ khí đã thu được của địch thời gian qua, tổ chức thành một đại đội hoàn chỉnh về tổ chức, gồm 4 trung đội : 3 trung đội bộ binh, một trung đội trợ chiến, trang bị đầy đủ vũ khí, có trọng liên, trung liên, tiểu liên, súng trường, đạn từ 3-5 cơ số. Cán bộ chỉ huy cũng được tăng cường. Ban chỉ huy đại đội có đồng chí Thơm - đại đội trưởng, đồng chí Hoàng - chính trị viên. Để nghi binh và đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Bộ đội danh dự Hồ Chí Minh toàn khu mang tên *Đại đội 1096* hay *Đại đội Hồ Chí Minh lưu động* (có lúc lấy tên là tiểu đoàn).

Tháng 4-1947, được giao nhiệm vụ tham gia cánh quân 2K đi Long Châu Tiên chiến đấu bảo vệ cấp ủy, chính quyền và đồng bào đang bị bọn đầu sỏ phản động trong đạo Hòa Hảo sát hại dã man, các đơn vị vừa chiến đấu vừa tuyên truyền giác ngộ các tín đồ Hòa Hảo bị mê hoặc, lừa gạt.

Trước sự kiên trì vận động giải thích của các đơn vị và cán bộ của Mặt trận, đồng đạo đồng bào nhận thấy sai trái do bị kích động, xúi giục của bọn đầu sỏ phản động, đã làm những việc cơ toi với cách

mạng, với đồng bào, nên tình hình được ổn định dần.

Từ năm 1948 đến khi ký Hiệp định Genève 1954, Đại đội 1096 đã tham gia chiến đấu ở các tỉnh trong Chiến khu 9 và Đông Bắc Campuchia, khi chiến đấu độc lập, khi nằm trong đội hình tiểu đoàn, hoạt động có hiệu quả ở Thốt Nốt, chống càn và đánh đoàn xe ở Kế Sách, bảo vệ lúa ở Giá Rai, đột nhập vào thị xã Bạc Liêu, tham gia trận Tầm Vu 2. Trong các chiến dịch Long Châu Hà 1 và 2, Đại đội 1096 đều nhận hướng chính đánh vào Ruột Đau, Mỹ Phước, Vĩnh Châu, vùng Tri Tôn, vùng Ba Dấu. Nói chung, trong những nhiệm vụ này đại đội góp phần thắng lợi cho các trận đánh, cho các chiến dịch. Khi về hoạt động ở tỉnh Cần Thơ đã góp phần phát triển phong trào chiến tranh du kích trong tỉnh vào năm 1953 và đầu năm 1954.

Tóm lại : Bộ đội danh dự Hồ Chí Minh thuộc Chiến khu 9 là một đơn vị vừa chiến đấu vừa làm công tác vận động quần chúng. Đơn vị ra đời trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp trong lúc tình hình hết sức gay go và phức tạp. Tổ chức gọn nhẹ, di chuyển nhanh, bí mật, bất ngờ. Trước cuộc tấn công lấn chiếm ở ạt của quân xâm lược Pháp, có người bỏ nhiệm vụ, vác súng xuyên Đông (chạy ra Bắc bằng đường biển), có người chạy ra nước ngoài, thậm chí có người đầu hàng giặc. Trong cảnh dầu sôi lửa bỏng đó, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở địa phương, có một số đảng viên tham gia làm nòng cốt, được nhân dân đùm bọc, đơn vị đã đứng vững trong vùng tạm chiến, chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược một cách dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, đã đánh chiếm các đồn lẻ, tiêu diệt bọn giặc đi càn quét khủng bố, diệt ác, trừ gian, giải tán các ban hội tế mà giặc Pháp ra sức xây dựng để đặt lại ách thống trị thực dân của chúng, đánh bại kế hoạch lấn chiếm bình định Miền Nam của tướng Pháp Leclerc, mở ra các căn cứ lóm du kích, tạo điều kiện khôi phục, củng cố các tổ chức quần chúng, chính quyền và các tổ chức kháng chiến trong vùng. Những bài học kháng chiến chống Pháp đầu tiên của đơn vị được các đơn vị bạn học tập, phát huy, để đẩy mạnh cuộc kháng chiến cứu nước trong các tỉnh Miền Tây Nam Bộ, góp phần giữ vững Nam Bộ Thành đồng Tổ quốc mà Bác Hồ đã khen tặng. Qua chiến đấu trưởng thành, đơn vị cũng đã đào tạo và cung cấp một số cán bộ cho bạn bè xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến.

LẤY SÚNG GIẶC ĐÁNH GIẶC, MỘT TRUYỀN THỐNG CỦA VỆ QUỐC QUÂN NAM BỘ

NGUYỄN VĂN TÔNG

Không có súng không phải là lính đúng nghĩa của nó. Lúc bắt đầu kháng chiến chống Pháp nhiều lính cách mạng không có súng mà chỉ có vũ khí thô sơ như tầm vông, dao mác, mã tấu, dao găm. Nhưng trước kẻ thù xâm lược tứ tay không cũng phải tìm một loại vũ khí nào đó để đánh giặc. Ngay đầu kháng chiến một tiểu đội 10 người có khi chỉ có 2, 3 khẩu súng mà cũng không phải là súng tốt - chỉ là súng lửa, súng mứt của Pháp, của Nhật, loại bắn từng phát, đội mạnh đau vai. Đạn thì càng gay go hơn, phải tự tạo, dùng đầu đạn tự tạo làm bằng lư (lư hương để thờ) để tra vào vỏ đạn cũ gọi là đạn rừ sạt. Bắn loại đạn này thường bị kẹt, hoặc là đầu đạn kẹt trong nòng súng vì thuốc tổng tự chế không đủ mạnh để đẩy đầu đi hoặc là vỏ đạn quá cũ nở ra làm kẹt không kéo cu-lát ra được. Gặp sự cố này, người lính lâm vào tình huống nguy hiểm, không có kế nào khác hơn là rút lui!

Trong lúc đó, lính địch trang bị hiện đại, súng mới bắn tự động và tự động, đạn đồng đó au, bắn ra-phan như vãi trấu.

Phải có súng. Đó là vấn đề sống còn của Vệ quốc quân và du kích Nam Bộ trong những năm đầu của Nam Bộ kháng chiến.

Là chiến sĩ anh nào cũng nuôi nấng trong đầu một quyết tâm lấy cho được 1 khẩu súng cho mình. Còn chỉ huy thì có quyết tâm lớn hơn tổ chức những trận đánh diệt địch để lấy súng "bén" (mới, hiện đại) cho đơn vị mình. Anh em đã nghĩ ra nhiều cách lấy súng, nhiều mưu mẹo để lấy súng như theo dõi những tên lính đi lẻ để cướp súng của nó, phục kích những tổ tuần tra diệt chúng để lấy súng, kẻ cả thủ đoạn an trộm, len lỏi vào đồn ban đêm để an trộm súng, cử người của mình vào làm lính gác ở đồn súng nổ, hoặc để làm một ung đánh chiếm những đồn nhỏ, những tháp canh (bót nhỏ dọc đường giao

thông) có 5 - 10 tên lính. Đó là cách làm của dân quân xã, còn bộ đội huyện, tỉnh, Quân khu thì theo dõi hoạt động của địch, tổ chức đánh những trận lớn, tiêu diệt gọn địch đang hành quân, vận chuyển trên đường, hoặc đang giữ những đồn lớn để lấy nhiều súng, nhiều đạn và nhất là súng máy (F.M), đại liên. Trận đánh nào cũng nhằm mục đích diệt địch, thu vũ khí. Có những trận đánh lớn diệt nhiều địch lấy nhiều súng trong cuộc kháng chiến chống Pháp như trận Cổ Cò, Giồng Dứa ở Mỹ Tho, trận La Ngà ở miền Đông, trận Tâm Vu ở Quân khu 9 lấy được cả đại bác 105 ly v.v...

Ngoài ra còn có một chủ trương lớn là vận động binh lính địch mang súng về với cách mạng. Nhờ vậy mà Vệ quốc đoàn (chủ lực) và các bộ đội địa phương, du kích dần dần được trang bị mạnh, hiện đại. Bộ đội tỉnh, Quân khu thì được trang bị đầy đủ. Mỗi tiểu đội 10 người ngoài súng trường còn có 1 khẩu súng máy (F.M), mỗi đại đội gồm 9 tiểu đội có 8 - 9 khẩu súng máy có khi có cả đại liên. Khi tổ chức thành tiểu đoàn thì có đại đội trợ chiến (đại đội hòa lực) có đại liên, trọng liên 12,7 ly, súng cối 60, 81 ly, đại bác không giật (ĐKZ). Lính Pháp có súng gì thì ta có súng đó. Lính Pháp thay đổi trang bị thì ta cũng thay đổi trang bị. Lúc đầu ở Nam Bộ quân đội viễn chinh Pháp dựa vào quân Anh - Ấn nhân danh lực lượng Đồng minh tước vũ khí quân Nhật ở Sài Gòn - nên được trang bị bằng "mút Ăng-lê" (mousqueton) và cây F.M đầu bạc nổi tiếng. Anh em ta rất thích cây F.M này vì nó có hình dáng đẹp, khỏe và nổ rất giòn, nghe rất dã tai lại có cái cà-nông màu trắng nổi bật trong các loại súng như tự khoe mình trước bàn dân thiên hạ. Một tiểu đội đóng quân trong nhà dân mà có khẩu F.M đầu bạc để trên vách là điều hạnh diện của tiểu đội. Nó nói lên chiến công của tiểu đội đó. Vì khẩu súng này do tiểu đội lấy được trong chiến đấu chứ không phải do cấp trên trang bị cho. Vì thế những tiểu đội chưa có súng máy thì có quyết tâm rất cao khi chiến đấu lấy cho được 1 khẩu F.M cho tiểu đội mình. Một đại đội Vệ quốc đoàn khi có dịp tập hợp đội ngũ ngày lễ trong vùng giải phóng mà trước mặt đại đội có 1 hàng F.M 9 khẩu thì hãnh diện biết bao! Điều thích nhất của anh lính bán F.M bấy giờ là bán đạn O-rigin, đạn của nhà máy (tên sẽ không kể lại, không sợ đang xung phong mà súng mình tắt, bị địch phản xung phong).

Khoảng hơn hai năm sau ngày Nam Bộ kháng chiến, Quân đội Pháp và tay sai được bổ sung trang bị bằng súng Mỹ. Từ đó cây súng trường Mỹ tự động và cây súng máy (F.M) Mỹ xuất hiện trên chiến trường. Năm đó tiểu đoàn 305 tinh Gò Công đánh chiếm đồn Bình Lương Đông lấy được 50 khẩu súng máy Mỹ bán tự động và 4 súng máy, 2 tấn đạn mới đồ sộ. Các đại đội của tiểu đoàn được bổ sung súng mới để vài ngày sau đánh một trận quyết liệt cả ngày với các tiểu đoàn chủ lực BMEO của Pháp ở Gia Thuận.

Khoảng năm 1952, công nghiệp quốc phòng của Pháp được khôi phục cho nên lúc này lực lượng viễn chinh Pháp và các tiểu đoàn nguy quân BVN được trang bị súng MAS (Pháp). Súng MAS bộ binh hiện đại gồm F.M - MAS, tiểu liên MAS và súng trường bán tự động MAS phóng lựu đạn không cần ngắm (1).

Với trang bị mạnh như vậy, 1 tiểu đoàn BVN tấn công vào vùng giải phóng của ta bắn như "vãi trâu". Vùng nào bị càn quét thì cây cối trong vườn đều bị sát thương, có cây cả chục vết.

Quân ta lại có súng MAS của Pháp, chỉ huy thì thích cây súng ngắn MAS vì nhỏ gọn, lính bảo vệ thì thích cây mi mas (mitraillette) vì nó đẹp, lính chiến đấu thì thích nhất là cây súng trường bán tự động phóng lựu đạn không cần ngắm. Lấy súng của giặc trang bị cho mình như vậy đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, Vệ quốc đoàn Nam Bộ và bộ đội địa phương, dù kích cỡ đủ các loại súng của 3 cường quốc Anh, Mỹ, Pháp. Các trung đoàn, tiểu đoàn Vệ quốc quân đến vùng tập kết (theo Hiệp định Genève) với trang bị đầy đủ, hùng mạnh. Suốt 9 năm kháng Pháp, ở Nam Bộ không có một binh công xưởng nào chuyên sản xuất súng cho bộ binh, nhưng các trung đoàn, tiểu đoàn và cả bộ đội địa phương, dân quân du kích đều có đủ súng, đạn để đánh giặc. Đó là nhờ các chiến sĩ ta thực hiện quyết tâm "Lấy súng giặc đánh giặc" và giặc Pháp xâm lược trở thành người tiếp tế súng đạn cho ta, "Lấy súng giặc đánh giặc" là một truyền thống vẻ vang của dân tộc ta và các lực lượng vũ trang của ta.

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Ống gắn vào đầu súng để lắp lựu đạn phóng đi.

TRẬN ĐÁNH NHẬT CỦA QUÂN VÀ DÂN HUYỆN CHỢ MỚI AN GIANG

HOÀNG GIAO

Ngày 23-8-1945 nhân dân huyện Chợ Mới tỉnh Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang) dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng lên giành chính quyền thành công, buộc quận trưởng Trần Văn Thi đầu hàng.

Một trung đội Nhật trang bị đầy đủ, được tàu chiến đưa lên chiếm đóng lại tu viện thuộc khu vực nhà thờ Cù Lao Giêng thuộc xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Tu viện là nơi đào tạo thầy dòng Thiên chúa giáo cho các tỉnh miền Tây Nam Bộ, có quy mô xây dựng lớn nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lúc bấy giờ. Chính quyền xã, huyện, tỉnh nhiều lần biên thư mời viên trung đội trưởng đến để giải thích và yêu cầu giao nộp vũ khí, chính quyền bảo đảm tính mạng cho họ và sẽ đưa họ lên Sài Gòn để về nước. Họ trả lời không chống cách mạng và còn chờ lệnh của cấp trên, nhưng hằng ngày vẫn mang súng, đeo gươm dài lê thê nghênh ngang đi lại. Chính quyền đã về tay nhân dân, nhưng đốn giặc vẫn đóng tại địa phương như cây đinh đâm vào da thịt nhức nhối vô cùng. Mặt khác cách mạng cũng đang quá thiếu vũ khí để chống giặc, rất cần vũ khí để trang bị cho lực lượng vũ trang của huyện, tỉnh mới thành lập. Ta cũng đã kiên trì giao cho ông Cha, bà Phước nhà thờ Cù lao Giêng đến vận động thuyết phục chúng nhiều lần nhưng chúng không nghe.

Việc đánh đồn Nhật đã chín mùi. Đồng chí Ung Văn Khiêm và đồng chí Dung Văn Phúc (Dương Quang Đông) thay mặt Ủy ban Nam Kỳ lúc ấy đang làm việc với địa phương, sau khi nghe Tỉnh ủy Long Xuyên báo cáo đã quyết định đánh để lấy súng trang bị cho ta. Đồng chí Dung Văn Phúc làm chỉ huy trưởng, đồng chí Ngô Văn Chính - Ủy viên quân sự tỉnh, đồng chí Đinh Trường Sanh, đồng chí Trịnh Văn Ấn (Ba Hoàng) - Cộng hòa và binh tình đồng chí Nguyễn Văn Nữ - Tỉnh ủy Châu Đốc ở trong Ban chỉ huy trận đánh. Sau đó có bố

sung thêm đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Dành Dành). Các tỉnh Cần Thơ, Rạch Giá, Châu Đốc, Bến Tre mỗi tỉnh chỉ viện một trung đội Cộng hòa vệ binh cùng với Cộng hòa vệ binh tỉnh Long Xuyên thành lực lượng nòng cốt tấn công đồn. Hội nghị phân công huyện Chợ Mới huy động tự vệ chiến đấu quân của 17 xã trong huyện làm áp lực bao vây bên ngoài, nghi binh, tải thương v.v... Huyện Chợ Mới cũng đảm nhận nhiệm vụ tiếp tế phục vụ chiến đấu. Lực lượng ta rất đông nhưng có rất ít súng, vũ khí thô sơ. Tuy vậy tất cả đều có tinh thần chiến đấu rất cao, tin tưởng vào thắng lợi vì có sức mạnh của quần chúng hỗ trợ quyết lấy tinh thần đề bẹp vũ khí địch, cộng thêm ước mơ cháy bỏng là lấy súng Nhật để trang bị cho mình. Riêng xã Mỹ Tân hầu như già trẻ, bé lớn đều tham gia trận đánh, phục vụ trận đánh, từng phố xá ở chợ Cù lao Giêng cho đến đình làng đều là nơi nấu nướng suốt ngày đêm cho quân ta ăn no đánh giặc. Nhân dân tự động đem gà, vịt, hàng trăm con heo, gói hàng chục ngàn đòn bánh tét và xôi đem đến tiếp tế cho trận đánh.

Kế hoạch trận đánh của ta là "điều hổ ly sơn", phân tán địch, bất ngờ tấn công bọn còn lại trong đồn, chủ yếu buộc địch hàng để tước vũ khí.

Sáng sớm ngày 12-9-1945, ba viên chỉ huy trung đội Nhật được Ủy ban tỉnh mới về tỉnh lỵ Long Xuyên họp và bắt giữ luôn.

Đồng thời, Ủy ban huyện Chợ Mới mời hai viên sĩ quan còn lại qua thị tứ Mỹ Luông để gặp, định bắt giữ luôn hai tên này. Nhưng vì kế hoạch không thành, hai tên Nhật chạy thoát về đồn bằng xuồng chèo qua sông.

Lại có chuyện bất ngờ và thú vị về ông Đạo Nổi (ngồi xếp bằng dưới nước nổi lên ngang ngực, dùng hai tay vỗ nước kêu bùm bùm). Tên thật là Hai Xáng, thợ hớt tóc tại chợ Cù lao Giêng lành lợi và có võ, anh đã từng hớt tóc cho nhiều tên lính Nhật. Sáng sớm hôm đó, tình cờ một tên lính Nhật đến hớt tóc, anh đã dùng bao bố tời tròng vào đầu tên Nhật và luôn cả ghế hớt tóc. Anh cột bao lại giao cho chính quyền cách mạng cả người và ghế. Sau này được hỏi tại sao lúc cạo râu không dùng dao cạo cổ nó cho gọn, anh bảo mình là người tu hành không làm vậy được.

Đến 15 giờ, từ các công sự bao vây đồn địch ở ngoài hàng rào khu nhà tu viện, quân ta bắt đầu nổ súng. Một tiểu đội xung kích bí mật luồn vào phía trong hàng rào bắn chết tên lính gác đồn cách nhà chính chừng 100 mét. Ta dùng trọng liên 12 ly 7 bắn vào đồn và kêu gọi đầu hàng. Địch bắn trả quyết liệt. Quân ta không xung phong vào chỗ ở của địch được nên đành nằm bắn giằng co với địch cả buổi đến đêm. Ban chỉ huy mặt trận cùng Tỉnh ủy nhận định, địch cố kéo dài thời gian chờ tiếp viện. Vì vậy phải đánh dứt điểm sớm bằng hỏa công kết hợp với xung lực, nhưng hỏa công chỉ là để hù dọa địch. Ta dùng rơm tẩm bột ớt, tiêu làm cay mắt địch để hỗ trợ chờ không được đốt cháy lan qua nhà thờ.

Ngày hôm sau, dân xã Mỹ Tân và các xã lân cận chờ hàng trăm ghe xuồng rơm ra, tàu dừa khô đến chất thành đống cao 10 mét, dày 5-7 mét, dọc theo hàng rào bao quanh tu viện. Trong lúc đó, Tỉnh ủy cũng cho mời cha Hồ Thành Biên, cha Hồ Huệ Bá đến nhà thờ Cù lao Giêng để vận động các cha và các bà phước thuyết phục Nhật đầu hàng (linh mục Hồ Thành Biên sau này là đại biểu Quốc hội đầu tiên của ta và linh mục Hồ Huệ Bá có chân trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam). Nhưng việc vận động đó không có kết quả. Chiều hôm đó đồng chí Dung Văn Phúc cũng đi với đồng chí Ung Văn Khiêm và em bé liên lạc trinh sát 13 - 14 tuổi tên là Bưởi ở huyện Lấp Vò, trinh sát nghiên cứu lại trận địa. Em Bưởi quẹt hộp quẹt đốt thư rơm bị Nhật bắn chết. Ta tiếp tục gửi tối hậu thư cho địch kêu gọi đầu hàng. Ta phân tích cho địch: nếu chống cự sẽ bị tiêu diệt và cảnh cáo rằng nếu vì vậy mà nhà thờ bị thiệt hại thì chúng phải chịu trách nhiệm do chúng đến chiếm đóng trái phép. Địch không trả lời.

Vào lúc 4 giờ sáng ngày 13-9-1945, ta cho đốt rơm và nổ súng tấn công, đốt pháo đại, quạt khói vào nhà địch ở và huy động hàng chục ngàn người la ó, đánh chiêng, đánh trống vang trời.

3 giờ sáng ngày thứ ba, 14-9-1945, địch đầu hàng và nộp vũ khí. Kết quả ta bắt sống toàn bộ trung đội Nhật có 20 tên, thu hai súng trung liên địa, 1 súng cối 60 ly và 30 súng trường, tiểu liên, tom-xông, súng phóng lựu và các loại quân trang, quân dụng. Lúc bấy giờ số súng đạn này quý như vàng đối với chúng ta. Ta bình

Nhật được giao về Nam Bộ để cho họ về nước. Bên ta hy sinh 2 người : 1 chiến sĩ và một em bé liên lạc.

Đây là trận đánh đầu tiên của quân và dân tỉnh An Giang có sự chỉ viện của cấp trên và lực lượng các tỉnh bạn. Trận đánh thể hiện chiến tranh nhân dân, tấn công quân sự kết hợp binh vận và áp lực chính trị của quần chúng. Điều hổ lý sơn để phân tán địch, dùng hỏa công kết hợp với tiếng nổ lớn và khí thế quần chúng để không chế tinh thần địch, buộc địch phải đầu hàng. Thắng lợi trên trong thời kỳ đó quả là một kỳ công, mở màn cho các trận đánh hay khác sau này trên mảnh đất An Giang trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta.

BỘ ĐỘI THỦY LÔI MINH HẢI TÁI TẠO THỦY LÔI NHẬT ĐÁNH TÀU GIẶC PHÁP

NGUYỄN VĂN TÔNG

Miền Tây Nam Bộ là một vùng đất có nhiều sông rạch và kinh đào. Phần lớn là sông lớn và sâu. Đất Minh Hải cũng bị sông ngòi cắt ra từng mảnh. Ở đây người ta đi lại bằng xuồng, ghe. Trẻ con đến trường cũng phải đi xuồng.

Muốn tái chiếm vùng này, giặc Pháp sử dụng nhiều tàu chiến trên sông. Tàu binh Pháp trang bị mạnh, thọc sâu vào các thôn ấp để càn quét giết hại dân lành, cướp của đốt nhà và tiêu diệt lực lượng kháng chiến còn non yếu.

Để bảo vệ đồng bào, giữ vững độc lập, Vệ quốc đoàn miền Tây và dân quân du kích đã nghĩ ra nhiều cách ngăn chặn, đánh chìm tàu chiến địch, diệt bộ binh và thu vũ khí. Công việc đầu tiên là đắp cản ngăn chặn tàu Pháp thọc sâu vào xóm ấp, đồng thời tìm cách đánh chìm tàu địch.

Để bảo vệ vùng giải phóng, chính quyền và các đoàn thể đã động viên nhân dân, có lực lượng dân quân làm nòng cốt, đắp 77 cản trên các sông và kinh rạch để ngăn chặn tàu địch chạy vào vùng ta trong đó có 28 cản lớn.

Các cản lớn ta đắp rất vững chắc như cản ngang kinh rạch Cầu Sập đi vào Vĩnh Hưng do hàng ngàn dân của 4 xã huyện Vĩnh Lợi đắp nên. Cản ngang 40 mét được đắp trên chiều dài 250 mét với một đê cao 1,4 mét, chân đê 8 mét, mặt đê 4 mét, nhân dân đặt tên là cản Vĩnh Hưng. Tháng 6 năm 1948 giặc Pháp dùng 5 tàu sắt đến phá cản, phá suốt 5 ngày đánh 16 trái mìn lớn, nhưng chỉ làm hư hỏng cản mà không phá được cản. Chúng phải rút lui. Nhân dân các xã lại đến lấp các lỗ mìn, củng cố lại cản. Cản Vĩnh Hưng giữ được suốt mùa kháng chiến chống Pháp.

Đồng thời với việc đắp cản, lực lượng kháng chiến không ngừng tìm cách đánh chìm tàu địch.

Nhờ có cộng nghiên cứu, tìm tòi đồng chí Tào Văn Ty đã phát hiện ra việc du kích Tân Ân - Rạch Gốc đã tái tạo một quả thủy lôi và đã đánh tàu địch, tuy không kết quả. Đồng chí bắt đầu tổ chức đơn vị thủy lôi và huy động thủy lôi của Nhật trôi dạt mà dân trong vùng Đám Dơi, Nam Cán đã vớt được. Bộ đội thủy lôi dần dần có được hàng chục trái thủy lôi Nhật được tái tạo và đã đánh chìm nhiều tàu binh giặc Pháp trên sông rạch Minh Hải. Sau đây là một số trận điển hình trên sông rạch trong lịch sử kháng chiến chống Pháp ở Minh Hải.

Thị hành Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946, ngày 29 tháng 10 năm 1946 Chủ tịch Quân ủy hội Võ Nguyên Giáp ra lệnh đình chiến. Phía quân Pháp cũng ra lệnh ngừng bắn. Nhưng 10 ngày sau, giặc Pháp đã phản bội lệnh ngừng bắn, tiếp tục đưa quân khủng bố cán quét. Nhờ có chủ trương kịp thời bên ta chủ động trước các cuộc càn quét của địch. Tuy vậy, 10 ngày đình chiến tác động mạnh mẽ trong hàng ngũ địch. Binh lính địch tan rã nhiều, tề ngụy bỏ nhiệm vụ.

Tình hình mới tạo điều kiện cho ta xây dựng lại cơ sở ở thị xã Bạc Liêu. Cuối tháng 9, các đoàn thể Cứu quốc, thanh niên, phụ nữ và phụ lão Cứu quốc được thành lập lại ở vùng ven. Tháng 10 năm 1946, đồng chí Cao Kiến Thiết cùng các đồng chí ở thị xã đã tổ chức lại Mặt trận Việt Minh và họp ở Giồng Nhân bầu ra Ủy ban kháng chiến xã Vĩnh Lợi.

Tháng 11 năm 1946, đồng chí Cao Kiến Thiết cùng các đồng chí địa phương tổ chức ra 2 trung đội tự vệ chiến đấu. Một trung đội bảo vệ cơ quan tỉnh ở Tân Hòa, một trung đội làm lực lượng tự vệ chiến đấu lưu động của tỉnh.

Cũng trong thời kỳ này, đồng chí Tào Văn Ty xuống Tân Ân - Rạch Gốc phát hiện việc ông già Huỳnh Ngọc Báu và ngư dân Rạch Giá cho hộp kíp mìn, một số anh em làm ra thủy lôi, nhưng đánh chưa thành công hồi tháng 5 năm 1946 ở kinh xăng Đội Cường. Đồng chí đã đưa anh em về ở vùng Sỏi Lớn Tân Ân. Đơn vị thủy lôi gồm 15 đồng chí được thành lập, trong đó có các đồng chí

Huỳnh Ngọc Diệp, Tô Bình Đăng, Nguyễn Văn Thận, Võ Văn Lược, Lê Văn Bén, Tạ Văn Cường. Vừa thành lập, tất cả đều hăng hái đi sưu tầm thủy lôi. Đồng chí Ba Hồ người phụ trách xưởng vũ khí U Minh ngày Khởi nghĩa Nam Kỳ, lúc này vận động binh lính đồn Tân Ân đưa ra được 4 người 4 súng, trang bị cho đội thủy lôi vừa ra đời. Trái thủy lôi đầu tiên sưu tầm được, đem về Đâu Trâu chỉ có 3/4 thuốc nổ. Anh em đã dọn tro trấu và đem thủy lôi đi đánh.

Ngày 1 tháng 11 năm 1946, ba đồng chí Diệp, Vốn, Võ, từ căn cứ Tân Hòa đến Giá Ngựa, phối hợp với Quốc vệ đội đánh tàu. Thủy lôi nổ nhưng nổ không lớn, vì thuốc dọn tro trấu không đảm bảo. Tàu địch chỉ vỡ một mảng trước mũi, văng 2 tên Pháp xuống sông Bảy Háp. Hôm sau xác Tây sinh trôi lên trời xuống. Đồng bào đồn đại : "Bộ đội đánh Tây chết đầy sông". Nhân dân Đám Dơi - Năm Căn rất phấn khởi. Đồng bào có thủy lôi, ai còn vỏ và thuốc nổ đều đem đến cho. Ông Huỳnh Ngọc Báu đã cho 8 trái. Lúc này bộ đội thủy lôi có hàng chục trái.

Ngày 7 tháng 11 năm 1946, đội thủy lôi bố trí đánh trận *Máy Dốc - Vàm Đình*. Lực lượng ta chia làm 3 tổ, đánh 3 trái do đồng chí Tào Văn Ty trực tiếp chỉ huy. Ta đặt 3 trái thủy lôi cách nhau 200 mét để đánh tàu địch từ Năm Căn về Vàm Đình. 3 giờ sáng ngày 10 tháng 11 năm 1946, chiếc tàu chiến La Tonnante vừa đến, tổ 1 gồm các đồng chí Vốn, Võ và Tào Văn Ty đã kịp giục dây thủy lôi, nhưng khi giục dây thì dây bị đứt, chiếc tàu địch chạy luôn. Tổ 2 do các đồng chí Huỳnh Ngọc Diệp, Cao Văn Hùng và đồng chí Nền giục trái thứ hai thì thủy lôi nổ làm chìm chiếc xà lan phía sau. Chiếc tàu thứ hai Marie Henriette vẫn chạy tới. Không ngờ, khi chiếc này vừa tới thì Vốn đã nối lại được dây giục, thủy lôi nổ. Tàu địch chìm, đem theo một trung đội lê dương trên tàu. Đồng chí Cao Văn Hùng cùng 20 chiến sĩ được phân công ở lại đã mò được cả trăm súng, nhiều thùng đạn, quần trang quần dụng, một cặp đựng tài liệu và tiền bạc.

Chiến thắng *Máy Dốc - Vàm Đình* mở đầu cho quân dân ta dùng thủy lôi đánh chìm tàu chiến địch. Quân dân Bạc Liêu nức lòng phấn khởi. Từ đây nhân dân Bạc Liêu có thêm khả năng mới để trừng trị địch, làm chủ địa phương.

Kỷ niệm sinh nhật Hồ Chủ tịch ngày 19 tháng 5 năm 1947, bộ đội Bạc Liêu đánh 3 trận giao thông thủy bộ đều giành thắng lợi rực rỡ. Đơn vị Vệ quốc đoàn Nguyễn Huân, do đồng chí Hứa Bá Lộc chỉ huy, phối hợp với du kích xã Tân Thành phục kích tại cua Chết Hậu trên quốc lộ 4, cách thị trấn Tác Văn 2 km, Ta dùng mìn diệt 2 xe địch, bắt sống 2 tên Pháp. Đơn vị Quốc vệ đội kết hợp lực lượng chuyên môn dùng mìn diệt 2 xe địch ở Cầu Trâu. Đơn vị thủy lôi đánh chìm 1 tàu chiến trên kinh xáng Mương Điều xã Tân Duyệt.

Mương Điều là kinh xáng nối liền sông Gành Hào với Đầm Dơi. Biết địch sắp đi tiếp tế cho Đầm Dơi, đơn vị thủy lôi hợp đồng với đơn vị Quốc vệ đội do các đồng chí Huỳnh Ngọc Diệp, Lê Tấn Phát chỉ huy tổ chức đánh tàu địch. Ta đắp cản và bố trí 2 trận địa thủy lôi cách nhau 200 mét và cách cản 4 km, mỗi trận địa 20 người sẵn sàng chi viện nhau. Ngày 18 tháng 5 năm 1947 lúc 9 giờ tàu La Tonnante thoát chết ở Mây Dốc dấn xác vào phá cản. Ý định ta đánh địch lúc trở về để địch thêm chủ quan sơ hở. Lúc 15 giờ, phá không được cản, tàu địch trở về, thủy lôi nổ. Chiếc La Tonnante chìm tại chỗ. Bộ đội ta xung phong chiếm tàu. Hai đồng chí liên lạc chiến đấu rất dũng cảm, đồng chí Hải hy sinh, đồng chí Minh bị thương. Ủy ban kháng chiến tinh huy động hàng ngàn dân công đắp đập mấy ngày đêm tát cạn sông, thu hàng trăm súng, có 3 khẩu trọng liên 13,2 ly, 2 trung liên, 2 súng cối và toàn bộ đồ tiếp tế trên tàu. Súng trọng liên giao về chiến khu trang bị cho chủ lực. Máy tàu đưa sang Thái Lan bán 130.000 kíp Thái để mua vũ khí.

Trận Mương Điều đã thể hiện rõ sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân. Nhân dân đã đoàn kết quyết tâm thì không sức mạnh nào bằng: Đắp cản chặn tàu, địch không phá nổi, sông sâu vắn tát cạn. Mương Điều phối hợp chiến trường rất đẹp với những trận đánh xe trên quốc lộ 4 để kỷ niệm sinh nhật Bác, làm cho quân dân ta nở nụ cười tươi, thúc đẩy phong trào du kích chiến tranh phát triển. Sau trận này, ta tích cực bao vây buộc địch rút hết đồn bốt ở Nam Cà Mau, chỉ còn đồn Vàm Xáng Đới Cường.

Tiếp theo chiến thắng Mương Điều ngày 6 tháng 10 năm 1947, Chi đội 24 Vệ quốc đoàn tỉnh Bạc Liêu có thủy lôi mìn ông già Bàu đưa lên và tổ thủy lôi của tỉnh Bạc Liêu tăng cường đã đánh chìm 2

tàu, 1 ghe máy, 2 ghe lồng chim, diệt 80 tên Pháp và nguy, thu 2 súng trọng liên 13,2 ly, 2 trung liên và 2 súng trường. Trong thời gian này, các đơn vị của Chi đội 25 liên tục đánh địch nhiều trận ở Chợ Hội, Huyện Sử, Bào Mốp, bao vây các đồn Thới Bình, Thứ 11, đánh địch ở Kinh Tư, Đạp Đá, lấy 20 trung liên và 2 súng trường v.v..., buộc quân Pháp rút hết đồn bót trên tuyến Chắc Băng, Thới Bình, Cạnh Đèn, Phước Long.

Cùng phối hợp đánh địch ở Bạc Liêu góp phần với cuộc phản công địch ở Việt Bắc, tháng 11 năm 1947, bộ đội và du kích Bạc Liêu đã đánh chìm chiếc tàu chiến lớn nhất của Pháp ở vùng này : Tàu La Terreur (khùng bố). Bộ đội cùng đơn vị thủy lôi phục kích ở gần Ao Kho trên sông Gành Hào cách Cà Mau 6km. Thủy lôi nổ xé trời, cột nước bức cao, tàu địch vỡ tung chìm nghiêng. Cả đại đội lê dương Pháp chết chỉ còn một tên văng xa sống sót, được đồng bọn cứu đưa về Bạc Liêu. Quá khiếp sợ với trận đánh, tên này vào nhà giảng Tin Lành Bạc Liêu sám hối. Sông Gành Hào nước sâu, ta tổ chức lặn mò vũ khí thu được 2 trọng liên 13,2 ly, 2 đại liên và 50 súng trường. Bác Huỳnh Văn Tiên, thợ lặn giỏi, quê Cái Giếng, sau 4 lần lặn mò vũ khí đã hy sinh. Bộ đội cùng nhân dân nhớ công lao gọi bác là Ông Già Trày Đờ.

Giá Ngựa, Mây Đốc - Vàm Đình, Mương Điều, Ba Đình, Ao Kho là những trận đánh thủy lôi đầu tiên của quân đội và nhân dân Việt Nam chống quân Pháp xâm lược. Cùng với phong trào chiến đấu của các đơn vị bộ đội, du kích nhân dân bao vây tiến công địch, các trận thủy lôi chiến đã buộc quân Pháp phải rút hết các đơn vị lính người Pháp và lê dương khỏi Bạc Liêu, giao khu vực này lại cho quân nguy. Quân địch phải rút hết đồn bót, bỏ hết nông thôn Bạc Liêu về phòng giữ trên lộ Chữ Nhất quốc lộ 4 Bạc Liêu - Cà Mau. Nông thôn Bạc Liêu giải phóng, tạo điều kiện để nhân dân Bạc Liêu tiếp tục tiến công ở vùng đô thị và xây dựng căn cứ địa vùng giải phóng vững mạnh.

TIẾNG SÚNG SƯỜI SÂU

ĐỨC LÂN

Sau khi cướp chính quyền, lực lượng vũ trang Tây Ninh gồm nhiều nhóm lẻ tẻ, hình thành từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp. Châu Thành có nhóm Tư Đấu vùng thị xã và Thanh Điền ; nhóm Năm Bằng vùng Quán Cơm, xóm Vĩnh ; nhóm Út Đông vùng Sưởi Đá ; Tráng Bằng có nhóm Út Bung ; Út Liêm ở An Tịnh ; nhóm Lâm Quang Vinh, Lâm Quang Xếp ở An Hòa... trang bị bằng súng hai nòng, súng thu được của lính Pháp vứt khi Nhật đảo chính. Cuối tháng 8-1945, Xứ ủy tăng cường cho Tây Ninh một trung đội Cộng hòa Vệ binh với 42 tay súng rút từ thành Ô-mia, do anh Nguyễn Đức Hình chỉ huy.

Đồng chí Hai Mạnh kể lại quá trình hình thành nhóm vũ trang nổi tiếng nhất bấy giờ do anh Tư Đấu chỉ huy :

"Nhật đảo chính Pháp, lời tiên đoán trong Chương trình Việt Minh đã thành sự thật, tôi cho người về Ban cán sự Đảng tỉnh, các đồng chí cho biết trên thị trấn phải gấp rút chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa.

Tôi có người cậu, tên là Trần Văn Đấu (Tư Đấu) nhà gán nhà tôi; ông già của cậu sau chuyển sang làm cây nèn có cơ sở làm ăn trên Sóc Soài. Tôi nghe nói cậu Tư giỏi võ, giao du rộng, ông thu phục được giới anh chị, làm xếp sông bến xe Tây Ninh. Tuy thế ông lại là người thuần tính, mềm mỏng, đàng hoàng, không bao giờ biết nặng lời, ngay cả với người đối nghịch. Ai chưa biết ông, gặp gỡ tiếp xúc không thể nào ngờ đó lại là một xếp sông anh chị bến xe. Không những giới giang hồ bái phục ông, mà cảnh sát, quan lại, Tây cũng phải nể.

Năm 1941, không biết ai giới thiệu ông sang Thủ Dầu Một vào làm cho hãng khai thác cây Dainan Koosi (Đại Nam công ty). Ông làm được rất nhiều tiền, nhưng hầu hết đưa cho các anh Dương

Bạch Mai, Văn Công Khai và các anh khác ở Sài Gòn. Năm 1943 anh Văn Công Khai về làm Bí thư Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, cậu Tư tiếp tục giúp đỡ các tổ chức Đảng ở đây qua đồng chí Văn Công Khai. Do yêu cầu, ông từng đi bảo vệ cho nhiều đồng chí Xứ ủy, nghe nói có lần, một mình ông đánh tan một tốp lính kín giải vây cho đồng chí Võ Văn Tấn. Sau 9-3 ông về Tây Ninh, tổ chức Đảng bên đó giới thiệu ông về sinh hoạt Đảng bên này.

Sau khi nhận được lệnh chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa, tôi đến gặp và nói với ông :

- Cậu Tư à, lợi dụng tình thế này mình phải có vũ trang, thu thập súng Tây ném bỏ khi chạy trốn Nhật, dùng nó để tập hợp anh em.

Ông bảo tôi :

- Mày cứ làm đi !

Hôm sau, ông đến đưa cho tôi một mớ bộn tiền, bảo tôi lấy mà mua súng, lúc đó giá 1 cây súng trường 500 đồng, 100 đồng cây súng lục. Tôi cho anh em tìm mua, còn móc mua của bọn lính Nhật, lắm lúc cũng ớn nói da gà. Tiền ông đưa tôi mua được 17 cây, cộng với 3 cây anh em ở Thanh Điền lượm được là 20 cây. Có súng rồi ông hỏi tôi :

- Bây giờ làm sao Mạnh ?

- Cậu giỏi đánh võ, mua côn quyền, giỏi săn thú, nhưng phải có người có thể huấn luyện quân sự.

- Được, tao lo.

Hai hôm sau, ông dẫn người em rể là anh Năm Thường, trước là lính tập trong thành sừng-đá Tây Ninh đến giới thiệu với tôi. Tôi lựa chọn anh em thanh niên Thanh Điền để anh Năm huấn luyện. Còn ông Tư đi tìm và thu gom đám em út anh chị cũ đi theo cách mạng, hình thành lực lượng vũ trang nổi danh với phiên hiệu "Bộ đội Tư Đẩu".

Nam Bộ kháng chiến nổ ra, đồng chí Lê Văn Mạnh, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Tây Ninh quyết định lựa chọn tôi để đi thị

xã do đồng chí Diêm chỉ huy, ở Suối Đá 1 tiểu đội do đồng chí Trần Văn Hai (Ba Chấn) chỉ huy, An Tịnh cũng chọn 1 tiểu đội do đồng chí Nguyễn Ngọc Tươi chỉ huy ngày 25-9-1945 xuống chi viện mặt trận Tham Lương - Bà Quẹo.

An Tịnh là xã địa cầu của Tây Ninh, dịch từ Sài Gòn lên, An Tịnh có nhiệm vụ chặn đầu chúng. Trên lộ I, đầu xã An Tịnh là Suối Sâu, một địa hình hiểm yếu hơn cả, ở đây quốc lộ I đổ xuống một đoạn trũng, hai bên là đồng bưng sinh lầy không thể dùng cơ giới hay bộ binh vòng bọc hậu, buộc phải theo con đường độc đạo. Suối Sâu được chọn để xây dựng phòng tuyến, đồng chí Ba được giao chỉ huy xây dựng. Công sự phòng tuyến từ Suối Sâu đến bìa xóm Tháp và Suối Lội, hào đào theo hình nanh sấu, trên đường đắp mô đất, rải chà cây, khi địch tới thì rải mù cao su loại mù tờ, mù dày để làm mờ lửa. Cả xã tham gia công trình xây dựng phòng tuyến này, hàng trăm xe bò được huy động chở vật liệu, anh em thanh niên các xã Gia Lộc, Lộc Hưng và thị trấn Trảng Bàng cũng đến góp công góp sức xây dựng phòng tuyến. Sau đó được gọi là *Mặt trận Suối Sâu* vì nó không chỉ là phòng tuyến của 1 xã mà là chiến lũy chống giặc ở địa đầu của Tây Ninh.

Ngày 2-11-1945, mặt trận Tham Lương Bà Quẹo bị vỡ. Sáng sớm ngày 8-11-1945 có thông báo hai cánh quân địch sẽ tiến lên Tây Ninh, một từ Sài Gòn lên có quân Anh - Ấn yểm trợ, một từ Nam Vang thọc xuống hợp điểm tại Gò Dầu, theo lộ 22 tiến về thị xã Tây Ninh. Từ trước ta đã có kế hoạch bố trí chặn địch: Quốc lộ 1 từ Sài Gòn lên Trảng Bàng bố trí hai trận địa Suối Sâu (An Tịnh) và Trâm Vàng (Thanh Phước). Phía Bắc và Đông Bắc thì đơn vị đồng chí Năm Bằng tổ chức trận địa tại ngã ba Vĩnh chặn địch từ lộ 7 Campuchia qua biên giới quốc lộ 22 về Tây Ninh; Đông Bắc tại Bàu Năng giao điểm của 2 liên tỉnh lộ 13 - 16 đơn vị đồng chí Tư Dấu; trên tỉnh lộ 16 đơn vị đồng chí Mẫn đón địch ở dưới thọc lên tại trận địa Chà Là.

Mở sáng ngày 8-11-1945, từ Sài Gòn đoàn xe chở quân có xe tăng yểm trợ theo quốc lộ I tiến về phía Tây, vừa đi vừa tháo gỡ chướng ngại vật, cưa cắt dẹp cây cối ta đón ngã chặn đường, rầm rộ tiến lên địa phận Tây Ninh, do tầm tiến xa nên người thợ cưa của nhân dân An Tịnh. Khi chiếc xe dẫn đầu đến chợ Suối Sâu, cả đoàn

đã ở trong trận địa phục kích, phía chặn hậu ông Ba Bền ném trái lựu đạn vào chiếc xe Giép cuối cùng, lựu đạn nổ nó đảo qua xoay ngang đường, Sáu Quân và Mười Tung, tiếp thêm hai trái, một trái nổ. Cùng lúc đó bộ phận chặn đầu Út Bung bắn hai phát súng hai nòng lâm lệnh. Từ chiến hào hai bên đường lựu đạn, chai xăng, nã bắn tên tầm dẫu đốt lửa, chai xăng, tên lửa đốt cháy mù cao su trải trên đường. Chúng cuống cuống nã súng liên hồi như vãi đạn vào hai bên đường, dùng võ tuyến điện hạ lệnh tăng ga, kéo chiếc xe giép hư tăng tốc độ để thoát nhanh khỏi trận địa phục kích. Mặt trận Suối Sâu, tiếng súng Suối Sâu tuy không chặn đứng được địch, nhưng cũng gây cho chúng một số thiệt hại, toát lên ý chí quyết chiến của nhân dân An Tĩnh anh hùng chống quân cướp nước. Tiếng súng Suối Sâu là tiếng súng đầu tiên mở màn cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của huyện Trảng Bàng và của tỉnh Tây Ninh.

Thoát khỏi trận địa Suối Sâu, qua thị trấn Trảng Bàng đoàn xe hướng về Gò Dầu để hợp điểm với cánh quân theo lộ I từ Nam Vang sang rồi theo quốc lộ 22 tiến chiếm thị xã Tây Ninh. Nhưng vừa tới Trâm Vàng chúng đụng trận địa của hơn 50 Thanh niên Tiên phong hai xã Thạnh Phước và Phước Thạnh phục sẵn từ lâu chờ giặc đến. Mặt đường tã rải ra mấy tấn mù cao su. Nghe tiếng xe địch mù cao su được đốt lên khói lửa mịt mù chặn địch. Anh Sáu Hung giữ khẩu trung liên bắn loạt đầu chết tên lái xe và hai tên lính trên chiếc xe Giép đi đầu, xe mất đà bị lật, tiếp theo là súng trường, tên nã bắn ra tới tấp, chúng chạy thục mạng thoát khỏi trận địa.

Đến Gò Dầu, sau khi hai cánh quân gặp nhau, chúng cho quay lại Trâm Vàng kéo xe hư và lấy xác ba tên bị chết, sắp xếp lại đội ngũ theo lộ 22 tiến về thị xã Tây Ninh. Ra khỏi Gò Dầu khoảng 1 cây số, chúng phải cho công binh xuống cưa, cắt, dẹp những cây sao mà thanh niên dân quân Phước Trạch đốn hàng loạt đổ chắn ngang đường. Đến Hiệp Thạnh, chúng đụng với anh em Thanh niên Tiên phong do anh Số, đoàn trưởng Thanh niên chỉ huy chặn đánh bằng súng kíp, tên nã... Hòa lực địch bắn trả, anh Số và anh Hoài - hai cán bộ đoàn trưởng và đoàn phó Thanh niên Tiên phong - trúng đạn hy sinh. Đây là hai liệt sĩ trẻ đầu tiên của Tây Ninh hy sinh trong trận địa trong cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp.

Đến Thanh Đức, anh Thời chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã chỉ huy dùng ná bắn tên tầm thuốc độc chặn đánh, có tên gục ngay trên thành xe. Qua Thanh Đức, chúng lại rơi vào trận địa phục kích tại Bến Kéo xã Cẩm Giang”.

Đồng chí Kiều Phan, một trong những người tham dự trận Bến Kéo kể lại :

“Tôi, đồng chí Khương Quang Cảnh và đồng chí Bình học xong trường Quân chính kháng Nhật ở Việt Bắc sau ngày Cách mạng thành công, cùng một số đồng chí nữa theo phái đoàn của Tổng bộ Việt Minh do đồng chí Hoàng Quốc Việt - Thường vụ Trung ương Đảng - vào truyền đạt chỉ thị của Trung ương cho Xứ ủy, và chỉ viện cho Nam Bộ một số cán bộ quân sự. Một số anh em về tỉnh Mỹ Tho, khi từ Cần Thơ quay lên, anh Việt gặp chúng tôi ở Cai Lậy và quyết định rút ba chúng tôi chỉ viện cho Tây Ninh, chỉ thị chúng tôi chuẩn bị đi Tây Ninh càng sớm càng tốt. Chúng tôi tới nơi ngày 3-11-1945, năm ngày trước khi quân Pháp lên tái chiếm Tây Ninh. Lên đây đồng chí Cảnh, Bình sang Quốc gia Tự vệ Cuộc, tôi bên quân sự. Ở Cai Lậy, khi chỉ thị rút tôi về Tây Ninh đồng chí Hoàng Quốc Việt căn dặn :

- “Ở Tây Ninh bây giờ có nhiều bộ đội, nhiều đơn vị, nhưng không phải tất cả đều do Đảng lãnh đạo, đồng chí chịu trách nhiệm cùng các đồng chí trong Tỉnh ủy tổ chức các đơn vị đó, hợp nhất lại thành lực lượng Giải phóng quân của Tây Ninh”.

Tôi tới Tây Ninh, chân ướt chân ráo nên đầu tiên là phải đi thăm và nắm tình hình các đơn vị. Hằng ngày từ thành Sang đá, tôi đi bộ qua cầu Quan sang phố đến làm việc với Ủy ban Kháng chiến. Trên đường ngày hai lượt đi về tôi thường gặp anh em bộ đội ta quần áo chỉnh tề, đi đứng hiên ngang, nhân dân nhìn anh em với cặp mắt ưu ái, cảm tình làm tôi rất xúc động trước mỗi tình quân dân đó. Quân đội ta từ nhân dân mà ra, được dân nuôi, dân tin...

Sớm ngày 8-11-1945, tôi nhận được điện thoại từ Trảng Bàng báo về, cho biết Tây đang lên, tôi điện sang đồng chí Trần Thuán báo cáo, đồng chí Thuận trả lời :

- “Tây lên thì rút!

Nghe vậy, chợt nhớ lại những cặp mắt ưu ái của nhân dân nhìn bộ đội mà trong mấy ngày nay tôi thường bắt gặp trên đường phố, tôi nghĩ nếu rút mà không nổ phát súng nào thì nhân dân sẽ nghĩ sao đây? Tôi báo cáo báo với đồng chí Trần Thuần :

- Bộ đội ăn cơm dân nuôi, giặc đến chưa nổ súng rút sao được?
- "Mày đánh thì đánh!"

Giờ phút này, đơn vị tập trung của tỉnh đã có một bộ phận do đồng chí Mẫn chỉ huy đi chặn địch tại Chà Là trên tỉnh lộ 16. Một bộ phận còn lại ở đây, một phân đội ở Lò Than... Tôi và hai anh Hình, Ngọc chia nhau đi huy động lực lượng hai phân đội, sau có thêm một đơn vị thanh niên dân tộc trang bị toàn ná, có một số tên tầm thuốc độc, dao phát... Tập hợp xong cấp tốc hành quân xuống Bến Kéo, nơi dự kiến tổ chức trận địa phục kích. Chúng tôi dừng ngay giữa mặt đường bàn cách bày binh bố trận, trận địa dựa vào các giao thông hào và công sự của Nhật tại trại Bến Kéo đào từ trước, chia cánh, chia tuyến, kế hoạch tiến thoái khi cần. Đồng chí Hình phụ trách việc chôn mìn và cho nổ mìn chặn đứng đoàn xe lại. Khi chúng tôi bố trí, bọn Nhật còn đóng ở trại Bến Kéo kéo ra xí xà xí xò chỉ trở, chúng tôi xua tay đuổi chúng vào.

Từ dưới lên, cây hai bên đường nhân dân đã ngã ngốn ngang chắn lối làm chậm bước tiến của chúng. Khoảng hơn 10 giờ sáng, trinh sát về báo cáo : Hai cánh quân địch hợp lại có 75 xe, có 2 xe nổi đồng (xe tăng) và 73 xe Giáp và GMC chở quân. Trên trời hai chiếc máy bay "đám già" lượn đi lượn lại quan sát, hộ tống. Đơn vị thanh niên dân tộc sử dụng tên ná được bố trí ở điểm thuận lợi khi bắn, bắn xong là hoàn thành nhiệm vụ, có điều kiện rút nhanh và an toàn. Cánh bên có anh Ngọc và tôi cùng mấy chiến sĩ nữa, anh Trần Minh Ngọc chỉ huy, số chiến sĩ có anh Hồ, anh Trí và anh Thuật... Riêng tôi vừa bổ sung về mới vài ngày nên chưa có súng.

Khoảng 10 giờ rưỡi xe địch mới tiến vào trận địa mai phục một cách dè dặt, vừa đi vừa dùng pháo 25 ly trên xe nổi đồng bắn và thật cối vào các cánh rừng hai bên đường, đạn súng máy và đại liên nổ rầm rần phải là đây đúng lúc. Phía anh Hình giật mình, nhưng trực trực kỹ thuật, mìn không nổ, anh Hình ra hiệu báo cho chúng tôi

biết. Trên xe nổi đồng dẫu, khẩu Bô-pho 25 ly đang quay quay chuyển hướng, tên bắn súng nhỏ đầu lên tâm chấn, anh Ngọc lấy chân đá đá vào tôi :

- Tôi bắn tên giữ súng...

Anh lấy cò cây trường Nhật, đạn vút khỏi nòng, tên xạ thủ gục xuống, chiếc nôi dõng khựng lại, đoàn xe dừng lại theo. Từ chỗ phục kích đơn vị tên ná, tên thương và tên độc vùn vút lao ra, mũi cắm vào thành xe, mũi trúng bọn lính trên xe, chúng la hoảng, hỗn loạn. Một tên khác từ trong xe nổi đồng thò tay lên, Ngọc lại đá chân tôi :

- Cụt tay thằng này...

Súng nổ, tên Pháp trúng đạn la lên ; xe cứu thương cách xe nổi dõng hai ba chiếc lách lên, cửa xe mở, con đấm cứu thương ra khỏi xe, chui đầu vào xích đồ nghề định lên băng bó cho tên bị thương, anh Ngọc lăm bắm :

- Tha mạng đàn bà, ... cảnh cáo cái mông...

Anh lấy cò, con đấm bị đạn vào mông xụi xuống la khóc oai oái. Các loại súng trên xe địch bắn về trận địa chúng tôi và vạt rừng hai bên dường như điên. Tôi truyền lệnh cho cánh tên ná rút trước, chúng tôi yểm trợ, tiếp đến cánh anh Hinh rút về điểm tập trung, anh Ngọc và cánh chúng tôi trụ lại yểm trợ và rút sau cùng. Đã thấm mệt, từ sáng chưa ăn gì nên vừa đói vừa khát, vò rừng gập cây bừa hái mỗi người một nắm lá non nhai cho đỡ khát. Trời đổ mưa, vừa lúc đó có liên lạc từ chỗ anh Hai Mạnh đến tìm và dẫn chúng tôi vòng về Tà Hạp xã Thanh Điền.

Gần trưa, đoàn xe của Pháp mới tới Trường đua cách thị xã hơn một cây số thì dừng lại. Pháo, súng cối trên xe ná tới tập võ thị xã để uy hiếp, mở đường. Mãi hơn hai giờ chiều mới rầm rầm, rộ rộ tiến vào thị xã Tây Ninh vắng bóng người, nhân dân đã bỏ "vườn không nhà trống".

Sau trận chặn địch tại Bến Kéo, lực lượng vũ trang của tỉnh tập trung về Tà Hạp, thôn Thanh An, xã Thanh Điền. Ngoài đơn vị tập trung của tỉnh do các anh Hinh, Mạnh, Ngọc chỉ huy còn có đơn vị đồng chí Tư Đầu, 1 tiểu đội Quốc gia Tự vệ Cuộc. Lúc này, lực lượng

vũ trang Tây Ninh vẫn chưa có sự chỉ huy thống nhất. Tinh úy cũ đồng chí Trần Kim Tấn về Xứ ủy để báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo, tạm thời chỉ định đồng chí Kiều Phan là chỉ huy chung.

Trong khi đồng chí Tấn về Xứ ủy, ở Thanh Điền phục kích đánh một trận ở Bàu Cá Trê. Các đồng chí Tư Đẩu, Hai Mạnh, Năm Thường và một số đồng chí khác có tham dự trận đánh kể lại :

"Sau khi tái chiếm thị xã Tây Ninh, Pháp cho quân càn quét đốt phá, cướp bóc các ấp quanh thị xã Tây Ninh thuộc các xã Thái Bình, Thanh Điền, Ninh Thạnh... Tên Đốc phủ Đường từ Sài Gòn được Pháp đưa về chỉ đường dẫn lối. Nhân dân vô cùng căm thù giặc, còn bộ đội thì bứt rứt không yên.

Sáng ngày 12-11-1945, hai chiếc xe Giép chở bốn sĩ quan tham mưu ra thị sát tình hình hăng đường Thanh Điền. Được tin này lực lượng tinh do anh Kiều Phan chỉ huy quyết định phục kích khi chúng từ hăng đường quay trở về. Trong kế hoạch ban đầu không huy động đơn vị của đồng chí Tư Đẩu, nhưng nghe tin có giặc, đồng chí Tư Đẩu đưa đơn vị tới tham gia. Kế hoạch tác chiến : anh Hình chỉ huy một số anh em canh giới gần hăng đường, khi xe địch quay về đến đình Thanh Điền thì đánh trống báo hiệu. Đơn vị anh Mẫn bố trí tại Ngã tư Đồn chặn đánh. Thoát Ngã tư Đồn còn tên nào thì đơn vị đồng chí Tư Đẩu phục tại rừng Gò Mã, đối diện với Bàu Cá Trê và cánh đồng Bà Lưu diệt nốt.

Khi hai xe Giép quay về, sợ bị phục kích chúng phóng rất lẹ. Cánh anh Mẫn nghe được tín hiệu trống thì xe địch đã lao tới, ta nổ súng, nhưng bắn vượt đuôi, chúng chạy tuốt mất.

Nghe súng Ngã tư Đồn nổ, đồng chí Tư Đẩu với tài thiện xạ, sử dụng khẩu Mô-de có đạn đầu thép (lấy của tên Hành dân làng Tây), xe đầu vừa tới, đồng chí Tư Đẩu nổ súng bắn bẻ vô trước, nó quay ngang chắn đường, phát thứ hai hạ gục tên lái xe, chiếc chạy sau thẳng gấp húc vào sườn chiếc trước khựng lại. Cả đơn vị đồng loạt nổ súng, diệt nốt những tên còn lại. Anh em xung phong lên tước vũ khí và đốt xe. Kết quả trận này ta đốt cháy 2 xe, 7 tên Pháp bị diệt nhiều tên là sĩ quan cấp úy, tay súng đại liên Mác-rim, 2 Tôm-xon, 1 súng trường Anh, 1 còn 12, 1 P38 cùng 20 thùng đạn đại liên và

nhiều đạn súng trường, tiểu liên. Khi viện binh của Pháp từ thị xã kéo lên thì quân ta đã thu dọn xong chiến trường rút về căn cứ.

Chiến thắng Thanh Điền tạo niềm phấn khởi, tin tưởng trong đồng bào và chiến sĩ Tây Ninh, bọn địch hoang mang hoảng sợ. Vũ khí ta thu được trong trận Bầu Cá Trè là vốn quý của lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh lúc bấy giờ. Hàng chục thanh niên tìm đến xin đầu quân vào "Đơn vị Tư Đấu", đơn vị nòng cốt của Chi đội 11 và Trung đoàn 311 của Tây Ninh sau này.

Tây Ninh, tháng 9-1994

BÌNH MINH - TIẾNG SÚNG CẢI RĂNG

PHƯƠNG HẠNH

Cái Răng là huyện lỵ của huyện Châu Thành tỉnh Cần Thơ ngày nay, là cửa ngõ phía nam của thành phố Cần Thơ, cách thành phố khoảng 5 km.

Sau khi tái chiếm Cần Thơ ngày 30-10-1945, thực dân Pháp lập tức đổ quân về Cái Răng. Nhà việc của xã Trường Thạnh được chọn làm trụ sở của Ban chỉ huy quân sự Pháp. ⁽¹⁾

Sở chỉ huy không lớn lắm, nhưng được xây dựng khá kiên cố. Xung quanh có hàng rào sắt cao quá đầu người. Trước nhà là một khoảng sân rộng. Vào, ra phải qua cổng cũng bằng sắt.

Viên chỉ huy trưởng (Rouen - quan ba), một số sĩ quan dưới quyền và lính Pháp đặt bàn làm việc, ăn ở luôn tại đây. Bốn góc tường bao quanh đều có chòi canh, đặt súng tiểu liên. Lính gác lưng đeo lựu đạn, lưỡi lê tuốt trần, lăm lăm trong tay khẩu súng trường đi "tua" suốt ngày, đêm.

Từ Sở chỉ huy ra cầu Móng (Sông Cái Răng) và đi vào chợ cách đó không đầy 500 mét - có nhiều bót với những họng súng liên thanh án ngữ. Toàn bộ lực lượng vũ trang địch ở Cái Răng có chừng một đại đội. Cứ một lính Âu, Phi kèm theo một lính người Việt.

Ở Cái Răng - trước ngày thực dân Pháp đóng quân - tuy nhà cửa chưa san sát, đông vui như hiện nay, nhưng đã trên bến, dưới thuyền. Có khá đông bà con người Việt, người Hoa trú ngụ, làm ăn buôn bán.

Nhưng, sau ngày Cần Thơ bị tái chiếm rồi Pháp đặt Sở chỉ

(1) Trước năm 1948 thành phố Cần Thơ, ngày nay là tỉnh lỵ của tỉnh. Chợ Cái Răng lúc đó thuộc xã Trường Thạnh, tổng Ba Đình, Nhà việc Trường Thạnh nay là trụ sở của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

huy, theo lời hiệu triệu của Chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh tinh, đồng bào người Việt nơi đây đã triệt để sơ tán làm "vườn không, nhà trống". Trong thị trấn chỉ còn lại một số bà con người Hoa, sống chủ yếu bằng nghề buôn bán. Trước nhà, dán mảnh giấy dê mây chữ Pháp "Habitation Chinoise" (có nghĩa "nhà người Trung Quốc") và treo tấm biển vẽ lá cờ "Thanh thiên bạch nhật" - quốc kỳ Trung Hoa dân quốc của chế độ Tưởng Giới Thạch.

Đã đóng đồn thì quan, lính phải ăn. Tiếp tế từ tỉnh lỵ vào gặp nhiều khó khăn. Tỉnh lỵ vắng hoe ; bà con sơ tán gần hết. Tiếp tế từ Sài Gòn xuống thì xa quá. Ấy là chưa nói tới bị ta thường xuyên phục kích.

Để gỡ bí, dịch tìm cách lôi kéo bà con người Việt hồi cư, đồng thời "nới tay" với đồng bào các xã xung quanh Cái Răng, nhất là người Hoa - cho đi lại thông thương để đem lương thực, thực phẩm vào Cái Răng bán cho chúng ; nhưng đồng thời cũng vô tình chúng đã tạo ra một sơ hở lớn mà ta có thể lợi dụng được.

*
* *

Vào thời điểm lịch sử này, bên cạnh những cán bộ, những anh em trong lực lượng vũ trang địa phương, ở Cần Thơ còn có nhiều chiến sĩ cách mạng mới từ Côn Đảo vừa được Trung ương và Xứ ủy đón về đất liền tình nguyện ở lại miệt đất này "chia lửa" cùng đồng bào nơi đây. Và những cán bộ quê gốc miền Bắc, miền Trung hoặc mới ở Sài Gòn xuống "trụ lại" đánh giặc, giữ nước. Trong số đó có những thanh niên nam nữ đã lập nên chiến công lẫy lừng ở Cái Răng, đã "quyết tử cho tổ quốc quyết sinh", "vi chính nghĩa, công lý trên thế giới, vi đất nước, giống nòi của Việt Nam" như Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi trong diễn văn Người đọc trong ngày đầu "Nam Bộ kháng chiến". Họ gia nhập "Đội quân cảm tử" đánh vào trụ sở Ban chỉ huy quân đội Pháp tại Cái Răng.

Họ gồm những anh chị em thuộc nhiều lực lượng : Quốc gia tự vệ Cuộc, Cộng hòa vệ binh, dân quân, du kích..., quê quán đủ cả ba miền Bắc Trung Nam (Hàng Mi, Lê Nhật Tân, Đào Hữu Nghị, Trần Ngọc Lan, Nguyễn Văn Phẩm, Lê Văn Thừa v.v... và các chị

Nguyễn Thị Nhung, Sáu Đệ quê ở Cần Thơ, Lê Bình - nguyên quán xã Sơn Tân, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (miền Trung), Trần Chiến - gốc người Hà Nội (miền Bắc).

Chỉ huy trưởng là Lê Bình, phó chỉ huy trưởng là Bùi Quang Trinh - quê Chợ Mới An Giang.

Trận đánh diễn ra vào khoảng từ 7 giờ đến 8 giờ sáng 12 tháng 11 năm 1945 (tức ngày mồng 9 tháng 10 năm Ất Dậu).

Theo kế hoạch của Ban chỉ huy, các chiến sĩ dân quân, du kích Châu Thành (Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Văn Thơm, Phạm Văn Đế, Ba Đen, Trần Ngọc Lan, Nguyễn Văn Phẩm, Lê Văn Thừa v.v...) - tạc đạn giấu trong người - giả làm người gồng thuê, vác mướn, trà trộn vào những lớp bà con từ một xã quanh vùng và trong thị trấn về Cái Răng xin "quan trên" cấp giấy hỏi cư hoặc đem hàng ra chợ bán. Rồi bí mật "êm" ở những nơi đã định sẵn, chiếm lĩnh trận địa...

Cũng từ tờ mờ sáng, hai chiếc ghe rẽ nước chèo về Cái Răng. Chiếc thứ nhất có Lê Bình, Bùi Quang Trinh, Cao Minh Lộc, Lê Nhứt Tảo, Trần Chiến, Trần Hữu Nghi - đều cất tốc ngắn, có người ăn bận kiểu người Hoa và hai cô gái Nguyễn Thị Nhung, Sáu Đệ... Chiếc thứ hai có các anh Khang, Ninh và mấy bạn chiến đấu của mình. Cả hai ghe chắt đáy nhưng sọt rau, trái cây... và cả một chú heo khá bự.

Tới Cái Răng, cả hai ghe "tấp" vô bờ.

Nhóm các anh Khang, Ninh (Cộng hòa vệ binh) người gánh rau, người bê cân xé trái cây, tất tả rảo bước đi vào chợ. Ai về điểm này - nơi đã định trước - sẵn sàng đợi thời cơ chiến đấu.

Hai chị Nhung, Sáu Đệ (trình sát) - tách khỏi nhóm Lê Bình (Quốc gia tự vệ) nhanh nhẹn chuyển "hàng" từ các ghe lên bờ bày bán...

Trần Hữu Nghi và một thanh niên nữa đầu quấn khăn rằn bạn quần cộc lạch khiêng heo đi theo Lê Bình. Sau đó là Bùi Quang

Trình, Cao Minh Lộc, Trần Chiến, Lê Nhựt Tào cùng đi thẳng vào công đồn. Vừa đi, Trần Hữu Nghi vừa trợ trợ những câu tiếng Quảng Đông. Lê Bình cũng "nị nị", "hào, hào tồ à..." ra về mấy anh lái buôn người Tàu.

Tên lính gác cổng nhìn các anh rồi nhìn con heo ú nu coi bộ thích thú, hất đầu cho các anh vào đồn.

Qua sân, Lê Bình bước lên bậc tam cấp đi vào phía trong ngôi nhà thì vừa đúng lúc ấy, Rouen từ trên lầu bước xuống. Không chậm một tích tắc, Lê Bình rút ngay 2 khẩu "Oát-sơn" 9 ly (được cất giấu kín trong thất lưng) nhằm thẳng Rouen bóp cò. Viên quan ba ngã lăn xuống đất. Máu lênh láng.

Nhanh như chớp, Bùi Quang Trinh, Trần Chiến súng trong tay, cùng Lê Bình xông lên lầu.

Phối hợp tác chiến rất đẹp, các anh Cao Minh Lộc, Lê Nhựt Tào... nổ súng bắn chết tên gác cổng và xả đạn tới tấp vào bọn lính đang lớn vồn ngoài sân.

Thừa lúc địch chưa kịp định thần, Lê Bình nhanh tay giật lá cờ ba sắc treo trước "ban công" vứt xuống đất, giương lệ lá cờ đỏ sao vàng năm cánh được các anh chuẩn bị từ trước lên.

Sau mấy phút bàng hoàng, địch phản công. Trận chiến diễn ra ác liệt.

Lê Bình, Bùi Quang Trinh trúng đạn. Trinh hy sinh tại trận. Bình chưa chết ngay. Anh còn kịp nhìn thấy lá cờ Tổ quốc tung bay ngay nơi vừa diễn ra trận đánh.

Các anh Lê Nhựt Tào, Cao Minh Lộc, Trần Chiến v.v... cũng "lá xung hữu đột" nổ súng tới viên đạn cuối cùng và cũng hy sinh mất đối mặt với quân thù.

Nghe tiếng súng nổ rạn, các chiến sĩ Cộng hòa vệ binh, dân quân, du kích, trình sát lập tức nổ súng "chia lửa" với đồng đội của mình. Nhiều tên giặc ở trong và xung quanh chợ Cái Răng bỏ mạng. Về phía ta, cũng có một số anh em bị thương nặng.

Đội mãi không thấy Bình, Trinh, Lộc, Chiến, Tào..., anh chỉ

em đành nhảy xuống ghe, rút về Mỹ Khánh.

Chỉ hơn một giờ sau trận "hóa trang kỳ tập" của *Đội quân cdm* từ do Lê Bình, Bùi Quang Trinh chỉ huy đánh vào Cái Răng, giặc Pháp đóng trong tỉnh lỵ Cần Thơ mới cho quân ra ứng cứu. Nhưng Cái Răng chỉ còn trơ lại những xác giặc. Nhiều tên bị thương và những tên sống sót chưa hoàn hồn.

* *

Sáng ngày 20 tháng 11 năm 1945 - nghĩa là chỉ sau 8 ngày "tiếng súng Cái Răng", trong cuộc họp Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu vấn đề "truy tặng công danh 5 liệt sĩ hy sinh tại Cái Răng".

Cuối năm, Khu bộ trưởng Chiến khu miền Tây Nam Bộ Huỳnh Phan Hộ đích thân ký quyết định đổi tên chợ Cái Răng thành chợ Lê Bình. Thời "kháng chiến 9 năm", thị trấn Cái Răng mang tên thị trấn Lê Bình. Người Cần Thơ, người Chiến khu 9 hôm nay vẫn còn nhớ câu ca dao rất phổ biến năm xưa :

*"Hỡi ai qua chợ Lê Bình
Nơi đây thấm máu hy sinh anh hùng
Quyết thì không đội trời chung
Với quân giặc Pháp ác hung bạo tàn..."*

Giữa thủ đô Hà Nội, ở khu Hai Bà (gần chợ Hôm - phố Huế) có phố Lê Bình (tức đường Charron thời Pháp thuộc).

Tại Hà Tĩnh, con lộ chạy qua trước cửa nhà Lê Bình được đổi tên là phố Lê Bình.

Nam Cao (1915-1951), nhà văn tiêu biểu của trào lưu hiện thực phê phán (1940-1945), một trong những cây bút "đàn anh" của văn xuôi Việt Nam thời chống Pháp - tác giả truyện ngắn xuất sắc *Chí Phèo* - cũng đã viết về Lê Bình và đồng đội của anh trong câu chuyện *Năm anh hùng* xuất bản ở thủ đô hồi cuối năm 1945.

Trong phòng truyền thống Trường phổ thông trung học Lê Hồng

Phong - trước kia là trường Pétrus Ký, nơi Cao Minh Lộc từng theo học - tấm hình của anh vẫn còn đó. Nhu động viên các thế hệ nối tiếp vững bước tiến lên theo con đường Đảng và Bác đã truyền dạy.

Những ai từng đọc các báo *Humanité* (Nhân Đạo), *Libération* (Giải Phóng), *France Tireur* (Quân du kích Pháp) v.v..., được phát hành rộng rãi ở Pháp (số báo những năm 1945-1946) chắc hẳn đã "bắt gặp" những bài viết ca ngợi trận Cái Răng. Thú vị nhất là bài của Rouen.

Vàng, của chính Rouen - quan ba chỉ huy đồn cái Răng - đã bị "Đội quân cảm tử" đánh sáng ngày 12 tháng 11 năm 1945. Ông ta thoát chết, được chuyển về Cần Thơ rồi đưa lên Sài Gòn cấp cứu. Sau ngày hồi phục, ông mở nhà in, nhà xuất bản, cho phát hành nhiều tập sách tiến bộ, ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Trong một bài đăng trên báo *Humanité*, ông ta viết :

"... Trận Cái Răng do những thanh niên Việt Nam rất trẻ chỉ huy. Họ tấn công vào Sở chỉ huy của chúng tôi tại chợ Cái Răng...

Tôi bất tỉnh vì bị những vết thương khắp mình...

Tôi được cứu sống và lương tâm đã thức tỉnh. Tôi thấy rõ chính nghĩa và tinh thần dũng cảm của một dân tộc mà trước đây tôi xem thường...

Với những khẩu súng tầm thường, họ xung phong quật cảm, không nao núng trước những loạt liên thanh của chúng tôi quét vào họ. Một người thanh niên vượt qua làn súng. Anh ta xông lên hạ cò ba sắc và treo cờ đỏ sao vàng lên. Rồi ngã gục một cách dũng cảm phi thường...

Tôi không sợ súng, nhưng khiếp sợ tinh thần chiến đấu của họ. Tôi sẽ cố vận động nhân dân Pháp cùng với chúng tôi ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam sớm thành công..."

Tìm hiểu thêm về viên quan ba chỉ huy đồn Cái Răng này, rất may, chúng tôi nhận được nhiều thư và cả cuộn băng ghi âm của đồng chí Mai Chí Thọ (năm ấy là Ủy viên Bộ Chính trị - Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ) gửi cho. Theo đồng chí Mai Chí Thọ thì Rouen là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp bị Chính phủ Pháp huy động vào

Đoàn quân viễn chinh, đưa sang Việt Nam, rồi đẩy về Cần Thơ. Chưa có điều kiện liên hệ với ta thì nổ ra sự kiện "hóa trang kỳ tập" vào Cái Răng. Đến khi sức khỏe được hồi phục, Rouen "móc nối" được với cơ sở Đảng trong nội thành Sài Gòn - Chợ Lớn. Sinh hoạt trong chi bộ đặc biệt do đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) - sau này là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, hiện nay là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương - trực tiếp lãnh đạo.

Đã tròn nửa thế kỷ "bình minh tiếng súng - Cái Răng". Nhưng, người Cần Thơ, người miền Nam vẫn nhớ trận "hóa trang kỳ tập" vào Cái Răng năm xưa, vẫn nhớ trận đánh thắng vào hang ổ quân đội Pháp giữa lúc mặt trời vừa ló sáng ngày 12 tháng 11 năm 1945 - một trận đánh đầy mưu trí, dũng cảm, mở màn cho nhiều trận "hóa trang kỳ tập" ở đồng bằng sông Cửu Long suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân cướp nước đầy gian lao và cũng vô cùng oanh liệt của quân và dân miệt đất hào hùng này.

TÂM VU

Nhịp đôi

Nhạc và lời : Đắc Nhân - Quốc Hương

Hùng thay! Tâm Vu! Vang
 danh oai vệ quốc quân. Một năm qua nơi đây tiếng ai giục
 quân lướt trên ngàn thây, phất cao ngọn cờ diệt quân tàn tham đến nay còn
 vang. Tâm Vu hôm nay nào chiến quyết chiến liều diệt
 chiến chém giết hết quân sai lang. Tiếng quân hô chiến thừng súng nổ
 vang khắp trên tiền xưng máu con ghê. Lòng anh
 dũng của bao người chiến sĩ đang xả thân vì non nướcreo vang Vũ Quốc
 quân Giặc hung ác phơi xác một chiều ngàn thây
 chát đồng nơi chiến địa hoàng tàn la chôn đây. Tâm Vu! Tâm
 Vu! Tâm Vu! Tâm Vu! Tâm Vu máu thấm con vương xác quân thù
 phơi. Tâm Vu! nơi ghi dấu chiến công chiến bình miền
 Tây hát lên hào ai ngang trờng Tâm Vu. Hùng

HÙNG THAY ! TÂM VU !

VŨ LÂN

"Hùng thay ! Tâm Vu ! Vang danh anh hùng nước Nam. Một năm qua nơi đây tiếng ai giục quân lướt trên ngàn thây, phất cao ngọn cờ giết quan tàn tham đến nay còn vang..."

QUỐC HƯƠNG

Chuyện dân gian kể rằng: "Năm ấy, thời kháng Pháp, quân ta đánh thắng một trận rất lớn ở Tâm Vu. Quân ta đoạt được khẩu đại bác 105 ly của địch. Ở cả Đông Dương lúc đó, quân Pháp chỉ có vài ba khẩu. Súng to lắm, nặng lắm. Sức người không sao di chuyển được, phải dùng cả một đôi trâu để kéo. Về đến căn cứ, đôi trâu lăn đùng ra chết. Người ta cho rằng trâu đứt ruột mà chết".

Câu chuyện đoạt được khẩu pháo là có thật, trong trận chiến thắng ở Tâm Vu ngày 19-4-1948. Khẩu pháo hiện nay được đặt tại Viện Bảo tàng Quân đội ở Thủ đô. Nhưng trong câu chuyện dân gian cũng mang dôi chút huyền thoại. Đó là chuyện bình thường xưa nay đều có ở mọi dân tộc khi tổ lòng ngưỡng mộ và tôn vinh những bậc có công với dân với nước.

Tuy nhiên đã có nhiều tập sách, bài báo trên cả hai miền đất nước viết về Tâm Vu trước đây, rất tiếc, đã có nhiều nhầm lẫn. Nhầm ở điểm cho rằng chỉ có một chiến thắng Tâm Vu - Tâm Vu của khẩu pháo 105 ly chiến lợi phẩm. Thực ra là có một loạt chiến thắng Tâm Vu. Bài hát "Hùng thay ! Tâm Vu !" của Đắc Nhân và Quốc Hương được viết sau chiến thắng Tâm Vu III ngày 3-5-1947 để ca ngợi Bộ đội Khu 9 anh hùng làm nên chiến tích dưới sự chỉ huy trực tiếp của Khu bộ trưởng Khu 9 Huỳnh Phan Đình Sỏi do quân công

lại nối tiếp chiến công, chiến thắng Tâm Vu IV vang dội ngày 19-4-1948 được ghi vào sử sách với chiến tích đoạt khẩu pháo 105 ly. Lời của bài hát đành phải thay đổi lại cho kịp với các chiến công của Tâm Vu, từ "... Vang danh oai Huynh tướng quân" thành "... Vang danh anh hùng nước Nam" tồn tại đến ngày nay, và để chỉ có thể mới bao quát phần nào chiến tích Tâm Vu "huyền thoại" - cùng một nơi, trong một thời gian ngắn, hai năm ba tháng, diễn ra bốn chiến thắng. Một điều độc đáo, không phải dễ tìm trong lịch sử kháng chiến. Nhầm lẫn còn ở điểm lẫn lộn trận đánh này với trận đánh khác và cuối cùng cũng chỉ nêu bật lên chiến tích thu đoạt khẩu pháo 105 ly của Tâm Vu IV. Thật ra ở mỗi Tâm Vu đều có những nét độc đáo riêng, cách đánh riêng, hiệu quả tác chiến khác nhau, đặc biệt là mỗi trận đánh đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của Vệ quốc đoàn Quân khu 9.

*

* *

Thuở ấy, Tâm Vu là một địa danh thuộc xã Thanh Hòa (huyện Phụng Hiệp). Sau ngày Thanh Hòa tách thành hai xã (Thanh Hòa và Thanh Xuân), Tâm Vu thuộc xã Thanh Xuân (huyện Châu Thành), cách trung tâm thành phố Cần Thơ 17 km, về phía tây nam.

Cho đến ngày Nam Bộ kháng chiến con đường liên tỉnh Cần Thơ - Ô Môn - Thốt Nốt - Rạch Giá không được như ngày nay nên muốn đi từ Cần Thơ qua Rạch Giá, xuống Hà Tiên theo đường bộ nhất thiết phải qua Tâm Vu. Vì vậy nơi đây đã chứng kiến những cuộc cọ xát nảy lửa giữa hai đối thủ suốt mấy chục năm trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và sau đó trong cuộc chống xâm lược Mỹ của quân dân Khu 9.

Tâm Vu trong kháng chiến chống thực dân Pháp trở thành một địa danh lịch sử gắn liền với bốn chiến công vang lừng.

Chiến công đầu tiên diễn ra vào 20-1-1946⁽¹⁾ được gọi là Tâm Vu I ở trong nhiều tư liệu lịch sử. Đó là một trận "tao ngộ chiến" giữa

(1) Theo Ngô Hồng Quý, *Biên niên Trung đoàn Vệ quốc Đoàn 122*, là ngày 25-12-1945.

một lực lượng nhỏ của ta đang làm nhiệm vụ tuần tra (gồm 2 chiến sĩ du kích và 2 hàng binh người Nhật) với một đoàn mấy chiếc xe quân sự của địch đang di chuyển. Cuộc đọ súng nhanh chóng kết thúc với 1 xe Jeep bị diệt cùng 4 tên xâm lược chết tại trận. Phía ta một chiến sĩ người Nhật hy sinh ⁽¹⁾

Ngay sau trận ấy, không ai biết rõ những tên xâm lược bị giết tên là gì, chức vụ ra sao ? Thực ra cũng không ai quan tâm nhiều đến việc đó chỉ biết diệt được giặc là sướng lắm rồi và chỉ lấy làm buồn vì không giết được cây súng nào. Ai ngờ rằng chiến công đó có ý nghĩa lớn hơn nhiều. Ít ngày sau, qua tin tức của báo chí vùng tạm chiếm nói rõ địa điểm, ngày giờ chạm súng, ta mới biết chính xác là một trong bốn tên giặc bỏ xác ở Tâm Vu ngày đó có viên quan năm Dessert. Người ta nói rằng hồi ấy trên toàn chiến trường Đông Dương, trong Bộ chỉ huy cao nhất của quân viễn chinh Pháp chỉ có 5 đại tá mà Dessert là một trong số ấy.

Chẳng bao lâu sau, trong một trận bất được tù binh người Pháp, ta thu được một cuốn sách in cỡ nhỏ, sách loại bỏ túi của Bộ chỉ huy Pháp dạy lính cách tránh bị phục kích bất ngờ của Việt Minh. Rút kinh nghiệm từ cái chết của Dessert !

Trận Tâm Vu II diễn ra vào ngày 12-11-1946, ⁽²⁾ là trận phục kích đánh xe địch đầu tiên ở Cần Thơ, kể từ ngày 30-10-1945 - ngày thực dân Pháp tái chiếm tỉnh này.

Đại đội 1086 gồm 4 trung đội tham gia trận đánh do Ngô Hồng Giỏi chỉ huy. Một trung đội yểm trợ được bố trí cách xa trận địa một khoảng. Còn 3 trung đội phục sẵn ở đầu cầu Tâm Vu đi Cái Tắc. Vụ khí bèn nhất là 2 cây đại liên do 2 chiến sĩ quốc tế người Nhật và người Pháp sử dụng.

8 giờ sáng, 3 xe địch lọt vào trận địa - một xe bị diệt và 2 xe bị tiêu bao nặng, làm chết và bị thương khoảng 60 tên giặc, thu 60 súng các loại. Bên ta chiến sĩ Dương Thành Thuận hy sinh.

Trận đánh diễn ra trong khoảng vài chục phút. Hóa ra là giặc

(1) Sau ngày Nhật đầu hàng Đồng minh, có một số sĩ quan và binh lính Nhật theo ta.

(2) Theo Ngô Hồng Giỏi, người chỉ huy trận đánh.

Pháp chưa học được điều gì sau cái chết của quan năm Dessert trong trận trước đó, hay nói đúng hơn là chiến thuật phục kích, đánh nhanh, rút nhanh thực sự là "đường thương lợi hại" không dễ gì đối phó được của dân binh giàu lòng vì nước, chiến đấu trên mảnh đất quê hương chống giặc cướp nước dù chúng có trăm ngàn lần mạnh hơn.

Trận Tầm Vu III khác với hai trận trước xảy ra ngày 3-5-1947. Nếu như ở Tầm Vu I và II, chủ yếu là các trận đánh của những đơn vị bộ đội nhỏ, lẻ phối hợp với dân quân du kích trang bị thô sơ, cách đánh cũng đơn giản hơn thì ở Tầm Vu III có sự phối hợp của nhiều đơn vị chính quy của Chiến khu 9, có nhiều khí tài hơn, có kế hoạch tác chiến tỉ mỉ hơn và do Bộ tư lệnh chiến khu - đứng đầu là các đồng chí Huỳnh Phan Hộ, Khu bộ trưởng và Phan Trọng Tuệ Chính trị ủy viên Khu bộ - trực tiếp chỉ huy.

Lực lượng chủ lực trực thuộc Bộ tư lệnh chiến khu tham chiến có : Đại đội Hồ Chí Minh (do Giang Pôn chỉ huy), Đại đội 1084 (do Hứa Bá Lộc, trung đoàn phó Trung đoàn 122 trực tiếp cầm quân), Đại đội Cửu Long (do Mai Miêng Trung, Trung đoàn phó Trung đoàn 66 phụ trách). Ngoài ra còn có nhiều đơn vị thuộc tỉnh Cần Thơ phối hợp tác chiến : Chi đội 23 gồm 4 trung đội, các chiến sĩ quân báo, công an xung phong, 5 trung đội dân quân v.v...

Vũ khí cũng nhiều hơn, "hiện đại hơn". Ngoài mìn tạc đạn, súng trường, tiểu liên và trung liên, ở các lực lượng chủ lực của chiến khu còn có hàng chục trọng liên, đại liên và cả hai khẩu cối 81.

Việc tập trung quân như vậy trong hoàn cảnh đó là rất lớn. Giữ được bí mật và đảm bảo yếu tố bất ngờ cho trận đánh là thành quả quan trọng của một loạt các biện pháp được thực hiện chặt chẽ và tỉ mỉ trong suốt cả quá trình chuẩn bị ở một vùng vốn có nhiều đồng bào theo đạo Hòa Hảo - yêu nước nhưng cũng bị ảnh hưởng ít nhiều trong bối cảnh tình hình phức tạp lúc đó. Công tác dân vận tốt trong hoạt động cách mạng bao giờ cũng đóng vai trò then chốt cho mọi thành công. Kết quả là địch có mắt như mù, có tai như điếc...

Công tác chuẩn bị kỹ lưỡng và chu đáo mất nhiều công sức và thời gian bao nhiêu thì trận đánh diễn ra chớp nhoáng và kết thúc thắng

lợi nhanh bấy nhiêu. Chỉ khoảng 30 phút. Chiều ngày 3-5-1947, đoàn xe địch lọt vào trận địa. 6 xe bị diệt. Lính địch thương vong nằm la liệt trên xe, dưới đường lộ. Số còn lại may mắn thoát chết, có giờ chạy trốn không còn hên vía nào để nghĩ đến việc phản ứng. Khói súng chưa tan, bộ đội đã thu dọn xong chiến trường. Chả là hồi đó, chiến sĩ ta "mê súng, đạn lắm" - ước mơ cháy bỏng của người lính "con nhà nghèo" trong những ngày đầu kháng chiến. Trong trận này ta thu được rất nhiều súng đạn đặc biệt có 8 đại liên.

Sau chiến thắng lẫy lừng này, trong niềm phấn khởi tột cùng Đắc Nhân và Quốc Hương đã không chút kềm chế trong bài hát của mình : *Tâm Vu ! Tâm Vu ! Khắp nơi đều nghe tiếng vang liệt oanh. Tâm Vu ! Nơi ghi dấu chiến công chiến binh miền Tây. Hét lên hơi ai mến yêu Tâm Vu...*

Có lẽ khi viết ra những lời đó, Đắc Nhân và Quốc Hương chắc không nghĩ là trang sử huyền thoại về Tâm Vu sẽ còn được viết tiếp. Tất cả những ai sống trong thời ấy chắc cũng vậy.

Trận Tâm Vu IV diễn ra ngày 19-4-1948. Chiến thắng Tâm Vu IV được nhiều đồng bào, đồng chí biết đến nhiều nhất, không chỉ ở Nam Bộ mà còn trong cả nước. Và cũng nhớ nhậm nhiều nhất, cũng nhiều huyền thoại nhất. Thật ra điều đó cũng dễ hiểu vì có quá nhiều Tâm Vu - hay đúng hơn chỉ có một địa danh Tâm Vu nhưng nở rộ một rừng hoa chiến công với nhiều sắc hương trong một thời gian tương đối ngắn.

Người chỉ huy cao nhất trận Tâm Vu IV là Trương Văn Giàu (thay Khu bộ trưởng Huỳnh Phan Hồ, đã hy sinh trên địa bàn xã Hồ Đắc Kien thuộc huyện Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng sau Tâm Vu III) và Võ Quang Anh vừa là Tham mưu trưởng Chiến khu vừa là người thay mặt Đảng.

Đầu tháng 4-1948, quân báo Cần Thơ mật báo về khu là từ 16 đến 18-4 sẽ có một đoàn xe giặc từ Cần Thơ đi tiếp tế cho đồn Rạch Gôi (có chừng 20 chiếc gồm cả xe chở hàng, xe khách thấp tùng). Lực lượng địch sẽ có khoảng một đại đội vừa lính Pháp, vừa lính ngụy. Bộ tư lệnh chiến khu hạ quyết tâm đánh và phải đánh thắng.

Chiều 17-4, quân ta chiếm lĩnh trận địa trong điều kiện bí

mật và an toàn tuyệt đối với sự ủng hộ hoàn toàn của nhân dân địa phương. Khoảng hơn 8 giờ sáng ngày 19-4 đoàn xe địch ung dung vượt qua trận địa phục kích. Như kế hoạch đã định, quân ta không nổ súng để vừa tránh thương vong cho đồng bào đi trên các xe hàng và xe khách, vừa tạo tâm lý chủ quan cho giặc khi quay về, sau lượt đi an toàn, trót lọt. Mai đến xế chiều đoàn xe từ Rạch Gòi mới lọt vào trận địa. Tiếng địa lôi nổ và tiếp theo đó cuộc xung sát bắt đầu. Tiếng nổ của đủ các loại súng đạn của hai bên hòa lẫn với tiếng kèn xung phong, tiếng hò reo của quân ta. Đại đội phó Trần Từ Phương hiên ngang đứng bật dậy, kẹp chặt trung liên "lá xung, hữu đột" lia từng loạt đạn chính xác vào các ổ để kháng của kẻ thù. Kết quả trong trận Tám Vu IV, 12 trong số 14 xe giặc bị đốt cháy, hơn 100 địch bị tiêu diệt (trong đó có một quan ba Pháp, nhiều hạ sĩ quan), thu nhiều vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng, trong đó có khẩu pháo 105 ly.

Trận Tám Vu IV nổi tiếng về quy mô của trận đánh, trình độ chiến thuật và kỹ thuật tác chiến được nâng cao nhanh chóng, nhưng được biết đến nhiều nhất là chiến tích thu giữ khẩu pháo 105 ly. Trong thời điểm lúc đó, đối với một đội quân nhân dân mới ngày hôm qua còn "nộp với giáo mang ngang vai" thì việc đoạt được khẩu pháo lớn như vậy là ngoài sức tưởng tượng. Đối với nhân dân, với chiến tích của những người con bộ đội thân thương, lại còn để cho sức tưởng tượng của mình tha hồ bay bổng.

Khối lửa còn mịt mù, súng 37 ly từ đồn Rạch Gòi không ngừng nhả đạn về phía trận địa. Bất chấp tất cả, đồng chí Trần Tam Phước chỉ huy tổ công binh nhanh chóng xông lên. Đồng chí Võ Quang Anh nhớ lại... "Khi thấy cỗ đại bác còn nguyên vẹn đứng trên lộ thì toàn tổ công binh đã bám sát, tìm mọi cách tháo súng thành mấy bộ phận rồi lần lượt kéo qua nương sâu, băng qua các cánh đồng nơi ẩm, nơi sinh, vượt qua các khu vườn và đưa xuống ghe trợn vện"... "Anh em đã nhịn đói, nhịn khát cùng một số anh em cán bộ, chiến sĩ Vệ quốc đoàn, dân quân du kích và một số đồng bào địa phương (có đôi trâu hỗ trợ) đã làm việc suốt buổi chiều và trắng cả đêm..."

Như vậy, câu chuyện về đời trâu là ở đây. <https://tieuulunhopto.org>
trâu là bác Ba Ký - đang giữ trâu cho Ban quản thú tại sân xã Thanh

Xuân lúc đó. Về cái chết của đôi trâu khi vừa kéo pháo về đến căn cứ, có thật hay không, không phải là điều quan trọng nhưng chắc chắn đó là sự thăng hoa của sức tưởng tượng và lòng tự hào của nhân dân một nước nhỏ, nghèo dám đánh và đánh thắng một tên đế quốc to và nâng lên thành huyền thoại những vị anh hùng Vệ quốc đoàn - nhưng con em thân thiết của mình. Thật là quá đơn giản khi có người viết đã giải thích câu chuyện đó xảy ra là do "không biết mở khóa" (1) Câu chuyện về cái chết của đôi trâu - dù có thật hay là huyền thoại - ý nghĩa của nó vẫn vượt rất xa, rất xa và cao hơn nhiều. Những chiến sĩ đã trực tiếp tham gia trận Tâm Vu IV nay còn sống đều không chấp nhận cách giải thích đó. Không phải vì sĩ diện mà vì nó không đúng sự thật diễn ra sau hơn hai năm chiến đấu và trường thành như Phù Đổng của quân dân Khu 9 và cả nước.



Tâm Vu là địa danh của một địa phương nhỏ, xưa kia trong các bản đồ chỉ tiết mới may ra tìm thấy. Nhưng những chiến tích của quân dân Khu 9 trong những năm 1946-1948 đã đưa Tâm Vu lên ngang tầm lịch sử. Tâm Vu chỉ có một, nhưng lại có nhiều Tâm Vu gắn liền với hàng loạt chiến công. Đó là điều độc đáo của Tâm Vu, không được quên và chính vì vậy Tâm Vu trở thành Tâm Vu lịch sử trong kháng chiến chống Pháp.

Tại Hội thảo khoa học kỷ niệm chiến thắng Tâm Vu, đồng chí Tô Bửu Giám, Phó bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang lúc đó đã phát biểu : " Nói đến Tâm Vu, chúng ta không thể khoanh lại chỉ ở chiến công tháng 4-1948... nhất định phải ghi đủ sự việc anh hùng, các chiến tích vẻ vang của bốn lần Tâm Vu : vì mỗi trận Tâm Vu đều có ý nghĩa lịch sử riêng của nó", Đồng chí Phan Trọng Tuệ, nguyên Chính trị ủy viên Khu bộ nói : "Trận Tâm Vu IV, ta đánh thắng... (thì) phải

(1) Bài viết của Đại tá Đỗ Thanh Hải, Tạp chí "Đàn cồng", sự kiện và dư luận, số 60 tháng 9-1994.

nói đến (những) yếu tố quan trọng (như) nhờ có sinh khí đánh giặc của quân dân Nam Bộ, quân dân Cần Thơ và nhờ kinh nghiệm của các trận Tám Vu I, II, III... Ý nghĩa của bốn trận Tám Vu là bước ngoặt lịch sử trong vấn đề đánh giặc, phát triển lực lượng và đoàn kết nội bộ... Nói như vậy để thấy rằng khi nhắc lại chiến thắng Tám Vu mà chỉ nêu lấy được khẩu đại bác 105 ly hoặc giết được bao nhiêu giặc, đánh được bao nhiêu xe thì chưa đủ... Phải nói đến việc phát huy truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, thương yêu nhân dân ; từ đó phát huy lực lượng. *Bài học đó đến bây giờ vẫn giữ nguyên giá trị*"⁽¹⁾

Hùng thay ! Tám Vu !

(1) Phát biểu tại Hội thảo học kỷ niệm chiến thắng Tám Vu, Ban chỉ đạo học tập các ngày lễ lớn tinh Hậu Giang và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cần Thơ xuất bản năm 1993.

TRẬN PHỤC KÍCH GIỒNG DỪA

ĐÀO DUY KHANH

Giồng Dừa là một địa danh nằm giáp ranh giữa ba xã Tam Hiệp - Long Định - Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, là giồng đất cát cạp theo lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1A) cách tỉnh lỵ Mỹ Tho 10 km về hướng tây tây bắc.

Vào những năm 1945-1947, nhân dân ở cạp theo hai bên lộ rất lúa thưa, đồng ruộng vườn tược trống trải. Ngày đêm trên lộ rất ít bóng người, thỉnh thoảng một vài chiếc xe đồ, xe hàng xuôi ngược Sài Gòn - miền Tây qua lại.

Sau khi chiếm xong các khu vực trung tâm của tỉnh, huyện và tuyến lộ Đông Dương, Pháp đã ra sức đánh phá vùng nông thôn, tổ chức bộ máy cai trị vùng chúng kiểm soát, phát triển đội quân tay sai - đóng đồn theo trục giao thông bảo đảm an ninh quốc lộ, cho xe thiết giáp tuần tra vào mỗi buổi sáng.

Để thực hiện một trận đánh phục kích giao thông nhằm gây ảnh hưởng đẩy mạnh phong trào kháng chiến của nhân dân ta, đồng chí Trần Văn Trà - Khu bộ trưởng Khu 8, đã cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Quận - Tham mưu trưởng Khu 8, đồng chí Nguyễn Doãn Bày - đại đội trưởng đại đội học viên khóa 2 Trường Quân chính Khu 8, Phan Đình Lân - chỉ đội trưởng Chi đội 17 và các đồng chí trinh sát đã nhiều đêm bám lộ Đông Dương từ cửa ọp Nhị Bình đến ngã tư Chợ Bung để chọn trận địa phục kích.

Hoàn thành xong công tác chọn trận địa, đoàn trinh sát trở lại khu vực Gò Lũy - Nhị Bình chuẩn bị kế hoạch phục kích, giao nhiệm vụ cho các bộ phận và tổ chức hành quân về xóm Keo xã Long Định tiếp tục chuẩn bị cho trận đánh. Tại đây, một nông dân biết được ta đang chuẩn bị xuất quân đi đánh giặc, đã gấp chỉ huy xin theo thời tũ và làm hiệu lệnh cho bộ đội xung phong.

19 giờ ngày 24 tháng 4 năm 1947, các đơn vị hành quân từ

xóm Keo ra chiếm lĩnh trận địa. Đội hình phục kích được triển khai từ ấp Trung, xã Long Định đến cầu An Thạnh (cầu Rượu) dài gần 3 km. Đoạn phục kích chủ yếu từ ấp Trung đến cửa Giồng Dừa dài gần 800m.

Đại đội học viên khóa 2 (đại đội xung phong) được phối thuộc một bộ phận dân quân tỉnh Mỹ Tho, quân số khoảng 200 đồng chí, trang bị 1 khẩu đại liên 12 ly 7, 4 trung liên, 3 quả mìn và súng trường, tiểu liên có nhiệm vụ tiến công chủ yếu.

Trung đội 1 cử một tiểu đội khóa đầu. Trung đội 3 cử một tiểu đội khóa đuôi. Trung đội hòa lực cử 1 khẩu trung liên bố trí phía nam lộ Đông Dương ngang tiểu đội khóa đầu, có nhiệm vụ bắn vào sườn bọn địch bám bờ nam lộ Đông Dương chống trả lại ta.

Tiểu đội trinh sát tổ chức đài quan sát tại cửa Giồng Dừa, kịp thời quan sát nắm địch từ Trung Lương và hướng Long Định tới. Đội hình tiến công chủ yếu bố trí phía Bắc lộ Đông Dương, thứ tự Trung đội 1 - trung đội hòa lực, Trung đội 2 và Trung đội 3.

Lực lượng Chi đội 17 sử dụng Đại đội 2, do đồng chí Nguyễn Văn Quận Tham mưu trưởng Khu 8 trực tiếp chỉ huy, có nhiệm vụ chặn viện hướng Tây hỗ trợ cho bộ phận chủ yếu đánh địch và chặn đầu đội hình địch, nếu bộ phận khóa đầu của đại đội xung phong không hoàn thành nhiệm vụ. Bố trí ấp Trung xã Long Định.

Đại đội 3 được phối thuộc 1 trung đội dân quân Mỹ Tho (có 1 tiểu đội nữ) do đồng chí Phan Đình Lân chỉ huy, có nhiệm vụ chặn viện từ hướng đông, cử trung đội dân quân Mỹ Tho kèm chế bọn địch đồn trú tại cầu An Thạnh, bố trí cách cửa Giồng Dừa khoảng 500 m về hướng đông.

Bộ phận đón lõng gồm một trung đội khóa sinh của Trường Quân chính Khu 8, bố trí phía nam cách lộ Đông Dương khoảng 150m.

Toàn trận địa do đồng chí Trần Văn Trà chỉ huy, cùng đi với Đại đội xung phong trên hướng chủ yếu.

Các đơn vị được yêu nhiệm từ 14 giờ chiều bắt đầu lo, mỗi đồng chí một công việc, lặng lẽ nhưng hiệp đồng nhịp nhàng. Không

bao lâu trận địa đã được xây dựng xong, nguy trang kín đáo. Chiếc xe bò chở đầy đá và rom lâm vật cản ngàn đoàn xe địch cùng 3 quả mìn cũng đã được bố trí xong xuôi. Mọi việc đã hoàn thành trước khi trời sáng. Bộ đội tranh thủ kiểm tra lại vũ khí trang bị, lấy cơm gói ra lót dạ cho vững lòng trước khi nổ súng.

6 giờ sáng ngày 25 tháng 4, địch từ hướng Cai Lậy dùng xe thiết giáp đi tuần ngay qua trận địa. Sau đó xe dò từ hướng Trung Lương chạy đến ngay trận địa chủ yếu, dừng lại nghỉ một lúc rồi tiếp tục chạy đi, bộ đội ta vẫn giữ tốt bí mật.

Ánh nắng buổi ban mai trải dài trên cánh đồng Phước Thạnh, lác đác từng chú mục đồng thả trâu ra ruộng. Cùng lúc này, đoàn xe địch 39 chiếc, trong đó có 12 xe quân sự và một số xe chở phái đoàn "Chính phủ Nam Kỳ tự trị" cùng đoàn tùy tùng sau khi dừng lại ở Trung Lương ăn uống, nắm tình hình, xuất phát đi chuyển về hướng Cai Lậy, đội hình dài hơn 2 km. Khi đoàn xe qua khỏi ngã tư Chợ Bưng, đài quan sát ta phát hiện báo cho đồng chí đại đội trưởng và lệnh tiểu đội khóa đấu chuẩn bị.

10 giờ, chiếc xe Jeep đi đầu chở đại tá Trocard đến đoạn chặn đầu của ta. Một đồng chí cài trang nòng đạn kéo chiếc xe bò chở đầy rom bất ngờ đẩy ra giữa lộ chặn ngang buộc đoàn xe của địch phải dừng lại. Tên đại tá vừa bước xuống xe ra lệnh cho lực lượng hộ tống cánh giặc thì bị ngay một loạt đạn của bộ đội ta gục chết tại chỗ. Bọn hộ tống chưa kịp phản ứng thì bị 3 quả mìn nổ liên tiếp hất tung những tên giặc Pháp xâm lược. Tiếng mìn nổ cũng là hiệu lệnh cho toàn trận địa nổ súng.

Bị đánh bất ngờ bọn địch không kịp trở tay, số sống sót nhào xuống lộ tìm chỗ ẩn nấp chống trả, một số tên cho quay đầu xe tháo chạy nhưng bị những loạt đạn đại liên 12,7 ly kềm lại, kết hợp với tiểu đội khóa đuổi giữ chặt chúng trong đoạn phục kích chủ yếu.

Lúc này, bọn địch phía sau ngoài đoàn phục kích chủ yếu bán mạnh yểm trợ cho bọn địch phía trước, bị Đại đội 3 - Chi đội 17 nổ súng đánh và trung đội dân quân Mỹ Tho đánh kềm chế đồn An Thạnh.

Bị đánh nhiều nơi trên đoạn lộ dài gần 8 km, bọn địch bị đội phó

lúng túng, không dám chi viện lẫn nhau, bọn địch sau không dám yểm trợ cho bọn phía trước mà tập trung đánh trả lại Đại đội 3 và quay đầu tháo chạy, bỏ mặc cho bọn phía trước kêu cứu.

Lực lượng địch trong trận địa chủ yếu đã mất chỉ huy nhưng các khẩu đại liên đặt trên xe ra sức chống trả, chúng phải nhiều lần thay xạ thủ nhưng đều bị những tay súng thiện xạ của ta tiêu diệt. Một số tên bám vào bờ lộ phía nam chờ viện binh cứu nguy cũng bị khẩu súng trung liên bố trí bên kia đường bắn lướt sườn làm một số chết và bị thương.

Tuy bị nhiều thiệt hại nhưng địch vẫn ra sức chống trả. Trận chiến đấu phải kéo dài giằng co quyết liệt. Bộ đội ta bình tĩnh tự tin, càng đánh càng hăng làm cho quân địch đối phó lúng túng, đội hình rối loạn.

Đồng chí Khu bộ trưởng trực tiếp quan sát chiến trường nhận định thời cơ xung phong đã có, nếu để trận chiến kéo dài sẽ không có lợi, nên ra lệnh cho anh nông dân thổi tù và phát lệnh xung phong. Tiếng tù và vừa dứt, đồng chí Nguyễn Doãn Bảy rời khỏi vị trí chỉ huy dẫn đầu đoàn quân xung phong mãnh liệt, bộ đội ta như những mũi tên rời khỏi công sự lao thẳng về phía quân thù.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt một số tên địch ngoan cố ra sức chống trả, đồng chí Nguyễn Doãn Bảy hy sinh. Nổi đau mất một đồng chí đại đội trưởng trước giờ kết thúc trận đánh đã thôi thúc ý chí tiến công của bộ đội ta. Đội hình xung phong mãnh liệt hơn, vòng vây được khép chặt, từng toán địch co cụm lần lượt bị tiêu diệt, và một số tên bị ta bắt sống.

Qua gần 30 phút chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ trận địa, bắt tù binh, tận thu vũ khí và đốt số xe địch còn để lại mặt trận. Gần 11 giờ, lực lượng ta rời trận địa.

Sau khi ta rút đi, lực lượng cơ động của địch từ Mỹ Tho đến giải quyết hậu quả và cho pháo binh bắn vào một số khu vực hướng bắc Giồng Dứa.

Kết quả trận chiến đấu ta đã tiêu diệt 1 tên đại tá, 1 tên trung úy, đốt cháy 14 xe - trong số địch bị tiêu diệt có 1 đại tá và 1 trung úy người

Pháp, 2 là thành viên "Chính phủ Nam Kỳ tự trị". Trong số 7 tên ta bắt sống có 1 kỹ sư tên Le Fouse và đốc phủ Bình (theo báo cáo của Tỉnh trưởng Mỹ Tho của dịch ngày 28 tháng 4 năm 1947).

Trận phục kích Giồng Dừa là một trong những trận đánh giao thông lớn vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tiêu diệt và bắt sống được sĩ quan, viên chức cao cấp mà Pháp đã ra lệnh toàn quốc để tang 7 ngày. Trận đánh đã có hiệu suất chiến đấu cao làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, làm cho địch bị kềm chân, căng kéo trên chiến trường, không thể rút bớt quân đồn trú tăng cường cho quân cơ động và không thể rút bớt quân cơ động tăng cường cho chiến trường miền Trung và miền Bắc.

Qua trận đánh, quân Pháp và quân nguy thêm hoang mang dao động. Về phần ta, trận đánh đã tạo được điều kiện thuận lợi cho các nơi đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Giồng Dừa là một địa danh nhỏ của tỉnh Mỹ Tho, nhưng sau trận đánh, cả nước và bọn Pháp đều biết địa danh Giồng Dừa với trận thắng lẫy lừng vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Chiến thắng này là một điểm son trong lịch sử chiến đấu bất khuất của quân và dân Mỹ Tho chống giặc ngoại xâm.

BÁC HỒ VỚI MIỀN NAM (1)

NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Sau khởi nghĩa, tỉnh ủy Bến Tre giao cho tôi công tác trong Đoàn Phụ nữ Cứu quốc tỉnh. Tôi vốn quen hoạt động ở cơ sở nên được phân công xuống các huyện, xã để xây dựng hệ thống tổ chức phụ nữ. Tôi hằng hái đi ngay xuống huyện Châu Thành, rồi sang Mô Cày và các huyện khác. Cùng đi với tôi lúc bấy giờ có đồng chí Lê Đoàn - học sinh mới ra trường, sau này là ủy viên Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

Đến cuối năm 1945, đầu 1946, tại Đại hội phụ nữ toàn tỉnh Bến Tre, tôi được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành. Đại hội xong là vừa đến Tết. Ban Chấp hành phụ nữ giao cho tôi tổ chức một đoàn gồm các mẹ, các chị cùng một số nữ thanh niên ra hỏa tuyến chúc Tết bộ đội.

Chúng tôi đến thăm một đơn vị vừa chiến đấu về, người nào cũng lấm lem từ đầu đến chân, quần áo bị cây quào rách nát, đầu tóc rối bù vì không có đồ gội. Chúng tôi rất cảm động và có ý nghĩ rất sâu sắc "Bộ đội là gian khổ nhất đời". Mặc dù thiếu thốn đủ mọi mặt nhưng các anh vẫn vui đùa, ca hát, làm chúng tôi cũng vui lây và mau chan hòa với sinh hoạt của bộ đội. Tuy những ngày sống với bộ đội không được lâu, nhưng chị em chúng tôi rất thông cảm, yêu thương và mến phục bộ đội ta quá! Đáng lẽ chúng tôi chỉ đến thăm, biếu quà Tết cho anh em xong rồi đi, nhưng tất cả chị em đều xung phong ở lại khâu vá và giặt giũ cho các anh em ốm, mất ba ngày sau mới về. Lúc chia tay, các đồng chí trong đơn vị căn dặn chúng tôi:

(1)Trích hồi ký *Không quên sự đau thương* (NXB Văn học, Hà Nội, 1976 (đầu đề là của chúng tôi - BT)).

"Nhớ các chị về báo cáo với trên là anh em chúng tôi chịu được hết mọi thiếu thốn. Có điều là thiếu súng đạn quá, mong cấp trên giải quyết cho. Mỗi tiểu đội chỉ có hai, ba cây thù đánh nhau cục lăm".

Tôi đang say sưa làm công tác thăm hỏi bộ đội thì có lệnh Tỉnh ủy gọi về. Tôi được giao nhiệm vụ mới, rất đặc biệt, hoàn toàn không ngờ tới. Tôi được cử đi trong phái đoàn ra miền Bắc, báo cáo với Hồ Chủ tịch và Chính phủ tình hình sau Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3 và xin chi viện cho Nam Bộ. Trong đoàn có anh Đào Văn Trường Khu bộ trưởng Chiến khu 8, anh Ca Văn Thỉnh và bác sĩ Trần Hữu Nghiệp.

Nhận được tin này, tôi ban khoan nửa muốn đi, nửa muốn không. Muốn đi để thấy miền Bắc, như là được gặp Bác Hồ, điều mà nhân dân Nam Bộ từ trẻ, già, trai, gái thường ghen với nhân dân miền Bắc được vinh dự sống gần Bác. Nhưng tôi lại không muốn đi vì mình còn non kém, ra miền Bắc biết báo cáo, ăn nói thế nào? Nhưng phần muốn đi thì nhiều, nên khi Tỉnh ủy đã thông lại, tôi nhận ngay.

Vào cuối tháng 3 năm 1946, đoàn chúng tôi đi theo đường biển từ Bến Tre đến Phú Yên. Lần đầu tiên lệnh đệnh trên mặt biển, nhiều người say sóng, ói đến mặt xanh, mặt vàng, mặt nảm la liệt. Nặng nhất là bác sĩ Nghiệp, chỉ có tôi và anh Tư Thỉnh khá như, nhờ nhìn ăn và không nằm.

Từ Phú Yên, chúng tôi ngồi xe lửa ra tận Hà Nội. Bước chân xuống đất Hà Nội, lòng tôi nôn nao, rạo rục. Tôi là con gái miệt vườn, được đến Thủ đô của cả nước, tôi bỡ ngỡ đủ thứ. Chỉ có một điều làm tôi quen ngay là tình cảm đầm ấm ruột thịt của đồng bào miền Bắc làm tôi vui sướng vô hạn.

Chúng tôi vừa mới đến Hà Nội hôm trước thì hôm sau được Bác Hồ đến thăm. Bác đến rất đột ngột. Chúng tôi không ngờ được gặp Bác quá sớm, ngoài điều mong ước tha thiết của mình.

Chiều tháng năm. Nắng hè rực rỡ. Trong lúc chúng tôi đang trò chuyện thân mật tại nhà ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục thì nghe tiếng ô tô đậu trước cổng. Một cụ già phúc hậu, người dong dỏng cao, tay chống gậy thò một bức tào làm tôi sực nhớ lên. Đúng là Bác rồi, Bác giống hệt như trong ảnh mà tôi đã thấy. Tôi đứng ngay

người nhìn Bác. Bác niềm nở bắt tay từng người. Khi chưa gặp Bác, tôi nghĩ chắc Bác nghiêm nghị lắm. Nhưng khi gần Bác thì bao nỗi lo âu đều tan hết và càng gần Bác, tôi càng xúc động về tình yêu thương chan hòa của một vị Cha già đối với các con. Năm ấy, tóc Bác chưa bạc nhiều. Khi nhìn Bác nói chuyện, tôi thấy Bác đã gầy một cái rãnh cửa. Vừa ngồi, Bác hỏi thăm ngay tình hình Nam Bộ, Bác chỉ vào tôi :

- Ưu tiên cho phụ nữ nói trước. Cô nói cho Bác nghe tình hình nhân dân, bộ đội ta ở Nam Bộ bây giờ thiếu thốn những gì ? Các cô, các chú muốn yêu cầu, đề nghị gì ?

Tôi lưỡng lự đứng lên. Bao nhiêu điều chuẩn bị mong gặp Bác chạy đâu mất ráo.

Bác cười, hỏi tôi :

- Thiếu súng lắm phải không ? Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về ?

Thật là kỳ diệu. Bác đã nói đúng điều quan trọng nhất mà các đồng chí lãnh đạo ở Nam Bộ đã dằn đi dằn lại mãi trước khi chúng tôi đi. Tôi sung sướng báo cáo với Bác :

- Dạ thưa Bác, nhiều lắm.

Bác nói thông thả :

- Thế nào Trung ương và Chính phủ cũng có súng gửi về Nam. Nhưng nước ta còn nghèo, các cô các chú về, phải đánh Pháp cho giỏi, cướp lấy súng của nó dùng thì cái vốn đó mới nhiều.

Trong bữa ăn. Bác nói chuyện riêng với từng người. Bác căn dặn tôi :

- Ở ngoài này học tập một thời gian rồi lại về tiếp tục kháng chiến với bà con.

Tôi còn nhớ như in trong óc những lời dạy bảo của Bác đối với tôi hôm đó :

- Người cách mạng phải học suốt đời, học lý luận, học quản chúng, học thực tế. Người không học thì như đi ban đêm không có

đen, không có gậy, dẽ vấp té, có phải thế không?

- Dạ !

Ít ngày sau, đoàn cán bộ miền Nam lại được đến mừng thọ Hồ Chủ tịch, nhân ngày kỷ niệm sinh nhật của Bác 19 tháng 5 năm 1946. Bác triu mến nhìn chúng tôi rồi nói :

- Bác không ghét các cô các chú gì cả, vì nhân dân ta ở miền Nam còn đang chịu bao nhiêu đau khổ bởi giặc Pháp gây ra, Bác cháu ta chưa thể nào vui được. Vậy các cô, các chú về báo cáo với nhân dân miền Nam thân yêu rằng : "Lòng già Hồ, lòng nhân dân miền Bắc lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào miền Nam ruột thịt. Cả nước ta một lòng đánh đuổi giặc Pháp. Nhất định chúng ta sẽ thắng lợi, sẽ có ngày đoàn tụ Nam Bắc một nhà. Lúc đó cả nước ta sẽ liên hoan thắng lợi một thể".

Nói rồi Bác khóc. Chúng tôi đều khóc !

Từ đó, tôi luôn luôn nghĩ đến một cuộc mít tinh lớn nhất ở Sài Gòn đón Bác Hồ về Nam, sau ngày kháng chiến thành công. Ngày ấy sẽ là một ngày sung sướng như đời của nhân dân Nam Bộ, niềm vui chiến thắng chung của cả nước Việt Nam.

*

* *

Sau một thời gian làm việc và học tập ở thủ đô Hà Nội, tôi rất sung sướng lại được về Nam. Lần này, các anh trong đoàn đều ở lại hoặc làm việc luôn ở miền Bắc, hoặc về sau. Chỉ có mình tôi đi thẳng vào Quảng Ngãi là trụ sở của Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam, nhận súng, tiền và tài liệu của Trung ương mang về cho Xứ ủy Nam Bộ.

Tôi đến nơi thì các anh cũng nhận được điện của Trung ương và đã chuẩn bị sẵn sàng cho tất cả Khu bảy, tám, chín của Nam Bộ, mỗi nơi một số súng. Buổi nhận súng thật là vui và cảm động. Các anh cho tôi vào tận kho để nhận phần Khu tám. Súng đạn có bao nhiêu đều chia đều cho ba khu, nhưng còn dư khẩu nào tôi năn nỉ xin hết. Tôi luôn luôn nhớ anh Năm Bộ đang chờ đợi tôi mang súng về. Vì vậy các anh cho bao nhiêu tôi cũng nhận và chờ đợi

thêm. Tôi nói với mấy anh :

Tôi mang một cây mà bị lộ thì tôi cũng chết, các anh cho tôi một ngàn cây, tôi đi một chuyến cho đáng.

Đồng chí phụ trách phân phối vũ khí rất nhiệt tình :

- Chỉ sợ chị không đủ sức mà mang thôi !

Từ Quảng Ngãi, người và súng còn được xe lửa đưa một quãng đến Tuy Hòa. Từ đây trở vào, địch đóng chiếm và kiểm soát gắt gao đường bộ, chỉ còn cách đi đường biển mới tải hết cả chục tấn vũ khí. Nhưng đường này cũng bị địch kiểm soát rất gắt. Thường ngày, nó cho máy bay, tàu biển rà luôn và đã bắn chìm vô kể ghe cầu của đồng bào. Tôi rất băn khoăn, lo cách làm sao đưa được số súng đạn này về đến Khu tám. Quyết tâm là một việc, nhưng làm thế nào để về đến nơi đến chốn là một việc không dễ.

Các anh mua cho tôi một chiếc ghe cửa đá cũ, mũi không nhọn lắm, chở được khoảng 12 tấn. Tôi chỉ lo hàng không xếp hết phải để lại thì rất tiếc. Để nguy trang che mắt địch, chúng tôi còn mua một trăm miệng chai, giá mỗi miệng một trăm đồng, mua những tin nước mắm xếp đầy cả mạn thuyền. Cứ khuya là chúng tôi lẳng lặng vác súng ra chắt ở khoang thuyền, ban ngày lại dỡ chai ra phơi, xếp đặt các tin nước mắm từ chỗ này qua góc khác cho có việc che mắt mọi người. Phải mất gần một tuần, súng đạn mới nằm hết dưới thuyền. Súng to có mấy cây trung liên, còn "tôm-xông", "mút-mát", lựu đạn đầy ắp các khoang.

Đồ xếp xong nhưng vẫn chưa tìm được người chèo, người lái. Vì đây là chuyến đi đột xuất đầu tiên của mình, nên chưa có sẵn lực lượng. Tất cả chỉ có bốn người : tôi, anh Phong một cán bộ võ tuyến điện của Trung ương đưa vào bổ sung cho Khu tám, và hai đồng chí Vệ quốc đoàn của tỉnh Quảng Ngãi đi theo bảo vệ thuyền. Trong bọn chúng tôi, anh Phong cũng chưa đi biển bao giờ, hai đồng chí Vệ quốc đoàn đều là tân binh còn trẻ măng, rất háng hái nhưng chưa có kinh nghiệm chiến đấu. Tìm mãi mới được bốn người quê ở Gò Công. Đó là hai ông lối năm mươi và hai thanh niên. Họ chèo ghe ra tận ngoài này bán gạo, chẳng may ghe bị máy bay bắn chìm nên đang tìm đường về. Chúng tôi xem xét kỹ, biết họ là những người tốt, đi biển giỏi nên thuê họ đưa thuyền về Bến Tân, trả cấp mỗi người một ngàn đồng tiền công.

Có hàng, có người sẵn sàng, nhưng thuyền vẫn còn nằm đây không đi được vì phải đợi gió chướng. Lúc đó đã tháng 10 năm 1946. Tôi sốt ruột ngồi đờng không yên. Các anh trong Tỉnh ủy lại trêu tôi :

- Hay là giờ lên tải bộ cho nhanh vậy !

Các anh lại sắm thêm cho tôi một thuyền thúng giá năm trăm đồng, năm người ngồi không chìm, một cây súng "côn", một cái cặp da để đựng tài liệu và tiền, lỡ có gặp chuyện gì chẳng may thì vác túi tiền và cặp tài liệu nhảy xuống thúng. Trong lúc chờ đợi, tôi tranh thủ tập bơi thúng, tập bắn súng cho quen.

Lúc đó, ngày đêm chúng tôi trông trời, trông đất cầu mong chóng có gió lớn. Tất cả có đến năm lần chúng tôi trừ nước ngọt, mua rau cải, làm cá khô, sắp sửa nhổ neo thì gió lại êm ru, lại đem ăn hết, rồi lại chuẩn bị.

Một tháng an đợi nằm chờ đặng đặng. Tỉnh trưởng nhận được tin giặc cho tàu, máy bay ra bắn thuyền câu lưới ngoài biển làm chết hàng trăm người một lúc. Nhưng chúng tôi vẫn vững lòng.

Một buổi chiều tháng 11 năm 1946, bỗng có gió chướng thổi mạnh, trời tối mù mịt, biển động âm âm. Tim tôi đập phồng khi nghĩ đến giờ phút thuyền đến đất Bến Tre, hầu như quên những điều nguy hiểm sắp đến. Thuyền chúng tôi nhổ neo, chồm ra biển. Sau này, các anh ở Tỉnh ủy Phú Yên cho biết có một số đồng bào xô xao đến báo cáo với Ủy ban :

- Biển động dữ vậy mà thuyền nào còn đi đâu ? Địch hay là ta ?

Đó cũng là kinh nghiệm đi biển rất quý của ta trong kháng chiến : gặp khó với trời còn hơn là bị khó với địch. Dám đi trong những lúc giông bão là ngon nhất ! Thuyền càng ra xa thì gió càng lớn. Thuyền vạt vạt. Những đợt sóng lù lù trên mặt biển đen ngòm như những con quái vật khổng lồ trườn mình lao tới, muốn nuốt phăng con thuyền kháng chiến bé nhỏ này. Tôi rút được kinh nghiệm lần trước nên buổi chiều ăn ít, nịt chặt bụng, mặc dù trong người bị nôn nao nhưng vẫn nhất định không nằm. Hai đồng chí bảo vệ đã ở tới mặt xanh.

Mấy ông già có nhiều kinh nghiệm, góp ý :

- Cho hạ buồm xuống. Nếu không bị gió giật qua, giật lại vài cái là thuyền chằm ngay lập tức.

Anh em trầy trật mãi mà chỉ hạ được hai buồm. Thuyền đi rất chậm. Mỗi lần gặp đợt sóng to, thuyền như sắp bị vỡ tan. Ông già giữ lái, người bé nhỏ tái hết sức, bị sóng chụp ướt đầm đìa nhưng vẫn kềm lái thật vững. Hai thanh niên trong bọn bốn người thì cứ luôn tay tát nước. Tôi ngồi ở trong khoang cũng bị sóng đánh vào ướt mềm, người ngã qua, ngã lại giữa mấy hòm đạn đầu điếng.

Ban đêm, thuyền của chúng tôi vẫn ở ngoài xa không dám vào gần bờ, sợ tàu địch đi tuần dọc theo ven biển trông thấy.

Qua một đêm dữ dội, ngày hôm sau dịu bớt, mặt biển êm hơn, thuyền lại cất buồm, chạy. Buổi sáng thứ ba, thuyền đang đi ngang quang Phan Thiết thì thấy xa xa trên mặt biển nhấp nhô bóng tàu lạ. Trời ! Vừa thoát giặc trời, lại đụng phải giặc người. Máy người chèo thuyền xôn xao.

Bụng hơi run, nhưng tôi trấn tĩnh nói lớn :

- Đừng lao xao tụi nó biết ! Cứ vững vàng làm theo kế hoạch đã bàn.

Trong lúc chuẩn bị, chúng tôi đã tính có phen phải giáp chiến với địch, nên trên ghe có đặt sẵn sàng hai trung liên, đầu và cuối thuyền đều đặt sẵn chất nổ. Trước hôm xuất phát, tập thể đã họp quyết nghị :

- Phải mang bằng được số vũ khí của Chính phủ, của Bác về tới Nam Bộ, dù có chết cũng không để vũ khí rơi vào tay quân địch.

Đó cũng là lời thề sắt đá của chúng tôi trước nhiệm vụ khó khăn nhưng rất vẻ vang này. Máy ông bán gạo biết là việc nguy hiểm, nhưng đều là những người tốt, nên cũng nói :

- Chúng tôi tin ở các anh chị, các anh chị bảo sao chúng tôi làm y theo như vậy.

Bây giờ một thử thách gay go đã ở ngay trước mắt. Chiếc tàu địch vẫn lù lù tiến gần về phía chúng tôi. Tôi ra lệnh :

- Anh Phong phụ trách bộc lộ. Hai đồng chí Chiến, Thắng coi súng trung liên. Khi nào tôi báo nổ hãy bóp cò, báo giục hãy giục. Còn bây giờ hãy vào trong khoang hết.

Trời đã sáng rõ, chiếc tàu địch tiến sát lại gần, lớn bằng cái nhà ba gian. Bọn ngụy khoác súng đứng lơ nhõ trên tàu; chăm chú nhìn về phía chúng tôi. Tôi bê một thùng gạo ra ngồi lượm thóc rất tự nhiên, còn hai người bạn thuyền thì lấy lưới ra phơi.

Bên ngoài thì lăm ra vẻ bình tĩnh, nhưng trong bụng tôi hồi hộp nghĩ đến giờ phút quyết liệt sắp đến. Bao nhiêu câu hỏi trong đầu :

- Nó hỏi mình, đối đáp ra sao đây ?

- Nó đòi lên thuyền khám thì có nổ súng và cho đục chìm thuyền không ?

Tôi vừa nghĩ, vừa vãi mấy anh đã chết ở Côn Đảo phủ hộ thuyền về đến Nam Bộ để anh em có súng đánh giặc trả thù cho các anh. Tuy không còn mê tin nhưng trong lúc này tôi vội làm theo tập quán, tôi vãi cả ông Bốn (!) phủ hộ cho chúng tôi tai qua nạn khỏi, về tôi sẽ cúng một con heo. Tàu địch trườn tới, Ngụy đến nơi rồi ! Nhưng bỗng nó quay đầu ra. Thật hú vía ...

Khi tàu địch đi xa rồi, hai chú bảo vệ hàng máu chừ theo :

- Tổ cha đồ đui ...

Mọi người không nín được cười. Nhưng từ hôm đó, cả ngày tôi cứ cầm ống dòm ngó hoải trên mặt biển không dám lơ, sợ lại đụng nữa. Nếu phải chiến đấu thì chỉ huy đánh đấm ra làm sao ? Buồm vẫn căng, thuyền vẫn lướt mà tôi cứ thấy như đứng nguyên tại chỗ. Tôi phập phồng lo lắng.

Nhưng rồi qua được ba ngày, bốn đêm. Đường thẳng thì chỉ năm ngày năm đêm là tới. Đêm thứ tư nhìn thấy một ngọn đèn pha tí xíu xa, mấy ông lái thuyền reo lên :

- "Cấp" rồi, các anh chị ơi ! Chỉ một ngày một đêm nữa đến

Bến Tre !

<https://tieulun.hopto.org>

Ngày hôm sau là ngày chót trên mặt biển thật là dài. Ai cũng mong chóng tới để đảm thuyền vô bến. Chiều đến, thuyền nhích gần vào bờ. Nhưng đến tối, chúng tôi lại gặp phải tai nạn mới. Trong lúc đang dọ dẫm đường vào thì thuyền trôi ngay lên cồn cát rồi bị cạn, nằm ý ra đó. Ghe chở cả chục tấn súng đạn mà dấy sao nổi. Nhìn vào bờ đêm tối mặt mùng. Chẳng biết đâu vào đâu ? Mặt biển rộng mênh mông. Tôi hỏi ông lái đường nào vô bến. Ông thờ dài :

- Hết biết đường nào rồi chị ơi !

Tôi lo toát mồ hôi, và nghĩ thầm :

- Về đến đây mà không biết đường vô là nguy hiểm. Chung quanh toàn là địch cả. Vậy phải làm thế nào đây ?

Ông lái xem mực nước, rồi lại kêu :

- Nước cứ ròng hoài nguy rồi !

Đồng chí Phong là đảng viên, nên tôi trao đổi với đồng chí trước.

- Chờ nước lớn biết bao giờ ? Ở đây sáng ra gặp giặc là như mang mớ dến miệng mèo và khi thuyền nổi thì biết đường nào mà vô bến ? Thôi để tôi vào bờ tìm liên lạc xem sao.

Anh Phong rất lo ngại, nói :

- Biết đây là đâu mà vào, lỡ gặp địch thì sao, chị ?

Tôi suy nghĩ lúc lâu rồi nói :

- Không lẽ chúng ta ngồi đây chờ chết sao ? Tôi tính phải đi tìm cái sống thôi !

Cuối cùng, đồng chí Phong và các anh em khác đều đồng ý để tôi vào bờ.

Tôi giao cặp tiền và tài liệu cho anh Phong. Tôi và chú Châu, người bạn thuyền rất tốt, cùng đi. Tôi hẹn anh em nếu vào bờ êm, thì lối mười hai giờ đêm, chúng tôi hươ được vòng tròn là mọi việc đều tốt. Còn cứ im lặng thì anh em phải rút đi và sẵn sàng chuẩn bị chiến đấu để giữ thuyền, bảo vệ súng.

Trời vừa tối, hai chị em đi theo tôi ra bờ biển. Tôi cũng hơi lo về việc làm mạo hiểm của mình, nhưng hy vọng gặp được nhân dân

thì như định sống. Mãi đến hơn tám giờ mới cập vào bến. Tuy đứng trên mặt đất rồi mà tôi vẫn còn say sóng, tai vẫn còn ù, người cứ lao chao nghiêng ngã, tưởng như mặt đất tròn trành, đảo lộn. Phải đứng yên định thân một lúc khá lâu mới đỡ choáng váng. Dưới ánh trăng lơ mờ, hai chị em cứ nhắm hướng có vết cây xanh lấm lỏi đi. Tối nơi toàn là rừng lầy, lỏi bì bõm tối gối, không biết đi hướng nào có lợi. Tôi đang còn bối rối, bỗng chú Châu reo lên :

- Chị ơi ! Có ánh đèn !

Tôi mừng rỡ vội báo Châu :

- Nói nhỏ chớ !

Chúng tôi mãi miết đi tới. Khi nhìn thấy bóng nhà lơ mờ không biết tả hay dịch, tôi dừng lại quan sát và vói thăm trong bụng :

- Có làm sao thì cũng cho về đến Bến Tre để các anh biết mình đã về.

Chú Châu bò lên xem xét kỹ rồi quay lại nói :

- Chắc là thôn xóm gì đây. Em không thấy lỗ cốt, lính gác, mớ canh gì cả.

Hai chị em lẫn vào gán. Nghe tiếng nói chuyện, nhiều nhà còn đèn, lại có tiếng hát của trẻ con, tôi đoán chắc là ta rồi. Tôi kêu lớn :

- Ông bà cô bác ơi ! Tôi là người mắc cạn ở biển, mấy ông làm ơn ra cứu dùm !

Có tiếng chân chạy thình thịch trong xóm. Năm, sáu thanh niên vác tấm võng chạy ra :

- Ai ! Đưa tay lên !

Chúng tôi làm đúng như lời hô.

Chỉ có hai thanh niên đi lại phía chúng tôi. Tôi hỏi ngay :

- Các cậu ơi ! Đây là đâu vậy ?

Họ không trả lời, hô tiếp :

- Để tay y nguyên, đi lại đây !

Tôi đi trước. Châu đi sau mang tấm võng.

Mấy thanh niên gườm gườm nhìn tôi, còn mấy người khác đứng xa xa. Tôi nói lại :

- Tôi là người đi biển mắc nạn, đây là đầu hà cậu ?

Họ im lặng nhìn tôi có vẻ nghi ngờ. Một người đứng ở sau ra vé chỉ huy, bảo đưa chúng tôi vào nhà. Vào tới, họ tách tôi và Châu ra từng người để điều tra. Một thanh niên hỏi tôi :

- Chị ở đâu ? Có giấy tờ gì không ?

Nửa tin nửa ngờ, tôi không dám nói thật, chỉ hỏi một câu thăm dò :

- Ở đây vùng Pháp hay vùng Việt Minh vậy cậu ?

Họ không trả lời mà hỏi dồn tôi hết câu nọ đến câu kia. Tôi chỉ một mực nhận là người buôn bán, đến Thanh Phong vừa mua hàng vừa thăm người nhà binh nặng.

Hỏi đi hỏi lại một lúc lâu, họ kéo nhau vào một nhà khác, bàn bạc. Tôi giả dò ngó khóc. Các bà, các cô nhìn tôi nửa tin nửa ngờ. Tôi tranh thủ mấy bà giả :

- Tôi là người ngay thẳng, vậy hỏi thiệt bác mấy anh này có phải Việt Minh không ?

Thấy thái độ tôi chân thật, mấy bà gật đầu có vẻ tin :

- Ờ, đầu đó, đầu đó ...

Khoảng nửa giờ, họ kéo lại hỏi tôi biết chữ không và bảo làm biên bản. Tôi giả dò nói không biết chữ.

Một thanh niên ngồi viết biên bản ngay trước mặt tôi. Tôi vẫn giả dò khóc, liếc nhìn coi anh viết gì. Người thanh niên rút cây viết máy ra viết nguệch ngoạc ở hàng đầu :

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Độc lập Tự do Hạnh Phúc

Tôi suốt kêu lên vì sung sướng. Tôi định nói ta cả đây mà, nhưng lại thôi.

Tôi kêu người phụ trách ra sẵn, rồi móc giấy giới thiệu từ trong

đầu tóc ra đưa. Xem xong đồng chí này nhảy cẫng lên vì mừng.

- Trời ơi ! Chị Ba Định đây các anh em ơi !

Chúng tôi được lệnh đón chị ở đây cả tuần rồi, nhưng trời động, tưởng chị không về được.

Dang nghi ngờ bỗng chuyển thành tin cậy. Các đồng chí mới tới vô nhà xúm lại hỏi chuyện đi biển của chúng tôi. Mấy chị làm vệt nấu cháo liền. Châu ra hươ ba vòng lửa làm hiệu.

Hôm sau, từ lúc sáng tinh mơ, con thuyền "vượt đại dương" của chúng tôi lướt qua cửa Thanh Phong yên ổn không gặp địch, rồi cứ thế chày tuốt vô Rạch Heo là chỗ của cơ quan huyện Thạnh Phú.

Đến đây, báo cáo đã qua, nhiệm vụ của chúng tôi đã hoàn thành. Tôi đã giao số vũ khí tận tay anh Trần Văn Trà lúc đó là Khu bộ trưởng của Chiến khu tám. Anh đã đến tận rừng Thạnh Phú nhận tất cả số vốn vũ cùng quý báu của Bác và Chính phủ gởi cho Nam Bộ mà tôi đã được vinh dự tại từ miền Bắc về đây, làm cho quân dân miền Nam ta càng nức lòng chiến đấu, quyết tâm giành thắng lợi để đền đáp lại công ơn trời biển của Đảng, của Bác, của Chính phủ, của nhân dân cả nước đã hết lòng chăm sóc cho miền Nam ruột thịt của mình.

CHUYẾN VƯỢT BIỂN⁽¹⁾

Đại tá NGUYỄN XUÂN ĐÀO

Năm 1946, sau khi học xong quân sự ở miền Bắc, về Khu 5 nhận công tác, tôi được đồng chí Thanh Sơn, lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam, gọi lên giao nhiệm vụ mang vũ khí về cho đồng bào Nam Bộ đánh giặc.

Tôi nhận một chiếc ghe mũi đỏ Gò Công "lãnh ấn tiên phong" đi trước dò đường và dò địch. Điều khiển thuyền có 4 người: tôi phụ trách, chú Sáu Lái, Phong và Phóng. Đoàn có thêm mấy cán bộ đi trên gủi vào. Sau khi đã xếp đầy khoang vũ khí, tôi nhớ có khoảng 500 cây súng trường, phần lớn là loại mít-cơ-tông của Pháp, 1.000 lựu đạn "Vô Thành Phát" của ta sản xuất, 20 khẩu trung liên Pháp, Tiệp, 8 tiểu liên Tô-m-xơ, 2 đại liên Nhật, ngoài ra còn có ống phóng lựu đạn, thuốc nổ v.v..., chúng tôi nóng lòng chờ lệnh khởi hành.

Vào hạ tuần tháng 12 năm 1946, tại một cảng biển miền Trung, sau bữa ăn sáng thường lệ, anh Sáu Kỳ và một đồng chí cán bộ của Ủy ban Kháng chiến miền Nam đến kiểm tra, sau đó gọi tôi và chú Sáu Lái ra mũi ghe. Anh trải tấm bản đồ Việt Nam ra:

- Trước hết em phải về Khu 8, giao tiền và vũ khí. Xong, tiếp tục đưa ghe và vũ khí còn lại về Khu 9.

Neo được kéo lên, buồm cái căng ra, thuyền nghiêng qua lại, biển đầy gió đầy thuyền từ từ xa bờ hướng về biển khơi...

* * *

... Bỗng có tiếng kêu to "Tàu địch". Tôi nhìn ra biển thấy ống khói và chót cột cờ. Tàu dần dần hiện rõ và rất to. Tôi quay lại phía bờ thấy núi chưa "nằm nước" (tức là núi còn lể đé mặt nước chưa tụt

(1) Trích hồi ký của Đại tá Nguyễn Xuân Đào <https://tietulunghoito.org>

xuống mặt nước vì trái đất tròn). Biết thuyền chưa xa bờ, hơi lo, nhưng để trấn tĩnh anh em, tôi bảo không phải tàu địch mà là tàu quốc tế đó. Nhìn bằng ống nhòm thấy tàu không có súng lớn. Tuy vậy chú Sáu vẫn cho mũi thuyền chạy tránh xa tàu. Mặt trời đã dịu hẳn, chỉ ở một góc chân trời nhưng tia sáng rọi quạt chĩa thẳng lên cao. Tưởng rằng một ngày an toàn trôi qua, bỗng một cây thánh giá xuất hiện lờ lờ mặt nước phía xa. Tôi bảo chú Sáu lách thuyền hướng ra khơi nữa. Tất cả đều đoán chắc sự việc chẳng lành sẽ đến.

Thuyền lướt rất nhanh vì gió thổi mạnh và mỗi ngọn sóng lượn dài đến 50, 70 thước. Thuyền chỡ cũng khá nặng, phía sau lái có thể với tay khoát nước được nên chỉ mở được một buồm cái thôi, vì càng cả ba buồm chạy quá nhanh rất nguy hiểm.

Cái thánh giá ngày càng cao và càng gần. Không còn nghi ngờ gì nữa, tàu giặc rồi. Nó cứ ngày càng lộ rõ nguyên hình và chĩa hướng vào thuyền ta nhưng chậm chạp vì có lẽ nó chạy ngược gió và sóng, tôi phán đoán như vậy. Ở tàu địch bắn ra ba phát pháo màu đỏ về hướng thuyền chúng tôi, lừng lờ cách mặt biển không cao. Chú Sáu đã lanh trí cho Phong và Phong xỏ cả buồm lái và mũi, thuyền căng gió xuôi và lướt trên ngọn sóng. Tôi bảo: "Thuyền chạy xuôi nhanh hơn chú Sáu ơi". Chú Sáu trả lời được rồi. Tôi chuẩn bị chiến đấu, gọi Phong và Phong lấy lựu đạn bỏ vào túi dết mang vào người. Gọi Phong lật ngửa thuyền con kéo ra phía trước thuyền lớn để tôi đem đặt trái bom 25 kg vào. Súng ngắn tôi buộc vào mình và giao mỗi người một tiểu liên. Tôi phân công rõ ràng: Chú Sáu vừa lái vừa thủ cây đại liên phía sau lái, ba chúng tôi ở trước mũi bắn cây đại liên còn lại và khi cần, phóng thuyền nhỏ vào phía sau tàu địch cho nó bom phá tung địch, áp tàu giặc nhảy lên tàu dùng tiểu liên, lựu đạn đánh địch. Chú Sáu cứ cầm lái cho ghe chạy thoát, nếu không thoát được thì chú phải cho nổ ba trái bom còn lại không cho địch lấy ghe mình. Chú Sáu chỉ nói gọn "Tao chết, chết thôi". Tôi còn có dự kiến nếu bị địch bắt cả ghe thì lợi dụng trời tối cắt dây, cho anh em lội xuống nước trốn còn tôi ở lại dùng bom thủ tiêu ghe.

Có lẽ không còn cách nào khác, mọi người trên ghe đều im lặng. Chú Sáu mặt hơi nhăn nhó vì phải cố sức kéo dây buồm cho căng thêm. Tay chú vẫn vững vàng. Mọi người đang căng tay kéo với

tất cả sức mình. Tay phải nắm chắc cán lái, nách kẹp chặt cán lái, người chú ngồi tư thế chồm hóm. Tôi nhìn chú với sự khâm phục và triu mến. Thật đúng "lừa thừ vàng, gian nan thừ sức". Trong những lúc này mới thấy hết giá trị của mỗi con người.

Giá như trời sập tối ngay thì hay quá. Tàu giặc và thuyền ta tranh nhau hụp lặn và trôi lên theo con sóng. Tôi thấy khi sóng hụp thì tàu giặc chỉ còn thấy cột buồm và khi trôi lên ngọn sóng thấy nguyên hình, nhưng tôi không trông thấy giặc. Tuy vậy có lẽ cũng còn cách nhau cả cây số. Lại thêm ba phát pháo đỏ nữa bắn lên. Nhưng tàu giặc tụt xa hơn một chút. Mũi tàu chúng ngang với sau lái thuyền ta. Tôi nói to để động viên anh em : "Nó tụt ra sau mình". Tôi chờ đợi địch nổ súng. Tôi cũng đã sẵn sàng đón sự thử thách đó, tự tạo cho mình sự bình thản khi nghe tiếng súng nổ và tiếng đạn phóng tới thuyền mình. Có điều tôi cũng tin chắc rằng địch khó mà bắn trúng. Vì tôi biết, tôi là tay bắn giỏi mà đã bắn bao nhiêu lần vẫn không trúng được chim nhạn đang bay.

Lúc đó gió càng thổi mạnh hơn. Thuyền chúng tôi và tàu giặc vẫn chạy đua nhau trên mặt biển. Nhưng thuyền chúng tôi xuôi sóng, xuôi gió, còn tàu giặc thì đâm từ bờ ra bị sóng lượn gió cản. Tôi cảm thấy tốc độ của thuyền nhanh hơn tàu... Ánh sáng mờ dần, tàu giặc cũng đã phải lùi dần và lùi dần. Trời tối hẳn. Chỉ còn thấy đèn tàu giặc. Tôi nói "Khỏe rồi đừng lo, chạy một lèo nữa là xa ánh đèn tàu địch". Tôi thờ ra nhẹ nhõm. Mọi người có lẽ cũng đã thấy an toàn, cười nói râm ran. Chỉ còn một màu đen trùm lên mặt biển. Bọt sóng lèo xèo chiếu sáng lân tân. Phóng thay chú Sáu lái thuyền, bứt hai buồm cho đỡ nguy hiểm. Một ngày thử thách trôi qua. Tôi ngồi trên mũi hương về Nam hút điếu thuốc thơm thấy ngon kỳ lạ, miệng lẩm nhẩm ca hát không biết bài gì.

* *

Ngày thứ hai ở biển đẹp lắm. Có lẽ trong đời mình chỉ có một lần tôi nhìn thấy mặt trời mọc ở chân biển cũng như mặt trời lặn chiều nay. Biển mênh mông không chú lái bị cuốn trôi. Tôi nhìn thoáng nhìn ra sau thuyền xem sóng lượn, có cái gì, có cái lao xao

nhào tới, nhưng mọi thứ đều ở phía sau cả. Chỉ có thỉnh thoảng ở mặt biển xa có làn khói đen lợt lạt bốc lên hình vòng tròn, đó là tàu biển. Yên tĩnh. Và đây cũng là ngày yên tĩnh trong chuyến đi.

Ngày thứ ba từ sáng sớm đến trưa vẫn gió và sóng. Trên trời dưới nước vẫn bình thường. Không khí tuy mát nhưng có oi bức thoang thoang qua. Nhìn xa xa chân trời có vài khối mây đen nhỏ nhỏ. Mọi người như muốn ngủ nữa. Tôi cảm thấy mệt, chui vào mũi thuyền nằm ngả người vào bao quần áo lim dim ngủ độ nửa giờ. Có tiếng gọi : "Chú Văn dậy đi tôi báo". Tôi ngồi dậy thì chú Sáu kéo tôi ra sau lái vừa chỉ vừa nói "Điểm không lạnh, nếu như những cụm mây đó ngày càng lớn và di chuyển về hướng Tây". Tôi nhìn về chân trời các cụm mây nhỏ khi nãy bây giờ đã lớn lắm và nó kết thành những đường đen từ dưới mặt nước thẳng lên trời và lớn dần lên nhằm thẳng hướng thuyền mà kéo tới. Chú Sáu nói "Ta bây giờ phải quay mũi thuyền vào trong bờ để có gì kịp mà xử trí". Tôi hỏi "Tại sao". Chú bảo tình hình này độ vài giờ nữa sẽ xảy ra sóng to gió lớn. Thuyền ta thì nhỏ, chỡ đầy, rất nguy hiểm. Nghe nói vào bờ là tôi gạt ngay : "Không được đâu chú ơi ! Vào bờ là làm mới cho giặc". Chú Sáu tìm cách thuyết phục tôi. Mọi người trên thuyền đều thức dậy cả và chòm nhum ra phía sau để nghe bàn luận. Có người nói "Chú Sáu nói có lý lắm". Có người tiếp thêm "Bây giờ mây lại đen hơn và ngọn mây uốn khúc". Rồi lại "Mây đen nhưng rìa ứng hồng là điểm không lạnh". Tôi nóng người lên và hình như không có cách nào giải thích nên nạt to : "Các anh im đi, cứ thẳng hướng mà đi, không vào bờ, ai muốn vào thì nhảy xuống biển mà lợi vào, chết là chết ngoài khơi, không trao ghe vũ khí này cho giặc". Anh em có vẻ bất mãn tôi lắm, lui vào trong khoang thuyền, cặp mắt họ vừa cảm giận vừa van lơn nài nỉ tôi...

Tôi ngược mắt nhìn trời để tìm một lối thoát, rồi quay lại đám mây đen ác nghiệt như bầy thú dữ rình mồi. Tôi nhìn khoang thuyền súng đạn, quần áo đầy ắp, thấy trách nhiệm của mình đối với đồng bào Nam Bộ và tự nhiên linh tính cảm thấy thuyền mình không thể chìm dưới cơn bão tố sắp đến đây. Tôi quay lại nói với chú Sáu "Ta cứ thẳng tiến thôi, chờ một lúc thì sẽ hết sóng, không có đâu". Chú Sáu nói : "Không chờ lâu được, quyết định đi". Tôi lúng túng nói : "Nó có

xoay hướng khác không?". Tôi cảm thấy đám mây đen quay về hướng Bắc. Chú Sáu nói : "Tôi đã xem kỹ, cách đây hơn ba tiếng đồng hồ rồi, từ khi ánh vàng sẫm ló lên mặt nước ở phía chân trời. Và đợt mây đen lên cao vài thước tôi mới kêu chú đó. Nói thiệt với chú và xin lỗi chú, tôi đã làm nghề biển này trên 30 năm rồi, ngọn sóng đầu gió tôi đều biết việc gì có thể xảy ra. Tôi cũng nói thiệt với chú là tôi có thể dề ra chú, chú đáng con cháu, nhưng vì cách mạng giao trọng trách cho chú nên tôi phải nể, chớ chú đừng có cái lời tôi. Tôi gặp giặc, tôi cũng đánh và cùng sóng chết với chú, chớ thứ gió bão này tôi bất lực. Chú ra lệnh đi cho tôi quay mũi thuyền vào kéo chậm mất". Tôi cảm thấy nói không ra lời. Ở ngoài này cũng chết mà vào bờ cũng chết. Chết ở đây giặc không lấy được vũ khí ta, chết trong bờ nhục nhã quá. Nhưng theo chú Sáu thì vào bờ còn hy vọng. Hy vọng gì? Để còn có người sống sót và vũ khí thì giặc sẽ lôi lên đồn bót và còn cười hã hê đắc thắng chăng? Nhưng có điều là ở ngoài khơi cách bờ biển này vài trăm cây số thì chỉ có chết một cách thụ động, ngồi chờ chết chứ không cách nào xoay xở. Còn vào bờ thì có thể, có thể gì? Cách gì? Đầu óc tôi đang căng thẳng, tính toán. Chú Sáu lại thúc giục tôi "Chú làm ơn nghe tôi đi". Tôi nói một cách thật cương quyết "Thôi cứ quay mũi vào bờ rồi sẽ tính sau". Chú Sáu và mọi người có vẻ hài lòng, hình như cặp mắt họ sáng ra. Tôi thì ngược lại, tay vịn vào khẩu đại liên, né đầu qua một bên cho anh em siết dây buồm cái để gió bọc ngang. Tôi để mọi người làm việc cho thuyền ổn định, còn tôi bỏ vào khoang thuyền xem lại các quả mìn coi có đứng chỗ không mặc dù không ai xê dịch. Tôi gọi Phong khiêng lựu đạn để ở mũi thuyền một thùng, chất tựa vào chỗ bệ tát nước một thùng. Tôi nói : "Chúng ta đã quay mũi vào bờ, ta phải dùng cảm để bảo vệ ghe ta. Nhứt nhất là nhục nhã. Chúng ta phải chiến đấu với sóng gió, sắp tới phải chiến đấu với giặc Pháp khi chúng bắt gặp ta, còn một người sống sót là phải phá hủy thuyền. Dây giựt mìn phía trước một đầu, phía sau một đầu mà các anh đã biết. Các anh chuẩn bị vũ khí của mình đi. Phong và Phóng ở phía trước với khẩu đại liên, lựu đạn, mang ra thêm một khẩu trung liên và đạn làm dự bị. Phía sau, tôi và chú Sáu, còn chú Ba và ông Bàn Nhộp thì tiếp tế đạn, còn anh Rạng thì ở lại khoang thuyền canh gác mìn hết. Mọi người chọn một khẩu súng để canh gác mà chiến đấu ... Hồ có vẻ bất đầu lo lắng trở

lại. Còn tôi thì chưa có cách gì khác là chuẩn bị chiến đấu mặc dù còn phải vài tiếng đồng hồ nữa mới thấy bờ.

Tôi ra sau lái ngồi cạnh chú Sáu, mở lương khô ra, đốt cho chú Sáu một điếu thuốc, vừa ăn vừa bảo "Chú có biết được ta bây giờ ở ngang đất liền đoạn nào không?". Chú nói rằng có thể quá Nha Trang khá xa nhưng chưa biết ở đâu, chờ một lát khi thấy núi thì biết ngay. Phía sau thuyền chân trời mây đen đã chiếm 1/3, gió lại thổi về hướng Tây rồi. Cánh buồm dục dặc không còn căng theo hướng cũ. Phong ra nơi đây, cầm ở tay để kéo qua kéo lại cho buồm căng hơn, cho thuyền lướt nhanh vào hướng đất liền. Mặt biển hướng Tây đã ló để màu xanh xám của núi nhưng còn nằm sát mặt nước. Độ nửa giờ thì núi đã lên cao độ nửa thước. Chú Sáu nói chưa phân biệt được.

Trong lúc chờ đợi, đầu óc tôi đang suy diễn một trận ác chiến sắp xảy ra. Súng ca-nông của địch trên tàu hay khẩu đại liên của chúng trên lô cốt bắn ra? Thuyền bị bể nước tràn vào có thể chìm chằng? Tàu tuần tiễu của giặc chạy ra ghìm súng vào cặp sát thuyền ta rồi nhảy xuống xét giấy tờ chằng? Thế là phải đánh, đánh cách nào? Bọn trên tàu có thể chết nhưng còn đồng, chắc là nguy ngập. Chúng sẽ đưa ca-nô ra dòng thuyền ta vào bờ. Ta sẽ cho mìn nổ từ ngoài xa để không cho giặc lấy được vũ khí. Hay không gặp giặc ta sẽ đầu ở đâu để tránh cơn bão?... Phương án hình thành trong đầu là chiến đấu đến cùng và cho mìn nổ phá hủy thuyền không cho giặc lấy được một khẩu súng trên thuyền. Cách bờ còn chừng năm chục km. Ánh sáng mặt trời nhạt nhẽo, mây đen đã bỏ vôi rộng khắp chân trời, những luồng khói trắng như hơi nước từ dưới biển bốc lên và từ trên trời tủa xuống... Tôi hỏi: "Có kịp không chú Sáu? Nếu chú canh chừng còn sớm thì ta cứ xuôi về Nam đùng có vào gần bờ vội". Chú Sáu nói: "Cứ phải chạy thẳng vào bờ kẻo không kịp vì còn cách bờ xa". Vào đến bờ là trời sụp tối và có thể tối sớm hơn vì ngon bão.

Thuyền đã cách bờ vài cây số. Trên bờ không thấy ánh đèn. Chú Sáu xác định với tôi là đang đi trên phần đất Phan Rang. Chú không ghé bờ mà chạy sát bờ non một km, mắt nhìn lên dãy đồi. Tiếng sóng vỗ vào bãi đá rì rầm. Tôi nhìn biển nghe âm âm đáng sợ. Lúc này tôi đã hết lo vì sóng gió này không tên giặc nào cầm mò

ra đây, qua ánh chớp dọc theo bờ không thấy nhà cửa. Có tiếng chú Sáu la to : "Hạ buồm cái", tiếng rõ rõ nghe ken két. Buồm hạ xuống nhanh. Chú Sáu ngoác thuyền vào... Cánh buồm mũi đánh phành phạch. Thuyền chông chênh. Chú Sáu hét lên : "Cắm chèo neo phụ thuyền". Thuyền rẽ ngang ôm sát vào vách đá. Sợ nhất là thuyền đập vào thành đá thì sẽ vỡ tan. Thuyền quẹo một cái cua gấp thì có tiếng mưa rơi. Hình như gió chỉ bay trên các đỉnh đồi, thuyền êm sóng và từ từ trôi nhẹ. Chú Sáu bảo : "Sóng rồi". Tôi bảo mọi người im lặng và tôi đã đứng bên khẩu đại liên từ lâu. Tôi hỏi chú Sáu : "Ổn chưa ?". Chú nói : "Ổn rồi". Chú cho từ từ hạ neo, tôi cần lại, để nghe động tĩnh ra sao rồi sẽ cố định thuyền. Mọi người làm theo. Độ nửa giờ nghe ngóng không thấy một ánh lửa, tiếng động nào chung quanh, chỉ có tiếng gió vù vù bên ngoài. Thuyền chúng tôi đã nằm gọn trong một cái hốc đá nhỏ đường kính độ hơn 100 thước, đường rẽ vào đây ngoằn ngoèo. Tôi hỏi chú Sáu đây là đâu. Chú Sáu nói : "Hốc Bà Kiếm". Tôi đã phục chú từ lâu, bây giờ chú nói cái tên này tôi càng thêm phục và vui mừng được một người lái thuyền giỏi. Tôi thật cảm ơn chú Sáu, cảm ơn Ủy ban Kháng chiến miền Nam, cảm ơn anh Sáu Kỳ đã kiếm cho tôi người lái thuyền hiểm có này.

Đêm nay mưa mãi, phải tắt nước nhiều lần, nhưng mọi hành động đều phải im lặng. Trên trời gió rít, chỉ nhìn ra ngoài được khi có ánh chớp. Căng khuya căng mòn mỏi, mọi người thiếp đi một tí. Tôi và chú Sáu chỉ gạt gù vài phút, đầu óc vẫn còn căng chưa biết việc gì sẽ xảy ra tiếp nữa đây... Chỉ chờ bớt mưa giảm gió là lên ra khơi.

Độ ba giờ sáng, gió giảm dần nhưng tốc độ còn cao, nghe còn tiếng ù rít trên các đỉnh đồi. Tôi đánh thức mọi người và chuẩn bị ra khơi. Thuyền lại lặng lẽ từ biệt Hốc Bà Kiếm trên dãy núi Phan Rang, nơi trú ẩn trong cơn bão ngất nghèo. Ra đến biển, gió vẫn còn thổi mạnh. Sóng lộn xộn, dập nhào tới tấp. Loay hoay mãi, chúng tôi mới học buồm chạy thẳng ra khơi. Trời còn tối, sóng còn to và ngược rất dễ đắm thuyền, nhưng phải làm sao khi trời sáng ít nhất cũng phải cách bờ 50 km.

Độ 12 giờ trưa, trời mới lóe lên được chút nắng lại nhanh chóng sa-sầm xuống. Các anh em này đều là lính mới, họ không thể đâu mây lại uốn cong. Sự việc ngày hôm qua lại diễn lại thật là quái ác.

Chú Sáu bảo lại phải quay vào bờ nữa. Tôi không trả lời nhưng đành chịu, bụng chúi thẳm : "Sao mà gặp những ngày không may, không dễ dàng như mình mơ tưởng là chỉ vài ngày sẽ gặp anh em Nam Bộ và trao vũ khí cho anh em mình. Bây giờ cá thuyền vũ khí còn nằm giữa biển đang vật lộn với sóng gió, lại phải quay vào bờ, quay vào nơi tay giặc". Không thể ghé vào chỗ hôm qua được vì ra khơi góc độ đã xuôi về Nam. Nếu ghé vào đây, căng vào gần Nam Bộ giặc càng dày đặc, liệu có thoát được không. Tôi nói ý nghĩ của mình cho chú Sáu. Chú Sáu nói : "Thì cũng phải tìm đường mà sống thôi, vào gần bờ sẽ liệu". Thuyền đi được ba giờ nữa thì trời tối đen. Tôi bớt lo vì sự thật lúc đó không một tàu ghe nào còn lảng vảng trên biển rộng như thế này ngoài thuyền chúng tôi. Tuy vậy tôi cũng đã cho anh em làm lại mọi động tác chuẩn bị chiến đấu.

Gió bão ập tới nhanh hơn, tuy không dữ dội như đêm qua. Thuyền chòng chênh lảo đảo. Gió bão tề hại thật. Chỉ một động tác sơ sót của người lái là thuyền có thể đắm ngay tức khắc. Minh mấy ướt cả, gió thổi lạnh run, nhưng ai nấy vẫn thấy toát mồ hôi vì chưa biết ghé vào đâu. Thuyền đã cách bờ vài trăm thước. Trời tối đen chỉ còn trông cựa vào ánh chớp để nhận rõ địa hình. Tôi chỉ mong gặp một cửa sông là lùi ngay vào đó. Để chập chờn kéo dài, nhiều trục trặc xảy ra : gãy cột buồm, đứt dây lèo, trôi bánh lái, sóng trùn ập vào thuyền không điều khiển được thuyền sẽ đập vào bờ hoặc thành đá thì vỡ tung, chìm ngấm.

Một tia chớp sáng làm chúng tôi nhận ra vài chiếc thuyền còn trơ cột ở sát bờ, một dãy nhà với trắng. Nơi nào đây ? Có giặc không ? Điều này có thể lắm. Gió càng mạnh. Chú Sáu nói phải vào tam lánh để xem xét tình hình. Chú Sáu và tôi nói rằng bàn luận chớ thật ra thì hét rất to bên tai nhau. Một cửa sông hiện ra, chú Sáu nói ngay : "Ta đang ở vùng Phan Rí. Đây chỉ có cửa biển vùng Thị là vào được thôi, nhưng giặc thì tôi không rõ". Tôi nghĩ đêm nay sóng gió so với đêm qua thì một 8 một 10, nhưng nguy hiểm hơn vì giờ đây có thể là một mất một còn với kẻ thù, tránh trời lại gặp giặc chăng ? Tôi ra dấu cho anh em ở vào tư thế sẵn sàng chiến đấu và nói chú Sáu cứ cho thuyền vào, nhưng lúc này khó có địch. Đến độ 2, 3 giờ sáng dù sóng to gió lớn đến mấy cũng phải cho thuyền ra biển.

<https://tieu-lun.hopto.org>

Thuyền đã đến cửa sông quá rộng. Độ chừng ba chiếc thuyền buồm to bị chìm tấp bên kia bờ, có lẽ do cơn bão đêm qua. Bờ bên kia có ít nhà lưa thưa. Bờ bên này là đồi đá. Chúng tôi yên lặng chờ đợi tiếng súng hay đèn pha, nhưng không thấy gì cả. Giờ này vào khoảng 11 giờ đêm, tôi cho ép thuyền vào bên phải, tất cả buồm đều hạ xuống, mũi quay ra hướng biển. Sông trong cửa sông không lớn, chỉ còn gió và mưa. Tôi mờ mắt thật to để chờ một tia chớp là tranh thủ quan sát. Bên kia bờ khu nhà trắng không thấy có ánh đèn. Mọi cánh vật hình như yên lặng để chịu đựng với gió bão. Đột nhiên bên kia triển núi có ánh lửa. Hình như trong hốc núi có người ở, đồi không cao, không thấy có nhà, nòng đại liên tôi quay về hướng đó. Tôi bảo chú Sáu ở đây, tôi và Phong dùng chiếc thùng bơi đi quan sát. Tôi mang súng lục, Phong mang khẩu tiểu liên Tôm-xơ. Chúng tôi nhẹ nhẹ bơi dần đến ánh lửa. Tôi quan sát thấy một cụ già độ sáu mươi tuổi, một thanh niên và một em nhỏ ngồi quanh đống lửa. Tôi thám nghĩ đó là dân. Không thấy nhà mà đây là một hốc đồi. Một hồi lâu tôi quyết định đến gặp họ. Mọi người bị bất ngờ và hốt hoảng khi thấy tôi với tay treo lên. Ông cụ hỏi : "Các chú ở đâu tới đây". Tuy đã chuẩn bị nhưng cũng cảm thấy lúng túng, tôi nói : "Cháu bị bão, ghe tấp vào mạn trên, ướt hết không có lửa, thấy đây có lửa xin nhờ". Cụ hỏi ghe có sao không ? Tôi nói bị hỏng một buồm và nước vô chút dính, nhưng ướt sạch. Để cụ khỏi hỏi tôi nhiều, tôi hỏi lại tình hình gia đình của cụ. Cụ nói ghe cụ bị đập bể chìm hôm qua, chỉ lấy được ít đồ dùng, người thì không sao, có cả cháu nhỏ và vợ thằng này (tức anh thanh niên ngồi đó). Lăn la một hồi tôi đã nắm chắc không còn ai ngoài gia đình này, nước hết, gạo hết, ngày mai là đói không có ăn. Tôi cho Phong về nấu cơm, rồi đem cơm, nước ra cho gia đình cụ. Tôi hỏi : "Bọn lính có ngoài đón không cụ?". Cụ nói không rõ. Sau đó, qua cụ, tôi biết khu nhà trắng là bọn nhà đoan, hàng ngày từ 5 đến 10 giờ sáng có một trung đội pác-ti-dăng xuống gác ở cửa biển và từ hôm qua chúng đã rút về Phan Rí vì gió bão không làm ăn gì được. Tôi nhẹ người và từ từ mở trút những nỗi lo âu. Tôi cùng gia đình cụ ăn cơm với cá khô và uống nước trà, ba ngày nay toàn ăn lương khô với nước lạnh. Thêm thuốc quá nhưng không dám hút vì thuốc thơm sợ lộ đành chịu. Tôi và Phong, anh em đồng ăn một bữa cơm thật ngon lành cũng giống như tôi với gia đình họ. Tôi nói lại

tình hình, anh em rất mừng.

Gió vẫn còn thổi mạnh tuy đã giảm một nửa so với hồi tối, thuyền chúng tôi đã yên lặng nhanh chóng căng buồm, trào sóng ra khơi. Trời hừng sáng thì gió mưa cũng hết. Ánh sáng bắt đầu trở lại. Trãi qua thêm ngày thứ tư và cũng là ngày êm ả. Nhưng cái lo sắp tới là gần đến Nam Bộ rồi. Hai tiếng "Nam Bộ" nao nức trong tâm tư mọi người, kể cả bác Ba ra bán gạo ở miền Trung theo chúng tôi trở về.



Ngày cuối cùng của chuyến đi, thành công hay thất bại? Lúc này chắc đã đi ngang qua địa giới miền Đông Nam Bộ. Sự lo lắng ngày càng căng thẳng dồn dập. Phải vào con sông Hàm Luông, đích cuối cùng để trao vũ khí này cho cuộc chiến đấu của quê hương. Không còn phải gay go với sóng gió nữa, nhưng phải đương đầu với kẻ thù xảo quyệt, liệu chúng tôi có đủ tài trí để chiến thắng trước những tên cáo già thực dân "Pha-lăng-sa" không. "Chúng bay có tàu chiến, xe bọc thép; chúng tao có trái tim của Tổ quốc cũng rắn như thép. Chúng tao mà thành công chuyến này sẽ mở đường cho biết bao nhiêu chuyến khác trót lọt đưa vũ khí càng nhiều về cho đồng chí đồng bào chúng tao đang chiến đấu giành lại mảnh đất Nam Bộ thân yêu. Nếu chúng bay ngăn chặn thì chúng tao sẽ kéo ngòi nổ trước mắt chúng bay để tiếng nổ vang lên trên vùng biển này và chúng bay cũng phải trả giá đắt không thể tránh khỏi". Tôi nghĩ miên man và thiếp đi lúc nào không biết.

Ngày thứ 4 và thứ 5 trôi qua tuy không gặp địch nhưng sóng gió đã làm anh em thấm mệt. Chúng tôi xác định đã đi qua phần đất miền Đông Nam Bộ. Xế chiều thì nhìn thấy mấy cửa sông lớn.

Thuyền từ từ tiến vào một cửa sông mà chúng tôi cho là Hàm Luông. Tôi cho phoi trên thuyền một chiếc áo bà ba trắng và một cái quần lãnh đen (mặc dù thuyền không có phụ nữ) nhưng đó là ám hiệu. Theo lộ trình được xác định thì khi thuyền vào cửa sông độ 500 mét sẽ gặp một con rạch gọi là Rạch Cừ nằm về bên trái. Nhưng thuyền chạy mãi mà không thấy con rạch này. Mọi người đang bán

khoan thì có tiếng từ trên bờ gạn hỏi : "Ghe đi đâu, ghé vào kiểm tra". Tôi nói : "Ghe đi buôn, chớ nặng không cập bờ được, có gì máy anh ra đây dùm". Tôi vừa nói dứt liền nghe tiếng chửi thề :

- Đ.M. tao biểu ghé vô mà không ghé, bần bô mẹ.

Chúng tôi giật mình. Tôi trầm tĩnh hỏi lại :

- Các ông ở lực lượng nào ? Ghe khẳm không cập bờ được, tôi có giấy tờ đây.

Bọn trên bờ chửi thề, nói : "Tao là dân ông Một, nghe chưa" (Một On là tên sếp đồn ác ôn ở vùng này).

Chú Sáu nói : "Chết rồi ! Vòng giặc". Tôi bảo thuyền quay ra. Trên bờ, chúng hò hét và hai phát đạn bay vèo qua đầu chúng tôi. Phong đòi bắn trả, tôi không cho. Tôi nghĩ với khoảng cách này lại thêm thuyền chúng tôi nhờ sức gió đẩy ra xa thêm, súng lửa của chúng bắn sẽ không ăn thua gì. Nhưng hóa ra không phải như vậy. Với hai chiếc xuồng nhẹ, bọn chúng đuổi theo ngày càng gần, đạn nổ lụp bụp, bay vèo vèo. Không có cách nào khác, tôi quyết định trưng trị bọn này. Tôi bảo với Phong lôi tám bố che khẩu đại liên, kéo cò. Chiếc xuồng thứ nhất trúng đạn, từ từ chìm. Chiếc thứ hai định chạy trốn, tôi kéo liền hai băng nữa. Có tên nhảy ra khỏi xuồng nhưng xem chừng không có tên nào sống sót. Trời về chiều, thuyền ra đến cửa biển, tôi la to : "Chạy thẳng ra khơi".

Tôi gọi Rạng ra hỏi, đưa thuyền vào cửa nào mà có lính Một On. Rạng lặng thinh. Bác Ba xác định đây là cửa Đại vị ở đó là Gò Công, cửa Hàm Luông còn xa.

*

* *

Độ 4 giờ sáng buồm đã được căng ra và khoảng 7 giờ đã cách bờ chừng 2 km, nhìn thấy dãy cột dáy. Rạng xác định là cửa Hàm Luông, mồm dôi lồi ra là cửa Cồn Lợi. Mọi người mừng lắm, Thuyền đâm vào cửa sông, nhưng không tài nào vào được vì một cón cát ngầm chắn ngang cửa sông. Thuyền chớ khẳm nên khị lọt vào vùng biển trắng này, nó không sao ghé Hàm Luông được. Cửa sông là biển bé dáy thuyền ở đây thì lòi thối (Sau đó hai tháng, trong đoạn thuyền

tiếp tế vào Nam đã có một chiếc bị dầm tại đây với toàn bộ vũ khí vì đây thuyền bằng nan tre). Không biết lòng lạch nên phải dùng sào thọc lên xuống dưới biển để dò đường nên tốc độ đi rất chậm. Cách bờ chỉ 2 km mà loay hoay hàng tiếng đồng hồ không vào được. Biển lúc này không một bóng người, nước lại đang lên. Cũng rất may mắn lúc ấy xa xa có một đốm đen nhỏ. Tôi đặt ống nhòm nhìn xem thấy một chiếc thuyền con đang đi ra phía rặng cột đáy. Thuyền con xuất hiện ngày một gần, đã thấy rõ một cụ già gần 70 tuổi và một em trai độ 17, 18 tuổi. Tôi nói cụ cặp thuyền lên cho tôi hỏi thăm. Cụ không chịu, nói là đang đi câu. Tôi liệng cuộn dây thừng qua xuống cụ nhưng cụ vẫn không chịu lên. Tôi chỉ hỏi được là đây có phải là cửa Hàm Luông không. Cụ ừ, rồi định quay đi. Tôi chưa hỏi được gì thêm thì thuyền cụ đã bơi ra xa. Tôi nói to : "Cụ làm ơn cho chúng tôi hỏi thăm". Cụ làm như không nghe, tiếp tục bơi đi. Thuyền tôi đuổi theo. Tôi nghĩ có lẽ ông cụ nghi ngờ chúng tôi không biết tốt xấu thế nào. Và lại biển động thế này hai ông cháu đi đâu. Con người chất phác đôn hậu nhưng tại sao ta kêu khẩn mà cụ không giúp ta. Chỉ còn cách ép buộc cụ, sáu sẽ xin lỗi. Tôi báo Phóng lạt tám bố phới trần đại liên với băng đạn sáng chói. Hai ông cháu đã nhìn thấy súng. Tôi quăng dây thuyền rồi nói : "Lên cho chúng tôi hỏi thăm một tý thôi rồi đi". Ông cụ đánh lóng phách leo lên nhưng về mặt dây cảm tức. Cụ đứng phía sau lái nhìn khẩu đại liên rồi đảo mắt nhìn chúng tôi hỏi : "Các cậu muốn gì ở tôi". Tôi bèn xuống giọng năn nỉ : "Vì cháu mời cụ, cụ không lên phải nói xằng, cụ tha lỗi. Cháu ở miền trên xuống muốn đi vào Bến Tre, vào cửa Hàm Luông nhưng không biết đây có phải không, và thuyền bị cạn nhờ cụ chỉ cho lòng lạch". Chắc cụ cho tôi nói dối nên nói : "Đây là cửa Hàm Luông nhưng lòng lạch tôi không biết vì tôi ít đi ghe lớn". Biết rằng cụ giấu và đúng không phải là người ra đôn vì tín hiệu áo bà ba và quần lãnh đen còn đó không thấy cụ nhận ra. Tôi nghĩ phải nói thật với cụ. Nếu cụ có tinh thần kháng chiến yêu nước thì cụ thông cảm giúp mình, còn nếu trở mặt thì dẫu sao cụ cũng đã ở trên thuyền mình. Tôi liền nói : "Các cháu người Nam Bộ được ra Bắc học, nay trở về Nam để tiếp tục làm nhiệm vụ..." Tôi lấy sách báo, tranh ảnh, có cờ đỏ sao vàng, hình Bác Hồ từ từ xem. Nhìn thấy Bác Hồ và qua thái độ chúng tôi, cụ đã tin, cụ cười và nói : "Lúc đầu tôi nghi ngờ các cậu

lắm, tôi cho là giấc thôi". Cụ chỉ rõ luồng lạch và đi cùng chúng tôi một đoạn, chỉ cho tôi rẽ vào Rạch Cừ.

Chúng tôi đá ra khỏi lòng lạch và đi vào khoảng nước sâu. Dòng sông êm ả còn gợn lại các lượn sóng cuối cùng. Bên bờ phải có một ngôi nhà to sát mé sông làm tôi ngỡ ngơ vì anh Sáu Kỳ không có nói đến. Có phải đồn giặc hay không. Nhưng rồi thuyền đã đến vàm Rạch Cừ. Tôi bàn chỉ Sáu cho dứt thuyền đi trước vào rạch để khi cần có thể bung ra nhanh. Mọi người làm theo, dùng chèo và sào cho thuyền vào. Đi được vài trăm thước xuất hiện một ngôi nhà lá có vườn mía và trái cây nối liền trong sâu. Trước mắt có cây cầu khỉ bắc ngang rạch. Thuyền dừng lại dò xét, thấy trong nhà có một người đàn bà đứng tuổi và một đứa cháu. Chị ta thấy ghe lại, đứng nhìn. Tôi liền hỏi :

- Xin lỗi đây có phải là Rạch Cừ không chị ?

- Phải, ghe anh đi đâu ?

- Ghe đi bán đường.

- Ở đâu đến đây bán đường ?

- Ghe ở Gò Công (tôi nói vậy vì đây là loại ghe Gò Công mũi đỏ mắt trắng ai cũng biết). Nhưng chị lại nói :

- Ở đây ít dân lắm, chỗ này không có buôn bán - Và chị quay vào nhà.

Chúng tôi không dám bước lên bờ, ngập ngừng một lát. Tôi lại gọi chị ra để hỏi thăm thêm. Chị giả dờ như không nghe. Tôi định hỏi lại đây có phải là nhà đồng chí Ủy viên quân sự không, nhưng không dám, lẽ ra là vùng địch thì sao. Chị bước ra và nói :

- Các anh vào vùng này làm ăn khó lắm, nhưng có giấy tờ hợp lệ không ?

- Có chứ - Tôi nói có pat-po (passeport) và môn bài buôn bán cần thận mới dám vô đây chớ.

Chị lại bên cửa xách cái chổi bước ra sau nhà. Tôi thoáng thấy cháu nhỏ đi từ phía sau nhà ra khu đất trống gần mui ghe.

Chị lại trở ra bảo :

- Các anh chờ một lát, nhà tôi về hỏi kỹ hơn. Tôi đàn bà không rành việc buôn bán.

Tôi lo quá vì thời gian đã kéo dài, nhưng vẫn chưa kết luận được là vùng ta hay vùng địch. Mọi sự đều đứng, nhưng liệu tình hình thay đổi thì sao? Sự căng thẳng càng tăng lên vì thuyền đã vào rạch, trở ra cửa biển thì khó lắm, nếu có gì xảy ra thì có đánh chìm làm nổ tung thuyền vẫn còn vũ khí trong lòng lạch cạn.

Đang suy nghĩ, tính toán tôi giật này người : "giặc chằng". Phía trên đám mĩa trên mười người lính ăn mặc dù loại, người đi đầu đội bê-rê sắt, súng họ đều cầm tay và có người kẹp súng ngang hông trong tư thế chiến đấu. Ngoài ra lại có bộ phận 4 người đang qua cầu khỉ và lội sinh cạp bờ rạch tiến lại gần chúng tôi. Người tôi pháp phòng lo lắng gọi Phong và Phong sẵn sàng chiến đấu. Phong chú ý bên trái. Phong chú ý bên phải. Chú Sáu và Rạng cầm chèo chuẩn bị sẵn sàng chống thuyền lui. Tôi cố quan sát thấy chị chủ nhà vẫn đứng cạnh cửa nhìn ra thản nhiên. Số người cầm súng, một ít ăn mặc giống lính nguy nhưng không đồng phục, chân không đi giày da. Chú ý nhất là người đội mũ bê-rê hình như ở ngực có đeo miếng phù hiệu đỏ, màu đỏ thật và có thể có sao vàng ở giữa. Tôi báo chú Sáu đừng lui ghe, lui họ nghi ngờ bắn trước trở tay không kịp. Nhìn kỹ họ đã đến gần độ 70 -80 mét, không phải chỉ có anh đội mũ bê-rê mà ba bốn người đều có phù hiệu màu đỏ. Tôi mừng thầm chắc là người mình đó nhưng vẫn cảnh giác. Vội đỏ sao vàng đã lộ rõ trên ngực anh em, tôi mừng quá, sướng quá, muốn nhảy lên, hét to lên, họ đã đến gần và dừng lại tại đầu đám mĩa. Anh đội bê-rê (có lẽ là đội trưởng) cùng đi với một người đàn ông mặc bộ đồ bà ba đen, tiến đến gần chúng tôi. Kháng định là người mình rồi, vì thấy dấu hiệu và thái độ họ hòa nhã. Họ hỏi :

- Các anh ở đâu đến ?
- Tôi ở Gò Công đi bán đường.
- Có giấy tờ không cho xem.
- Có. Các anh ở lực lượng nào, xin lỗi.
- Bộ đội Khu 8 kiểm soát vùng này.

- Có phải nhà ông ủy viên quân sự đây không ?

- Đúng rồi. Ông đây. Sao các anh biết ?

Tôi cười to, thờ dài nhẹ nhõm và giờ tay chào ông.

Họ ngạc nhiên và nói tiếp :

- Cho chúng tôi xem giấy tờ và khám ghe.

Số người cầm vũ khí hai bên bờ đã đến sát gần thuyền. Tôi nhìn thấy thái độ, cách ăn nói và những phù hiệu đeo trước ngực tin rằng mình quan sát đúng, đây là người của mình. Nhưng tại sao họ lại không nhận được ám hiệu "áo bà ba trắng, quần đen" và "bán đường". Tôi nói lớn với Rạng và cũng là để họ nghe :

- Rạng đem hết quần áo phơi ngoài sân đi để các anh lát nữa xuống khám ghe.

Họ vẫn lặng thinh. Khó xử quá. Bước lên bờ thì trở xuống không kịp. Thuyền đã vào sát bờ, tấm "đòn dài" đã bắc từ thuyền lên bờ. Họ bước xuống kiểm tra. Tôi bước ra đứng chặn tấm ván không cho họ bước lên và móc xấp giấy trong lưng ra, soạn mãi không biết cho họ xem loại giấy nào. Cuối cùng tôi quyết định lấy giấy thông hành của Ủy ban Kháng chiến miền Nam ra. Nếu họ có thái độ gì khác cho nổ súng ngay vì chần chừ mãi khó xử trí. Đọc xong mắt họ sáng ra, anh đội bê-rê chuyển giấy cho ông mặc bà ba và hỏi tôi :

- Các anh ở ngoài về hả.

Tôi nghĩ đúng rồi nên trả lời :

- Phải ! Tôi ở ngoài về.

Anh đội bê-rê khoát tay gọi anh em bên bờ sông về và nói :

- Người mình.

Ai cũng mừng nhưng còn e ngại. Tôi cho Phong và Phòng lột bố ra, 2 khẩu đại liên màu thép xanh lộ ra chĩa vào họ. Họ ngạc nhiên lùi lại và đột nhiên nhảy đồng lên kêu to :

- Các anh đem súng về đây, anh em đại liên đây

Họ ôm lấy súng hôn hít như mẹ ôm hôn con. Có người ngồi bệt

xuống ôm chân cây đại liên như toại lòng mong ước từ lâu. Tôi không khóc nhưng sao nước mắt tuôn ra. Tôi lên bờ ôm chầm lấy anh đội mũ bê-rê và tay kia quàng lấy đồng chí mặc đồ bà ba nói to :

- Cảm ơn đồng chí, thành công rồi.

Miệng nói nhưng chân bước lảo đảo. Từ lâu đi biển nay bước chân lên đất liền chân cao chân thấp. Anh em xúm nhau dò xem súng. Tôi nói khoan đã. Mọi người trên ghe đều lên bờ. Gặp nhau tay bắt mặt mừng kể sao cho hết. Anh em hỏi tít tít : "Bác Hồ lo cho miền Nam quá trời", "Các anh giỏi quá, quá sức tưởng tượng", "Súng nhiều không ? Có liền thanh không ? Dạn nhiều không ?", "Anh em tụi tui thiếu đạn lắm ! Còn ghe náo nữa không ?", "Hỏi này không khéo mà có sự hiểu lầm thì mình chịu với hai cây đại liên kia chết mẹ"...

Thuyền được đưa vào phía trong một cây số, có một xóm nhà dân. Một bữa cơm gà, vịt, cá, dọn trên bốn tấm đệm giữa sân nhà, một bữa tiệc lớn đãi chúng tôi. Tất cả anh em bộ đội, đồng bào ngồi quanh án uống liên hoan. Một buổi liên hoan trong đời người của tuổi trẻ hiếm có. Phía chúng tôi rất mừng vì nhiệm vụ đã hoàn thành. Phía địa phương mừng vì được sự chi viện của Đảng, của Bác Hồ.

Vài hôm sau, tôi được về Bộ Tư lệnh Khu 8 báo cáo và bàn giao tất cả vũ khí, tiền bạc. Các đồng chí vui lắm. Chú Sáu Lái, Phong và Phòng được trở ra miền Trung với một ghe gạo đầy ắp.

Chuyến vũ khí đầu tiên được chuyển về Nam Bộ. Gần 50 năm rồi, những hình ảnh của chuyến đi như vẫn còn mới nguyên trong ký ức. Đó là một trong những kỷ niệm sâu sắc nhất trong cuộc đời chiến đấu của tôi. Lần đầu tiên trong tuổi trẻ của mình tôi được vinh dự đóng góp công sức nhỏ bé vào công cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại của dân tộc.

VƯỢT BIỂN BẰNG KUÔNG NAN MANG VÀNG VỀ NAM BỘ

NGUYỄN VĂN TÔNG

Đầu năm 47, tôi và Lê Văn Chính (sau này là Đại tá và đã qua đời) được Bộ Tư lệnh Chiến khu 8 phái ra miền Trung để báo cáo với Ủy ban Kháng chiến miền Nam tình hình Chiến khu 8 và nhận viện trợ của Trung ương.

Chúng tôi đi theo đường liên lạc của mặt vụ Nam Bộ do anh Phạm Ngọc Thảo (1) tổ chức. Mặc dù đã tham gia kháng chiến chống Pháp hơn một năm, nhưng chúng tôi vẫn còn "tương học trò" do đó từ Mỹ Tho lên Sài Gòn rồi ra Nha Trang xuyên qua vùng Pháp kiểm soát chúng tôi đi trót lọt. Đến Nha Trang chúng tôi được gởi trong một gia đình làm nghề thuốc da và buổi chiều được đưa từ thành phố Nha Trang ra căn cứ kháng chiến Đầm Vân bằng thuyền, do một nữ giao liên xinh đẹp hướng dẫn. Đường đây do anh Thảo tổ chức tuyệt hảo, không có trục trặc gì. Từ Đầm Vân chúng tôi theo đường kháng chiến lên Hòn Hèo, qua Dốc Mỏ rồi xuống xã Liên Hiệp Mỹ ở bờ nam sông Đà Rằng (Tuy Hòa), Liên Hiệp Mỹ là xã còn độc lập gần ranh tỉnh Khánh Hòa đã bị địch chiếm. Sau khi ăn một bữa cơm đạm bạc ở một quán cơm thị trấn Liên Hiệp Mỹ, chúng tôi đi xe ngựa của giao liên về nơi đóng cơ quan Ủy ban Kháng chiến miền Nam ở xã Đoàn Kết (từ ngã ba La Hay đi về hướng Tây).

Tại trụ sở Ủy ban Kháng chiến miền Nam lúc này có ông Phạm Văn Bạch, Nguyễn Văn Tây (Thanh Sơn), anh Võ Sĩ, Nguyễn Đăng... chúng tôi thay nhau báo cáo tình hình Chiến khu 8 với Ủy ban Kháng

(1) Sau Hiệp định Genève năm 1954 Phạm Ngọc Thảo được cử vào hoạt động trong lòng địch, Ngô Đình Diệm chỉ đạo lực lượng điệp vụ Đại tá Sáu cùng tôi chính không thành bị Nguyễn Văn Thiệu giết. Được Nhà nước ta truy phong Đại tá liệt sĩ. (B.T.).

chiến. Tình hình chung thì các anh đã biết, chúng tôi tường thuật cụ thể những diễn biến phức tạp của tình hình năm đầu Nam Bộ kháng chiến 1945-1946. Sau đó dưới sự hướng dẫn của anh Võ Sĩ⁽¹⁾ chúng tôi đến các huyện để báo cáo tình hình Nam Bộ kháng chiến, nhất là tình hình chiến tranh du kích, phá hoại giao thông đường bộ, đướng sông, đập cầu, phá cầu, đánh phục kích ngăn chặn địch, diệt tề, trừ gian v.v... Vì địch đang ở tại cửa ngõ phía nam Tuy Hòa cho nên Ủy ban Kháng chiến các cấp ở tỉnh rất quan tâm nghe những kinh nghiệm của Nam Bộ kháng chiến để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến ở tỉnh nhà.

Sau khi làm xong nhiệm vụ báo cáo, chúng tôi được giao nhiệm vụ trở về Nam Bộ. Anh Lê Văn Chính trở về bằng đường cũ, tức là đường công khai vì có việc gấp, tôi thì được phân công ra Sông Cầu lo thu gom súng đạn, máy móc để đưa về Nam Bộ bằng đường biển cùng với một số anh em đã chuẩn bị trước ở đó. Đã có hai thuyền đi biển bậc trung chở đầy vũ khí đạn ở Vũng La chờ gió để xuôi về Nam. Trong lúc chuẩn bị, thủy thủ được nuôi dưỡng chu đáo theo chế độ đặc biệt. Anh em đều quyết tâm đưa vũ khí về đến chiến trường, mặc dù đã biết trước con đường đi biển đầy thử thách, đòi hỏi phải sẵn sàng hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ.

Chờ đợi độ một tuần, thì tôi được lệnh gọi lên bờ để cùng đi với một đoàn trên bộ, vì đoàn này không có ai biết đường liên lạc vào Nam Bộ. Đoàn này do anh Võ Sĩ chỉ huy gồm 20 anh em cán bộ chiến sĩ. Mỗi cán bộ mang 3 kg vàng ngang bụng và mỗi chiến sĩ mang một thùng gần như một khối vuông 40cm x 50cm x 50cm toàn là giấy xăng (Cent) Đông Dương Ngân hàng thường gọi là "bạc xanh". Lúc này nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có đồng tiền riêng không xài bạc Đông Dương, nên Nhà nước gom bạc Đông Dương gởi về Nam Bộ để nuôi quân đánh giặc. Ở phần lớn vùng đô thị Nam Bộ đã bị giặc Pháp chiếm đóng tiếp tục xài bạc Đông Dương Ngân hàng. Đoàn đi bộ này gọn nên đi theo con đường kháng chiến dọc quốc lộ số 1. Có hai con ngựa thồ giúp một đoạn đường. Trang bị của mọi

(1) Lê Văn Sĩ, khi về Nam Bộ làm Ủy ban Thành ủy Sài Gòn về sau là Ủy ban sinh. Nay tại thành phố Hồ Chí Minh có tên đường Lê Văn Sĩ.

người rất đơn giản, ngoài tiền, vàng, súng đạn, mỗi người 2 bộ quần áo, một tấm bạt bằng vải kaki phết dầu rái để che mưa và trái ngủ luôn, bị đông nước và một ít thuốc chữa bệnh vì lúc này địch phong tỏa kinh tế gắt gao nên vùng độc lập không có đủ thuốc. Cán bộ kháng chiến cũng chưa biết dùng võng, các trạm liên lạc mới tổ chức, chỉ làm sạp để ngủ.

Vì địch đã nổ súng ra chiếm núi Hiêm nên đường Dốc Mỏ không đi được. Đoàn đi lên Củng Sơn phía tây Tuy Hòa, rồi vài ngày sau cùng đổ xuống Hòn Hèo, Đám Vân. Đường đi nhiều dốc, mang nặng nhất là anh em chiến sĩ mang thùng bạc xanh, hao phí ca lo rất lớn nên đến bữa ăn là ăn rất ngon, mặc dù thường ăn cơm vắt với lương khô, nước uống thì có đoạn đường chỉ có một bi đông nước cho một ngày cho nên mỗi hộp nước uống vào quý không khác gì uống một ly sữa.

Đoàn đến Đám Vân an toàn mặc dù phải vượt qua quốc lộ 1 và những vùng bị tạm chiếm.

Đến Đám Vân đã có anh Phạm Ngọc Thảo đón ở đây, có đủ hàng hóa của vùng tạm chiếm : đường, sữa, Ovomaltine, thuốc hút, thuốc chữa bệnh, sách, báo do cơ sở từ Nha Trang mang vào. Đoàn nghỉ một tuần để lấy lại sức khỏe và chờ kiểm tra lại các trạm cho chắc chắn an toàn. Đoàn được anh Thảo thông báo lại tình hình kháng chiến nóng hổi ở Nam Bộ, đọc báo chí Sài Gòn và cán bộ được anh Sĩ lên lớp cho vài bài về "Kháng chiến trường kỳ". Lớp học ở ven con suối nước trong veo, trên một tảng đá tròn tròn đủ ngồi cho vài chục người dưới một tán cây và dây gió biển. Tảng đá này cũng là bàn ăn và nơi sinh hoạt câu lạc bộ. Sống mấy ngày ở Đám Vân lướt về này rất thú vị, những nhọc nhằn trong thời gian vượt đỏi, leo núi coi như không còn chút dấu vết nào.

Sau một tuần đường dây đã chuẩn bị xong, đoàn chúng tôi lên đường. Đoạn đầu là vượt biển đi từ Đám Vân đến Hòn Yến, cứ 8 người trên một xuồng nan, 4 bơi chèo, 4 nghỉ nhằm Hòn Yến bơi tới. Bên phải là một vùng sáng của thành phố Nha Trang, nơi đồn trú của một lực lượng lính Pháp quan trọng, có cả tàu chiến của hải quân, bên trái là biển Đông mênh mông. Nhưng đoàn tôi cũng đã vượt biển đi Hòn Yến an toàn.

Đoạn thứ hai từ Hòn Yến đến phía bắc vịnh Cam Ranh, trạm liên lạc đóng ở bờ biển phía đông Ba Ngòi. Tại nơi đây trước kia quân Nhật có xây dựng một số pháo đài để phòng thủ vịnh Cam Ranh. Từ Hòn Yến đến trạm Ba Ngòi phải đi gần hết đêm. Chờ khi màn đêm đã phủ lên mặt biển, chúng tôi khởi hành. Trời trong xanh, nhiều sao, sóng trung bình, xuống nan của chúng tôi nối đuôi nhau chổng chênh trên biển, nhìn trước mặt là một dải đèn của các xuống cầu cá mực giăng dài ra trên biển như đèn của một đường phố, thật là đẹp. Có khi đi sát thuyền cầu, thấy những chùm hoa bằng các mảnh vải cát vụn chập chờn trên mặt nước dưới ánh đèn làm mỗi giá để cầu mực, mực ống tụ lại thì thợ cầu dùng vợt để hút.

Những cảnh đẹp mắt đó làm cho chúng tôi quên đi những nguy hiểm có thể gặp phải trên vùng biển do giặc Pháp kiểm soát. Chúng tôi cảm thấy hơi tối, người bơi thì lo bơi, người nghỉ lo tắt nước. Xuống chúng tôi len lỏi, lẩn lộn trong dải thuyền cầu, tàu tuần cũng khó phát hiện ra. Bơi hoài cũng tối, chúng tôi đã thấy trước mặt một vệt cát trắng kéo dài mờ mờ dưới ánh trăng và một lúc sau những lượn sóng nhỏ đã nhẹ nhàng đưa xuống chúng tôi vào bờ. Chúng tôi cùng nhảy xuống, mỗi người một tay rình chiếc xuống nan lên bãi cát. Anh giao liên hương dẫn đem xuống giấu vào các lùm cây, bước chân trên cát nghe rạo rạo vì đây là loại cát trắng, hạt to dùng để chế ra pha lê mà bây giờ ta đang xuất cảng. Bụng đói như cáo, chúng tôi vội vàng mở bánh mì ra ăn, bữa nay được ăn bánh mì mua từ Nha Trang, rồi ngả mình trên đụn cát ngủ một giấc không còn biết xung quanh mình là cái gì nữa. Khi giật mình thức dậy thì mặt trời đã lên cao, chúng tôi đang nằm trên những sườn đồi cát mịn, bao quanh là một rừng nhân mệnh mọc che kín. Mấy ký vàng vẫn còn nằm kín trong hồ bao nịt ngang bụng. Tôi mở hồ bao ra gói đầu cho nhẹ cái bụng một chút. Xa xa có một vài con sóc đang bình tình nhai hạt nhân. Đây là loại nhân rừng nên trái nhỏ và chỉ có một lớp cơm rất mỏng, ăn hơi ngọt ngọt. Nhìn ra ngoài bãi một số ngư phủ đang phơi mực. Hai anh giao liên đã dậy sớm lo nấu cơm và luộc một nồi mực tươi của đồng bào cho. Chỗ này chỉ có một mội nước ngọt đủ để nấu cơm và nước uống cho một số ngư phủ tạm nghỉ ban ngày ở đây. Từ khi có trạm liên lạc thì số lượng nước này cũng được dùng để tắm

thành từng ô ở mũi phía nam của cửa Cam Ranh này. Nó được đặt tên là hòn Đá Vách. Vượt vai con sóng dữ xuống chúng tôi lọt vào một ô bao kín bởi bốn bức tường đá. Không có sóng, chúng tôi có thể buông dầm, ngồi thờ. Chúng tôi đã vượt qua được một thử thách lớn lao chưa từng có của những bước đi đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hầu hết thành viên trong chuyến vượt biển này là thanh niên, ai cũng trưởng thành. Nhưng những người anh hùng là những người đã thường xuyên đưa khách qua lại trước cửa biển Cam Ranh đáy sóng gió này, không biết ai còn, ai mất. Viết lại chuyện này sau nửa thế kỷ, tôi xin với Tổ quốc ghi nhận chiến công thầm lặng, nhưng anh hùng của các anh.

Con mệ vừa qua thì con dới ập tới, mỗi người nhai ngấu nghiền một vát cơm đã thấm vị mặn của nước biển, rồi bơi xuống lao lách qua các khe vách để vào bờ, lên trạm ở phía nam vịnh Cam Ranh trong một vùng căn cứ du kích. Trời gần sáng, đoàn đã đủ mặt. Các thùng bạc xanh, các túi vàng còn đủ, mang được bao nhiêu của cải đến đây kể như hoàn thành nhiệm vụ 80%, đoạn đường còn lại đi đường bộ theo đường giao liên của bộ đội nên bảo đảm an toàn hơn.

Vì đoàn mang theo một số tài sản lớn như vậy nên không thể nghỉ lại vùng du kích phía nam vịnh Cam Ranh mà phải vượt quốc lộ số 1 ngay đêm sau để vào căn cứ của bộ đội Phan Thiết ở vùng núi phía tây. Đoạn đường bộ này rất dài, đi với tốc độ bình thường phải mất một chục tiếng đồng hồ. Đoàn phải băng ngang một vùng trảng trống rộng lớn từ mép quốc lộ số 1 vào chân núi, phải về đến chân núi trước sáng. Mấy ngày liền vượt biển tuy đầy nguy hiểm, nhưng không phải mang vác, đêm nay phải mang vác suốt đêm nên ê ẩm cả thân mình, có người bị phỏng chân, bị chuột rút. Càng về khuya càng mệt, đói và lạnh. Nhưng mọi người cứ cầm đầu, cầm cổ mà đi, khó nhất, mệt nhất vẫn là anh em công thùng bạc xanh. Nếu đi thẳng người thì thùng bạc kéo lại phía sau, nếu khom lưng lúi tới thì thùng bạc đè xuống càng thêm nặng. Tất cả sức mạnh cơ bắp của tuổi 20 đều được huy động để khỏi phải ngã quỵ. Đã thấy rặng cây xanh của rừng núi mà đi hoài không tới, nhưng nhờ thấy mục tiêu nên cứng lên tinh thần và họ kéo cặp trâu lên tới. Ở một khúc sông đi "bằng cái đầu". Nhờ đó mà đã vào rừng trước khi trời sáng.

Sau khi nghỉ vài ngày để lấy lại sức khỏe, chúng tôi lại lên đường về Nam Bộ. Từ đây trên đường đi có bộ đội hộ tống, đến trạm có nhà ở, có vồng nằm, vồng bằng bao bố tời của anh em bộ đội đi chiến đấu để lại hậu cứ, nằm vồng bao bố rất ấm cho nên ngủ ngon giấc, không bị kiến, mối, vắt quấy rầy. Có lần ngủ dưới đất, giạt mình thức dậy, vuốt mặt đụng con vắt đang bám vào mặt mình hút máu. Có đoạn đi đêm được giao liên đốt đuốc đưa đường. Trên đường đi còn phải qua sông, qua đường giao thông có đôn bót địch, nhưng lúc này là gần cuối năm 1947, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã kéo dài hai năm, nên mọi tổ chức đã được kiện toàn, đặc biệt là đường giao liên.

Đoàn về đến Chiến khu 7 an toàn. Máy thùng bạc xanh và gần 20 kg vàng được bàn giao đầy đủ, không mất mát chút nào. Nhận được sự chi viện của Trung ương trong thời điểm này rất kịp thời vì cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đang phát triển đòi hỏi một ngân sách lớn.

NHỮNG ĐOÀN TÀU NGHĨA TÌNH

Thiếu tướng PHÙNG ĐÌNH ẨM

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, núp sau quân Anh, tiếng súng của thực dân Pháp đã nổ ở Sài Gòn mở đầu cho âm mưu xâm lược nước ta lần nữa của chúng. Nhân dân Sài Gòn, nhân dân Nam Bộ đã đứng lên anh dũng kháng chiến chống quân thù. Để chia lửa và tăng cường sức chiến đấu cho quân và dân Nam Bộ, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Trung Bộ đã mở hội nghị quân chính quyết định các chủ trương :

- Bảo đảm thông suốt giao thông để chi viện cho Nam Bộ kháng chiến.
- Huy động nhân dân chống thực dân Pháp.
- Điều động lực lượng từ Bắc và Trung Trung Bộ vào tăng cường cho các tỉnh Cực nam Trung Bộ.
- Lập Ủy ban Quân chính Nam phần để chỉ huy chiến đấu của các tỉnh Cực nam Trung Bộ⁽¹⁾.

Thực hiện quyết định trên, đầu tháng 10-1945 "Vệ Quốc quân" các tỉnh Nam Trung Bộ rầm rập lên đường vào Nam Bộ. Cùng với các đoàn quân Nam tiến của Trung ương, một đại đội Du kích Ba Tư của Quảng Ngãi, hai đại đội và hai trung đội của Quảng Nam - Đà Nẵng, một phân đội của Bình Thuận đã sớm có mặt ở Mặt trận cầu Bình Lợi, ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa... tăng cường sức chiến đấu cho nhân dân Nam Bộ⁽²⁾. Nhân dân các tỉnh Cực nam Trung Bộ sẵn sàng chiến đấu, các phòng tuyến chống địch được thiết lập trên các đường giao thông chiến lược, ở quốc lộ 1, quốc lộ 20, ở Mặt trận Ba biên giới. Quân dân Bình Thuận đã bao vây bức rút 400 quân

(1), (2) Theo *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1995.

địch chạy về Sài Gòn bằng tàu biển ở Phan Thiết và đánh lui 60 xe chở đầy giặc Pháp từ Xuân Lộc theo quốc lộ 1 ra Bình Thuận (19-11-1945). Quân dân Đồng Nai Thượng và Lâm Viên đã chặn đánh đoàn xe 40 chiếc của quân Pháp từ Sài Gòn theo quốc lộ 20 tiến chiếm Blao, Di Linh và Đà Lạt. Trận đánh ác liệt diễn ra ở đèo Chuối (cách Blao 20 km về phía nam) giết chết và làm bị thương 30 tên⁽¹⁾. Đây là trận bị thất bại nặng nề đầu tiên của thực dân Pháp ở vùng rừng núi này.

Riêng ở mặt trận Khánh Hòa, ngày 19-10-1945, quân Pháp (có quân Nhật tham gia) được sự giúp đỡ của quân Anh đã đổ bộ lên Nha Trang, đánh chiếm nhiều vị trí trọng yếu trong thị xã và một số điểm ven biển. Nhân dân Nha Trang đã tiến hành cuộc đấu tranh ngay từ đầu bằng mọi cách : biểu tình thị uy, đình công bãi thị, bất hợp tác, không tiếp tế lương thực cho địch, cùng với cơ quan chính quyền tản cư ra ngoại ô và về nông thôn tham gia chiến đấu và đêm 23-10-1945 quân dân ta tiến hành cuộc tấn công mãnh liệt vào giặc Pháp, bao vây chúng trong thị xã. Mặt trận Nha Trang thực sự bùng nổ, mở đầu cho cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Trung Bộ. Suốt tháng trời quân ta tấn công bao vây quân địch trong thị xã, đánh lui nhiều cuộc phản kích không cho chúng nong ra lấn chiếm vùng nông thôn và giữ vững đường giao thông Nam - Bắc để đảm bảo liên tục vận chuyển lực lượng và vật chất tăng viện cho quân dân Nam Bộ. Do thị xã đang bị quân địch chiếm đóng, nên hằng đêm bộ đội, du kích và nhân dân Nha Trang đã dùng sức người để đẩy các toa tàu chở đầy vũ khí đạn dược, thuốc men và lương thực từ đèo Rù Rì (phía bắc thị xã) vào đến suối Dầu (nam thị xã), để từ đó đầu máy xe lửa móc các toa thành đoàn tàu kéo chạy về Nam Bộ, chi viện cho chiến trường "tiền tuyến" của cả nước⁽²⁾.

Những đoàn tàu ấy mãi mãi đi vào ký ức của nhân dân Nha Trang, nhân dân các tỉnh Cực nam Trung Bộ, đã góp phần với nhân dân Nam Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống xâm lược Pháp với nghĩa tình máu chảy ruột mềm, như lời Bác Hồ dạy : Nam

(1), (2) Theo *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975* - Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

Bộ là máu của máu Việt Nam, thịt của thịt Việt Nam. Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi.

Tháng 12 năm 1995

"CON ĐƯỜNG XUYÊN TÂY" ĐƯA VŨ KHÍ TỪ THÁI LAN VỀ NAM BỘ⁽¹⁾

NGUYỄN THI LOAN

Ngày 7 tháng 7 năm 1995 tại Bảo tàng Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh có cuộc sinh hoạt về những sự kiện lịch sử đáng ghi nhớ của hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống xâm lược của nhân dân ta.

Nhân đề cập đến đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại trên bộ và trên biển, đồng chí Dương Quang Đông đã hào hứng kể lại những ngày gian khổ cùng đồng đội mở "Con đường xuyên Tây" từ đất Thái Lan đưa vũ khí về cho Nam Bộ kháng chiến.

... KHÍ THỂ CÁCH MẠNG CÙNG VỚI TÂM VÒNG, GIÁO MÁC ĐÃ QUA RỒI ! PHẢI CÓ SÚNG ĐỂ ĐÁNH GIẶC

Cướp chính quyền xong, Sài Gòn chỉ giữ được 28 ngày. Từ Sài Gòn, giặc Pháp lần lượt chiếm hết các thị xã, thị trấn của Nam Bộ.

Các lực lượng vũ trang cách mạng "thuốc súng kém, chân đi không..." đành phải lui dần và cuối cùng rút về Đồng Tháp Mười và rừng U Minh - sau này trở thành hai thánh địa của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Nam Bộ "Thành đồng Tổ quốc".

Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ đã nhận định rằng : "Phải tạo cho có súng mới đánh được giặc Pháp xâm lược. Khí thế của cao trào Cách mạng tháng Tám cùng với tâm vòng vạt nhọn, giáo mác trên vai đã qua rồi. Bây giờ phải có súng ! Súng to, súng nhỏ, cỡ nào sẽ nói sau, nhưng phải có súng. Có lòng yêu nước, có lòng can đảm hy sinh, có súng trong tay thì ta mới thắng được giặc cướp nước". Và kết luận : "Phải đi sưu tầm cho bằng được vũ khí".

(1) Bài này viết theo lời kể của đồng chí Dương Quang Đông và một số tư liệu trong nhật ký của đồng chí Lê Văn Một do bà La-o Khiếu Cachi cung cấp.

Thế là "Ban sưu tầm" vũ khí ở nước ngoài được thành lập. Tôi nhận trọng trách này trước Xứ ủy với nhiệm vụ, mà quan trọng nhất là :

Phải gây dựng cho được cơ sở cách mạng trong quần chúng người Việt đang ở nước ngoài để họ tiếp sức, chia lửa với đồng bào trong nước, cụ thể là mua súng, trữ súng và tổ chức vận chuyển về cho Nam Bộ.

Phải tổ chức cho được "con đường xuyên Tây".

Ngày lên đường làm nhiệm vụ, bên cạnh tôi có Út Một và đồng đội 12 người. Nhờ lại những việc đã làm được cho cách mạng và Đảng tin tưởng, ủy thác, tôi không sao quên được các đồng chí đó và cả các đồng chí khác được bổ sung sau này. Nhiều đồng chí đã hy sinh vì dân, vì nước, vì Đảng không chút gợn lòng, một số còn sống đến ngày nay chân đã yếu, mắt đã mờ, tóc đã bạc, nhưng tâm hồn luôn thanh thản vì đã sống, chiến đấu không đến nỗi làm xấu mặt tổ tiên và đã để lại cho con cháu vốn liếng ban đầu về tinh thần và vật chất để xây dựng đất nước bằng người.

Tôi đặc biệt nêu tên Út Một, không phải không có lý do. Út Một là người thân cận nhất của tôi, là một trong những người chỉ huy dũng cảm, thông minh, tận tụy và trung thành suốt đời vì dân vì Đảng không những trên "con đường xuyên Tây" trong chống Pháp mà còn trên những chiếc thuyền không số vượt biển Đông ra Bắc góp phần mở đường môn Hồ Chí Minh trên biển thời chống Mỹ. Út Một tên thật là Abel René, người Việt quốc tịch Pháp. Là con thứ mười một trong một gia đình trí thức, bố làm Đốc học yêu mến văn hóa Pháp mà xin vào làng Tây. Không biết Abel René chịu ảnh hưởng bao nhiêu của nền văn hóa nước Pháp chân chính chỉ biết là khi đang làm thủy thủ trên tuần dương hạm Lamotte Picquet thuộc loại lớn nhất Đông Dương lúc bấy giờ đóng ở trại Francis Garnier (bến Bạch Đằng ngày nay) anh đã dứt khoát vứt bỏ tên Tây, lấy thứ làm tên, lao ngay vào cao trào Cách mạng Tháng 8 và trở thành người Cộng sản trung kiên cho đến cuối đời. Vì vậy anh em thường gọi anh Lê Văn Một là Út Một. Cũng vụ trên tuần dương hạm nhiều năm trước 1945, Út Một đã đi khắp và hiểu biết ranh vùng biển bao

bọc Đông Dương. Tôi biết khả năng này của Út Một và Út Một cũng phần khởi được cùng làm nhiệm vụ với tôi.

Chúng tôi rời kinh Biên Nhị vào ngày 20-6-1946 bằng ghe buồm. Rời bến, buồm căng theo hướng Bangkok. Vì Tổ quốc ra đi, nhìn biển nhìn bờ, lòng tôi ngón ngang trăm mối. Thương anh em ở nhà chắc đang mỏi mắt chờ mong chúng tôi trở về với biết bao hy vọng. Rồi đây ở xứ người, tiếng chưa biết, phong tục tập quán cũng không, ăn ở làm sao đây để gây dựng cơ sở cách mạng? Phải tổ chức cho được "con đường xuyên Tây", nhưng bắt đầu từ đâu và bằng cách gì? Lại còn vàng mang theo - Út Một bỏ trong ruột tượng ngày đêm cột chặt quanh mình. Đến 25 ký để mua súng đạn là vàng thoi, vàng cục chứ không phải là vàng nữ trang. Ở xứ nào giàu có tôi không biết, còn ở xứ ta lúc đó - nhân dân ta đang mặc bố tời, chiến sĩ ta ăn đói mặc rách, bệnh tật không có thuốc men - số vàng đó là một kỳ tích của lòng yêu nước biểu hiện ở các tuần lễ vàng sau ngày độc lập của nhân dân ta. Làm sao để khỏi phụ lòng đồng đội, của dân, của Đảng.

HAI NGƯỜI NAM BỘ ĐI SƯU TÂM SÚNG VỀ ĐÁNH TÂY GẶP NHAU TRÊN ĐẤT THÁI

Sau bốn ngày đêm lênh đênh trên biển, cuối cùng chúng tôi đến được thủ đô Bangkok, tìm nơi tá túc ở một ngôi chùa. Đó là chùa Thi Hòa Thi do sư Báo Ân - người Việt - trụ trì. Hai ngày sau, có một người Thái đến Chùa. Lăn la lăm quen và biết người này là người Thái gốc Việt tên Nai Xà Hoạch. Không ngần ngại gì anh bèn mời chúng tôi về nhà. Mới hay người Việt Nam tha hương ở mọi nẻo đường, dù hoàn cảnh có khác nhau, lòng vẫn hướng về quê cha đất tổ.

Một hôm đang đi trên hè phố, bỗng chúng tôi nghe tiếng gọi đúng tên tôi. Quay lại tôi thấy Trần Văn Giàu. Tôi đoán ngay là Trần Văn Giàu đã cho người điếu tra và nắm chắc là chúng tôi nên mới trực tiếp đón gặp.

Mới bước vào nhà, không kềm chế được vì quá mừng, tôi hỏi ngay :

- Máy qua đây làm gì?

- Trung ương cho tao qua đây để xin vũ khí về cho Nam Bộ kháng chiến. - Giàu đáp.

- Xin ai ?

- Xin Thủ tướng Thái Lan ⁽¹⁾ Phải, xin Thủ tướng Thái Lan. Vì... anh ta đã cùng học bên Tây với tao. Phải đi sưu tầm, đi xin để đưa về cho Nam Bộ chứ. Ở miền Bắc, Trung ương có lắm súng đầu mà đưa vào nhiều được.

- Vậy thì, bọn tao cũng làm nhiệm vụ đó, cũng vì mục đích đó như mày. Mày có tiền bạc gì đem theo không ?

- Không ! Trung ương cho tao sang đây ăn cơm Việt kiều để làm việc này, chứ không có tiền !

- Tụi tao có vàng. Vậy tụi mày, tụi tao làm chung. Vàng đây, đem đi bán để mua súng.

Thế là ở đất Thái Lan, một "Ban sưu tầm" được thành lập. Gọi như vậy vì không dám đặt tên gì khác lời thôi, sợ lộ. Bọn tôi giao luôn 12 đồng chỉ cho Giàu ở lại Bangkok để lo vận động mua súng.

TỔ CHỨC "CON ĐƯỜNG XUYÊN TÂY" THÁI LAN - CAO MIÊN - NAM BỘ

Ở Bangkok, như vậy là đã yên một bề.

Tôi cùng Sơn Ngọc Minh ⁽²⁾ quay xuống biên giới Kô Kông lo tổ chức "con đường Xuyên Tây". Thăm gia có một số anh em như Bông Văn Dĩa, anh Thọ, anh Thọ, anh Lầu... do anh Thánh chịu trách nhiệm chung. Tôi không thể quên được nhân vật quan trọng này - "Hội đồng Thánh", thành viên Hội đồng địa hạt Phú Quốc, một nhân sĩ có vai vế. Tư sản, trí thức ngày đó cũng dám đảm nhiệm những công việc "tây trời" do cách mạng giao cho. Không hiểm lắm đâu. Không biết trí thức trẻ ngày nay nghĩ sao khi đọc những trang sử hào hùng của dân tộc ta về thời ấy.

(1) Thủ tướng Thái Lan lúc đó là ông Pradi Phnomyong.

(2) Sơn Ngọc Minh lúc đó là cán bộ cách mạng Campuchia, trong kháng chiến chống Pháp là Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng Campuchia. Chủ tịch Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia.

Một đoàn ghe biển được tổ chức. Lúc đầu có hai chiếc kiểu Phú Quốc, người cũng ở đảo Phú Quốc quen thuộc vùng biển này, chạy tới chạy lui xem thử tình hình. Lúc bấy giờ Út Một cũng ở biên giới Kô Kông trong gia đình ông bà Bươn Khiếu Cachi, được ông bà rất thương : "Tao thương Út Một còn hơn con trong nhà. Nó xa cha, xa mẹ, phải rời quê hương lo việc nước...". Về sau ông bà gả cô con gái tên La-o Khiếu Cachi⁽¹⁾ cho Út Một.

Thế là, mặc nhiên trạm đầu tiên của "con đường xuyên Tây" được thành lập, đặt ngay tại nhà của La-o Khiếu Cachi. Út Một làm trạm trưởng và thêm anh Nguyễn Văn Nhân. Tổ chức được trạm bên này còn phải có trạm bên kia biên giới để khi nào trạm bên này qua, bên kia lại, chứng tỏ tình hình an toàn mới đưa súng đạn xuống ghe vượt biên giới về nước. Trạm thứ hai do Bông Văn Địa làm trạm trưởng. Đại thể là như vậy. Nhưng thật ra làm được việc đó "thiên nan vạn nan", không sao kể xiết.

SÚNG THEO VOI, ĐẠN ĐEO LƯNG NGƯỜI VƯỢT QUA BIÊN GIỚI

Tổ chức xong hai trạm, tôi trở về Bangkok. Giàu đã mua được súng. Lúc ấy súng ở Thái Lan dễ mua lắm. Dân có súng. Ngay cả trong bốp đăm của phụ nữ Thái Lan cũng thường có súng lục. Súng trường thì mua của lính. Chỉ có điều cần chú ý là không để quá lộ liễu. Có súng rồi lại lúng túng không biết tập trung ở đâu. Cuối cùng sư Bảo Ân nhận đưa tất cả vào chùa.

Út Một ở Kô Kông đã tổ chức được 10 xe bò, 10 con voi và lực lượng vận chuyển 70 - 80 người gồm cả Việt kiều và người Khmer lên Bangkok tiếp nhận vũ khí đưa về bên này biên giới thuộc Thái Lan và từ đó qua trạm 2 trên đất Campuchia để về Nam Bộ.

Út Một phân phối đi từng chuyến. Voi mang 200 ký, người 50 ký đeo sau lưng công đi. Đi lần theo chân núi Tà Lơn. Ngày đi đêm nghỉ vượt qua núi đôi sông suối. Lên núi đi một ngày đường, xuống

(1) Chị Út Một - La-o Khiếu Cachi - nay cư ngụ ở thành phố Hồ Chí Minh cùng với các con, cháu. Ảnh hưởng của chị Út Một đến anh Khiếu Cachi, người chủ bộ phận Kô Kông thời chống Pháp, sau này bị bọn Pôn-Pốt - Yăng Sác giết hại.

núi cũng một ngày đường. Đi xuống khổ hơn đi lên. Gian nan khó cực không sao kể hết, voi chết mất hai con...

Cuối cùng cũng đến được Long Châu Hà⁽¹⁾ súng không thiếu một cây, đạn không mất một viên. Giao súng đạn ở hai chỗ: Bái Ớt (Hà Tiên) và Kinh Tư vùng núi So, núi Côm.

Anh em hoàn thành được chuyến đi vô cùng phấn khởi nhưng vẫn cứ băn khoăn: súng đạn mang về quá ít. Phải tính cách khác thôi!

CHUYỂN SÚNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN TỪ GHE THUYỀN ĐẾN TÀU ĐỘC LẬP VÀ CHIẾN THẮNG

Đường bộ nặng nhọc mà được ít súng, phải tính vận chuyển bằng đường biển. Chúng tôi cho lấy hai chiếc ghe Phú Quốc. Chiếc lớn 10 tấn, chiếc nhỏ 4 tấn. Đây là chuyến đầu tiên bằng đường biển.

Tháng 7-1946 về đến mũi Cà Mau, đi vào Rạch Gốc, nhưng đoàn thuyền đi lạc đến Ông Trang, xã Viên An. Xứ ủy cho người đến nhận, người đầu tiên là Nguyễn Hữu Phước, người thứ hai là Hoàng Dư Khương, nhưng vẫn không hết. Làm sao bây giờ? Để súng bậy bạ, Tây vô, mất súng. Chúng tôi bèn tổ chức cho bộ đội Cửu Long I đi đánh mấy trận. Tôi phiên mình, Út Một lấy một trung đội đi đánh Đám Dơi (xã Tân Duyệt bây giờ), cướp được thêm một số súng. Quả là có bột mới gột nên hồ.

Xứ ủy nghe được, rất vẻ, không cho đi đánh nữa để tiếp tục đi mua súng.

Đường biển cũng lắm gian nan. Lăn thì gặp địch, khi thì sóng to gió lớn, lăn thì ghe mắc cạn, khi thì bị máy bay phát hiện bắn nát ghe, tàu địch đến tiếp - mất hết! Không ít đồng chí đã hy sinh.

Tôi nhớ có một lần, đoàn ghe gặp gió "lông chung". Cái thứ gió này người đi biển có nghề cũng sợ. Đi không được, dậm dại vô Phú Quốc, ngẫu nhiên vào đúng "bến ngự" của vua Gia Long hồi trước. Phải đậu ở đấy đến một tháng trời. Không còn gì để ăn, phải

(1) Long Châu Hà là vùng đất gồm Long Xuyên, Châu Đốc và Hà Tiên.

đi đào củ chuối rừng. Trái chuối rừng không ăn được, củ thì ăn được, nhưng lại bị cái nạn táo bón hành hạ rất khổ sở. Rồi thì cũng có ngày trời yên gió lặng. Đến nơi, giao được súng... Lại trở qua Thái Lan, đi rồi về, rồi lại đi... Đi về mái, đường đi nước bước, tính nét dòng đánh của sóng gió vịnh Thái Lan, anh em thuộc nằm lòng bao giờ không hay.

Sau này "hiện đại" hơn, anh em vận chuyển vũ khí bằng tàu. Nói là tàu cho oai nhưng thực ra chỉ là những chiếc ghe máy. Tàu *Độc Lập* trọng tải rất khiêm tốn không ra khơi được, chỉ chạy men theo bờ Vịnh. Tàu *Chiến Thắng* lớn hơn, trọng tải 50 tấn. Út Một làm thuyền trưởng, Bông Văn Địa - chính trị viên.

Bà con hai bên bờ các con sông lớn miền Tây Nam Bộ thường nhìn thấy các con tàu, mái thành quen, chỉ có trẻ con không sót lần nào khi nghe tiếng máy tàu tứa ra chạy dọc theo bờ sông reo mừng. Chắc rằng thuở ấy, bà con không biết những chiếc tàu đó có nhiệm vụ quan trọng như thế nào đâu. Những chiến công thầm lặng đó đã góp gió thành bão cho quân dân Nam Bộ thêm vũ khí đánh cho "Tây thua" và chắc chắn đã cống hiến phần nào vào ý tưởng vĩ đại mở con đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại sau này.

Tôi đi làm cách mạng thuở còn trai trẻ. Vào Đảng với thành phần tiểu tư sản học sinh... Qua hai cuộc kháng chiến, một phần cuộc đời tôi gắn bó với thuyền và biển. Nhiều bạn bè, đồng chí gắn gũi biết rõ những gian nguy trên biển cả đã khuyên tôi : "Mày đừng theo biển nữa. Có ngày bị chết sớm!". Tôi thậm cảm ơn sự quan tâm của bạn bè đồng chí nhưng tôi nghĩ, nếu chết thì đã sao? Vậy mà tôi vẫn chưa chết. Nay tôi đã 93 tuổi rồi. Tôi biết lái tàu, và lái tàu giỏi nửa kia. Biết rằng không ai cưỡng lại được quy luật của tự nhiên, nhưng vẫn "ước gì ngày nay tôi trở lại được thời tráng kiện khi xưa để tiếp tục làm thủy thủ trên con thuyền của Đảng, lại rẽ sóng ra khơi".

dựa lưng vào nhau trong chiến tranh du kích. Tôi thay mặt Thành ủy, trực tiếp phụ trách hộ 17 và hộ 18. Ngoài làm nơi hội họp của Thành ủy lâm thời, hộ 17 còn là nơi đặt Ban biên tập và nhà in báo *Chống Xâm Lãng* và trường huấn luyện cán bộ của Việt Minh. Chúng tôi đều ở trong nhà dân như nhà anh Ba Ngưu, anh Sáu Biểu, anh Ba Thới... được du kích và công an vũ trang canh gác.

Trong suốt năm 1946 và nửa năm 1947, địch không dám hành quân vào đây mặc dù về thực tế lực lượng của chúng tôi không lớn mấy, vũ khí kém. Cái hiệu quả lớn nhất là sự ẩn hiện của chúng tôi và khả năng tập kích bất ngờ. Mỗi khi địch hành quân, đến sông Cây Dương thì dừng, chỉ sang sông báo nhau : *Đất Cự Hồ đỏ*. Đồng bào hộ 17 rất hãnh diện về một lăm căn cứ thực sự là vùng tự do của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Xin nói thêm vài lời về báo *Chống Xâm Lãng*. Đó là tờ báo của Việt Minh, của Thành ủy do đồng chí Trịnh Đình Trọng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút ; Ban biên tập có đồng chí Nguyễn Mạnh Hoan, Liễu Châu và tôi. Số 1 của tờ báo ra đúng ngày 1-1-1946. Bài báo cách mạng chính thức đầu tiên của tôi đăng báo cũng trong số này, bài nhận định về tình hình thế giới sau chiến tranh thứ hai. Tờ báo được viết trên giấy sếp do anh Ngô Liên cung cấp. Người viết giấy sếp là anh Hồng (tên thật là Hậu). Tờ báo in đến hàng nghìn số bằng rouleau a dao, manchette đúc cao su. Bộ phận phát hành do anh Tư Chi, Phó bí thư Thành ủy cùng chị Sáu Vân (sau này là vợ đồng chí Trịnh Đình Trọng), chú Mười (em của chị Sáu) cùng một số đồng chí khác phụ trách. Hai người của *Chống Xâm Lãng* vào thời điểm này đã hy sinh do liên quan đến tờ báo : anh Hồng và chú Mười - trên đường đi họ bị công an khám, bắt được các tài liệu báo *Chống Xâm Lãng*.

Tôi cũng xin nói về lớp huấn luyện Việt Minh. Tôi phụ trách một số lớp nay không nhớ rõ là mấy lớp. Lứa học đầu tiên, ngoài anh Hồng, các đồng chí Bí thư chi bộ các hộ còn có một người mà tôi nhớ mãi : anh Tý, làm ở Sờ lúa gạo, người hộ 18, theo đạo Hòa Hảo. Anh là học sinh xuất sắc của khóa I và anh xin vào Đảng khi kết thúc khóa. Nhưng năm 1947, anh Tý đứng đầu các tài liệu của Thành ủy và trực tiếp làm Bí thư quận 3 ; anh tập kết ra Bắc khi đình chiến.

Chương trình giảng dạy của chúng tôi gồm chủ nghĩa Các Mác phổ thông (lấy tài liệu của anh Hải Triều), chương trình Việt Minh, công nhân vận động, năm bước công tác cách mạng. Anh Trịnh Đình Trọng, Nguyễn Mạnh Hoan, Liễu Châu và tôi thay nhau giảng. Có thể nói đó là một trong những tiền thân của trường Đảng cấp thành phố.

Từ sau sự biến Bình Xuyên - Bảy Viễn đầu Tây - hồ 17 bị đánh từ bên trong, lực lượng tổn thất nghiêm trọng. Nhiều đồng chí hy sinh và nơi đây trở thành địa bàn của đám phi Bình Xuyên phản động.

Một hộ thuộc loại nhỏ của Sài Gòn - Chợ Lớn nhưng có một lai lịch không nhỏ. Vùng Hồ Bán nổi tiếng ngay trong đánh Mỹ, lúc công tác ở Bộ Tư lệnh Tiền phương Nam, anh Võ Văn Kiệt và tôi đã đến đây trong chiến dịch Tết Mậu Thân, vẫn dựa vào cơ sở năm xưa. Thành phố có nhiều địa danh như hồ 17, tôi chỉ nói một trong những địa danh mà tôi biết rõ, từng lăn lộn với nó...

9-1995

NHỚ ĐỒNG THÁP MƯỜI, "THỦ PHỦ" CỦA NAM BỘ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN

HUỖNH MINH HIẾN

BÁO KÈN GỌI LINH, CON ĐƯƠNG ĐUA TÔI VÀO KHÁNG CHIẾN

23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp chiếm lại Sài Gòn - Chợ Lớn. Tôi và một số anh em rời Sài Gòn gia nhập Ban Tuyên truyền của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, đứng đầu là anh Trần Bửu Kiếm.

Chúng tôi tất cả khoảng mười lăm người tập hợp tại nhà báo *Kèn gọi linh*. Được tin quân Pháp đánh rộng ra, chúng tôi di chuyển đến Thủ Thừa rồi vào ven Đồng Tháp Mười trên một chiếc ghe máy, kéo theo một ghe chài. Di chuyển, dừng lại một thời gian ở nơi nào đó rồi lại di chuyển tiếp. Làm việc trên ghe, Báo *Kèn gọi linh* được xuất bản đều đặn. Anh Võ Thế Quang (bây giờ là giáo sư ngành răng hàm mặt) và tôi in bằng máy rô-nê-ô quyển *Du kích chiến tranh* và quyển *Đánh lâu dài*. Tôi mê tài năng của anh Đào Trọng Sốt, cử nhân luật, mới cách đó ít lâu còn làm thư ký cho Thống đốc Nam Kỳ Hốp-fen. Hằng ngày anh ấy nghe các giờ phát thanh tiếng Pháp, ghi tốc ký, vừa đọc bản tốc ký vừa đánh máy, mười ngón tay gõ lia trên bàn phím thật là bay bướm, làm thành những bản tin phục vụ cho báo. Làm việc năng suất cao như vậy gây cho tôi, người mới rời ghế nhà trường, ấn tượng rất sâu sắc.

Chưa bao giờ tôi thấy không khí làm việc tích cực và vui tươi như lúc đó. Ai cũng nghĩ rằng không lâu sẽ chiến thắng trở về Sài Gòn. Chúng tôi ra những số báo tuyên truyền cho cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi có phần thắc mắc vì sao còn đang kháng chiến chộn rộn mà phải tổ chức Tổng tuyển cử, nhưng rồi không bao lâu được tin tất cả các tỉnh Nam Bộ đều bầu cử số đại biểu Quốc hội với số người đi bầu rất đông.

Đoàn chúng tôi dừng lại làm việc một lúc tại Cao Lãnh. Vừa rời Cao Lãnh để di chuyển xuống Miền Tây, toàn đoàn bị Đệ tam Sư đoàn bắt giữ, tịch thu hết ghe thuyền và máy in, Riêng anh Trần Bửu Kiếm và người phụ trách điện đài liên lạc với Trung ương thoát đi được trên chiếc ca-nô nhỏ. Đệ tam Sư đoàn thuyết phục chúng tôi hợp tác với họ, chúng tôi từ chối, họ giam chúng tôi ở một nhà gần chợ Cao Lãnh. Được ít hôm, từ nhà giam chúng tôi nghe xa xa tiếng đạn đại bác bắn từ tàu Pháp. Đệ tam Sư đoàn lo rút chạy, họ thả chúng tôi, chỉ bắt theo anh em thợ nhà in. Số anh em còn lại phân tán đi theo hoàn cảnh của từng người. Tôi và anh Tâm Chấn ở lại nhà bà ngoại tôi trên Rạch Cái Sấu.

Quân Pháp vào Cao Lãnh. Có lần hai tên lính Pháp mang súng vào trong sân nhà nhân quanh một lượt rồi đi. Hai chúng tôi ăn Tết ở đây thật buồn tẻ... Không lâu tôi bắt được liên lạc và tìm đến anh Trần Bửu Kiếm đang ở nhà người chú ruột tại Ô Môn tỉnh Cần Thơ. Anh Tâm Chấn thì trở về Sài Gòn hoạt động trong đội biệt động. Báo *Ken gọi linh* tiếp tục xuất bản ở đây với máy in chữ chì. Bên cạnh báo tiếng Việt, có ra cả báo tiếng Pháp dành cho Sài Gòn. Một hôm tôi cùng anh Bình chèo xuồng đưa báo về Cao Lãnh giao cho anh Lê Văn Nhân phân phối. Tôi đến Cao Lãnh hôm trước thì hôm sau thấy anh Kiếm tới trên mình chỉ còn cái quần đùi. Thì ra quân địch đã bao vây nhà, anh Kiếm chạy thoát không kịp mặc quần áo. Tôi nghĩ bụng : may quá, nếu còn ở đó chắc mình bị tóm rồi ! Tôi phải về nhà cha mẹ ở thị xã Sa Đéc "chờ thời" mấy tháng.

CÁC CƠ QUAN NAM BỘ Ở ĐÔNG THẬP MƯỜI, NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG QUÊN

Tháng 4 năm 1947, một người liên lạc quen biết đến nhà để đưa tôi ra chiến khu. Tôi từ giả cha mẹ và chị em, anh Huỳnh Minh Châu, anh ruột của tôi đã vào Đông Thập Mười trước rồi. Trong nhà ai cũng xem việc tôi ra đi là đương nhiên, mẹ tôi thương tôi lắm, nhưng không ngăn cản. Trong lúc nghỉ "chờ thời" tôi nhận dạy học cho con ông Trưởng tiên tình Sa Đéc (như giám đốc Sở Giao thông công chính bây giờ). Hai vợ chồng ông ấy người Việt, quốc tịch Pháp, vợ chồng con cái trong nhà sử dụng tiếng Pháp, tại đó tôi nhận học ở trường

Tây (trường Lê Quý Đôn bây giờ) mới bị đuổi học do hoạt động gì đó. Dạy học chưa được một tháng, tôi đến xin thôi dạy, nói thật với ông bà là tôi phải ra bung biển kháng chiến. Ở tỉnh tìm một người thay tôi không dễ, nhưng ông bà vẫn vui lòng, dặn tôi giữ bí mật không nói cho ai biết.

Anh liền lạc và tôi đi nhờ một chiếc ghe buồm chạy dọc theo kênh Dương Văn Dương. Ghe xuống đi lại không nhiều lắm, nhưng gặp ghe nào người ta cũng cho đi nhờ. Chủ ghe mời hai chúng tôi ăn cơm với xoài chín ; tôi ăn ngon lành, người hết sức phấn chấn.

Hai giờ chiều ngày hôm đó, anh Trần Bửu Kiếm giới thiệu tôi với anh Phạm Ngọc Thuần và tôi bắt đầu làm việc với chức vụ Trưởng văn phòng của quyền Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Nam Bộ.

Khi quân Pháp đánh rộng ra chiếm gần hết các đô thị và kiểm soát các đường giao thông chính, cơ cấu chính quyền ở Nam Bộ bị xáo trộn một thời gian ngắn rồi được tổ chức lại rất nhanh ở tất cả các cấp. Anh Phạm Văn Bạch - Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Nam Bộ lúc bấy giờ, đã ra ở miền Nam Trung Bộ. Vào những tháng cuối năm 1946 Ủy ban Hành chánh Nam Bộ được tổ chức lại ở Đồng Tháp Mười với các anh Phạm Ngọc Thuần làm quyền Chủ tịch, Ung Văn Khiêm - Ủy viên nội vụ, Nguyễn Bình - Ủy viên quân sự, Nguyễn Tự Do - Ủy viên xã hội và Trần Bửu Kiếm làm Tổng thư ký. Ông Nguyễn Bình làm Tư lệnh Khu 7, sau đó làm Tư lệnh Bộ tư lệnh Nam Bộ thường ở phía gần sông Vàm Cỏ Tây, trong thực tế không làm việc ở Ủy ban Hành chánh Nam Bộ cho nên tôi ít được gặp. Khoảng giữa năm 1947, Ủy ban được bổ sung thêm anh Nguyễn Ngọc Nhựt, kỹ sư ở bên Pháp mới về là con của ông Đốc phủ Tương, người đứng đầu phái Cao Đài Ban chính ở Bến Tre. Nhưng không được bao lâu anh Nguyễn Ngọc Nhựt bị bắt trong một trận Pháp nhảy dù ở Đồng Tháp Mười, sau đó hy sinh trong tù.

Các cơ quan Nam Bộ : Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam Bộ, các sở Kinh tế, Tài chính, Thông tin, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông liên lạc, Viện Văn hóa kháng chiến, xưởng Vô tuyến điện, đài Tiếng nói Nam Bộ, Viện Khoa học, Văn phòng và Ủy Nam Bộ Đảng Cộng sản, Kỳ ủy Nam Bộ Đảng Dân chủ, Thanh niên Cứu

quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Bộ Tư lệnh Khu 8, Ban chỉ huy Quốc vệ đội Nam Bộ v.v... đóng rải ra và di chuyển trên các bờ kênh Dương Văn Dương, kênh Nguyễn Văn Tiếp, kênh 4 Bis, kênh Cái Bèo, nơi ở tập trung nhất và dài ngày nhất là kênh Dương Văn Dương, đoạn thuộc hai xã Nhơn Hòa Lập và Hậu Thạnh, nhà dân thưa thớt, hầu hết là nhà lá, nhà đủ rộng cho cơ quan ở nhờ không nhiều. Trên hai bờ kênh Dương Văn Dương các cơ quan bắt đầu cất nhà lá, sườn nhà bằng cây tràm. Tôi còn nhớ nhà nhỏ mà xinh xắn nhất là nhà của Sở Tài chính, cửa có căng vải mùng chống muỗi. Không phải vì Sở Tài chính giữ tiền nên làm nhà đẹp mà do tiền riêng của Luật sư Nguyễn Thành Vinh - Giám đốc sở. Nhà anh Phạm Ngọc Thuận và anh Trần Bửu Kiếm ở kế nhau, đi lại phải qua cầu tre nhỏ bắc qua cái mương. Gần đó thì có điện đài thu phát tín liên lạc với Trung ương và các tỉnh; ăng-ten căng trên hai ngọn tầm vông cao; mỗi lần nghe tiếng máy bay thì phải nhanh chân chạy ra hạ cột ăng-ten xuống. Văn phòng quyền Chủ tịch lúc tôi mới đến chỉ có anh Thuận, tôi, hai người nữa vừa làm bảo vệ, vừa làm bếp, vừa chèo xuồng và một chú nhỏ làm liên lạc. Bên văn phòng Tổng Thư ký thì ngoài anh Kiếm có anh Chất phụ trách in rô-nê-ô, chị Nga làm mặt mã - ít lâu sau chị Nga chuyển sang công tác ở Phụ nữ Nam Bộ lấy tên là Phương Điện, ngoài ra còn một anh làm tạp vụ. Chị Nga, anh Chất và tôi nhanh chóng trở thành những người bạn thân thiết. Văn phòng Nội vụ ở hơi xa chúng tôi, thỉnh thoảng mới thấy anh Ung Văn Khiêm đến làm việc với anh Thuận và anh Kiếm.

Sở Giao thông liên lạc Nam Bộ ở cách chúng tôi chừng 400 m do anh cô Thức làm Giám đốc. Tôi không rõ cái đường dây liên lạc tổ chức như thế nào. Các công văn từ văn phòng Tổng thư ký phát hành đều đưa đến đó. Mỗi tuần hai hoặc ba lần chúng tôi nhận được khá đủ báo Sài Gòn từ những tờ có cảm tình với kháng chiến đến những tờ phản động nhất, có cả báo tiếng Pháp. Tôi nhận đều đặn báo cáo hàng tháng của các Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh, báo cáo đánh máy khoảng 15 trang viết theo những đề mục được quy định thống nhất.

Cũng trong năm 1947, văn phòng chúng tôi có thêm chị Tư

Khanh với nhiệm vụ đánh máy và liên lạc về Sài Gòn. Chị Tư về Sài Gòn khoảng ba tháng một lần, khi trở ra lần nào cũng mang theo bạch thư của anh Hoàng Quốc Tấn bí danh là anh Ven. Luật sư Hoàng Quốc Tấn ⁽¹⁾ có quốc tịch Pháp có vợ là người Pháp đang ở Sài Gòn. Bạch thư viết bằng nước cơm, chữ lộn hết như giấy trắng, tôi lấy cồn i-ốt thoa lên chữ hiện ra rất rõ. Qua các bạch thư tôi được biết các xu hướng và hoạt động của trí thức thành phố với nhiều người có tên tuổi như kỹ sư Lưu Văn Lang, nhà Ngân hàng Michel Văn Vy, trạng sư Trịnh Đình Thảo, bác sĩ Trần Quang Đệ, bác sĩ Trần Kim Hữu, dược sĩ Hồ Đắc Ân, Trần Kim Quan, Bùi Quang Tùng v.v... Luật sư Bùi Thị Cẩm ⁽²⁾ - vợ của anh Phạm Ngọc Thuấn, có mấy lần ra Đông Tháp Mười và vào căn cứ U Minh, đi về đều an toàn. Có một lần luật sư Nguyễn Hữu Thọ từ Sài Gòn ra ở Văn phòng chúng tôi một tuần rồi trở vào Sài Gòn. Lúc đó anh Thọ nói tiếng Việt chưa được suôn sẻ lắm, anh ấy và anh Thuấn quen miệng nói với nhau bằng tiếng Pháp.

Viện Văn hóa kháng chiến ở không xa chúng tôi đang xuất bản tờ báo tiếng Pháp *La Voix du Maquis (Tiếng nói Bưng biền)*; báo in chữ chì, khổ nhỏ, khá đẹp, chủ yếu đưa vào Sài Gòn. Những cây bút lúc đó là Phạm Ngọc Thuấn, Hoàng Xuân Nhị, Trương Tấn Phát, Nguyễn Ngọc Nhựt, Thu Râu (Nguyễn Văn Thu, ở Pháp về)...

Thỉnh thoảng tôi đến thăm các anh kỹ sư Lê Tâm, kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt và kỹ sư Võ ở phòng Quân giới Nam Bộ. Các anh đang nghiên cứu và thử nghiệm đạn lõm, là đạn cho súng chống tăng. Các anh cho tôi mượn sách từ Pháp mới mang về.

Ban chỉ huy Quốc vệ đội Nam Bộ ở rất gần chúng tôi: đây là đội quân có nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan Nam Bộ, chỉ huy trưởng là anh Nguyễn Thiện Hành, một hạ sĩ quan thời Pháp. Ở đây tôi làm quen với nhạc sĩ Trần Kiệt Tường. Một số buổi chiều, ngồi hóng mát trên bờ kênh, anh ấy cho tôi nghe bài hát mới vừa sáng tác.

Cũng năm 1947, một đợt trí thức từ Sài Gòn ra chiến khu: bác

(1) Luật sư Hoàng Quốc Tấn là cha đẻ của Hoàng Quốc Tấn.

(2) Luật sư Bùi Thị Cẩm là cháu gọi Bùi Quang Chiêu bằng bác.

sĩ Nguyễn Văn Hương, các giáo sư Nguyễn Văn Chì, Lê Văn Chí, Lê Văn Cẩm v.v.... cụ Đốc phủ sứ Phan Văn Chương - đang làm Đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn bỏ nhiệm sở ra kháng chiến - được bổ nhiệm làm Đồng lý văn phòng Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, ở chung nhà với anh Trần Bửu Kiếm.

Anh Ngô Tấn Nhơn - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, anh Phạm Ngọc Thạch - Bộ trưởng Bộ Y tế của Chính phủ Trung ương về tới Đồng Tháp Mười. Các anh làm việc với danh nghĩa phái viên của Trung ương.

Năm 1948 anh Phạm Văn Bạch về tới cùng đi với đội quân của anh Thanh Sơn. Buổi liên hoan đón tiếp tổ chức vào một buổi tối trên bờ kênh Dương Văn Dương. Anh Nguyễn Văn Vĩnh - Chính ủy Chiến khu 8, có phái đến một bộ phận của Đoàn văn công Chiến khu 8, trình diễn một số tiết mục nhỏ rất vui. Tôi bắt đầu làm quen với anh Huỳnh Văn Minh cũng gọi là Tư Lập, người phụ trách văn phòng của anh Phạm Văn Bạch, và chúng tôi trở thành bạn bè thân thiết cho đến bây giờ.

Kênh Dương Văn Dương lúc tôi mới đến muối nhiều không thể tưởng tượng được. Ban đêm phải un khói, khói đủ để xua muối đi thì mình cũng không còn chịu nổi. Chúng tôi phải dúi chân vào những cái bao báng. Anh Năm Thuận mặc cái mũng to và làm việc trong mũng. Đi đại tiện là điều khổ cực; tôi phải đợi trưa, trời thật nắng; vậy mà bước ra vườn thấy muối bay theo từng đàn, phẩy tay một cái trúng không biết mấy con. Thế nhưng không bao lâu khi kênh Dương Văn Dương trở thành "Thủ phủ" của Nam Bộ, nhịp sống tăng lên, muối giảm rất nhiều. Quán anh Tư Thừa và quán di Ba trở thành nổi tiếng. Người di lại thuộc mấy dòng chữ trên cổng quán di Ba: "Ai đi công tác gần xa, đừng chân ghé quán di Ba dờ lòng". Mỗi lần có chiêu đãi đồng người, chúng tôi mới di Ba làm bếp trưởng, di Ba làm tận tình mà không nhận thù lao.

Hằng năm Quốc khánh được tổ chức trang trọng; mít tinh quán chúng làm ngoài trời ban đêm. Tôi vẫn còn nhớ hội chợ đêm 2-9-1947 tổ chức gần chợ Mỹ An trên kênh Nguyễn Văn Tiếp. Đèn măng-sông thấp sáng, người đi đông nghịt. Tôi mua ở quán đường

tron, tôi trượt ngã bán quần áo, nhưng không ướt cặp bàng đựng tài liệu - lúc đó đi đâu tôi cũng mang theo cặp tài liệu như vậy. Ở Hội chợ, lần đầu tôi được xem bức tranh lớn chân dung Bác Hồ do họa sĩ Diệp Minh Châu vẽ bằng máu của mình.

Lễ Noel năm nào cũng tổ chức ban đêm tại nhà thờ Nhơn Hòa Lập. Chính quyền địa phương giúp sức rất nhiều. Anh Thuận và tôi dự buổi ăn khuya rất đông vui, tôi không phân biệt được ai là người trong đạo, ai là người ngoài đạo.

Đêm 30 Tết, Ủy ban tổ chức buổi chiêu đãi các anh phụ trách đầu ngành khoảng bốn mươi người. Hai năm liền làm tại cái nhà rộng có cây vú sữa ở sân trước mà nhiều người biết. Bữa ăn dì Ba nấu lần nào cũng ngon. Sáng mồng một Tết tôi trở lại đó trông coi dọn dẹp, nghe tiếng máy bay, tôi vọt ra sau nhà nhảy nấp bên bờ mương. Hai chiếc cường kích bay rất thấp tới bán ngay hai loạt đại bác 20 ly rồi bay thẳng. Khói mù và nục nóng mùi thuốc súng, mảnh đạn làm thủng lỗ chỗ những tấm đệm bàng lót trên nền nhà, mọi người vô sự, chỉ một chú gà con lòi ruột nằm chết ngoài sân.

Theo lệ, mỗi tối thứ bảy có buổi học hội do Sở Thông tin tổ chức, lần lượt thuyết trình các vấn đề chính trị. Thuở ấy đối với mọi người chính trị còn a, b, c lắm. Cán bộ các cơ quan đến dự rất đông, xuống đậu chật bến. Chương trình được phổ biến trước, đúng ngày thì đến dự, không cần gửi giấy mời. Lần đầu tiên tôi được nghe anh Hà Huy Giáp nói về phép duy vật biện chứng. Nghe thật là mới mẻ, đèn không đủ sáng để ghi chép, nhưng trí nhớ và sức tiếp thu của tôi lúc đó tốt lắm, sau buổi học tôi có thể nói lại không mất bao nhiêu. Anh Trịnh Đình Trọng, anh Huỳnh Tấn Phát ở Sở Thông tin có thuyết trình một số đêm về những đề tài gì đó về chủ nghĩa Mác - Lênin mà tôi không còn nhớ. Tôi được giao nhiệm vụ thuyết trình trong hai tối vấn đề Nhà nước và cách mạng. Tôi chuẩn bị khá kỹ, nhưng vì vốn sống của tôi còn quá ít cho nên thuyết trình của tôi có phần sách vở và kém sinh động.

Thỉnh thoảng Hội sinh viên có tổ chức những cuộc nói chuyện. Có lần anh Phạm Ngọc Thuận (anh Thuận ở Ban sinh viên là chính trị) - thuở đó có lương tư tưởng sinh viên trí thức phi chính trị - tôi

ghi lại khá đầy đủ và Hội sinh viên in thành một tập sách nhỏ.

Hoa kiều vụ Nam Bộ do anh Trương Lai (Phạm Dân) phụ trách. Có lần tôi đến đây nghe thuyết trình về lịch sử cách mạng Trung Quốc. Ở đây tôi làm quen với các anh người Hoa : Ngô Liên, Trang Dung, Trương Đức và học được vài bài hát cách mạng Trung Quốc ; đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ và hát được bài "Đông Phương Hồng".

Tôi không quên được việc Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ tiếp Bảy Viễn trên bờ kênh Dương Văn Dương. Sau Cách mạng Tháng Tám, các lực lượng Bình Xuyên hợp tác với ta chống Pháp. Dương Văn Dương lãnh tụ cao nhất của Bình Xuyên chết trận lúc kháng chiến mới bắt đầu. Ta lấy tên đặt cho một trong hai kênh lớn nhất và dài nhất của Đông Tháp Mười. Bảy Viễn đang chao đảo, bên cạnh ông ta luôn luôn có hai cố vấn Lại Hữu Tài và Lại Văn Sang là người của Phòng nhì Pháp. Chúng ta cố gắng giữ Bảy Viễn với kháng chiến. Mời Bảy Viễn từ rừng Sác, vào Đông Tháp Mười làm việc với Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ là do sự sắp đặt của anh Ba Duẩn. Về mặt công khai anh Ba là Trưởng phòng Dân quân Nam Bộ, nhưng tôi hiểu anh là người có quyền lực nhất trong bộ máy kháng chiến ở Nam Bộ. Lần đầu biết anh Ba, tôi đã rất thán phục về tinh thần cách mạng, hiểu biết sâu rộng và những ý kiến chỉ đạo sắc sảo của anh Ba.

Bảy Viễn mang theo một lực lượng quan trọng. Tôi đi qua chỗ đóng quân Bình Xuyên thấy một đại bác 20 ly và một số trung liên đặt trước sân. Cuộc làm việc với Bảy Viễn không có kết quả. Từ Đông Tháp Mười về, Bảy Viễn kéo quân đi theo Pháp.

CUỘC DU HÀNH 3 TỈNH MIỀN TRUNG

Bước vào mùa nắng. Đoàn quân lên đường có các anh Phạm Ngọc Thuán, Trần Văn Trà, Diệp Ba, cụ Phan Văn Chương. Anh Trần Văn Trà lúc đó là Tư lệnh Chiến khu 8, anh Diệp Ba là Giám đốc Sở Công an Nam Bộ. Đi theo bảo vệ có một trung đội Vệ quốc đoàn. Chúng tôi đi từng chặng, đêm đi ngày nghỉ, theo những đường làng băng qua tỉnh Mỹ Tho rồi đến huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre. Ở những điểm dừng chân, địa phương tổ chức ăn uống rất tốt. Có một chặng dài đi tới ba giờ sáng mới tới điểm nghỉ. Qua nửa đêm,

trời tối mịt, tôi vừa đi vừa ngủ, chân cứ bước theo người đi trước như cái máy. Đến một cầu khi chân trước tôi bước lên cầu, chân sau tôi bước xuống xuống, nước ngập tới đầu gối, từ đó tôi tỉnh queo không còn buồn ngủ nữa. Ở Thạnh Phú đã triệu tập cuộc hội nghị Quân Dân Chính tỉnh có đầy đủ đại biểu các huyện, đại biểu các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ban chỉ huy Trung đoàn 99, tất cả khoảng 40 người. Hội nghị họp 3 ngày, làm việc buổi chiều và buổi tối, chủ yếu là thảo luận các báo cáo của anh Phạm Ngọc Thuận và Trần Văn Trà về tình hình chiến trường Nam Bộ, âm mưu của địch và đối sách của ta. Ở Hội nghị này lần đầu tôi biết chị Nguyễn Thị Định lúc đó làm Đoàn trưởng Phụ nữ tỉnh và cũng lần đầu tôi được ăn con đường chạ là chiến, đặc sản nổi tiếng của Bến Tre.

Từ Bến Tre đoàn chúng tôi sang Trà Vinh, có một chặng đường đi băng ghe buồm chạy qua cửa biển. Sóng khá lớn, ghe nhồi lên, nhồi xuống, nước bắn lên ướt người, nhưng đường đi ngắn, không thấy ai say sóng. Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Trà Vinh họp ở Ba Động, nội dung tương tự như ở Bến Tre. Ở đây có xảy ra một sự cố : một chiến sĩ trong đội bảo vệ làm cướp cò súng, đạn đi trúng một em bé con của chủ nhà, nhưng rất may chỉ suốt ngoài da. Anh Trà gọi người có lỗi lên tuyên phạt 3 ngày giam.

Từ Trà Vinh chúng tôi sang Vĩnh Long. Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Vĩnh Long họp ở huyện Tam Bình. Một buổi sáng, ba máy bay quân trên địa điểm hội nghị, chúng tôi tản ra ngoài vườn dừa, các trung liên đều chia nòng súng lên trời sẵn sàng nhả đạn. Anh Trà ra lệnh không bắn ; máy bay lượn mấy vòng rồi bay đi, chúng không phát hiện được chúng tôi.

CUỘC DI CHUYỂN XUỐNG MIỀN TÂY

Đồng Tháp Mười đối với người chèo xuồng thì rộng mênh mông, đi suốt các kinh Dương Văn Dương, Nguyễn Văn Tiếp mất cả ngày cả đêm. Nhưng từ cuối năm 1948 khi địch sử dụng xe bọc thép lội nước thì Đồng Tháp Mười trở nên quá hẹp và không an toàn đối với số cơ quan đã quá đông. Trong mùa khô xe bọc thép lội nước có thể chạy rất nhanh đến bất cứ nơi nào. Liên lạc qua lại giữa các cơ quan Nam Bộ về vùng U Minh miền Tây Nam Bộ. Đài phát thanh,

xương Vô tuyến điện, các Sở Thông tin, Tư pháp, Giáo dục, Tài chính, Kinh tế, Viện văn hóa kháng chiến v.v... đi trước. Các cơ quan Đảng, đoàn thể cũng lần lượt di chuyển. Văn phòng chúng tôi là bộ phận đi sau cùng. Khi chuẩn bị lên đường tôi được tin văn phòng anh Phạm Văn Bạch đã đến căn cứ mới rồi. Chị Tư Khanh người liên lạc thành của chúng tôi về Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn vào căn cứ U Minh qua đường công khai. Số còn lại là 5 người cùng đi với bộ phận của anh Ung Văn Khiêm, có một trung đội Quốc vệ đội theo hộ tống. Đoàn chúng tôi chọn con đường xuyên miên Tây đi vòng qua Đông Nam Campuchia. Vẫn là đêm đi ngày nghỉ, có một chặng dài nhất đi từ 4 giờ chiều đến 10 giờ hôm sau mới đến chỗ nghỉ, người nào cũng mệt nhoài, cát bụi đóng trắng chân, nhìn mãi trông rất buồn cười. Chúng tôi qua những cánh rừng thưa, những nơi dừng chân là xóm nhỏ, nhà dân người ở tầng trên nuôi bò ở dưới. Việc qua sông Mekông khá dễ dàng. Ở đây dòng sông tượng đối hẹp, tầu địch không kiểm soát chặt như trên sông Tiền, sông Hậu ở ta. Chúng tôi qua kênh Vinh Tế vào lúc nửa đêm, băng ngang con lộ đá chạy dọc theo kênh. Khi lên mặt đường tôi thấy rõ hai lô cốt trấn ở hai đầu. Vô địa phận tỉnh Châu Đốc, chúng tôi đến vùng Bảy Núi ghé thăm căn cứ của anh Huỳnh Văn Trí, thường gọi là Mười Trí - vốn là một trong các lãnh tụ Bình Xuyên trước đây, tin đồ Hòa Hảo gọi là Sư Thúc. Anh ấy về ở vùng Bảy Núi làm công tác vận động Hòa Hảo. Anh Mười tiếp đoàn chúng tôi rất thân tình, cho làm một con bò thết đãi đoàn. Sau này ra Miền Bắc tôi có nhiều dịp gặp lại, anh ấy ở một biệt thự và được đối xử như một nhân sĩ.

Mấy hôm sau chúng tôi đến căn cứ mới mà lòng vẫn vương vấn nhớ Đồng Thập Mười. Năm 1975 tôi có dịp từ Cao Lãnh đi ca-nô vào tới kinh Cái Bèc nhưng rất tiếc không vào được tới kinh Dương Văn Dương nơi để lại nhiều kỷ niệm nhất. Món nợ này không biết có trả được không!

CĂN CỨ BA CHÙA CỦA TÔI

PHẠM NGỌC HUNG

Đã gần tròn nửa thế kỷ. Trong những kỷ niệm sâu sắc của đời lính, Ba Chùa vẫn in đậm trong trí nhớ và trái tim của tôi.

Là một ấp nhỏ của xã Trường Lộc thuộc huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cách thị trấn Tam Bình 5km đường chim bay. Ấp Ba Chùa dài độ 1 cây số, có đường rạch bao bọc 3 phía, phía sau liền với cánh đồng rộng giáp với kinh 1, quanh năm cây trái tốt tươi, dân cư chừng 30 nhà. Bờ rạch phía đông, dân cư ở thưa thớt hơn và cách cánh đồng độ 1 cây số giáp kinh đào Tam Bình nối liền sông Măng Thít.

Ba Chùa không có địa chủ, chỉ có 3 trung nông, hầu hết là nông dân, đa số đủ sống.

Nhân dân Ba Chùa rất tốt với Cách mạng. Ngày xưa chịu ảnh hưởng phong trào Cần Vương. Từ khi có Đảng, một lòng ủng hộ Đảng. Trong ấp có mấy đảng viên. Trước Cách mạng Tháng 8 và sau khi tỉnh nhà bị địch chiếm lại, mặc dù có nhiều khó khăn, các đảng viên vẫn bám địa bàn, bám dân, cùng nhân dân kháng chiến cứu nước.

Tháng 2 năm 1946, bộ đội tinh rút về Chiến khu 9 tiếp tục vừa xây dựng, vừa đánh địch. Tháng 5-1946, đồng chí Vũ Đức cho bộ đội trở về tình hoạt động, cùng cán bộ địa phương xây dựng cơ sở chính trị, phát triển du kích chiến tranh, đánh lâu dài.

Tôi chỉ huy bộ đội hành quân về tỉnh. Từ xã Tân Duyệt (Cà Mau) đi bộ qua các vùng Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ đã bị địch chiếm đóng phải ngót một tháng trời mới về đến nơi.

Đầu tháng 6-1946, tôi bắt liên lạc được với các đồng chí đảng viên Tam Bình. <https://tieukenhopto.org> bắt đầu tổ chức lại bộ đội và cứu trợ cứu thiếu đạn. Tinh thần anh em rất cao, dũng cảm, tích lũy được một số lính

nghiệm chiến đấu.

Theo kế hoạch chung của tỉnh và huyện, tôi bố trí lực lượng phân tán trong dân xây dựng cơ sở, khi cần thiết thì tập trung theo phương châm "tập trung, phân tán linh hoạt".

Riêng tôi và một đồng chí liên lạc kiêm bảo vệ về bám ấp Ba Chùa, căn cứ lớn chính trị vững chắc. Nhân dân ở đây bảo vệ tôi rất chu đáo, từ trẻ con đến người lớn đều biết tôi. Việc an ở, đi lại công khai suốt 1946 đến đầu năm 1947, khi thành lập Trung đoàn 111 tôi mới về văn phòng Trung đoàn ở Hòa Bình là căn cứ của tỉnh.

Những hình ảnh thân thương của nhân dân Ba Chùa lo từng bữa ăn, may cho từng bộ quần áo, báo tin giặc tập trung ở Tam Bình để tôi đề phòng, theo dõi người lạ mặt vào ấp trên bộ cũng như dưới sông để bảo vệ tôi, cứ gọi lên trong tôi mỗi khi hồi tưởng lại. Có lần địch càn vào ấp, dân đưa tôi ra trú ở một chuồng trâu ngoài đồng sát con mương nhỏ không có xuống ai qua lại. Bọn địch đập phá nhà dân, sực sạo trong ấp. Còn dân thì lo bảo vệ tôi. Có một gia đình nấu một nồi chè vừa đủ một người ăn, len lỏi bơi xuống đưa ra chài cho tôi ăn và dặn : khi nào địch rút hết rước tôi về. Tôi xúc động nói không nên lời. Riêng tôi rất lo, nếu địch phát hiện tôi ở ấp này thì chúng sẽ phá sạch, tra tấn dân, nhưng chúng không biết gì.

Ngon rạch Ba Chùa, bờ bên kia còn có Văn phòng Tỉnh ủy. Nơi hội họp là cái chòi lá. Mỗi lần tôi đi họp phải lội qua sông. Năm 1946, tôi chỉ có một bộ đồ đen và một khăn tắm. Mỗi lần lội qua lại, tôi mặc khăn tắm, quần áo, súng đạn đội lên đầu. Gần chỗ tôi lên xuống sông, có gia đình một bác trung nông. Lần nào cũng vậy, hề tôi lội qua sông là bác đứng trước nhà theo dõi bảo vệ tôi. Tôi nhìn cặp mắt bác khác thường, ánh lên một tình cảm lo lắng, mến thương một chàng trai tuổi bằng con bác mà chịu đựng gian khổ, dùng cảm, được nhân dân và anh em đơn vị yêu mến.

Trong thời gian phân tán, đơn vị đi xây dựng cơ sở, tôi và các đồng chí lãnh đạo của tỉnh, huyện bàn kế hoạch hoạt động nhằm hạ uy thế hung hãn của địch, thúc đẩy phong trào kháng chiến : phát triển du kích chiến tranh và lực lượng bộ đội, củng cố lòng tin của dân vào lực lượng vũ trang vừa trở lại địa phương dưới sự

Sau 1 tháng bám cơ sở, chúng tôi tập trung bộ đội lại củng cố, giáo dục và chuẩn bị đánh địch. Theo kế hoạch, bất ngờ trong một đêm thối nhất vây đánh 4 đồn địch. Bộ đội ta chiếm được đồn Trà Ngao, đánh thiệt hại nặng đồn Cái Ngang, Tân Thới Hòa. Riêng đồn Tam Bình không thực hiện được kế hoạch hòa công.

Đến cuối năm 1946, chúng tôi mở một đòn tấn công vào bộ máy kềm kẹp của địch, tiến hành diệt ác, phá tề một số xã quanh Tam Bình và một xã thuộc huyện Vũng Liêm. Hồ sơ về hành vi tội ác phản cách mạng của từng tên được đánh giá, phân loại và quyết định mức độ xử lý. Từng bản án được chuẩn bị chu đáo. Chúng tôi tiến hành đồng loạt, bao vây từng nhà, bắt từng tên, thu toàn bộ giấy tờ, tang chứng; tập trung gia đình, đọc bản án và cho phép được cải án, giáo dục và cam kết không tiếp tục làm tay sai cho giặc chống phá cách mạng, đàn áp nhân dân.

Tất cả đều nhận tội. Nhiều tên được tha tội chết, hứa ăn năn hối cải. Trong đợt này, chỉ xử tử hình tên hương quản xã Hòa Hiệp có nợ máu với dân. Các bản án đều được niêm yết trước nhà để nhân dân rõ.

Qua đợt này, kẻ địch và bọn tay sai sợ hãi, hoang mang, uy thế cách mạng được phát huy. Nhân dân hài lòng, ảnh hưởng chính trị tốt. Số linh là người Khmer nói với dân : "Con mắt Việt Minh như mắt khóm. Không thấy họ mà việc gì họ cũng biết, Việt Minh rất nhân đạo".

Đầu năm 1947, chúng tôi thực hiện đòn thứ ba, ngăn chặn giao thông thủy, bộ của địch. Chỉ trong 2 đêm, nhân dân đã vận chuyển hàng mấy trăm xuống đất, cọc dừa, đắp xong cản Lò Đường, ngăn kinh Tam Bình vững chắc. Khi địch phát hiện, đưa bộc phá đến đánh, ta lại sửa. Cuối cùng, chúng không phá được. Trên đường bộ, nhân dân phá lộ Tam Bình - Long Hiệp làm địch tiếp tế không được. Chi khu Tam Bình và hệ thống đồn thuộc chi khu rút chạy. Đồn Cầu Mới hết hoảng cũng chạy, chỉ còn đồn ngã tư Nhà Đai. Ta mở ra được vùng giải phóng rộng lớn bắc giáp đồn ngã tư Long Hồ, nam giáp huyện lỵ Cần Long, đông giáp đồn Cái Ngang thuộc Vũng Liêm, tây giáp Trà Ôn.

Nhờ nhân dân ủng hộ, đùm bọc, gắn chặt với các đồng chí lãnh đạo của tỉnh, huyện và phong trào du kích chiến tranh địa phương, Ba Chùa là căn cứ, chỗ dựa để tôi hoạt động thuận lợi.

Sau ngày giải phóng đến nay, vì công việc và một phần vì sức khỏe, tôi chỉ về thăm Ba Chùa có một lần, nhưng hình ảnh xóm nhỏ ấy luôn ở trong tim tôi, nhắc nhở, động viên tôi rất lớn.

Qua bài viết này, tôi xin gửi đến nhân dân Ba Chùa và các đồng chí lãnh đạo ở địa phương đã từng gắn bó trong những ngày đầu của Cách mạng đầy thử thách tình cảm thân thương nhất. Kính chúc bà con nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

RỪNG SẮC – CHIẾN KHU XƯA

NGUYỄN VIỆT TÁ

Rừng Sắc hay Rừng Sắt, và cũng có người gọi là Rừng Sắc, đến giờ chưa ai xác định. Vì "Sắc" theo tiếng nôm là rừng ngập mặn trên bãi biển sinh lầy. "rừng Sắt" là rừng sắt biển, và "rừng Sắc" là rừng có nhiều cây có hoa lá muôn màu muôn sắc. Tuy nhiên có một điều đã được khẳng định trong nhân dân : Rừng Sắc trở thành một căn cứ kháng chiến nổi tiếng chỉ cách trung tâm Sài Gòn chưa đầy 10 km ngay từ đầu kháng chiến chống Pháp và trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng.

Nhà Bè nước chảy chia hai,

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Rừng Sắc đứng giữa hai dòng nước chia hai đó, nơi gặp nhau giữa 3 con sông : Nhà Bè, Lòng Tàu và Soài Rạp.

Hàng chục dòng sông, con rạch, cùng hàng ngàn nhánh rẽ đã tạo cho rừng Sắc những đảo triều lớn nhỏ, khi ngập dưới nước, khi trồi lên theo thủy triều lên xuống.

Xưa dân gian đã có câu "Cọc Biên Hòa, ma rừng Sắc" phải chăng để nói về Rừng Sắc một vùng ma thiêng nước độc không ai dám đặt chân đến. Nhưng cũng thật chưa đủ vì Rừng Sắc còn có "chùa rừng xanh" lẫn "chùa nước". Đem đem phía Sông Tiêu, Thiêng Liêng, Giồng Chùa, Rạch Su...cọc găm lên vằng vằng, để lại một cái xóm mang tên "Ấn Thập". Ở Vàm Sắt, Bà Nghĩa, Rạch Lá, Sông Kèo, cá sấu từng bầy, lại thêm giống nưa chín mùi, loại thuốc lưỡng của Rừng Sắc thỉnh thoảng lại dấy lên một trận ác chiến với heo rừng bắt phân thắng bại. Rừng Sắc được bao phủ bởi hơn 60 loài thảo mộc, riêng được, mắm loại chần biển, giữ đất cho Rừng Sắc đã chiếm hàng chục ngàn hecta. <https://tietlun.hopto.org> Rừng Sắc : Bên những dòng sông bao la tận chân trời lại có những

hang động bịt bùng thế giới riêng một cõi". Chính cái thế giới riêng một cõi đó đã tạo nên cái thế "rừng che bộ đội, rừng vây quân thù".

Ngay từ đầu kháng chiến chống Pháp, năm 1945, Rừng Sắc đã trở thành căn cứ của gần 100 đơn vị, cơ quan, công binh xưởng ... của Vệ quốc đoàn Khu 7 và toàn Nam Bộ: Tổng hành dinh và các đơn vị của lực lượng vũ trang Bình Xuyên, hậu cứ của cơ quan lãnh đạo các tỉnh Gò Công, Chợ Lớn, Bà Rịa, thị xã Vũng Tàu, của các cơ quan kháng chiến Sài Gòn như Liên hiệp Công đoàn, Biệt động, Công an xung phong... các cơ quan Dân Chính Đảng các quận Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đức, Hòa Tân (Gò Công), các xã đất liền ven tây sông Soài Rạp... Tiếp đến Trung đoàn 300 được tăng cường xuống, trường lý luận Mác - Lênin của Khu ủy, các khóa huấn luyện Phan Đăng Lưu của Khu 7, lực lượng liên hiệp Nhà Bè - Cần Giuộc. Một chân đứng ở Rừng Sắc, một chân dúi vào đất liền làm cho Rừng Sắc trở thành "trận đồ bát quái" chặn ngang cổ họng quân thù từ Sài Gòn thông ra biển cả, nguồn tiếp tế chiến lược quan trọng từ biển vào đất liền.

Để bám trụ và biến Rừng Sắc thành một chiến khu "bất khả xâm phạm", Vệ quốc đoàn cũng như Dân Chính Đảng, tất cả cán bộ, chiến sĩ nhân viên chúng ta cùng đồng bào phải vượt biết bao khó khăn, gian khổ và trở ngại. Nếu Đồng Tháp Mười "muối kêu như sáo thổi, đĩa lòi như bánh canh" thì Rừng Sắc lại đầy cọp beo, cá sấu và một khó khăn hóc búa nhất là nước ngọt. Sông nước mênh mông, nhưng lại không có nước uống. Có lúc đơn vị có đến 150 anh em được một ông già cho 20 lít nước. Ông đứng trước đại đội dặn kỹ: "Các chú chỉ uống mỗi chú 1 ly, uống nhiều đứt mạch máu chết đó". Vì quá khát, có đồng chí quên lời dặn của ông già uống hai ly ngã vật ngay xuống đất nhưng nhờ mồ hôi ra nhanh nên thoát chết trong gang tấc. Đi lấy nước ngọt là một cuộc hành quân chiến đấu và không ít trận phải đổ máu. "Cái khó ló cái khôn". Chiến sĩ nảy sáng kiến tắm trước bằng bùn non cho ra đất bụi dờ, giặt quần áo bằng bùn. Binh công xưởng Khu 7 sáng kiến đập lò, đặt thùng phuy cất nước mặn lấy nước ngọt được phổ biến lan rộng ra toàn Rừng Sắc. Mọi thứ xoong, nồi, thùng cao, vại... trở thành "cật nghề" cất nước mặn lấy nước ngọt. Mùa mưa trữ nước vào các thùng gỗ lớn chôn ở các mùa

khô. Lời hát trở thành nguồn động viên cổ vũ mạnh mẽ "...anh em ơi, chúng ta chiến sĩ miền Đông, chiến đấu đã từng, thêm lòng kiên quyết, chiến đấu chống đói, chiến đấu chống rét, chống muôn thú rừng, chống giặc ngoại xâm, biết bao hơn cầm..."

Chiến sĩ Vệ quốc đoàn và các cơ quan Dân Chính Đảng, các cơ sở Hậu cần, Quân giới trụ lại được ở Rừng Sác còn nói đến một yếu tố cực kỳ quan trọng là đã dựa được vào dân Rừng Sác có truyền thống cách mạng từ lâu đời.

Thời "Cần vương" Trương Định rút quân về xã Lý Nhơn lập chiến khu. Ông Dương Văn Hạnh, phó xã trưởng trở thành đệ tử của Nguyễn soái Trương Định, chuyên lo việc hậu cần cho nghĩa quân. Ông bị Tây bắt đưa về Sài Gòn, dự phong quan tiến chức nếu chỉ chỗ Trương Định. Ông Hạnh quyết một lòng giữ khí phách, đồng dục trả lời với kẻ thù "Sinh vi quân, tử vi thần - ta thà chết chứ quyết không để giặc bắt ông Định". Giặc Pháp đưa ông về lại Lý Nhơn, chẻ tre kẹp cổ chặt đứt đầu ném xuống sông. Dân làng bí mật mò xác chôn ông, lập đền thờ, giấu tên ông, đặt là đền thờ "ông thần không đầu".

Bất nguồn từ tinh thần bất khuất và lòng yêu nước nồng nàn, giặc đánh phá càng ác liệt, dân Rừng Sác không chạy ra vùng giặc chiếm mà luồn lách theo xóm ấp, nương rạch. Nhiều gia đình bốn năm người đi kháng chiến. Còn mẹ, vợ, con thì cũng xuống ghe chèo vào rừng, cắm sào, dựng chòi sống chung với bộ đội, cơ quan. Đồng bào chất chịu từng đồng bạc, chia đôi nửa phần nuôi thân, nửa phần lo việc kháng chiến. Má Tám ở An Thới Đông dựng nhà ven rừng, ngày ngày đốn lá dứa nước đem bán mua hàng về cho bộ đội. Ông Năm Phan ở Bà Bông sẵn được con gì đều đem cho bộ đội, cơ quan. Bà Đỗ Thị Trị mang cua, cá ra thành bán mua hàng đem về cho bộ đội. Nhân dân các xã làm ruộng đem phần lớn gạo làm ra nộp cho kháng chiến chỉ nhận tờ biên lai vì không có tiền mặt. Riêng xã Bình Khánh, trong hai năm 1946, 1947, số gạo "biên lai" đã lên đến 27.000 gia (1 gia 40 lít).

Rừng bít bùng những củ lao ãm u cùng với lòng dân dày truyền thống cách mạng đã xây nên một chiến khu "tốt đẹp, an toàn", một bàn đạp tấn công quân địch lý tưởng của các đơn vị Vệ quốc

đoàn từ cấp đại đội cho đến cấp chi đội, trung đoàn. Dương Văn Dương - thủ lĩnh Bình Xuyên - nhận chức Khu bộ phó, thành lập Chi đội 2, 3 Bình Xuyên theo lệnh của Khu trưởng Nguyễn Bình về đứng chân tại Rừng Sắc, đặt Tổng hành dinh tại Rạch Xu. Các lực lượng vũ trang của Mai Văn Vinh và Nguyễn Văn Hoạch về Long Sơn, Bà Trao. Bộ đội Cần Giuộc do Trương Văn Bang về Giồng Nổi. Trung đoàn 300 của Khu 7 được tổ chức tại xã Lý Nhơn. Tất cả các căn cứ đều ở trung tâm và ven Rừng Sắc tạo nên thế đứng vững chắc tiến, thoái đều thuận lợi.

Rừng Sắc đã chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử quan trọng và chiến công hiển hách của Vệ quốc đoàn miền Đông.

Một ngày giữa tháng 12 năm 1945, tại Tổng hành dinh của Bình Xuyên ở Phước An, ven Rừng Sắc, Dương Văn Dương đã tổ chức trọng thể buổi tiếp đón Khu trưởng Nguyễn Bình đến thăm, trao quyết định để bạt Dương Văn Dương giữ chức Khu bộ phó. Và cũng tại nơi đây, sau này toàn thể lực lượng vũ trang Bình Xuyên đã làm lễ truy điệu thủ lĩnh Dương Văn Dương, đón nhận phần thưởng cao quý : quyết định truy phong liệt sĩ Dương Văn Dương cấp hàm thiếu tướng của Chính phủ và thư chia buồn của Bác Hồ cùng toàn thể gia đình và lực lượng vũ trang Bình Xuyên trước sự hy sinh anh dũng của Dương Văn Dương. Và cũng vào cuối tháng 12 năm 1945, phái đoàn Chính phủ Trung ương do ông Lê Văn Hiến dẫn đầu đã về thăm chiến khu Rừng Sắc.

Ngày 1-1-1946, từ Rừng Sắc, bộ đội Liên chi 2 - 3 Bình Xuyên đã xuất phát tham gia cuộc tấn công của Vệ quốc đoàn Khu 7 vào thành phố Biên Hòa.

Các đội biệt động 1, 2, 3 của Trung đoàn 300 từ Rừng Sắc hoạt động sâu vào nội thành Sài Gòn vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, đột nhập kho Nhà Bè đốt cháy các bồn xăng, phục kích chiếm tàu ở Rạch Lá thu nhiều chiến lợi phẩm, có đủ các máy phay, gò, tiện, người trang bị thêm cho các binh công xưởng.

Ngày 17-3-1950, mở màn cho sự can thiệp trực tiếp vào Đông Dương, đế quốc Mỹ cho hai chiến hạm Stickwell và Anderson cập bến Sài Gòn và theo kế hoạch sẽ có 70 máy bay chiến đấu B-24 từ hàng

không mẩu hạm ngoài khơi mở cuộc thao diễn theo sông Lòng Tàu vào vùng trời Sài Gòn. Với những khẩu cối 82 tự chế bằng ống tuýp trên máy bay Đa-cô-ta của địch ở sân bay Tân Sơn Nhất, các chiến sĩ Trung đoàn 300, từ xóm Tiêu, Rừng Sác đã xuất quân vào xây trận địa ở Thủ Thiêm. Đúng 22 giờ đêm 18-3-1950 đã đồng loạt nổ 20 phát đạn trúng cả hai chiến hạm Mỹ. Ngày 19-3-1950 nổ ra cuộc biểu tình rầm rộ của 30.000 đồng bào Sài Gòn với khẩu hiệu "Đế quốc Mỹ cút đi", "Đả đảo đế quốc Pháp và bè lũ tay sai". Nhiều lính Mỹ bị giạt mũ, lột quân hiệu ném xuống đường buộc chúng hoảng hốt bỏ chạy tán loạn. Chương trình không diễn của Mỹ tức tốc bị hủy bỏ và ngay trong đêm 19-3-1950, hai chiến hạm Mỹ đã phải tháo chạy khỏi Sài Gòn.

Một trận 2 mũi giáp công tuyệt đẹp của quân và dân Sài Gòn là phát súng đầu tiên của toàn dân Việt Nam nổ vào bọn can thiệp Mỹ và cũng là tiền đề cho cuộc chống Mỹ cứu nước lâu dài, gian khổ và ác liệt trong suốt 21 năm sau này.

Và Rừng Sác lại tiếp tục tồn tại là một căn cứ kháng chiến vững chắc của quân và dân Sài Gòn và miền Đông Nam Bộ trong chống Mỹ cứu nước, chứng kiến biết bao chiến công hiển hách, đặc biệt là những chiến sĩ đặc công đánh chìm hàng trăm tàu giặc đủ loại dọc theo những dòng sông từ biển cả vào Sài Gòn, diệt hàng loạt căn cứ chỉ huy đầu não, kho tàng dự trữ chiến tranh quan trọng của địch ở Sài Gòn và các vùng phụ cận.

MIỀN ĐÔNG GIAN LAO

BÙI CÁT VŨ

Từ Bình Chánh qua Bình Hóa, đi theo con đường ruộng khô. Đứng ở đây nhìn thấy phố chợ và bót Tân Uyên. Bình Hóa lên Tân Hóa toàn là rừng, lại phải đi vòng tránh thị trấn Tân Uyên rất sợ bị phục kích. Lần đầu tiên đi đường rừng trong đêm tối, hết vấp rề cây chúi nhủi lại bị dây gai cứa rách da cổ họng. Chú liên lạc tuổi độ 16-17 tên là Dương không nói không rằng, lui nhanh như sóc. Thịnh thoáng chú dừng lại chờ. Lâu lâu lại còn dậm chân dụi dụi, tướng đầu chú làm ám hiệu với ai đó trong rừng. Đến chỗ ngồi nghỉ hỏi ra mới biết chú dậm mỗi càng, kiến nhọt. Tụi tôi đi giày bố nên không biết chuyện này. Lúc qua đường 16, Dương ra hiệu cho 2 đứa chúng tôi dừng lại. Cậu ta bò ra đường nghe ngóng rồi ném 3 cục đá ra 3 hướng, thấy im cậu ta đường hoàng đứng dậy vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi chạy. Hùng vừa thở vừa khen: "Chiến sĩ Miền Đông có khác, thiện chiến thật". Qua đường đò Tân Lợi, chạy muốn dứt hơi, hỏi gần tới chưa, Dương nói: "gần rồi". Hỏi mới đi ngang Bình Hóa, trời vừa tối, hỏi còn xa không, Dương trả lời gọn lỏn: "đi một hơi nữa". Khái niệm "gần rồi", "một hơi nữa" của giới liên lạc làm tụi tôi đâm nghi, không hỏi nữa.

Cho tới khi thoáng thấy ánh lửa nhấp nháy trong rừng thì Dương nói: "còn một quãng nữa thôi". Mãi đến lúc nghe tiếng con gái lú lo như chim Dương mới bảo: "tới rồi"

Đêm chiến khu! Ngay hai tiếng "chiến khu" mới nghe lần đầu cũng thấy hãnh diện rồi. Trạm liên lạc Tân Hóa là một dãy lán lợp lá kê, nằm dọc theo bờ suối. Ánh đèn dầu chao động trên dòng nước chảy lững lờ trong vát. Chúng tôi tắm ngay trong dòng suối ngọc ấy, trút sạch mọi mệt nhọc lo âu. Bữa cơm với khô sặt nướng trộn dưa leo ngon lạ lùng. Trong 3 cô gái ở trạm có một cô hơi thấp, mặt tròn, nước da bánh tẻ ngợt, có vẻ khoẻ, lì hơn cả. Cả ta gọi hai đứa tôi là

đồng chí, gọi Dương bằng em xưng chị ngọt, dù cô ta chắc chắn chưa quá tuổi 18. Cô tên Hoa, một liên lạc dũng cảm, sau này còn có dịp đưa chúng tôi đi xa hơn trên các nẻo đường Miền Đông, qua Củ Chi, xuống tận Đông Tháp Mười.

Ngày trưa ngày hôm sau, trong lúc chúng tôi đang uống trà làm quen nhau quanh chiếc bàn bện bằng sống lá mật cật, bỗng có một người đàn ông theo đường mòn vào trạm. Hoa nhìn ra gọi lớn : "chú Tám !". Người này trạc tuổi 30, dáng vẻ đậm đà, mặc bà ba đen, đầu bịt chiếc khăn rằn xanh trắng ngược gút buộc về phía sau làm cho vầng trán thêm cao. Anh tươi cười đến bất tay hai đứa tôi và tự giới thiệu : "Tôi, Tám Nghệ". Trời ! té ra đây là Huỳnh Văn Nghệ, người chỉ huy trận đánh Biên Hòa hôm Tết vừa rồi đây sao ! Là tác giả bài thơ "Ai đi về Bắc" mà tôi và Hùng vừa mới đọc trong một tờ báo Sài Gòn đây sao !

"Ai đi về Bắc tôi đi với,

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng.

Từ đó mang guom đi mở cõi,

Ngân năm thương nhớ đất Thăng Long."⁽¹⁾

Đọc qua một lần là tôi thuộc ngay. Ông bác họ, người giữ tờ báo, bình luận : "Đây là một võ tướng thi nhân, khẩu khí song toàn".

Giữa lúc đang nói chuyện thì liên lạc mang về một xâu lựu đạn lép của ta chế tạo, đầu nổ làm theo nguyên tắc cọ xát như diêm quẹt. Hùng nhay miệng : "sao trên này có điều kiện mà không làm lựu đạn đập như của Nhật, hay lựu đạn cùn như của Anh hả anh Tám ? Làm quẹt kiểu này dễ bị ẩm lấm". Chợt như bất vào đôi mắt ướt ướt một tia lửa, Nghệ đứng dậy nói liền : "Vũ, Hùng ở lại với tụi tôi, võ Binh công xưởng làm việc với anh em, Binh công xưởng của khu lớn lấm bị giặc tấn công ở Lạc An, tổn thất gần hết, bây giờ dời võ rừng làm lại, Vũ, Hùng có đất dụng võ".

NHỮNG NGƯỜI RỪNG

Hai đứa tôi theo liên lạc Nhở vào rừng sâu, lòng rộn ràng phơi

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Thơ Huỳnh Văn Nghệ, trích ra đây y như nguyên văn hội đó chưa hiệu đính.

phối. Lá rừng lao xao chào đón. Đôi phương hoàng đất vỗ cánh dấp dờng. Suối reo, chim hót hòa trong gió ngàn vi vu. Mỗi bước đi là một cảnh lạ bày ra trước mắt.

Tối mịt mới đến trạm quân lương Nhà Nai. Anh Diệu Ngọc Hưng, trưởng trạm, niềm nở đón chúng tôi. Một bữa cơm với khô sặt nấu canh chua đợt bữa. Ăn xong uống nước tối căng bụng rồi trèo lên nhà sàn ngủ. Ê ẩm, mỗi một vừa thiu thiu thì nghe dưới đất một giọng Huế: "Ê, Hưng! Tám Nghệ có gửi chi cho tao không mí". Nghe tiếng Hưng cau nhàu: "có khách trên gác". Tối với Hùng bầm nhau thì thăm: "chắc một ông lớn nào mới đến". Sáng ra mới biết cái ông "bự" đó là anh Diệu, Phó Ban quân lương. Anh Hưng nói riêng với chúng tôi: "vắng mặt anh Tám thằng chả hay làm tàng, lấy le o mèo vậy đó".

Đường vào Bình công xưởng không có lối mòn, khi cắt rừng chỗ này, khi chỗ khác. Nơi nào có dấu lá khô bị dẫm nát thì Nhờ bê cánh cây làm chối vừa đi thụt lùi vừa quét qua quét lại cho mất dấu. Đến xưởng chính rồi mà chúng tôi cứ tưởng là mới tới trạm ngoài. Thật khác với mọi tưởng tượng Bình công xưởng chỉ còn một gánh một xách. Anh em công nhân ở đây gầy gò, xanh xao, rách rưới quá. Có người ở trường ngồi chồm hóm quay máy quạt lò rèn, chân cẳng nhảy nhựa ghè lờ. Cả xưởng gồm 4 túp lều lợp lá mặt cật, cột nhà là thân cây sống. Trên là sàn ngủ, dưới đất là xường. Trên sàn gác nào cũng có một vài người đang sốt rét trầm bao bố run lập cập.

Cụ Long, anh Ban vừa đi "tiếp liệu" ở Bưng Tre về, cụ ném xuống đất một hòn đê, anh Ban thì nào kiếm búa, dụng cụ rèn. Mưa tầm tã, ngồi bên bếp lò rèn hai người ăn bữa cơm mà tôi chỉ dám liếc nhìn trộm. Cơm hầm gạo mục, nước muối có quây tí mắm ruốc chấm rau tấu bay luộc. Thế mà cụ Long nuốt không kịp nhai, như đứa trẻ háu ăn sau cơn bệnh mới dậy.

Bên xưởng tiện thì cụ Quảng, anh Chùng loay hoay chôn cọc gỗ làm chân lắp băng máy tiện gậy. Bộ phận đúc do anh Lịch, anh Hoan phụ trách còn đang đi tìm dụng cụ, chưa hình thành. Chỉ có bộ phận nguội, đông nguội nhất đã lắp được á-tô, cần khoan, đang sản xuất đầu lựu đạn quét và sửa súng. Thấy chúng tôi hơi ngỡ ngàng,

anh Thất, Phó quản đốc, nói một câu triết lý hóm hỉnh : "người không ra người, mà nó là người". Các anh khác cũng cười theo.

Anh Nguyễn Cao, từ đầu ngoài xóm vừa về đến. Anh là Quản đốc Bình công xưởng. Anh cho hai đứa tôi biết mọi mặt tình hình Bình công xưởng lúc mới tạo dựng tại Lạc An, trên bến dưới thuyền, đèn điện sáng một khúc sông Đông Nai, bị địch dùng thủy lục không quân tấn công, vừa tập hợp lại ở Bung Tre lại bị tấn công tiếp, bây giờ về Suối Voi đây với Bình công xưởng trên vai, anh em gọi vui là "quán trà Huế". Xưởng vũ khí này còn một tổ hóa chất ở gần đây có cụ kỹ sư, rất bí mật, chỉ có anh Cao và anh Thất được phép lui tới. Còn xưởng lựu đạn do anh Nguyệt phụ trách ở xa hơn. Anh Nguyệt đã hai lần tháo đầu đạn bị cháy nổ phồng khắp người, mất một mắt, một tay và gần hết hai hàm răng. Hai lần ai cũng tưởng anh chết, nhưng anh không chết và cũng không bớt tinh tởm của tháo mọi thứ đầu nổ để nghiên cứu.

Trước thái độ em út tự nhiên như người nhà đi xa mới về của hai đứa tôi, các cụ, các anh công nhân thân mật rất nhanh. Điều còn thắc mắc cuối cùng của tôi và Hùng là ông kỹ sư, không hiểu là người Đức hay Nhật mà anh Cao có vẻ bí mật, chúng tôi cũng không dám hỏi.

ÔNG KỸ SƯ

Thấy tổ người chăm chút từng cái đầu lựu đạn quẹt bằng đồng thau, chất đầy một mâm bóng lộn chờ đưa lên tổ hóa chất, Hùng rất băn khoăn. Một hôm, khi thấy đã đủ độ tin cậy lẫn nhau rồi, Hùng mới đặt vấn đề với anh Cao : "lựu đạn quẹt, dù có nắp đây, nhưng ra ngoài mưa gió dễ bị ẩm lấm. Ở trạm liên lạc Tân Hóa tôi thấy có một đồng lựu đạn lép. Không biết trong này các anh có biết không. Sao ta không làm lựu đạn đập kiểu Nhật hoặc lựu đạn cần kiểu của Anh. Anh Nguyễn Cao tươi cười bảo : "cũng có biết, ở đây anh em cũng đã tháo đủ thứ lựu đạn của Anh, Pháp, Nhật để nghiên cứu. Nhưng ông kỹ sư không đồng ý. Ông ấy bảo ta không nên bắt chước, bọn đế quốc nó khinh, ta có kiểu của ta : lựu đạn Việt Nam". Hùng và tôi bám riết ý định chế tạo thử lựu đạn của kiểu Anh. Ý định này càng mãnh liệt hơn khi thấy nó còn được dùng làm lựu đạn phóng trong

một cái ống thép gắn trên đầu nòng khẩu các-bin rất nhẹ gọn, do anh em Việt kiều Thái Lan vừa mang về. Trước áp lực của anh em công nhân, anh Cao đồng ý cho chúng tôi làm thử 3 quả. Vấn đề còn lại là hóa chất. Tất cả đều do ông kỹ sư cất giữ và pha chế.

Anh em bàn với nhau cứ anh Cao và anh Thất lên trình bày với ông kỹ sư cho Hùng lên tổ hóa chất đỡ tay đỡ chân cho ông. Hùng có văn hóa, nhu mì, có thể giúp ông được nhiều việc. Hiện ở với ông chỉ có hai người anh Đệ, công nhân cạo mù cao su Thuận Lợi, và em Lang 13 tuổi lo cơm nước trà lá giặt giữ cho ông. Chính ông kỹ sư cũng vừa bị cháy râu khi trộn thuốc hột nổ.

May quá, ông kỹ sư đồng ý và Hùng khẩn gởi lên tổ hóa chất ngay. Mấy hôm sau, nhờ anh Thất xin phép trước, anh Cao đưa tôi lên chào cụ. Anh Cao mang theo mấy củ khoai lang vừa xin được ngoài xóm đưa cho em Lang luộc tro cho ông. Món ăn này ông kỹ sư rất thích.

Qua chuyện trò khá cởi mở, tôi được biết ông là người Lái Thiêu, tốt nghiệp kỹ sư cầu đường ở Đại học Polytechnique Paris. Ông quen biết rất nhiều nhà tri thức tên tuổi. Ông có nghe danh cụ Nguyễn Ái Quốc, nhưng chưa gặp mặt. Gợi lại thời oanh liệt ông như trẻ khỏe ra, ông nói: "Hồi ở Pháp tôi đánh kiếm đoạt giải, tại Tây sự tôi thấy mở". Liên hệ với hiện tại, ông bảo: "cái mên ni này là của Khu trưởng Nguyễn Bình tặng tôi. Trước ngày Pháp tấn công Bung Tre, Khu trưởng còn gửi cho tôi một thùng đồ ăn, cá phê, ca cao, sữa, lạp xưởng tôi nay vẫn còn. Khu trưởng có kèm theo thư, tự tay Người viết. Tôi chỉ làm việc với Khu trưởng chứ không làm với ai hết. Tôi phải giữ hóa chất quý giá này, có chết tôi cũng mang theo". Lúc ấy nhìn gương mặt gầy xanh với chòm râu xám kiểu các nhà bác học bị cháy sém một bên của ông kỹ sư, tôi xúc động thật sự.

Cuối cùng, Hùng cũng học được cách pha chế và nhót được một ít hóa chất nhồi 3 quả lựu đạn cần, mà chúng tôi gọi là lựu đạn "mò két Việt Nam". Dem thử một quả ở Tân Hóa, thấy nổ tốt anh Tám Nghệ tiếc nên đưa hai quả còn lại cho du kích ném thử vào quân Pháp ở bót Tân Uyên. Tin tức Bình công bố ông chế tạo được

lưu đạn mô kết truyền đi rất nhanh. Những người chỉ huy phân đội cho người về tỉnh xin lưu đạn mới. Chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ chỉ thị cho Binh công xưởng sản xuất loại này thay cho loại trước. Chỉ chờ có thể, anh em công nhân làm khuôn mẫu sản xuất hàng loạt. Ông kỹ sư cũng chấp nhận sự thay đổi này và tự tay ông pha chế thuốc hạt nổ, ngòi cháy chậm và lõi quảng bảo đảm chắc nổ và an toàn.

CUỘC CHIA LY ĐAU XÓT

Binh công xưởng cứ phải di chuyển mãi, sản xuất đình đốn. Cuộc sống quá đói thiếu thốn kham khổ, lao động quá sức, khí hậu khắc nghiệt, bệnh sốt rét, ghê hờm hành hạ anh em chúng tôi ghê gớm. Mãi rồi cơn rét rừng trở nên quen thuộc, lại còn làm cho dễ ngủ, quên đói. Trong xưởng có hai y tá : cụ Nhân và anh Đình trước làm ở cơ sở cao su Thuận Lợi, thuốc men dụng cụ không có, thầy thuốc chỉ chuyên làm những việc nấu quần áo diệt rận, xoa bóp cạo gió, nấu nồi lá xông.

Tại căn cứ Ngự tư Bầu Rượu ấp Nhà Nai, những tháng cuối năm 1946 chúng tôi bị sa lây. Bệnh phù thũng phổ biến như một nạn dịch. Người bị nặng, sau một cơn vật vã bứt rứt rồi chết dần từ chân chết lên. Cụ già và thanh niên còn đi đứng được, người trung niên bị bại liệt nhanh hơn. Người bệnh vẫn tỉnh táo cho tới khi tim ngừng đập. Lúc ấy, tôi đã là Giám đốc Binh công xưởng đối với anh em đi trước, tôi còn đọc điếu văn khi hạ huyệt. Sau rồi không còn lời lẽ nữa, chỉ có khóc.

Người bệnh nằm trên gác thò đầu nhìn xem anh em bó người bạn mình trong mảnh bao bố. Người còn khỏe liêu sống liêu chết chạy ra xóm xin được mấy tờ cám. Người chết nào cũng còn ngậm một búng cám trong miệng. Cám làm sao biến thành vitamin B1 để cứu kịp mạng người. Chạy sang Quân y viện mời cho được bác sĩ Võ Cương, người bạn chí cốt của Binh công xưởng. Bác sĩ sang ngay với nữ y tá Kiều. Nhưng biết làm gì khi không có thuốc. Bác sĩ, y tá cũng ngồi khóc !

Tôi và Hùng ngồi chờ bớp, các nạn nhân ở trần và thái dương người bệnh, theo kiểu mà hai đứa tôi đã làm trong lúc chạy chữa

bệnh dịch tả ở quê nhà đầu năm 1945. Nhưng đây là bệnh "phù thũng nhập tâm", như anh Võ Cương đã nói với tôi và Hùng bằng tiếng Pháp (Béri béri cardiaque).

Đến lượt anh Tắc và anh Ảnh, hai người thù thù mà tôi rất mến. Hai anh vẫn rất bình tĩnh, dù cái chết đã lên tới bụng. Anh Tắc rất tự tin, anh bảo rằng: "Tôi nhất định sống, tôi sẽ về lại Sài Gòn gặp lại vợ con tôi, dắt vợ con tôi đi cột cờ Thủ Ngữ, bến Sáu Kho, nhìn lại con tấu thân yêu của tôi..." anh vui vẻ hẳn lên khi nhắc lại tên đường phố Sài Gòn. Còn anh Ảnh thì vượt lưng tôi, thều thào: "thương em quá, Vũ ạ" anh nín lặng một chốc tưởng đâu anh ngủ. Bỗng anh dón sức nắm bàn tay tôi khá chặt hờ: "Hồ Chí Minh muôn năm!" Rồi buông lỏng tay, ngoác cổ sang một bên như đi vào giấc ngủ say. Sau đó vài giờ anh Tắc theo anh Ảnh, trước khi đi cũng gọi Bác Hồ.

Trong số người chết lần này có Bác Chiến, người phu "công tra" cao su cao nghệu, không có nghề gì, chuyên ăn no vác nặng. Trong những ngày gian khổ như vậy mà đi đâu cũng thấy bác mang theo kè kè một cái túi may bằng bao bố tồi. Tối kè đầu ngủ. Bác dựng gì trong đó? không ai tò mò làm gì. Chừng bác mất rồi, cắt chỉ mở túi ra xem mới thấy trong đó có một quần tây tussor, một sơ mi cổ cồn, một đôi tất màu và một đôi giày bata trắng còn mới. Đồ này chắc bác lấy của Tây sở lúc đảo chính. Bác giữ kỹ để độc lập rồi mặc về thăm quê hương ngoài Bắc!

Chúng tôi đắp cho đồng đội một hàng mộ bia trắng trông đầy hoa sim tím, để anh em còn thấy bầu trời cao lồng lộng của Tổ quốc.

Sau hôm vào thăm xương và viếng nghĩa trang bia trắng Bầu Rượu, Chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ có bài thơ: *Năm mộ giữa rừng*

*Đêm thức trắng bên lò nung lựu đạn
Ngày mai mẹ quay máy tiện máy bảo quã sức, ốm đau
Chén thuốc rễ cây rừng không cứu được!
Lòng đồng chí xót đau từng nhịp cuộc
Chợt anh chiếu rách bó thân gầy
Gỗ mộ bia để rở tháng ngày*

Chức vụ, họ tên, quê quán
 Nhưng mới qua mùa mưa nắng
 Gỗ sơn không chịu nổi sức thời gian
 Mộ bia mòn chỉ còn chữ "Công nhân"
 Còn tên tuổi gió mưa nhòa hết cả
 Quê quán anh : Ba Sơn hay Cẩm phả ?
 Mộ bia đành không giữ được lâu
 Tinh thần anh chim hót mãi ngàn thu

PHẢI SỐNG

Anh em, không nhiều thì ít, ai cũng phù cổ, sưng mặt, bấp chân bấp lún như trái đu đủ chín. Bài học chống biệt kích sống ở rừng của anh chín Quý, thêm thuyết vitamin của anh Võ Cường đã cho chúng tôi bài học quý giá. Chúng tôi họp nhau hạ quyết tâm chiến đấu chống biệt kích, chống bệnh tật, tự bảo vệ lấy mình. Thành lập một đội du kích hoạt động chiến đấu bảo vệ từ xa do anh Khanh, Duyên, Mẹo phụ trách. Xung quanh xưởng làm ráo dao, cam bẫy, gài lựu đạn, mìn. Mỗi công nhân đều trang bị một món vũ khí. Cái này thì chúng tôi có sẵn. Mỗi người được phân công cất giấu một bộ phận máy móc dụng cụ. Mỗi một con ốc đều có sẵn cờ-lê bên cạnh. Cứ sản xuất, không sợ, biệt kích vào thì đánh rồi rút lui mang theo dụng cụ sang căn cứ dự bị.

Còn chống bệnh thì ra nghị quyết tổ chức bẫy bắt thú rừng, mò cua cá ở các bàu suối, mỗi ngày phải có chất thịt cá, phân công nhau đi lấy măng, lấy nấm, hái trái cây lá rừng nào ăn được. Chuyện thật đơn giản mà trước đây chúng tôi chưa nghĩ tới. Rừng lúc bấy giờ còn là một kho thực phẩm thuốc men thiên nhiên khá phong phú. Trong nhà có thú gì thì ngoài rừng có thú ấy, có những loại thú mà nhà không có. Cây ăn quả cũng vậy, rừng chỉ thiếu những loại hoa quả du nhập từ các nước khác. Măng thì ngoài măng tre còn có măng le rất giòn, rất ngọt. Nấm thì có nấm rơm, nấm súp, nấm mỡ, nấm ngọt béo như thịt. Chất béo thì có cả kho hột cây, món này heo rừng rất ưa.

Chất bột có củ năng, củ chụp, củ mài, củ nho. Thuốc chữa bệnh chưa biết nhiều, nhưng củ sâm rừng, lá thù ở nấu nước uống rất ngon. Bất cứ trái gì, lá gì, củ gì mà thú chim ăn được thì người ăn được, không sợ độc.

Sinh hoạt chiến đấu và tự túc cái ăn rộn rịp, làm cho không khí cơ quan sinh động hẳn lên. Ra nắng, ra gió, một số gương mặt bắt đầu hồng hào trở lại. Nhưng vì thiếu thuốc điều trị nên anh em bị phù thũng nặng vẫn chưa thuyên giảm. Vừa lúc ấy, Tam ước 14 tháng 9 được ký kết ở Fontainebleau. Binh công xưởng được lệnh tạm chôn giấu máy móc, đưa hết anh em ra xóm làng. Anh em đau yếu đi ghe xuống củ lao Mỹ Quới. Đồng bào thương anh em kháng chiến như người nhà, các đoàn thể phụ nữ, phụ lão chăm lo vận động, mỗi nhà nhận một vài chiến sĩ về nuôi.

Thực hiện Tam ước ngừng bắn được mười ngày, thì quân Pháp ở chi khu Tân Uyên lợi dụng, đi sâu vào trinh sát căn cứ chiến khu Đ. Chúng lò dò vào đến Đất Cuốc, Mỹ Lộc. Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh gửi thư cảnh cáo sếp bót Tân Uyên và dán băng cấm xung quanh đồn bót bằng hai thứ tiếng Pháp - Việt. Nhưng quân địch vẫn cố tình vi phạm, lại còn bắn súng bừa bãi. Chỉ huy trưởng Huỳnh Văn Nghệ ra lệnh nổ súng vào một đại đội quân Pháp lúc nó vào đến xóm Chùa Tân Hòa, nơi đóng Sở chỉ huy chi đội. Lúc ấy tôi đang có mặt ở đó, còn anh Cao - Chính trị viên - và anh Hùng - Phó giám đốc - thì đi cùng anh em xuống Mỹ Quới. Chúng tôi đưa công nhân trở về xưởng tiếp tục công việc.

Trải qua một thời gian ở xóm làng đồng ruộng, được bồi dưỡng chất tươi, lại được điều trị sốt rét và phù thũng, ghê hờm, ai cũng có máu mặt, lên cân trông thấy. Đặc biệt trong chuyến đi này anh em mang về nhiều loại hạt giống, hom khoai, gà con, heo con. Lò than của anh Chín Lùn được tăng cường một tổ bảo vệ vừa phát rẫy lấy gỗ đốt than vừa tăng gia sản xuất, trải lại màu xanh ngụy trang, vừa chăn nuôi. Lò than kiêm trại sản xuất dần dần trở thành trạm khách, trại an dưỡng.

Tam ước (tạm đình chiến) 14.9.1946 có giá trị cho ta tranh thủ thời gian để chuẩn bị trên phạm vi toàn cục như thế nào thì chưa

biết. Riêng đối với Bình công xưởng nhỏ bé của chúng tôi thì nó là một cơ hội hồi sinh.

SAU CON GIÔNG TỔ ĐẦU MÙA

Trái qua một năm thứ lửa sau ngày Nam Bộ Kháng chiến, Chiến khu Đ như vừa trải qua cơn giông tố đầu tiên. Nhưng cành khô lá úa rơi rụng, còn lại lá cổ thụ và chồi xanh, lại chuyển mình khởi động.

Quân Pháp tận dụng Tạm ước 14-9. Chúng tăng thêm quân từ Pháp sang, gấp rút chuyển quân từ Nam ra Bắc, chuẩn bị mở rộng chiến tranh xâm lược toàn cõi Việt Nam. Chúng buộc phải rút các đồn bót nhỏ xung quanh căn cứ Chiến khu Đ. Chỉ khu Tân Uyên chỉ còn bót thị trấn với hai đồn Cổng Xanh và Phước Hòa trên đường 16. Bên kia sông Đông Nai, chỉ khu Cây Đào cũng còn hai bót Rạch Đông và Đại An trên đường 24.

Đồng bào ta tản cư vào rừng hoặc tạm lánh xa vùng tạm chiếm lần lượt kéo về xóm làng cũ. Trên sông lại thấp thoáng ánh đèn câu. Vườn bưởi lại đem hoa kết trái. Cơ quan đoàn thể lại dời ra xóm, ở cùng với dân.

Trong đó thị, Tạm ước 14-9 có sức cổ vũ rộng lớn. Báo chí dư luận Sài Gòn ca ngợi thiện chí hòa bình của Chính phủ Cụ Hồ. Khá đông thân binh nguy mạng súng theo về với kháng chiến. Thanh niên học sinh nam nữ, công nhân, trí thức ra bung biển thành phong trào.

Đồng bào tích cực quyên góp tiền bạc, thuốc men, lương thực, quần áo gửi lên chiến khu. Một hôm liên lạc mang về xưởng một bao quần áo "mùa đông binh sĩ". Anh em xúm lại xung quanh, để cử cụ Long phân phát bằng cách rút thăm may rủi. Cụ thò tay vào bao rút ra cái nào thì quăng cho anh em lần lượt theo vòng tròn. Tôi nhận được chiếc áo blou vải màu măng cụt, có anh nhận được chiếc áo sơ mi còn khá, anh thì được cái quần pijama, có anh trúng cái áo bà ba phụ nữ, cười nôn ruột. Phấn khởi, xúc động với món quà còn vương mùi đô thị; anh Thất trời giọng ngâm nga :

"... Mây trắng bay về núi chiến khu

Thì thương nhớ cũng dồn về hướng đó

Nơi cờ đỏ sao vàng còn rạng rỡ.
 Phải chăng anh, người chiến sĩ không tên ?
 Gửi theo đây, này áo ấm chân len
 Anh đỡ rét những đêm ngoài sương gió.
 Một trời thơ gói trong phong bì nhỏ..."

Bài thơ *Lá thư thành thị* của Huỳnh Văn Nghệ, hầu như ai cũng thuộc, chỉ ít cũng được vài câu.

Bình công xưởng trong dịp này cũng được bổ sung thêm một số thợ có tay nghề khá từ sở BIF Biên Hòa, đế-pô Di An, Trường tiến Gia Định. Đặc biệt là Ban tiếp liệu tinh đã đem về được các loại hóa chất tối cần thiết và thuốc chữa bệnh. Xưởng đã sản xuất ổn định những vũ khí cơ bản cho chiến tranh du kích như bi đạn các loại, mìn, lựu đạn, lựu đạn phóng bằng ống loa gắn trên đầu súng trường. Khẩu cối 81 cũng đã hoàn thành và đã bắn thử ở Mỹ Lộc cho các cấp chỉ huy xem. Để rồi qua tháng sau. Đêm 31-12-1946 nả vào thành Sông Đá Biên Hòa 20 quả trong cuộc tấn công thị xã của chi đội. Đây là lần đầu tiên công nhân ra trận điều khiển vũ khí do mình chế tạo, phối hợp với ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, cũng là ngày mở đầu một truyền thống tốt đẹp : "kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất vũ khí và yêu cầu của chiến trường".

*
*
*

Trải qua hơn một năm khói lửa, đầy bờ ngõ, gian truân, chúng tôi đã lấn hồi đứng vững trên đôi chân của mình, sẵn sàng đón nhận những thử thách to lớn hơn của địch họa thiên tai, để rồi góp phần xứng đáng vào những dấu mốc lịch sử chiến trường như : Bầu Cá, Đông Xoài, La Ngà, Cầu Định, chiến dịch Bến Cát... Đặc biệt mảnh đất này được lịch sử công nhận là cái nôi của chiến thuật đặc công, đã đánh bại chiến thuật tháp canh, rất lợi hại của giặc Pháp. Mọi đến trước ngày ký kết Hiệp định Genève, Bình công xưởng còn cung cấp cho đặc công, công binh mìn lặn dưới nước điều khiển bằng điện và hẹn giờ phá sập cầu Bến Lức, đánh nổ kho bom Phú Thọ. Và nếu lệnh ngừng bắn đến không kịp thì cầu Bình Lợi cũng không còn.

PHỤ NỮ SA ĐÉC TỔ CHỨC BỮA CƠM MỜI BỘ ĐỘI HẢI NGOẠI

BÍCH MỸ

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở miền Nam, nhiều lần tôi được giao nhiệm vụ tổ chức bữa ăn "tươi" để đãi bộ đội. Nhưng có lẽ không lần nào lại đặc biệt như lần này.

Vào năm 1948, bộ đội Hải ngoại được thành lập ở nước ngoài do các anh Nguyễn Chánh, Lê Quốc Sản và Dương Cự Tầm chỉ huy đưa về góp phần kháng chiến cứu nước. Bộ Tư lệnh Chiến khu 8 điều đơn vị này về tham chiến ở tỉnh Sa Đéc (lúc ấy các cơ quan tỉnh đóng ở các xã giải phóng thuộc huyện Cao Lãnh). Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính đã tổ chức đón tiếp chào mừng và giới thiệu Bộ đội Hải ngoại với các ngành, các đoàn thể trong tỉnh.

Ngày hôm sau, chị Sáu Ngai - Bí thư Tỉnh ủy vừa là đoàn trưởng Phụ nữ Cứu quốc tỉnh, họp chúng tôi lại, chị nói: "Anh em bộ đội Hải ngoại không quản gian lao cực khổ từ nước ngoài hy sinh bỏ lại tất cả, quyết tâm cứu nước, về đây kháng chiến với đồng bào thật là cao quý. Tôi nghĩ phụ nữ chúng ta cũng nên tổ chức làm một việc gì đó như một bữa cơm thân mật, một buổi văn nghệ vui vẻ để đón mừng, biểu hiện tình cảm quân dân đoàn kết, động viên anh em phấn khởi chiến đấu...".

Tôi được phân công về xã Mỹ Xương - nơi có một đơn vị khá đông đóng quân quanh vùng đó, tìm gặp phụ nữ xã và các má ở đây nói rõ chủ trương của tỉnh. Mọi người nghe xong đều sốt sắng hưởng ứng, bàn nên làm ngay một bữa cơm ngon lành để chiêu đãi bộ đội vào trưa ngày hôm sau. Bây giờ chỉ còn phân nhau đi vận động các nhà trong xóm ủng hộ gạo, dừa khô, khoai lang, gạo nếp, rau sống v.v... còn thiếu thứ gì thì tối nay ra chợ mua để làm một nồi cà ri gà ăn với bún, thêm giá sống kèm với cơm hoặc xôi nếp.

Các má trao đổi với nhau một chút rồi phân công : Máy người trẻ khỏe thì chia nhau làm ngay mấy việc là chuẩn bị củi, rơm, xếp gạch bắc bếp, đi mượn nồi lớn, chảo lớn, âu chậu, tô tộ bự, rổ rá, dao thớt, sẵn sàng sẵn mai làm ngay từ hừng đông mới kịp. Máy người ở đây quen biết nhiều thì vào các nhà trong xóm nói với bà con là Hội Phụ nữ và các má làm cơm đãi bộ đội Hải ngoại nhưng thiếu gà và đồ nấu cà ri là đồng bào sẽ ủng hộ ngay. Còn mấy bà già này đã quen việc chợ búa nấu nướng rồi, tối nay đi chợ mua gia vị, rau v.v... mai sẽ bao hết mọi công việc nấu bếp. Thế là mỗi toản người đi làm mỗi việc đã được phân công.

Khoảng 8, 9 giờ tối thì xuống các má đi chợ về, vừa bước lên bờ một má đã nói : "Tìm cùng chợ không ra một con bún nào cả ! May có hàng bánh hủ tiếu trắng, đành mua về xào lòng gà vậy". Các má chia cho mỗi người mấy trái bắp nấu thêm vào bữa cơm chiều, vừa ăn vừa bàn công việc sáng sớm mai : một tốp người đi bắt gà, người ở nhà nấu nước sôi làm lông gà, gọt khoai, nạo dưa, lột rau. Còn tất cả các má nhận phần nấu các món ăn. Khi tụi trẻ bọn tôi đã đi ngủ rồi, các má vẫn còn lụi lụi đi xem các bếp, củi, nồi, chảo, chậu, rổ rá có sạch sẽ đủ dùng không rồi mới đi nằm. Hôm sau gà chưa gáy tụi tôi thức dậy và bắt tay vào việc nấu nướng.

Khoảng 10 giờ sáng thì mọi việc đã hươm hươm xong, các thứ đã chuyển dần xuống ba chiếc tam bản mui trần. Những nổi cà ri vàng rục, mùi thơm ngào ngạt đưa theo gió ai ngủ cũng thấy thèm. Những chảo xào lòng gà với giá hẹ bốc hơi nghi ngút rau thơm, rau ghém xanh tươi trông thật hấp dẫn. Không biết có phải do sự tháo vát trong công việc nội trợ gia đình bếp núc của người phụ nữ Việt Nam trung hậu đã quen đăm đàng, hay là do tấm lòng yêu nước mà có tình cảm quý thương bộ đội đã phải gian khổ, hy sinh chiến đấu nên khi có việc gì làm cho bộ đội được vui là làm hết lòng, làm khẩn trương chu đáo nhanh nhẹn đến thế.

Nhìn lại các món ăn ai cũng hài lòng. Như bây giờ thì những món ấy cũng thấy thường thôi, nhưng đang lúc chiến tranh gay go, thiếu thốn đủ thứ mà làm được như vậy có thể coi như một bữa tiệc thịnh soạn. Có một người vui : "Giá có chút rượu nữa thì tuyệt vời !". Nhiều ý kiến gạt phất : "Bộ đội kháng chiến sẽ lại uống rượu mà

mời". Tôi và các má với mấy chị nữa sẽ đi riêng một chiếc xuồng, đang bàn nhau khi đến nơi sẽ chia đi các nhà bộ đội ở, dọn ăn, mời mọc chúc mừng như thế nào, thì chợt có một người liên lạc đưa thư hỏa tốc đến, nội dung thư vắn tắt mấy dòng : "Kính gửi các má, các chị. Vì có lệnh phải rời địa điểm chuyển quân ngay nên không thể tiếp nhận bữa cơm chiều dài trưa nay được. Xin thay mặt toàn thể đơn vị chân thành cảm ơn tất cả các mẹ, các chị. Kỳ". Mọi người nghe tin ai nấy sững sờ, ngỡ ngác. Tuy ai cũng quen với những sự đột ngột bất thường của thời chiến rồi, nhưng vẫn cứ vừa buồn, vừa lo. Buồn vì bao nhiêu vất vả nhiệt tình mà không đạt được mục đích tiếp đãi bộ đội như mong muốn, lo là bộ đội chuyển địa điểm là tình hình có báo động rồi. Mấy chị có con nhỏ đã lo về chuẩn bị. Bọn tôi nhìn bao nhiêu thức ăn để trong mấy cái ghe tam bản mà không biết tính sao. Anh liên lạc vừa định quay gót thì má Hai kêu giật lại hỏi : "Vậy chờ bộ đội chuyển đi đâu con có biết không?".

- Mấy anh đang bàn ở nhà, bí mật quân sự con làm sao biết được !

Trả lời xong, anh chưa đi tới bến sông thì má Hai với kêu chị Tư (cán bộ phụ nữ xã) báo chèo xuồng lẹ lẹ theo anh liên lạc. Khi đến nơi liệu hỏi han thăm dò coi bộ đội đi hướng nào rồi về báo gấp. Rồi má quay sang nói với một chị khác : "Ra kêu chú Tư và mấy chú đang làm ngoài rẫy sau vườn nhà, nói má biểu về ngay có chuyện rất gấp... lẹ lên", rồi các má bàn cùng chúng tôi : "Bộ nào mình cũng chuẩn bị xong rồi, nay anh em có đi chắc cũng chưa xa. Đợi con Tư nó về coi chuyển hướng nào mình cho rượt theo hướng đó chắc sẽ gặp, mà bộ đội chèo ghe xuồng hay đi bộ cũng mau lắm, nên phải kêu mấy chú làm ngoài vườn về rượt mới kịp, cũng chẳng còn biết làm cách nào khác đành phải làm như vậy thôi". Khoảng mấy phút sau đã thấy mấy chú ở ngoài vườn chạy về, tuy đã đứng tuổi, nhưng ai cũng khỏe mạnh. Sau khi nghe các má trao đổi công việc, ai cũng sốt sắng, lập tức ra coi xuồng ghe dầy chèo cẩn thận, có tin về là đi ngay được.

Vừa lúc đó chị Tư về nói không gặp ai trong ban chỉ huy, bộ đội đã đi hết, còn vài người ở lại chờ thủ xếp đồ đạc, rồi bộ đội đi đâu cũng không ai biết, chỉ nói thấy hướng đi ra mé sông Vàm Cái.

Có lẽ cứ đi theo hướng đó may sẽ gặp.

Thế là lại thêm một chuyện khó xử nữa ! Biết hướng bộ đội đi nhưng không biết địa điểm chính nơi sẽ đóng quân thì làm sao đưa cơm tới kịp. Không lẽ bao nhiêu thức ăn phải đem về ? Ai ăn cho hết, trong khi biết chắc là anh em hành quân đói mệt mà trưa nay phải ăn lương khô. Cuối cùng tất cả quyết định là cứ đi theo hướng người ta chỉ. Một đơn vị đông như vậy chắc không đi tập trung mà sẽ chia ra các toán đi trên bờ, toán đi xuống dưới sông. Vậy cứ rượt theo hướng đó, nếu không kịp thì gặp xuống ghe dân qua lại hỏi thăm.

Thế là ba chiếc tam bản chờ khảm thức ăn, một người bơi mui, một người chèo lái khẩn trương rời bến. Chúng tôi đều phải ở lại chỉ có chị Tư biết hướng đi chỉ đường và cảm thụ của Ban chấp hành Phụ nữ cáo lỗi đã không đến tiếp đãi anh em được. Nhờ nước xuôi, thoáng cái đoàn ghe tam bản đã khuất xa mang theo bao hy vọng của người đứng trên bờ mong bữa cơm đến kịp với bộ đội. Tôi cũng vội chào mọi người rồi kiếm xuống quá giang về cơ quan Phụ nữ tỉnh. Cả chiều tối hôm đó, tôi cứ lắng nghe, thấy không có tiếng súng ngoài Sông Cái tôi mới đỡ lo cho anh em hôm ấy.

Ba ngày sau, tôi có dịp đi công tác xã Mỹ Xương, ghé qua nhà má Ba hỏi về bữa cơm mời phải chuyển theo hướng hành quân của khách hôm ấy. Máy người đi về kể lại : chưa thấy lần nào làm cơm chiều đãi bộ đội vất vả, hỏi hộp lo lắng như lần này, nhưng kết quả lại rất tốt đẹp.

Lúc đầu cứ đi theo hướng chỉ, hỏi thăm hoài nhưng không ai nói vì họ giữ bí mật, may gặp một xuống cán bộ xã nói thấy có bộ đội đi về phía trước, nhưng không biết sẽ ghé vào xã nào, ở những nhà ai. Đánh lại đi theo phía trước, tính ra cũng đã khá xa, mặt trời gần đứng bóng - chợt thấy thấp thoáng người qua lại trên lộ đất ở mé sông, ghé lại hỏi thì vừa đúng gặp một anh bộ đội. Khi nói rõ sự thể rồi, hai bên đều rất mừng, đi vào trạm thường trực, qua trao đổi mới rõ nguyên nhân chuyển địa điểm là vì mấy ngày nay có tàu của kẻ địch chạy ngoài sông Cửu Long, nên trên có lệnh điều bộ đội về đóng dãi ven sông để chờ địch, từ phòng địch đổ bộ thì sẵn sàng chiến đấu.

Mọi người mừng rỡ vội cùng mấy anh ở trạm huy động dân địa phương giúp mượn thêm tô đĩa để chia thức ăn theo từng đơn vị nhỏ, rồi phân nhau đem đến từng điểm trực chiến để anh em ăn. Vừa lúc mọi người vừa mới chuẩn bị ụng đất, hăm hào xong, đang đói mệt, thì được đón nhận ngay một bữa cơm ngon lành. Anh em chân tình gửi lời cảm ơn Tỉnh hội, các má, các chị phụ nữ, nhất là cảm động trước nhiệt tình cố gắng của đoàn chèo ghe tam bản đã không quản khó khăn quyết tâm đưa được bữa ăn đến thật chu đáo kịp thời.

Ngay sau khi viết xong bài này, tôi có đem đến Trung tướng Dương Cự Tâm (nay đã nghỉ hưu) để xin ông đóng góp ý kiến bổ sung. Ông vẫn nhớ nhiều, sau khi xác nhận bổ sung vài chi tiết, ông vui vẻ nói thêm : "Lúc ấy đoàn chúng tôi ở nước ngoài về có gần 500 người toàn là thanh niên hàng hải, sỏi nổi, có anh trẻ măng đi đường nôn nóng cứ mong đi cho mau kéo ở trong nước đánh hết giặc rồi mình về không kịp lập công". Và ông cảm động nhắc lại : "Hồi ấy bộ đội Hải ngoại về đóng ở xã nào cũng được xã ấy chiêu đãi rất thân tình nồng hậu".

Câu chuyện cách nay gần nửa thế kỷ, cũng có người đã mãi mãi nằm xuống vì Tổ quốc, có nhiều người đã lập được chiến tích lớn lao anh hùng. Nay chúng tôi nhắc lại những sự việc đã qua như thấy rõ cả một trang trong cuốn sử dày, vô cùng hào hùng oanh liệt của dân tộc ta đang hiển hiện ra trước mắt.

23-11-1994

NGÀNH THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1)

LUONG VĂN AM

NGÀNH THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ TRONG NHỮNG NGÀY ĐẦU CHỐNG PHÁP

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp được sự che chở của quân đội Anh - Ấn tổ chức đánh chiếm thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai. Chính quyền cách mạng non trẻ của chúng ta - Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ thành lập chưa tròn tháng tại thành phố, buộc lòng cùng với các ban ngành đoàn thể rút về các tỉnh miền Tây xây dựng căn cứ, lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Để giữ vững liên lạc với Trung ương lúc này còn ở Hà Nội, Ủy ban Hành chính thành lập Trung tâm Thông tin vô tuyến điện dựa vào cơ sở cán bộ văn phòng của Trung ương Thu tin (Bureau central de reception viết tắt là BCR), bao gồm các anh Vũ Đạo Phổ, Trần Tích, Nguyễn Văn Phẩm, Phạm Văn Liên, Nguyễn Văn Tri, Huỳnh Kim Huyền, Nguyễn Văn Vàng và kỹ sư Cao Văn Hóa, dưới sự hướng dẫn của kỹ sư Nguyễn Văn Tinh.

Khi rút xuống miền Tây, anh em mang một đài phát sóng khá mạnh do kỹ sư Cao Văn Hóa lắp ráp sau ngày 25 tháng 8 năm 1945 và một tổ hợp máy phát điện hiệu Bernard. Tới căn cứ, đài kịp thời phát sóng trên dải tần 7 MHz (khoảng 40 - 42m) lấy tên là đài VMA, giữ vững được liên lạc với Trung ương ngay từ những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến. Sau một thời gian ngắn kỹ sư Cao Văn Hóa và Nguyễn Văn Tinh được điều về Trung ương nhận nhiệm vụ mới.

(1) Trích hồi ký của đồng chí Lương Văn Am, nguyên Phó ban Thông tin liên lạc Bộ Tư lệnh Chiến khu 7, Bộ Tư lệnh Miền Đông Nam Bộ. <https://tietlun.hopto.org>

nhưng anh em còn lại bắt tay vào việc xây dựng và điều hành ngành Thông tin vô tuyến điện quân sự miền Tây Nam Bộ, tức là Chiến khu 8 và Chiến khu 9 sau này cho tới ngày kháng chiến chống Pháp thắng lợi năm 1954.

Bộ phận Ủy ban Hành chánh lâm thời đi về miền Đông tổ chức thành Ủy ban Kháng chiến miền Đông Nam Bộ (sau đổi thành Ủy ban Kháng chiến Hành chánh miền Đông Nam Bộ) trực thuộc Ủy ban Hành chánh Nam Bộ về mặt hành chánh, và trực thuộc Bộ Quốc phòng về mặt quân sự. Cho tới ngày 10 tháng 10 năm 1945 Ủy ban Hành chánh miền Đông chưa thành lập được đài vô tuyến điện để giữ vững liên lạc với miền Tây Nam Bộ và Trung ương.

Đi theo Ủy ban Kháng chiến miền Đông Nam Bộ cũng có một nhóm cán bộ thông tin của văn phòng Trung ương Thu tín là Nguyễn Văn Loát, Hoàng Kỳ, Vũ Chu Mộng và một số cán bộ kỹ thuật làm ở hãng tư như Dương Minh Khai làm ở hãng Siler, tôi ở hãng Jean Cambay và Nguyễn Văn Quý chủ tiệm sửa chữa radio ở Sài Gòn. Chúng tôi cử anh Nguyễn Văn Loát làm nhóm trưởng. Ngoài nhân viên vô tuyến điện còn có Nguyễn Tam Cư thợ sửa xe đạp và một công nhân cơ khí mà tôi quên tên.

VMB ĐÀI PHÁT TÍN ĐẦU TIÊN CỦA MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Nhóm chúng tôi được giao nhiệm vụ tổ chức đài thu phát, trên cơ sở một máy thu thanh chạy điện lưới. Như vậy mới giải quyết vấn đề thu thanh mà chưa phải thu tín, và còn thiếu đài phát mới thành lập được đài thu phát vô tuyến điện. Máy người công nhân chúng tôi góp các dụng cụ và vật tư linh kiện vô tuyến điện của mình để lắp đài phát tín. Ủy ban Kháng chiến miền Đông giao cho chúng tôi một căn nhà ở Gò Vấp làm nơi đặt đài. Kiểm điểm dụng cụ vật liệu lắp đài phát, chúng tôi thấy thiếu nhiều quá, nhất là các linh kiện điện tử chuyên dùng của máy phát sóng. Đang cùng nhau suy nghĩ thì anh công nhân cơ khí phát hiện trong sân bay Tân Sơn Nhất có một số máy bay quân sự của Nhật đậu, chắc là thế nào cũng có máy phát vô tuyến điện.

Tổng phái tính, chúng tôi giao nhiệm vụ cho Dương Minh Khai

nhận dạng khí tài, Nguyễn Tam Cư và anh công nhân cơ khí đưa đường và tham gia tháo máy. Vào một buổi trưa, ba anh em lên vào bãi để máy bay của Nhật trong sân bay Tân Sơn Nhất (lúc này Nhật đã đầu hàng đang chờ giải giới nên việc canh phòng chảnh máng). Sau khoảng hai giờ anh em khiêng về một hộp kim khí dài khoảng 0,70m, ngang 0,40m, và cao 0,30m. Trong chúng tôi vốn là công nhân sửa chữa máy thu thanh, anh Nguyễn Văn Quý có vợ vẽ biết máy phát (thực dân Pháp nghiêm cấm công nhân các hãng tư lập máy phát).

Anh Quý dùng chìa khóa và vặn vít mở hộp máy, anh vui mừng reo lên : May quá ! Đây là bộ phận phát xạ, bộ phận cuối cùng của máy phát thanh có đủ bóng đèn phát (loại 807), các tụ xoay chuyên dụng và các cuộn sen cao tần công suất, với bộ phận này chỉ cần có một bộ dao động cao tần và một bộ nguồn điện là có một máy phát tín mạnh !

Trở lại sân bay gỡ bộ nguồn là một việc phiêu lưu không cần thiết. Chúng tôi bàn nhau dùng bộ nguồn của một máy thu thanh, tất nhiên công suất phát xạ sẽ giảm nhiều.

Chúng tôi phân làm hai nhóm, nhóm làm máy phát gồm anh Quý, anh Khai, anh công nhân cơ khí và anh Loát. Nhóm máy thu do tôi phụ trách với anh Kỳ, anh Cư. Nhóm phát chuẩn bị bộ nguồn cao áp và bộ phận chủ sóng, hệ anten. Nhóm thu cần lắp bộ phận dao động, dao thoa âm tần (BFO) vì máy thu thanh chỉ nghe được sóng điều chế, mà máy phát tin từ một vài đài quốc tế lớn phát sóng điều chế còn tuyệt đại đa số đều phát sóng duy trì thuần túy. Muốn nghe được sóng này bằng máy thu thanh bình thường phải thêm vào máy thu một bộ phận nói trên, việc này tôi thường làm ở hãng Cambay (Biến chế máy thu thanh dân dụng nghe sóng thuần túy duy trì cho quân đội Nhật) nên tôi làm không khó khăn gì. Máy thu chế biến xong, Hoàng Kỳ dùng máy quét sóng theo dõi đài của mình lúc đó thường bắt đầu bằng chữ V. Một đêm theo dõi làn sóng, Hoàng Kỳ tìm được đài VMA ở băng tần 7 MHz, liền đánh dấu trên mặt máy thu. Lúc đó cũng vừa kịp với nhóm anh Quý làm xong máy phát.

Chúng tôi điều chỉnh máy phát tự chế vào tần số 7 MHz (gần băng tần đài VMA) đặt tên cho nó là VMB. Đợi giờ liên lạc của đài VMA với VTg, chúng tôi phát sóng gọi VMA và VTg đồng thời dùng máy thu theo dõi hai đài bạn. Với hy vọng mong manh bạn nghe được đài VMB của chúng tôi. Chúng tôi kiên trì làm việc này không quản ngày đêm cho tới gần sáng ngày 10 tháng 10 năm 1945, VMA cho hay đã bắt được sóng của VMB. Qua VMA chúng tôi được biết VTg là đài của Ủy ban Kháng chiến Liên khu V đóng ở miền tây tỉnh Quảng Ngãi mà đài trưởng là anh Nguyễn Văn Trọng nhân viên của BCR Sài Gòn. Như vậy từ ngày 10 tháng 10 năm 1945, đài VMB giữ vững liên lạc với VMA và Trung ương thông qua đài VTg hoặc VMA. Ngoài nhiệm vụ trên chúng tôi còn nhận tin tức quốc tế và trong nước cho Ủy ban Kháng chiến miền Đông, chúng tôi phân công Hoàng Kỳ nhận tin trong nước, còn Vũ Chu Mộng biết tiếng Pháp, tiếng Anh lại biết viết tốc ký thì theo dõi hãng tin Pháp và Anh.

Giặc tấn công ra Gò Vấp, chúng tôi chở đài trên một xe tải lên Trảng Bòm tiếp tục làm việc, ít ngày lại phải đem đài ra Phan Thiết, sau ra Tháp Chàm (Phan Rang) tiếp tục hoạt động cho tới cuối năm 1945. Ở Phan Rang chúng tôi vẫn giữ vững liên lạc với VMA và VTg, nhưng mất liên lạc với Ủy ban Kháng chiến miền Đông Nam Bộ. Ủy ban đã rút vào sâu, đường liên lạc với đài bị cắt đứt.

Dem đài về chiến khu là một việc làm không thực tế, vì nó vừa nặng nề vừa không có nguồn điện lưới phục vụ máy thu phát, nên chúng tôi bàn nhau khiêng đài lên xe lửa (lúc đó xe lửa còn hoạt động từ Phan Thiết trở ra) đem ra Ủy ban Kháng chiến Liên khu V, lúc đó đồng chí Nguyễn Sơn là Khu trưởng, đổi lấy một máy thu phát lưu động MK II nhẹ gọn rất thuận tiện cho công tác lưu động. Hai bên đều thỏa mãn, Liên khu V đóng ở thị xã Quảng Ngãi lúc đó còn độc lập, được một đài to lớn công kênh làm đài thu phát tin cố định thì hay quá. Chúng tôi được đài nhẹ gọn để trở lại miền Đông Nam Bộ nên vô cùng phấn khởi.

Lúc này vào tháng giêng năm 1946, ngày kết thúc sự cố mặt ngăn ngòi của đài VMB, 2 tháng 20 ngày kể từ ngày phát sóng 10 tháng 10 năm 1945. Lúc này Trung ương lúc này còn đóng ở Hà Nội. Nguyễn Văn Quý ra Trung ương lúc này còn đóng ở Hà Nội. Nguyễn

Tam Cư, Dương Minh Khai, Vũ Chu Mộng tham gia công tác ở Liên khu V. Còn Hoàng Kỳ, Nguyễn Văn Loát, tôi và Nguyễn Quốc Vinh (một đài trưởng của Khánh Hòa người Nghệ An) xung phong Nam tiến.

Hoàng Kỳ và Nguyễn Quốc Vinh xung phong vào chiến trường (lúc đó mới đóng khung trong địa giới Nam Bộ) vì lòng yêu nước sôi nổi, chí căm thù giặc sâu sắc của tuổi hai mươi. Riêng tôi, một trung niên ba mươi hai tuổi, tôi xung phong trở lại chiến trường cũ vì khi rút lui ra miền Trung tôi để lại người vợ trẻ và ba con thơ, đứa lớn nhất không quá 5 tuổi và nhỏ nhất gần đầy năm ở giữa rừng già Trảng Bom không người quen thuộc. Như vậy việc Nam tiến của tôi và Loát phù hợp với nhiệm vụ đối với Tổ quốc lâm nguy và đối với tình cảm gia đình, vợ con Loát lúc này cũng đang ở Sài Gòn.

Chúng tôi đeo máy lên vai, bước lên xe lửa một sáng mùa xuân tại ga Quảng Ngãi, chiều ngày hôm sau mới tới Phan Thiết, tàu chạy chậm vì phải tránh nhiều đoàn tàu từ Nam ra Bắc. Tới Phan Thiết mới hay đường vào Nam đã tắc nghẽn, địch đã chiếm đường số 1, chuẩn bị leo thang chiến tranh ra miền Nam Trung Bộ, thị xã Phan Thiết đang tổ chức tản cư và Trung đoàn 82 quân chủ lực của Bình Thuận cũng rút lên chiến khu lập căn cứ, con đường vào Nam tạm thời chưa tổ chức được. Từ lúc ở Quảng Ngãi chúng tôi đã đặt tên cho đài chúng tôi mang trên vai là NB02 để xác định quyết tâm về Nam Bộ, lúc bắt đầu đi chúng tôi liên lạc với VMA và VTg sau đó hằng tuần liên lạc một lần. Máy thu phát MKII là máy tương đối hiện đại lúc bấy giờ, máy phát máy thu nằm chung một hộp có quai đeo vai, một hộp khác mang bộ nguồn cũng có quai đeo, thu phát cũng dùng bộ nguồn do một bình ắc quy 6V 20 AH cung cấp, kèm theo có một máy phát điện quay tay 7,5V 4 Ampe dùng để nạp ắc quy. Máy phát kiểm tra thạch anh công suất cao tần 20W rất ổn định và khỏe, máy thu kiểu đối tần số còn gọi là siêu tha phách 4 đèn (trong đó có đèn kếp) rất nhạy, tính chọn lọc cao, tính ổn định cao. Loại máy này do nước Anh đặc chế cho gián điệp đường dài.

Đường bị tắc, đi không được mà quay trở lại miền Trung thì không ai chịu, chúng tôi đành tạm trú ở Trung đoàn 82 lúc đó do đồng chí Lương Văn Khâm (người thiếu tá Việt Bắc) làm Trung đoàn

trường, để chờ đường thông. Lúc này chúng tôi còn 3 người vì anh Loát ra miền Bắc. Cùng ở chung với Trung đoàn 82 (máy thu phát cũng là một MKII) chúng tôi có điều kiện giữ liên lạc với VMA và VTg.

Khoảng cuối năm 1946, đường liên lạc vào Nam thông suốt, đồng thời nhận được điện từ Cục Thông tin liên lạc cho Trung đoàn 82 yêu cầu tạo điều kiện cho chúng tôi trở về Nam Bộ. Chúng tôi đi bộ từ chiến khu Trung đoàn 82 nằm về phía tây bắc tỉnh Bình Thuận tiến ra bờ biển phía Đông, lên thuyền câu vào khoảng chạng vạng tối, vượt qua thị xã Phan Thiết lúc này địch đã chiếm, đổ bộ lên bờ biển phía Nam tỉnh Bình Thuận vào rạng sáng hôm sau. Từ đây chúng tôi men theo bờ biển, phía tay trái là biển, tay phải là rừng, có nhiều nơi rừng sát biển.

Tới trạm giao liên đầu tiên của Chiến khu 7, chúng tôi gặp đoàn của đồng chí Nông Hải Triều và Nguyễn Đức Phú cũng mang một đài phát tin nhỏ (10 watt) vào chi viện miền Nam. Đồng chí Triều người thiếu số Cao Bằng tuổi khoảng 24 - 25, cao gầy trắng trẻo, ngược lại Nguyễn Đức Phú thấp lùn, nước da màu nâu với đặc trưng cái sống mũi điều hậu.

Chúng tôi nhập chung thành một đoàn theo đường dây giao liên dọc theo đường nước xuống đi vào ven thành phố Sài Gòn. Đêm khuya khoát không gian vắng lặng, nhìn vầng sáng đỏ thành nơi tôi cư trú trước đây, tôi tự hỏi không biết giờ này vợ và các con tôi còn ở Trảng Bom hay đã phiêu bạt nơi nào ?

Một đêm qua vùng ven bằng xuống giao liên, sáng hôm sau chúng tôi được nghỉ lấy sức ở một nhà cơ sở thuộc tây nam thành phố Sài Gòn đang bị tạm chiếm để tối đến lợi bộ suốt đêm. Sáng hôm sau nửa quá giang ghe buồm ngược dòng Vàm Cỏ Đông về căn cứ Chiến khu 7 vào một buổi chiều cuối năm 1946.

Ở CHIẾN KHU 7 NĂM 1946 - 1947

Ở Nam Bộ đầu năm 1946 không còn chia làm hai miền Đông và Tây như cuối năm 1955, mà chia thành ba chiến khu, lấy các con sông lớn làm ranh giới. Khu 9 từ bờ nam sông Hậu tới mũi Cà Mau,

Khu 8 từ bờ bắc sông Hậu tới bờ nam sông Vàm Cỏ Tây, và Khu 7 gồm toàn bộ vùng rừng núi, đồng ruộng miền Đông kéo dài từ bờ bắc sông Vàm Cỏ Tây.

Sau ngày đánh chiếm Sài Gòn 23 tháng 9 năm 1945, được tăng viện thêm từ nước Pháp, địch bung lên miền Đông, bung xuống miền Tây. Cho tới giữa năm 1946 địch đã bung ra khắp Nam Bộ, địch chiếm đóng các thị xã, thị trấn, kiểm soát các đường giao thông thủy bộ, kiểm soát các vùng đông dân cư ven thị xã, thị trấn. Ta chiếm vùng nông thôn rộng lớn, vùng bung biển, vùng rừng núi hiểm trở, ta và địch ở thế cái răng lược, thế tranh chấp: tranh chấp dân, tranh chấp đất, địch chiếm điểm, ta chiếm diện. Về lực vì dân mỏng nên địch không đủ sức đánh ra diện rộng một lúc mà thường có những cuộc càn quét vào một vùng của ta, vào mùa khô thuận tiện cho việc chuyển quân và khí tài. Ta cũng chưa đủ mạnh để đánh cứ điểm lớn của địch, chiến thuật thích hợp nhất của ta là du kích vận động chiến, đánh địch trong khi chúng hành quân dã ngoại, và tiêu diệt một số đồn bót nhỏ.

Về tổ chức quân đội lúc đó đã có bộ đội chủ lực khu, tỉnh, bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích xã.

Riêng ở khu có bộ đội chủ lực Liên quân B và Liên quân C lưu động. Liên quân C do đồng chí Tô Ký chỉ huy. Chiến khu 7 nằm trên địa bàn mấp mề trung bình, rừng núi xen kẽ với làng mạc, có nhiều thị trấn, thị xã, đặc biệt là thành phố Sài Gòn, có sân bay, có bến cảng, có đường giao thông thủy bộ thuận tiện. Các cơ quan đầu não khu, tỉnh đóng ở vùng sâu, còn các đơn vị bộ đội phân tán theo điểm dân cư.

Việc thông tin liên lạc dựa chủ yếu vào đôi chân người chiến sĩ giao liên, trong hoàn cảnh kẻ địch làm chủ các đường giao thông chủ yếu, là một việc làm hao người, mà không bảo đảm được yếu tố kịp thời, bí mật và an toàn.

Khu bộ Khu 7 lúc đó đóng ở một số gò (giồng) trong các đồng lầy thụt, nằm giữa sông Vàm Cỏ Tây ở phía nam, sông Vàm Cỏ Đông ở phía Bắc. Phía tây giáp Campuchia, và phía đông giáp kinh Trà

Cứ, một kinh ngang nối liền hai sông Vàm Cỏ thuộc tỉnh Tân An.

Cơ quan Khu bộ đóng ở Giồng Lức, phòng tham mưu đóng ở Giồng Dinh. Ban Vô tuyến điện lúc đầu đóng ở rạch Cần Dè trên hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông, sau này chuyển gán Khu bộ (Giồng Ông Ban). Chúng tôi tới Ban vào một chiều cuối năm 1946. Gọi là Ban Vô tuyến điện cho có tên, thực chất chỉ là một đài thu phát tin nhỏ mang tên là VMA 2 do anh Lê Tấn Trinh và Nguyễn Trần Lâm phụ trách. Hai anh đều xuất thân từ văn phòng Trung ương thu tin.

Đài VMA 2 do anh Lê Tấn Trinh mang từ miền Tây lên, vùi trong ghe thương buôn chở lúa xuyên qua vùng địch tạm chiếm về Chiến khu 7. Theo phát hiện của anh Nguyễn Văn Phẩm thì đài này được sản xuất tại Sài Gòn trước đây và chính tay anh Nguyễn Văn Vàng lắp ráp, máy phát nguồn cao áp của đài lấy từ Sở Cứu hỏa Sài Gòn trước tháng 8 năm 1945. Nhân viên của Ban ngoài anh Trinh, anh Lâm ra còn có cháu Nguyễn Lam Điền, con anh Nguyễn Văn Phẩm (lúc này đang ở Khu 8), một số anh em trung niên yêu nước từ các khu đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ như anh Tư Tân (một thợ mộc tài năng, sau này là trưởng ban doanh trại của chúng tôi), anh Ba Duyệt (một ông lý trưởng thất thế đi phu cao su, sau này phụ trách trưởng Ban sản xuất), anh Trịnh Duy Lân (anh đỡ nho giận đời bỏ đi cao su), và ông già Văn (một ông già nấu ăn cho Pháp có hai con tham gia kháng chiến).

Từ sáng tinh mơ người nào việc nấy, anh Tư Tân dùng xuống chở máy móc vào ngọn rạch, giấu trong rừng tràm, tới nơi anh Ba Duyệt dùng xuống đó chở bình ắc quy, một cái dinamô của xe hơi và một cuộn dây dứa ra ngoài sông Vàm Cỏ Đông ghé vào nhà máy xay xát, máng dây dứa vào bánh đà máy xay và dinamô nạp điện vào bình tới khi bình no điện, vào khoảng xế chiều lại chở bình về. Khi về tới nhà anh Tư Tân lại dùng xuống chở đài từ nơi giấu về.

Khi anh Ba Duyệt đi nạp bình, ở nhà anh Trinh nướng mớ hân, hân lại bộ nguồn máy thu gồm 30 cục pin đen để chuẩn bị lên sóng buổi tối, còn các anh em khác thì lo củi được nấu nướng chuẩn bị bữa ăn do ông già Văn chỉ đạo.

Vào chạng vạng tối, sau khi dựng ống-teo xong, anh Tư Tân

lấy đài về, anh Trinh và anh Lân lắp đài, luận phiên ngồi làm việc cho tới khi hết điện bình vào khoảng 10 giờ đêm, lại gỡ đài bỏ vào thùng, gắn chai chống âm để tàng sáng mai đem đi giấu, đồng thời hạ ăng-ten.

Nhìn bộ máy thu phát của đài VMA 2 tôi vô cùng ngạc nhiên về cấu tạo rất đơn giản mâu thuẫn với hiệu lực thu phát kỳ diệu của nó. Bạn hãy tưởng tượng máy phát gồm hai đèn 6V6 lắp theo kiểu đối xứng (Mesny), một cuộn sen làm bằng dây đồng trần đường kính 3 mm, một cái tụ xoay và một cái kháng than chỉ có thể thổi, nguồn điện 300 vôn lấy từ máy đổi điện quay tròn của xe chữa lửa Sài Gòn mà đầu vào là nguồn điện của bình ắc quy 6 vôn. Đơn giản như vậy mà liên lạc với VTg lúc đó ở một vùng thuộc Quảng Ngãi xa đài VMA 2 gần ngàn kilômet !

Nhìn máy thu tôi càng ngạc nhiên hơn nữa vì nó đơn giản chẳng kém gì máy phát. Tôi ngạc nhiên vì trước đây quen với máy thu kiểu đối tần số siêu tha phách hiện đại, phức tạp, số đèn trung bình 5 - 6 đèn trở lên với nguồn điện phiến 250 vôn. Nay máy thu VMA 2 chỉ có ba đèn loại cỡ lỗ si A 410 hệ số khuếch đại thấp mà nguồn điện anốt chỉ có 45 vôn, tức là 1/5 tới 1/6 của 250 vôn, đây là một máy thu trực tiếp khuếch đại kiểu Schnell điều khiển phản ứng bằng tụ xoay. Nhìn bộ máy thu phát tôi tự nhủ đây là một mô hình cần phát triển, và đây là một vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng lấy thô sơ thắng hiện đại, trong hoàn cảnh toàn dân phải dùng tâm vông vật nhọn, gươm giáo chống lại súng trường đại bác của địch, tình hình chúng ta lúc đó không thể cấu tạo được.

*

* *

Như vậy, lần hồi chúng tôi xây dựng được tương đối hoàn chỉnh ngành Thông tin miền Đông đảm bảo liên lạc thông suốt từ trên xuống dưới, đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến thuật và chiến dịch của cuộc kháng chiến ở miền Đông và chỉ viện cả khí tài và người cho chiến trường miền Đông Campuchia.

Anh Nguyễn Văn Phạm và tôi là hai người tạo ra nó, lúc

đó cũng mới trên dưới 30. Nay người trẻ nhất còn sống tóc đều đã bạc. Còn biết bao những mái đầu xanh ngày xưa đã từ lâu vắng bóng. Nhìn ánh mắt của những đồng chí còn sống, chúng tôi vẫn thấy rục lên niềm tự hào về những việc đã làm cho đất nước. Ở nơi vịnh hằng xa xôi nào đó - nếu có thật - những đồng chí đồng đội của chúng tôi đã sớm hoàn tất nghĩa vụ cống hiến tuổi trẻ của mình cho Tổ quốc, chắc cũng cùng chia sẻ nỗi niềm đó.

Cảm ơn Đảng đã dẫn dắt chúng tôi - những người thợ bình thường của thời nô lệ - biết sống một cuộc đời đáng sống.

CHÙA TAM BẢO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

NGUYỄN VĂN MINH

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, tôn giáo gắn chặt với dân tộc, tín ngưỡng gắn liền với yêu nước trong mỗi con người Việt Nam có đạo. Đạo Phật tuy từ nước ngoài du nhập vào, nhưng đã sớm "Việt Nam hóa" mang đậm tinh dân tộc với tinh thần yêu nước chống ngoại xâm trải qua nhiều triều đại phong kiến, nhất là các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, đã tạo nên một truyền thống tốt đẹp. Nhiều nhà sư cỡi áo cà sa khoác chiến bào. Hoặc vẫn khoác áo cà sa, kinh kệ nầu sòng, nhưng lòng mang nặng tình quê hương đất nước. Nhiều ngôi chùa Phật là tụ điểm liên lạc của nghĩa quân, là cơ sở cách mạng. Chùa Tam Bảo ở Kiên Giang là một cái chốt liên lạc của Đảng Cộng sản, Liên tỉnh ủy Hậu Giang, là nơi chứa vũ khí chuẩn bị cho Nam Kỳ Khởi nghĩa năm 1940 ; là nơi xuất bản tạp chí *Tiến hóa* năm 1935.

Theo đại lộ Nguyễn Trung Trực vào thị xã Rạch Giá đến ngã tư Phan Đình Phùng, phía bên phải có cổng lớn, hai bên cổng có liên đới bằng chữ Hán, phía trên cổng có đề hàng chữ Quốc ngữ to : "Sắc tứ Tam Bảo Tự". Đi qua cổng lớn vào 150 mét đến cổng chùa. Sắc tứ Tam Bảo Tự được vua Gia Long (1802-1820) ban cho chùa. Từ đó chùa Bà Hoảng mang tên chùa Tam Bảo. Ngày nay Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận đây là khu di tích lịch sử văn hóa.

Bà Hoảng tên thật là Dương Thị Can, quê ở Rạch Giá, bà không có chồng con ; là người đầu tiên xây dựng ngôi chùa Tam Bảo ngày nay và tu hành tại đây cho đến khi bà qua đời. Tính theo sắc tứ của vua Gia Long ban thì ngôi chùa này có trước năm 1802. Đêm 16-6-1868 Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực tiêu diệt đồn Kiên Giang. Để chuẩn bị cho trận đánh an dân, tích trữ ông Nguyễn Trung Trực

đi điều nghiên trận địa, có trụ tại chùa Bà Hoằng 5 hôm⁽¹⁾. Từ đó Chùa Tam Bảo đi vào lịch sử dân tộc chống thực dân Pháp xâm lược.

Nước mất nhà tan, đạo cùng số phận với người dân nô lệ. Ông Nguyễn Văn Đồng sinh năm 1882 tại Rạch Giá là người tiếp tục xây dựng truyền thống của chùa Tam Bảo, phát huy tinh thần yêu nước chống thực dân Pháp của tín đồ, phật tử ở Kiên Giang.

Ông Nguyễn Văn Đồng đi tu năm 1911 tại chùa Hôn Quáo xã Thổ Sơn huyện Hôn Đất. Năm 1913, ông trụ trì ở chùa Tam Bảo. Năm 1915 ông được phong Hòa Thượng, pháp danh là Thích Trí Thiện. Năm 1931 ông lên Sài Gòn ở tại chùa Linh Sơn, làm việc tại Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học. Ông là một thành viên quan trọng sáng lập, tổ chức và hoạt động của Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học. Tại đây ông được nhà sư Thiện Chiếu (Nguyễn Văn Tài) giác ngộ cách mạng. Năm 1935 ông trở về trụ trì tại chùa Tam Bảo. Từ đó chùa Tam Bảo là cơ sở cách mạng của Đảng Cộng sản tại Rạch Giá.

Năm 1935 Hòa thượng Thích Trí Thiện (dân ở Rạch Giá gọi ông với cái tên vừa tôn kính, vừa thân thương là ông Đạo Đồng) cùng nhà sư Thiện Chiếu, đảng viên Đảng cộng sản từ Sài Gòn xuống và Sư Pháp Linh từ Sóc Trăng sang, ba ông tích cực vận động thành lập Hội Kiêm tế Phật học Rạch Giá, tranh thủ được ông Đốc phủ sứ Đỗ Kiệt Triệu, một phật tử rất mộ đạo đứng đơn xin thành lập. Hội kiêm tế Phật học Rạch Giá ra đời, hoạt động công khai, xuất bản tạp chí *Tiến Hóa*, năm 1938-1939 ra được 15 số. Tạp chí *Tiến Hóa* không chỉ nghiên cứu Phật học mà còn là một tạp chí cách mạng có nhiều nội dung, tuyên truyền tinh thần yêu nước chống Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lenin theo đường lối của Đảng Cộng sản trong phong trào vận động Dân chủ của Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Từ đó trở đi, chùa Tam Bảo có nhiều cán bộ cách mạng lui tới, một số trụ lại chùa để hoạt động cách mạng. Nhà sư Pháp Linh tên thật Phan Thanh Hà, là người hoạt động cách mạng từ Gia Định (trụ trì chùa Phúc Thọ), đến Sóc Trăng (trụ trì chùa Long Hưng), rồi đến Rạch Giá (trụ trì chùa Tam Bảo). Sư Pháp Linh thạo tiếng Pháp,

<https://tieulun.hopto.org>

1. Theo Giang Minh Đức, Nguyễn Trung Trực - anh hùng kháng chiến chống Pháp, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1991, tr.30.

giỏi Hán văn, là thầy thuốc bắt mạch kê đơn cho thuốc trị bệnh cho bá tánh. Ông giữ chức Pháp sư trong Hội Kiêm tế Phật học Rạch Giá, chủ bút tạp chí *Tiến Hóa*, một cây bút xuất sắc của Tạp chí. Ông là người thuyết pháp, tuyên truyền yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lenin theo đường lối của Đảng, có sức thu hút đông đảo quần chúng.

Nhà sư Thiện Ân, tên thật Trần Văn Thâu, đảng viên Cộng sản. Hàng ngày tụng kinh niệm Phật, làm mọi việc trong nhà chùa, nhưng có một nhiệm vụ đặc biệt là đêm đêm sản xuất lựu đạn, chuẩn bị cho Nam Kỳ khởi nghĩa 1940. Lựu đạn làm bằng vỏ lon sữa bò, dón thuốc nổ, mảnh gang, nghi trang những cái lư hương trên bàn Phật.

Các nhà sư hoạt động rất tích cực, bằng thuyết pháp, bằng xuất bản tạp chí *Tiến Hóa*, bằng chăm sóc chữa bệnh cho người nghèo. Ảnh hưởng uy tín của chùa Tam Bảo lan rộng và ăn sâu vào nhiều tầng lớp xã hội ở Rạch Giá, cả công nhân lao động, công chức, trí thức. Chánh tham biện tỉnh Rạch Giá người Pháp có vợ Việt Nam, vợ hán lòi hán vào hội viên danh dự của Hội Kiêm tế Phật học Rạch Giá. Tin đó, phật tử quy y vào chùa Tam Bảo ngày càng đông. Ảnh hưởng của chùa Tam Bảo (ảnh hưởng yêu nước, chống ngoại xâm) lan ra các chùa khác ở Rạch Giá như chùa Ông Nổi, chùa Phật Lớn, chùa Thập Phương... và lan rộng đến một số chùa ở thị xã Hà Tiên. Do đó ảnh hưởng cách mạng, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm được khơi dậy trong nhiều tín đồ đạo Phật.

Do có nội gián chỉ điểm, đêm 16-4-1941 bọn mật thám bao vây lục soát chùa Tam Bảo. Chúng bắt Hòa thượng Thích Trí Thiên (ông Đạo Đồng), Sư Thiện Ân, Thầy giáo Tắt, hai chị Bưởi và Bé Liên là liên lạc viên của Liên tỉnh ủy Hậu Giang. Sư Thiện Ân bị đánh đập tra tấn tàn nhẫn, nhưng ông không khai báo. Vì có nội gián, chúng quyết khảo tra, tìm cho ra tang vật. Cuối cùng chúng tìm thấy một số vật dụng chế tạo lựu đạn như vỏ lon sữa bò, thuốc nổ, mảnh gang... lấy được một số truyền đơn, tài liệu mật. Nền chùa bị đào xới. Và chúng đã khui được nơi cất giấu vũ khí, 61 quả lựu đạn chuẩn bị phân phối về các tỉnh theo đường biển. <https://tieu.lun.hopto.org>

61 quả lựu đạn được xếp trên một cái bàn trước chánh điện. Sư Thiện Ân bị treo lên xà nhà tra tấn dã man, nhưng ông không khai nửa lời. Trong cơn đau đớn bị khảo tra, Sư Thiện Ân vẫn tinh táo nghĩ ra cách đánh địch, bảo chúng thả ra dẫn đi lấy vũ khí. Bọn mật thám hí hửng, tưởng đầu đã khuất phục được nhà sư. Sư Thiện Ân dẫn chúng đi quanh co, vừa đến cái bàn có 61 quả lựu đạn, bất ngờ ông đập cái bàn, nhưng một tên mật thám đi cạnh ông nhanh tay ngăn lại. Cả bọn nằm xuống. Một quả lựu đạn rơi, nổ tung làm một tên mật thám bị thương (lựu đạn lúc ấy rất thô sơ, công phá yếu).

Trước tòa đại hình Sài Gòn chúng tuyên án tử hình nhà Sư Thiện Ân ; Hòa thượng Thích Trí Thiên (ông Đạo Đồng) 5 năm tù biệt xứ, đày ra Côn Đảo ; hai chị Bưởi và Bé Liên, chung thân khổ sai ; Thầy giáo Tất được tha. Ra Côn Đảo ông Đạo Đồng tham gia đấu tranh tuyệt thực, hy sinh ngày 26-6-1943, ông đã làm sáng danh một nhà sư yêu nước, tổ đậm thêm truyền thống chống ngoại xâm của chùa Tam Bảo và đồng bào Phật tử Rạch Giá.

Nam Kỳ Khởi nghĩa năm 1940 thất bại, thực dân Pháp khủng bố trắng, tàn sát dã man, nhưng không dập tắt được lòng yêu nước, chí căm thù của nhân dân Kiên Giang nói chung và riêng của những tín đồ, Phật tử chùa Tam Bảo. Hình ảnh ông Đạo Đồng, Sư Thiện Ân, lời thuyết pháp của Sư Pháp Linh (Phan Thanh Hà) như mới ngày nào còn nhắc nhở mọi người... Tiếng súng của Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực diệt đồn Kiên Giang đêm 16-6-1868 âm vang còn lắng đọng trong lòng người dân Kiên Giang, 73 năm sau - 1941 - tiếng bom chùa Tam Bảo bùng lên, làm sống lại tinh thần, ý chí bất khuất của dân tộc Việt Nam, chuẩn bị cho mọi người bước vào cuộc cách mạng vĩ đại 19-8-1945, Tổng khởi nghĩa giành lấy chính quyền.

Ngày 27-8-1945 hàng vạn người từ các đường phố thị xã Rạch Giá xuống đường phối hợp cùng đồng bào ở nông thôn kéo vào bao vây dinh tỉnh trưởng, buộc Trịnh Tấn Truyền, tỉnh trưởng, phải đầu hàng. Hàng chục vạn đồng bào lương cũng như giáo ở Kiên Giang, đạo Cao Đài, Công giáo, đạo Phật siết chặt tay nhau đứng trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản quyết gìn giữ, bảo vệ và xây dựng quê hương, xây dựng quê hương và một thành lập

Những ngày cuối tháng giêng năm 1946, giặc Pháp chiếm thị

xã Rạch Giá và Hà Tiên, rồi đánh rộng ra. Sống trong vòng kiểm soát gắt gao của giặc, nhưng chùa Tam Bảo và một số gia đình Phật tử vẫn nuôi giấu cán bộ cách mạng. Các chùa Ông Núi, chùa Phật Lớn... ven thị xã là điểm tựa của cán bộ thị xã. Công an xung phong, Ban công tác Thành ra vào hoạt động trong thị xã Rạch Giá.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, đồng bào Phật tử ở Rạch Giá, Hà Tiên hòa vào phong trào chung kháng chiến cứu nước. Tuổi trẻ vàng, quên góp nuôi bộ đội đánh Tây, tham gia đấu tranh tại chỗ, cho chồng, con em ra bung biển kháng chiến... Một số giáo chức là những Phật tử mộ đạo như ông Đốc học Yến, ông Phạm Văn Dồi tham gia đấu tranh chống văn hóa nô dịch thực dân, giáo dục tinh thần dân tộc, yêu nước trong học sinh.

Đặc biệt ông Trịnh Văn Minh, tiểu tư sản trí thức, xuất thân từ gia đình trung lưu, từng tham gia hoạt động ở Hội Kiêm tế Phật học Rạch Giá, tích cực hoạt động, vận động Phật tử yêu nước, tăng lớp trí thức, công thương gia. Cách mạng Tháng 8-1945 thành công, ông được mời tham gia Ủy ban Hành chánh tỉnh Rạch Giá với chức vụ ủy viên Ủy ban phụ trách Kinh tế tài chính. Ông bỏ tất cả gia sản, vào chiến khu kháng chiến. Vừa hoạt động ở vùng kháng chiến, vừa vận động đồng bào ở thị xã ủng hộ kháng chiến, mở công xưởng dệt vải cung cấp cho quân đội và cán bộ vào thời kỳ khó khăn thiếu thốn. Từ năm 1952-1954, do yêu cầu của cách mạng, ông lại trở về thị xã Rạch Giá sống công khai hợp pháp để hoạt động cách mạng trong lòng địch, vận động giới trí thức, công thương gia. Với tư cách là một tín đồ đạo Phật quy y ở chùa Tam Bảo, ông đã cùng các nhà sư yêu nước tiếp tục gìn giữ và phát huy truyền thống cách mạng của chùa Tam Bảo và đồng bào Phật tử. Sau năm 1954 ông vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng trong lòng địch, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng. Nhà ông là điểm dừng chân của đồng chí Võ Văn Kiệt (lúc bấy giờ là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy Khu 9) trong một số lần đi công tác bằng đường giao liên công khai hợp pháp. Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, có lần đồng chí Võ Văn Kiệt - Thủ tướng Chính phủ viết thư nhắc nhở Tỉnh ủy Kiên Giang, có đoạn như sau: "Con người như cụ Hồ Tam Bảo... chúng ta phải có bốn phận, tôn trọng, chăm sóc và nuôi dưỡng cụ suốt đời...".

Ông Trịnh Văn Minh có tên thường gọi là Hai Văn Minh, mất ngày 26-2-1995.

Hà Tiên, một thị xã nhỏ, nhưng có lẽ là nơi có nhiều chùa Phật nhất : trên dưới 30 ngôi chùa lớn nhỏ. Cũng như thị xã Rạch Giá, nhiều ngôi chùa là điểm tựa cho cán bộ, công an xung phong, du kích. Chùa Tam Bảo (trùng tên chùa Tam Bảo Rạch Giá, nhưng không có sắc tứ) là nơi cán bộ thường bí mật hội họp. Chùa Thạch Động có Ni cô Hai Năm, người từng giúp đỡ vật chất, thông tin, tạo điều kiện cho Công an xung phong Hà Tiên, Đội du kích hoạt động thường xuyên.

Năm 1946 trong một lần công tác vào thị xã Hà Tiên, Đội Công an xung phong về nghỉ ở chùa Thạch Động. Giặc phát hiện bao vây. Anh em rút lui, không kịp xóa dấu vết. Giặc Pháp bắt Ni cô Hai Năm tra khảo tại chỗ để truy lùng tông tích anh em Công an xung phong. Ni cô nhất quyết không khai, chúng đưa Ni cô về Hà Tiên tra khảo dã man đủ thứ cực hình, nhưng cũng không moi được gì theo chúng mong muốn. Rồi trong một đêm trời tối như bưng, trên nền trời lưa thưa những vì sao, sóng biển vỗ rì rào, nhiều người dân sống gần Cầu tàu Hà Tiên bỗng nghe một tiếng thét thật to của người phụ nữ, một tiếng thét cảm hờn, phẫn nộ, tiếng thét vang lên rồi tắt hẳn, hòa vào tiếng sóng biển rì rào như thì thầm báo tin, cho mọi người : Ni cô Hai Năm đã bị giặc Pháp chặt đầu, ném xác xuống biển vào đêm ấy. Một đêm không bao giờ quên, đã ghi vào lịch sử cách mạng của nhân dân Hà Tiên.

Biển Hà Tiên đưa thi hài Ni cô Hai Năm trở về với Phật tử. Ngày sau người ta đã tìm được thi hài Ni cô trên mặt Đông Hồ. Thi hài Ni cô không trôi ra biển cả, vong linh Ni cô không rời khỏi Thạch Động Thôn Văn !

Bằng cái chết của mình, các nhà sư yêu nước đã khẳng định ý chí bất khuất của dân tộc Việt Nam trước mặt kẻ thù. Và đã mở ra con đường hành đạo đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, của Bác Hồ, cứu nước, cứu dân là thiết thực "Phổ độ chúng sinh" như Phật Thích Ca hàng ngàn năm

Trên đất nước Việt Nam có hàng vạn ngôi chùa như chùa Tam

Báo, không ít nhà sư yêu nước như sư Thiện Ân, Hòa thượng Thích Trí Thiên, Ni cô Hai Năm và hàng triệu tín đồ, Phật tử như ông Trịnh Văn Minh, gắn chặt đạo với đời, tôn giáo với dân tộc, tín ngưỡng với yêu nước.

CAO ĐÀI MINH CHON ĐẠO HẬU GIANG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

NGÔ TÂM ĐẠO

Sau ngày khai Đạo rằm tháng 10 năm Bính Dần 1926, đạo Cao Đài đã bắt đầu hội tụ các yếu tố của một tôn giáo : giáo lý, luật lệ, hệ thống tổ chức, nơi thờ phượng, đội ngũ chức sắc, lực lượng tín đồ. Nội dung giáo lý ban đầu đã nói rõ mục đích cứu khổ dân Nam của đạo : *"Đại đạo Tam Kỳ Phổ độ hồng khai tại cõi Nam để cứu dân Nam khỏi vòng ly khổ"* (đán cơ ngày 1 tháng 11 năm Bính Dần 1926, Thánh ngôn hiệp tuyền). Sau đó thấy dạy tiếp : "Trời mở đạo cho một nước tức là ách nạn nước đó hầu mãn. Phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau như con một nhà!". Để cứu khổ nhân sinh, Thầy quy Tam giáo (Nho, Thích, Đạo), Hiệp ngũ chi với hai câu liền ở Thánh thất Gò Kén (Tây Ninh), do đức Lý Thái Bạch truyền ra :

*"Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo hòa bình dân chủ mục
Đài tiên sùng bái Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền"*

Tổng hợp thành tôn chỉ mục đích của đạo Cao Đài (năm Bính Dần 1926) rất thích hợp với tâm trạng, nguyện vọng của đông đảo nhân dân ở Nam Bộ là nông dân lao động bị áp bức bóc lột, đang khao khát độc lập tự do.

Chỉ trong một thời gian ngắn từ năm 1926-1930 đạo Cao Đài phát triển ở miền Đông Nam Bộ, miền Tây Nam Bộ trên nửa triệu tín đồ (theo số liệu của thực dân Pháp), có xu hướng yêu nước.

Từ đó đạo Cao Đài trở thành một đối tượng của thực dân Pháp trong chính sách "chia rẽ để trị". Bằng mọi thủ đoạn, biện pháp chúng thâm nhập vào hàng ngũ chức sắc lớn của Đạo. Trong nội bộ chức sắc lớn của Đạo có sự bất hòa, bắt đầu phân hóa với những động cơ, mục đích khác nhau. Theo y thực sách Lữ tách khai Tòa Thánh Tây Ninh, lập ra nhiều chi phái khác nhau nhưng đồng tôn

chỉ mục đích của Thầy để ra trong ngày khai đạo, nhằm chống lại một số người vì tham vọng cá nhân, dựa vào đạo để lấy đạo đổi lấy danh lợi, quyền quý, tranh bá đồ vương. Đạo Cao Đài đã tách ra 12 phái. Minh chơn Đạo Hậu Giang là một trong 12 phái đạo.

Ông Ngọc Chương pháp Trần Đạo Quang nhiều lần đứng ra hòa giải những bất đồng trong nội bộ không kết quả, cuối năm 1928 ông về miền Hậu Giang lập ra phái Cao Đài Minh chơn Đạo, ý nói Tây Ninh (Tòa Thánh Tây Ninh bị một số người không tốt chi phối) làm không đúng, nay phải cần làm sáng tỏ chơn đạo.

Từ năm 1929 đến 1940, sau khi Hội Thánh và đội ngũ chức sắc hình thành là thời gian "Phổ độ nhân sanh". Tuyên truyền phát triển đạo theo tôn chỉ mục đích của đạo. Khuyến khích tín đồ lo tu hành, làm lành tránh dữ, đoàn kết thương yêu, tương trợ nhau lúc nghèo đói, bệnh hoạn, quan hôn, tang tế... *Tu theo Nhơn Đạo* (đạo làm người). Làm người tốt thì khi chết linh hồn mới được về nước Thiên Đàng. Đăn cơ dạy :

*"Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu giữ mình
Nghĩa nhân, đạo lý giữ gìn
Làm người được vậy Ngọc Minh rước về"*

Trong những năm 1936-1939 chịu ảnh hưởng của phong trào Đông Dương Đại hội, sách báo công khai của Đảng Cộng sản, một số chức sắc trong Hội thánh như ông Cao Triều Phát, Nguyễn Hiến Ngô... nhiều thanh niên trong Tòa Thánh, ở các tỉnh có hệ phái Cao Đài Minh chơn Đạo nôn nao suy nghĩ về vận mệnh đất nước, tương lai dân tộc !

Một số vị chức sắc đi hành đạo, bí mật kêu gọi tinh thần dân tộc chống Tây, bên ngoài công khai nói chống "Tà thần quỷ vương", với nội dung của đăn cơ năm 1939 :

*"Chúng sống dưới gầm trời Nam Việt
Giống Rồng tiên phái biết năm châu"*

Người tiến trước ta lùi sau
 Những ai tâm huyết có đau đớn cùng
 Nào những kẻ ung dung tự tại
 Có thương tâm nhìn lại đồng bào
 Thiếu học thuật lấy gì cao
 Văn minh đã kém, đời nghèo khổ đau !”

Với nội dung tuyên truyền phù hợp tâm tư tình cảm, nguyện vọng của đông đảo bà con nông dân nghèo khổ, những người có lòng yêu nước, đến năm 1940, Cao Đài Minh chơn Đạo đã có 55 Thánh Thất, gần 50.000 chức sắc và tín đồ nam nữ ở các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, Sóc Trăng, Sa Đéc, Cao Lãnh. Tổ chức Đoàn thanh niên Đạo Đức Hậu Giang do ông Cao Triều Phát làm Tổng trưởng được Pháp cho phép tổ chức, có Ban chấp hành Đại ban ở Tòa Thánh (cơ quan Trung ương) đến các tiểu ban ở các họ Đạo (cơ sở). Tòa Thánh nắm tổ chức Thanh niên, đã có 40 tiểu ban, hàng ngàn thanh niên gia nhập tổ chức, nhằm tập hợp lực lượng chống Tây, nhưng chưa có đường lối phương hướng rõ.

Một số chức sắc và tín đồ Cao Đài Minh chơn Đạo ở Cao Lãnh (Sa Đéc) và Hòa Tú (Sóc Trăng) tham gia Nam Kỳ Khởi nghĩa ngày 23-11-1940. Cuộc khởi nghĩa thất bại, thực dân Pháp đàn áp dã man. Thánh thất Cao Đài Cao Lãnh và Hòa Tú bị đốt trụi. Một số chức sắc và tín đồ bị tù đày tra tấn. Hai Đồng tử của đạo ở Hòa Tú là Võ Minh Lý và Lương Đơn Quế bị đày ra Côn Đảo.

Thực dân Pháp nghi ngờ Cao Đài Minh Chơn Đạo và một số chi phái khác đã tham gia Khởi nghĩa Nam Kỳ. Các Thánh thất bị đóng cửa. Các chức sắc chức việc và đạo tâm nam nữ cũng như nông dân Nam Bộ mang nặng nỗi u uất, căm hờn sau cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, âm thầm tu tại gia, cầu nguyện cho đất nước thanh bình, đến ngày đạo được mở cửa. Một số vị chức sắc và một số anh trong Đại ban Thanh niên Cao Đài Minh chơn Đạo quyết tâm tìm mối liên lạc với số đảng viên Cộng sản còn hoạt động ở địa phương, hy vọng có sự ra hiệu của họ.

Nam, hơn là ngôi chờ thời cơ, chờ Ngọc Hoàng (thầy).

Rất may, Trời đất không phụ lòng người thương nước mến dân ! Ông Cao Triều Phát đã gặp anh Tào Văn Ty ở thị xã Bạc Liêu, anh Ngô Tâm Đạo và Dương Văn Đức gặp anh Dương Ngọc Kim (thầy giáo Hảo) ở kinh Hội đồng Thành, Cà Mau. Nghe các anh phổ biến chương trình 10 điểm của Mặt trận Việt Minh, được phân công đi tuyên truyền vận động bà con Minh chon Đạo ở Cà Mau, Bạc Liêu sẵn sàng hưởng ứng cuộc Tổng khởi nghĩa.

Cách mạng Tháng Tám 1945 là cái mốc lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam, cũng là cái mốc lịch sử của Cao Đài Minh chon Đạo Hậu Giang và các phái Cao Đài yêu nước. Kể từ đây Cao đài Minh chon Đạo Hậu Giang bắt đầu viết trang sử mới của mình. Vừa tu hành, vừa làm lành, làm phải, vừa đoàn kết Đạo - Đời, gắn liền với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Trong những ngày báo tấp cách mạng, ông Cao Triều Phát đã tham gia Ủy ban Dân tộc giải phóng tỉnh Bạc Liêu, cùng toàn thể nhân dân Đạo, Đời tiến hành cuộc biểu tình tuần hành bao vây dinh tỉnh trưởng Bạc Liêu, bắt buộc chúng đầu hàng. Thị xã Bạc Liêu được giải phóng ngày 23-8-1945. Sau Cách mạng tháng 8 ông là thành viên của Mặt trận Việt Minh tỉnh Bạc Liêu, đại diện phái Cao Đài Minh chon Đạo. Và ngày 6-1-1946 trong cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ông Cao Triều Phát là một trong ba đại biểu của tỉnh Bạc Liêu được đắc cử.

Đầu tháng 8-1945 anh Ngô Tâm Đạo, Hội trưởng Đại ban Thanh niên Đoàn Đạo đức Hậu Giang tham gia Ủy ban Dân tộc giải phóng quận Cà Mau, cướp chính quyền quận, buộc tên Kế, Quận trưởng, tay sai của Nhật cùng lực lượng Bảo an quận nộp vũ khí đầu hàng. Cà Mau được giải phóng ngày 25-8-1945. Sau đó anh Ngô Tâm Đạo được đắc cử Ủy viên kiểm sát của Mặt trận Việt Minh quận.

Để góp phần xây dựng lực lượng phòng chống kẻ thù, bảo vệ chính quyền cách mạng, theo ý kiến của Ban quân sự Cà Mau, các anh lãnh đạo trong Đại ban Thanh niên quận Cà Mau, Thanh niên Đoàn Đạo đức Hậu Giang thành lập một trung đội dân quân du kích tức

trực tại Thánh thất Quang Cảnh Đan, Kinh 16 Cà Mau, tập luyện ngày đêm. Trung đội trưởng là Ngô Thái Hòa (em của Ngô Tâm Đạo). Trước khi quân Pháp chiếm Cà Mau, trung đội này gia nhập Trung đoàn 124 do Trung đoàn trưởng Đào Công Tâm chỉ huy. Anh Ngô Thái Hòa hy sinh ở Na Rộn, xã Mỹ Quới huyện Thạnh Trị Sóc Trăng, được công nhận liệt sĩ. Ở các tỉnh khác như Rạch Giá, Sóc Trăng đông đảo chức sắc và đạo tâm nam nữ đã hăng hái tham gia cuộc Tổng khởi nghĩa.

Sau ngày đất nước độc lập, Nhà nước tổ chức tuần lễ vàng để vận động đóng bảo Đạo, Đời đóng góp tiền bạc mua vũ khí và bảo vệ Tổ quốc. Bà con Cao Đài Minh chơn Đạo ở Bạc Liêu, Cà Mau và nhiều nơi khác đã nhiệt liệt hưởng ứng. Người có vàng góp vàng, người có tiền góp tiền. Từ lòng yêu nước của mỗi người, Tuần lễ vàng ở Bạc Liêu, Cà Mau thu được kết quả lớn.

Cách mạng Tháng Tám thành công, theo chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của Mặt trận Việt Minh, Tòa Thánh, Thánh thất của Minh chơn Đạo và các phái Cao Đài được mở cửa. Khắp nơi bà con có đạo đều vui mừng, chuông trống vang lên mừng ngày Độc lập và cầu nguyện đất nước được hòa bình, nhân dân được an cư lạc nghiệp.

Thực dân Pháp núp theo quân đội Đồng minh trở lại xâm lược nước ta, cuộc kháng chiến ở Nam Bộ nổ ra ngày 23-9-1945.

Hưởng ứng lời kêu gọi kháng chiến cứu nước của Hồ Chủ Tịch : *"Thà hy sinh tất cả chứ quyết không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ..."*. Hội Thánh Minh chơn Đạo *kháng định lập trường hành đạo của mình : Xem kháng chiến cứu nước là nhiệm vụ hành đạo hàng đầu, là công quả cao nhất của toàn phái Đạo.*

Cuối tháng 1-1946 giặc Pháp đưa quân chiếm Bạc Liêu, Cà Mau. Tuy lực lượng kháng chiến còn non yếu nhưng vẫn quyết tâm đề kháng. Mặt trận Tân Hưng ở Cà Mau được tổ chức trong hoàn cảnh đó để chiến đấu ngăn chặn bước tiến của địch.

Lúc bấy giờ hàng ngàn người có đạo và nhiều người Cao Đài cư, tập trung về Tòa Thánh Ngọc Minh ở ấp Giồng Bơn xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, Bạc Liêu. Để bảo vệ Tòa Thánh, bảo vệ đồng bào tìn

cư, Đoàn thanh niên Đạo đức Hậu Giang đứng đầu là ông Cao Triều Phát tập trung anh chị em có đạo, trong đó có một số bà con đạo các Thánh tịnh Tiên Thiên, lấy lực lượng Thanh niên Đoàn Đạo đức làm nòng cốt, tập luyện chiến đấu bằng vũ khí thô sơ, dao găm, phi tiêu, súng chòi ngòi, dao kiếm...

Giặc Pháp hai lần đưa lực lượng vũ trang đến thăm dò, bị ta phát hiện đánh lui. Ngày 22 tháng 4 năm 1946, chúng cho máy bay đến bắn phá Tòa Thánh làm bị thương một số người. Trước tình hình đó bà con tân cư được phân tán ra. Sáng ngày 24-4-1946 Pháp tập trung cả tiểu đoàn quân đội viễn chinh có vũ trang đầy đủ tấn công ba mặt vào Tòa Thánh, có máy bay yểm trợ.

Anh em đạo sẵn sàng chiến đấu, lúc địch còn xa thì dùng súng chòi ngòi, phi tiêu, lúc xấp lá cà thì dùng dao, kiếm, dao găm... Ông Giáo sư Chiêu, một chức sắc trên 70 tuổi hiên ngang cầm gậy tám vòng đánh một tên lính Pháp, chấp nhận hy sinh. Nữ chức sắc Nguyễn Thị Lụa dùng kiếm đâm một tên lính Pháp bị thương và bị chúng bắn chết, còn nhiều tám gương dũng cảm khác.

Trong trận này trên 100 chức sắc, chức việc và thanh niên đạo hy sinh, đá nêu cao tám gương yêu nước, tinh thần chiến đấu dũng cảm bất khuất hết lòng bảo vệ nhân sanh, bảo vệ Tòa Thánh. Tòa Thánh Ngọc Minh bị giặc đốt phá, triệt hạ hoàn toàn.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận chiến công của Minh chơn Đạo, những người chiến đấu hy sinh là liệt sĩ, những người bị thương là thương binh của lực lượng vũ trang cách mạng.

Tuy mặt trận Giồng Bóm thất thủ, nhưng tám gương chiến đấu vì Đạo, vì nhân sanh, vì Tổ quốc của anh chị em Minh chơn Đạo ở Giồng Bóm đã góp phần cổ vũ, động viên rộng rãi chẳng những trong hệ phái Minh chơn Đạo mà cả các chi phái Cao Đài yêu nước, đồng bào Đạo. Đời ở miền Hậu Giang đứng lên chống kẻ thù xâm lược.

Ngoài hệ phái Minh chơn Đạo, các hệ phái khác như Chiêu Minh Long Châu và một số họ Đạo Bản Tiên Thiên ở các nơi thương năm có làm lễ kỷ niệm Mặt trận Giồng Bóm để hun đúc, phát huy

truyền thống yêu nước, bất khuất chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân sanh, bảo vệ Đạo.

Giữa năm 1947, để góp phần công sức của mình vào cuộc kháng chiến cứu nước, hưởng ứng lời kêu gọi của ông Cao Triều Phát, Chương quân Cứu trùng Đài, và một số chức sắc lãnh đạo Minh chơn Đạo, toàn thể chức sắc, đạo tâm đã tự nguyện đóng góp vào cuộc lạc quyên "Quyển số vàng cứu quốc" bằng số bạc 136.000 đồng tiền Đông Dương ngân hàng, trị giá lúc bấy giờ bằng 136.000 giá lúa để góp vào "Quỹ Mùa đông binh sĩ", bằng hình thức đấu giá chiếc áo của Bác Hồ do Bộ Thương binh xã hội phát động. Ông Cao Triều Phát thay mặt cho đạo nhận chiếc áo và sau này gởi vào Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh Hà Nội (Đông bào miền Bắc tặng Bác Hồ chiếc áo lụa tự tay mình dệt, Bác chuyển cho Bộ Thương binh xã hội đấu giá, đưa vào quỹ Mùa đông binh sĩ, chiếc áo gởi vào Nam, ông Cao Triều Phát nhận, khi tập kết ông mang ra Hà Nội).

Cuối năm 1947, được sự giúp đỡ của Mặt trận Việt Minh và được phép của Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, một cuộc khoáng đại Hội nghị của các phái Cao Đài được mở ra tại Đông Tháp Mười nhằm thống nhất lập trường cứu nước của đạo Cao Đài. Tại cuộc hội nghị này các phái đồng quyết định thành lập tổ chức đoàn thể kháng chiến của đạo Cao Đài lấy tên là Cao Đài Cứu quốc 11 phái thống nhất (không có phái Tây Ninh vì một số chức sắc lớn đã bị giặc Pháp lợi dụng chống cách mạng). Sau một thời gian, cuộc kháng chiến cứu nước phát triển mạnh, tinh thần yêu nước, xu hướng cách mạng trong đa số tín đồ Cao Đài Tây Ninh được khơi dậy, số người phản động trong Cao Đài Tây Ninh dần dần lộ rõ bộ mặt phản đạo, phản dân tộc. Để tập hợp lực lượng kháng chiến, Cao Đài Cứu quốc 11 phái thống nhất mở rộng thành Cao Đài Cứu quốc 12 phái thống nhất (kể cả phái Tây Ninh), là thành viên của Mặt trận Việt Minh - Liên Việt Nam Bộ, có tổ chức 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã ở toàn Nam Bộ. Ông Cao Triều Phát lãnh tụ Minh chơn Đạo làm chủ tịch, đồng thời Hội Thánh duy nhất của 12 phái cũng được thành lập để hướng dẫn các phái đạo, giữ gìn việc tu hành, đạo đức, ông Cao Triều Phát làm Chương quân Cứu Trùng Đài. Đến năm 1954 ông tập kết ra miền Bắc.

Hai tổ chức này được Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam Bộ công nhận hợp pháp hoạt động do Nghị định số 72/CT ngày 31-10-1947. Trong tổ chức đó, Minh chơn Đạo, Ban chính Đạo, Tiên thiên, cùng một số chi phái khác được coi là thành viên trụ cột, đã động viên hàng triệu chức sắc, tín đồ 12 phái Cao Đài hăng hái tham gia cuộc kháng chiến cứu nước, đóng góp bao nhiêu sức lực, của cải, cả xương máu, góp phần cho cuộc kháng chiến thành công. Các chức sắc lớn của nhiều phái Cao Đài yêu nước đều tham gia các cơ quan chính quyền, Mặt trận, đoàn thể và cả quân đội : Nguyễn Ngọc Nhựt (Ban chính Đạo) Phó chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Cao Đài Cứu quốc, đồng thời là Ủy viên xã hội Ủy ban Kháng chiến hành chánh Nam Bộ ; ông Minh Tâm, tự Quách Văn Tuấn, ủy viên Tuyên huấn Ban chấp hành Trung ương Đạo, là Trưởng ty Thông tin tuyên truyền Chợ Lớn ; ông Trần Ngọc Lân, Thập nhị thời quân của Hội Thánh duy nhất, là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 308.

Minh chơn Đạo : chức sắc, chức việc và đạo tâm hầu hết đều gia nhập vào lực lượng kháng chiến. Ngọc đầu Sư Huỳnh Ngọc Tôn được cử làm Phó chủ tịch Mặt trận Liên Việt Nam Bộ ; Đầu Sư Nguyễn Hiến Ngô làm Phó chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh Bạc Liêu ; Ngô Tâm Đạo là Tổng thư ký và Phó chủ tịch Mặt trận Liên Việt tỉnh Bạc Liêu trong nhiều khóa trực tiếp phụ trách Ban chấp hành Cao Đài Cứu quốc tỉnh, và còn nhiều người khác...

Do thành quả cống hiến của Minh chơn Đạo và các phái Cao Đài yêu nước, đoàn kết dân tộc, làm tốt nhiệm vụ của mình, góp phần giành thắng lợi vẻ vang cho cuộc kháng chiến chống Pháp, Cao Đài Cứu quốc được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Hội Thánh Minh chơn Đạo thay mặt 12 phái nhận huân chương này.

Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, nhờ có đường lối của Đảng Cộng sản, có đức độ của Bác Hồ, có chính sách của Mặt trận Việt Minh mà đạo Cao Đài nói chung và riêng Minh chơn Đạo đã gắn bó Đạo với Đời, gắn liền với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, trừ một số ít người vì tham danh lợi mà cam tâm theo giặc làm ô danh đạo, trái với tôn chỉ mục đích của Thầy. Lịch sử rất công bằng phân biệt rõ Chánh Đạo và Tà Đạo.

HỆ PHÁI CAO ĐÀI BAN CHÍNH VÀ CON ĐƯỜNG CỦA GIÁO TÔNG NGUYỄN NGỌC TƯƠNG⁽¹⁾

Hiến Thế TRẦN CHÍ THÀNH

Vào năm 1926, đạo Cao Đài chính thức khai đạo tại Tây Ninh. Nhưng cũng chính ở thập niên đầu tiên, thời kỳ lý ra để một tổ chức tôn giáo ổn định và củng cố bộ máy giáo hội, thì Cao Đài lại sớm phân chia nhiều hệ phái. Trong số những chi, phái tách ra, đáng kể nhất là phái Cao Đài Ban Chính với 85/115 họ đạo, tách ra năm 1934 đi theo Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương về lập Hội Thánh tại tỉnh Bến Tre. Từ Thánh địa Bến Tre, phái Cao Đài Ban Chính đã phát triển nhanh khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Từ con số 85 cơ sở, hệ phái này đã phát triển được trên dưới 150 họ đạo (tính đến năm 1945). Con số trên quả không khỏi gây ngạc nhiên đối với người nghiên cứu để tài lịch sử phát triển của tôn giáo này.

Là một chi phái của tôn giáo Cao Đài Tây Ninh tách ra, nhưng ở Ban Chính đạo người ta tìm thấy những nét tiến bộ về mặt tôn giáo và thái độ đi với dân tộc về mặt chính trị, đặc biệt ngay từ ngày mới thành lập năm 1934 do đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương lãnh đạo. Thật vậy, lần đầu tiên trong lịch sử hoạt động của tôn giáo này dựa chủ yếu vào "Thánh ngôn, Thánh giáo, thần quyền cơ bút", phái Cao Đài Ban Chính ra đời đã công khai tuyên bố không sử dụng cơ bút làm phương tiện hành đạo và điều khiển Hội Thánh.

Phương thức hành đạo chủ yếu dựa trên quyết nghị dân chủ công khai mà vấn tập trung được đông đảo lực lượng quần chúng tín đồ đi theo, điều đó đã nói lên sức mạnh của Hội Thánh Cao Đài Ban Chính. Gieo giống trên vùng đất Nam Bộ, thu hút hàng vạn đến hàng chục vạn nông dân miệt giống đồng bằng sông Cửu Long đến với Ban Chính, điều đó không chỉ giúp hiện ở sự ngập tràn đạo đức của

(1) Lâm Ngọc Nữ ghi

Giáo tông, mà ở đây người ta còn bắt gặp yếu tố yêu nước thương nòi, một lập trường đi với dân tộc.

Về lập trường dân tộc của đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương có thể ghi nhận mấy sự kiện.

Năm 1920, trong lúc còn là viên chức làm việc trong chính quyền Pháp, Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương đã vận động một số vị có cùng hoài bão yêu nước trong tỉnh lập Hội khuyến văn An Nam, cổ vũ đồng bào ta học chữ Việt, viết văn, viết báo, mở diễn thuyết kêu gọi bảo vệ thuần phong mỹ tục, bảo vệ văn hóa cổ truyền, chống tục đa thê, tảo hôn. Hội buôn An Nam Bến Tre do Giáo tông đề xướng nhằm khuyến khích vai trò làm chủ của người Việt trong hoạt động thương nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tất cả việc làm mang ảnh hưởng của phong trào Duy Tân mà đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương phát động đã được đồng bào trong tỉnh Bến Tre hưởng ứng sôi nổi, đã góp phần không nhỏ trong việc làm thất bại âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của chủ nghĩa thực dân nhằm thực hiện chính sách ngu dân của chúng.

Lập trường tiến bộ và cởi mở của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương còn thể hiện qua việc quyết định thu nhận và phong chức cao cấp cho những người tham gia cách mạng như ông Phạm Hồng Tiên, Nguyễn Chánh Nhi, và cả một số trường hợp có ấn tử chính trị chống Pháp như Nguyễn Ngọc Thắng, Lê Thị Cẩm Thảo.

Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương còn ra lệnh bãi nhiệm các chức sắc theo Nhật gồm một Phó sư, một Giáo sư Cửu trùng Đài. Khi giặc Pháp xâm lược nước ta, Giáo tông đã bãi nhiệm ông Phùng Văn Thới (Ngoại viện trưởng) vì tội hàng giặc, nhưng lại không áp dụng việc bãi nhiệm đối với số chức sắc tham gia kháng chiến.

Lập trường yêu nước, đi với dân tộc của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương còn được minh chứng qua việc ông đã cho 2 người con trai của mình tham gia kháng chiến là kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, Phó Tư lệnh Chiến khu 9, kỹ sư Nguyễn Ngọc Nhựt, ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ. Đồng thời, Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương cũng tán thành chủ trương lập Cao Đài Cứu quốc Trung ương mà Nguyễn Ngọc Nhựt là Phó chủ tịch.

Ngày 11-10-1947, đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương viết thư gửi Cao ủy Pháp Bollaert, yêu cầu nước Pháp phải công nhận độc lập, chủ quyền của nước Việt Nam : "Các dân tộc nhược tiểu theo thiên ý định phải được giải phóng" (1).

Lập trường yêu nước của phái Ban Chính, đứng đầu là Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương còn được khẳng định rõ bằng chủ trương tẩy chay việc thành lập quân đội Cao Đài năm 1945, thực chất là đội quân tay sai của Phát xít Nhật.

Một vài sự kiện cụ thể trên đây có thể giúp mọi người minh định được lập trường và thái độ chính trị của phái Cao Đài Ban Chính từ ngày lập đạo năm 1933, 1934 cho đến tháng 8-1945. Ý nghĩa tích cực của cuộc đời hành đạo do Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương và Hội Thánh Cao Đài Ban Chính là trong những năm này đã xây dựng được một phong trào quần chúng yêu nước dù là ở mức độ nhất định và mang màu sắc tôn giáo trước một tình thế chính trị hết sức gay go phức tạp. Thái độ yêu nước về mặt chính trị và tiến bộ về mặt tôn giáo của Hội Thánh Cao Đài Ban Chính đã góp phần không nhỏ vào việc làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo của đế quốc thực dân, đánh bật các phần tử tay sai muốn lung lay hệ phái này.

Thái độ lập trường đi với dân tộc của Hội Thánh Cao Đài Ban Chính đã được phát triển và nhân rộng từ sau sự kiện thành lập tổ chức *Cao Đài Cứu quốc tỉnh Bến Tre*, một thành viên của Mặt trận Việt Minh. Ban chấp hành gồm có các chức sắc của Hội Thánh Ban Chính như : Bảo thế Nguyễn Ngọc Thắng, Phối sư Trần Tống Hoàn, Phối sư Phạm Duy Cai, Giáo sư Ngô Văn Phú. Ban thư ký có ông Châu Văn Trân, Nguyễn Tế Thế, bà Nguyễn Thị Hạnh, Hồng Thị Cẩm. Việc thành lập này có sự ủng hộ tích cực của Chánh phối sư Nguyễn Thành Diêu và ông Trần Chí Thành (lúc bấy giờ là Phó Tổng thư ký văn phòng Cứu Viện). Ngay sau ngày thành lập, hoạt động yêu nước của Cao Đài Cứu quốc thật sôi nổi : tham gia vận động "Tuần lễ vàng", "hũ gạo nuôi quân kháng chiến" và vận động

(1) Trích *Tiểu sử đức Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương*, Hội Thánh xuất bản năm 1958, trang 73.

bầu cử Quốc hội khóa I. Khi giặc Pháp tái chiếm tỉnh Bến Tre, phần lớn thanh niên tin đồ của Cao Đài Ban Chính đã thoát ly tham gia kháng chiến. Đã xuất hiện nhiều tấm gương yêu nước trung kiên như Nguyễn Thị Thất, Nguyễn Thị Nén, Phùng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Đức, Hồ Văn Thiệt, Hồ Tử Trục, Hồ Văn Khiết, Hồ Văn Nhu, Châu Minh Tới. Ông Trần Chí Thánh đã thay mặt Hội Thánh hiến cho ngành in báo kháng chiến tỉnh Bến Tre 1 máy in Pédale, 100 kg chữ, lô đúc chữ, giấy in và 3 máy đánh chữ.

Từ tấm lòng yêu nước gắn bó với dân tộc của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương đến sự ra đời tổ chức Cao Đài Cứu quốc, phái Cao Đài Ban Chính đã phát triển và làm trong sáng đường lối hành đạo của đức Giáo tông vào thực tiễn cách mạng đất nước. Tổng kết thành quả đóng góp của hơn 150 họ đạo Cao Đài Ban Chính từ năm 1933 đến thời kỳ kháng chiến chống Pháp có 487 gia đình liệt sĩ. Ngày 8-12-1954 Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trao tặng một Huân chương kháng chiến hạng nhất cho gia đình Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương (tiêu biểu là ông Nguyễn Ngọc Nhật), và 1 Huân chương kháng chiến hạng hai thuộc về Hội Thánh Cao Đài Ban Chính với thành tích *"Ban Chính đạo Bến Tre đã giữ vững thái độ trung thành với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vận động đông đảo tín đồ tham gia kháng chiến cứu nước"*.

LINH MỤC NGUYỄN BÁ LUẬT - CẢ GIA ĐÌNH VÌ THIÊN CHÚA VÀ VÌ TỔ QUỐC

QUANG HUNG

Linh mục Nguyễn Bá Luật sinh năm 1903 tại xã Bình Phong Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An trong một gia đình trung nông. Cha làm quới chức họ đạo, gia đình có 10 con. Linh mục Nguyễn Bá Luật có hai người em trai cũng là linh mục và bốn chị em gái là nữ tu dòng Mến Thánh Giá Chợ Quán.

Năm 1945, trong khi làm Linh mục chánh sở họ đạo Chợ Đũi (Sài Gòn), Linh mục Nguyễn Bá Luật đã hăng hái hoạt động cách mạng, vận động thanh niên Công giáo tham gia phong trào Thanh niên Tiên phong, sử dụng nhà thờ Chợ Đũi làm nơi hội họp và huấn luyện thanh niên.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ đã chọn Cha Luật làm cố vấn. Lúc đó tin đồ Công giáo khắp nơi hồ hởi hưởng ứng, tham gia mọi công tác cách mạng. Nhiều người Công giáo phụ trách những công tác quan trọng trên nhiều mặt. Sự tin nhiệm này của cách mạng có ảnh hưởng lớn trong các giới, xóa bỏ sự ngăn cách giữa Công giáo và dân tộc trong sự nghiệp đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại Sài Gòn, Linh mục Nguyễn Bá Luật hướng dẫn giới Công giáo thành phố tham gia cuộc mít tinh vĩ đại mừng ngày Độc lập. Linh mục Nguyễn Bá Luật đã thành lập tổ chức *Việt Nam Quốc gia Tiến hành* với cơ quan ngôn luận là tờ báo *Phục Sinh* để quy tụ người Công giáo ủng hộ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Khi Pháp trở lại chiếm đóng Sài Gòn, tờ báo *Phục Sinh* phải đình bản và Ban Chấp hành Việt Nam Quốc gia Tiến hành giải thể.

Linh mục Nguyễn Bá Luật bị giặc Pháp bắt tại Sài Gòn. Sau

ba tháng giam cầm hành hạ chúng đưa ra tòa kêu án một tháng tù treo. Cuối năm 1946 Linh mục ra bưng biển kháng chiến.

Tháng 6 năm 1946 để có cơ sở tập hợp, nung đúc lòng yêu nước của đồng bào Công giáo, Linh mục Nguyễn Bá Luật cùng với một số Linh mục khác vận động thành lập tổ chức Liên đoàn Công giáo Việt Nam Nam Bộ. Linh mục Nguyễn Bá Luật là một trong những vị Phó Chủ tịch Liên đoàn Công giáo Nam Bộ đầu tiên. Tháng 8 năm 1948 Liên đoàn Công giáo Nam Bộ đổi tên *Công giáo Kháng chiến Nam Bộ*. Linh mục được giao trọng trách hòa giải giữa Việt Minh với các giáo phái vì thực dân Pháp gây ra những mâu thuẫn bất hòa ảnh hưởng đến mặt trận đại đoàn kết dân tộc. Linh mục cùng hai em là Linh mục Nguyễn Bá Sang, Nguyễn Bá Kính và hai chị em là nữ tu Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Trượng, và Linh mục Lê Đình Hiến thường xuyên hoạt động trong các vùng kháng chiến Đông Tháp Mười thuộc Khu 8 Nam Bộ.

Tết năm Dần 1950 trong chuyến viếng thăm một họ đạo tại vùng Cái Mơn (Bến Tre) Linh mục Nguyễn Bá Sang đã bị một toán lính Bắc Phi vây bắt đưa về Bến Tre, rồi Sài Gòn, giam tại trại pháo binh Lê Văn Duyệt (Hỏa Hưng) đến năm 1952. Sau khi được thả ra Linh mục về họ đạo Quới Sơn nằm trong cù lao An Hòa (Mỹ Tho).

Linh mục Nguyễn Bá Kính vừa thụ phong Linh mục năm 1944 được bổ nhiệm về làm Cha phó họ đạo Tha La thuộc xã An Hòa, huyện Trảng Bàng (Tây Ninh). Lúc đó Linh mục còn rất trẻ, tuổi đời vừa tròn 25. Hai năm ở Tha La Linh mục giác ngộ được nhiều giáo hữu và nhờ ảnh hưởng của mình đã cứu được một số cán bộ cách mạng thoát khỏi cảnh chết chóc tù đày. Đến năm 1946 bị lộ, Linh mục vào bưng biển vận động kéo theo được một tiểu đội lính nguy đống đốn ở Tha La mang vũ khí cùng ra vùng kháng chiến.

Ở chiến khu Linh mục Nguyễn Bá Kính được biệt phái chăm lo tham viếng ủy lạo các chiến sĩ bộ đội kháng chiến trên chiến trường Nam Bộ, đồng thời tham gia công tác Mặt trận Việt Minh.

Linh mục Nguyễn Bá Kính đại diện cho đồng bào Công giáo kháng chiến Nam Bộ trong phái đoàn Mặt trận Liên Việt Nam Bộ ra Miền Bắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ôm hôn thân thiết Linh mục

Nguyễn Bá Kính, vị Linh mục trẻ ở Nam Bộ giàu lòng yêu nước.

Thế rồi ngoài thành người ta đã nghe bọn giặc phao tin : "Cha Luật và các Cha kháng chiến đã bị Việt minh Cộng sản ám hại rồi".

Sự thật là ngày 27 tháng 11 năm 1951 Linh mục Luật và anh Út (người chèo ghe và làm bảo vệ) ở họ đạo An Bình (Long Châu Sa) đi cùng với hai giáo hữu ở họ đạo Kinh Cùng về làm phép kết hôn cho một đôi tân hôn thì bị bọn tay sai giặc đón đường bắt chặt đầu, mổ bụng. Người ta không tìm được đầu của Linh mục. Ba người cùng đi với cha Luật cũng đều bị giết cả. Ban chấp hành Công giáo kháng chiến Nam Bộ và Long Châu Sa cùng với chính quyền và quốc chức an táng trọng thể Linh mục Nguyễn Bá Luật.

Linh mục Lê Đình Hiến Cha sở họ đạo Kinh Cùng, là cộng sự viên đắc lực của Cha Luật, cố vấn Công giáo kháng chiến Khu 8 cũng bị máy bay Pháp bắn chết.

Nữ tu Nguyễn Thị Nương (anh em kháng chiến thường gọi là dì phước Hai) chị cả của ba anh em Linh mục Luật, Sang, Kính là người đã có công thành lập hai họ đạo kinh Bà Bèo và Bằng Lăng (Tháp Mười).

Những nơi này trước đây hoang vu, nhờ bà con Công giáo vào khai thác, trồng trọt, đã trở thành nơi trù phú. Cùng tại những nơi đây, dì phước Hai đã có dịp săn sóc rất nhiều anh em thương binh trong những năm đầu chống Pháp. Dì Hai trông nom và chữa trị cho mọi người, bộ đội cũng như dân, không phân biệt lương, giáo. Một mình dì lo toan nhiều khi quên ăn quên ngủ. Năm 1949 dì Nguyễn Thị Trương, người em thứ tám của dì Hai được bà Nhất đồng Mến Thánh Giá Chợ Quán cho đi giúp dì Hai. Hai chị em nhiều khi phải chăm sóc, băng bó cùng một lúc 5 - 7 xuống thương binh chờ đến trong một ngày. Có lúc hai chị em khóc ròng, không biết xoay xử làm sao ! Nhưng rồi mỗi người cố gắng và các gia đình lương cũng như giáo ở họ đạo Bằng Lăng cũng phụ vào nuôi dưỡng thương binh. Dì Hai còn tổ chức nhiều cuộc tái thương đưa anh em ra bờ sông Tiền, thừa lúc giặc canh phòng sơ hở, gởi gắm anh em cho bà con các họ đạo Cái Thiá, Cái Mây, Cái Lát xã Ngủ Hiệp (cũ lác Năm Thôn) Tiền Giang.

Một buổi sáng sớm tinh mơ giặc Pháp tràn vào vùng Bằng Lăng với một đội quân Partisans thuộc giáo phái thân Pháp. Khi nghe báo động, mọi người chạy tán loạn vào vùng sâu, còn lại hai chị em di phước vào ngôi giáo đường nhỏ quỳ cầu nguyện trước tượng Chúa. Đến chiều, khi giặc rút khỏi Bằng Lăng người ta quay về thấy mọi nhà đều tan hoang, gà vịt không còn lấy một con. Và điều đau khổ nhất là cả hai di phước đã bị chúng giết vùi thây dưới một vũng sinh, quần áo xác xơ.

Cả năm anh chị em của Linh mục Nguyễn Bá Luật đã cống hiến đời mình cho Thiên Chúa và Tổ quốc, gắn bó với đồng bào lương giáo, hết lòng vì độc lập, tự do cho Tổ quốc.

<https://tieulun.hopto.org>

"HÙNG XÂM" MIỀN TÂY NAM BỘ

VŨ THỐNG NHẤT

Một ngày mưa cuối năm 1946, trong vườn sầu riêng sum sê tại căn cứ Cái Cao Chiến khu 9. Khu bộ tổ chức một buổi lễ truy điệu trang trọng. Con mưa đã dứt từ hôm trước, nhưng bầu trời vẫn trĩu nặng. Khu vườn như đứng lặng, vang rõ tiếng trầm trầm của lời vĩnh biệt. Những con người dạn dày trong hiểm nguy tranh đấu mất còn với kẻ thù, đã từng chịu đựng bao nỗi đau tột cùng thể xác tại nhiều ngục tù đế quốc, hôm nay vẫn không ngăn được nước mắt tiếc thương người đồng đội thân yêu của mình - Nguyễn Hùng Phước - Khu bộ phó Khu 9, nguyên Trưởng Quốc gia tự vệ Cuộc Sóc Trăng (đầu năm 1946), Đại đội trưởng Đại đội danh dự Hồ Chí Minh, đã vĩnh viễn nằm xuống. Sự ra đi đột ngột của anh được giữ kín tránh bất lợi cho kháng chiến.

Trận đánh cuối cùng (tháng 11-1946) của anh sẽ không bao giờ phai mờ trong tâm trí đồng đội. Khi đó toàn bộ bót Ngã tư Nhà Đài (Tam Bình - Vĩnh Long) đã bị ta "Hóa trang kỳ tập" đột nhập tiêu diệt gần hết. Một tên Pháp giả lấu cá thấy động rút lên chuồng cu, dùng súng, lựu đạn bít hết các cửa ra vào. Anh Phước xông lên chuồng cu hai ba lần đều bị lựu đạn tuôn xuống không ngừng phải lùi lại. Một lát sau được sự yểm trợ của hai đồng đội, anh lại leo lên. Vừa chạm vào được chân cầu thang thì một trái lựu đạn nổ tung trước mặt khiến anh bị thương rất nặng, một bên cằm nát bét. Anh tối tăm mặt mũi, chượng lại giấy lát rồi một tay cặp súng, một tay ôm cầm đầy máu sấn lên. Lại một quả lựu đạn nữa tung xuống làm anh ngất xỉu. Đồng đội vội liệu chết vọt lên khiêng anh ra khỏi đồn, nhưng một lúc sau anh trút hơi thở cuối cùng. Khi đó anh mới 26 tuổi đời, tràn trề nhiệt huyết.

Những chiến công của anh như huyền thoại trong những ngày đầu Nam Bộ kháng chiến. "Con Hùng Xâm miền Tây Nam Bộ" - đó

chính là biệt danh mà kẻ địch kinh hoàng đặt cho anh. Tên tuổi anh vượt ra khỏi vùng sông nước Chiến khu 9, bay đến tận thủ đô Hà Nội. Trong chuyến hàng vũ khí của Trung ương gửi cho Chiến khu 9 mùa mưa năm 1946 có khẩu Thompson của Bác Hồ tặng riêng anh.

Sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo tại xã Tân An - Châu Thành - Cần Thơ (nay là phường Tân An, thành phố Cần Thơ). Sớm tiếp thu tư tưởng yêu nước của cha mẹ và người anh cả, anh sớm tham gia cách mạng: gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương khi mới 17 tuổi (1-5-1937). Tham gia bạo động cướp chính quyền (tháng 9-1940) và Khởi nghĩa Nam Kỳ ở Vĩnh Long (tháng 11-1940). Khởi nghĩa thất bại, anh chuyển vùng hoạt động tại Bạc Liêu - Cần Thơ - Long Xuyên. Sau đó anh lên Sài Gòn, và bị mật thám Catinat Sài Gòn bắt tại đồn điền Dầu Tiếng thuộc Thủ Dầu Một, buộc tội bạo động năm 1940 với mức án chung thân và tháng 6-1942 bị đày ra Côn Đảo.

Tại đây anh ở chung với các đồng chí Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai cùng một số đồng chí cán bộ cao cấp khác và không ngừng đấu tranh kể cả khi địch đưa vào hầm giam cố. Tháng 8-1945 tham gia tước khí giới giành chính quyền tại Côn Đảo - Ủy viên Ủy ban phòng thủ Côn Đảo, và 23-9-1945 anh cùng anh Nguyễn Hùng Minh trực tiếp lái ca-nô *Giải phóng* cùng Bác Tôn đưa đồng chí Phạm Hùng, Phan Trọng Tuệ... trở về đất liền tiếp tục chiến đấu.

Sau khi bị thương ở mặt trận Cần Thơ (tháng 11-1945) Nguyễn Hùng Phước được chuyển về Sóc Trăng an dưỡng trị bệnh. Ngày 4-1-1946 Pháp bắt đầu đánh chiếm Sóc Trăng, với vai trò Trưởng Quốc gia tự vệ Cuộc, anh cùng đồng đội kiên cường ngăn chặn kẻ thù ngay ngoài ở thị xã, bảo vệ cơ quan lãnh đạo tỉnh và nhân dân an toàn rút dần về phía sau.

Tại Mặt trận Cầu Đen - Bó Thảo, anh chính thức được giao trách nhiệm Trưởng Quốc gia tự vệ Cuộc Sóc Trăng. Sau đó phụ trách Đại đội danh dự Hồ Chí Minh cơ động khắp địa bàn Khu 9. Đến tháng 8-1946 là Bưu tá tại Cầu Lộ - Châu Khù 9.

Những ngày đầu giao nan, kẻ thù đang hung hãn lần lượt

chiếm hầu hết các tỉnh ly miền Tây Nam Bộ, bọn phản động cũng ngóc đầu dậy chống phá ta rất quyết liệt. Quân chúng nhiều nơi hoang mang dao động. Ngay trong cuộc họp đầu tháng 2-1946 tại Thới Bình một số đồng chí lãnh đạo Khu 8 - 9 và một số tỉnh miền Tây cũng có ý kiến "xuyên Đông - xuyên Tây" để bảo toàn lực lượng chờ thời cơ.

Chính quyền non trẻ phải chứng minh sự có mặt của mình ở khắp mọi nơi, ngay trong những lúc khó khăn ác liệt nhất. Phải bám lấy dân, tạo niềm tin nơi dân, phải đánh thật hiểm hóc hạ uy thế kẻ thù. Nguyễn Hùng Phước đã làm được điều đó. Anh đưa cả đơn vị luôn về bám dân, xây dựng cơ sở ngay trong lòng địch.

Đối với anh "tiến công là cách phòng ngự tốt nhất". Đánh táo bạo, đánh phủ đầu, đánh ngay trong hang ổ là cách đánh đặc trưng trong chiến đấu của Nguyễn Hùng Phước. Anh đi đến đâu là tiếng nổ theo đó. Các trận luận sâu tập kích, hóa trang kỳ tập, phục kích để trừ gian diệt tể, tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch của anh và đồng đội gây thổi động kinh hoàng trong hàng ngũ kẻ thù khiến chúng co vòi, nhụt chí, quân chúng thì hả hê vui sướng, tin tưởng mạnh mẽ vào cách mạng. Chỉ 4 ngày sau khi Pháp nổ súng chiếm thị xã Sóc Trăng, Quốc gia tự vệ Cuộc do anh chỉ huy đã thực hiện thành công trận tập kích đầu tiên vào vùng chúng chiếm đóng (trụ sở tế xá An Trạch). Tiếp theo hàng loạt trận tấn công khác cũng đã được anh tổ chức thắng lợi như việc hóa trang đột nhập diệt tể ở Long Mỹ, Kế Sách, phục kích đánh giao thông ở Cao Hội - Long Mỹ (21-3-1946) - trận giao thông chiến đấu tiên ở miền Tây Nam Bộ, tập kích đến bờ biển Long Phú (20-5-1946), hóa trang tập kích kho dầu thị xã Sóc Trăng (tháng 5-1946), chống cản bảo vệ tỉnh ủy ở Trà Cú Cạn - huyện Mỹ Tú (30-5-1946) v.v... và v.v...

Trong chiến đấu đơn vị của anh đã đi từ không đến có, ngày càng lớn mạnh và điều quan trọng nhất là "Bộ đội ông Phước" đã tạo được sự tin tưởng, yêu mến, bảo bọc của đồng bào người Việt gốc Khmer, Hoa, Kinh trong vùng. Từ đó mà phong trào cơ sở trở dậy, phát triển mạnh mẽ. Từ sự ủng hộ chân thành kiên định của mình, áp hợp xung quanh anh có hàng chục chiến sĩ quốc tế (Đức, Pháp,

Ý, Nhật...) đã hết mình cùng anh tung hoành trong chiến trận. Cán bộ chiến sĩ được anh đào tạo đã trở thành nòng cốt của lực lượng vũ trang Sóc Trăng.

Hơn 30 năm sau, khi hai miền không còn chia cắt, người vợ (chị Phạm Thị Nhạn - người nữ trinh sát đồn Ngã tư Nhà Dài năm ấy) cùng đứa con trai duy nhất của họ mới được đứng trước mộ, thấp nén hương cho người đã khuất ! Một lão nông bình dị đã âm thầm chăm sóc ngôi mộ suốt hàng chục năm ròng trong sự rình mò của bao kẻ thù (mộ không dám đắp cao, chỉ một cọc gỗ lim đóng chìm làm dấu). Cũng phải một thời gian nữa, kỳ vật cuối cùng của người anh hùng - một khoen sắt hoen rỉ trong dây thắt lưng tìm được trong ngôi mộ mới đến tay vợ con anh.

Nhắc về anh, ông Phan Trọng Tuệ - nguyên Chính ủy Bộ Tư lệnh Chiến khu 9, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Thủ tướng Chính phủ khi xác nhận lý lịch của Nguyễn Hùng Phước (21-4-1986) đã viết : "Tôi cùng ở Bộ Tư lệnh với đồng chí Phước trong thời kỳ đó, nay đề nghị Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu 9 có phần thưởng xứng đáng cho liệt sĩ Nguyễn Hùng Phước cùng gia đình đồng chí". Ông Mai Chí Thọ nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong thư gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam (15-4-1986) cũng đề nghị : "Với tinh thần chiến đấu mưu trí, linh hoạt, dũng cảm, ngoan cường quyết chiến quyết thắng, đồng chí Nguyễn Hùng Phước xứng đáng được truy tặng danh hiệu Anh hùng của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Những người đã đi theo tiếng gọi non sông ngay buổi đầu cam go nhất, đã trọn vẹn thực hiện được lời thề : "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Họ đã nằm xuống, thật vô tư thanh thản. Phần còn lại là của chúng ta, những người đang sống. Những người cán bộ 9 năm ở Sóc Trăng thường nói : "Hiện nay còn ít người biết đến Nguyễn Hùng Phước - người anh hùng thuở trước, "con hùm xám miền Tây Nam Bộ" - lắm !".

THÀNH TÍCH CÁCH MẠNG CỦA LIỆT SĨ LÊ THÀNH DUY

VÔ VĂN AN

Anh Lê Thành Duy sinh ngày 11-2-1922, là con của ông Lê Thành Long ⁽¹⁾, ở thôn Phước Trung, thị trấn Bà Rịa. Thuở nhỏ, anh Duy theo học ở trường xã Phước Lễ. Lớn lên đi học trường Sư phạm ở Sài Gòn. Sau cùng, anh vào học trường Canh nông Bến Cát thuộc tỉnh Sông Bé ngày nay. Trong thời gian học chung và tiếp xúc giao thiệp với người Pháp, rồi sau này sống chung trong quân đội thuộc địa, anh Duy hiểu được nạn kỳ thị chủng tộc. Mặc dù gia đình anh ở vào một vị trí xã hội có thanh thế, nhưng anh sớm nhận thức rõ sự khác nhau giữa Tây chinh quốc và Tây thuộc địa, giữa kẻ thống trị và người bị trị. Do đó, nhiều lần anh xung đột với số Tây hống hách, anh đã đánh một người Pháp ở Kho bạc Bà Rịa và đánh nhiều học sinh Pháp hống hách ở trường Canh nông Bến Cát. Chiến tranh Thế giới lần thứ 2 (1939-1945) anh buộc phải nhập ngũ vào một đơn vị của Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 9 đóng quân ở Sapa. Sau ngày 9-3, Nhật đảo chính Pháp, đơn vị rút qua Sơn Tây để sang Trung Quốc, anh không theo, bỏ ngũ trở về quê hương Bà Rịa, lúc đó anh đã hiểu biết bước đầu về phong trào nổi dậy khởi nghĩa ở Việt Bắc.

Về đến Bà Rịa, anh Lê Thành Duy cùng với bạn bè cũ gia nhập phong trào Thanh niên Tiên phong tỉnh Bà Rịa từ tháng 5 năm 1945, hăng hái hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các anh thủ

(1) Ông Lê Thành Long, quốc tịch Pháp, Đốc phủ sứ thời Pháp, Tỉnh trưởng Bà Rịa thời Nhật. Cách mạng tháng Tám nổ ra, ông trao lại chính quyền cho Việt Minh. Năm 1948 bị thực dân Pháp tước quốc tịch Pháp, tước huân chương và bỏ tù 18 tháng về tội phản Pháp, theo Việt Minh. Ông vẫn giữ tấm lòng thủy chung với cách mạng cho đến cuối đời. Ngoài Lê Thành Duy, các con ông: Lê Thành Vinh, Lê Thị Tuyết có công xây dựng từng địa phương cách mạng và giữ nhiều trọng trách trong suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

linh ở ngay tinh lý là thầy giáo Lưu Văn Vẩy, y sĩ thú y Đoàn Thuật và anh Huỳnh Công Vinh, tham gia các phong trào Truyền bá Quốc ngữ, bóng đá, bóng bàn, biểu diễn văn nghệ, các hoạt động chăm lo đời sống, sức khỏe của nhân dân như bán gạo cứu đói, phát thuốc, tiêm phòng trị bệnh... Trong các phong trào, anh Lê Thành Duy có nhiều đóng góp về mặt quân sự như hướng dẫn tập luyện cho lực lượng xung kích của Thanh niên Tiên phong, tham gia Quốc gia tự vệ Cuộc tỉnh, tích cực sưu tầm vũ khí đạn dược, nhất là sau khi tiếp nhận và thu cây trọng liên 12 ly 7 đạn đĩa lấy được của 3 phi công Nhật đầu hàng Việt Minh từ những ngày tiền khởi nghĩa. Anh Lê Thành Duy cùng anh Võ Văn Ấn và lực lượng xung kích của Thanh niên Tiên phong đưa phi công Nhật trở lại sân bay Phú Mỹ lấy thêm 1 trung liên Brenn đầu bạc, 1 mứt Nhật và 1 thùng đạn trung liên 500 viên.

Trong thời gian cuối năm 1945, anh Lê Thành Duy đã góp phần vào các công việc bảo vệ chính quyền tỉnh Bà Rịa. Chính anh Lê Thành Duy và anh ruột là Lê Thành Vinh cùng lực lượng Quốc gia tự vệ Cuộc Bà Rịa đã chiêu dụ được các chủ Sở Tây lẩn tránh bọn Nhật trong cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, từ núi Mây Tào ra hàng Việt Minh. Anh Lê Thành Duy và anh Phạm Văn Tý (thường gọi Mười Công) cùng với lực lượng Quốc gia tự vệ Cuộc, băng hành động gan dạ đón và tước súng của 2 xe lính Nhật đi qua xã Phú Mỹ, thu được trên 60 súng các loại. Anh Duy còn tham gia với lực lượng xung kích Thanh niên Tiên phong và Quốc gia tự vệ Cuộc, nhiều lần đánh trả bọn lính Nhật tiến vào tỉnh Bà Rịa để truy tìm số vũ khí đã bị ta lấy, như các trận đánh diễn ra ở đầu cầu và khu vực Lò Than xã Long Hương, trận cầu Cỏ May và cánh đồng trước Đình thần xã Phước Lễ, đặc biệt là ở Bà Rịa, bọn thân binh Phan Đình Tân và Trịnh Ngọc Hiến trở mặt, bắt anh Dương Văn Xá - Ủy trưởng Quân sự tỉnh và Nguyễn Văn Phái (bí danh Thanh Phong) - Ủy viên Kinh tế tỉnh Bà Rịa - đem giam tại Sở cao su Bàu Lũng (Núi Đất, lộ 2). Nhưng bọn thân binh Tân - Hiến đã bị anh Lê Thành Duy và anh Phạm Văn Tý chỉ huy lực lượng vũ trang chặn đánh ngay tại ngã ba này (tên này (Long Điền - An Ngãi) đi Đất Đỏ). Bọn chúng lại điều thêm nhiều quân từ Đất Đỏ đến. Anh Lê

Thành Duy đã chỉ huy Quốc gia tự vệ Cuộc chặn đánh bọn chúng tại cầu Thủ Lựu. Với khẩu trọng liên 12 ly 7, anh Duy bắn 2 băng liên tiếp, bọn Hiến - Tân nghe súng liên thanh hoảng sợ, cùng lực lượng thân binh tháo chạy luôn về Đất Đỏ, từ đó không dám đến tỉnh lỵ nữa.

Ở Bà Rịa, có lần lính Ấn Độ đi xem hát ở rạp Thành Thái, anh Tỳ và anh Duy tổ chức giựt súng của tên lính gác. Anh Tỳ thỉnh lính ôm chặt tên lính gác, còn anh Duy nhảy vào giựt 1 trung liên đem đi an toàn.

Từ khi giặc Pháp tái chiếm Bà Rịa ngày 9-2-1946, anh Lê Thành Duy thoát ly tham gia kháng chiến trong lực lượng Quốc gia tự vệ Cuộc, sau đó là Ty Công an tỉnh Bà Rịa. Tại căn cứ đóng ở khu Eo Ong (Núi Dinh), với ý thức theo dõi từ trước, anh Duy thấy 2 lính Nhật muốn dở hành động phản trắc, định lấy lựu đạn ném vào đơn vị đang họp, anh đã nhanh nhẹn cùng anh em xông tới kẹp cổ bọn chúng bắt trời giải đi, tránh được thiệt hại cho đơn vị.

Thời gian Ty Công an tỉnh Bà Rịa triển khai lực lượng qua khu vực Rừng Sác và Cù lao Núi Nứa (xã Long Sơn ngày nay), anh Lê Thành Duy là một cán bộ chỉ huy trinh sát hoạt động có tiếng ở các vùng quanh tỉnh lỵ. Dịch càng chú ý đến gia đình anh và theo dõi gắt gao hoạt động của ngành công an.

Ngày 22-5-1946, Pháp mở trận càn lớn, với lực lượng hùng hậu có cả hải quân và không quân bao vây cù lao Núi Nứa. Lúc đó, anh Duy bị sốt rét, đang dưỡng bệnh ở nhà đồng bào. Khi súng nổ, trên đường về đơn vị, anh lọt vào nơi giặc phục kích, bị địch bắt.

Biết rõ tông tích của anh, giặc đưa về Bà Rịa với ý đồ khuất phục anh bằng quyền lợi vật chất, chức vị, chiêu hàng bằng tình cảm để anh rời bỏ kháng chiến, theo lại Tây. Không lay chuyển được anh, giặc xoay qua vừa dùng nhục hình vừa dùng bả con họ hàng, bè bạn thân thuộc của cha anh làm trung gian thúc giục anh chịu hàng Pháp. Nhưng anh vẫn không bị lung lạc, gia đình cũng không hề có ý kiến xin xỏ gì.

<https://tieulun.hopto.org>

Khi quận trưởng Long Điền Lê Thành Tường, bà con chú bác

với anh vào khám đường mở lời chiêu dụ :

- Tao với mày cùng một dòng họ Lê Thánh, mày theo Việt minh chi vậy... Anh Duy ngắt lời ngay :

- Tôi với anh cùng một ông nội, nhưng bây giờ tôi với anh là hai chí hướng đối nghịch nhau. Thôi anh đừng nói gì nữa.

Và khi đối mặt với tên tinh trưởng, anh Duy cũng một mực khước từ mọi lời dụ dỗ chiêu hàng và nói : "Tôi là người Việt Nam, ông đừng nói tiếng Tây với tôi nữa".

Như vậy giữa cái sống và cái chết, anh Lê Thành Duy đã chọn cho mình cái chết vì độc lập, tự do của Tổ quốc Việt Nam. Anh đã nói rõ lập trường của mình cho anh Huỳnh Văn Ngô (cán bộ cách mạng) qua vách phòng giam : "Tôi sẵn sàng chịu chết, chờ không khi nào tôi chịu đầu hàng đầu, anh Ba".

Sáng 28-5-1946, giặc Pháp đưa anh Lê Thành Duy ra xử bắn theo đúng nghi thức của một quân nhân Pháp bị tử hình.

Thực dân Pháp tưởng chúng xử bắn 1 người dân Pháp như anh Duy, sẽ có tác dụng ngăn chặn làn sóng kháng chiến, nhưng anh trở thành tấm gương tiêu biểu chống Pháp tại Bà Rịa.

Anh Duy đã giữ vẹn lời thề thiêng liêng khi tham gia giành chính quyền ngày 25-8-1945 : "Thanh niên Bà Rịa nguyện mãi mãi trung thành với Tổ quốc Việt Nam".

Sự hy sinh anh dũng của anh Duy, với khí tiết hiên ngang trước kẻ thù, trước cái chết và những chiến công xuất sắc, đã nêu một tấm gương sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng, làm rạng rỡ cho nhân dân và tuổi trẻ Bà Rịa và cho dân tộc Việt Nam.

Ngày 20-3-1978, nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận anh Lê Thành Duy là liệt sĩ anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

BÁO CÁM TỬ- MỘT VŨ KHÍ CHIẾN ĐẤU SẮC BÉN CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

NGUYỄN LƯU (1)

Sau khi giao một số đơn vị vũ trang cho đồng chí Nguyễn Đình Thâu quản lý thành lập Mặt trận tiền tuyến miền Đông, tôi cùng đồng chí Nguyễn Văn Đắc, thợ in Portail, và hai đồng chí Nguyễn Văn Đức và Nguyễn Nam, thợ máy nhà máy Citroen họp tại trụ sở Công đoàn Gia Định ở Gò Vấp, quyết định cho xuất bản một tờ báo để đáp ứng những nhu cầu cấp bách lúc bấy giờ của nhân dân Sài Gòn đang sục sôi đánh giặc Pháp xâm lăng.

Tôi đặt tên tờ báo là *Công đoàn*, cơ quan của Tổng Công đoàn Nam Bộ. Mục đích của báo là hướng dẫn, thông tin và động viên giai cấp công nhân và nhân dân Nam Bộ chống giặc cứu nước. Chúng tôi chọn địa điểm và phân công tỉ mỉ. Tòa báo có nhà in, thực chất là một máy in đặt ở bìa rừng cao su Thủ Đức. Ban biên tập ở Gò Vấp. Ban chủ nhiệm gồm ba đồng chí : Nguyễn Lưu, Nguyễn Văn Đức và Lê Đình Thụ (tức Vũ Hồng).

Các bài báo sau khi viết, tôi gửi từ trụ sở Tổng Công đoàn (Phân bộ miền Tây) ở Bình Trị về Gò Vấp. Tin tức Mặt trận do bộ đội Tổng Công đoàn cung cấp và tin các bộ đội bạn gửi lên. Vì đứt liên lạc với trên, chúng tôi lấy các bài của Trung ương qua Đài phát thanh Bạch Mai (Hà Nội). Đồng chí Lê Đình Thụ được bố trí bí mật ở nội thành để lấy tin tức theo Đài Bạch Mai và làm tình báo cho bộ đội Tổng Công đoàn. Bài vở được đưa lên Thủ Đức. Các đồng chí Đức, Nam... phụ trách các việc còn lại : ấn loát, tiếp tế, phát hành.

Ngày 9-10-1945, số báo *Công đoàn* đầu tiên ra đời ở ngoại ô

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Nguyễn Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ, kiêm Chánh thư ký Liên hiệp Công đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn.

Sài Gòn và được chở ngay vào nội thành trong ngày hôm ấy. Mỗi kỳ xuất bản 5.000 số, ba ngày một kỳ.

Tờ *Công đoàn* ra được 5 số tức 15 hôm, thì đồng chí Lý Chính Thắng, Tổng thư ký kiêm Trưởng ban Tuyên huấn Tổng Công đoàn, bàn với tôi đưa tờ báo về An Phú Đông cho sát mặt trận. Đồng chí Lý Chính Thắng cũng là Chính ủy Mặt trận tiền tuyến miền Đông. Đồng chí đổi tên tờ *Công đoàn* ra tờ *Cẩm tử* và thay tôi trực tiếp làm chủ nhiệm tờ báo.

Báo *Công đoàn* đổi tên là *Cẩm tử* ra đời giữa khói lửa chiến tranh, nhưng vẫn bền bỉ và liên tục xuất bản và lưu hành. Ngoài tiền tuyến, trong lòng địch, ở khu du kích, ở trong các binh công xưởng...đâu đâu cũng có báo *Cẩm tử* đều đặn, liên tục, tin tức phong phú, bình luận xác đáng. Trong tình hình tin tức thiếu thốn, một tờ báo như vậy rất cần thiết và quý báu, nên báo được nhân dân Sài Gòn tin tưởng, yêu mến, che chở, bảo vệ từ lúc nó ở nhà in đến lúc nó đi lên đường phát hành trong lòng địch. Giá bán lúc đó là năm hào, nhưng có người mua năm đồng, có người tặng luôn 20 đồng.

Báo *Cẩm tử* tiếp tục ra đều đặn. Tháng 12-1945, nhà in báo bị tiến công, đập phá, chỉ còn hơn 30 ki lô gam chữ giấu ở ngoài vườn mía. Các đồng chí Lê Sĩ, Trần Độ, Xương, Lê Văn... chữa lại máy, dời đi nơi khác, và mấy hôm sau lại tiếp tục ra mỗi kỳ 4.000 số, ba ngày một kỳ. Bây giờ thì báo ở ngay trong lòng địch. Một máy in ở cạnh chúng để sản xuất những bài chửi chúng, là cái gai trước mắt chúng, cho nên giặc Pháp tức tối vô cùng.

Chúng tiếp tục khủng bố, lục soát, tìm kiếm trong nhà, ngoài vườn, nhưng không tìm ra. Tướng giặc Loeléc Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, đã ra lệnh cho viên đại tá Pháp Đơ Buydotông và đại úy Phuocxiê cần quét ráo riết. Có ngày chúng cần quét tới 2-3 lần, nhưng vẫn không tìm ra được. Chúng ra giải thưởng 50.000 đồng Đông Dương cho bọn mật thám và quân đội chúng, nếu tìm được tòa soạn và nhà in. Có một lần dời không kịp, nhà in bị phát hiện, lần này thì chúng đập nát rồi đốt cả nhà và máy. Chúng chắc chắn rằng chúng đã phá hủy tờ báo này. Trong hộp báo, chúng dán tờ lệnh của tướng Loeléc tuyên bố: "Không còn báo chí của bọn phản loạn nữa. Việt

Minh hết rồi!". Nhưng cán bộ và anh chị em công nhân với mấy chục kilôgam chữ còn lại tiếp tục làm báo. Tránh giặc thì giấu ở bụi cây, đám cỏ, sau đó lại tiếp tục làm việc, hai, ba ngày lại ra được 2.000 số. Báo *Cám tử* lại tiếp tục xuất hiện khắp nơi trong nhân dân. Số nào cũng gửi cho các Bộ trưởng, Thứ trưởng bù nhìn của địch. Báo không chỉ phát hành ở Sài Gòn mà còn phát hành ra các đô thị và tỉnh lỵ các tỉnh Nam Bộ.

Trong một cuộc họp báo, các phóng viên báo chí chất vấn tướng Locléc về việc báo *Cám tử* tiếp tục ra, trái với lời tuyên bố của y. Tướng Locléc đã chống chế bằng một câu: "Một con én không làm được mùa xuân, một tờ báo không làm được dư luận".

Báo *Cám tử* tiếp tục ra, cùng với tờ *Kèn gọi lính* và tờ *Chống xâm lăng*, tiếp tục thâm nhập vào quần chúng đã góp phần rất quan trọng trong việc động viên quần chúng, được quần chúng, vô cùng yêu quý.

Ngày 30-9-1946, đồng chí Lý Chính Thắng, chủ nhiệm báo, bị thương nặng trong khi giặc cán quét và bị bắt. Chúng tôi phải nhờ một người Pháp là quan ba Rouen trong Nhóm Nghiên cứu mác-xít tìm hộ. Nhưng khi tìm được thì giặc Pháp đã để đồng chí chết tại nhà thương Chợ Rẫy. Một số cán bộ Công đoàn bị mật ở nội thành đã được chỉ định đưa đồng chí đến nghĩa địa Phú Thọ, nơi an nghỉ cuối cùng. Anh Nguyễn Thành Phương, một cán bộ Công đoàn, đã đặt lên quan tài của đồng chí một lá quốc kỳ (sau đó do bị chỉ điểm, anh bị giặc Pháp bắt và đày đi Côn Đảo 8 năm, đến Hiệp định Giơnevơ 1954 mới được trao trả, tập kết ra Bắc).

Sau khi đồng chí Lý Chính Thắng qua đời, tôi đưa tờ báo về ấp 10, xã Vinh Lộc, cách Bà Hom, nơi đóng quân của giặc, độ một kilômét để dễ chỉ đạo.

Đồng chí Phạm Văn Tỏi (tức Mười Tỏi) đã cải tiến cách in theo kiểu mới nên báo ra nhanh và đẹp hơn nhưng chữ lại mau mòn. Đồng chí Lê Văn Tước, thợ máy, được giao nhiệm vụ lập một nhà máy đúc chữ tên là Nguyễn Văn Tư đặt ở kinh Bà Vụ (rừng tràm Vườn Thơm, Lý Văn Mạnh). Nhờ có chữ mới nên báo in rất đẹp. Chữ đúc nhiều còn thừa nên tôi sắp cho các cơ quan địa phương khác.

Nhắc đến báo *Cẩm tử* là phải nói đến sự hy sinh dũng cảm của tập thể cán bộ, nhân viên, liên lạc viên đã phải chịu tù đầy, đánh đập. Nhiều người đã hy sinh. Người này chết, người khác tiến lên tiếp tục sự nghiệp cách mạng. Có nhiều gương điển hình mà tôi không bao giờ quên được là : chị Nguyễn Thị Thu, Hoàng Thị Cư bị tù đầy đến gần tàn phế ; chị Túc, chị Toán bị giặc giết ở Vườn Thơm ; chị Nguyễn Thị Thanh mang báo bị giặc giết và bêu đầu ở Phú Lâm ; chị Nguyễn Thị Rơm, Nguyễn Thị Hợp bị cắt vú và giết chết nhưng không khai trụy sờ phát hành và giấu được báo trong khi bị thương và trước khi chết. Có những đôi vợ chồng vì báo mà hy sinh tất cả. Anh Phạm Văn Mười, thợ nón, người Vinh Long, mang báo bị giết chết ở Cầu Tre. Chị Nguyễn Thị Sương, vợ anh, công nhân nhà máy Bia Chợ Lớn, mang báo cũng bị giặc bắn sau anh một tháng ở Phú Thọ. Anh Dương Đình Thân, thợ cơ khí, người Quảng Nam, đã bị giặc bắn ở ngã ba cây Sộp trong khi mang báo. Vợ anh, có mang cũng bị giặc bắn ở Gò Mây trong khi tiếp tục làm nhiệm vụ của chồng...

Năm 1949, tờ báo ở Thiên Hộ, xa Sài Gòn quá nên năm 1950 phải đưa về nội thành và in bằng stencil, nhưng mấy tháng sau, các đồng chí Văn, Ngoạn, Hường... bị bắt. Tờ báo không ra nữa từ đấy (hơn nửa lúc này ta đã có nhiều tờ báo kháng chiến khác).

Báo *Cẩm tử* tiếp tục sự nghiệp của báo *Lao động báo Công đoàn*, là tờ báo tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh anh dũng của báo chí kháng chiến Việt Nam. Nó là tờ báo của giai cấp công nhân xung phong đương đầu chống giặc. Nó được sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương qua Đài phát thanh Bạch Mai, của Xứ ủy, Thành ủy. Nó nói lên tiếng nói chính nghĩa, động viên giai cấp công nhân và nhân dân lao động đứng lên đánh giặc cứu nước. Nó là đóa hoa thơm trong làng báo kháng chiến Việt Nam.

TIẾNG SÚNG KHÁNG ĐỊCH - TỜ BÁO LỚN CỦA CHIẾN KHU 9

MINH TRI

Nam Bộ, Miền Tây những ngày đầu kháng chiến chống Pháp. Chiến khu 9 gồm các tỉnh : Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên, Long Xuyên, Châu Đốc.

Kỷ niệm 2 năm Cách mạng Tháng Tám thành công, báo *Tiếng súng kháng địch* ra số đặc biệt : 19-8-1947, 32 trang khổ 25 x 40, in 3 màu gồm các bài bình luận, các văn kiện lịch sử của Tổng khởi nghĩa, công điện, lời kêu gọi, văn, thơ, nhạc, tranh minh họa, biếm họa. Bìa một in ba màu như một áp phích : Cờ đỏ sao vàng làm nền, bên trên là chữ *Cách mạng Tháng Tám*, góc trái tiền cảnh hình bán thân một thanh niên đang xoắn cây tầm vông cùng đoàn người phía sau dù mọi tầng lớp áo ạt xoắn tới. Nổi bật lên là chữ "*Độc san Tiếng súng kháng địch chiến khu 9*".

Tờ báo đến tay đông đảo cán bộ, nhân dân Khu 8, Khu 7 gây cho mọi người bao ngạc nhiên và hứng thú : Bởi lúc ấy cũng đã có những *Căm tử*, *Tiền đạo* (Khu 7), *Tổ quốc* (Khu 8) nhưng *Tiếng súng kháng địch* bề thế hơn vì màu sắc, nhiều trang và giấy tốt. Độc giả ở thành phố cho rằng tờ báo in "ở nước ngoài" về mọi phương diện hơn hẳn báo ở Sài Gòn lúc đó.

Ngược dòng thời gian... Chính quyền Cần Thơ được thành lập, ta nhận định kháng chiến sẽ lâu dài, phải có phương tiện tuyên truyền. Lãnh đạo đã vận động và thỏa thuận với các chủ điều hành nhà in Ấn quán An Hà lúc bấy giờ, quản lý một bộ phận nhà in và sớm chuyển ra khu.

Gần cuối năm 1945, chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của cả nước, dù tiếng súng đã lan tràn khắp Nam Bộ, nhà máy in (đặt trên ghe cá tôm, nhận trách nhiệm in phiếu bầu để phân

phát cho các tỉnh Miền Tây. Tháng 5-1946, "chiếc ghe - nhà in" này dừng lại nhà ông Tô Hùng Vi và ông Tám Đò tại xã Tân Lập - Phụng Hiệp, bắt đầu in báo *Hiệp nhất* (số 1, 2, 3) của Hội Liên hiệp quốc dân Miền Tây.

Tháng 12-1946 cấp trên quyết định tờ báo và nhà in chuyển cho quân đội quản lý. Lúc này có thêm một bộ phận nhà in nữa do 2 công nhân từ nhà thuốc Nguyễn Văn Giai (Rạch Giá) chở về một máy Pédale và trên 200kg chữ các loại. Chủ nhiệm Chính trị bộ Phan Trọng Tuệ chính thức đặt tên : *Tiếng súng kháng địch* (tờ báo và nhà in).

Số báo đầu tiên ra đời tại nhà anh Năm Chanh - ấp Cái Rán, xã Xà Phiên (huyện Long Mỹ, tỉnh Rạch Giá).

Ngày 10-1-1947, *Tiếng súng kháng địch* ra mắt độc giả với trên 2.000 số phát hành đi khắp nơi, chủ yếu là Miền Tây.

Lực lượng của tòa soạn lúc đó đủ mạnh, tùy số báo mà sử dụng cỡ chữ như Cheltenham, Estra, Bodoni, Europ, Antique, Romain, Latinoir, Italique, các cỡ 6, 8, 10, 12, các chữ tit 16, 18, 24, 32. Đều đặn báo ra mỗi tháng 3 hoặc 4 số 8 trang. Năm 1948, có thêm một máy diesel, anh em công nhân rất phấn chấn.

Tòa soạn khá đông gồm : Giám đốc Nguyễn Xuân Hoàng, chủ bút Quang Phong (Nguyễn Trí Quang) ; Ban Biên tập : Rum Bảo Việt, Ung Văn Khương, Hồ Bá Phúc, Lê Đức Quảng (Bảy Kiếng) - Thư ký Tòa soạn, các họa sĩ Nguyễn Hiem, Vũ Ngân, Lê Minh Hiên, Lương Nhân, Nguyễn Phước San - họa sĩ điêu khắc. Phóng viên có Dương Chiếng, Nguyễn Việt Phục, Nguyễn Huyét Hùng, Phạm Anh Tài (Sơn Nam) và nhiếp ảnh Nguyễn Duy Khánh...

Nhà in - bộ phận máy : Nguyễn Tấn Bang, Nguyễn Bá, Trần Thành Lâm, Tô Hùng Vi... Bộ phận chữ : Phan Văn Khôi, Lý Văn Giàu, Lê Văn Cứng, Trần Văn Đức (tháng 3-1947 có thêm một máy Hồng Kông (Tứ Khai) khổ 25 x 40 có thể in nguyên tờ báo).

Liên lạc - phát hành : Đò Tấn Xua và một tiểu đội bảo vệ 14 người trang bị vũ khí do tiểu đội trưởng Tích và chính trị viên Liêng chỉ huy.

Tiếp theo, tờ báo hàng tháng ra đều kỳ các số như đã kể trên, một tờ báo "cười" ra mắt bạn đọc dưới cái tên rất lính *Br'rùm*. Anh Rum Báo Việt sau này kể lại với anh em : Hồi đó, khi tờ *Br'rùm* ra mắt bạn đọc có dư luận rằng đó là tên tôi ! Không phải vậy đâu ! Làm sao tôi dám lấy tên tôi đặt cho tờ báo ? *Br'rùm* là tiếng nổ (bạn mình là lính má). Tiếng nổ này làm địch hoảng sợ, còn mình cười ngất. Hình vẽ biếm họa nhằm đả kích thói ba hoa mà nhất gan của thằng địch. Về phía nội bộ cũng có những nét vẽ cường điệu một vài hình ảnh nào đó để cười. Về sau, có đoàn cán bộ ra Trung ương họp đem theo tờ báo *Br'rùm* và đưa Bác Hồ xem. Bác xem xong rất vui và nói : Chiến sĩ Nam Bộ đánh giặc thiếu thốn quá mà có tờ báo vui thế này, giỏi lắm !

Sau này tên tờ báo chỉ còn lại tên *Kháng địch* bỏ hai chữ "tiếng súng" - nhưng nhà in của nó gánh luôn nhiệm vụ in báo *Vì chúa, vì Tổ quốc* của Ủy ban Công giáo kháng chiến Nam Bộ, tái bản *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (Trường Chinh), in Tuyển tập nhạc *Nhịp sống mới* trên giấy màu sivia (15 bài nhạc mới phổ biến mạnh lúc đó), in tập san *Vệ quốc*, tiểu thuyết loại bỏ túi : *Tà áo trắng, Bang giao, Khai sát* của tác giả Vô Ngã (Quang Trung).

Ai đã từng hoạt động ở Khu 9 thời "nóp với giáo mang ngang vai nhưng thân trai nào kém oai hùng" một lần đã đọc qua tờ báo *Tiếng súng Kháng địch* in nhiều màu, ra số thường 8 trang, số đặc san 32 trang - tờ báo lớn, đẹp nhất ở Nam Bộ, in ẩn trong bung biển tại các nơi như : Cai Giăng, Cái Rắn, Miếu Hội đồng Suối... ất sẽ sống lại kỷ niệm chiến trường xưa.

TƯỚNG NHỚ ANH EM BAN KỊCH SINH VIÊN HY SINH TRONG KHÁNG CHIẾN

BUI ĐỨC TINH

Sau khi bỏ học về Nam, vào khoảng tháng 4-1944, anh Huỳnh Văn Tiểng thành lập Ban kịch sinh viên, để diễn các vở kịch lịch sử *Đêm Lam Sơn*, *Nợ Mê Linh*, tuyên truyền vận động khởi nghĩa và phổ biến các bài hát yêu nước *Bạch Đằng Giang*, *Ái Chi Lăng*, *Bóng người Núi Lam*, *Lời Cha già*, *Hội nghị Diên Hồng*, *Người xưa đầu tá*, *Hồn Tử sĩ*... Phụ trách phần âm nhạc là các anh Lưu Hữu Phước, Quách Vĩnh Chương (nhạc sĩ Quách Vũ). Nòng cốt về tổ chức trong ban kịch là các anh Phan Văn Phó, Vương Văn Lễ, Quách Vĩnh Chương. Vì được nhiều anh em biết là tác giả vở kịch thơ *Đời Tráng sĩ* (đề tài Nguyễn Huệ thắng quân Thanh) diễn ở trường Trương Vĩnh Ký (nay là trường Lê Hồng Phong) trong dịp áp Tết âm lịch 1943, rồi sau đó diễn ở một số tỉnh như Tây Ninh, Bến Tre... và diễn nhiều kỳ ở Đài Phát thanh Sài Gòn, nên tôi được anh Tiểng giao nhiệm vụ huy động anh chị em để thành lập ban kịch rồi sau đó hướng dẫn các ban tập kịch. Thành viên của Ban kịch gọi là *Ban kịch Sinh viên* này, ngoài các anh "bỏ học về Nam" làm nòng cốt kể trên, còn nhiều nam nữ học sinh và nam nữ công tư chức tại chỗ.

Kế hoạch hoạt động của Ban kịch Sinh viên là dựa vào việc diễn kịch gây quỹ của các tổ chức xã hội, từ thiện, để đưa lên sân khấu những vở kịch, những bài hát tuyên truyền, vận động khởi nghĩa. Ngày 18-8-1944, Hội Truyền bá Quốc ngữ được Thống đốc Nam Kỳ ký giấy phép thành lập và ngày 26-9-1944 hai anh Huỳnh Văn Tiểng, Lưu Hữu Phước bị công an Pháp bắt. Thuận lợi lớn là tổ chức xã hội tạo điều kiện cho Ban kịch hoạt động, Hội Truyền bá Quốc ngữ đã xuất hiện công khai, hợp pháp. Khó khăn không nhỏ: người lãnh đạo Ban kịch đã bị bắt giam cầm. Không cấp học hành bản bạc chi cả, toàn thể anh chị em Ban kịch (nam đang tập *Đêm*

Lam Sơn, nữ đang tập *Nợ Mè Linh*) đều đồng lòng tiếp tục hoạt động. Do các công việc mà anh Tiếng đã ủy thác cho tôi, anh chị em gọi tôi là "bầu". Và tôi vừa tiếp tục các việc huy động anh em tập kịch vừa kiêm thêm hai việc mới : "chạy" dấu kiểm duyệt cho các vở kịch, các bản nhạc cần trình diễn và liên hệ với các tổ chức xã hội, đặc biệt là Hội Truyền bá Quốc ngữ, để giúp gây quỹ bằng những buổi diễn kịch có ca nhạc. Ở đây, xin được đề trong dấu ngoặc hai "kỷ niệm" có thể minh họa thêm cho hoạt động của Ban kịch Sinh viên. Kỷ niệm thứ nhất : trong việc xin dấu kiểm duyệt ở Sở Thông tin tuyên truyền báo chí Pháp, tôi thường được sự giúp đỡ của thầy Cồn, trước là giáo sư Việt văn trường Trương Vĩnh Ký, sự giúp đỡ của thầy rất nhiệt tình, rất có hiệu quả, nhưng đôi khi nhận lại văn bản có dấu kiểm duyệt tôi đã phải ngậm bó hòn làm ngọt, như trong trường hợp bài *Bạch Đằng Giang*. Câu đầu của điệp khúc :

"Hồn nước vẫn sống với trời non nước"

đã bị sửa lại là :

"Dòng nước trắng xóa dưới trời quang đang"

Khi nhận lại bản nhạc có dấu kiểm duyệt tôi đã phải nhận lời giải thích của thầy : "Qua sửa như vậy cũng không làm mất ý nghĩa đâu" !

Kỷ niệm thứ hai : Lần biểu diễn giúp Hội Truyền bá Quốc ngữ Gò Vấp dự trả vào tối thứ 7, mọi việc chuẩn bị, kể cả việc bán vé, đã hoàn tất thì ngày thứ 4, anh Lê Văn Lợi đóng vai Lê Lợi trong *Đêm Lam Sơn*, phải về Sa Đéc lo đám tang cha ; tôi đã "huy động" được ngay trong Hội Truyền bá Quốc ngữ Gò Vấp anh Dương Đình Thảo (sau này là Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin, Trưởng Ban Tuyên huấn Thành ủy) để đóng thay anh Lê Văn Lợi, anh Thảo đã thành công nhờ anh có giọng nói tự nhiên chậm chậm trang nghiêm thích hợp với vai Lê Lợi và đôi mắt cận thị nặng, lúc đứng trên sân khấu không mang kiếng cận nhìn xuống khán giả như vào chỗ không người nên diễn rất bình tĩnh mặc dầu chỉ vừa mới thuộc "tuồng".

Từ sau Tết Ất Dậu (1947) về đến đầu năm 1948, tình hình ở miền Bắc ở ạt đưa vào thành phố, Ban kịch đã dựa

vào các ban vận động cứu trợ Miền Bắc để tổ chức biểu diễn ngay từ khi Ủy ban Cứu tế Miền Bắc chưa được phép chính thức thành lập (ngày 15-4-1945) và cho đến khi chuyển thành Ban kịch của Ban Tuyên truyền Thanh niên Tiên phong Sài Gòn - Chợ Lớn, số tiền thu được đã nộp cho Ủy ban Cứu tế là 100.000 đồng (Liên đoàn Công chức Sài Gòn - Chợ Lớn vận động trong 3 tháng liền, mỗi tháng mỗi công chức đóng góp 1 ngày lương, riêng trong tháng 4-1945 đã quyền được tổng cộng 20.311 đồng 25 xu).

Sau khi Thanh niên Tiên phong chính thức thành lập ngày 25-5-1945, Ban kịch Sinh viên trở thành Tiểu ban kịch trong Ban Tuyên truyền Thanh niên Tiên phong Sài Gòn - Chợ Lớn. Trước cuộc Tổng Khởi nghĩa ngày 25-8-1945, Ban kịch của Thanh niên Tiên phong cũng được đề cử làm Tiểu ban kịch trong Ban Tuyên truyền của Kỳ bộ Việt Minh. Trong ngày 25-8-1945 các bạn nam trong Ban kịch hợp thành một đội xung kích đã chiếm lĩnh Nha tổng giám đốc Thuế quan của chính quyền thuộc địa (ở bến Bạch Đằng ngày nay).

Từ sau cuộc đảo chính của quân đội Nhật ngày 9-3-1945, trong không khí chính trị của thành phố có một sự nhộn nhịp do những cuộc vận động tuyên truyền của những phe nhóm thân Nhật hoặc do Nhật gây dựng từ trước. Để thực hiện đường lối tuyên truyền thích hợp, Ban kịch đã trình diễn những kịch bản sáng tác theo nhu cầu mới như: các vở kịch thơ *Nỗi lòng Hưng Đạo*, *Tâm sự Lương Khê* của Bùi Đức Tịnh, *Hội nghị Diên Hồng* của Huỳnh Văn Tiếng và Mai Văn Bộ.

Sau ngày 25-8-1945, chúng tôi đã tiếp thu Việt Nam Kịch đoàn của Sở Thông tin tuyên truyền báo chí chính quyền thuộc địa để trở thành Ban kịch của Sở Thông tin tuyên truyền Nam Bộ do anh Huỳnh Tấn Phát làm Giám đốc.

Ban kịch đặt văn phòng tại Nhà hát thành phố. Hằng ngày tôi và một số các anh như Nguyễn Hoàng Tư, Hoàng Lê Kha, Đỗ Như Công đến làm việc tại đó.

Nói đến Nhà hát thành phố và ngày 23-9, tôi không thể nào không nhớ anh Nguyễn Hoàng Tư. Đây anh là một trong những người trưởng Nguyễn Văn Khuê và Huỳnh Khương Ninh; anh là tác giả 2

vở kịch thơ *Thái Tử Đan*, *Trần Lưu* và một số bài thơ đang ở tuần báo *Thanh niên* do anh Huỳnh Tấn Phát làm chủ nhiệm. Anh đến với Ban kịch Sinh viên vào lúc 2 vở *Đêm Lam sơn* và *Nợ Mê Linh* đang tổng duyệt để chuẩn bị đi biểu diễn. Anh hỏi tôi có việc gì không để anh cùng làm với anh em. Tôi trả lời nửa thật nửa đùa: "Chỉ còn có việc phụ trách điện trên sân khấu; không có gì nặng nhọc nhưng phải có mặt trong mỗi đêm diễn và có thể bị điện giật lúc cho đèn chớp tắt để biểu diễn ngọn lửa bập bùng khi Lê Lợi cùng các cận tướng thê "quyết chiến". Anh Tư đã vui vẻ nhận công tác. Và chỉ có một lần anh than phiền với tôi, sau đêm biểu diễn ở Cần Giuộc: anh đã bị điện giật nhiều lần khi cho đèn chớp tắt.

Sáng 23-9-1945, như thường lệ, khoảng 8 giờ, tôi đến văn phòng Ban kịch ở Nhà hát thành phố. Đi xe đạp trên đường Catinat (nay là Đồng Khởi) đến ngã tư La Grandière (nay là Lý Tự Trọng) tôi thấy ở chốt đèn giữa ngã tư Catinat - D'Espagne (nay là Đồng Khởi - Lê Thánh Tôn) có một tên lính Pháp mang súng kiểm soát người qua lại. Tôi lẹ làng quẹo qua đường Paul Blanchy (nay là Hai Bà Trưng) và đi về phía Nhà hát thành phố, đứng ở bên ngoài nghe ngóng. Một số anh em gặp gỡ sau đó trên các đường phố cho biết trong đêm lính Pháp đã chiếm văn phòng Ủy ban Nhân dân Nam Bộ (trước đây là Dinh Khâm sai Nam Kỳ, Dinh Thống đốc Nam Kỳ), Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố (trước là Tòa đốc lý thành phố) và các bộ phận cảnh sát trong thành phố. Một anh cho biết đã thấy anh Nguyễn Hoàng Tư bị lính Pháp ở chốt đèn ngã tư Catinat - D'Espagne bắt khi chúng lục được trong túi áo anh một mảnh giấy. Chúng tôi nghĩ đó là giấy chứng nhận của Ban kịch. Anh Tư đã bị lính Pháp đưa về bộ Catinat và chúng đã hạ sát anh ở đó. Bấy giờ, có những anh em bị chúng xét thấy vũ khí hoặc giấy chứng nhận của tổ chức hay chính quyền cách mạng trong người, đã bị chúng bắn ngay tại chỗ.

Sau ngày 23-9, Ban kịch phải di tản ra ngoại thành. Năm 1946, trở về hoạt động ở nội thành, tôi đã tìm hỏi những anh em biết chỗ anh Tư ở, các trường anh dạy, nhưng không có thông tin gì khác hơn việc anh bị Pháp bắt ngày 23-9. Mọi người đều chắc chắn anh đã bị Pháp giết ở bộ Catinat.

<https://tieulun.hopto.org>

Sau khi Ban kịch di tản và ngưng hoạt động, theo ý kiến đề xuất của một số anh em trong Ban kịch và một số anh em Thanh niên Tiên phong vùng ĐaKao Tân Định, anh Lâm Văn Sĩ và tôi, lấy danh nghĩa ban Quân sự Thanh niên Tiên phong Sài Gòn - Gia Định do anh Sĩ làm trưởng ban, tổ chức một trại *Cám tử* để chiến đấu trên các đường phố. Tôi đã xin ý kiến anh Huỳnh Văn Tiểng và được anh xuất chi cho 100.000 đồng để tổ chức trại. Chúng tôi đã tập hợp được trên 100 trại viên, phần lớn là những nam thanh niên trên dưới 20 tuổi. Trong số trại viên tôi đặc biệt chú ý đến 2 người lớn tuổi : anh Trần Văn Giàu (trùng cả họ lẫn tên với đồng chí Sáu Giàu) khoảng 30 tuổi, về lai lịch anh chỉ cho biết anh sinh ở Côn Đảo ; và chị Minh Đức trên 40 tuổi, đã có con khá lớn. Điều kiện để gia nhập trại *Cám tử* là tập luyện sử dụng các loại vũ khí thích ứng (kể cả vũ khí bén nhọn) để giết lính Pháp và phá hoại các cơ sở chúng thành lập trong thành phố sau khi tái xâm lăng, thực hiện nhiệm vụ theo lối "liều chết" để đạt mục tiêu, kể cả trường hợp biết trước rằng không thể chạy thoát.

Trong lần xuất quân đầu tiên, anh Hoàng Sĩ Cảnh, lúc ấy 16 tuổi là chiến sĩ *cám tử* của trại và cũng là một thành viên của Ban kịch. Thực dân Pháp vừa tổ chức một phòng Thông tin tại đường Bonard. Nhiệm vụ của anh Cảnh là cho nổ một lựu đạn trong phòng Thông tin ấy. Anh đã hoàn thành công tác và gán như để cho địch bắt tại trận. Theo đúng quy định của trại anh chỉ khai : "*Tôi là Cám tử quân Việt Minh*". Dù bị tra tấn như thế nào, cũng không tiết lộ tổ chức, những người lãnh đạo, địa điểm đóng quân. Hôm sau tờ báo Pháp *Journal de Saigon (Nhật Báo Sài Gòn)* loan tin : trong vụ nổ ở phòng Thông tin, công an đã bắt được "un volontaire de la mort du Viet Minh" (họ dịch : "*Cám tử quân Việt Minh*"). Tòa án thực dân Pháp đã xử tử anh Hoàng Sĩ Cảnh. Theo lời kể lại của anh em tù Côn Đảo, anh Cảnh đã bị giam giữ một thời gian ở đảo và bị hành quyết tại đó:



Tướng nhớ anh Nguyễn Hoàng Tự và Hoàng Sĩ Cảnh, anh em Ban kịch Sinh viên ngày trước cũng tương như anh Hoàng Lê

Kha, liệt sĩ ở chiến trường Tây Ninh, anh Lê Văn Lợi, liệt sĩ trên đường Trường Sơn. Và chắc còn một số anh em khác đã hy sinh trong kháng chiến mà tôi chưa biết. Kỷ niệm 23-9, xin để trong lòng tưởng nhớ tất cả các anh.

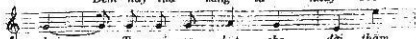
CHIẾN BINH CA VŨ KHÚC

Nhịp vui

Nhạc và lời : Ngọc Thới



Đêm nay lửa sáng ta nhảy đũa



chơi. Ta vừa ca hát cho đời thêm

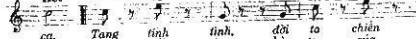


tươi. Bao nhiêu vui sống tung ra đêm



này. Một hai cùng nhảy ta hòa tiếng

Hát ĐK Nhún nhảy



ca. Tang tình tình, đời to chiến
Tang các tưng, bản tay của
Ồ ở hồ, ngày mai thắng



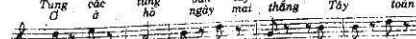
binh la vui chiến trường. Tang tình
ta từng phen phá đôn. Tang các
Tây là vui hát rãng.Ồ ở



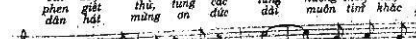
tình ta đem chiến công xây đời tự do.
tưng thanh đao của ta nhuộm đây máu Tây.
hồ ta trai nước Nam oai hùng truyền lưu



Tang tình tình đời ta chiến binh là
Tang các ở tưng bản tay của ta từng
Ồ ở hồ ngày mai thắng Tây toàn



vui xôn làng tang tình tình xây thêm chiến
phen giết thú, tưng các tưng hương thôn của
dân hát mừng ơn đức dài muôn tím khác



công cho đời âm no.
ta là Hồ Chí dân
ghi cụ Hồ Chí Minh

Đêm nay lửa...

THE HISTORY OF THE

The history of the world is a long and varied one, filled with many different cultures, languages, and customs. It is a story that has been told for thousands of years, and it continues to be told today. The history of the world is a story of discovery, of exploration, and of the human spirit. It is a story of the triumphs and the failures of our race, and it is a story that we can all learn from. The history of the world is a story that is full of life and meaning, and it is a story that we should all be proud to know.

<https://tieulun.hopto.org>

PHỤ LỤC

<https://tieulun.hopto.org>

PHỤ TỤC

<https://tieulun.hopto.org>

LỜI KÊU GỌI CỦA ỦY BAN KHÁNG CHIẾN NAM BỘ

(Ngày 23 tháng 9 năm 1945)

Đồng bào Nam Bộ!

Nhân dân thành phố Sài Gòn!

Anh em công nhân, nông dân, thanh niên, tự vệ, dân quân, binh sĩ!

Đêm qua, thực dân Pháp đánh chiếm trụ sở chính quyền ta ở trung tâm Sài Gòn.

Như vậy là Pháp bắt đầu xâm chiếm nước ta một lần nữa.

Ngày 2 tháng 9, đồng bào đã thể quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ độc lập của Tổ quốc:

"Độc lập hay là chết"!

Hôm nay,

Ủy ban Kháng chiến kêu gọi:

Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái, hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược.

Ai không có phận sự do Ủy ban Kháng chiến giao phó thì hãy lập tức rời khỏi thành phố. Những người còn ở lại thì:

- Không làm việc, không đi lính cho Pháp.

- Không đưa đường, không báo tin cho Pháp.

- Không bán lương thực cho Pháp.

- Hãy tìm thực dân Pháp mà diệt.

- Hãy đốt sạch tất cả các sở, xe cộ, tàu bè, kho tàng, nhà máy của Pháp.

Sài Gòn bị Pháp chiếm phải trở thành một Sài Gòn không điện, không nước, không chợ búa, không cửa hàng.

Hỡi đồng bào!

Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp và tiêu diệt tay sai của chúng.

Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay, xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước.

Cuộc kháng chiến bất đầu !

Sáng ngày 23 tháng 9 năm 1945

Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ

TRẦN VĂN GIÀU

TUYÊN CÁO QUỐC DÂN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN NAM BỘ

"Đồng bào Nam Bộ !

Vì coi quân đội Anh là đại biểu của Đông minh tới đất nước chúng ta giải giáp quân đội Nhật để đem lại hòa bình cho dân chúng Đông Dương, nên chúng tôi, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ luôn luôn giúp cho quân đội Anh làm nhiệm vụ được dễ dãi. Mặc dù có nhiều điều bất mãn, đã nhiều lần chúng tôi kêu gọi quốc dân nên nén lòng căm giận để chờ cuộc vận động ngoại giao với Đông minh trên trường quốc tế. Nhưng do sự nhân nhượng và dung túng của quân đội Anh, bọn thực dân Pháp đã làm những điều quá đáng. Đêm 22 tháng 9 chúng nó cùng quân Anh đã chiếm Sở Bưu điện, và Sở Cảnh sát của ta. Sáng hôm 23 tháng 9, quân Pháp công nhiên cùng quân Anh đến chiếm trụ sở của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và Quốc gia tự vệ Cuộc. Chúng đã gây nhiều cuộc đổ máu ở đường phố Sài Gòn. Rõ ràng là quân đội Anh đã cùng bọn Pháp công nhiên làm sai trách nhiệm của Đông minh đã ủy thác cho họ.

Không lẽ chịu nhục hoài, và vì danh dự của dân tộc, chúng ta phải coi trọng quyền lợi quốc gia, nên chúng tôi phải đánh điện ra cho Chính phủ Trung ương xin phép kháng chiến. Chúng tôi đã

- 1) Lập Ủy ban Kháng chiến để lo việc quân sự ;
- 2) Hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với Pháp ;
- 3) Truyền đi Lục tỉnh thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông tiếp tế, bao vây địch ;
- 4) Kêu gọi đồng bào tố cáo bọn Việt gian nguy hiểm.

Hỡi đồng bào thân mến !

Mỗi lần quân Anh làm quyền, chúng tôi đã điện ngay cho Thủ tướng Anh và các nước Đông minh. Chúng ta chịu nhục đến nay là cùng rồi. Đông minh đã hiểu những nguyên nhân sự bất hòa đồng của

ta đối với quân địch. Các đoàn thanh niên ; các đoàn bảo an mau mau cương quyết phấn đấu. Các giới đồng bào hãy thi hành triệt để kế hoạch phá hoại và chống quân địch.

Toàn dân hãy đoàn kết bảo vệ quốc gia.

Ủy ban Nhân dân Nam Bộ
(*Báo Cứu Quốc (Hà Nội)*, ngày 29-9-1945)

**CHI THỊ SỐ 4 - NV NGÀY 22 THÁNG 5 NĂM 1947 CỦA ỦY
BAN KHÁNG CHIẾN - HÀNH CHÁNH NAM BỘ VỀ "CÁCH
ĐỐI PHÓ VỚI CÔNG CHỨC VÀ NHÂN VIÊN ĐƯƠNG HIỆP
TÁC VỚI PHÁP TRONG GUỒNG MÁY CẠI TRỊ VÀ CÁC SỞ
TƯ CỦA PHÁP"**

(Trích)

... "Công cuộc kháng chiến tranh thủ nền độc lập cho nước nhà đã đến giai đoạn quyết liệt. Mỗi công nhân nước Việt Nam, không phân biệt đảng phái tôn giáo, đều có nhiệm vụ trực tiếp tham gia đấu tranh hoặc ở tiền tuyến, hoặc ở hậu phương và tuyệt đối không được hiệp tác với giặc hoặc với chính phủ bù nhìn phản quốc Lê Văn Hoạch. Xin các cấp hành chính, quân sự công an hãy kêu gọi họ trở về với Tổ quốc và truyền rao cho họ hoặc thân nhân của họ được biết :

- 1) Công chức, giáo chức, tư chức hiện còn hợp tác với thực dân Pháp và Chính phủ bù nhìn Lê Văn Hoạch, dấu trong sở công hay sở tư phải lập tức thoát ly, thi hành huấn lệnh của Chính phủ bất hợp tác với Pháp và "Chính phủ" bù nhìn Lê Văn Hoạch.
- 2) Kỳ hạn một tháng sau khi công bố chi thị này, các công chức và tư chức kể trên phải thu xếp trở về với Chính phủ...".

(Cập năm 1947, Phòng Tư liệu
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam)

CHỈ THỊ SỐ 404/TV NGÀY 21 THÁNG 6 NĂM 1947 CỦA ỦY BAN KHÁNG CHIẾN - HÀNH CHÍNH NAM BỘ - "GIẢI RÕ CHỈ THỊ 4 - NV"

(Trích)

... " 1) Chánh trị :

a) Gây phong trào mãnh liệt bất hợp tác với giặc của tất cả công dân Việt Nam yêu nước, để biểu dương sự đoàn kết của dân tộc, của các tầng lớp dân chúng từ thôn quê tới thành thị quyết tâm theo đuổi cuộc kháng chiến giành độc lập cho nước nhà.

b) Biểu lộ uy tín của Chánh phủ đối với các tầng lớp dân chúng một khi đã ra lệnh cho công nhân mặc dầu đang làm việc dưới bóng cờ của giặc, cũng đáp lại tiếng gọi của Chánh phủ, của Tổ quốc, để hy sinh ra lãnh nhiệm vụ công dân trong lúc nước nhà cần đến.

c) Có dịp cho anh em công chức chân chính yêu nước ra hy sinh tham gia kháng chiến.

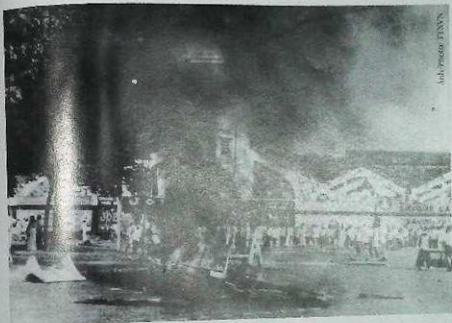
d) Làm thất bại sự xuyên tạc xảo quyệt của thực dân Pháp cho rằng công chức thành thực hợp tác với chúng và bẻ lư bù nhàn chống lại Chánh phủ Việt Nam.

2) Kinh tế :

Làm tê liệt cơ sở kinh tế của giặc ngay trong vùng chúng kiểm soát, phá tan hay làm gián đoạn các đầu mối giao thông của địch để các sự tiếp tế của địch phải bị trở ngại.

3) Cai trị :

Làm tê liệt gương máy cai trị của giặc trong khi các công chức bỏ sở..."



Ảnh: Photor: TINVN

Thành phố Sài Gòn những ngày đấu kháng chiến chống thực dân Pháp



<https://tieulun.hopto.org>
Chiến đấu ở ga Bình Triệu tháng 10-1945



Kéo pháo 105 ly thu được của địch trong chiến thắng Tâm Vu - Cần Thơ



Du kích Nam Bộ cướp súng giặc diệt giặc

<https://tieulun.hopto.org>

(Trong sách này sử dụng ảnh của Nguyễn Bá Khoản và những người khác)

LỜI KÊU GỌI ĐỒNG BẢO NAM BỘ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (NGÀY 29-10-1945)

Hỡi đồng bào trong Nam !

Quân Pháp nấp dưới bọng quân đội Anh đang tàn sát đồng bào ta trong xứ. Ở Mỹ Tho, ở Tân An, ở Biên Hòa, Nha Trang, quân Pháp đã xâm phạm đến nền độc lập của chúng ta. Tâm trí tôi luôn luôn bên cạnh mấy triệu đồng bào quyết chiến đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ cho nền độc lập Việt Nam, để tỏ rõ cho hoàn cầu biết rằng dân tộc Việt Nam đầy đủ tinh thần hy sinh chiến đấu.

Mặc dầu quân Pháp có đủ khí giới tối tân, tôi biết chắc không bao giờ chúng cướp được nước ta đâu. Từ Nam chí Bắc đồng bào ta luôn luôn sẵn sàng. Mấy triệu người như một, quyết tâm đánh tan quân cướp nước. Không quân đội nào, không khí giới nào có thể đánh ngã được tinh thần hy sinh của toàn thể một dân tộc.

Vì công lý, cuộc kháng chiến tự vệ của dân tộc ta phải toàn thắng. Quân Pháp đi đến đâu sẽ gặp cảnh đồng không nhà vắng, không người, không lương thực. Chúng ta quyết không cộng tác với chúng, không chịu sống chung với lũ thực dân Pháp.

Đồng bào trong Nam, trong một tháng nay, đã tỏ rõ tinh thần vững chắc, hùng dũng, đáng làm gương cho lịch sử thế giới. Ngày nay, trước tình trạng khó khăn, toàn thể quốc dân Việt Nam hồi hộp theo cuộc chiến đấu ở Nam Bộ. Nhưng thời cuộc càng khó khăn chừng nào, tôi chắc rằng tinh thần anh chị em càng cương quyết hơn chừng ấy. Trước nạn ngoại xâm, toàn thể quốc dân đã đoàn kết chặt chẽ thành một khối kiên cố, thành một lực lượng thống nhất mà không đội xâm lăng nào đánh tan được.

Hồ Chí Minh

<https://tietuan.hopto.org>
Báo Tin Quốc số 77, ngày 29-10-1945)
 Hồ Chí Minh toàn tập tập 4, sđd, tr. 1-78

DIỄN VĂN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỌC TRONG " NGÀY KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC" (1)

(Ngày 5-11-1945)

Hỡi toàn quốc đồng bào !

Trong mấy năm thế giới chiến tranh, bọn thực dân Pháp đã hai lần bán rẻ nước ta cho Nhật. Như thế là chẳng những chúng đã phân lại các nước Đông minh, giúp sức Nhật để làm cho Đông minh tổn hại rất nhiều.

Đồng thời chúng cũng phân lại dân ta, làm cho nước ta sa vào vòng chiến tranh, bị bom đạn tàn phá. Như vậy là Pháp đã tự ra ngoài hàng ngũ Đông minh, đã tự xé bỏ những điều ước mà chúng đã ép nước ta ký kết hồi trước.

Mặc dầu bọn thực dân Pháp như vậy, toàn quốc đồng bào ta đã kiên quyết đứng về phe Đông minh, chống lại bọn xâm lược. Đến khi quân Nhật đầu hàng thì dân ta đồng tâm nhất trí đổi nước ta thành một nước Dân chủ Cộng hòa, cử ra Chính phủ lâm thời để sửa soạn cuộc toàn quốc đại hội và thảo ra Hiến pháp của ta.

Chúng ta làm như thế, chẳng những là hoàn toàn hợp với Hiến chương Đại Tây Dương, Cựu Kim Sơn vân vân mà các nước Đông minh đã trình trọng thể thốt tôn trọng quyền tự do, độc lập của các dân tộc, đồng thời lại hoàn toàn hợp với những tôn chỉ về vang mà chính dân Pháp đã phụng thờ, tức là tự do, bình đẳng, bác ái.

Thế mà bọn thực dân Pháp, khi trước đã phân Đông minh, phân nước ta và đầu hàng Nhật, nay lại Jen lùi dưới bóng cờ của quân đội Anh và ẩn núp sau lưng binh sĩ Nhật đánh Nam Bộ nước ta.

(1) Để biểu thị sự ủng hộ cuộc chiến đấu oanh liệt của đồng bào Nam Bộ chống Pháp xâm lược, cả nước đã tổ chức "Ngày toàn quốc kháng chiến" vào 5-11-1945. Tại cuộc mít tinh ở Thủ Đức, Khu quân sự Hồ Chí Minh đã đọc bài diễn văn này. (BT).

Chúng phá hoại cuộc hòa bình mà các nước Trung Hoa, Mỹ, Anh, Nga đã hy sinh mấy mươi triệu người mới tranh được. Chúng chống lại những lời hứa hẹn về dân chủ, tự do mà các nước Đồng minh đã tuyên bố. Chúng tự xóa bỏ tôn chỉ tự do, bình đẳng của tổ tiên chúng.

Bởi vậy, vì chính nghĩa, công lý của thế giới, vì đất nước, giống nòi của Việt Nam, mà toàn quốc đồng bào nổi lên tranh đấu quyết giữ vững nền độc lập của ta. Chúng ta không ghen ghét gì dân Pháp, nước Pháp, chúng ta chỉ kiên quyết chống chế độ nô lệ và chính sách tàn nhẫn của bọn thực dân Pháp. Chúng ta không đi cướp nước ai. Chúng ta chỉ giữ gìn nước ta và chống lại bọn Pháp đi cướp nước. Vì vậy chúng ta không cô độc. Những nước yêu chuộng hòa bình và dân chủ, những dân tộc nhỏ yếu trong thế giới đều đồng tình với ta. Vì toàn dân đoàn kết ở trong, vì nhiều bạn đồng tình ở ngoài, cho nên chúng ta nhất định thắng lợi.

Gần tháng rưỡi nay, bọn thực dân Pháp hoành hành trong Nam Bộ. Đồng bào Nam Bộ đang hy sinh tranh đấu một cách oanh liệt vô cùng. Dư luận các cường quốc Trung Hoa, Mỹ, Anh, Nga đã cất tiếng duy trì chính nghĩa.

Vậy toàn quốc đồng bào ta, Nam Bộ thì ra sức kháng chiến, Trung Bộ và Bắc Bộ thì ra sức giúp đỡ đồng bào Nam Bộ và ra sức đề phòng.

Bọn thực dân Pháp phải biết rằng : dân Việt Nam không muốn đổ máu, dân Việt Nam yêu chuộng hòa bình. Nhưng nếu cần phải hy sinh mấy triệu chiến sĩ, nếu cần phải kháng chiến bao nhiêu năm để giữ gìn quyền độc lập của Việt Nam, để cho con cháu Việt Nam khỏi kiếp nô lệ, thì chúng ta vẫn kiên quyết hy sinh và kháng chiến. Vì dân Việt Nam tin chắc rằng thế nào cuộc kháng chiến này cũng thành công.

Toàn quốc kiên quyết kháng chiến.

Việt Nam độc lập muôn năm.

Hồ Chí Minh

(In trên báo Cứu Quốc số 85 ngày 7-11-1945)

<https://tieu.lun.hopto.org>
 Hồ Chí Minh toàn tập, tập 1, số 90, 91-92

THƯ CỦA HỒ CHỮ TỊCH GỬI CÁC CHIẾN SĨ NAM BỘ VÀ NAM PHẦN TRUNG BỘ (THÁNG 12-1945)

Từ ba tháng nay, các anh chị em đã đem xương máu ra để giữ lấy từng tấc đất của Tổ quốc.

Tôi, và tất cả đồng bào ở Bắc Bộ, và phía Bắc Trung Bộ, đã bao nhiêu lần tức giận khi nghe bọn thực dân Pháp đập lên lãnh thổ của ông cha ta, giết hại nòi giống ta.

Đã bao nhiêu lần phấn khởi khi nghe những chiến công oanh liệt do những vị vô danh và hữu danh anh hùng của dân tộc tạo nên, đã bao nhiêu lần hồi hộp cảm động trước những gương hy sinh vô cùng dũng cảm của những người con yêu của Tổ quốc.

Do đó, tôi càng tin chắc rằng : với một nước đã có những người con hy sinh như thế, anh hùng như thế, đã có một khối toàn dân đoàn kết như thế, nước ta nhất định không bị mất lại một lần nữa.

Để bảo vệ Tổ quốc, chúng ta còn phải chiến đấu nhiều. Chỉ có chiến đấu mới vượt được những trở lực, khó khăn, chỉ có chiến đấu mới đưa lại vẻ vang cho Tổ quốc. Các bạn ở tiền tuyến không bao giờ cô độc, vì đã có cả một khối toàn dân đoàn kết làm hậu thuẫn cho mình. Thắng lợi cuối cùng nhất định về ta.

Tháng 12 năm 1945

Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, sđd, tr. 134

THƯ GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ, CHIẾN SĨ Ở TIỀN TUYẾN VÀ ỦY BAN HÀNH CHÍNH NAM BỘ

Tôi xin báo để đồng bào và anh em chiến sĩ các bộ đội biết rằng : việc điều đình giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Pháp đã đi đến một kết quả đầu tiên là hai bên đình chiến ngay để mở đường cho những cuộc đàm phán chính thức sau này. Đối với nước Việt Nam ta, sự ký kết đó có một kết quả hay là nước Pháp đã thừa nhận nước Việt Nam là một nước tự chủ.

Ấy cũng là nhờ ở sự tranh đấu anh dũng của tất cả đồng bào toàn quốc, nhất là đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ và của hết thầy anh em chiến sĩ khắp các mặt trận trong sáu tháng nay. Trong giờ phút này, tôi kính cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và các đồng bào đã hy sinh trong cuộc tranh đấu cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng.

Không phải là uổng, vì đây là :

1. Bước đầu của cuộc đàm phán để đi đến sự thắng lợi.
2. Cuộc đàm phán đầu tiên đã gây dựng được những điều kiện chính trị mà chúng ta phải biết lợi dụng để đạt tới cái mục đích Việt Nam hoàn toàn độc lập.
3. Muốn được như vậy, Chính phủ cần được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân. Cho nên trong thời kỳ đình chiến này, nhất là trong lúc quân đội hai bên cần phải đứng lại trên vị trí hiện thời, sự chuẩn bị, sự củng cố lực lượng, sự tôn trọng kỷ luật là cần thiết hơn lúc nào hết. Và rồi đây, sau khi hòa bình đã thỏa hiệp được, thì tinh thần phấn đấu của anh em vẫn là những lực lượng quý báu để đảm bảo cho nền độc lập hoàn toàn của nước nhà sau này.

Chúng ta cần phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai quê Tổ quốc. Sự kiên thiết, sự tranh đấu chưa kết thúc, tinh thần hăng hái của đồng bào sẽ không bao giờ nguội và là

không có cơ hội hành động nữa.

Trong giai đoạn mới của lịch sử nước nhà hiện nay, tinh thần đoàn kết của anh em sẽ đưa lại những kết quả tốt đẹp hơn nữa.

Lời chào thân ái

Hồ Chí Minh

(In trên báo *Cứu Quốc*, số 182,
ngày 10 tháng 3 năm 1946)

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, 1995, sđd, tr: 199, 200

**THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI
ĐỒNG BÀO NAM BỘ
(Ngày 31 tháng 5 năm 1946)**

Cùng đồng bào yêu quý Nam Bộ,

Được tin tôi cùng đoàn đại biểu qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức, đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đều lấy làm bàng khuâng. Bàng khuâng là vì chưa biết tương lai của Nam Bộ sẽ ra thế nào ?

1. Tôi xin đồng bào hiểu rằng nước Pháp mới không phải là đế quốc chủ nghĩa, đi áp bức, đi chia rẽ dân tộc và nước nhà người ta.

2. Tôi xin đồng bào cứ bình tĩnh. Tôi xin hứa với đồng bào rằng *Hồ Chí Minh* không phải là người bán nước.

Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường, để gìn giữ non sông cho cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.

Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.

Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi !



Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều đồng đội của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đây là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Cứ như thế

mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn sẽ về vàng.

Giấy vắn tình dài, trước khi lên đường đi Pháp, tôi xin gửi lời chào thân ái cho tất cả đồng bào Nam Bộ.

Hồ Chí Minh

(*Báo Cứu Quốc*, số 255, ngày 1-6-1946)

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Sđd. tr 246,247.

TUYÊN BỐ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI PHÁP VỀ VẤN ĐỀ NAM BỘ VÀ QUAN HỆ VIỆT-PHÁP ⁽¹⁾

(Ngày 11 tháng 7 năm 1946)

Nam Bộ là một miếng đất Việt Nam. Đó là thịt của thịt chúng tôi ; máu là máu chúng tôi (C'est la chair de notre chair, le sang de notre sang). Sự đòi hỏi đó dựa trên những nguyên nhân về chủng tộc, lịch sử và văn hóa. Trước khi Coócơ (Corse) trở nên đất Pháp thì Nam Bộ đã là đất Việt Nam rồi. Tôi tuyên bố rằng, tôi tin cậy ở nước Pháp mới.

Nước Việt Nam sẵn lòng bảo đảm sự an toàn cho những vốn của người Pháp đặt ở trên nước Việt Nam. Ngoài ra, người Pháp vẫn có thể tiếp tục mở thêm những doanh nghiệp mới, dù các ngành. Quyền tự do doanh nghiệp của những người Pháp cũng chỉ phải chịu những điều kiện hạn chế như người Việt Nam, nhất là về những ngành kỹ nghệ cần phải quốc hữu hóa. Chúng tôi sẽ gọi đến những nhà chuyên môn Pháp trước những nhà chuyên môn khác. Còn về những công chức Pháp đã ở Việt Nam thì hoặc sẽ được các công sở Việt Nam dùng, hoặc nếu không thể làm việc được thì sẽ được bồi thường.

Tôi tin rằng Hội nghị Việt - Pháp cuối cùng sẽ đưa đến kết quả. Hai dân tộc chúng ta đang cho thế giới thấy một tấm gương rất lớn.

(Báo Cứu quốc số 292, ngày 15 tháng 7 năm 1946)

Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4,

NXB Sự Thật, Hà Nội, 1984, tr. 147 - 148

(1) Tuyên bố tại buổi họp báo của Ủy ban Trung ương Hội Pháp - Việt tổ chức tại Trocadero (Pháp) ngày 11 tháng 7 năm 1946.

LỜI TUYÊN BỐ VỚI QUỐC DÂN SAU KHI ĐI PHÁP VỀ (Trích)

3. Hỡi đồng bào Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ.

Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc cũng như nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Noóc-măng-đi, Prô-văng-xơ, Bô-xơ.

Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta.

Trong một năm trường, đồng bào kháng chiến, người thì tận nhà nát cửa, người thì hy sinh tính mạng, người thì bị tù, bị đày. Nhưng lòng yêu nước của đồng bào vẫn trơ như đá vững như đồng.

Đối với gan vàng dạ sắt của đồng bào, toàn thể quốc dân không bao giờ quên, Tổ quốc không bao giờ quên, Chính phủ không bao giờ quên.

Tôi kính cúi đầu chào trước linh hồn các liệt sĩ và xin lỗi những đồng bào đương khổ sở hy sinh.

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng : Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc.

Lời chào thân ái

Ngày 23 tháng 10 năm 1946

Hồ Chí Minh

<https://tieu-lun-hopfo.org>

Sở, tr. 418, 419

TRẢ LỜI THƯ PHẢN KHÁNG CỦA THƯỢNG SỨ PHÁP (1)

Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ thành lập từ tháng 8 năm 1945, dưới quyền chỉ huy của Chính phủ trung ương và vẫn tiếp tục làm việc tới ngày nay. Ủy ban đó lại đã từng giao thiệp chính thức với các nhà cầm quyền quân sự Đồng minh và Pháp hồi tháng 10 năm ngoái.

Việc ở Nam Bộ vừa có một quân đội chiếm đóng, vừa có các cơ quan hành chính và quân sự Việt Nam đã được bản Hiệp định Sơ bộ 6-3 và bản Tạm ước 14-9 công nhận. Theo các bản thỏa hiệp đó thì tình hình Nam Bộ phải để nguyên cho đến ngày trưng cầu dân ý.

Chính phủ Việt Nam có thể nói chắc với Ngài rằng những sự hoạt động của Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ cũng như các cơ quan quân sự Việt Nam, chỉ là để đi đến sự thi hành triệt để các điều khoản về chính trị và quân sự của khoản 9 trong bản Tạm ước nói về Nam Bộ và chỉ có thể giúp cho chính sách hợp tác thân thiện mà cả hai Chính phủ ta đều mong muốn có thể thực hiện dễ dàng.

Hồ Chí Minh

(Viết ngày 9 tháng 11 năm 1946.

In trên báo *Cứu quốc*, số 401,

ngày 10 tháng 11 năm 1946)

Hồ Chí Minh toàn tập, 1995, tập 4, Sđd, tr. 442.

(1) Sau Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, Chính quyền cách mạng được phục hồi và củng cố ở hầu hết các vùng nông thôn Nam Bộ, từ cấp xã đến cấp Nam Bộ, các Chiến khu 7, 8, 9 được thành lập với các Bộ Tư lệnh hoàn chỉnh.

Ngày 7-11-1946, Thượng sứ Pháp D'Argenlieu gửi tới Chính phủ ta thư phản kháng về việc có một Ủy ban Hành chính lâm thời ở Nam Bộ, cho đó là không hợp với bản thỏa hiệp Sơ bộ và Tạm ước nói những hoạt động của Ủy ban đó có thể hại cho việc thi hành bản thỏa hiệp nói trên.

bây giờ, ta có quân đội, có nhân dân. Nam Bộ, địa thế khó, chuẩn bị kém, mà kháng chiến đã hơn một năm. Ta địa thế tốt, lực lượng nhiều hơn, nhất định kháng chiến được mấy năm, đến thắng lợi.

Viết ngày 5 tháng 11 năm 1945

Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Sđd, tr. 433, 434

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VỀ "TÌNH HÌNH VÀ CHỦ TRƯỞNG"
(Trích)

Ngày 3 tháng 3 năm 1946.

1. Anh, Mỹ, Tàu đồng ý nhân nhượng với Pháp về vấn đề Đông Dương, để quân Pháp vào Đông Dương thay quân Tàu lấy danh nghĩa là quân Đồng minh vào Đông Dương để "canh giữ tù binh Nhật" và "giữ trật tự" theo "hiệp ước quốc tế".

Mục đích Anh, Mỹ là kéo thực dân Pháp bao vây Liên Xô và ngăn ngừa cách mạng thuộc địa, giao thực dân Pháp và Hà Lan nhiệm vụ canh giữ Đông Dương và Nam Dương để cho Anh, Mỹ rảnh tay một phần nào, hông ngăn ngừa sức bành trướng của Liên Xô.

2. Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 1-3-1946 ⁽¹⁾ tỏ rằng : vì muốn cứu vãn quyền lợi chung của đế quốc, chống phong trào cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, Anh, Pháp, Mỹ và Tàu đã tạm dẹp mâu thuẫn bộ phận ở Đông Dương. Coi đó thì Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp. Nó là chuyện chung của phe đế quốc và bọn tay sai của chúng ở thuộc địa. Dù nhân dân Đông Dương muốn hay không muốn, nhất định chúng cũng thi hành Hiệp ước ấy. Việc Tàu cho Pháp vào Lai Châu, Lào Cai là chúng cố hiển nhiên. Nhưng chúng vẫn gồm cách mạng Đông Dương và dư luận quốc tế, nên cả Tàu lẫn Pháp cũng muốn dàn xếp với ta về việc quân Pháp kéo vào Bắc nước ta.

3. Trước khi rút lui (hạn cuối cùng theo Hiệp ước Hoa - Pháp là

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Theo các tài liệu hiện hành, Hiệp ước này được ký ngày 28-2-1946 (B.T.)

31-3-1946), Tàu hết sức xúc tiến cải tổ Chính phủ Việt Nam để cho phải địa chủ và tư sản phản động, tay sai của chúng vào Chính phủ, định cùng bọn tay sai này đạt ba mục đích :

- a) Bất nhân dân Việt Nam nuốt chửng Hiệp ước Hoa - Pháp.
- b) Yêu sách Pháp thêm ít nhiều quyền lợi nữa.
- c) Ngăn ngừa cuộc đàm phán riêng giữa Việt Minh và Pháp.

Vì thế Tàu đã ủng hộ bọn "Thiết thực" ⁽¹⁾ (địa chủ phản động) và "Việt Nam" ⁽²⁾ (tư sản phản động) biểu tình ở Hà Nội ngày 20, 21 tháng 2 năm 1946, thúc Chính phủ Liên hiệp lâm thời phải mau từ chức và giúp bọn Phục quốc quấy rối ở Hòa Gai, Quảng Yên, Hải Phòng (cuối tháng 2 năm 1946).

4. Còn Pháp thì ra sức tiến công vào dịp Tết và sau Tết, với mở cuộc đàm phán bàn về Vấn đề quân Pháp kéo vào Bắc Việt Nam. Mục đích của Pháp là :

- a) Mau giải quyết vấn đề Đông Dương để bảo toàn uy tín và thực lực ;
- b) Kéo ta để cản sức với Tàu.

Song thực ra bọn Pháp muốn dàn xếp với ta cũng bởi vì : một là, cuộc kháng chiến của ta làm cho chúng hao tổn ; hai là, phong trào phản chiến nảy nở trong nhân dân và quân đội Pháp ; ba là, nhân dân Pháp và Chính phủ Goanh (trong đó Cộng sản và Xã hội chiếm đa số) không muốn kéo dài cuộc đổ máu ở Đông Dương ; bốn là, chính Anh, Mỹ cũng sợ cuộc chiến đấu giành độc lập của Đông Dương và Nam Dương kéo dài thì ảnh hưởng của nó sẽ đẩy mạnh thêm phong trào đòi độc lập ở các thuộc địa khác nhất là Ấn Độ.

5. Trong khi Hiệp ước Hoa - Pháp đã ký và Chính phủ Pháp thiên sang tả thì bọn Việt Nam Quốc dân Đảng lại làm ra bộ cách mạng nhất. Chúng chủ trương kháng chiến đến cùng. Chúng hô : "Không điều đình với ai hết, thắng hay là chết". Chúng và bọn đồ đầu cho chúng là Tàu phản động nhất ở Đông Dương rất sợ ta đi với

<https://tieulun.hopto.org>

(1), (2) "Thiết thực", "Việt Nam" là tên hai tờ báo của Quốc dân Đảng (Q.D.T.)

các lực lượng tá phái Pháp mà chống lại chúng. Dã tâm của bọn Nguyễn Hải Thần và phái phản động Quốc dân đảng là có ý phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp đẩy ta chống lại Hiệp ước Hoa - Pháp, để cho cả ba lực lượng : Tàu trắng, thực dân Pháp và bọn phản động Việt Nam quay lại tiêu diệt ta. Chú ý rằng lúc chúng ta ngăn quân Pháp vào Bắc Việt Nam thì chính là lúc bọn phản động Việt Nam sẽ đứng ra lập chính phủ bù nhìn, đi đôi với thực dân Pháp đánh ta, buộc cho ta là phiến loạn, là chống Liên hiệp quốc, là phản hòa bình và chính lúc đó quân Tàu trắng sẽ kiếm cơ ở lại Đông Dương cùng thực dân Pháp và bọn phản động Việt Nam đánh ta.

6. Đứng trước tình thế trên đây, chúng ta phải quyết đánh hay hòa với Pháp? Có thể nói phức ngay rằng : nếu Pháp giữ chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn ngày 24-3-1945 thì nhất định đánh, và rất có thể đánh lâu dài theo lối du kích. Nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan âm mưu của bọn Tàu trắng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn sót lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc để thực lực của ta tiêu hao.

7.....

8. Chủ trương "đánh đến cùng" lúc này không những làm cho ta cô lập và thực lực tiêu hao, lại vô tình sửa soạn cho bọn Nguyễn Hải Thần, bọn hữu phái Việt Nam Quốc dân Đảng nháy lên địa vị "chuyên quyền" và bán nước nhà cho thực dân Pháp. Chủ hòa lúc này cũng có hai chỗ nguy hiểm :

a) Bọn phản động lợi dụng tinh thần kháng chiến của quần chúng mà tuyên truyền phỉ bình dân và vu cho ta là phản quốc, là bán nước cho Tây ;

b) Bọn thực dân Pháp có thể gia tăng lực lượng trên đất ta để một ngày kia bội ước diệt ta.

Nhưng chủ trương ấy có hai điều lợi lớn :

- Phá được mưu đồ của bọn Tàu trắng, của bọn phát xít và của bọn Việt gian, bảo toàn được thực lực ;

- Giành được giây phút nghỉ ngơi để sửa soạn cuộc chiến đấu mới phối hợp với các cuộc chiến đấu của nhân dân Pháp, tiến tới giành độc lập hoàn toàn.

Ban Thường vụ Trung ương

Theo tài liệu lưu tại Cục lưu trữ

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
VỀ "HÒA ĐỂ TIẾN"
(Trích)

Ngày 9 tháng 3 năm 1946.

I- HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ VIỆT - PHÁP

Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta đã ký với đại biểu Pháp ở Hà Nội bản Hiệp định Sơ bộ (Convention Préliminaire) gồm có ba khoản đại khái như dưới đây :

a) Nước Pháp công nhận nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam là một nước tự do có ba kỳ, đứng trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp.

b) Nước Việt Nam thuận để quân đội Pháp vào Bắc Việt Nam, thay quân đội Tàu, hạn quân Pháp đóng ở Đông Dương không quá 5 năm.

c) Hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức và trong khi đàm phán, quân hai bên đóng đầu vắn cứ đóng đấy.

Như thế là nhờ sự chiến đấu anh dũng của chúng ta trong mấy năm nay và nhất là trong mấy tháng kháng chiến gần đây và nhờ tinh thần yêu chuộng tự do, chính nghĩa của quân Pháp, Chính phủ Pháp đã phải công nhận quyền tự chủ và sự thống nhất quốc gia của ta. Hiệp định Việt - Pháp có được là vì nước Việt Nam mới có lực lượng chiến đấu mới và nước Pháp cũng có tinh thần tự do mới.

Chúng ta hòa với Pháp để :

1. Tránh tình thế bất lợi : phải có lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động (như là Pháp ở Bắc, bọn phản cách mạng trong nước), chúng sẽ đúc thành một khối và được bọn

để quốc Anh, Mỹ giúp sức để đánh ta trong khi các lực lượng hòa bình, tự do, tiến bộ trên thế giới (như Liên Xô, phong trào cộng sản ở Tàu và Pháp, cách mạng thuộc địa) chưa thể trực tiếp giúp ta được.

2. Bảo toàn thực lực giành lấy giây phút nghỉ ngơi và củng cố vị trí mới chiếm được, chấn chỉnh đội ngũ cách mạng, bổ sung cán bộ, bồi dưỡng và củng cố phong trào, tóm lại để chuẩn bị đầy đủ, nhằm cơ hội tốt tiến lên giai đoạn cách mạng mới.

Do Hiệp định ngày 6-3-1946, nước Pháp chưa chịu nhận Đông Dương hoàn toàn độc lập ngay, nhưng cũng không chịu chủ trương lạc hậu của Chính phủ Đờ Gôn trước đây chỉ nhận cho Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn ngày 24-3 năm ngoái.

Thật thế, nước Pháp nhận nước Việt Nam là một nước tự do (Etat Libre) có chính phủ tự chủ (Self Government), có nghị viện, có quân đội và tài chính riêng v.v... Còn hai nước nhỏ trong Đông Dương như Ai Lao thì nước Pháp chưa bàn đến và Cao Miên thì đã tuyên bố nhận quyền tự trị rồi.

Tóm lại, ba nước trong Liên bang Đông Dương không thể trở lại chế độ thuộc địa như trước chiến tranh nữa, nhưng cũng chưa được độc lập : nghĩa là hoặc được tự trị (như Cao Miên) hoặc được hưởng một chế độ rộng rãi hơn tự trị (như Việt Nam).

Song Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 chỉ là bước đầu. Cuộc đàm phán sẽ tiếp tục lấy bản Hiệp định Sơ bộ làm nền tảng.

Nhiệm vụ của chúng ta là làm hậu thuẫn cho Chính phủ trong cuộc đàm phán chính thức này mai.

II. CHUYỂN HƯỚNG MỚI VỀ CHIẾN THUẬT

Sau bản Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp, Đông Dương chưa được hoàn toàn độc lập, cho nên cuộc cách mạng dân tộc giải phóng Đông Dương chưa hoàn thành. Mục đích của giai cấp tiên phong - giai cấp công nhân - ở Đông Dương trong giai đoạn này vẫn là hoàn toàn giải phóng cho Tổ quốc, thống nhất dân tộc và hoàn thành củng cố chế độ cộng hòa dân chủ. Muốn hoàn thành giải phóng cho Tổ quốc phải chống chủ nghĩa thực dân. Song lúc này chính dân Pháp đã bỏ tham vọng đô hộ ta như trước và nhận nguyên tắc tự chủ và thống

nhất dân tộc của ta. Kẻ thù cụ thể trước mắt ta lúc này là bọn phản động Pháp (la réaction française) nghĩa là bộ phận đế quốc phát xít còn sót lại. Bọn này ở Pháp đang dùng nhiều cách ngăn cản phong trào dân chủ Pháp và liên lạc với phe phản động Anh, Mỹ bao vây Liên Xô và ở Đông Dương chúng định đặt lại ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp lên cổ dân tộc ta như cũ, phá sự thống nhất dân tộc của ta và ngăn cản cuộc đấu tranh của ta giành hoàn toàn độc lập.

Bởi vậy Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược phải đổi thành Mặt trận dân tộc thống nhất chống phản động Pháp, giành độc lập hoàn toàn.

Sau khi ký bản Hiệp định Sơ bộ với Pháp, phải xem xét lại những khẩu hiệu tuyên truyền cổ động, những hình thức tổ chức và tranh đấu, đặng kịp thời thay đổi cho hợp với tình hình mới.

Những khẩu hiệu "kháng chiến" phải nhường chỗ cho khẩu hiệu "kiến quốc", khẩu hiệu "chống thực dân Pháp xâm lược" phải nhường chỗ cho khẩu hiệu "liên hiệp bình đẳng với nước Pháp mới" và "hai dân tộc Việt - Pháp liên hiệp lại chống bọn phản động Pháp" v.v...

Phải lợi dụng những khả năng mới mà thành lập những tổ chức mới và sửa chữa điều lệ các hội Cứu quốc cho thích hợp với hoàn cảnh mới, đặng thu nạp đông đảo quần chúng vào Việt Minh, Ai Minh (1) v.v...

Cuộc tranh đấu về quân sự phải chuyển thành cuộc tranh đấu về chính trị, kinh tế và văn hóa (đánh rằng thực lực quân sự vẫn phải duy trì, bồi đắp và việc chuẩn bị quân sự để phòng mọi bất trắc vẫn phải xúc tiến như thường).

III. PHẢI LÀM GÌ SAU KHI KÝ BẢN HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ

Một chủ trương mới phải kèm theo những công tác mới. Muốn cho Hiệp định Việt - Pháp có kết quả chúng ta phải làm tròn những nhiệm vụ dưới đây :

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Tên gọi tắt của Ai Lao độc lập Đông minh (B.T.)

Thứ nhất : Khai hội, làm mít tinh, căn cứ vào bản "Tình hình và chủ trương" (3-3-1946) mà giải thích cho quần chúng không tổ chức hiểu rõ tại sao giảng hòa với Pháp trong những điều kiện của bản Hiệp định Sơ bộ là đúng.

Vậy là phải kiên quyết chống lại những xu hướng của quần chúng như sau này :

a) Hậm hực vì nổi dậy bán hay chưa được bán thực dân Pháp mà đã phải hòa, hoặc không tin chủ trương hòa với Pháp là đúng. Những xu hướng này có thể xuất phát ở lòng yêu nước chính đáng, nhưng nó nóng nổi và rất dễ đẩy người ta hành động vô nguyên tắc, vô chính phủ và dễ bị bọn phản động khiêu khích.

b) Ngay thơ tưởng rằng Hiệp định Việt - Pháp làm cho dân tộc ta tránh được mọi khó khăn rồi. Xu hướng này làm cho ta lơ đãng, không chuẩn bị đối phó cho mọi bất trắc, không sẵn sàng chiến đấu khi cần, nó làm cho dân ta có thể bị đánh bất thành lính nếu bọn thực dân Pháp giờ giáo.

Thứ nhì : Đề phòng thực dân Pháp bội ước, hoặc giải thích Hiệp định Sơ bộ chệch đi, hoặc lợi dụng những chỗ không được chặt chẽ của bản hiệp định ấy mà hành động theo ý muốn. Sau khi đổ bộ và đóng lại các căn cứ rồi, có thể bọn thực dân Pháp quay ra kiểm soát tiến công ta để lật đổ chính quyền nhân dân, cho bọn bù nhìn Việt gian thân Pháp lên thay. Bởi vậy vẫn phải tiếp tục chuẩn bị những việc kháng chiến lâu dài, nhưng phải làm kín đáo tránh mọi sự hiểu nhầm giữa ta và Pháp.

Nơi nào quân Pháp đến đóng thì nên giữ thái độ bình tĩnh và nhã nhặn đối với lính Pháp và tổ chức những Ủy ban liên lạc giữ việc giao thiệp, nhưng đồng thời phải gia khẩn việc vận động lính Pháp và quần chúng địa phương để một mặt kéo lính Pháp về ảnh hưởng của mình và một mặt bao vây quân đội Pháp bằng một vòng vây Việt Minh mạnh mẽ.

Thứ ba : Đối với Tàu cho khéo. Sau bản Hiệp định 6-3-1946, Tàu có cảm giác hình như quyền lợi của mình ở Đông Dương không được bảo đảm, mặc dầu Chính phủ ta đã từ chối hẳn những khoản trong Hiệp ước Hoa - Pháp ngày 1-3-1946 quan hệ tới Việt Nam. Cho

nên quân Tàu cứ kéo dài thời gian đóng ở Đông Dương và do đó chực biến Đông Dương thành một xứ bị quốc tế quản trị.

Thứ tư : Chống lại những hành động của các đảng phái phân động. Bọn chúng phản tuyên truyền Hiệp định Việt - Pháp để phình dân gây ra những cuộc lộn xộn để ly gián ta, Tàu và Pháp hòng phá Hiệp định Việt - Pháp, cho thực dân Pháp những cơ để lấn bước đối với ta hoặc xi xóa những điều đã ký kết với ta.

Đối với các phái thân Tàu, phải nhận lúc chúng hoang mang vì cảm thấy sắp bị Tàu bỏ rơi và lập trường của chúng lung lay sau khi bán Hiệp định Việt - Pháp đã ký mà chia rẽ nội bộ chúng, kéo lấy những phần tử trung thực nhằm theo chúng về phe ta, chỉ cho quần chúng thấy bọn lãnh tụ "Việt Nam Quốc dân Đảng" chẳng qua là một bọn cơ hội để hèn vì chúng chỉ biết vâng lệnh nước ngoài và đặt quyền lợi riêng lên trên quyền lợi dân tộc.

Hiện nay bọn Nguyễn Hải Thần đang cùng phái Tàu trắng phản động nhất ở Việt Nam, âm mưu một cuộc phân liệt chia cắt đất nước Việt Nam hay "đảo chính". Phải đề phòng mọi hành động của chúng và bóc trần thủ đoạn hai nước của chúng cho nhân dân hiểu.

Còn bọn Việt gian thân Pháp thì có thể nhân cơ hội ta hòa với Pháp mà ngóc đầu dậy, hành động bán nước cho thực dân Pháp, ngấm ngấm giúp thực dân Pháp phá cách mạng, trì hoãn cuộc giành độc lập hoàn toàn của ta, chúng ta phải tìm hết cách ngăn ngừa chúng làm hại cách mạng.

DỐI VỚI NAM BỘ

Bọn thực dân Pháp đối với vấn đề Nam Bộ có ba dã tâm :

1. Chúng cho rằng bán Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp chỉ áp dụng một phần lớn cho Trung Bộ, Bắc Bộ, còn Nam Bộ thì chúng coi như một việc đã rồi, quân Việt Nam ở đó chỉ nên mau "quy thuận" và hưởng hòa bình dưới quyền người Pháp, không nên yêu sách gì hơn nữa ;

2. Chúng bằng lòng trung cầu ý kiến nhân dân Nam Bộ xem tán thành chế độ nào cũng được thì trung cầu ý kiến như thế, chúng muốn dành thời gian củng cố lực lượng khiến cho cuộc trung

cấu ý kiến sau này mất tính cách tự do ;

3. Chúng muốn lợi dụng tình hình không rõ rệt trước khi Hiệp định đình chiến được thực tế thi hành trong Nam Bộ mà lấn bước về quân sự và tiến công về chính trị khiến cho đồng bào ta trong đó chán nản, để tiện cho bọn phản cách mạng (phái tự trị của đốc-tờ Thịnh, Đệ tam sư đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp, v.v...) và bọn cải lương (phái "Duy Tân" của đốc-tờ Tùng) gây thêm thế lực trong quần chúng.

Một mặt chúng ta phải đòi bọn Pháp thi hành ngay Hiệp định đình chiến và phải thừa nhận quyền hợp pháp của Việt Minh trong các thành phố ở Nam Bộ do quân Pháp đóng trong khi chờ đợi hiệp ước chính thức giữa ta và Pháp. Một mặt phải lợi dụng những lúc nghi ngại mà bí mật phái cán bộ vào các thành phố do Pháp đóng để gây một phong trào mạnh mẽ đòi thống nhất với Trung, Bắc Bộ. Đồng thời phải giải thích ráo riết cho đồng bào Nam Bộ và các chiến sĩ ngoài mặt trận nhận rõ chiến thuật "hòa để tiến" của ta và vui lòng theo kỷ luật, phục tùng Chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Ban Thường vụ Trung ương
Theo tài liệu lưu tại Cục lưu trữ

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ CÁN BỘ TRUNG ƯƠNG
Từ ngày 31-7 đến 1-8-1946
(Trích)

.....

II. TÌNH HÌNH ĐÔNG DƯƠNG

Quan hệ giữa Việt Nam với Pháp, từ khi phái đoàn Chính phủ đi Pa-ri (Paris), chính sách chung của Pháp :

a) Chuẩn bị để nếu cần và có cơ hội thì lật đổ Chính phủ ta, nhưng chưa có triệu chứng tổng tấn công gì cả.

b) Gây những chuyện nhỏ để lấn những chuyện to về chính trị hay quân sự (mặt lệnh của Va-luy (Valluy) cho quân đội : "Nếu xảy ra chuyện gì thì cương quyết đối phó, nhưng đừng làm lan ra (localiser)").

VỀ CHÍNH TRỊ

a) Lập quốc hội Nam Kỳ ;

b) Triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương ở Đà Lạt ;

c) Lập ra xứ Tây Kỳ (Tây Nguyên) và dự định lập ra xứ Nùng (gồm Móng Cái, Lạng Sơn) và xứ Mường (gồm Hòa Bình và năm Phủ, Châu ở Thanh Hóa) ;

d) Liên lạc với đảng phái Việt gian, với quân Tàu ở Móng Cái và thổ phi, tìm cách mua chuộc những thổ ty, quan lang nhà họ Vi (Vi Văn Định), v.v...

đ) Sự định lập lại chi nhánh Đảng xã hội Pháp ở đây (SFIO) và cho một bộ phận gia nhập Việt Minh và tìm cách vào Chính phủ. Lôi kéo một số Công giáo định lập lại Liên đoàn Công giáo và liên lạc với các cố đạo để mua chuộc. Liên lạc thành lập nhánh của Đảng Cộng hòa bình dân Pháp.

VỀ QUÂN SỰ

a) Đi đôi với chính trị ;

b) Củng cố các vị trí đóng quân, điều võ giương oai, giữ gìn quân kỷ và uy hiếp tinh thần dân chúng Việt Nam ;

c) Nếu bị thiệt hại thì tìm cách trả thù gấp mười (Hòn Gai), nhưng hạn chế lại không cho lan rộng ra các địa phương khác ;

d) Chuẩn bị sẵn sàng để khi có lệnh tấn công là có thể chiếm ngay các vị trí quân sự của ta. Đặc biệt chúng điều tra và đột kích các nhân viên trọng yếu của Chính phủ ;

đ) Đòi kiểm soát bộ đội tiếp phòng ;

e) Có mặt lệnh đánh chiếm từ Lạng Sơn sang Móng Cái để lập một xứ Nùng tự trị.

VỀ KINH TẾ

a) Lấn về quan thuế, đóng Sáu Kho ;

b) Dự định lập khu Liên bang tự trị ở Hải Phòng ;

c) Sẽ bắt Chính phủ bồi thường cho tài sản của Pháp bị thiệt hại.

VỀ NGOẠI GIAO

a) Đối với Chính phủ Việt Nam vẫn tỏ vẻ quân tử, mặc dầu vẫn tìm cách lấn át ;

b) Ở Phông-ten-nơ-bơ-lô (Fontainebleau) tuy mình được tả phái và quần chúng ủng hộ, nhưng chúng vẫn kéo dài để tìm cách lấn ta ;

c) Việc chuyển Lơ-cơ-léc (Leclerc) đi nơi khác tỏ ý không đánh hẳn ta. Moóc-li-e (Morlière) sẽ thay Va-luy ở Bắc.

TÌNH HÌNH QUAN HỆ GIỮA TA VỚI TÀU TUỜNG, MỸ

a) Trước kia Tàu Tuồng dùng Quốc dân Đảng quấy mình, bây giờ tỏ vẻ lãnh đạm (Nguyễn Tường Tam sang Trung Quốc không có thế lực gì...).

b) Tàu Tuồng có chí thị cho Hoa kiều : bây giờ Quốc dân Đảng

không còn thế lực nữa, phải chú ý liên lạc gây cảm tình với Việt Minh và Chính phủ. Mặt khác vấn đề phòng vệ quân sự ở biên giới. Cho một số bộ đội vào Móng Cái.

c) Mỹ rất chú ý đến nội bộ của mình, thăm dò ý kiến Tàu Tưởng. Mỹ vẫn liên lạc với Pháp.

Theo tài liệu lưu tại Cục lưu trữ

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ QUÂN SỰ TOÀN QUỐC CỦA ĐẢNG
Ngày 19 tháng 10 năm 1946
(Trích)

.....
I. VÀI ĐIỂM NHẬN XÉT VỀ BẢN TẠM ƯỚC

Thái độ của quân Pháp sau khi ký bản Tạm ước thì đang chuẩn bị lấn về kinh tế, chính trị, cũng như về quân sự, chúng dùng cục bộ quân sự để đòi thi hành bản Tạm ước, mục đích chúng để ép ta phải ký một bản hiệp định mà ta sẽ phải thiệt thòi, tuy vậy nhưng còn do lực lượng của ta và tình hình chính trị của Pháp quyết định, chính quân địch cũng sợ ta tấn công, bởi vậy ta càng phải chống lại từng cục bộ nhưng nên nhớ nguyên tắc là hết sức tránh lan rộng. Vậy có mấy chỉ thị dưới đây :

- 1) Hết sức thân thiện, tránh khiêu khích như việc bắt Việt gian công khai chẳng hạn, hoặc đối phó trong lúc chúng khiêu khích những chuyện nhỏ.
- 2) Nếu cục bộ bị xâm chiếm thì cương quyết tự vệ đối phó lại, nhưng không để lan rộng.
- 3) Phải bố phòng những địa điểm quân Pháp có thể chiếm đóng.
- 4) Trong những nơi đã chiếm đóng, phải đề phòng những cơ quan chúng có thể đến đánh úp, và nếu chúng đến đánh úp thì kiên quyết đề kháng, dù phải hy sinh.
- 5) Khi quân tiếp viện, dùng ba-ri-ca-đơ (barricades)⁽¹⁾ ngăn lại, nếu nó đánh vào, mình kiên quyết đối phó.
- 6) Chuẩn bị đề phòng cuộc tổng tấn công sau này và lan dần cục bộ hiện giờ⁽²⁾

(1) Vật chướng ngại (B.T.)

(2) Nếu hiểu là chuẩn bị đề phòng cuộc tổng tấn công sau này bởi cuộc tấn công cục bộ hiện nay sẽ lan rộng ra (B.T.)

Chú ý :

Các cấp chỉ huy phải giải thích cho bộ đội hiểu rõ bản Tam ước chỉ là một cuộc thỏa thuận tạm thời, không dứt khoát. Bởi vậy :

- a) Phải luôn luôn chuẩn bị đề phòng, đề phòng hơn trước kia.
- b) Phải học tập ráo riết về quân sự.
- c) Phải tự tin rằng tuy kém về kỹ thuật, vũ khí, nhưng với một tinh thần dẻo dai bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng.
- d) Phải nhận định nhất định không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình nhất định cũng phải đánh Pháp.
- đ) Phải đập tan những không khí thái bình cho rằng ký hiệp định rồi sẽ không còn đánh nhau nữa, quan niệm này hiện giờ đang biểu hiện trong các bộ đội bằng cách xin giải ngũ, xin ra học.

Theo tài liệu lưu tại
Viện Bảo tàng Quân đội (PC $\frac{4188}{}$)
Gi 734

HIỆP ĐỊNH SƠ BỘ ⁽¹⁾ 6-3-1946

Một bên là Chính phủ Cộng hòa Pháp do ông Xanhtơni (Sainteny), người thay mặt và có ủy nhiệm chính thức của Thủy sư đô đốc Đácgiăngliơ (Georges Thierry d'Argenlieu), Thượng sứ Pháp thụ nhiệm ủy quyền của Chính phủ Cộng hòa Pháp, làm đại biểu.

Một bên là Chính phủ Cộng hòa Việt Nam do Cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh, và đặc ủy viên của Hội đồng các Bộ trưởng là ông Vũ Hồng Khanh, làm đại biểu.

Hai bên đã thỏa thuận về các khoản sau này :

1- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Cộng hòa là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương ở trong khối Liên hiệp Pháp. Về việc hợp nhất "ba kỳ", Chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận, nhưng quyết định của nhân dân trực tiếp phán quyết.

2- Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện, tiếp đón quân đội Pháp khi nào quân đội ấy chiếu theo các hiệp định quốc tế đến thay thế quân đội Trung Hoa. Một Hiệp định phụ khoản đính theo Hiệp định Sơ bộ này sẽ định rõ cách thức thi hành công việc thay thế ấy.

3- Các điều khoản kể trên sẽ được tức khắc thi hành. Sau khi ký hiệp định, hai Chính phủ lập tức quyết định mọi phương sách cần thiết để đình chỉ ngay cuộc xung đột, để giữ nguyên quân đội hai bên tại vị trí hiện thời và để gây một bầu không khí êm dịu cần thiết cho việc mở ngay cuộc điều đình thân thiện và thành thực. Trong cuộc điều đình ấy sẽ bàn về :

a) Những liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài.

<https://tieu.lun.hopto.org>

b) Chế độ tương lai của Đông Dương.

c) Những quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở Việt Nam. Các thành phố Hà Nội, Sài Gòn, Pari có thể được chọn làm nơi hội họp cuộc Hội nghị.

Làm tại Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

VŨ HỒNG KHANH

XANH TỜ NI

In trong báo *Cửu Quốc*, số 180, ngày 8-3-1946
Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, 1995, sđd, tr. 525, 526

PHỤ KHOẢN

Đính theo Hiệp định Sơ bộ của Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Việt Nam

Hai Chính phủ kể trong bản Hiệp định Sơ bộ đã thỏa thuận các khoản sau này :

1- Những lực lượng quân bị thay thế quân đội Trung Hoa sẽ gồm có :

a) 10.000 quân Việt Nam với các sĩ quan Việt Nam thuộc quyền điều khiển của các nhà chức trách quân sự Việt Nam.

b) 15.000 quân Pháp, trong số đó đã kể số lính Pháp hiện nay đã đóng trong cõi Việt Nam ở phía Bắc vĩ tuyến 16.

15.000 lính Pháp ấy phải là những người Pháp chính tòng, trừ những đội phụ trách canh phòng tù binh Nhật Bản.

Tổng cộng các lực lượng kể trên sẽ đặt dưới quyền của Tư lệnh Pháp do các đội viên Việt Nam cộng tác.

Khi các quân đội Pháp đã đổ bộ, một hội nghị tham mưu gồm các đại biểu của Bộ Tư lệnh Pháp và Bộ Tư lệnh Việt Nam sẽ định rõ sự tiến triển, sự du nhập và cách sử dụng các đội quân Pháp và các đội quân Việt Nam tiếp cận.

Sẽ lập ra những Ủy ban binh vụ Pháp - Việt ở tất cả các cấp

quân đội để chuyên việc liên lạc binh sĩ Pháp và Việt Nam theo tinh thần cộng tác thân hữu.

2- Những đội quân Pháp dùng để thay thế quân đội Trung Hoa sẽ chia ra làm ba hạng :

a) *Những đội phụ trách canh phòng tù binh Nhật Bản* - Các đội này sẽ rút về Pháp ngay khi nào nhiệm vụ của họ đã xong, nghĩa là sau khi tù binh Nhật Bản đã được đem ra khỏi xứ này ; dù sao thời gian ấy cũng không được quá 10 tháng.

b) *Những đội quân cùng với quân đội Việt Nam phụ trách về việc công an và phòng vệ đất nước Việt Nam.* Cứ mỗi năm một phần năm (1/5) các đội quân sẽ về Pháp để quân đội Việt Nam thay thế. Vậy trong 5 năm, quân đội Việt Nam sẽ thay thế toàn số quân đội Pháp này.

c) *Những đội quân phụ trách việc phòng vệ các căn cứ hải và không quân* - Thời hạn của nhiệm vụ giao cho các đội này sẽ do các cuộc hội nghị sau quyết định.

3- Ở các nơi đồn trú có quân đội Pháp và quân đội Việt Nam đóng giữ, những khu vực riêng biệt cho đời bên sẽ được định rõ.

4- Chính phủ Pháp cam đoan không dùng các tù binh Nhật vào những việc có mục đích quân sự.

Làm tại Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1946

HỒ CHÍ MINH

VŨ HỒNG KHANH

XANH TONI

In trong báo *Cửu Quốc*, số 180, ngày 8-3-1946
Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, 1995, sđd, tr. 527, 528

TAM ƯỚC VIỆT - PHÁP 14-9-1946

Khoản 1. - Những kiều dân Việt ở Pháp và những kiều dân Pháp ở Việt Nam đều được hưởng quyền tự do cư trú như người bản xứ, và những quyền tự do tư tưởng, tự do dạy học, buôn bán, đi lại, nói chung là tất cả các quyền tự do dân chủ.

Khoản 2. - Những tài sản và xí nghiệp của người Pháp ở Việt Nam sẽ không phải chịu một chế độ khe khắt hơn chế độ dành cho tài sản và xí nghiệp của người Việt Nam, nhất là về phương diện thuế khóa và luật lao động. Đối lại, những tài sản và xí nghiệp của kiều dân Việt Nam tại các xứ trong khối Liên hiệp Pháp quốc cũng sẽ được hưởng sự ngang hàng về chế độ như thế. Chế độ tài sản và xí nghiệp Pháp hiện có ở Việt Nam chỉ có thể thay đổi do sự thỏa thuận chung giữa nước Cộng hòa Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tất cả những tài sản Pháp đã bị Chính phủ Việt Nam trưng dụng hoặc những tài sản mà tư nhân hoặc xí nghiệp Pháp bị nhà chức trách Việt Nam tước, sẽ trả lại cho chủ nhân hay những người có quyền hưởng thụ. Sẽ cử ra một Ủy ban Việt - Pháp để định rõ cách thức hoàn lại.

Khoản 3. - Để nối lại ngay từ giờ những mối liên lạc về văn hóa mà cả nước Pháp và nước Việt Nam đều muốn phát triển, những trường học Pháp các cấp sẽ được tự do mở trên đất Việt Nam. Những trường ấy sẽ theo chương trình học chính thức của Pháp. Một bản thỏa hiệp riêng sẽ định rõ những trụ sở nào sẽ dành cho những trường học ấy dùng. Những trường ấy sẽ mở rộng cho cả học sinh Việt Nam.

Những kiều dân Pháp sẽ được tự do nghiên cứu khoa học và mở những viện khoa học trên đất Việt Nam.

Những kiều dân Việt Nam cũng được hưởng đặc quyền ấy ở Pháp. Tài sản và địa vị pháp luật của Viện Pasteur (Pasteur) sẽ được khôi phục. Một Ủy ban Việt - Pháp sẽ định điều kiện cho Trường Viện Đông bác cổ hoạt động trở lại.

Khoản 4. - Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ dùng đến người Pháp trước nhất mỗi khi cần người có vấn hoặc chuyên môn. Chỉ khi nào nước Pháp không cung cấp được nhân viên mà Chính phủ Việt Nam cần đến thì đặc quyền trên đây của Pháp mới thôi thi hành.

Khoản 5. - Ngay sau khi giải quyết vấn đề điều hòa tiền tệ hiện thời, sẽ chỉ có một thứ tiền duy nhất dùng trong những xứ thuộc quyền Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và những xứ khác ở Đông Dương. Tiền ấy là đồng bạc Đông Dương hiện nay do nhà Ngân hàng Đông Dương phát hành, trong khi đợi một viện phát hành tiền tệ. Một ủy ban gồm có đại biểu tất cả các nước hội viên của Liên bang Đông Dương sẽ nghiên cứu chế độ pháp lý của viện phát hành ấy. Ủy ban ấy lại có nhiệm vụ dung hợp tiền tệ và hối đoái đồng bạc Đông Dương thuộc về khối đồng Phrăng (Franc).

Khoản 6. - Nước Việt Nam cùng với các nước trong Liên bang hợp thành một quan thuế đồng minh. Vì vậy sẽ không có hàng rào quan thuế nào trong nội địa Liên bang và thuế nhập cảng cùng xuất cảng ở mọi chỗ thuộc địa phận Đông Dương sẽ đánh đều nhau. Một ủy ban dung hợp quan thuế và ngoại thương sẽ nghiên cứu những phương sách thi hành cần thiết và sắp đặt việc tổ chức quan thuế Đông Dương; ủy ban này có thể là ủy ban dung hợp tiền tệ, và hối đoái nói trên.

Khoản 7. - Một ủy ban Việt - Pháp để điều hòa giao thông sẽ nghiên cứu những phương sách tái lập và cải thiện các đường giao thông giữa Việt Nam và các nước khác trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp; đường vận tải bộ, thủy và hàng không, sự liên lạc bưu điện, điện thoại, điện tín và vô tuyến điện.

Khoản 8. - Trong khi chờ đợi Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam ký kết một bản hiệp định dứt khoát giải quyết vấn đề ngoại giao của nước Việt Nam với ngoại quốc, một ủy ban chung Việt - Pháp sẽ ấn định việc đặt lãnh sự Việt Nam tại các nước lân bang và sự giao thiệp giữa nước Việt Nam với các lãnh sự ngoại quốc.

Khoản 9. - Vì muốn lập ngay ở Nam Bộ và Nam phần Trung Bộ một nền trật tự ổn định cho các quyền tự do dân chủ được tự do phát triển, cho thương mại được phục hồi, vì muốn rằng sự định chỉ

những hành động xung đột và võ lực của cả hai bên sẽ có ảnh hưởng tốt cho những việc nói trên, Chính phủ Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng ấn định những phương sách sau đây :

a) Hai bên sẽ đình chỉ hết mọi hành động xung đột và võ lực.

b) Những hiệp định của hai Bộ tham mưu Pháp và Việt Nam sẽ định rõ điều kiện thi hành và kiểm soát những phương sách do hai bên cùng ấn định.

c) Định rõ ràng những tù nhân hiện bị giam giữ vì lý do chính trị sẽ được phóng thích, trừ những người bị truy tố về những thương tội đại hình và tiểu hình. Những tù nhân bị bắt trong các cuộc hành binh cũng vậy. Nước Việt Nam bảo đảm sẽ không truy tố và sẽ không tha thứ một hành động võ lực nào đối với những người trung thành với nước Pháp. Đối lại, Chính phủ Pháp bảo đảm sẽ không truy tố và sẽ không tha thứ một hành động võ lực nào đối với những người trung thành với nước Việt Nam.

d) Sự hưởng thụ những quyền tự do dân chủ đã định trong khoản thứ nhất sẽ được hai bên bảo đảm lẫn cho nhau.

đ) Hai bên sẽ đình chỉ những sự tuyên truyền đối với nhau không được thân thiện.

e) Chính phủ Pháp và Chính phủ Dân chủ Cộng hòa Việt Nam sẽ hợp tác để những kiều dân các nước trước kia là thù địch không thể làm hại được nữa.

g) Một nhân vật do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ định và được Chính phủ Pháp công nhận, sẽ được ủy nhiệm bên vị thượng sứ để xếp đặt sự cộng tác cần thiết cho việc thi hành những điều thỏa thuận này.

Khoản 10. - Chính phủ Cộng hòa Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng tìm cách ký kết những bản thỏa thuận riêng về bất cứ vấn đề nào có thể thắt chặt dây liên lạc thân thiện và dọn đường cho một hiệp ước chung dứt khoát. Theo mục đích ấy các cuộc đàm phán sẽ tiếp tục càng sớm càng hay và chậm nhất là vào tháng 1 năm 1947.

Khoản 11. - Bản thỏa hiệp này ký làm hai bản. Tất cả các khoản sẽ bắt đầu thi hành từ 30 tháng 10 năm 1946.

TUYÊN BỐ KÈM THEO CỦA CÁC CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP VÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1)

Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết tâm theo đuổi, trong tinh thần tin cậy lẫn nhau, chính sách hòa hợp và cộng tác đã được thiết lập với Hiệp định Sơ bộ tháng 6 tháng 3 năm 1946 và được nói rõ trong các cuộc đàm phán Pháp - Việt tại Đà Lạt và Fontainebleau.

Hoàn toàn tin tưởng rằng chỉ có chính sách này là phù hợp với lợi ích lâu dài của hai nước và với truyền thống dân chủ lâu đời của họ, hai chính phủ, căn cứ vào Hiệp định tháng 6 tháng 3 năm 1946 vẫn còn giữ nguyên hiệu lực, nhận thấy đã đến lúc phải ghi thêm một tiến bộ mới trong sự phát triển các quan hệ giữa nước Pháp và nước Việt nam trong khi chờ đợi hoàn cảnh thuận tiện cho phép ký kết một hiệp ước toàn bộ và vĩnh viễn.

Trong tinh thần hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau, Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành ký kết một bản Tạm ước, mang lại trong khuôn khổ những thỏa thuận hạn chế, những giải pháp tạm thời đang đặt ra giữa nước Pháp và nước Việt Nam.

Về cuộc trưng cầu ý dân đã được dự kiến trong Hiệp định Sơ bộ ngày tháng 6 tháng 3, hai chính phủ sẽ cùng nhau ấn định ngày giờ và thể thức tổ chức sau này.

Hai bên tin chắc rằng toàn bộ những biện pháp đề cập đến trong Tạm ước sẽ góp phần lập lại, trong một tương lai rất gần, một bầu không khí yên tĩnh và tin cậy cho phép nói lại trong một ngày không xa những cuộc đàm phán dứt điểm.

Hai bên tin rằng có thể dự tính vào tháng Giêng 1947 việc nói lại những cuộc đàm phán vừa diễn ra tại Hội nghị Pháp - Việt Fontainebleau.

Paris, ngày 14 tháng 9 năm 1946

<https://tieulun.hopto.org>

(1) Mai Văn Bộ dịch từ bản chính bằng tiếng Pháp.

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU NAM BỘ TRONG QUỐC HỘI KHÓA I

1. Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn : (5 người)

- Huỳnh Văn Tiểng
- Lý Chính Thắng
- Tôn Đức Thắng
- Nguyễn Văn Trấn
- Hoàng Đôn Văn

2. Chợ Lớn : (5 người)

- Lê Đình Cư (*)
- Nguyễn Văn Cương
- Nguyễn Văn Hoành
- Kiều Tấn Lập (*)
- Vũ Văn Lương (*)

3. Gia Định : (6 người)

- Phạm Văn Khung
- Thái Văn Lung
- Lê Văn Mảng (*)
- Trịnh Thị Miếng
- Trần Văn Nguyên
- Nguyễn Oăng

* Những người có dấu đầu hoa thị (*) trong danh sách này đã bị tước quyền đại biểu.

4. Bà Rịa : (1 người)

- Dương Bạch Mai

5. Biên Hòa : (4 người)

- Phạm Văn Búng

- Hoàng Minh Châu

- Nguyễn Văn Nghĩa

- Siêng (Khmer)

6. Thủ Dầu Một : 3 người

- Nguyễn Văn Long

- Nguyễn Đức Nhân (*)

- Nguyễn Văn Triết

7. Tân An : (2 người)

- Huỳnh Văn Gấm

- Tống Đức Viễn

8. Mỹ Tho : (6 người)

- Diệp Ba

- Nguyễn Phi Hoanh

- Nguyễn Văn Nguyên

- Ngô Tấn Nhơn

- Huỳnh Tấn Phát

- Nguyễn Thị Thập (tức Nguyễn Thị Ngọc Tốt)

9. Bến Tre : (5 người)

- Phạm Văn Bạch

- Nguyễn Văn Cái

- Hồ Nhật Quang

- Nguyễn Tấn

- Trần Quế Từ (*)

10. Trà Vinh : (3 người)

- Nguyễn Duy Khâm

- Dung Văn Khúc

- Nguyễn Văn Tây (tức Thanh Sơn)

11. Vĩnh Long : (3 người)

- Nguyễn Văn Phát

- Phan Văn Sử

- Nguyễn Văn Thiệt

12. Sa Đéc : (4 người)

- Nguyễn Văn Cửu

- Nguyễn Văn Huệ

- Nguyễn Văn Kiều (*)

- Trương Hữu Tước (*)

13. Châu Đốc : (3 người)

- Kim Chouru

- Hồ Thiệu Ngạn

- Trương Tấn Phát

14. Hà Tiên : (1 người)

- Nguyễn Văn Kinh

15. Long Xuyên : (4 người)

- Dương Văn Ân (*)

- Ung Văn Khiêm

- Nguyễn Hữu Nghi

- Nguyễn Văn Hương

16. Cán Thơ : (6 người)

- Phan Lương Báu
- Trần Ngọc Danh
- Nguyễn Đăng
- Đặng Văn Quang
- Trần Ngọc Quế
- Đỗ Văn Y

17. Sóc Trăng : (3 người)

- Phan Văn Chiêu
- Dương Kỳ Hiệp
- Lê Thành Phiên (*)

18. Gò Công : (2 người)

- Nguyễn Văn Côn
- Trần Công Tường

19. Rạch Giá (4 người)

- Nguyễn Ngọc Bích
- Trần Văn Luân
- Huỳnh Bá Nhung
- Nguyễn Văn Tạo

20. Bạc Liêu : (3 người)

- Nguyễn Văn Đình (*) (tức Hoàng Kế Ngô)
- Ngô Thị Huệ
- Cao Triều Phát

THƯ CỦA ĐOÀN ĐẠI BIỂU VIỆT KIỀU CỨU QUỐC ĐỊA PHƯƠNG XA-VA-NA-KHỆT (LÀO) GỬI ĐỒNG BÀO NAM BỘ

Đồng bào Nam Bộ !

Từ phương trời xa thẳm, trên non lặn suối qua bao gian lao nguy hiểm, chúng tôi, đoàn đại biểu của Việt kiều Cứu quốc địa phương Xa-va-na-khệt, đến thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước hết chúng tôi kính cẩn nghiêng mình trước vong linh cao cả của những chiến sĩ đã đem xương máu ra đền nợ nước và diệt quân thù đang lăm le muốn đặt gót sắt thực dân lên dải đất Việt Nam một lần nữa. Sau chúng tôi xin thay mặt Việt kiều gửi đồng bào Nam Bộ lời chào thân ái và vài lời tâm sự.

Trên con đường tranh thủ hoàn toàn độc lập cho Tổ quốc, đồng bào đã nguyện làm những người lính tiên phong. Đó là một sự hy sinh cao quý cũng là một vinh dự vô song cho giống nòi. Đồng bào đã tỏ cho thế giới biết rằng chỉ khi quật cường bao giờ cũng nung nấu tâm hồn người Việt Nam và sau non một thế kỷ bị đô hộ, dân tộc Việt Nam vẫn giữ được cái tinh hoa của 4.000 năm lịch sử oanh liệt. Đồng bào ta đã làm cho toàn thế giới biết rằng ở Viễn Đông còn có một dân tộc muốn sống tự do dưới ánh mặt trời. Đồng bào đã tỏ cho toàn thế giới biết rằng tình thần ái quốc của người Việt Nam bao giờ cũng mạnh mẽ. Nó vẫn cháy âm ỉ như lửa hỏa diệm sơn để đợi cơ hội tuôn ra làm rạng cả một phương trời, không một sức mạnh nào đàn áp nổi. Đồng bào đã đại diện một cách xứng đáng cho dân tộc Việt Nam trong mặt trận nhục tể chống thực dân tham tàn vô nhân đạo.

Máu đồng bào càng chảy bao nhiêu, lịch sử của dân tộc Việt Nam càng vinh quang chói lọi bấy nhiêu, xương máu của đồng bào càng chồng chất lên nhau bao nhiêu thì sự đoàn kết của toàn thể dân tộc Việt Nam càng thêm chặt chẽ bấy nhiêu.

Đồng bào Nam Bộ ! Ở đất nước người, Việt kiều chúng tôi thường

vấn não nức được nghe tin tức miền Nam, chúng tôi vui mừng háng hái khi nghe thắng lợi, xao xuyến khi nghe đồng bào phải rút lui, căm tức khi nghe quân Pháp đe dọa dùng khí giới tối tân để tàn sát đồng bào.

Toàn thể Việt kiều muốn có cánh để bay về Nam Bộ cùng đồng bào phanh thây xé thịt quân thù. Nhưng dù có vui mừng xao xuyến hay căm tức chúng tôi đều tin tưởng ở tinh thần chiến đấu anh dũng của đồng bào, ở dòng máu anh dũng của dân tộc Việt Nam mà ông cha chúng ta đã nêu cao tấm gương chói lọi từ nghìn xưa.

Ở Ai-lao hằng ngày chúng tôi chuẩn bị cạnh người Lào chống tân quân Pháp hiện đang núp lén trong rừng sâu, ngõ hẻm. Nhưng lúc nào chúng tôi cũng hướng về Nam Bộ. Một ủy ban ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ đã thành lập trong một bầu không khí đầy chiến thắng. Một số súng đạn đã lên đường vào Nam mang theo lòng căm hờn và ý muốn giết giặc của toàn thể Việt kiều. Chúng tôi xin hứa sẽ làm hậu thuẫn xứng đáng của đồng bào. Máu của chúng tôi bao giờ cũng sẵn sàng chảy nơi theo dòng máu của đồng bào để rửa nhục cho giang sơn tổ quốc, để làm trôi hết di tích của bọn thực dân. Thực ra máu của kiều bào đã chảy bên kia dãy núi Trường Sơn bên bờ sông Cửu Long. Chúng tôi chắc là máu ấy sẽ theo dòng sông Cửu Long hòa với máu của đồng bào Nam Bộ và tăng thêm tinh thần chiến đấu của đồng bào.

Đồng bào Nam Bộ !

Máu của đồng bào đã chảy, xương của đồng bào đã rã tan và ngoài sự hữu ích cho nền độc lập của nước nhà, lòng hy sinh quả cảm ấy còn có một hiệu lực bất ngờ. Tiếng súng nổ ở Nam Bộ đã vang dội bên xứ Lào, bất chấp không gian, nó đã thức tỉnh người Lào trước đây còn say đắm trong giấc ngủ triền miên. Họ đã giác ngộ và hợp tác chặt chẽ với kiều bào lập thành một Liên quân Lào - Việt chống thực dân Pháp. Ngày 18-9 ở Xa-va-na-khet và gần đây ở Tha-khet và Sê-pon Liên quân Lào - Việt đã đánh bại quân Pháp muốn thống trị xứ Lào. Bên cạnh người Lào, dân quân Việt Nam đã từng chiến đấu trong rừng sâu giữa sự huýt của quân cướp nước tham tàn.

Lòng thành thực của Việt kiều đã làm cho tinh thần thiện Lào -

Việt ngày càng thất chặt và bên bí, đã làm cho mặt trận Lào - Việt thêm củng cố.

Hãy gắng lên, đồng bào Nam Bộ, chúng tôi và người Lào chính đón hàng ngũ đá đoàn kết và hy sinh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ nền độc lập chung của hai nước. Cần phải nắm tay chặt chẽ trong những ngày khó khăn cũng như trong những ngày mai xán lạn.

Chúng tôi sửa soạn tham gia vào cuộc trường kỳ kháng chiến của toàn quốc và hiện thời quyết không cho bọn thực dân tấn công về Trung Bộ Việt Nam.

Các chiến sĩ ở Nam Bộ hãy tiến lên, đi thật xa trong sự hy sinh để một ngày kia mang về cho dân tộc Việt Nam một của quý vô song : Sự độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xây dựng trên xác chết của bọn thực dân.

Đồng bào hãy dũng cảm để làm rạng thanh danh nước Việt và tâm hồn chúng tôi đang theo dõi bước đường của đồng bào.

Tinh thần chiến đấu anh dũng của đồng bào Nam Bộ muôn năm !

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muôn năm !

**Đoàn đại biểu của Việt kiều Cứu quốc hội
địa phương Xa-va-na-khet (Mặt trận Việt Minh)**

(In trong báo *Cứu quốc*, số 87, ngày 9 tháng 11-1945)

MỤC LỤC

Lời chú dẫn của Nhà xuất bản .		5
Phạm lậ		7
Lời giới thiệu	Võ Văn Kiệt	10

Phần thứ ba ĐỘC LẬP HAY LÀ CHẾT

Tổng quan		15
Những ngày đầu kháng chiến ở Nam Bộ	Trần Văn Giàu	46
Những chiến công tại mặt trận Thị Nghè		LQ 65
Bộ đội Bình Xuyên và Mặt trận số 4		68
Nhớ những ngày đầu kháng chiến tại cơ quan Thành ủy	Trần Bạch Đằng	79
Giải phóng quân	Phan Huỳnh Điểu	82
Duyên tình Côn Đảo - Sóc Trăng. Côn Đảo - Cầu Thơ	Vũ Lâm - Phương Hạnh	83
Mùa thu định đoạt cuộc đời	Lê Quang Thánh	95
Mạch nguồn hương sắc	Đương Đình Thảo	101
Que hương thời tuổi trẻ	Ca Văn Thịnh	113
Mùa thu nhớ mãi	Phạm Văn Bạch	121
Buổi sáng ngày 23-9-1945, từ Sài Gòn tôi ra đi	Trương Sơn Chi - Ung Ngọc Kỳ	132
Viết về ngã rẽ của một cuộc đời	Phan Thị Thương	136
Những ngày thu không quên	Huyền Hùng Lý	140
Cương quyết ra đi	Nguyễn Ngọc Bạch	152
Nón Bàng	Hàn Thế Khương	153
Cây gậy tám vòng và chiếc nôi	Thiên Lý	155
Chiếc nôi	Trần Thanh Phương	158

Từ một trận đánh du kích của	
Nam Kỳ Khởi nghĩa	<i>Trung tướng Nguyễn Văn Tiên</i> 164
Mầm móng đánh du kích từ Khởi nghĩa	
Nam Kỳ (23-11-1940)	<i>Lê Văn Tường</i> 170
Tuyên truyền xung phong	<i>Phan Huỳnh Điểu</i> 174
Nam tiến	<i>Trung tướng Nam Long</i> 175
Những đoàn quân từ Cách mạng mùa Thu	<i>Thái Vũ</i> 181
Nhờ lại chặng đường Nam tiến	<i>G.S Thiếu tướng Đoàn Huyền</i> 185
Về một tháng mở đầu cuộc kháng chiến	
chống Pháp	<i>Hồ Sơn Đài</i> 192
Bộ đội An Diên Thủ Đức trong năm đầu	
kháng chiến chống Pháp	<i>Trần Văn Quới</i> 199
Tội sắp bị mổ bụng	<i>Trần Bạch Đằng</i> 210
Những ngày trước và sau Cách mạng	
tháng Tám ở Rạch Giá	<i>Nguyễn Văn Châu</i> 216
Chiến trường Cực nam Trung Bộ những	
ngày đầu kháng chiến chống Pháp	<i>Nguyễn Đức Tấn</i> 226
Ở vùng ba biên giới những ngày mở đầu	
kháng chiến chống Pháp	<i>Phùng Đình Âm</i> 231
Sài Gòn 1946 - Bầu cử Quốc hội	<i>Phạm Tường Hạnh</i> 234
Trong vòng vây bọn côn đồ	<i>Trần Bạch Đằng</i> 238
Chi đội 6 giải phóng quân	<i>Việt Tân</i> 240
Chi đội Hải ngoại IV	<i>Lê Quốc Sản</i> 247
Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II	<i>Đào Mạnh Duyệt</i> 259
Bộ đội danh dự Hồ Chí Minh	<i>Nguyễn Văn Tông</i> 269
Lấy súng giặc đánh giặc, một truyền	
thống của Vệ quốc quân Nam Bộ	<i>Nguyễn Văn Tông</i> 276
Trận đánh Nhật của quân và dân	
Chợ Mới An Giang	<i>Hoàng Giao</i> 279
Bộ đội thủy lôi Minh Hải tái tạo thủy lôi	
Nhật đánh tàu giặc Pháp	<i>Nguyễn Văn Tông</i> 283
Tiếng súng Suối Sầu	<i>Phạm Tường Hạnh</i> 288
Bình minh - tiếng súng Cái Răng	<i>Phượng Hạnh</i> 297

Tâm Vu	Đắc Nhân - Quốc Hương	304
Hùng thay ! Tâm Vu	Vũ Lân	305
Trận phục kích Giồng Dừa	Đào Duy Khanh	313
Bác Hồ với miền Nam	Nguyễn Thị Định	318
Chuyến vượt biển	Đại tá Nguyễn Xuân Đào	330
Vượt biển bằng xuồng nan màng vàng về Nam Bộ	Nguyễn Văn Tông	346
Những đoàn tàu tình nghĩa	Thiếu tướng Phùng Đình Âm	353
"Con đường xuyên Tây" đưa vũ khí từ Thái Lan về Nam Bộ	Nguyễn Thị Loan	356
Hồ 17 "đất Cù Hồ"	Trần Bạch Đằng	363
Nhớ Đông Tháp Mười, "thủ phủ" của Nam Bộ trong những năm đầu kháng chiến	Huỳnh Minh Hiến	366
Căn cứ Ba Chùa của tôi	Phạm Ngọc Hưng	376
Rừng Sác - chiến khu xưa	Nguyễn Việt Tư	380
Miền Đông gian lao	Bùi Cát Vũ	385
Phụ nữ Sa Đéc tổ chức bữa cơm mời bộ đội Hải ngoại	Bích Mỹ	396
Ngành thông tin vô tuyến diện miền Đông Nam Bộ kháng chiến chống Pháp	Lương Văn Am	401
Chùa Tam Bảo chống thực dân Pháp xâm lược	Nguyễn Văn Minh	411
Cao Đài Minh chọn đạo Hậu Giang kháng chiến chống Pháp	Ngô Tâm Đạo	418
Hệ phái Cao Đài Ban chính và con đường của Giáo tông Nguyễn Ngọc Tương	Trần Chí Thành	426
Linh mục Nguyễn Bá Luật - cả gia đình vì Thiên Chúa và vì Tổ quốc	Quang Hưng	430
"Hùm xám" miền Tây Nam Bộ	Vũ Thống Nhất	434
Thành tích cách mạng của liệt sĩ Lê Thành Duy	Võ Văn Ấn	438
Báo Cẩm tú - một vũ khí chiến đấu sắc bén của giai cấp công nhân	Nguyễn Lưu	442
Tiếng súng kháng địch - tờ báo lớn của Chiến khu 9	Minh Trị	446
Tương nhớ anh em Đoàn kết ở Việt hy sinh trong kháng chiến	Bùi Đức Thịnh	449

Chiến binh ca vũ khúc

Ngọc Thới . 455

PHỤ LỤC

Lời kêu gọi của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ (ngày 23-9-1945)	459
Tuyên cáo quốc dân của Ủy ban Nhân dân Nam Bộ	461
Chỉ thị số 4-NV ngày 22 tháng 5 năm 1947 của Ủy ban Kháng chiến - hành chính Nam Bộ về "Cách đối phó với công chức và nhân viên đương hiệp tác với Pháp trong guồng máy cai trị và các sở tư của Pháp"	463
Chỉ thị số 404/TV ngày 21 tháng 6 năm 1947 của Ủy ban Kháng chiến - hành chính Nam Bộ "Giải rõ Chỉ thị 4-NV"	464
Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 29-10-1945)	465
Diễn văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trong "Ngày kháng chiến toàn quốc" (5-11-1945)	466
Thư của Hồ Chủ tịch gửi các chiến sĩ Nam Bộ và Nam phần Trung Bộ (tháng 12-1945)	468
Thư gửi đồng bào Nam Bộ, chiến sĩ ở tiền tuyến và Ủy ban Hành chính Nam Bộ	469
Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam Bộ (ngày 31-5-1946)	471
Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Pháp về vấn đề Nam Bộ và quan hệ Việt-Pháp (ngày 11-7-1946)	473
Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về	474
Trả lời thư phản kháng của Thượng sứ Pháp	475
Công việc khẩn cấp bây giờ	476
Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về "Tình hình và chủ trương"	478
Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng về "Hòa để tiến"	482
Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương từ 31-7 đến 1-8-1946	488
Nghị quyết Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng ngày 19-10-1946	491

Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946	493
Tạm ước Việt - Pháp 14-9-1946	496
Tuyên bố kèm theo của các Chính phủ nước Cộng hòa Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	499
Danh sách đại biểu Nam Bộ trong Quốc hội khóa I	500
Thư của Đoàn đại biểu Việt kiều Cứu quốc địa phương Xa-va-na-khet (Lào) gửi đồng bào Nam Bộ	504

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN PHÚC KHÁNH

Biên tập : PHẠM QUANG PHÚC

Sửa bản in : CHI NHẢNH

Trình bày : PHẠM QUANG PHÚC

Bìa : MINH HOÀNG - MINH TRUNG

In 3000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Công ty In LIKSIN.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 92-164/CXB cấp ngày 04-1-1996

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1996.

<https://teflun.hopto.org>

THƯỚC SÙNG KEM . CHÂN

NAM BỘ KHÁNG CHIẾN

Như thu rồi ngỡ hăm ba ta
 đi theo tiếng kêu sôi hồ nguy
 bán. Rên chấp trời ki hoan
 trã, dân quân Nam nhập chiến tuyến
 ta trận tiền. Thước Sùng Kem

DI KHÔNG MÀ LONG NGƯỜI

chân đi không mà long người giặc
 vì nước. Mốp với giặc mang ngang
 nhúng thân trời nào kém cái hùng
 Cờ thắm Tung tay ngang trời, Sao vàng
 sao xuyên khắp trời bằng biển, Mốp
 long

GIẤU LÔNG VI NƯỚC

nguyên với tố tiên. Chẽ quỳnh
 quân ngoài xam. Ta đem thân ta
 quân gian tham. Ta đem thân ta
 cho nước. Ta đem thân ta đến
 trời. Muốn thì sau hậu, tung anh họ
 xây giặc sen hàng phúc mìn
 Ngặti đến Việt-kim chủ cơ
 Nón độc lập khắp nước Nam

THÈ QUYẾT CHONG QUÂN

NGOẠI XAM! TA ĐEM THÂN

TA LIÊU CHO NƯỚC